**NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

 *( Nguyễn Dữ)*

**Đề 1: Phân tích nhân vật của Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái của Nam Xương” của Nguyễn Dữ**

**Dàn ý tham kháo**

**1, Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Viết về người phụ nữ - Một đề tài không còn mới lạ trong văn học, ta có thể kể đến các tác giả như nổi tiếng như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm… đây là những cây bút tiêu biểu cho mảng đề tài này. Bên cạnh đó Nguyễn Dữ cũng là một gương mặt tiêu biểu ngòi bút nhân văn của ông luôn hướng về người phụ nữ. Tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong những tác phẩm đặc sắc của nhà văn Nguyễn Dữ. Qua câu chuyện, nhà văn đã xây dựng hình ảnh Vũ Nương với cuộc đời đầy bất hạnh, đau khổ.

**2, Thân bài**

**a. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh ra đời

- Tóm tắt

Nhà văn Nguyễn Dữ là cây bút văn xuôi xuất sắc nhất của văn học thế kỷ XVI. Ông sống ở thời kỳ chế độ phong kiến bắt đầu bước vào giai đoạn suy vong, các cuộc chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến kéo dài liên miên gây đau khổ cho nhân dân. Vốn không đồng tình với chế độ phong kiến bất công, thối nát, ông đã thể hiện kín đáo tình cảm ấy của mình qua tác phẩm Truyền kì mạn lục gồm hai mươi truyện ngắn. Chuyện người con gái Nam Xương là một trong hai mươi truyện trên.

**b. Phân tích**

**\* Luận điểm 1: Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết**

- Ngay từ đầu truyện Vũ Nương được giới thiệu là người phụ nữ đẹp người đẹp nết “tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.

- Trong xã hội phong kiến, một người phụ nữ đẹp phải hội tụ đủ các yếu tố: “tam tòng, tứ đức”, “công, dung, ngôn, hạnh”. Trong đó, dung chính là vẻ bề ngoài của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng.

=> Nhân vật Vũ Nương đã được tác giả khắc hoạ với những nét chân dung về người phụ nữ mang vẻ đẹp toàn vẹn nhất trong xã hội phong kiến.

Song có thể hiểu thật chi tiết về Vũ Nương, chúng ta cần phải đặt nhân vật trong những hoàn cảnh và mối quan hệ khác nhau:

*Luận cứ 1: Trong mối quan hệ với chồng:Nàng là người vợ thủy chung, yêu thương chồng hết mực.*

**\* Trong cuộc sống vợ chồng bình thường:** nàng hiểu chồng có tính “đa nghi”, “phòng ngừa quá mức” nên Vũ Nương đã khéo léo cư xử đúng mực, nhường nhịn, giữ gìn khuôn phép nên không lúc nào vợ chồng thất hòa.

=> Nàng là người phụ nữ hiểu chồng, biết mình, người phụ nữ đức hạnh. Qua đây ta thấy đã hé lộ mâu thuẫn tính cách giữa hai người và đầy tính dự báo.

**\* Khi xa chồng:**

- Vũ Nương là người vợ thủy chung yêu thương chồng hết mực. Nỗi nhớ chồng cứ đi cùng năm tháng: “mỗi khi bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi”, nàng lại “thổn thức tâm tình, buồn thương da diết”.

- Nàng mơ về một tương lai gần sẽ lại bên chồng như hình với bóng: Dỗ con, nàng chỉ cái bóng của mình trên vách mà rằng cha Đản.

- Tiết hạnh ấy được khẳng định trong câu nói thanh minh, phân trần sau này của nàng với chồng: “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”.

=> Qua tâm trạng bâng khuâng, nhớ thương, đau buồn của Vũ Nương, Nguyễn Dữ vừa cảm thông vừa ca ngợi tấm lòng son sắc, thủy chung của nàng. Và nỗi nhớ ấy, tâm trạng ấy cũng chính là tâm trạng chung của những người phụ nữ trong thời loạn lạc, chiến tranh.

**\* Khi bị chồng nghi oan:**

- Nàng hết sức phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng trinh bạch của mình:

+ Trước hết, nàng nhắc đến thân phận của mình để có được tình nghĩa vợ chồng: “Thiếp con kẻ khó được nâng tựa nhà giau”

+ Thiếp theo, nàng khẳng định tấm lòng thủy chung, trong trắng, vẹn nguyên chờ chồng: “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết”.

+ Cuối cùng, nàng cầu xin chồng đừng nghi oan : “Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”

=> Nàng đã hết lời tha thiết, hết lòng nhún nhường để cứu vãn, hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ bị tan vỡ. Qua những lời nói thiết tha đó, nó còn cho ta thấy thái độ trân trọng chồng và gia đình nhà chồng của nàng.

- Khi không còn hi vọng, nàng nói trong đau đớn và thất vọng:

+ Hạnh phúc gia đình, *“thú vui nghi gia, nghi thất”* là niềm khát khao và tôn thờ cả đời giờ đã tan vỡ.

+ Tình yêu giờ đây của nàng được cụ thể bằng những hình ảnh ước lệ: *“bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió.”*

+ Đến nỗi đau chờ chồng dến hóa đá của “cổ nhân” nàng cũng không có được: *“đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa”.*

=> Vậy là tình yêu, hạnh phúc gia đình vốn là cơ sở tồn tại của người vợ trẻ giờ đã không còn có ý nghĩa.

- Cuối cùng, bị cự tuyệt quyền yêu, quyền hạnh phúc cũng đồng nghĩa với việc nàng bị cự tuyệt quyền tồn tại. Nàng tìm đến cái chết sau mọi sự cố gắng không thành.

=> Hành động trẫm mình tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá. Đối với người con gái đức hạnh và giàu đức hi sinh, phẩm giá còn cao hơn sự sống.

**\* Những năm tháng sống dưới thủy cung**

- Ở chốn làn mây, cung nước nhưng nàng vẫn một lòng hướng về chồng con, quê hương và khao khát được đoàn tụ.

+ Nàng nhận ra Phan Lang người cùng làng.

+ Nghe Phan lang kể về chuyện gia đình mà ứa nước mắt xót thương.

- Nàng khao khát được trả lại phẩm giá, danh dự: Gửi chiếc thoa vàng, nhờ Phan Lang nói với TS lập đàn giải oan cho mình.

- Nàng là người trọng tình, trong nghĩa: Dù thương nhớ chồng con, khao khát được đoàn tụ nhưng vẫn quyết giữ lời hứa sống chết bên Linh Phi.

=> Với vai trò là một người vợ, VN là một người phụ nữ chung thủy, mẫu mực, lí tưởng trong xã hội phong kiến. Trong trái tim của người phụ nữ ấy chỉ có tình yêu, lòng bao dung và sự vị tha.

*Luận cứ 2: Trong mối quan hệ với mẹ chồng: Nàng là người con dâu hiếu thảo.*

- Vũ Nương đã thay TS làm tròn bổn phận người con, người trụ cột đối với gia đình nhà chồng: Chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau*. “Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khuyên lơn”.*

- Mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót, lo liệu ma chay chu đáo đối với cha mẹ đẻ mình.

- Lời trăn trối của bà mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: *“Xanh kia quyết chẳng phụ nàng cũng như con đã chẳng phụ mẹ”.*

*Luận cứ 3: Trong mối quan hệ với con: Nàng là người mẹ yêu thương con hết mực.*

- Thiếu vắng chồng, nàng vẫn một mình sinh con, và nuôi dạy con khôn lớn.

- Không chỉ trong vai trò là một mình sinh con, và nuôi dạy con khôn lớn. Không chỉ trong vai trò là một người mẹ, nàng còn đóng vai trò là một người cha hết lòng yêu thương con, không để con phải thiếu thốn tình cảm.

- Nàng còn là một người mẹ tâm lí, không chỉ chăm lo cho con về vật chất, mà còn lo cho con cả về mặt tinh thần: Bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo cha Đản. Hơn hết, nàng sớm định hình cho con về một mái ấm, một gia đình hoàn chỉnh.

=> VN không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là một người trụ cột của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Thế nhưng trớ trêu thay hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.

**\* Luận điểm 2: Vũ Nương là một người phụ nữ có số phận oan nghiệt.**

**- Số phận bi kịch:**

 + Chồng đi lính trở về - nghe con - một mực nghi oan - đánh đuổi đi

 + Hết lời thanh minh, bày tỏ nỗi lòng qua lời than => tự vẫn.

**-Cái chết của nàng:**

 + Tắm gội chay sạch

 + Than

=> Hành động có suy tính => Phản kháng chế độ phong kiến nam quyền bất công

**- Nguyên nhân:**

 + Trực tiếp: lời nói ngây thơ của bé Đản

 + Gián tiếp:

* TS đa nghi, hay ghen, gia trưởng, thô bạo, thiếu niềm tin và tôn trọng phụ nữ
* Hôn nhân không bình đẳng: sự rẻ rúng của con nhà hào phú với con nhà kẻ khó
* XHPK hà khắc, trinh tiết hơn mạng sống
* Chiến tranh phi nghĩa
* Kết thúc: Chi tiết kì ảo - vũ nương trở về - tạ từ - biến mất: hoàn thiện vẻ đẹp VN, nhưng không giảm đi tính bi kịch.
* Thân phận của Vũ Nương cũng là thân phận của biết bao người phụ nữ trong xã hội xưa:

“Đau đớn thay phận đàn bà
 Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

**c. Đánh giá nghệ thuật**

- Nhân vật VN được đặt vào nhiều tình huống, từ đó, thể hiện số phận bất hạnh và những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật.

- Chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ đối thoại và tự bạch phù hợp, yếu tố hoang đường, kì ảo mang đặc trưng của thể loại truyền kì và thể hiện ước vọng của nhân dân về kết thức có hậu cho số phận nhân vật.

**3. Kết bài:**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân

**Đề 2: Phân tích giá trị của chiếc bóng trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ**

1 Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm “ Người con gái Nam Xương” ( Giống đề 1)

-  Đọc tác phẩm này người đọc không chỉ ấn tượng với Truyện ngắn của Nguyễn Dữ khi sử dụng các chi tiết hoang đường, kỳ ảo mà còn thực sự ấn tượng với chi tiết cái bóng, chi tiết này ẩn chứa những ý nghĩa văn chương sâu sắc.

**2. Thần bài**

 Trong tác phẩm tự sự chi tiết là một yếu tố vô cùng quan trọng, chi tiết chiếc bóng cùng với những chi tiết khác tạo nên sự hấp dẫn của “Chuyện Người con gái Nam Xương”

 Trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương”, Chi tiết cái bóng xuất hiện 2 lần đó là chiếc bóng của Vũ Nương trên tường vào ban đêm do bé Đản nhớ lại kể chuyện với Trương Sinh, chiếc bóng đó xuất hiện thường xuyên vào ban đêm trong thời gian Trương Sinh đi lính, chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai là chiếc bóng của Trương Sinh trên tường xuất hiện vào ban đêm sau khi Vũ Nương đã mất.

 Trong suy nghĩ của bé Đản chiếc bóng trên tường ở cả hai hoàn cảnh trên đều là cha của nó.

 **+ Giá trị của chiếc bóng:** Ở cả hai hoàn cảnh xuất hiện chi tiết cái bóng đều có ý nghĩa cả về nghệ thuật và nội dung. Ở lần xuất hiện thứ nhất cái bóng xuất hiện là cái bóng của Vũ Nương, chiếc bóng xuất hiện lần này qua lời kể ngày thơ của bé Đản là có giá trị đặc sắc về nghệ thuật gió thổi bùng lên cơn ghen trong lòng anh chàng Trương sinh khiến anh ta đã bao lần khiens Trương Sinh vốn đa nghi liền tin ngay Vũ Nương thất tiết, khiến Vũ Nương phải đối mặt với một nỗi oan tày trời, không thể thanh minh trước cơn ghen của Trương Sinh, cuối cùng trong nỗi đau tuyệt vọng nàng phải chọn cái chết để giải thoát. Nỗi đau về cả thể xác, lẫn tinh thần.

 Bên cạnh giá trị về nghệ thuật chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn có những giá trị nội dung rất lớn việc Vũ Nương chỉ bóng mình trên tường và nói với bé Đản đó là cha của nó. đã cho người đọc hiểu được tình yêu thương của nàng bằng hành động này nàng không muốn đứa con nhỏ của mình bị tổn thương về mặt tinh thần, muốn cho con hiểu rằng nó vẫn đang được lớn lên trong hoàn trong gia đình có cả cha lẫn mẹ.

 Việc coi bóng mình trên tường là Trương Sinh, còn cho ta thấy Vũ Nương là một người vợ có tình yêu thương chồng tha thiết, chiến tranh chỉ có thể khiến nàng xa chồng về không gian, thời gian chứ không thể chia cắt về tình nghĩa vợ chồng vô tình mà bền chặt, nếu nàng là hình thì Trương Sinh là bóng, bóng và hình luôn quấn quýt bên nhau không thể tách.

 Việc sử dụng chi tiết cái bóng xuất hiện trong lời kể của bé Đản còn nhằm tố cáo chiến tranh phi nghĩa, bất chính. Cuộc chiến tranh này đã khiến cho bao người phụ nữ phải chịu nỗi khổ của người chinh phu xa chồng, lo lắng cho sự nguy nan của chồng, một mình gánh vác mọi công việc trong gia đình và luôn phải sống trong trông chờ, khao khát.

-Việc Vũ Nương coi cái bóng mình trên tường là chồng còn phản ánh một niềm hi vọng, niềm khao khát chính đáng của người chinh phụ nữ đó là khát vọng đoàn tụ. Điều này giúp ta hiểu Nguyễn Dữ đã thấu hiểu thật sâu sắc nỗi lòng của người phụ nữ khi có chồng đi đánh trận. Mặt khác chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn nhằm gửi gắm tâm sự của Nguyễn Dữ trong xã hội phong kiến xưa ẩn khuất quanh người phụ nữ, đặc biệt là những người phụ nữ bình dân và có thể ập xuống cuộc đời họ bất cứ lúc nào mà họ không thể lường trước được. Ngoài những ý nghĩa nói trên chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn thể hiện tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản một đứa trẻ luôn tin lời người mẹ của mình.

+ Nỗi oan của Vũ Nương xoay quanh chi tiết cái bóng lần thứ nhất (một tình huống vì chồng nghi oan là thất tiết) cho ta liên tưởng tới nỗi oan của nhân vật chị kính trong vở chèo “Quan Âm Thị Kính”. Họ là những người phụ nữ thật đáng thương, không có cơ hội thanh minh mỗi khi đối mặt với nỗi oan,

Sau khi Vũ Nương tự vẫn Trương Sinh bé Đản sống lặng lẽ, vào một đêm khuya bên ngọn đèn dầu bé Đản trỏ bóng Trương Sinh trên tường và nói “cha Đản lại đến kia kìa” Trương Sinh nhìn theo hướng chỉ của bé Đản và lúc mấy giờ anh anh mới hiểu ra nỗi oan của vợ. Thì ra người cha trước kia thường đến vào ban đêm, luôn kè kè bên cạnh Vũ Nương chính là cái bóng của nàng trên tường cũng giống như người cha trong suy nghĩ của bé Đản bây giờ là cái bóng của Trương Sinh trên tường mà thôi,

 **+ Cũng giống như chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất chiếc bóng lần này có ý nghĩa sâu sắc về nội dung và nghệ thuật**

**+ Về nghệ thuật:** Chiếc bóng lần này có ý nghĩa mở nút câu chuyện, nó giúp Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ giúp cho sự tức tối, hờn ghen vẫn luôn đọngj lại trong tâm trí, trái tim của anh ta bỗng tan biến. Lúc này anh ta hiểu rất rõ về người cha trước kia của bé Đản “Tại sao chỉ đến vào ban đêm, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bé Đản cả” lúc này anh ta cũng hiểu người vợ xinh đẹp của mình lại hết lời thanh minh trong nước mắt như vậy. Chiếc bóng lần này thực sự đã giải oan cho Vũ Nương và chắc chắn khiến cho linh hồn của Vũ Nương được thanh thản.

**+Về nội dung:** Chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai giúp người đọc hiểu được tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản, mặt khác chiếc bóng lần này giúp Vũ Nương giải oan nhưng lại giúp người đọc nhận ra một thực tế phũ phàng rằng những người phụ nữ bình dân Việt Nam trong xã hội xưa ra khi mắc oan sẽ khó có cơ hội được giải oan cho mình vì thân phận và tiếng nói của họ đâu có được. Và nếu có cơ hội may mắn được giải oan thì chỉ rơi vào tình cảnh “Cởi được vạ thì má đã xưng”.

**=>Đánh giá:** Có thể khẳng định chi tiết chiếc bóng là một trong những yếu tố nghệ thuật đặc sắc góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. “Chuyện người con gái Nam Xương”. Việc sử dụng chi tiết chiếc bóng vừa thể hiện tài năng, nghệ thuật, vừa thể hiện tấm lòng nhân đạo cao cả của nhà văn Nguyễn Dữ.

**3. Kết bài**

 - Khẳng định sự đóng góp của tác giả

 - Khẳng định giá trị của tác phẩm

 - Khẳng định lại chi tiết của chiếc bóng

Có thể thấy “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một tác phẩm xuất sắc. Và chi tiết “cái bóng” là một trong những yếu tố góp phần làm nên điều ấy.Quả đúng là “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Chi tiết cái bóng đã góp phần thể hiện được tư tưởng của nhà văn Nguyễn Dữ . Một tư tưởng chưa đựng những giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

**Đề 3: Cảm nhận về số phận bi kịch của nhân vật Vũ Nương**

**1. Mở bài**

 Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của bền văn học trung đại Việt Nam. Tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”. “Chuyện người con gái Nam Xương” thuộc 16/20 tập truyện. Tác giả Nguyễn Dữ đã rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật Vũ Nương. Thông qua cuộc đời và số phận đầy bi kịch, khổ đau của nhân vật Vũ Nương tác giả đã phơi bày bộ mặt xấu xa, bất nhân của xã hội phong kiến đương thời đã chà đạp lên số phận con người. Đặc biệt là thân phận người phụ nữ.

**2. Thần bài**

 - Nêu vài nét về tác giả, tác phẩm

“Chuyện người con gái Nam Xương” được xây dựng dưạ trên một câu chuyện có thật là “Vợ chàng Trương” vốn được lưu truyền trong dân gian. Trên cơ sở một câu chuyện cổ tích, Nguyễn Dữ đã có những hư cấu và sáng tạo tình tiết kì ảo để “Chuyện người con gái Nam Xương” trở thành một áng văn hấp dẫn, đặc sắc, giàu giá trị nhân văn.

 “Chuyện người con gái Nam Xương”  xoay quanh về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương . Đọc tác phẩm người đọc nhận thấy Vũ Nương là một người phụ nữ hội tụ những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam, một người vợ chung thủy, một người mẹ yêu con, một người con dâu hiếu … Lẽ ra nàng xứng đáng được hưởng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Thế nhưng nàng phải chịu một cuộc đời bất hạnh, khổ đau.

**1. Luận điểm 1: Trước hết Vũ Nương phải chịu số phận bất hạnh khổ đau vì là nạn nhân của chiến tranh phong kiến.**

Cuộc sum vầy của nàng với Trương Sinh chưa được bao lâu thì chiến tranh xảy ra. Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng vì ít học phải đi lính ngay từ đợt đầu. Khi Trương Sinh đi lính nàng đang có mang, Trương Sinh đi chưa đầy một tuần nàng sinh con, mọi công việc nàng gánh vác trong gia đình, từ chăm sóc con thơ, phụng dưỡng mẹ già, ngày tháng dần trôi 1 năm, 2 năm, 3 năm …nàng luôn sống trong tâm trạng chờ mong khắc khoải lo lắng cho sự an nguy của chồng nơi chiến trận. Nỗi nhớ thương khắc khoải với người chồng nơi biên ải cứ dâng tràn theo thời gian: “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào không ngăn được”. Hình ảnh” bướm lượn” có thể thấy những lúc vui, hay những lúc buồn Vũ Nương cũng đều cồn cào nỗi nhớ thương chồng.Để an ủi lòng mình đêm đêm Vũ Nương chỉ cái bóng của mình là Trương Sinh. Suy nghĩ này giúp người đọc hiểu được niềm khao khát được đoàn tụ của Trương Sinh với Vũ Nương lớn biết chừng nào. Sau 3 năm dài đằng đẵng chàng Trương Sinh của nàng đã may mắn bình an trở v, tưởng rằng gia đình nhỏ sẽ đầy ắp tiếng cười của ngày đoàn viên, tưởng rằng những vất vả mà nàng đã trải qua trong những năm tháng Trương Sinh đi lính sẽ được bù đắp, thế nhưng sau những giây phút buồn vui ngắn ngủi một bi kịch này trời đã giáng suốt cuộc đời Vũ Nương nàng bị nghi ngờ thất tiết.

 Chiến tranh đã chia lìa nàng và chồng để mỗi khi đứa con thơ hỏi nàng về cha của nó thì nàng đã chỉ chiếc bóng của mình trên tường nói là cha Đản. Bé Đản ngây thơ tin lời nàng nói, nên đã không công nhận Trương Sinh là cha và ngây thơ kể với Trương Sinh rất rành rọt về người cha trước kia của mình, “ Thường có một người đàn ông đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả”, nghe lời con, tin lời con trẻ mà cơn ghen tuông bùng lên trong lòng anh ta. Nếu không có chiến tranh thì Vũ Nương đâu phải xa chồng thì bé Đản đâu phải xa cha, không có chiến tranh thì gia đình nhỏ bé của Vũ Nương đâu phải đối diện với nghịch cảnh, chiếc bóng oan khuất. Từ nỗi khổ vì chiến tranh của Vũ Nương và sự hi sinh của cha ông ta trong các cuộc chiến tranh bảo vệ sau này, người đọc nhận thấy chiến tranh muôn đời là hành động phi lý, hành động tội ác của những kẻ hiếu chiến.

**Luận điểm 2: Vũ Nương không chỉ khổ đau bất hạnh vì nàng là nạn nhân của chiến tranh phong kiến mà làm còn khổ hơn vì là nạn nhân của tư tưởng Nam quyền.**

- Cuộc hôn nhân của Vũ Nương không bắt đầu từ tình yêu đôi lứa, mà mang tình cảm gả bán, bởi vì Trương Sinh là người trong làng nhận thấy Vũ Nương là một người con gái thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp, anh ta đã xin mẹ 100 lạng vàng cưới nàng. Trương Sinh là con nhà hào phú còn Vũ Nương là con nhà nghèo sự khác biệt về đẳng cấp đã khiến cho Vũ Nương luôn mặc cảm với thân phận của mình, còn Trương Sinh coi gia cảnh của mình để có thể có những đặc quyền với vợ.

- Ngay từ khi mới về nhà chồng Vũ Nương đã phải đối mặt với sự đa nghi, phòng ngừa quá của Trương Sinh, biết phận mình nên nàng luôn nhường nhịn, giữ gìn khuôn phép để gia đình không thất hòa xảy ra.

 - Nếu chiến tranh xảy ra, Vũ Nương khổ nỗi khổ của người chinh phụ, thì khi Trương Sinh trở về nàng phải chịu nỗi khổ của tư tưởng nho giáo phong kiến, chế độ phong kiến nam quyền, khi Trương Sinh nghe lời bé Đản nói về “người cha” của mình thì Trương Sinh đã nghi ngay vợ mình thất tiết. Vũ Nương đã phải đón nhận cơn ghen từ chồng, gặp lại Vũ Nương sau khi ra mộ mẹ Trương Sinh la lên cho hả giận, Vũ Nương đã thanh minh trong nước mắt “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu, sum họp chưa thỏa tình chăn gối,chia phôi vì động việc lửa binh” , những lời phân trần của nàng thấu tình đạt lí, đâu có cởi bỏ được mối nghi ngờ trong đầu óc của Trương Sinh.

 và như là nói chồng chuyện tày trời kia ai nói những tương sinh độc đoán đa nghi hồ đồ không nói câu chuyện giữa anh ta và bé Đạt Nếu anh ta vừa có thể mắng nhiếc vừa có thể nói về một người đàn ông xuất hiện vào ban đêm trong thời gian anh ta đi lính thì Vũ Nương đã phải có thể tải oan cho mình đối với Vũ Nương nỗi khổ do chiến tranh gây ra Chẳng thấm vào đâu so với nỗi khổ khi chồng bị nghi oan ở thất thiết bị đánh đuổi đi trước nỗi oan tày trời.Khổ nhục này nàng đã bày tỏ nỗi tuyệt vọng đau đớn của mình thiếp Sở dĩ được nương tựa vào chàng thì có thú vui ra nghi thức này đã bị rơi trong giấy Xem sự thất vọng đau đớn của nàng cũng chẳng làm lung lay ý chí mù quáng của Trương Sinh.

- Bà con hang xóm biện bạch giúp nàng nhưng Trương Sinh cũng chẳng tin. Nàng đã trực tiếp nói chuyện tày đình kia ai nói, nhưng Trương Sinh độc đoán, đa nghi, hồ đồ không nói câu chuyện giữa anh ta và bé Đản. Nếu anh ta vừa có thể mắng nhiếc, vừa có thể nói rằng có một người luôn xuất hiện vào ban đêm trong thời gian anh ta đi lính thì Vũ Nương có thể giải oan cho mình. Đối với Vũ Nương nỗi khổ do chiến tranh cũng chả thấm vào đâu so với nỗi khổ bị chồng nghi oan là thất tiết và bị đánh đuổi đi.Trước nỗi oan tày trời, trước nỗi khổ nhục này nàng đã bày tỏ nỗi tuyệt vọng đau đớn của mình. “ Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia, nghi thất. Nay đã bình rơi tram gẫy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, khóc tuyết bong hoa rụng cuống, kêu xuân cánh én lìa cành…”

 Không chỉ bị chồng mắng nhiếc, mà còn bị chồng đánh và đuổi đi Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết bên bến Hoàng Giang để giải thoát cuộc đời đau khổ của mình, suy cho cùng cái chết của Vũ Nương là do Trương Sinh bức tử Vũ Nương là nạn nhân của thói hồ đồ, đa nghi, độc đoán, vũ phu.

 **Luận điểm 3: Mở rộng nâng cao**

Số phận bất hạnh của Vũ Nương trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương” tiêu biểu cho số phận của những người phụ nữ bình dân trong xã hội phong kiến, họ đâu có quyền quyết định số phận của cuộc đời của mình, cuộc đời họ sướng hay khổ, hạnh phúc hay đau khổ đều hoàn toàn phụ thuộc vào cách cư xử của người chồng, số phận của Vũ Nương cho ta hiểu và liên tưởng tới số phận khổ đau của Thúy Kiều trong kiệt tác “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Nếu Vũ Nương khổ vì chiến tranh phong kiến, vì tư tưởng bất công nam quyền, thì Thúy Kiều khổ vì nàng là nạn nhân của các thế lực bạo tàn, khổ vì sức mạnh ma quái của đồng tiền. Ngày nay chúng ta đang sống trong xã hội văn minh công bằng người phụ nữ được hưởng quyền bình đẳng so với nam giới, họ được quyền hưởng cuộc sống hạnh phúc gia đình do mình có công vun đắp lên. Tuy nhiên đâu đó vẫn còn không ít những người phụ nữ phải chịu hậu quả của những tàn dư của xã hội phong kiến, họ của nạn nhân của nạn nhân của thói vũ phu từ người chồng, là nạn nhân của hành động buôn người chúng ta cần phải lên án bênh vực bảo vệ những người phụ nữ đó.
**3. Kết bài**

Nguyễn Dữ đã xây dựng nhân vật Vũ Nương là hiện thân của tấm lòng vị tha, của vẻ đẹp của người phụ nữ. Song cuộc đời nàng lại có quá nhiều nỗi đớn đau, bất hạnh. Ngòi bút của Nguyễn Dữ đã hướng đến thể hiện và trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp ấy và bày tỏ sự cảm thông sâu sắc đối với nỗi đau khổ và ước mơ về một cuộc sống tươi đẹp cho những con người bình thường, có phẩm chất tốt đẹp. Thiên truyện còn là lời tố cáo mạnh mẽ chế độ phong kiến hà khắc, cửa quyền, nhẫn tâm đẩy con người vào bước đường cùng không lối thoát.

**Đề 4: Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích sau:**

**“… Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương….. .. mối tình muôn dặm quan san”**

*( Trích Chuyện người con gái Nam Xương – SGK Ngữ văn 9 tập 1)*

**1. Mở bài**

Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của bền văn học trung đại Việt Nam. Tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”. “Chuyện người con gái Nam Xương” thuộc 16/20 tập truyện. Tác giả Nguyễn Dữ đã rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật Vũ Nương. Đọc tác phẩm này người đọc rất ấn tượng với tình huống chi tiết truyện, nhất là phần đầu của truyện, người đọc sẽ cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp trong tâm hồn của nhân vật Vũ Nương – nhân vật chính của truyện.

**2.Thân bài**

**\* Khái quát:** Chuyện “ NCGNX” là một trong 20 truyện trích trong “ Truyền kì mạn lục” áng văn được người đời đánh giá là áng “ Thiên cổ tùy bút” – cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. Truyện được viết từ chuyện cổ tích “ Vợ chàng Trương” nhưng với ngòi bút tài năng của mình Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “ Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng giàu giá trị và ý nghĩa.

Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**\* Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích**

**a. Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.**

Điều đó được thể hiện trong lời giới thiệu của tác giả và trong chính cuộc sống của nàng với Trương Sinh. Mở đầu tác phẩm Nguyễn Dữ giới thiệu: “ Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính tình đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Như vậy chỉ với một câu giới thiệu ngắn gọn Nguyễn Dữ đã khái quát một cách khái quát và đầy đủ và trọn vẹn về vẻ đẹp âm hồn Vũ Nương ở nàng hội tụ đầy đủ cả: công – dung - ngôn - hạnh.

Và cũng bởi vì mến vì dung hạnh của nàng nên Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng về cưới. Chi tiết này càng tô đậm cho vẻ đẹp của VN. Nhưng điều đó có nghĩa là ở ngay phần đầu của tác phẩm Nguyễn Dữ đã xây dựng giữa hai nhân vật này là một sự cách bức. Nếu như Vũ Nương xinh đẹp, nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi. Trương Sinh lại có cái quyền của người đàn ông trong xã hội phong kiến nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ. Với sự cách bức lớn như thế thì hẳn là cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp nhiều khó khăn. Hơn thế nữa Trương Sinh với vợ lại luôn phòng ngừa quá sức nhưng “ Vũ Nương luôn giữ gìn khuôn phép không để vợ chồng xảy ra thất hòa”. Nếu không phải là người phụ nữ tế nhị khéo léo thì hẳn nàng sẽ không giữ được hòa khí trong gia đình như vậy.

**b. Không chỉ là người phu nữ xinh đẹp nết na, đức hạnh, Vũ Nương còn là một người vợ yêu chồng, một người mẹ yêu con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.**

Vẻ đẹp ấy của nàng được tác giả làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận. Trương sinh và nàng cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận, vì Trương Sinh con nhà hào phú nhưng ít học nên phải ghi tên dầu đi lính. Lúc tiễn chồng ra trận Vũ Nương rót chén rượu đầy mà rằng: “ Chàng đi chuyến này …. Cánh hồng bay bổng”

=> Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhân ra tình cảm tha thiết mà nàng dành cho chồng. Nàng chỉ mong chồng trở về bình yên chứ ko cần công danh hienr hách. Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm được nỗi cô đơn trong những ngày thiếu vắng chồng. Nàng khong một lời than vãn về những vất vả mà mình phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai lấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc không khỏi động lòng.

Rồi Trương Sinh đi ra trân, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết: “ Ngày qua tháng lại….ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng Nguyễn Dữ đã diễn tả nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ. Tâm trạng nhớ thương, đau buồn ấy, cũng là tâm trạng chung của những người chinh phu trong xã hội loan lạc xưa.

*“ Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời*

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong”*

( *Chinh phụ ngâm khúc)*

Thể hiện tâm trạng ấy Nguyễn Dữ càng cảm thông cho nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ chờ đợi chồng của nàng.

\* Liên hệ chị Dậu của Ngô Tất Tố: Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến chị Dậu trong tiểu thuyết “ Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố. Dù chỉ là một người phụ nữ nông dân thấp cổ, bé họng nhưng chị đã liều mạng để bảo vệ chồng. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung son sắt, tình yêu thương dành cho chồng con chính là nét chung đẹp đẽ trong tâm hồn người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**\* Đánh giá**: - Nghê thuật xay dựng nhân vật

- Dụng ý xây dựng nghệ thuật của nhà văn

- Nêu cảm nhận của tác giả

Như vậy bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, đoạn trích giúp ta cảm nhận được những nét đẹp trong tâm hồn Vũ Nương. Nàng hiện lên không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường, mà còn là một người vợ thủy chung hết mức. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Dữ muốn gửi vào đó lời ngợi ca, trân trọng đối với những người phụ nữ trong xã hội xưa. Và phải thực sự là một người luôn trân trọng và cảm thông với cuôc đời của họ, Nguyễn Dữ mới có thể viết một tác phẩm hay độc đáo đến như vậy.

**3. Kết bài**

**Đề 5: Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích sau:**

*“... Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

 *- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng.*

 *Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!*

 *Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đẩy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được, bà mẹ cũng vì nhớ con mà dân sinh ổm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối lại với nàng rằng:*

 *- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. (...) Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ..*

 *Bà cụ nói xong thì mất, nàng hết lời thương xót, phàm việc và cay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*

Gợi ý:

**1.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

 Tất cả mọi thứ trên thế gian này theo thời gian đều sẽ bị bào mòn, chỉ có duy nhất nghệ thuật còn lại mãi với thời gian. Có những tác phẩm dù trải qua bao nhiêu thế kỉ, qua sự thách thức của dòng đời, nó vẫn còn nguyên sức sống của mình. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một tác phẩm như thế. Đọc tác phẩm này và nhất là phần đầu của tác phẩm, người đọc sẽ cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Vũ Nương – nhân vật chính của truyện. Vẻ đẹp của nàng được hiện lên rõ nét khi nàng khi tiễn chồng ra trận và trong những ngày Trương Sinh không có ở nhà.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát chung về tác phẩm**

 - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.

- Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**b. Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích**

**\* Nói qua về VN ở phần đầu của tác phẩm.**

- Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* Như vậy, chỉ với một câu nói ngắn gọn, Nguyễn Du đã khái quát một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp tâm hồn của Vũ Nương, nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.

**b. Không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh , Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận.

- Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”

=>Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng. Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách. Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.

- Rồi Trương Sinh ra trận ra trận, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết. Nguyễn Dữ cũng viết về nỗi nhớ ấy của nàng “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã diễn tả trọn vẹn nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

*"… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời*

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"*

 (Chinh phụ ngâm)

Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

-  Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả  thân phận và tấm lòng của mình để  thuyết phục chồng *"Thiếp vốn con kẻ khó , nay được nượng tựa nhà giàu , xum họp chưa thỏa tình chăn gối , chia phôi vì động việc lửa binh , cách biệt 3 năm giữ gìn một tiết , tô son điểm phấn chẳng đã nguôi lòng , ngõ liễu tường hoa chưa hề bến gót , đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói ....."* Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ  trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

 -  Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ . Nàng muốn để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha, luôn cảm nhận được hình bóng của người cha bên cạnh. Tình yêu thương của nàng dành cho chồng, cho con chính là minh chứng của niềm khát khao hạnh phúc gia đình mà người phụ nữ dù ở thời nào cũng mong muốn có được.

**c. Cùng với tình yêu thương chồng con, Vũ Nương còn là một người con dâu hiếu thảo**

 Xưa nay mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu rất phức tạp. Người xưa thường nói *Trời mưa ướt lá dai bì*/ *Con mẹ, mẹ xót, xót gì con dâu!* Thế nhưng Vũ Nương đã hóa giả được những định kiến ấy. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ  bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để  khuyên răn để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hệt như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu *“Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ"*. Những lời nói của bà cụ hơn hẳn ngàn vạn lời kể của nhà văn. Nó một lần nữa chứng minh rằng Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo.

- Liên hệ: Thúy Kiều : Sự hiếu thảo của Vũ Nương với mẹ chồng khiến ta nhớ đến nhân vật Thúy Kiều trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du – một cô gái sẵ sang bán thân mình để cứu cha và em. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung hiếu thảo là nét phẩm chất chung của những người phụ nữ trong XHPK. Họ đáng để chúng ta trân trọng và yêu thương.

**d. Đánh giá**

- Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Nhắc lại những nét phẩm chất của nhân vật

- Dụng ý xây dựng nhân vật của nhà văn

- Qua đó nêu cảm nhận về tác giả

 Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn ở nhân vật Vũ Nương. Nàng hiện lên là một người vợ thủy chung, một người mẹ thương con và một người con dâu hiếu thảo. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Dữ muốn gửi vào đó lời ngợi ca, trân trọng đối với những người phụ nữ trong xã hội xưa. Và phải thực sự là một người luôn trân trọng và cảm thong với số phận và cuộc đời của họ, Nguyễn Dữ mới có được một tác phẩm độc đáo đến như vậy. Thật đáng trân trọng

**3. Kết bài**

- Đánh giá chung

- Nhận định chung về đoạn trích

- Đoạn trích khơi gợi trong em những tình cảm gì?

- Qua đoạn trích em rút ra được bài học gì?

 “Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 6: Cảm nhận về vẻ đẹp của Vũ Nương**

**( CM: Vũ Nương mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.**

**BÀI LÀM**

**1. Mở bài**

Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của bền văn học trung đại Việt Nam. Tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”. “Chuyện người con gái Nam Xương” thuộc 16/20 tập truyện. Chuyện kể về nhân vật chính là Vũ Nương một người con gái đẹp người, đẹp nết có tư dung tốt đẹp mang vẻ đẹp truyền thống của người con gái Việt Nam.

**2. Thân bài**

**a. Trước hết là một người con gái thùy mị, nết na có tư dung tốt đẹp.** Nhan sắc của nàng tươi thắm thoát toát lên vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu của người phụ nữ Việt Nam.Nàng có tính nhẫn nhịn, hiền lành, luôn luôn chăm luôn chăm lo hạnh phúc gia đình. Bởi vậy chàng Trương mới xin mẹ trăm lạng vàng cưới nàng làm vợ.

**b. Không những vậy Vũ Nương còn là người đảm đang tháo vát.** Mọi công việc gia đình và những biến cố lớn đều xảy ra trong lúc Trương Sinh đi lính.Trương Sinh đi lính chưa đầy một tuần thì nàng sinh con,mọi công việc gia đình đều đổ dồn nên đôi vai nhỏ bé của nàng.Nàng một mình vừa chăm sóc mẹ già, vừa nuôi con nhỏ. Rồi mẹ Trương Sinh vì thương nhớ con ốm rồi qua đời. Mọi công việc gia đình nàng đều hoàn thành chu tất và trọn vẹn, được làng xóm ngợi khen, mẹ chồng khi nhận, con trai con mới khỏe mạnh.

**c. Bên cạnh đó cũng luôn còn là người con dâu hiếu thảo**: Như chúng ta đã biết trong xã hội phong kiến. Mối quan hệ giữa mẹ chồng, nàng dâu là mối quan hệ rất phức tạp. Nhiều khi dẫn tới “cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt”. Nhưng với Vũ Nương mối quan hệ với mẹ chồng lại rất tốt đẹp. Khi chồng đi lính Vũ Nương ở nhà thay chồng chăm sóc, phụng dưỡng mẹ chồng tận tình chu đáo. Khi mẹ chồng ốm Vũ Nương lo chạy chữa thuốc thang, lễ bái thần phật “lấy lời ngọt ngàokhôn khéo khuyên lơn” . Lời trăng trối của bà mẹ trước lúc mất đã đánh giá công lao của Vũ Nương đối với gia đình và cũng là lời ngợi khen con dâu “Trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”. Trước lời người con dâu hiếu thảo như Vũ Nương thì mẹ Trương Sinh không thể không yêu mến và luôn mong cho cho con được hạnh phúc. Khi mẹ chồng mất Vũ Nương đã hết lời thương xót, phàm việc, ma chay, tế lễ lo liệu như đối với cha mẹ đẻ của mình.Tất cả những cử chỉ, việc làm của Vũ Nương đã cho thấy nàng là một người con dâu hiếu thảo.

**d. Vũ Nương là người vợ chung thủy, hết lòng vun vén hạnh phúc gia đình**. Khi mới về nhà chồng biết Trương Sinh có tính đa nghi, nên nàng hết sức giữ gìn khuôn phép. Dù chồng nàng có tính đa nghi “đối với vợ phòng vượt quá sức” nhưng nàng không để gia đình thất hòa.Khi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy dặn dò: “ Chàng đi chuyến này thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên thế là đủ rồi”. Nàng chỉ lo cho tính mạng và sự bình yên bên mái ấm gia đình. Vũ Nương còn cảm thông cho những nổi gian lao, vất vả mà chồng đang phải chịu đựng “ Giặc cuồng còn lại lẻn lút, quân triều còn gian lao”. Nàng còn nói lên nỗi nhớ của mình “Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình người đất thú”. Những lời nói của Vũ Nương khi tiễn chồng ra trận thật cảm động tình nghĩa, khiến mọi người phải ngứa hai hàng lệ, khi xa chồng nàng chung thủy một mình một bóng, nỗi nhớ chồng vò võ kéo dài theo năm tháng. “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy, vườn mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Nàng luôn thấy hình bóng chồng bên mình. Đêm đêm nàng vẫn đùa con trỏ bóng mình trên tường và nói là cha Đản. Khi bị chồng nghi oan nàng tìm mọi cách xóa bỏ ngờ vực trong lòng chồng, khẳng định tấm lòng thủy chung trong sáng của mình “Cách biệt 3năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngoc liễu tường hoa chưa hề bến gót”. Nàng cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nàng còn nói lên mong ước của mình về một gia đình hạnh phúc. “Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia, nghi thất”. Mặc dù khi bị chồng nghi oan ruồng rẫy, đánh đuổi đi khiến Vũ Nương phải gieo mình xuống sông tự vẫn. Nhưng ở dưới thủy cung nàng vẫn ứa nước mắt khi Phan Lang nhắc đến chuyện Trương Sinh mong đợi và nhắc đến phần mộ, nhà cửa không ai chăm sóc và nàng vẫn mong có ngày được trở về nên đã gửi hoa vàng cùng lời nhắn cho Trương Sinh.

**5. Vũ Nương là người mẹ yêu thương con hết mực**. Nàng là người mẹ hiền hết lòng nuôi dưỡng, chăm sóc và bù đắp cho đứa con trai nhỏ có sự thiếu vắng tình cha bằng cách đêm đêm nàng chỉ bóng mình trên vách và nói đó là cha Đản. Chính cái bong oan nghiệt đã giết chết Vũ Nương.

**6. Hơn thế nữa Vũ Nương còn là người trọng tình nghĩa, trọng danh dự, nhân phẩm** Khi mới lấy chồng biết chồng có tính đa nghi lên nàng luôn luôn có ý thức giữ gìn, không để xảy ra điều tiếng thất hòa, khi chồng đi lính Vũ Nương vò võ đợi chồng điều này được hàng xóm và mẹ chồng ghi nhận. Khi bị chồng nghi oan, thanh minh không được nàng bèn gieo mình xuống sông tự vẫn, sẵn sàng dùng cái chết để tỏ lòng mình trinh bạch, để minh oan cho mình, để bảo vệ nhân phẩm của người phụ nữ. Lời than của nàng trước trời cao, song thẳm là lời nguyện xin thần sông chứng giám cho nỗi con khuất cũng như tấm lòng thủy chung, trong trắng của nàng “ Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu,chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần song có linh xin ngài chứng giám” . Vì muốn được phục hồi danh dự, muốn được giải oan nên Vũ Nương đã gửi Phan Lang chiếc hoa vàng cùng với lời nhắn Trương sinh lập dàn giải oan trên bến Hoàng Giang nàng sẽ trở về. Dù nhớ quê hương vẫn nặng lòng với chồng con nhưng Vũ Nương không trở về trần gian được nữa, mà chỉ về thấp thoáng giữa dòng nói vọng vào “Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, đã thể sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng thiếp chẳng về trở về nhân gian được nữa”. Như vậy nhân vật Vũ Nương được tác giả khắc họa có nhiều nét mới lạ trong truyện trung đại. Những yếu tố kì ảo hoang đường và ngôn ngữ đối thoại biểu hiện cho tâm trạng khiến nhân vật hoàn thiện hơn và có sức cuốn hút riêng. Đặc biệt chi tiết chiếc bóng đã làm nổi bật hơn nhân phẩm của Vũ Nương. Vẻ đẹp của Vũ Nương là vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào cũng hiện lên với những người đẹp cao quý đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

“ Chuyện người con gái Nam Xương” Nguyễn Dữ đã hiện lên vẻ đẹp của Vũ Nương với những vẻ đẹp ngoại hình cũng như phẩm chất bên trong. Nguyễn Dữ đã hết lời ca ngợi vẻ đẹp đó của Vũ Nương. Càng trân trọng vẻ đẹp của Vũ Nương bao nhiêu, ta càng cảm thông cho số phận oan nghiệt, đắng cay của Vũ Nương qua nhân vật Vũ Nương người đọc cảm thấy tấm lòng nhân đạo cao cả của Nguyễn Dữ.

**Đề 7: Số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến thông qua nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” (\*)**

**1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận

 Người phụ nữ luôn là đề tài quen thuộc được hể hiện trong văn học thời trung đại. Viết về họ, Hồ Xuân Hương đã rất thành ông với bài thơ “Bánh trôi nước”, đại thi hào Nguyễn Du với kiệt tác “Truyện Kiều” và Nguyễn Dữ - học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm với “Chuyện người con gái Nam Xương” – thiên thứ 16 của “Truyền kì mạn lục”. Qua nhân vật Vũ Nương, câu chuyện đem đến bao suy tư, trăn trở cho người đọc về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy bất công.

**2. Thân bài:**

**a. Khái quát ( Dẫn dắt vào bài):**

 “Chuyện người con gái Nam Xương”  xoay quanh về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương – người con gái nhan sắc, đức hạnh. Nàng lấy chồng là Trương Sinh, con nhà hào phú nhưng ít học, có tính đa nghi và hay ghen. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì Trương Sinh phải đầu quân đi lính.Chàng đi đầy tuần,Vũ Nương sinh con trai, hết lòng nuôi dạy con, chăm sóc, lo ma chay cho mẹ già chu đáo và thủy chung đợi chồng. Đêm đêm, nàng thường trỏ bóng mình trên vách và nói với con đó là cha của bé.  Giặc tan, Trương Sinh trở về, tin lời con nhỏ, nghi ngờ vợ thất tiết, nhục mạ, đánh đuổi nàng đi. Phẫn uất, Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Qua câu chuyện kể, ta thấy người phụ nữ là nạn nhân của xã hội phong kiến bất công. Cuộc đời của họ là một chuỗi dài những khổ đau, bất hạnh.

**b. Số phận người phụ nữ**

 **\*.Người phụ nữ là nạn nhân của chế độ nam quyền, bị gả bán cho một cuộc hôn nhân không tình yêu.**

- Cũng giống như số phận của bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Vũ Nương đã phải chịu sự ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe, ngặt nghèo. Biết nàng “tính đã thùy mị nết na,lại thêm tư dung tốt đẹp” cho nên Trương Sinh mến vì dung hạnh nói với mẹ xin trăm lạng vàng cưới về. Đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng, bởi lẽ nó không phải là sự rung động của hai trái tim cùng một nhịp mà là do sự sắp đặt mang tính chất mua bán. Sự sắp đặt của con nhà giàu, lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, sắp đặt cho con nhà khó “cha mẹ đặt đâu thì con phải ngồi đó”.Cuộc hôn nhân có sự cách bức giàu nghèo đã khiến Vũ Nương luôn luôn mặc cảm“thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”. Và dù Vũ Nương có luôn giữ gìn khuôn phép thì cuộc sống vợ chồng ấy vẫn tiềm ẩn nguy cơ tan vỡ và sau này cũng là cái thế để Trương Sinh độc đoán, gia trưởng, đối xử với vợ một cách vũ phu,thô bạo.

- Trương Sinh vốn ít học, lại có tính đa nghi và hay ghen, do vậy sự nghi kị, ngờ vực làm mầm mống của sự bất hòa đã ủ sẵn trong gia đình. Để rồi, sau ba năm xa cách, khi trở về tưởng Trương Sinh sẽ mang lại hạnh phúc cho gia đình thì cũng lại là lúc tại họa ập xuống cuộc đời Vũ Nương. Chỉ vì lời nói ngây thơ của bé Đản: “Ô hay! Ông cũng là cha tôi ư? Mà ông lại biết nói chứ không giống như cha tôi trước kia…”, làm cho Trương Sinh ngờ vực, hiểu lầm vợ hư hỏng. Dù Vũ Nương có tha thiết giãi bày, có hết lời phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, dù họ hàng làng xóm có hết lòng khuyên can và biện hộ cho nàng thì Trương Sinh cũng không hề đếm xỉa tới,mà chỉ một mực nghi oan cho vợ. Rồi từ chỗ “la um lên cho hả giận”, Trương Sinh đã mắng nhiếc, đuổi vợ đi. Phải chăng, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng,cho phép người đàn ông được quyền coi thường, rẻ rúng và đối xử thô bạo với người phụ nữ?

+ Thương nhớ chồng là thế, lại bị chồng ruồng rẫy, gạt bỏ. Giữ gìn khuôn phép, rất mực thủy chung lại bị coi là thất tiết, chịu tiếng nhuốc nhơ…Nàng không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị mắng nhiếc và đuổi đi, không có quyền được tự bảo vệ ngay cả khi có họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho.Hạnh phúc gia đình, thú vui nghi gia nghi thất, niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn “bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rủ trong ao, liễu tàn trước gió”, cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hóa đá trước đây,cũng không còn có thể có lại được nữa.

+ Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã không có cách nào hàn gắn nổi, Vũ Nương đành mượn sông Hoàng Giang rửa sạch nỗi oan nhục, giãi bỏ tấm lòng trong trắng của mình. Lời than của nàng như lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và đức hạnh của nàng: “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".

-> Qua tác phẩm,ta thấy Vũ Nương đã nhiều lần gắng gượng để vượt lên số phận nhưng cuộc đời nàng không thoát khỏi là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, chà đạp và ức hiếp con người.

-> Cái chết của Vũ Nương thực chất là do bị chồng bức tử - một cái chết đầy oan ức. Vậy mà, Trương Sinh thấy nàng tự tận chỉ một chút động lòng mà không hề ân hận, day dứt. Ngay cả khi, đứa con trỏ tay vào bóng chàng trên vách nói là cha, chàng hiểu rõ nỗi oan của vợ thì cũng coi là việc đã qua rồi. Như thế, chuyện danh dự , chuyện sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người chồng, người đàn ông mà không có hành lang đạo lí, không được dư luận xã hội bảo vệ, chở che. Nỗi oan của Vũ Nương đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất  của cái xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ. Sống trong xã hội đầy rẫy những oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với thân phận “bèo dạt mây trôi” có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống bất kì lúc nào, vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng. Rõ ràng, xã hội phong kiến đã sinh ra bao Trương Sinh với đầu óc gia trưởng, độc đoán, là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải chịu.

**b. Người phụ nữ là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:**

- Không chỉ là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, người phụ nữ còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến. Cả cuộc đời Vũ Nương, chỉ vui thú nghi gia nghi thất vậy mà về làm vợ Trương Sinh, cuộc sống vợ chồng “sum họp chưa thỏa tình chăn gối,chia phôi vì động việc lửa binh”. Buổi Trương Sinh ra đi, mẹ già bịn rịn, vợ trẻ đương bụng mang dạ chửa, sự thể rồi sẽ ra sao đã khiến mọi người có mặt ở đó đều phải ứa hai hàng lệ: *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ,chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao,rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài,mẹ già triền miên lo lắng.”*

=> Những câu văn biền ngẫu, sóng đôi như trái tim người vợ trẻ phập phồng lo sợ cho người chồng phải đi lính thú. Chiến tranh xa cách, mẹ già cũng vì thương nhớ con mà sinh bệnh rồi qua đời. Con thơ được sinh ra không biết mặt cha, vợ trẻ nhớ chồng chỉ còn biết trỏ vào bóng mình trên vách, bảo là cha của bé…Chính chiến tranh làm cho gia đình li tán, vợ chồng xa cách dẫn đến hiểu lầm. Cũng chính cái mối nghi ngờ không thể gỡ ra ấy của Trương Sinh đã trở thành nguyên nhân gây bất hạnh cho cuộc đời Vũ Nương. Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không bị bắt đi lính,thì đâu bé Đản không chịu nhận cha, thì đâu Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm. Rõ ràng, chiến tranh phong kiến đã gây ra cảnh sinh li và cũng góp phần dẫn đến cảnh tử biệt, làm tan nát bao nhiêu gia đình.

\*Liên hệ: Có thể nói,sống trong xã hội phong kiến bất công, Vũ Nương cũng như bao người phụ nữ khác – người con gái bình dân trong “Bánh trôi nước”, Thúy Kiều, Đạm Tiên trong “Truyện Kiều” đều phải sống long đong, trôi dạt, phải tìm đến cái chết giải nỗi oan ức, phải thoát khỏi cuộc đời đầy khổ đau ở chốn nhân gian. Đại thi hào Nguyễn Du đã khái quát về cuộc đời, thân phận người phụ nữ bằng tiếng kêu đầy ai oán:

*“ Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.*

**c. Đánh giá**

 Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, cảm động, các yếu tố kì ảo, hoang đường, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ đã làm nổi bật số phận bi thương, bất hạnh của Vũ Nương và cũng là của cả những người phụ nữ trong xã hội xưa. . Thông qua tác phẩm này ta nhận ra cái tâm và cái tài của tác giả, nhận ra sự cảm thương sâu sắc của nhà văn dành cho nhân vật của mình và cho cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**3. Kết bài:**

 “Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 8: Giá trị nhân đạo trong “chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ**

**I. Tìm hiểu đề**

 - Đề yêu cầu phân tích một giá trị nội dung của tác phẩm – giá trị nhân đạo. Giá trị nhân đạo thể hiện trong tác phẩm văn chương còn gọi là giá trị nhân văn.

 - Văn học trung đại Việt Nam thường biểu hiện tiếng nói nhân văn ở sự trân trọng mọi phẩm giá con người, đồng tình thông cảm với khát vọng của con người, đồng cảm với số phận bi kịch của con người và lên án những thế lực bạo tàn chà đạp lên con người

 - Dựa vào những điều cơ bản trên,người viết soi chiếu và *“Chuyện người con gái Nam Xương”* để phân tích những biểu hiện cụ thể về nội dung nhân văn trong tác phẩm. Từ đó đánh giá những đóng góp của Nguyễn Dữ vào tiếng nói nhân văn của văn học thời đại ông.

 - Tuy cần dựa vào số phận bi thương của nhân vật Vũ Nương để khai thác vấn đề, nhưng nội dung bài viết phải rộng hơn bài phân tích nhân vật, do đó cách trình bày phân tích cũng khác.

**II. Dàn bài chi tiết**

 **A- Mở bài:**

 - Từ thế kỉ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam bắt đầu khủng hoảng, vấn đề số phận con người trở thành mối quan tâm của văn chương, tiếng nói nhân văn trong các tác phẩm văn chươngngày càng phát triển phong phú và sâu sắc.

 - *“Truyền kì mạn lục”* của Nguyễn Dữ là một trong số đó. Trong 20 thiên truyện của tập truyền kì, *“chuyện người con gái Nam Xương”* là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Dữ.

 **B- Thân bài:**

 **1. Tác giả hết lời ca ngợi vẻ đẹp của con người qua vẻ đẹp của Vũ Nương, một phụ nữ bình dân**

 - Vũ Nương là con nhà nghèo (“thiếp vốn con nhà khó”), đó là cái nhìn người khá đặc biệt của tư tưởng nhân văn Nguyễn Dữ.

 - Nàng có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: thuỳ mị, nết na. Đối với chồng rất mực dịu dàng, đằm thắm thuỷ chung; đối với mẹ chồng rất mực hiếu thảo, hết lòng phụ dưỡng; đói với con rất mực yêu thương.

 - Đặc biệt, một biểu hiện rõ nhất về cảm hứng nhân văn, nàng là nhân vật để tác giả thể hiện khát vọng về con người, về hạnh phúc gia đình, tình yêu đôi lứa:

 + Nàng luôn vun vén cho hạnh phúc gia đình.

 + Khi chia tay chồng đi lính, không mong chồng lập công hiển hách để được “ấn phong hầu”, nàng chỉ mong chồng bình yên trở về.

 + Lời thanh minh với chồng khi bị nghi oan cũg thể hiện rõ khát vọng đó: “Thiếp sở dĩ nương tựa và chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất”

 Tóm lại : dưới ánh sáng của tư tưởng nhân vănđã xuất hiện nhiều trong văn chương, Nguyễn Dữ mới có thể xây dựng một nhân vật phụ nữ bình dân mang đầy đủ vẻ đẹp của con người. Nhân văn là đại diện cho tiếng nói nhân văn của tác giả.

 **2. Nguyễn Dữ trân trọng vẻ đẹp của Vũ Nương bao nhiêu thì càng đau đớn trước bi kịch cuộc đời của nàng bấy nhiêu.**

 - Đau đớn vì nàng có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tuỵ vun đắp cho hạnh phúc đó lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng:

 + Chờ chồng đằng đẵng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ (Người chồng chỉ dựa vào câu nói ngây thơ của đứa trẻ đã khăng khăng kết tội vợ).

 + Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng *“Nay đã bình rơi trâm gãy,… sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió,… cái én lìa đàn,…”* mà người chồng vẫn không động lòng.

 + Con người ttrong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị dập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất

 *🡪 Bi kịch đời nàng là tấn bi kịch cho cái đẹp bị chà đạp nát tan, phũ phàng.*

 **3. Nhưng với tấm lòng yêu thương con người, tác giả không để cho con người trong sáng cao đẹp như nàng đã chết oan khuất.**

 - Mượn yếu tố kì ảo của thể loại truyền kì, diễn tả Vũ Nương trở về để được rửa sạch nỗi oan giữa thanh thiên bạch nhật, với vè đẹp còn lộng lẫy hơn xưa.

 - Nhưng Vũ Nương được tái tạo khác với các nàng tiên siêu thực : nàng vẫn khát vọng hạnh phúc trần thế (ngậm ngùi, tiếc nuối, chua xót khi nói lời vĩnh biệt *“thiếp chẳng thể về với nhân gian được nữa”.*

 - Hạnh phúc vẫn chỉ là ước mơ, hiện thực vẫn quá đau đớn (hạnh phúc gia đình tan vỡ, không gì hàn gắn được).

 **4. Với niềm xót thương sâu sắc đó, tác giả lên án những thế lkực tàn ác chà đạp lên khát vọng chính đáng của con người.**

 - XHPK với những hủ tục phi lí (trọng nam khinh nữ, đạo tòng phu,…) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông mù quáng, vũ phu.

 - Thế lực đồg tiền bạc ác (Trương Sinh con nhà hào phú, một lúc bỏ ra 100 lạng vàng để cưới Vũ Nương). Thời này đạo lí đã suy vi, đồng tiền đã làm đen bạc tình nghĩa con người.

 🡪 Nguyễn Dữ tái tạo truyện cổ Vợ chàng Trương, cho nó mạng dáng dấp của thời đại ông, XHPKVN thế kỉ XVI.

 **C- Kết bài:**

 - *“Chuyện người con gái Nam Xương”* là một thiên truyền kì giàu tính nhân văn. Truyện tiêu biểu cho sáng tạo của Nguyễn Dữ về số phận đầy tính bi kịch của người phụ nữ trong chế độ phong kiến.

- Tác giả thấu hiểu nỗi đau thương của họ và có tài biểu hiện bi kịch đó khá sâu sắc.

**Đề 9: Phân tích ý nghĩa lời thoại của nhân vật Vũ Nương (\*)**

**1. Mở bài**

Tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương” trích trong tập truyện “ Truyền kì mạn lục” của tác giả Nguyễn Dữ đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc khó phai. Có lẽ cảm động nhất là những lời thoại chứa chan cảm xúc của Vũ Nương, đã lấy đi rất nhiều những giọt nước mắt cảm thông xót xa.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát chung về tác phẩm**

 - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.

 Vũ Nương là đại diện cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Không như Nguyễn Du miêu tả thật tinh tế nét đẹp “nghiêng nước nghiêng thành” của Thúy Kiều. Vũ Nương được giới thiệu là người con gái đẹp người, đẹp nết có tư dung tốt đẹp, một người phụ nữ đảm đang tháo vát, yêu thương chồng con hết mực, một người con dâu hiếu thảo… Vì là người cùng làng nhận thấy Vũ Nương có những phẩm chất tốt đẹp nên Trương Sinh đã xin mẹ 100 lạng vàng cưới Vũ Nương làm vợ, Trương Sinh vốn là người chồng đa nghi, ít học, khi binh đao loạn lạc. Trương Sinh phải ra trận. Khi tiễn chồng ra trận Vũ Nương dặn dò chồng khiến ai cũng phải ứa hai hang lệ phẩm qua những lời thoại chứa chan cảm xúc.

**a. Lời thoại 1:** Ngày tiễn chồng ra trận, nàng đã dặn rằng: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Từng lời, từng chữ nàng thốt ra thấm đẫm tình nghĩa vợ chồng thủy chung, son sắt, khiến “mọi người đều ứa hai hàng lệ”. Phận làm vợ, ai chẳng mong chồng mình được phong chức tước, áo gấm về làng. Còn nàng thì không. Nàng chỉ ước ao giản dị rằng chàng Trương trở về được bình yên để có thể sum họp, đoàn tụ gia đình, hạnh phúc ấm êm như ngày nào.Qua lời thoại cũng thể hiện nỗi nhớ nhung khắc khoải của người vợ yêu chồng. Nhìn đâu cũng nhớ, cũng tưởng tượng đến chồng. Đây cũng chính là lời nói của người vợ thùy mị nết na, dịu dàng và rất yêu chồng. Lời dặn dò ấy xuất phát từ trái tim giàu tình yêu thương biết chấp nhận tất cả, biết đợi chờ để yên long người đi xa. Đồng thời òn giúp ta cảm nhận được khát khao bình dị của người phụ nữ trong xã hội phong kiến có một gia đình hạnh phúc, êm ấm. Thế nhưng mong ước của nàng đã không thực hiện được. Bị chồng một mực nghi oan, Vũ Nương tìm mọi lời lẽ để chứng minh sự trong sạch của mình. Nàng vẫn đoan trang, đúng mực, chỉ nhẹ nhàng giải thích:

**b. Đến lời thoại thứ 2 ta biết them được rằng:** “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng. Ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Xin chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”. Lời thoại của nàng luôn từ tốn, nhẹ nhàng, chất chứa nghĩa tình. Chỉ qua những lời thoại, từ “ngôn” của Vũ Nương đã để lại một ấn tượng khó phai trong lòng người đọc bởi vẻ từ tốn, tế nhị của nàng. Và cũng từ những câu nói ấy, chúng ta cảm nhận được sự hy sinh vô bờ của nàng vì chồng con, gia đình. Khi chồng ra trận, cả giang san nhà chồng trĩu nặng trên đôi vai gầy guộc, mỏng manh của nàng. Nàng phải sinh con một mình giữa nỗi cô đơn lạnh lẽo, thiếu sự vỗ về, an ủi của người chồng. Thật là một thử thách quá khó khăn với một người phụ nữ chân yếu tay mềm. Nhưng nàng vẫn vượt qua tất cả, một mình vò võ nuôi con khôn lớn, đợi chồng về. Lời thoại trên cũng là một lời giải thích cho sự hiểu nhầm tai hại của Trương Sinh: “ Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”, nàng hết lòng hàn gắn hạnh phúc gia đình, nàng cố tình phân trần để chồng hiểu rõ lòng mình.

**c. Ở lời thoại lần thứ 3 nàng đã nói lên nỗi đau đớn thất vọng của mình**: “ Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đầu còn có thể lại lên núi .Vọng Phu kia nữa”. Qua lời thoại Vũ Nương đã nói lên nỗi đau đớn thất vọng khi không hiểu sao mình bị nghi oan, bị đối xử bất công. Đồng thời đó còn là sự tuyệt vọng đến cùng cực khi khao khát của cả đời nàng vun đắp đã tan vỡ. Tình yêu không còn. Cả nỗi đau khỏ chờ chồng đến hoá đá như trước đây cũng không còn có thể làm được nữa. Sự tuyệt vọng đến cùng cực khi khao khát của cả đời nàng vun đắp đã tan vỡ. Tình yêu không còn. Cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hoá đá như trước đây cũng không còn có thể làm được nữa. Sự chối bỏ của người chồng chính là nỗi bất hạnh lớn nhất của người phụ nữ. Sự chối bỏ ấy minh chứng cho tất cả, sự không tin tưởng, không yêu thương, tin tưởng vợ. Và còn gì đau xót hơn nỗi bất hạnh ấy đối với một người phụ nữ dành cả cuộc đời chăm lo cho chồng con cũng như cả gia đình nhà chồng. Lễ giáo phong kiến với những hủ tục bất công đã khiến người phụ nữ không được coi trọng trong xã hội, đến hạnh phúc cá nhân cũng không được tự do lựa chọn. Sự bất công trong xã hội phong kiến còn được thể hiện ở sự độc đoán của người chồng, toàn quyền quyết định mọi việc trong nhà, nghỉ oan cho vợ nhưng lại không nói thẳng cho vợ, cũng không nghe vợ thanh minh mà cứ vậy đánh đập rồi đuổi vợ đi.

Chồng khăng khăng lên án vợ mà không chịu nghe nàng minh oan lấy một lời. Thái độ khinh bỉ, lời nói nhục mạ và hành động tàn bạo của Trương Sinh khiến nàng phải tìm đến cái chết. Uất ức, tủi nhục, Vũ Nương đã chọn cái chết để khẳng định phẩm giá trong sạch của mình.

**d. Lời thoại thứ 5 trước khi chết, nàng nguyện:** “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”. Sau cùng, Vũ Nương đã trẫm mình xuống sông tự tử, hành động quyết liệt này thể hiện mong muốn gìn giữ nhân phẩm, đức hạnh và danh dự của người phụ nữ. Lời thoại là một lời than, một lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết hạnh trong sạch của nàng. Lời thoại đã thể hiện nỗi thất vọng đến tột cùng, nỗi đau cùng cực của người phụ nữ phẩm giá nhưng bị nghi oan nên tự đẩy đến chỗ tận cùng là cái chết. Những lời nói cuối cùng của nàng thâu tóm tất cả những ngang trái của một đời phụ nữ: công lao nuôi con, chờ chồng thành vô ích; hạnh phúc gia đình (thú vui nghi gia nghi thất) tan vỡ, tình cảm vợ chồng không còn (bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió), cả nỗi đau khổ chờ chồng đến thành hóa đá trước đây cũng không còn có thể làm lại được nữa. Nàng có thể hi sinh tất cả, chịu nhường nhịn vì chồng vì con chứ thà chết không mang nỗi nhục này. Nàng chết đi để lương tâm thanh thản để bản thân trong sạch để không phải hổ thẹn với lòng với người. Những người phụ nữ nhỏ bé, không thể làm chủ cuộc sống của mình mà phải chịu biết bao phong ba bão táp, phó mặc cuộc đời của mình cho người khác. Chi tiết Vũ Nương gieo mình xuống bến sông Hoàng Giang là hình ảnh có sức ám ảnh lớn, khiến cho người đời mãi mãi xót xa về tấm bi kịch đẫm đầy nước mắt của người phụ nữ tốt đẹp nhưng chịu nhiều oan ức, là tấn bi kịch cái đẹp bị chà đạp, bị rẻ rúng, bị vùi dập không thương tiếc, là bản án đanh thép tố cáo bộ mặt tàn bạo, bất nhân của xã hội phong kiến đương thời. Để cho Vũ Nương tìm đến cái chết là tìm đến giải pháp tiêu cực nhất. Nhưng dường như đó là cách thoát khỏi tình cảnh duy nhất của nàng. Đó cũng là cách duy nhất của nhà văn có thể lựa chọn. Hành động trẫm mình tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. Bởi đối với nàng, phẩm giá còn cao hơn cả sự sống.

e. Khái quát: Qua câu chuyện từ nhiều thế kỉ trước bằng năng lực sáng tạo của mình Nguyễn Dữ đã xây dựng nhân vật có chiều sâu hơn, các chi tiết kì ảo được mô tả vừa lung linh vừa hiện thực tạo lên vẻ đẹp riêng của tác phẩm. Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, đức hạnh vẹn toàn mà vô cùng bất hạnh. Tác phẩm là lời tố cáo hiện thực xã hội phong kiến đương thời nêu bật thân phận nỗi đau của người phụ nữ trong bi kịch gia đình.

**3. Kết bài**

 “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một áng văn hay - tiêu biểu cho thể loại truyền kỳ và được người đời đánh giá là “thiên cổ kỳ bút”. Qua những lời thoại của Vũ Nương ta cảm nhận được số phận bi đát của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, vừa có ý nghĩa ca ngợi vẻ đẹp của lòng vị tha - tiêu biển là hình ảnh Vũ Nương, qua câu chuyện người đọc càng cảm thấy giá trị cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

**Đề 10: Phân tích đoạn truyện sau: “ … Phan Lang người cùng làng với Vũ Nương … mà biên đi mất” ( Ý Nghĩa các chi tiết kì ảo)**

**1. Mở bài**

.... “Chuyện người con gái Nam Xương” là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Dữ. Thành công của Nguyễn Dữ trong tác phẩm này là xây dựng được nhiều chi tiết có giá trị. Trong đó nổi bật là những chi tiếtkì ảo cuối truyện.

2. Thân bài

“Truyền kì mạn lục” là đỉnh cao của thể loại truyện truyền kì từng được đánh giá là “ Áng thiên cổ tùy bút”. Truyện thường sử dụng cốt truyện có sẵn từ dân gian, nhưng sự sáng tạo thêm các chi tiết để tác phẩm trở lên hấp dẫn. Nếu truyện cổ tích “ Vợ chàng Trương” kết thúc ở đoạn Vũ Nương nhảy xuống sông tự vẫn thì “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ ông sáng tạo thêm nhieuf chi tiết kì ảo khiến câu chuyện trở lên kì ảo và ý nghĩa.

**a. Khái quát chi tiết kì ảo**

Phan Lang người cùng làng với Vũ Nương cứu con rùa mai xanh chính là Linh Phi vợ của vua Nam Hải.

Trong một lần chạy loạn Phan Lang bị chết đuối và được Linh Phi cứu sống. Phan lang gặp Vũ Nương dưới động rùa. Vũ Nương nhắn gửi cho Trương Sinh hoa vàng cùng lời nhắn lập cho nàng cái đàn giải oan. Vũ Nương hiện về trong giây lát rồi biến mất.

**b. Ý nghĩa của chi tiết kì ảo**

Những chi tiết kì ảo trên là phần sáng tạo của Nguyễn Dữ so với truyện cổ tích “ Vơ chàng Trương” nó chứa đựng nhiều ý nghĩa và làm lên giá trị của tác phẩm. Để phù hợp với đặc trưng của truyện truyền kì, làm thành một kết thúc có hậu thỏa mãn ước mơ của nhân dân ta về một xã hội công bằng: Người ở hiền gặp lành, người gặp oan ức được minh oan. Khẳng định chân lí cái đẹp là bất tử Vũ Nương khôn chết mà được sống trong cõi vĩnh hằng vì nàng là hiện thân của cái đẹp.

- Góp phần hoàn thành vẻ đẹp của Vũ Nương: Nàng không chỉ đẹp ở cuộc sống dương thế mà còn đẹp ở một thế giới khác.

- Vũ Nương mặc dù được sống ở thế giới khác sung sướng và hạnh phúc nhưng khi nghe Phan lang kể chuyện nhà nàng đã ứa nước mắt. Đó là những giọt nước mắt xót xa nhung nhớ yêu thương một con người vẫn nặng tình, nặng nghĩa với gia đình, quê hương.

- Không chỉ vậy với Trương Sinh người đã gián tiếp bức tử nàng, đẩy cuộc đời nàng đến đau thương mà Vũ Nương không một lời oán trách. Khi hiện về nàng vẫn thiết tha: “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”. Cho thấy Vũ Nương là một người giàu lòng vị tha, bao dung và nhân hậu.

- Đối với Linh Phi người đã cứu sống nàng nên Vũ Nương luôn canh cánh trong lòng một lời thề: “ Cảm ơn đức Linh Phi đã thề sống chết cũng không bỏ” . Cho thấy Vũ Nương là người sống ân nghĩa thủy chung, là người trọng tình nghĩa.

- Mặc dù sống ở cõi tiên nhưng Vũ Nương vẫn khao khát phục hồi danh dự, vẫn day dứt khổ vì nỗi oan chưa được giải nên nàng nhờ Phan Lang nhắn với Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng.

- Yếu tố kì ảo góp phần phản ánh hiện thực và tố cáo xã hội phong kiến một cách sâu sắc hơn.

Tuy tác phẩm kết thúc có hậu nhưng cũng không làm mất đi tính bi kịch của tác phẩm.

- Vũ Nương trở về dương thế rực rỡ uy nghi nhưng chỉ thấp thoáng giữa dòng rồi bóng nàng mờ nhạt dần rồi biến mất.

=> Tất cả chỉ là ảo ảnh, là một chút an ủi cho người bạc phận là nàng và chồng con âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc thật sự đã vĩnh viễn rời xa đâu còn có thể lưu lại được nữa.

- Lời từ biệt nghẹn ngào chua xót của nàng ở bến Hoàng Giang: “ Thiếp chẳng thể trở về nhân gia được nữa” đã kết tội cho xã hội phong kiến bất công đã chà đạp lên quyền sống của người phụ nữ.

**c. Đánh giá**

- Những yếu tố kì ảo được đưa vào truyện rất tự nhiênhợp lí bởi nó được đưa xen kẽ với yếu tố thực về địa danh:

+ Bến Hoàng Giang

 + Ải Chi Lăng

+ Về thời đại lịch sử cuối đời khai đại nhà Hồ

+ Cùng với nhân vật lịch sử Trần Thiên Bình.

+ Sự kiện lịch sử quân Minh sang xâm lược nước ta nhiều người chạy trốn đắm thuyền.

+ Trang phục của các mĩ nhân quần áo thướt tha mái tóc búi xẽ.

+ Tình cảnh nhà Vũ Nương: Không có người chăm sóc, cây cối rậm thành rừng, cỏ gai rợp mắt.

* Tác dụng: Làm cho thế giới kì ảo lung linh mơ hồ trở lên gần gũi với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

- Những yếu tố kì ảo có giá trị thật lớn. Thông qua các yếu tố kì ảo nhà văn thể hiện niềm thương cảm , trân trọng đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến đồng thời thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về chiến thắng cuối cùng cái thiện thắng cái ác, cái đẹp lẽ công bằng ở đời.

**3. Kết bài**

Đã nhiều thế kỉ trôi qua nhưng đến nay “ Người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn nguyên giá trị. Những yếu tố kì ảo ở cuối truyện đã góp phần rất lớn tạo nên thành công ấy của tác phẩm. Nó góp phần thể hiện sâu sắc chủ đề của tác phẩm tạo nên sự hấp dẫn lôi cuốn đối với người đọc và làm lên sức sống lâu bền của áng thiên cổ tùy bút. Đọc tác phẩm ta thấy rõ tài năng sáng tạo tuyệt vời của Nguyễn Dữ, từ đó ta lại càng thêm nâng niu trân trọng cái tài, cái tâm của tác giả dành cho những thân phận bèo bọt trong xã hội phong kiến.

**HỒI THỨ 14: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

*( Ngô Gia Văn Phái)*

**III. Phân tích**

* 1. **Hình tượng vua Quang Trung – Nguyễn Huệ**

**\* Bối cảnh đất nước:** Theo lời cầu xin của vua Lê Chiêu Thống quân Thanh kéo 29 vạn quân sang xâm lược nước ta với mục đích giúp nhà Lê giữ vững ngai vàng, đánh lại quân Tây Sơn nhưng thực chất chúng muốn thôn tính nước ta.

**=> Nhận xét:** Tình thế nguy kịch trước cảnh của nhân dân trong tình thế “ *Ngàn cân treo sợi tóc”*

- Từ đó càng làm nổi bật lên vai trò và sự anh minh sáng suốt của vua Quang Trung khi đánh tan 29 vạn quân Thanh lập lên chiến công lẫy lừng.

*a. Lòng yêu nước tự hào, tự tôn dân tộc*

- Nghe tin quân Thanh tràn vào Thăng Long, Nguyễn Huệ rất giận định cầm quân đi ngay. =>Như vậy chứng tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc, không thể chấp nhận được đất nước có giặc ngoại xâm chiếm đóng.

- Lòng yêu nước của vua còn thể hiện rõ nét qua lời phủ dụ. Nhà vua nhắc lại tinh thần yêu nước quật cường của dân tộc trong lịch sử gắn với tên tuổi của những bậc anh hùng. Điều này chứng tỏ với ông tình yêu nước đã được thấm nhuần và trở thành sợi chỉ đỏ chi phối những suy nghĩ hành động vì nước, vì dân.

- Khi lên ngôi Nguyễn Huệ xưng “ đế” chứ không phải xưng “vương”. Vì vương và vua chỉ là ở một nước nhỏ, một nước chư hầu còn đế là vua của một nước lớn để khẳng định sự ngang hàng giữa nước ta với các nước phương Bắc.

*b. Hành động mạnh mẽ nhưng quyết đoán*

- Trong khoảng thời gian ngắn ( hơn 1 tháng) từ ngày nghe tin quân Thanh tràn vào Thăng Long vào ngày 22/11/1788 đến ngày 5/1/1789 ông đã làm được nhiều việc lớn: tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, đốc suất đại binh ra bắc, gặp người cống sỹ là nguyễn Thiếp ở Nghệ An, tuyển mộ quân lính, mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, đọc lời phủ dụ, định kế hoạch hành quân và đánh giặc, lên kế hoạch đối phó với quân Thanh sau khi ta chiến thắng.

=> Nhận xét: Từ đầu đến cuối đoạn trích luôn hành động sâu sắc nhanh gọn và rất quả quyết. Rõ ràng với ông việc quân Thanh tràn vào Thăng Long không làm nao núng tinh thần. Ông vẫn bình tĩnh đưa ra những quyết định và hành động đúng đắn để đối phó với quân Thanh.

*c. Trí tuệ sáng suốt nhạy bén*

- Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc, thế tương quan giữa ta và địch: Ông nhận ra rằng dù quân Thanh rất đông chiếm được Thăng Long dễ dàng nên sinh thói chủ quan, chúng chỉ tập trung tiệc tùng mà lơi là việc quân sỹ. Nhân cơ hội đó nhà vua khẩn trương xây dựng kế sách hành binh, chủ động đánh ra Thăng Long đánh bất ngờ quân Thanh.

- Trong lời phủ dụ quân sĩ, ông chỉ rõ dã tâm của giặc hòng biến phương Nam thành một quận, huyện của chúng để chúng vơ vét của cải, đàn áp dân lành. Hành động của chúng không hợp với lẽ trời, hợp với lòng người, từ đó khích lệ được tinh thần đấu tranh của tướng sĩ.

- Việc dùng người của nhà vua cũng thể hiện sự sáng suốt, ông đủ tin mình và tin người để trọng dụng những tựu thần của nhà Lê bởi ông nhận ra được cái tài và cái tâm của họ. Ông cũng là người hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sỹ, xử lí đúng người, đúng tội khen chê kịp thời. Khi đến Tam Điệp ông đã tha chết cho Sở và Lân. Ông hiểu rằng họ rút quân từ Thăng Long đến Tam Điệp là kế sách của Ngô Thì Nhậm.

**=> Đánh giá:** Như vậy với trí tuệ nhạy bén, nhà vua đã có những cách xử lí linh hoạt kịp thời với lòng người, ý trời.

*d. Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng*

- Mặc dù chưa dành được một tấc đất nhưng vua Quang Trung đã khẳng định: “ Chỉ đánh mươi ngày là thắng”. Thực tế thắng lợi trước quân Thanh còn sớm hơn dự định. Như vậy với tầm nhìn xa trông rộn, vua Quang Trung đã có những dự đoán chính xác.

- Trong lời phủ dụ tướng sỹ, ông cũng nghiêm khắc răn đe những kẻ ăn ở hai lòng: “ Chớ có quen thói cũ … chớ bảo ta không nói trước” Chính lời răn đe nghiêm khắc ấy đã thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng của vị tướng tài ba.

- Ông còn cử Ngô Thì Nhậm lo việc ngoại giao giữa quân ta và quân Phương Bắc để taoj hòa khí, vì phương Bắc lớn gấp 10 lần nước mình khi thua trận sẽ trả thù. Nếu chúng quay lại chiếm đánh ngay sẽ gây khó dễ cho ta, chi bằng ta giả bộ thân thiện “ Lùi một bước để tiến 10 bước” có thời gian xây dựng lực lượng, lúc đó đánh bại chúng khó gì?

*e. Vua Quang Trung là một thiên tài quân sự*

- Kế sách hành binh: Cuộc hành binh thần tốc do vua QT chỉ huy đến nay vẫn khiến người đời kinh ngạc và thần phục. Với quãng đường dài từ Phú Xuân về Thăng Long số lượng quân sĩ đông, hành binh phải đảm bảo bí mật, an toàn sức khỏe để ra đến Thăng Long phải đánh trận ngay lập tức vậy mà “ Cơ nào, đội ấy” vẫn chỉnh tề. Thậm chí trên đường hành quân còn phải đối mặt với quân do thám của giặc nhưng quân đội Tây Sơn đều vượt qua. Vì thế quân Thanh ở Thăng Long không hề biết được quân Tây Sơn đang hành binh tiến về. Có thể thấy việc hành binh của quân tây sơn dưới sự chỉ đạo của vua Quang Trung được ví là “ Xuất quỷ, nhập thần”

- Đánh Hà Hồi sử dụng kế “ nghi binh” sử dụng kế đánh trận là nửa đêm cho quân sỹ bắc loa tay truyền gọi, trống rong truyền mở vang khắp cả một vùng, quân Thanh trong thế bị động ngỡ quân Tây Sơn rất đông nên sợ hãi lần lượt nộp vũ khí xin hàng ta chiếm đồn Hà Hồi không mất một hòn tên, mũi đạn nào.

+ Kế sách đánh Ngọc Hồi: Do lúc này quân Thanh đã có sự chuẩn bị nên ông vận dụng linh hoạt kế sách đánh trận. Tuy nhiên nhà vua chỉ đạo quân sĩ đánh trận trong tình thế chủ động tấn công ứng phó kịp thời với quân địch: Ông cho quân sỹ lấy rơm, gấp nước tạo thành bức bình phong vô hiệu hóa mũi tên lửa của quân Thanh. Quân Thanh hun khói nhằm che mục tiêu của quân Tây Sơn nhưng trời đổi gió thành ra chúng tự hại mình, quân ta thừa thắng xông lên chém giết lung tung.

- Bằng kế nghi binh ông tạo lên những đường mòn giả để quân Thanh thua trận sẽ tìm cách rút lui rồi dồn chúng vào đầm mực và lùa voi xuống giày xéo.

- Bố trí quân bến sông Nhị Hà, khi quân Thanh ùa xuống cầu phao tìm đường trốn thì cầu đứt, quân địch ngã xuống sông lúc này quân Tây Sơn bắn mũi tên khiến xác quân Thanh tắc nghẽn sông Nhị Hà.

**=> Nhận xét**: Với cách đánh trận linh hoạt đội quân Tây Sơn của vau Quang Trung đã chiến thắng một cách lừng lẫy trước hơn 20 vạn quân Thanh.

*g. Hình ảnh lầm liệt của chiến trận*

- Vua Quang Trung  thân chinh cầm quân  không chỉ trên danh nghĩa mà còn là một tổng chỉ huy chiến dịch thật sự:  Hoạch định phương liệt tiến đánh, tổ chức quân sĩ, một mình thống lĩnh vực mũi  tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha trên chiến trận. Hình ảnh vua Quang Trung cưỡi voi tiến vào kinh thành Thăng Long vào buổi trưa mùng 5 tháng giêng năm 1789, tấm áo choàng của vua sạm đen vị khói thuốc súng đã trở thành hình ảnh đẹp đẽ, rực rỡ, oai phong nhất trong lịch sử các vị vua của Việt Nam thời phong kiến.

=> Đánh giá khái quát:  Qua Hồi 14 nhóm tác giả đã làm nổi bật hình ảnh của vua Quang Trung Nguyễn Huệ một con người tài - trí - đức vẹn toàn, một đấng minh quân tiêu biểu cho lòng yêu nước cho ý chí quật cường của dân tộc ta.

**2.  Hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống và quân Thanh**

1. *Vua tôi Lê Chiêu Thống*

- Vua Lê Chiêu Thống và bề tôi than tín đã vì lợi ích riêng của dòng họ và của mình mà cầu viện nhà Thanh, đưa quân sang chiếm đóng nước ta, đem giang sơn và vận mệnh dân tộc đặt vào tay kẻ xâm lược. Là kẻ “cõng rắn cắn gà nhà”.  Hình ảnh vua Lê quỳ gối nhận sắc phong tử tướng giật tôn sĩ nghị đã trở thành nỗi nhục nhã của dân tộc.

- Hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống cùng mấy bề tôi thân tín đưa thái hậu chạy bán sống, bán chết ra ngoài cướp thuyền của dân, mấy ngày không được ăn, may gặp người thổ hào thương tình đón về cho ăn và chỉ đường chạy chốn, chui lủi theo đường tắt biên giới may đuổi được Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt.Cuối cùng ông ta đã phải gánh chịu hậu quả của kẻ bán nước bỏ xác nơi xứ người.

*b. Quân Thanh*

- Những kẻ cướp nước cũng chịu thất bại đau đớn trước quân Tây Sơn Sầm Nghi đống thắt cổ tự tử, Tôn Sĩ Nghị thất trận tìm đường chạy trốn, lên ngựa không kịp đóng yên, quân thành đại bại. Quân sĩ các doanh khi nghe tin đều hoảng loạn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết đến nỗi sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được. Sự thảm hại của chúng còn tiếp diễn trên đường rút chạy về biên giới như một đám tàn quân ô hợp, không còn một chút sĩ khí.

**IV. Tổng  kết**

**1.Nghệ thuật**

- Lời kể có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự miêu tả

-  Nghệ thuật tương phản đối lập được sử dụng triệt để từ đầu đến cuối đoạn trích: Nghệ thuật tương phản đối lập: Một bên là hình ảnh oai phong lẫm liệt xông xáo dũng cảm của đội quân Tây Sơn và vua Quang Trung, một bên là hình ảnh run sợ hoảng loạn với thất bại thảm hại của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

-  Nhịp điệu  lời kể trong đoạn trích linh hoạt bộc lộ thái độ và cảm xúc của tác giả khi kể về quân Tây Sơn và vua Quang Trung nhịp nhanh, mạnh thể hiện niềm tự hào, hả hê, sung sướng của tác giả khi kể về quân Thanh, giọng điệu lời kể mỉa mai, bộc lộ rõ sự khinh bỉ khi kể về vua Lê Chiêu Thống giọng chậm thể hiện sự bùi ngùi xót xa vì đây cũng là triều đại học từng tôn thờ.

-  Đoạn trích mang đúng đặc điểm của thể chí, các tác giả được thể hiện rất trung thành khi chép lại những sự việc trong lịch sử một cách khách quan chân thực.

**2. Nội dung**

- Hồi 14 đã khắc họa chân thực về vẻ đẹp hình tượng của vua Quang Trung với chiến công lẫy lừng đại phá hơn 20 vạn quân Thanh.

-  Hồi 14 cũng phản ánh sự thất bại thảm hại của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

**LUYỆN ĐỀ THI VÀO THPT:**

**- Đề 1**: Viết bài văn khoảng 300 chữ giới thiệu về hồi thứ 14 trích “ Hoàng Lê nhất thống chí” của nhóm Ngô Gia Văn Phái.

**- Đề 2:** Tại sao nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái là những cựu thần của nhà Lê mà họ lại khắc họa rõ nét đẹp của vua Quang Trung qua hồi thứ 14?

- Ngô gia văn phái là cựu thần nhà Lê vẫn trung thành với nhà Lê, không mấy cảm tình với Tây Sơn thậm chí xem Tây Sơn như giặc mà các tác giả vẫn viết về Quang Trung và những chiến công của đoàn quân áo vải một cách cảm tình hào hứng như vậy bởi vì:

- Cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Tây Sơn là sự thật lịch sử mà các tác giả đã được chứng kiến tận mắt, là những trí thức có lương tâm, những người có tâm huyết và tài năng nên các ông không thể không tôn trọng lịch sử.

- Mặt khác, các tác giả cũng được chứng kiến tận mắt sự thối nát, kém cỏi, hèn mạt của nhà Lê cùng sự độc ác, hống hách, ngang ngược của giặc Thanh nên các ông không thể không thở dài ngao ngán, cảm thấy nhục nhã, ý thức dân tộc không thể không được dâng cao.

=>Tất cả những điều đó đã đem đến những trang ghi chép chân thực mà xúc động, tự hào như vậy.

**Đề: Tại sao lại gọi Hoàng Lê nhất thống chí là bộ tiểu thuyết lịch sử**

Hoàng Lê nhất thống chí được coi là cuốn tiểu thuyết lịch sử vì:

- Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm văn xuôi đầu tiên có quy mô lớn của bộ sử thi. Tác phẩm mang giá trị về văn học và sử học.

- Tác giả tái hiện lại bức tranh xã hội phong kiến đầy biến động cuối thể kỉ XVIII, những nhân vật ở tầng lớp trên của xã hội phong kiến không còn giữ đúng vai trò, trách nhiệm với dân. Trong triều đình, vua chúa tham quan sống sa đọa. Vua Cảnh Hưng cam chịu sống bạc nhược, Trịnh Tông trở thành con rối của đám kiêu binh. Vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước, luồn cúi.

- Cuốn tiểu thuyết lịch sử chương hồi này phản ánh rõ nét đời sống cơ cực của người dân dưới thời Lê mạt: bất ổn, đói khổ.

- Bên cạnh đó là hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn mà nổi bật là hình ảnh người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trí tuệ sáng suốt, có tài cầm quân, có công đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi bờ cõi.

**Đề 3:** “Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi nghe lệnh rồi dụ họ rằng: Quân Thanh sang xâm lấn nước ta … chớ bảo là ta không nói trước.”

Cảm nhận của em về đoạn trích trên. Lời phủ dụ của vua Quang Trung có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình đất nước hiên nay.

**“Hoàng Lê nhất thống chí”** là bộ tiểu thuyết chương hồi xuất sắc nhất của nền văn học trung đại Việt Nam do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai truyền đời sáng tác. **“Hồi thứ 14”** thể hiện niềm tự hào dân tộc của các tác giả qua việc tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ hiện lên thật cao đẹp, với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người. Đặc biệt trong lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An đã thể hiện rất rõ điều ấy: “Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi nghe lệnh rồi dụ họ rằng: Quân Thanh sang xâm lấn nước ta ….chớ bảo là ta không nói trước.”

Quang Trung là một vị vua văn võ toàn tài, có công lao lớn trong sự nghiệp đánh đuổi giặc ngoại xâm. Nhân vật lịch sử đi vào văn chương như một hình ảnh đẹp, đậm chất sử thi. Hồi thứ 14 trích “Hoàng Lê nhất thống chí” đã làm toát lên vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng áo vải trong chiến công lừng lẫy đại phá quân Thanh: là một vị vua yêu nước thương dân; là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén; có tầm nhìn xa trông rộng; hành động mạnh mẽ quyết đoán, tài dụng binh như thần; ý chí quyết chiến quyết thắng…

Lòng yêu nước được hiểu là tình cảm, thái độ của con người đối với quê hương đất nước, luôn lo lắng cho sự tồn vong của dân tộc, sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân khi Tổ quốc cần. Lời phủ dụ binh lính của vua Quang Trung Nguyễn Huệ được truyền trước binh lính tại Nghệ An vào ngày 29 tháng Chạp, trước khi hành quân ra Tam Điệp. Trong lời dụ, vua Quang Trung khẳng định chủ quyền dân tộc bằng cách nhắc đến lịch sử chống ngoại xâm của dân ta. Đồng thời qua đó, khơi gợi lòng yêu nước, quyết chiến quyết thắng ở binh sĩ.

**Nhà vua mở đầu bằng lời cảnh báo:** “Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện đang ở thành Thăng Long các người có biết?”. Câu hỏi có tác dụng đánh thức lương tri của binh sĩ. Ngay sau đó, ông lập tức **khẳng định chủ quyền của dân tộc:** “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng…” Đó cùng là lời tuyên bố chủ quyền lãnh thổ của dân tộc trong “Nam quốc sơn hà” tác giả khẳng định:

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

 *Tiệt nhiên định phận tại thiên thư”*

(Sông núi nước Nam vua Nam ở – Rành rành định phận ở sách trời); trong “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

 *“Như nước Đại Việt ta t ừ trước*

 *Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*

 *Núi sông bờ cõi đã chia*

 *Phong tục Bắc Nam cũng khác*

 *Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*

 *Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”.*

**Tiếp đến, ông nêu bật dã tâm của giặc để thổi bùng lên ngọn lửa căm thù giặc trong lòng tướng sĩ:**“Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”, “Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa”. Hành động xâm lược của “giặc dữ” (nghịch lỗ) là hành động phi nhân nghĩa trái với đạo trời.

Tội ác của giặc ngoại xâm được Trần Quốc Tuấn chỉ rõ “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ…thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho để khỏi tai vạ về sau” (Hịch tướng sĩ).

 Nguyễn Trãi cũng đã vạch trần:  “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

 Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ

 Dối trời lừa dân đủ trăm ngàn kế…”,

“Độc ác thay trúc Nam Sơn không ghi hết tội…”

Đúng là tội ác “Trời không dung, đất không tha”.

**Để khơi gợi ý chí đánh giặc, ông nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta:** “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”.

Lời phủ dụ binh lính, tướng sĩ của người anh hùng áo vải Quang Trung trong cuộc đại phá quân Thanh đã nhắc đến Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn – một tấm gương yêu nước bất khuất có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ. Ý chí tinh thần chống giặc ngoại xâm, xả thân vì nước trong bài hịch như còn mãi âm vang: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa… Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”***(*Hịch tướng sĩ).**

Lại nhắc đến tấm gương Lê Thái Tổ không nỡ ngồi nhìn giặc Minh làm điều tàn bạo, đã dấy nghĩa quân: “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn…Tổ kiến hổng phá toang đê vỡ”. Đó là những dẫn chứng xác thực về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: “Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau – Song hào kiệt đời nào cũng có”, “Việc xưa xem xét – Chứng cứ còn ghi” (Bình Ngô đại cáo).

Từ đó, ông bày tỏ lòng tin vào binh lính và kêu gọi họ dốc lòng, dốc sức vì sự nghiệp chung đánh đuổi kẻ thù để bảo vệ chủ quyền của dân tộc: “Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn”.

Lời hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh giặc giữ nước của vua Quang Trung cũng là lời khích lệ tinh thần chiến đấu của Trần Quốc Tuấn đối với các tướng dưới quyền: nêu cao tinh thần cảnh giác, chăm lo tập luyện cung tên, học tập “Binh thư yếu lược”. Đó cũng là lời của Nguyễn Trãi: “Nhân dân bốn cõi một nhà … Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”.

Cuối cùng, ông khẳng định quyết tâm sắt đá đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, đồng thời cũng tuyên bố kỷ luật nghiêm minh của quân đội để răn đe những kẻ bạc nhược có ý ăn ở hai lòng:“Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”. Đó cũng là thái độ nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn chỉ ra con đường: sống – chết, vinh – nhục; đạo thần chủ – kẻ nghịch thù để tướng sĩ thấy rõ chỉ có thể chọn một hoặc địch – hoặc ta chứ không có chỗ đứng cho những kẻ bàng quan thờ ơ trước thời cuộc.

Qua lời phủ dụ binh lính chứng tỏ vua Quang Trung là nhà chính trị, quân sự, ngoại giao có trí tuệ sáng suốt, nhìn xa thấy rộng, biết mình biết người, sâu sắc và tâm lí, ân uy gồm đủ. Âm vang trong lời phủ dụ của vua Quang Trung có tinh thần của “Nam quốc sơn hà”, có hào khí của “Hịch tướng sĩ”, của “Bình Ngô đại cáo”. Tất cả bắt nguồn từ cảm hứng yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Lòng yêu nước của nhà vua đã truyền thấm vào binh sĩ.

Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An có thể xem như một bài hịch ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép, giọng điệu hào hùng mà ý tứ thật phong phú sâu xa, có tác dụng kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật khởi của dân tộc. Trí tuệ, tấc lòng của một vị vua vì nghĩa lớn đã mạnh hơn thiên kiến giai cấp của các tác giả. Chính vì vậy mà các tác giả của “Hoàng Lê nhất thống chí” đã xây dựng một tượng đài bất hủ về người anh hùng Nguyễn Huệ – một hình ảnh hiếm thấy trong lịch sử.

Qua lời phủ dụ binh lính ta cũng thấy rõ Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ người anh hùng dân tộc hội đủ đức tài, là bậc kì tài hiếm có trong lịch sử dân tộc. Khi trở thành hình tượng văn học thì vẻ đẹp ấy lại càng uy nghi. Tác phẩm của Ngô gia văn phái không chỉ phản ánh một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc mà còn lưu lại ánh hào quang về người anh hùng kiệt xuất với lòng yêu nước mãnh liệt ở thế kỉ XVIII.

Tinh thần yêu nước, ý chí , quyết tâm đánh giặc cứu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong lịch sử mấy nghìn năm của nước ta. Những năm đất nước có chiến tranh, tuổi trẻ yêu nước là phải biết ra chiến trường. Ngày nay, trong thời kỳ xây dựng đất nước, để thể hiện tinh thần yêu nước, Tuổi trẻ phải biến thành hành động cụ thể trong đời sống: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ lao động, học tập, đua tài đấu trí trên đấu trường quốc tế…

Phê phán, lên án những người sống thực dụng, chỉ biết vun vén cho quyền lợi cá nhân, biết đòi hỏi mà không biết cống hiến hoặc vô tâm, thờ ơ trước thời cuộc, luôn mang tu tưởng vọng ngoại, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc…

Lời phủ dụ binh lính của vua Quang Trung thể hiện sự anh minh sáng suốt và mang âm hưởng hào hùng của các tác phẩm: Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi). Đó mãi là những viên ngọc quý của văn chương dân tộc, lấp lánh nguồn cảm hứng yêu nước. Các tác giả Ngô gia văn Phái viết Hoàng Lê nhất thống chí đã dành cho vua Quang Trung những trang đẹp nhất, hào hùng nhất. Ngô gia văn Phái là những người cầm bút chân chính, biết tôn trọng lịch sử. Ca ngợi Quang Trung là ca ngợi ý chí và trí tuệ của dân tộc Việt Nam. Tự hào về chiến công của cha ông khi phá Tống, đuổi Nguyên, bình Ngô, đạp Thanh… ta cần giữ gìn phát huy truyền thống ấy hơn nữa để xứng đáng là con Lạc, cháu Hồng.

**Đề: Hình tượng vua Quang Trung qua đoạn trích hồi thứ 14 của “Hoàng Lê nhất thống chí” ( \*)**

**1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề: Hình tượng vua Quang Trung** Nguyễn Huệ, vị chiến tướng dùng kì mưu hạ thành Phú Xuân. Nguyễn Huệ, vị thống tướng đã tiêu diệt 3 vạn quân Xiêm xâm lược tại Rạch Gầm – Xoài Mút trong một trận thuỷ chiến trời long đất lở. Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đã đạp đổ ngai vàng chúa Trịnh ở Đàng Ngoài rồi kết duyên cùng công chúa Ngọc Hân làm chấn động Bắc Hà. Nguyễn Huệ – vua Quang Trung đã tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược, xây nên gò Đống Đa lịch sử bất tử. Đọc Hồi thứ 14 của *Hoàng Lê nhất thống chí*, hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã để lại trong tâm hồn ta bao ấn tượng không phai m

**2. Thân bài:**

**a. Khái quát tác phẩm + hồi thứ 14**

– “Hoàng Lê nhất thống chí” là một cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán được viết theo thể chương hồi do nhiều tác giả trong Ngô Gia Văn Phái (Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du…) sáng tác. Đây là một bức tranh sâu rộng vừa phản ánh được sự thối nát, suy tàn của triều đình Lê Trịnh, vừa phản ánh được sự phát triển của phong trào Tây Sơn.
– Trong hồi thứ 14 của tác phẩm, hình tượng người anh hùng Quang Trung hiện lên thật cao đẹp với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.

**b. Hình tượng vua Quang Trung***a.Trước tiên, Cần thấy rằng Quang Trung là người có lòng yêu nước nồng nàn, có lòng tự hào dân tộc sâu sắc*, tiếp nối truyền thống của Trưng Nữ Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ…
- Nghe giặc chiếm đóng Thăng Long định thân chinh cầm quân đi ngay.
- Tinh thần dân tộc của Quang Trung thể hiện rất rõổtng lời phủ dụ các tướng sĩ trước khi lên đường ra Bắc “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phảI nòi giống ta, bụng dạ ắt khác”và “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, Đời tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê đại Hành ….Các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”
=> Lời phủ dụ mang âm hưởng của Nam quốc sơ hà, Hịch tướng sĩ, Bình ngô địa cáo,
Nó mang tâm hồn dân tộc và khí phách anh hùng của các bậc tiền bối vằng lại.
*b.Quang Trung là vị vua có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng:*- Có quan hệ gần gũi, chan hoà và biết lắng nghe ý kiến của tướng sĩ:
+ Định thân chinh cầm quân đI ngay nhưng nghe lời can ngăn, ông đã lên ngôi để “chính vị hiệu” rồi mới hạ lệnh xuất quân.
+ Tới Nghệ An , QT cho vời người cống sĩ ở huyện La sơn để hỏi ý kiến “Kế nên đánh hay giữ ra sao”.
+ Ra quân lệnh rất nghiêm “Chớ nên ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị ta giết chết ngay tức khắc, chớ bảo là ta không nói trước!” nhưng kế đó ông “Ra doanh yên ủi quân lính” rồi tha cho hai tướng Sở và Lân để họ lấy công chuộc tội.
- Sáng suốt trong việc nhận định thời cuộc: Mới khởi binh đánh giặc đã tính toán chu đáo đầy đủ “- Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”. Tính cả kế hoạch ngoại giao sau khi thắng với chủ trương “Dẹp việc binh đao để phúc cho dân”
- Sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh: Chỉ huy quân lính hành quân thần tốc : Vừa hành quân, vừa tuyển quân, duyệt binh, tiến đánh chỉ trong vòng 5 ngày đã giành thắng lợi
- Mới khởi binh đã hẹn ngày chiến thắng “Hẹn ngày mồng 7 năm mới thì vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng, các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác”.
=> Như vậy Quang Trung là người có trí tuệ phi thường.
*c.Quang Trung là người có ý chí, hành động mạnh mẽ, quyết đoán:*- Nghe tin giặc tới Thăng Long không hề nao núng định thân chinh cầm quân đi ngay.
- Từ khi gặc đến làm được biết bao việc có ích, nhanh chóng: Tế cáo trời đất, lên ngôi, phủ dụ quân lính, hoạch định phương lược tiến đánh, tuyển mộ quân lính, duyệt binh, tiến đánh, đánh trận nào thắng trận ấy.
- Mạnh mẽ trong điều binh khiển tướng, trực tiếp chỉ huy các trận đánh, tự tin trong các trận đánh, sự tự tin dựa trên những cơ sở đã được phân tích và chuẩn bị kĩ lưỡng.
*d. Quang trung là vị vua lẫm liệt trong chiến trận:*- Tự thân chỉ huy một đạo quân, cưỡi voi xông pha giữa trận mạc, vừa chỉ huy, vừa tham gia chiến đâú trong mọi trận đánh, đối lập hoàn toàn với Lê Chiêu Thống- Một ông vua đớn hèn.
- Linh hoạt trong kế sách đánh giặc, ở mỗi trânh đánh chọn phương lược tiến đánh khác nhau nhưng rất phù hợp và hiệu quả: Trận phú xuyên đánh bí mật, trận Hà Hồi đùng cách đánh mưu lược, táo bạo chắc thắng, trận Ngọc Hồi dùng cách đánh áp lá cà nhưng mưu trí mạnh mẽ…
- Hình ảnh Quang Trung “áo bào đen sạm khói súng”mãi là hình ảnh lẫm liệt của vị anh hùng dân tộc trong tâm trí người đọc.

**c. Đánh giá**

 Như vậy, bằng những lời văn chân thực, hồi thứ 14 của Hoàng lê nhất thống chí đã khắc họa thành công hình tượng vua Quang Trung – một vị vua yêu nước, sáng suốt nhạy bén và có tầm nhìn xa trông rộng. Xây dựng hình tượng này, các tác giả đã gửi gắm vào đó sự cảm phục trước tài năng, đức độ của vua Quang Trung và niềm tự hào sâu sắc về lịch sử của nước nhà. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.
**3. Kết bài:**
 Quang Trung là hình ảnh sáng ngời, biểu tượng cho tinh thần và sức mạnh quật cường, cho ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam. Hình ảnh ấy mãI khắc ghi trong chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta và lòng biết ơn sâu sắc về người con ưu tú của cả dân tộc.

**CHỊ EM THÚY KIỀU**

*( Nguyễn Du)*

**Đề 1: Phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Nguyễn Du.**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả**,** tác phẩm, trích dẫn thơ.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh ra đời, nguồn gốc,…

- Vị trí đoạn trích

**2. Phân tích**

**a. Bốn câu thơ đầu: Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều.**

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã sử dụng nghệ thuật ước lệ, cổ điển để giới thiệu về lai lịch, thứ tự trong gia đình và vẻ đẹp của hai chị em:

***“****Đầu lòng hai ả tố nga*

*Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân*

*Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”*

+ Lai lịch: Họ là hai người con gái đầu trong gia đình họ Vương

+ Thứ tự trong gia đình: Thúy Kiều là chị, Thúy Vân là em

+ Vẻ đẹp của hai chị em

- “Mai cốt cách”: Cốt cách thì thanh cao như hoa mai. Đó là một loài hoa mà sắc thì rực rỡ, hương thì quý phái

- “Tuyết tinh thần”: Phong thái, tinh thần thì trong trắng, tinh khiết như hoa tuyết.

- Nhịp điệu 4/4, 3/3 ở câu thơ thứ hai, nhịp nhàng, đối xứng, làm nổi bật được vẻ đẹp đến độ hoàn mĩ của cả hai chị em.

- Tác giả sử dụng lời bình để khép lại bốn câu thơ đầu:

+ “Mỗi người một vẻ”, cho thấy nét riêng từ nhan sắc, tính cách, tâm hồn của mỗi người.

+ “Mười phân vẹn mười”, đã tô đậm được vẻ đẹp đến độ toàn diện, hoàn hảo của hai chị em.

=> Lời giới thiệu vô cùng ngắn gọn, nhưng đã mang đến cho chúng ta nhiều thông tin phong phú và những ấn tượng đậm nét nhất về vẻ đẹp của hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều. Đồng thời, cũng bộc lộ được cảm hứng ca ngợi cái tài hoa, nhan sắc của con người qua nghệ thuật điêu luyện, tài hoa của Nguyễn Du

**b. Bốn câu thơ tiếp theo: Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân**

\* Chỉ bằng bốn câu thơ, Nguyễn Du đã tả một cách đầy đủ, trọn vẹn những đặc điểm của nhân vật Thúy Vân:

*“Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngoài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.”*

- Câu **t**hơ đầu tiên giới thiệu khái quát phong thái của Thúy Vân

+ Từ “xem” thể hiện sự đánh giá mang tính chủ quan của người miêu tả

+ Từ “trang trọng” cho thấy sự xuất hiện của nhân vật Thúy Vân với vẻ đẹp mang phong thái đoan trang, cao sang, quý phái

=> Gợi ấn tượng tốt đẹp về một người phụ nữ trong khuôn khổ, lễ giáo của xã hội phong kiến

\* Tiếp đó, tác giả miêu tả một cách chi tiết, trọn vẹn bức chân dung tuyệt đẹp của nhân vật Thúy Vân qua bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp thủ pháp ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, liệt kê và đi kèm những từ ngữ giàu sức gợi:

- Hình ảnh ẩn dụ: “khuôn trăng đầy đặn” đã vẽ nên một khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, xinh đẹp, sáng trong như mặt trăng; “nét ngài nở nang” gợi tả một đôi lông mày cong, sắc nét như mày ngài. Cặp lông mày ấy tạo nên vẻ cân xứng, hài hòa trên khuôn mặt trẻ trung của Vân.

- Hình ảnh nhân hóa: “hoa cười ngọc thốt” gợi tả khuôn miệng cười tươi tắn như hoa nở và tiếng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà; “mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” đã gợi tả mái tóc óng ả, nhẹ hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết.

- Những từ ngữ giàu sức gợi: “đầy đặn”, “nở nang”, “đoan trang” làm nổi bật, nhấn mạnh vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu, quý phái của Thúy Vân

- Vẻ đẹp đoan trang của Thúy Vân được so sánh với những hình tượng đẹp nhất của thiên nhiên: trăng, hoa, ngọc, mây, tuyết.

\* Nguyễn Du đã sử dụng rất có chọn lọc hai động từ “thua” và “nhường”. “Mây” và “tuyết” là của thiên nhiên, tạo hóa, hay đó còn là cả một xã hội phong kiến. Và với vẻ đẹp phúc hậu, hài hòa trong khuôn khổ của xã hội phong kiến, thì dẫu Vân có đẹp hơn những cái đẹp nhất của thiên nhiên thì nàng vẫn được đón nhận, bao bọc và yêu thương.

\* Đặc biệt. từ bức chân dung ngoại hình của Thúy Vân, ta thấy được tính cách và số phận của nàng: tính cách rất trầm tĩnh, dịu dàng, đoan trang phúc hậu. Đó là hình mẫu lý tưởng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nó dự đoán một số phận, một tương lai êm ấm và bình lặng đang chờ đón nàng.

=>Bằng bút pháp cổ điển ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã khắc họa thành công bức chân dung của nhân vật Thúy Vân để từ đó gợi cho người đọc thấy được tính cách và số phận của nàng.

**c. Mười hai câu thơ tiếp theo:Gợi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều**

\* Nếu như miêu tả bức chân dung của Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ dùng có bốn câu thì đến Thúy Kiều ông dùng đến mười hai câu.Chứng tỏ, tác giả đã ưu ái, dùng nhiều bút lực và sự yêu mến đặc biệt cho nhân vật này.

Sự yêu mến đó càng được khẳng định khi Nguyễn Du sử dụng nghệ thuật đòn bẩy một cách tài tình: Ông miêu tả nhân vật Thúy Vân trước như một tuyệt thế giai nhân để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn”*

Từ “càng” đứng trước từ láy liên tiếp: “sắc sảo”, “mặn mà” để tô đậm vẻ đẹp “sắc sảo” về trí tuệ và vẻ “mặn mà” về tâm hồn của Thúy Kiều.

=> Không tả một cách cụ thể, nhưng Nguyễn Du đã khắc sâu trong tâm trí người đọc một ấn tượng sâu sắc vẻ đẹp vượt trội của Thúy Kiều

**- Vẻ đẹp nhan sắc:**

+ Khác với Thúy Vân, tác giả không miêu tả cụ thể, chi tiết mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhấn”, tức là vẽ hồn chân dung bằng những hình ảnh mang tính ước lệ:

“Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

-“Làn thu thủy” đó là đôi mắt trong sáng, tĩnh lặng, sâu thẳm, huyền ảo như làn nước mùa thu.

-“Nét xuân sơn” đó là đôi lông mày thanh tú, xinh đẹp như dáng núi mùa xuân.

***=>*** Không cần phải nhiều nét mà chỉ đặc tả đôi mắt, nhưng bức chân của nhân vật Thúy Kiều vẫn hiện lên với những gì hoàn mĩ nhất.

+ Hình ảnh nhân hóa “hoa ghen” và “liễu hờn” thể hiện thái độ của thiên nhiên trước vẻ đẹp của Kiều. Ông không tả trực tiếp vẻ đẹp ấy mà tả sự đố kị, ghen ghét, để thêm khẳng định cho vẻ đẹp ấy. Và để khách quan, ông đã để cho tạo hóa đánh giá vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều

+ Vẻ đẹp của Kiều không chỉ khiến cho hoa phải “ghen”, liễu phải “hờn” mà còn khiến cho nước phải nghiêng, thành phải đổ. Một sức ngưỡng mộ, mê say đến điên đảo cho vẻ đẹp của Kiều

+ Vẻ đẹp, chân dung của Thúy Kiều cũng dự báo về tính cách và số phận của nàng: Cái đẹp của Kiều không hài hòa mà vượt qua mọi khuôn khổ, chuẩn mực phép tắc của tạo hóa, xã hội. Vì vậy khiến cho các vẻ đẹp khác phải ghen ghét, oán hận, đố kị và chứa đựng ý muốn trả thù. Nó dự báo về một tính cách, tâm hồn đa sầu, đa cảm, một số phận sóng gió

=> Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều mang một ấn tượng mạnh và sức gợi cho người đọc. Đó là vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp của chiều sâu, hơn những gì đẹp nhất.

- Vẻ đẹp của tài năng và tâm hồn

+ Không chỉ miêu tả là một giai nhân tuyệt thế, Nguyễn Du còn cho thấy nàng là người phụ nữ thông minh, có trí tuệ thiên bẩm và rất đa tài:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời,*

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*

*Cung thương làu bậc ngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương”*

- Nàng là người con gái đa tài, đủ cả cầm (đàn), kì (cờ), họa (vẽ) và tài nào cũng đạt đến độ xuất chúng. Đặc biệt, tài đàn đã được Nguyễn Du tập trung miêu tả.

- Đó là năng khiếu, là sở trường của nàng, tài đàn của nàng điêu luyện và vượt lên trên mọi người: “Làu bậc ngũ âm”, “ăn đứt hồ cầm”

- Không chỉ vậy, nàng còn giỏi cả sáng tác. “Bạc mệnh” chính là khúc nhạc mà nàng tự viết, khi cất lên ai cũng xúc động.

+ Miêu tả tài đàn cũng là một cách mà Nguyễn Du tập trung gợi lên một thế giới tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, đa sầu, đa cảm của Thúy Kiều.

+ Đặc biệt cung “Bạc mệnh” như dự báo trước cuộc đời hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đối khó tránh khỏi của nàng.

=> Qua mười hai câu thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp hội tụ sắc-tài-tình, tất cả đều đến mức lí tưởng, xuất chúng của Thúy Kiều. Đồng thời, cho thấy sự tài hoa của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả nhân vật.

**d. Bốn câu thơ cuối: Nhận xét chung về cuộc sống và phẩm hạnh của hai chị em.**

- Hai chị em Thúy Vân, Thúy kiều không chỉ là những bậc tuyệt thế giai nhân mà họ còn là những đức hạnh và sống có khuôn phép:

*“Phong lưu rất mực hồng quần,*

*Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê*

*Êm đềm trướng rủ màn che,*

*Tường đông ong bướm đi về mặc ai.”*

+ Gia cảnh: Họ sống trong một gia đình “phong lưu”, khuôn phép, nề nếp

+ Cuộc sống: Êm đềm, bình lặng, kín đáo trong “trướng rủ màn che”

+ “Xuân xanh xấp xỉ”, “tuần cập kê” gợi đến cái tuổi “tóc búi, trâm cài” của cả hai chị em. Song họ vẫn sống một cuộc sống kín đáo, gia giáo sau bốn bức tường khép kín chưa từng biết đến chuyện nam nữ.

=> Hai chị em họ vẫn là những thiếu nữ có tâm hồn trong trắng, sống trong cảnh êm đềm, đúng với khuôn phép, mẫu mực của lễ giáo phong kiến.

**3. Đánh giá chung về nghệ thuật**

- Bút pháp ước lệ tượng trưng tạo được sức gợi.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật tinh tế: xây dựng được những bức chân dung đa dạng, linh hoạt, thu hút.

- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ độc đáo, đặc biệt là lựa chọn những từ ngữ có giá tri gợi tả cao.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại vấn đề vừa phân tích

- Cảm xúc của bản thân.

**Đề 2: Phân tích đoạn trích “ Chị em thúy Kiều” của Nguyễn Du**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du đại thi hào của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Xét về nghệ thuật tác phẩm thành công trên mọi phương diện. Từ ngòi bút tả cảnh, đến ngòi bút miêu tả nội tâm nhân vật đều đạt đến độ tinh tế. Trong đó đặc sắc nhất là ngòi bút miêu tả chân dung nhân vật. Đến với đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” tác giả đã khắc họa bức chân dung của Thúy Vân, Thúy Kiều, ta không chỉ thấm thía ngòi bút tả chân dung nhân vật sáng tạo của thi nhân, mà còn cảm nhận vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân.

**2. Thân bài**

Đoạn trích "Chị em Thuý Kiều" nằm trong phần: "Gặp gỡ và đính ước", sau phần giới thiệu gia cảnh gia đình Thuý Kiều. Với nhiệt tình trân trọng ngợi ca, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ cổ điển, lấy những hình ảnh thiên nhiên để gợi tả, khắc hoạ vẻ đẹp chị em Thuý Kiều thành những tuyệt sắc giai nhân. Trước hết, Nguyễn Du cho ta thấy vẻ đẹp bao quát của hai chị em Thuý Kiều trong bốn câu đầu:

Đầu lòng hai ả tố nga,
Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.

Đoạn thơ đã giới thiệu thân phận của hai chị em là hai cô con gái lớn của gia đình Vương viên ngoại, trong đó Thúy Kiều là chị cả, còn Thúy Vân là con thứ. Nhà thơ dùng từ Hán Việt "tố nga" chỉ những người con gái đẹp tinh tế để gọi chung hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều.Vẻ đẹp chung nhất của hai chị em được Nguyễn Du tóm gọn bằng một câu “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, tiêu biểu cho phong cách ước lệ gợi tả của tác giả. “Cốt cách” tức chỉ phẩm chất, tính cách của hai cô gái. Hai chị em được ví von có cốt cách thanh cao như hoa mai, có tâm hồn trong sáng như tuyết trắng. Mỗi người có vẻ đẹp riêng và đều đẹp một cách toàn diện. Từ cái nhìn bao quát ấy, nhà thơ đi miêu tả từng người. Sau khi giới thiệu vẻ đẹp chung về hình thức lẫn tâm hồn của hai chị em bằng bốn câu thơ, để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều Nguyễn Du đã tinh tế khéo léo miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước: ​

Vân xem trang trong khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười ngóc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,

Bằng nghệ thuật ước lệ tượng trưng, liệt kê, nhân hoá, tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân là vẻ đẹp “trang trọng, khác vời”. Đó là một vẻ đẹp cao sang quí phái của gia đình quyền quý. Chỉ vài nét chấm phá, bức chân dung của Thúy Vân hiện lên thật nghiêm trang, đứng đắn và phúc hậu. Gương mặt của nàng đầy đặn như trăng hôm rằm, gợi ra một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu,

Điểm trên khuôn mặt đó là “nét ngài nở nang” gợi ra vẻ đẹp của đôi lông mày hơi đậm. Không chỉ vậy, tác giả còn khắc họa được giọng nói, nụ cười e thẹn, nhẹ nhàng và mang nét đoan trang: “hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Đặc biệt nhất là vẻ đẹp của nàng Thúy Vân phải khiến cho tạo hóa phải nhường nhịn: “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”. Việc miêu tả ngoại hình của Thúy Vân như muốn dự báo trước về một cuộc đời yên bình, hạnh phúc của nàng.

Miêu tả vẻ đẹp của nàng Thúy Vân trước, Nguyễn Du nhằm tạo đòn bẩy để người đọc thấy sự nổi bật của Thúy Kiều. Nếu ở Thúy Vân chỉ dừng lại ở nhan sắc, thì Thúy Kiều hội tụ vẻ đẹp Sắc, tài, tình:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thủy tinh, nét xuân sơn”

Trong xã hội cũ, người ta luôn quan niệm rằng thiên nhiên là chuẩn mực của cái đẹp, con người thường được so sánh với thiên nhiên, hoặc hiện lên qua các hình ảnh ước lệ tượng trưng. Tác giả có dụng ý miêu tả Thúy Vân trước, khéo léo sử dụng thủ pháp đòn bẩy làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều. Nếu Thúy Vân với vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu thì Thúy Kiều lại “sắc sảo, mặn mà”, vẹn toàn cả tài lẫn sắc. Vẻ đẹp của Kiều được khắc họa một cách chấm phá chứ không miêu ta toàn diện như Vân, đó là cách tạo điểm nhấn rõ rệt. Khi đi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều tác giả chú ý miêu tả đôi mắt, vì đôi mắt là cửa sổ tâm hồn. Một đôi mắt như “ làn thu thủy” trong trẻo, dịu dàng như làn nước mùa thu, đôi mày sắc nét tươi mới như nét núi mùa xuân. Đôi mắt ấy còn hé lộ đời sống nội tâm đa sầu, đa cảm. Một hình ảnh ước lệ quen thuộc kết hợp với so sánh ẩn dụ đã khắc họa chân dung Thúy Kiều đẹp hoàn hảo. Vẻ đẹp khiến cho “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”. “ghen”, “hờn” là các động từ chỉ sự ghen ghét, đố kị, nó mang một sắc thái mạnh biểu thị thái độ ghen tức của thiên nhiên đối với vẻ đẹp của Thúy Kiều, không một khuôn mẫu nào có thể so sánh được với vẻ đẹp của nàng kể cả thiên nhiên, một tiêu chí tối đa để gợi tả vẻ đẹp của tự nhiên, vẻ đẹp làm thành nghiêng nước mất, tiềm tàng tai họa. Và đằng sau sự nổi giận của tạo hóa ấy sẽ là sự trả thù theo quy luật tự nhiên: “trời xanh quen thói, má hồng đánh ghen”.

Nhưng qua nghệ thuật ước lệ tượng trưng, miêu tả vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sao, có sức cuốn hút mãnh liệt của Thúy Kiều. Nhất là các từ "ghen", "hờn", Nguyễn Du đã hé mở cho chúng ta thấy những cơn sóng gió bão tố của cuộc đời như chờ trực để vùi dập thân phận của nàng.

Nếu như ở Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ miêu tả sắc đẹp thì ở Thúy Kiều, nhà thơ vừa miêu tả nhan sắc, vừa ca ngợi tài năng:​

Sắc đành tài một, tại đành hoạ hai

Như vậy, về sắc thì đành chỉ có một mình Thúy Kiều về tài thì may ra, họa hoằn lắm mới có người thứ hai. Thứ nhất là trí thông minh sẵn có do tạo hóa ban tặng:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương.”*

Ở nàng hội tụ đầy đủ các ngón tài: cầm, kì, thi, họa. Trong đó có tài đàn đạt đến độ tinh tế, không ai sánh được. Xét riêng về tài đánh đàn thì Thúy Kiều vượt xa những người khác. Đặt biệt, một bản nhạc nhan đề là "Bạc mệnh" – bản nhạc do nàng sáng tác đã trở thành tuyệt tác. Đã tác động vào cõi sâu thẳm trong tâm hồn của con người, khiến ai thưởng thức cũng phải đau khổ, sầu não đến rơi nước mắt, đến buốt nhói tim. Phải chăng "một thiên bạc mệnh lại càng não nhân" ấy như muốn dự báo những đau khổ, bất hạnh chồng chất trong suốt 15 năm ròng của đời người con gái tài sắc vạn toàn?

Nhìn chung, Nguyễn Du có dụng ý rất rõ trong việc nhấn mạnh tài sắc của Thúy Kiều, nhà thơ đã cực tả Thúy Vân, tưởng như sắc đẹp của Thúy Vân không ai hơn được nữa, để rồi sau đó, Thúy Kiều xuất hiện thì Thúy Vân trở thành một cái nền làm tôn sắc đẹp của Thúy Kiều là tuyệt đỉnh. Còn tài của nàng cũng là tuyệt đỉnh. (Giáo sư Nguyễn Lộc)

Có thế nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà, hình ảnh người phụ nữ hoàn mĩ về hình thức lẫn tâm hồn được thể hiện dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du một cách say sưa, nồng nhiệt, tập trung và trân trọng nhất. Đó là một cái nhìn của con người có tấm lòng nhân đạo mênh mông như ngọn nước triều dâng. Nguyễn Du đã mở đường cho tư tưởng của mình đi trước thời đại. Bởi lẽ, trong xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công, ngang trái, hà khắc, phụ nữ luôn bị lép vế, bị ruồng rẫy, chà đạp, xô đẩy đến bức đường cùng.

Một lần nữa ở bốn câu kết thúc của trích đoạn Chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du miêu tả cuộc sống phong lưu, êm đềm, khuôn phép, mẫu mực và ngợi ca đức hạnh của cả hai chị em:​

Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cặp kê,
Em đềm trướng rủ màn che.
Tường đông ong bướm đi về mặc ai

Mặc dù đã đến tuổi búi tóc cài trâm “Cập kê”, lại có nhiều người muốn hẹn ước tán tỉnh, nhưng Thúy Vân và Thúy Kiều vẫn sống hòa thuận, vui vẻ trong cảnh “trướng rủ màn che”, của những cô gái con nhà gia giáo. Chính những nét hồn nhiên, trong sáng, thơ ngây đã nuôi dưỡng, bồi đắp cho sự hình thành - phát triển nhân cách và ý thức làm người cao cả của hai chị em sau này, đặc biệt là Thúy Kiều.

\* Khái quát: Qua đoạn trích giúp ta nhận ra tư tưởng và tình cảm mà tác giả gửi gắm ngợi ca, trân trọng, vẻ đẹp của con người đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến với vẻ đẹp về nhan sắc tài năng, phẩm hạnh. Qua đoạn trích Nguyễn Du cũng dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh biểu hiện của giá trị nhân đạo.

**3. Kết bài**

Mặc dù đã ra đời cách đây hàng trăm năm nhưng Truyện Kiều của Nguyễn Du luôn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả nhiều thế hệ và đoạn thơ gợi tả về Thúy Kiều, Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần làm nên thành công đó, trong số các tác phẩm viết về vẻ đẹp của người phụ nữ hoặc ngợi ca vẻ đẹp người phụ nữ trong xã hội xưa thì bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” được đánh giá là xuất sắc nhất.

**Đề 3: Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” thể hiện cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua việc miêu tả chân dung nhân vật và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh. Qua 12 câu thơ miêu tả về Thúy Kiều em hãy làm sang tỏ ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam – Là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn - Danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Một trong những yếu tố tạo nên thành công của tác phẩm phải kể đến giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc của tác giả. Đến với 12 câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều ta sẽ sáng tỏ được điều ấy.

**2. Thân bài**

**\* Khái quát:** Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” nằm ở phần mở đầu của tác phẩm. Giới thiệu về gia cảnh của Kiều, Tác giả tập trung ca ngợi tài và sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. Toàn bộ đoạn trích đã ca ngợi vẻ đẹp của hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, đặc biệt trong bức chân dung của Thúy Kiều thể hiện rõ nét nhất tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

Trước hết cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du được thể hiện qua việc ca ngợi vẻ đẹp tài năng của con người. Đầu tiên rất là khẳng định bức chân dung của Thúy Kiều hoàn thiện, tuyệt Mỹ trên cơ sở so sánh với bức chân dung Thúy Vân.

  *“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn”*

 Nếu bước chân dung của Thúy Vân chỉ dừng lại ở những nét vẽ về ngoại hình, nhan sắc. Thì đến với bức chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra sự hơn hẳn, vượt trội so với Thúy Vân. Vẻ đẹp của nàng “ sắc sảo” - vẻ đẹp của trí tuệ và sự thông minh, còn “mặn mà” là nét đẹp đằm thắm, duyên dáng cuốn hút của người con gái khiến người khác khó có thể quên. Như vậy ngay lời nhận xét đầu tiên về chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra ở nàng hội tụ cả nét đẹp về Sắc – tài – tình. Dường như Nguyễn Du đã dành tất cả yêu thương sâu sắc đối với nàng để rồi thi nhân đã khắc họa rõ nét vẽ đẹp hoàn thiện hoàn mỹ của người thiếu nữ họ Vương. Đặc biệt, qua lời thơ của Nguyễn Du người đọc nhận ra được sự trân trọng, nâng niu mà đại thi hào rảnh cho Thúy Kiều.

 Tiếp đến là những nét vẽ về nhan sắc:

 *“Làn thu thủy nét xuân sơn*

 *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”*

 Tài năng rõ ràng thi nhân dồn hết cả tâm lực và tâm trí để khắc họa những nét về bức chân dung của Thúy Kiều. Ông dành tất cả tình yêu, sự trân trọng ngợi ca đối với nàng và đó là biểu hiện được tấm lòng nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

 Cảm hứng nhân đạo nhân văn sâu sắc của thi nhân thể hiện qua cách dự cảm và kiếp người tài hoa bạc mệnh. Khi miêu tả nhan sắc của Thúy Kiều Nguyễn Du đã ngầm dự báo. Nhan sắc của nàng khiến: “Hoa phải ghen”, liễu phải “hờn” khiến trời đất phải hờn ghen sẽ gặp rắc rối, truân chuyên, éo le. Như vậy bằng sự đồng cảm sâu sắc trước số phận éo le của người phụ nữ Nguyễn Du đã dự báo về những tai ương đang chờ đợi Thúy Kiều phía trước để rồi khi đau đớn, xót xa thay cho cuộc đời, số phận của nàng.

 Cảm hứng nhân đạo nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du được bộc lộ rõ nét qua 12 câu thơ phải kể đến ngòi bút tài hoa của tác giả.

**3. Kết bài**

Thông qua bức chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra ra được tấm lòng và tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội xưa đó là sự đề cao. Ngợi ca giá trị của người phụ nữ . Đặt trong hoàn cảnh tác phẩm ra đời đó là xã hội phong kiến khi người phụ nữ bị rẻ rúng coi thường ta nhận ra được số phận bi thương của họ,và xúc động tấm lòng chân thực nhân văn của ông. Ông xứng đáng là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

**Đề 4: Nghê thuật miêu tả chân dung nhân vật qua đoạn trích:**

*“Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*... Hoa ghen thu thắm, Liễu hờn kém xanh”*

**1. Mở bài**

Ở mỗi quốc gia khác nhau đều có những thi nhân nổi tiếng Pháp có Ban - Zắc, ở Nga có Mắc-xim Góc-ki, ở Đan Mạch của Anđecxen thì ở Việt Nam có đại thi hào Nguyễn Du. Kiệt tác “truyện Kiều” đã gắn liền tên tuổi của thi nhân. Xét về nghệ thuật thì tác phẩm thành công trên mọi phương diện. Ngoài ngòi bút tả cảnh, ngòi bút tả nội tâm nhân vật. Song một điều không ai có thể phủ nhận là tài nghệ miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật sắc sảo đến mức các nhà viết tiểu thuyết hiện đại cũng khó lòng theo kịp Nguyễn Du. Điều đó được thể hiện rõ nét nhất qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mà tiêu biểu là đoạn miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều:

*“Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*... Hoa ghen thu thắm, Liễu hờn kém xanh”*

**2. Thân bài**

**\* Khái quát:** Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Khi giới thiệu những người trong gia đình Kiều, tác giả tập trung tả tài sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. Bốn dòng thơ đầu tác giả giới thiệu chung về vị thứ và vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều:

“Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười”

Bằng cách giới thiệu hai “ả tố nga” vừa ngắn gọn vừa giản dị hết sức ấn tượng đầy đủ. Trong gia đình họ Vương có hai cô con gái đầu lòng đẹp như “Hằng Nga”. Và câu thơ “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, bằng việc sử dụng bút phát ước lệ tượng trưng thông qua hai hình ảnh “mai”, “tuyết”, tác giả gợi lên trước mắt chúng ta vẻ đẹp của hai thiếu nữ với dáng người mảnh dẻ, duyên dáng như cây mai một loài hoa đẹp và cao quý, tâm hồn của họ trong trắng như tuyết, cả hai đều đẹp hoàn thiện, hoàn mỹ “mười phân vẹn mười”, mỗi người mang một nét đẹp riêng “Mỗi người mỗi vẻ”, đúng là cách nhìn đầy ngợi ca trân trọng của tác giả.

Đến với bốn câu thơ tiếp theo, tác giả gợi về vẻ đẹp của Thúy Vân.

“Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười , ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

Câu thơ đầu “Vân xem trang trọng khác vời” đã khái quát đặc điểm của nhân vật. Hai chữ “trang trọng” gợi vẻ đẹp cao sang, quý phái của Thúy Vân, có thể nói có bao nhiêu cái đẹp của tạo vật, thiên nhiên đều được Nguyễn Du mượn để tạo nên chân dung của Thúy Vân. Đó là trăng, hoa, tuyết, ngọc, mây, bằng bút pháp ước lệ, thư pháp liệt kê, vẻ đẹp của Vân được tác giả cụ thể hóa bằng khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói. Cụ thể trong việc sử dụng từ ngữ làm nổi bật vẻ đẹp của đối tượng được miêu tả: “đầy đặn”, “nở nang”, “đoan trang”. Những biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa đều nhằm thể hiện vẻ đẹp phúc hậu mà quý phái của người thiếu nữ. Một thúy vân với gương mặt đầy đặn dịu nhẹ như trăng rằm, lông mày sắc nét đậm như con ngài, miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong như ngọc, mái tóc mềm mượt hơn mây, làn da trắng hơn tuyết. Vẻ đẹp ấy làm cho thiên nhiên ngưỡng mộ “mây thua”, “tuyết nhường”. Hai chữ “thua”, “nhường” biểu hiện sự hài lòng không ghen ghét, điều này dự báo nàng sẽ có một cuộc sống bình lặng, suôn sẻ không gặp sóng gió.

Nếu tả Thúy Vân với bốn câu thơ thì sang Thúy Kiều Nguyễn Du dành cho nàng mười hai câu thơ. Nếu Vân được miêu tả với vẻ đẹp hoàn hảo thì Thúy Kiều còn vượt lên trên cái hoàn hảo đó, nếu Vân Nguyễn Du chỉ nói đến sắc thì Kiều còn đẹp cả sắc lẫn tài, đó là vẻ đẹp của tuyệt thế giai nhân sắc sảo mặn mà.

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn”

Ở đây, Nguyễn Du rất thành công trong việc sử dụng nghệ thuật đòn bẩy: Miêu tả Vân trước để làm nền cho vẻ đẹp của Kiều. Chỉ bằng một câu thơ với các từ “càng”, “hơn” tác giả giúp người đọc hình dung rõ vẻ đẹp vượt trội của Kiều. Nàng không những tuyệt đỉnh về nhan sắc mà còn sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

“Làn thu thuỷ, nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Khi miêu tả Thúy Kiều, tác giả vẫn sử dụng bút pháp ước lệ thông qua các hình tượng thiên nhiên “thu thủy”, “xuân sơn” “hoa ghen”, “liễu hờn”. Chỉ có điều Nguyễn Du không liệt kê nhiều chi tiết như Vân à chỉ tập trung ở đôi mắt. Hình ảnh ước lệ “thu thủy” gợi tả đôi mắt Kiều đẹp trong như nước mùa thu, “xuân sơn” gợi lên đôi lông mày thanh tú trên khuôn mặt trẻ trung, đôi mắt ấy của Kiều chính là cửa sổ tâm hồn, thể hiện sự sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Sắc của Kiều làm cho người ta ngưỡng mộ say mê đến lỗi có thể “mất nước, mất thành”, con thiên nhiên thì ganh ghét, đố kỵ “hoa ghen” “liễu hờn”

Sắc đã vậy còn tài, tình của Kiều thì sao? Miêu tả Kiều tác giả dành một phần để nói về nhan sắc, còn dành đến hai phần để nói về tài năng. Đây chính là dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Du. Ông muốn nhấn mạnh sắc đẹp của Kiều thì không có bút pháp nào tả nổi. Về sắc đẹp của Kiều là số một còn về tài thì trong thiên hạ may ra có người thứ hai:

“Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai”

Kiều thông minh bẩm sinh, cái tài do trời phú. Tài năng của nàng đạt tới mức hoàn thiện theo quan niệm thẩm mỹ gồm cả “cầm, kỳ, thi, họa”

“Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Cung thương làu bậc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.”

Nàng thông minh bẩm sinh, có tài làm thơ, vẽ “pha nghề ca hát đủ mùi”. Đặc biệt tài đàn của nàng là nổi trội hơn cả – là sở trường, tiếng đàn của nàng thật hay, hay đến mức có thể ăn đứt bất cứ nghệ sĩ tài ba nào trong thiên hạ. Kiều không chỉ giỏi đánh đàn mà còn giỏi sáng tác nhạc, đến mức có thể soạn cho mình một bản nhạc về nhan đề “bạc mệnh” . Mỗi khi nàng chơi bản đàn đó đều khiến cho lòng người âu sầu, ảo não người nghe chau mày rơi lệ. Cung đàn “bạc mệnh” chính là sự ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm. Như vậy vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp cả sắc, tài và tình, một vẻ đẹp vượt qua ngoài khuôn khổ khiến cho tạo hóa ghen ghét đố kị.

“Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

Từ việc khắc họa bức chân dung Thúy Kiều tác giả dự báo về số phận éo le, đau khổ, một tương lai chìm nổi sẽ đến với nàng.

Mặc dù tài sắc của Thúy Kiều, Thúy Vân khác nhau dự báo về tương lai cuộc sống khác nhau.

**3. Kết bài**

Như vậy, bằng bút pháp ước lệ, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người, Nguyễn Du đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân dung hai chị em Vân – Kiều. Qua đó, chúng ta thấy được cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp, tài năng con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh đầy nhân văn ở Nguyễn Du.

**Đề 5: Cảm nhận của em về nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau: (\*)**

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương làu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

**1. Mở bài:**

 Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả người đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Chị em thúy Kiều” và đặc biệt nhất là 12 câu thơ miêu tả tài và sắc của nàng

**2. Thân bài**

**a.Khái quát về đoạn trích:** Số câu trong đoạn trích, thuộc phần nào của tác phẩm? Nội dung chính là gì?

 Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” gồm **24** câu thơ lục bát, nằm ở phần 1 “Gặp gỡ và đính ước” của tác phẩm “Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du tập trung miêu tả vẻ đẹp của chị em thúy Kiều để từ đó ca ngợi vẻ đẹp, đức hạnh và tài năng của những những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**b. Cảm nhận về nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều**

**b1. Khái quát nội dung và nghệ thuật ở 8 câu đầu**

 Ở phần đầu của đoạn trích, Nguyễn Du đã rất thành công khi sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng để giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều đồng thời miêu tả Thúy vân rất chi tiết cụ thể. Thông qua những câu thơ ấy, ta nhận ra ở hai nàng là cốt cách thanh tao cao quý và một tâm hồn trắng trong tinh sạch. Và đến 12 câu thơ tiếp, tác giả dành hết tài năng, tình cảm và tâm huyết của mình để miêu tả Thúy Kiều

**b2. Cảm nhận 12 câu tả Kiều**

 Sau những câu thơ miêu tả Thúy Vân, tác giả tập trung miêu tả Thúy Kiều với 12 câu thơ lục bát. Chỉ nhìn vào số lượng câu thơ miêu tả Kiều, ta có thể thấy ND đã dành cho nhân vật này mốt sự ưu ái đặc biệt. Nếu như tả Thúy Vân tác giả mượn cụm từ “*trang trọng khác vời*” thì khi tả Kiều, Nguyễn Du viết:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn”*

+ Ở đây tác giả đã sử dụng thủ pháp đòn bẩy để miêu tả Thúy Kiều. thông qua thủ pháp nghệ thuật ấy, Nguyễn Du muốn khẳng định Vân đã đẹp Kiều còn đẹp hơn đồng thời miêu tả như thế cũng là để vẻ đẹp của Thúy Vân không bị lu mờ trước vẻ đẹp của Thúy Kiều. Điểm này Nguyễn Du thật tinh tế.
+ Thúy Kiều mang vẻ đẹp “mặn mà,sắc sảo” tức là ở nàng vừa có cả sự đằm thắm dịu dàng, vừa có cả sự tinh anh về trí tuệ. Vẻ đẹp ấy được Nguyễn Du miêu tả ở cả hai phương diện là tài và sắc.

\*Nhan sắc của Thúy Kiều được tác giả miêu tả ở 3 câu thơ lục bát:

*“Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoag hen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng ngước nghiêng thành”*

+ Nếu như tả Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả rất chi tiết cụ thể, từ khuôn mặt đến đôi lông mày, từ giọng nói, nụ cười đến làn da, mái tóc thì khi tả Kiều tác giả chỉ tập trung miêu tả đôi mắt. Có lẽ bởi đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, nhìn vào đôi mắt, người ta có thể đoán biết được tâm tư, tình cảm.

+ Tả đôi mắt của Kiều, nhà thơ một lần nữa sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng (làn thu thủy nét xuân sơn). Để rồi qua bút pháp nghệ thuật ấy, ta nhận ra nàng có một đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đẹp như dáng núi mùa xuân- một đôi mắt biết nói, biết cười, biết yêu thương hờn giận, đôi mắt chứa đựng cả tình đời, tình người mênh mông. Đôi mắt ấy đã khiến cho bao đấng nam nhi phải mê say đắm đuối.

+ Kiều đẹp đến mức hoa phải ghen vì thua sắc thắm, liễu phải hờn vì kém sắc xanh. Phép nhân hóa có tính chất cường điệu “hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” như một lời khẳng định vẻ đẹp của Thúy Kiều đã vượt hơn hẳn vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên phải ghen hờn, đố kị. Không cần nói nhan sắc của Kiều ra sao, chỉ cần nói hoa còn phải ghen, liễu còn phải hờn với nhan sắc của Kiều thì tưởng như với nhan sắc ấy, không lời nào có thể diễn tả nổi nữa. Tuy nhiên, nếu đọc kĩ lại từng câu, từng lời, ta sẽ thấy dường như trong vẻ đẹp của Kiều đã ẩn chứa những mầm tai hoạ. Một tương lai không bình lặng, một cuộc đời đầy thử thách có lẽ đã đang đón đợi nàng.

+ Vẫn miêu tả Thúy Kiều, Nguyễn Du còn sử dụng nghệ thuật Việt hóa điển tích. Người Trung Quốc có điển tích “khuynh quốc khuynh thành” để nói về những cô gái đẹp. Điển tích ấy làm ta nhớ đến vẻ đẹp của Tây Thi đã làm cho vua Ngô Phù Sai vì đắm say mà quên việc nước hay vẻ đẹp của Điêu thuyền khiến cho Lữ Bố và Đổng Trác vì mê mẩn mà quên việc binh. Dùng điển tích ấy để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều là ND muốn khẳng định vẻ đẹp của nàng cũng chẳng thua kém gì các mĩ nhân thủa trước. Nó cũng có thể khiến cho “nghiêng nước nghiêng thành”.

 =>Như vậy chỉ với một vài câu thơ lục bát, bằng bút pháp ước lệ tượng trưng, biện pháp tu từ nhân hóa, nghệ thuật đòn bẩy và các từ ngữ chọn lọc, Nguyễn Du đã vẽ ra trước mắt người đọc bức chân dung của một tuyệt thế giai nhân. Thúy Kiều mang vẻ đẹp mà có lẽ trên thế gian này không ai có thể sánh được.

\* Tuy nhiên, người thiếu nữ ấy không chỉ có nhan sắc mà tài năng cũng xuất chúng hơn người. Tài năng ấy được Nguyễn Du diễn tả ở bảy câu thơ tiếp:

“Thông minh vốn sẵn tính trời

 Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm

Cung thương, lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên "bạc mệnh" lại càng não nhân”

+ Theo Nguyễn Du miêu tả thì **sự thông minh của Thúy Kiều là do trời phú**. Và có lẽ vì thế mà nàng **rất** đa tài. Kiều am hiểu rất nhiều các bộ môn nghệ thuật. Từ cầm, kì, thi họa, tài năng nào của nàng cũng đạt đến trình độ đỉnh cao, xuất chúng. Các từ “đủ mùi, làu, ăn đứt” đã chứng minh cho điều đó. Thế nên Nguyễn Du mới khẳng định về nàng là “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”(tức là về nhan sắc thì trên thế gian này không ai có thể sánh kịp nàng còn tài năng thì họa chăng may ra mới có một người vượt qua).

+ Và trong tất cả các bộ môn nghệ thuật, Thúy Kiều giỏi nhất là đánh đàn. Tiếng đàn của nàng từng được Nguyễn Du ca ngợi:

*“Trong như tiếng hạc bay qua*

*Đục ngư tiếng suối mới sa nửa vời*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài*

*Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa”*

+Chỉ với vài phép so sánh, Nguyễn Du đã cho người đọc thấy được tài năng xuất chúng của Thúy Kiều. Tiếng đàn của nàng mang nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau, lúc trầm lúc bổng, lục nhặt lúc khoan. Tiếng đàn ấy dường như mang cả nỗi lòng, tâm tư của nàng. Hơn nữa nàng còn biết tự sáng tác nhạc. “Thiên Bạc mệnh” do nàng sáng tác đã khiến cho người nghe ai nấy đều cảm thấy đau xót, não nề, và nó cũng là minh chứng cho một trái tim đa sầu đa cảm.

3.Đánh giá nghệ thuật và nội dung

 ND đã thực sự rất thành công khi miêu tả Thúy Kiều trong đoạn thơ này. Không cầu kì, không kĩ lưỡng, chỉ với một vài thủ pháp nghệ thuật, Nguyễn Du đã cho ta thấy được Thúy Kiều là một người con gái **tài sắc vẹn toàn**. Nhưng theo thuyết “Hồng nhan bạc phận, tài mệnh tương đố” thì cuộc đời nàng hẳn sẽ khó tránh khỏi những tai ương, nghiệt ngã. Và đằng sau bức chân dung tuyệt sắc ấy, ta không khó để cảm nhận được một sự trân trọng đặc biệt của nhà thơ dành cho Thúy Kiều nói riêng và nói chung là dành cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**3. Kết bài**

 Có thể nói rằng “Chị em Thúy Kiều” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích này nhất là 12 câu thơ miêu tả Thúy Kiều đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Có khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm yêu mến, trân trọng những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tác phẩm ấy đã đem đến cho chúng ta những bài học vô dùng sâu sắc. Đó là bài học về lẽ công bằng, bài học về tình người trong xã hội. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam

**Đề 6: Cảm nhận về vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” ( \*)**

**1. Mở bài:**

 Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả người đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Chị em thúy Kiều”. Đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát về đoạn trích: Số câu trong đoạn trích, thuộc phần nào của tác phẩm? Nội dung chính là gì?**

 Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” gồm **24** câu thơ lục bát, nằm ở phần 1 “Gặp gỡ và đính ước” của tác phẩm “Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du tập trung miêu tả vẻ đẹp của chị em thúy Kiều để từ đó ca ngợi vẻ đẹp, đức hạnh và tài năng của những những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**b.Vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều**

**b1. Họ mang vẻ đẹp “mười phân vẹn mười”**

- Mở đầu đoạn trích, ND đã giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều qua 4 câu thơ lục bát. Và chỉ với bốn câu thơ, tác giả đã làm nổi bật được tên gọi. vai vế và cả vẻ đẹp của Thúy vân và Thúy Kiều

*“Đầu lòng hai ả tố nga*

*Thúy Kiều là chị em là Thúy vân*

*Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”*

+ Đọc lời thơ, ta dễ dàng nhận ra tác giả đã sử dụng kết hợp giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học. Nếu như “ả” là từ ngữ mà người dân lao động thường dùng để chỉ những người con gái thì “tố nga” lại là một từ Hán Việt. “Tố nga”có nghĩa là người con gái đẹp. Việc sử dụng từ HV kết hợp với ngôn ngữ bình dân làm cho tác phẩm trở nên gần gũi nhưng cũng vô cùng trang trọng. Và dường như cách dùng từ ngữ ấy cũng làm nên nét trang trọng cho hai nhân vật trong đoạn trích này.

- Miêu tả hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng và bút pháp lí tưởng hóa nhân vật:

*“Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”*

+ Xưa nay người ta tường mượn hình ảnh của liễu để miêu tả vẻ đẹp của những người con gái nhưng Nguyễn Du lại mượn nhành mai bởi cây mai mộc mạc, giản dị nhưng rất đối thanh tao, gầy guộc, khẳng khiu nhưng lại tràn đầy sức sống. Nguyễn Du còn mượn tuyết để miêu tả tâm hồn của họ. Thử hỏi trên đời này còn thứ gì trắng trong, tinh sạch hơn tuyết? Hẳn là hai nhân vật của chúng ta phải có cốt cách yểu điệu, thanh tao lắm, có tâm hồn trong sáng tinh sạch lắm mới được ND miêu tả như vậy.

+ Nhưng cái hay của Nguyễn Du khi miêu tả hai nhân vật này là ông đã giúp người đọc thấy được ở họ mỗi người mang một vẻ đẹp riêng nhưng cả hai đều “mười phân vẹn mười” tức là họ đẹp một cách toàn diện. Đó ko chỉ là vẻ đẹp của hình thức bên ngoài mà còn là một tâm hồn đẹp.

**b2. Thúy Vân mang vẻ đẹp đoan trang,quý phái, tươi tắn, phúc hậu.**

 Nếu như ở 4 câu thơ đầu tác giả giới thiệu chung về hai nhân vật thì ở 4 câu thơ tiếp theo, Nguyễn Du lại tập trung ngòi bút, tình cảm và tài năng của mình để miêu tả nhân vật Thúy Vân:

*“Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”*

+ Miêu tả Thúy Vân, tác giả miêu tả từ khái quát đến cụ thể, ông chỉ “xem” tức là chỉ quan sát để miêu tả ngoại hình. Tả vân, tác giả khằng định “ Vân xem trang trọng khác vời”. “Trang trọng” ở đây có nghĩa là quý phái, đoan trang, lịch sự. Vậy điều gì đã làm nên nét trang trọng đó? Phải chăng đó chính là một khuôn mặt trong đầy, sáng đẹp như trăng rằm, một đôi lông mày cong cong đậm nét, một nụ cười tươi như hoa, một giọng nói trong như ngọc.Tất cả những điều đó, thông qua bút pháp ước lệ tượng trưng đã làm nên nét quý phái, trang trọng của Thúy Vân.

+ Cùng với bút pháp ước lệ tượng trưng, miêu tả Thúy Vân, Nguyễn Du còn sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa thông qua một ý thơ có tính chất phóng đại:

“Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”

+ “Thua, nhường” là chấp nhận chịu kém hơn và trong đó có cả sự cảm phục. Mái tóc của Vân mượt mà, bồng bềnh đẹp hơn những làn mây, làn da của nàng đến tuyết cũng không thể sánh được. Lời thơ như muốn nhấn mạnh rằng vẻ đẹp của Thúy Vân còn vượt lên cái đẹp vốn rất tuyệt vời của Thiên nhiên, làm cho thiên nhiên phải thán phục. Và cũng thông qua cách miêu tả ấy, Nguyễn Du đã phần nào dự báo được về tương lai của nàng. Cuộc đời nàng hẳn sẽ được bình yên và hạnh phúc.

=>Như vậy chỉ với 4 câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã vẽ lên bức chân dung của một trang tuyệt sắc. Thúy vân hiện lên với vẻ đẹp phúc hậu, quý phái, tươi tắn, đoan trang, phúc hậu và tràn đầy sức sống. Và cũng qua những câu thơ này, Nguyễn Du đã phần nào dự báo được một cuộc đời bình yên, tốt đẹp sẽ đón đợi nàng phía trước.

**b3. Nhan sắc của Thúy Kiều**

 - Sau những câu thơ miêu tả Thúy Vân, tác giả tập trung miêu tả Thúy Kiều với 12 câu thơ lục bát. Chỉ nhìn vào số lượng câu thơ miêu tả Kiều, ta có thể thấy ND đã dành cho nhân vật này mốt sự ưu ái đặc biệt. Nếu như tả Thúy Vân tác giả mược cụm từ “trang trọng khác vời” thì khi tả Kiều, Nguyễn Du viết:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn”*

+ Ở đây tác giả đã sử dụng thủ pháp đòn bẩy để miêu tả Thúy Kiều. thông qua thủ pháp nghệ thuật ấy, Nguyễn Du muốn khẳng định Vân đã đẹp Kiều còn đẹp hơn đồng thời cũng để vẻ đẹp của Thúy Vân không bị lu mờ trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

+ Thúy Kiều mang vẻ đẹp “mặn mà,sắc sảo” tức là ở nàng vừa có cả sự đằm thắm dịu dàng, vừa có cả sự tinh anh về trí tuệ. Vẻ đẹp ấy được Nguyễn Du miêu tả ở cả hai phương diện là tài và sắc. Nhan sắc của Thúy Kiều được TG miêu tả ở 3 câu thơ lục bát:

*“Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoag hen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng ngước nghiêng thành”*

+ Nếu như tả Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả rất chi tiết cụ thể, từ khuôn mặt đến đôi lông mày, từ giọng nói, nụ cười đến làn da, mái tóc thì khi tả Kiều tác giả chỉ tập trung miêu tả đôi mắt. Có lẽ bởi đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, nhìn vào đôi mắt, người ta có thể đoán biết được tâm tư, tình cảm.

+ Tả đôi mắt của Kiều, nhà thơ một lần nữa sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng (làn thu thủy nét xuân sơn). Để rồi qua bút pháp nghệ thuật ấy, ta nhận ra nàng có một đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đẹp như dáng núi mùa xuân- một đôi mắt biết nói, biết cười, biết yêu thương hờn giận, đôi mắt chứa đựng cả tình đời, tình người mênh mông. Đôi mắt ấy đã khiến cho bao đấng nam nhi phải mê say đắm đuối.

+ Vẻ đẹp của Kiều còn khiến cho hoa phải ghen vì thua sắc thắm, liễu phải hờn vì kém sắc xanh. Phép nhân hóa có tính chất cường điệu “hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” như một lời khẳng định vẻ đẹp của Thúy Kiều đã vượt hơn hẳn vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên phải ghen hờn, đố kị. Không cần nói nhan sắc của Kiều ra sao, chỉ cần nói hoa còn phải ghen, liễu còn phải hờn với nhan sắc của Kiều thì tưởng như với nhan sắc ấy, không lời nào có thể diễn tả nổi nữa. Tuy nhiên, nếu đọc kĩ lại từng câu, từng lời, ta sẽ thấy dường như trong vẻ đẹp của Kiều đã ẩn chứa những mầm tai hoạ. Một tương lai không bình lặng, một cuộc đời đầy thử thách có lẽ đã đang đón đợi nàng.

+ Vẫn miêu tả Thúy Kiều, Nguyễn Du còn sử dụng nghệ thuật Việt hóa điển tích. Người Trung Quốc có điển tích “khuynh quốc khuynh thành” để nói về những cô gái đẹp. Điển tích ấy làm ta nhớ đến vẻ đẹp của Tây Thi đã làm cho vua Ngô Phù Sai vì đắm say mà quên việc nước hay vẻ đẹp của Điêu thuyền khiến cho Lữ Bố và Đổng Trác vì mê mẩn mà quên việc binh. Dùng điển tích ấy để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều là ND muốn khẳng định vẻ đẹp của nàng cũng chẳng thua kém gì các mĩ nhân thủa trước. Nó cũng có thể khiến cho “thành nghiêng, nước đổ.

**c. Đánh giá**

 Như vậy, với bút pháp ước lệ tượng trưng, lí tưởng hóa nhân vật, biện pháp tu từ nhân hóa và các từ ngữ chọn lọc, đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã giúp người đọc cảm nhận được một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp của hai chị em Thúy Vân và Thúy Kiều. Thông qua hai bức chân dung tuyệt sắc ấy, ta nhận ra tình cảm yêu mến, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho 2 nàng và cũng là cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**3. Kết bài**

 Có thể nói rằng “Chị em Thúy Kiều” là đoạn trích đặc sắc nhất trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích đã khơi gợi trong ta không tít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du, khiến ta thêm yêu mến, trân trọng hơn những người phụ nữ trong xã hội phong kiến đương thời và cả những người phụ nữ trong xã hội hiện đại. Phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử,”Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc

**Đề 7: Nêu cảm nhận của em về số phận người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến thông qua hình ảnh Vũ Thị Thiết ( Chuyện người con gái Nam Xương) và Thuy Kiều ( Truyện Kiều) – Dạng đề mở rộng ( \*)**

**1. Mở bài:**

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ Việt Nam xưa.

- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) và Truyện Kiều (Nguyễn Du).

**2. Thân bài:**

- Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

   + Đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh. Hồng nhan đa truân.

- Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết, vĩnh viễn không thể đoàn tụ với gia đình chồng con… - Nàng Vũ Thị Thiết.)

- Số phận Vương Thuý Kiều: Bi kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần ( Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần…).

   + Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Căm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trà đạp lên nhân phẩm cuộc đời họ…

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

   + Tài sắc vẹn toàn:

   + Chung thuỷ son sắt (Vũ Thị Thiết)

   + Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tự do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

**3. Kết bài:**

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa.

- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay…

**Đề 8: Cảm nhận về tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du thông qua đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều”**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. “Truyện Kiều” của ông được coi là kiệt tác ngàn đời trong kho tàng văn chương dân tộc. Một trong những yếu tố làm nên giá trị của tác phẩm chính là giá trị nhân đạo. Ở vị trí mở đầu của tác phẩm đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã thể hiện sâu sắc tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

**2. Thần bài**

**a. Khái quát**: Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du được thể hiện qua sự ngưỡng mộ một vẻ đẹp của người con gái đầu lòng nhà họ Vương. Đặc biệt là sự trân trọng vẻ đẹp tinh thần, tài năng của Thúy Vân, Thúy Kiều. Tấm lòng nhân đạo ấy còn được thể hiện trong dự cảm với số phận nàng Kiều qua bức chân dung được khắc họa.

**b. Trước hết tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du được thể hiện ở sự ngợi ca vẻ đẹp tài năng của con người**

Với bút pháp ước lệ tượng trưng tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thúy Kiều: “ Mai cốt cách tuyết tinh thần”. Hai hình ảnh ước lệ “ Mai cốt cách” ( cốt cách của cây mai mảnh dẻ thanh cao), “ tuyết tinh thần” (tinh thần trắng và trong sạch như tuyết) đã gợi tả vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều. Hai chị em Thúy Kiều cốt cách duyên dáng, thanh cao như cây mai và tinh thần trong trắng như tuyết đó là vẻ đẹp hoàn hảo cả hình thức, lẫn tâm hồn. Hai chị em đều đẹp với vẻ đẹp “mười phân vẹn mười” xong mỗi người lại mang một nét đẹp riêng khác nhau “mỗi người một vẻ” đúng là cách nhìn đầy ngợi ca trân trọng của tác giả.

 + Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân tác giả viết: *“ Vân xem trang trọng khác vời*

 *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

 *Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

 *Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”*

 Chỉ hai chữ “trang trọng” đã gợi tả ở Thúy Vân một vẻ đẹp cao sang, quý phái vẻ đẹp ấy được so sánh với vẻ đẹp chuẩn mực của thiên nhiên như: “ trăng”, “ hoa”, “ mây”, “tuyết”, “ngọc”… dưới ngòi bút của thi nhân chân dung của Thúy Vân hiện ra từ khuôn mặt, nét ngài, làn da, mái tóc, đến nụ cười, giọng nói, khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm, lông mày sắc nét như con ngài, Miệng cười tươi tắn như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra như hàm răng ngọc ngà là những lời đoan trang. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên, một vẻ đẹp của sự hòa hợp êm đều xung quanh. Từ thông điệp nghệ thuật này, ắt hẳn Vân sẽ có một cuộc đời bình yên không sóng gió.

 + Gợi tả vẻ đẹp của của Thúy Kiều: Tác giả khái quát

 *“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

 *so bề tài sắc lại là phần hơn”*

 Như vậy Nguyễn Du đã miêu tả Thuý Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kỹ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn. Từ “càng” đứng trước hai từ láy liên tiếp “sắc sảo, mặn mà” làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều: sắc sảo của trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Vẫn là những hình tượng nghệ thuật ước lệ được nhà thơ sử dụng để ngợi ca nhan sắc của Thúy Kiều.

*“ Làn thu thủy nét xuân sơn*

 *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

 *Sắc đành đòi một tài đành họa”*

 Nguyễn Du không thiên về cụ thể như tả Thúy Vân, mà ở đây ông chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn” vẽ hồn của chân dung. Bởi đôi mắt là cửa sổ tâm hồn thể hiện phần tinh anh của trí tuệ, của tâm hồn. Cái sắc sảo của trí tuệ, cái mặn mà của tâm hồn đều liên quan đến đôi mắt.Hình ảnh ước lệ “Làn thu thủy” là làn nước của mùa thu gợn sóng gợi lên thật đẹp sinh động, vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng long lanh, linh hoạt, thăm thẳm. Còn “nét xuân sơn” - núi mùa xuân, gợi lên đôi lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân, vẻ đẹp của Kiều khiến hoa phải ghen, liễu phải hờn, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà miêu tả sự đố kị ghen ghét với vẻ đẹp hay sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy “nghiêng nước nghiêng thành” là cách nói sáng tạo, điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng cái đẹp của Thúy Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người.

 Tạo hóa không chỉ ban cho nàng vẻ đẹp tuyệt vời, mà còn phú cho nàng trí tuệ thông minh tuyệt đối:

*“ Thông minh vốn sẵn tính trời*

 *Pha nghệ thi họa đủ mùi cá ngâm*

 *Cung Thương lầu bậc ngũ âm*

 *Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

*Khúc nhà tay lửa lên trương*

 *Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”*

 Tài năng của Thúy Kiều đã đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, đủ cả cầm, kỳ, thi, họa, đặc biệt tài đàn của nàng còn vượt trội hơn cả “lầu bậc ngũ âm”. Nàng đã soạn riêng một khúc “bạc mệnh” mà ai nghe cũng phải não lòng. Đây chính là biểu hiện của con người có trái tim đã sầu, đa cảm. Tả sắc, tài của Thúy Kiều là Nguyễn Du muốn ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng. Vẻ đẹp của Thúy Kiều là sự kết hợp sắc, tài, tình đều đạt tới mức tuyệt vời Thúy Vân và Thúy Kiều ở dưới ngòi bút của Nguyễn Du không chỉ có nhan sắc tuyệt vời mà còn có đức hạnh khuôn phép. Dù đã đến tuổi cài trâm búi tóc nhưng hai chị em vẫn:

 *“Êm đềm trướng rủ màn che*

 *Tường đông ong bướm đi về mặc ai”*

Ngợi ca vẻ đẹp của chi emThúy Kiều Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị phẩm giá của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh. Sự ngưỡng mộ, ngợi ca của người phụ nữ trong xã hội “ trọng nam khinh nữ” chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân đạo.

**c. Tấm lòng nhân đạo ấy còn được thể hiện trong dự cảm về số phận nhân vật Kiều qua bức chân dung được khắc họa**. Dưới ngòi bút của đại thi hào Nguyễn Du, chân dung Thúy Kiều là bức chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp “chim sa cá lặn” của nàng khiến cho tạo hóa phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác và đố kỵ. Tài năng, trí tuệ thiên bẩm và tâm hồn đa sầu, đa cảm khiến nàng khó tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã. Thi nhân dự báo số phận của Thúy Kiều phải chịu nhiều đau khổ:

*“Lạ gì bỉ sắc tư phong*

*Trời xanh quen thôi má hồng đánh ghen”*

 Nhất là cung đàn “bạc mệnh” đầy đau khổ, sầu não do Kiều soạn riêng cho mình, như dự báo cuộc đời hồng nhan bạc phận dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh, cũng là biểu hiện của tấm lòng thương cảm sâu sắc đối với con người, là biểu hiện của cảm hứng nhân đạo, nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du dành cho nhân vật Thúy Kiều ngay từ những vần thơ mở đầu tác phẩm - đoạn trích Chị em Thúy Kiều.

 **3. Kết bài**

 Nguyễn Du - nhà thơ thiên tài của dân tộc ta đã dành toàn bộ tâm huyết, sức lực tài năng để sáng tạo bức chân dung chị em Thúy Kiều. Với sự kết hợp tại tình giữa bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng sáng tạo nghệ thuật so sánh, nhân hóa và ngôn ngữ tinh tế tả ít gợi nhiều. Nguyễn Du đã vẽ nên bức chân dung toàn mĩ về “hai ả tố nga” bằng thơ sáng giá nhất cho nền văn học trung đại để biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân đạo của mình. Cảm hứng nhân đạo của “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần đem đến những giá trị tư tưởng đặc sắc giá trị nhân bản của kiệt tác “Truyện Kiều”. Đọc đoạn trích, đọc tác phẩm chúng ta tự hào Nguyễn Du một trái tim chan chứa yêu thương, đồng cảm với số phận con người một tài năng về thi ca rực rỡ của văn học nước nhà.

**LUYỆN ĐỀ THPT:**

**- Đề 1**: Viết đoạn văn giới thiệu đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du.

**- Đề 2:** Phân tích chân dung của Thúy Vân, Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”.

**- Đề 3:** Em hiểu như thế nào là bút pháp ước lệ tượng trưng được Nguyễn Du sử dụng như thế nào ? Hãy lựa chọn một câu thơ tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề trên.

**Đề 4**: Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” thể hiện cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua việc miêu tả chân dung nhân vật và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh. Qua 12 câu thơ miêu tả về Thúy Kiều em hãy làm sang tỏ ý kiến trên.

**Đề 5**: Nghê thuật miêu tả chân dung nhân vật qua đoạn trích:

“Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

... Hoa ghen thu thắm, Liễu hờn kém xanh”

**Đề 6**: Em hiểu như thế nào là nghệ thuật ước lệ tượng trưng. Phân tích bút pháp ước lệ tượng trưng qua đoạn trích:

“ Làn thu thủy nét xuân sơn

... Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”

 **Đề 4**: Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” thể hiện cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua việc miêu tả chân dung nhân vật và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh. Qua 12 câu thơ miêu tả về Thúy Kiều em hãy làm sang tỏ ý kiến trên.

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

*( Nguyễn Du)*

 **Cảm nhận về diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều thể hiện qua đoạn trích *“Kiều ở lầu Ngưng Bích”* (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu Nguyễn Du và “Truyện Kiều”.

- Giới thiệu đoạn trích và vấn đề cần nghị luận: Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

- Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần 2 của “Truyện Kiều”, Tú Bà đưa Kiều ra sống một mình ở lầu Ngưng Bích thực chất là giam lỏng Kiều, rắp tâm chuẩn bị một âm mưu mới.

**2. Cảm nhận**

**a. Khung cảnh trước lầu Ngưng Bích**

**-** Sau bao sóng gió dập vùi, lầu Ngưng Bích là chốn yên thân của Thúy Kiều:

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung”*

- Hai chữ “khóa xuân” đã nói lên hoàn cảnh đáng thương đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích của Kiều

- Đặc biệt, từ “khóa xuân” thường được sử dụng để chỉ người con gái đẹp trong gia đình quyền quý thời xa xưa bị khóa kín tuổi xuân trong những khuôn khổ, phép tắc của gia đình và xã hội. Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng từ “khóa xuân” với hàm ý mỉa mai để nói về cảnh ngộ xót xa, trớ trêu của Thúy Kiều.

**-** Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích hiện lên mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo:

*“Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

- Không gian vô cùng rộng lớn, mênh mông, bát ngát:

+ “Xa trông” gợi lên sự trông ngóng của Thúy Kiều về một dấu hiệu của sự sống hay quen biết nào đó.

+ Hình ảnh liệt kê “non xa, trăng gần” gợi không gian dài rộng, cao sâu vô tận. Đồng thời gợi sự chơ vơ, chênh vênh, trơ trọi của lầu Ngưng Bích.

+ Từ láy “bát ngát” càng tô đậm hơn cái vô cùng, vô tận của không gian.

- Không gian vô cùng trống trải, hoang vắng, không có dấu hiệu của sự sống:

+ Hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “bụi hồng” đã nói lên sự phai nhạt của sự sống và ngổn ngang của cảnh vật

+ Cặp tiểu đối “mây sớm” và “đèn khuya” gợi nỗi hắt hiu, trống vắng mênh mông của thiên nhiên

=> Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích cô liêu, thiếu vắng sự sống, gợi nỗi buồn cho thân phận nhân vật

**-** Quang cảnh đã gợi ở Kiều bao nỗi niềm tâm trạng:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

- Sự cô đơn, lẻ loi đến cùng cực:

+ Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người và khắc sâu thêm nỗi cô đơn

+ Trong khung cảnh “bốn bề bát ngát” đó, Kiều chỉ biết bầu bạn với những vật vô tri, vô giác.

- Sự ngổn ngang tram mối day dứt, âu lo:

- Nỗi chua xót, “bẽ bàng” cho thân phận:

+ Bị đày đọa trong không gian vô cùng và thời gian vô tận lại càng khắc sâu nỗi cô đơn cùng cực khiến nàng cảm thấy “bẽ bàng”

+ Cum từ “như chia tấm lòng” diễn tả nỗi niềm chua xót, nỗi lòng tan nát của Kiều

=> Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương.

**b. Nỗi nhớ của Kiều.**

**b.1. Nỗi nhớ chàng Kim:**

**\*** Trong cảnh ngộ cô đơn nơi chân trời góc bể, Kiều đau đớn nhớ tới chàng Kim, mối tình đầu mãnh liệt mà trong sáng của nàng:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,*

*Tin sương luống những rày trông mai chờ”*

- Tại sao nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ đến trước mà không phải là cha mẹ? Bởi khi Kiều bán mình chuộc cha là nàng đã làm chữ hiếu dang dở chữ tình. Cái mặc cảm của một kẻ phụ tình luôn thường trực trong suy nghĩ của nàng nên nó đã xuất hiện trước.

- Nói về nỗi nhớ của Thúy Kiều, Nguyễn Du không dùng từ “nhớ” mà dùng từ “tưởng”:

+ Từ “tưởng” vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu.

+ Kiều “tưởng” như thấy lại đêm trăng đẹp nhất của cuộc đời mình. Cái đêm mà nàng cùng Kim Trọng thề nguyền đính ước bên nhau.

+ Thúy Kiều như tưởng tượng thấy, ở nơi xa kia, người yêu cũng đang nhớ về mình, đang ngày đêm đau đáu chờ tin nàng: “Tin sương luống những rày trông mai chờ”.

**\***Càng nhớ chàng Kim, càng nuối tiếc mối tình đầu, Kiều càng thấm thía tình cảnh của mình:

*“Bên trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

+ Kiều tủi nhục khi tấm lòng son đã bị vùi dập, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa được

+ Dẫu vậy, tấm lòng thủy chung, son sắt của nàng vẫn không nguôi nhớ về Kim Trong.

=> Tấm lòng vị tha, thủy chung son sắt trước sau như một của Thúy Kiều thật đáng trân trọng.

**b.2. Nỗi nhớ cha mẹ ở nơi xa:**

Tâm trạng đau đớn, thương nhớ người yêu hẳn chưa nguôi, Kiều lại chồng chất thêm nỗi nhớ thương cha mẹ:

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*

*Sân lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

- Chữ “xót” diễn tả một cách chính xác tấm lòng của Kiều dành cho cha mẹ.

- Nàng xót xa khi hình dung ra chốn quê nhà cha mẹ vẫn ngày đêm tựa cửa ngóng trông, lo lắng cho nàng

- Nàng tự trách bản thân mình vì chưa làm tròn chữ hiếu:

+ Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” cho thấy sự day dứt khôn nguôi vì không thể tự hầu hạ, chăm sóc, nâng giấc cho cha mẹ.

+ Nàng lo lắng không biết giờ đây ai là người chăm sóc cha mẹ khi thời tiết đổi thay.

+ Nàng tưởng tượng nơi quê nhà đã đổi thay, “gốc tử đã vừa người ôm”, thời gian trôi đi mẹ càng ngày càng già yếu mà mình thì không thể phụng dưỡng.

- Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa nói được sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi sự tàn phá của thời gian đối với cảnh vật của con người, làm cho cha mẹ ngày càng già yếu, và cần bàn tay chăm sóc của nàng.

- Nỗi nhớ được bộc lộ qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm nên càng chân thực, cảm động.

=>Nỗi nhớ của Kiều dành cho Kim Trọng và cha mẹ nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích, nàng mới là người đáng thương nhất. Nhưng quên đi cảnh ngộ của bản thân, nàng đã hướng yêu thương và những người thân yêu nhất. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một con người có tấm lòng vị tha, cao cả.

**c. Nỗi buồn của Kiều.**

**-** Mọi cảnh vật qua con mắt của Kiều đều gợi lên những nét buồn da diết:

+ Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại và điệp từ: Mỗi cặp lục bát làm thành một cảnh và đều được tác giả khắc họa, liên kết qua điệp từ “buồn trông”.

+ “Buồn trông” có nghĩa là buồn mà nhìn ra xa trông ngóng một gì đó mơ hồ sẽ đến làm đổi thay hiện tại, nhưng trông mà vô vọng

+ “Buồn trông” có cái thăng thốt lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tầm nhìn của người con gái ngây thơ, lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang trái, mang tính dự cảm hãi hùng.

- Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với những hình ảnh đứng sau đó đã diễn tả nỗi buồn ngày càng tăng với nhiều sắc đọ khác nhau như những con song lòng không sao chịu nổi, những nỗi buồn vô vọng, vô tận:

**\* Cảnh đầu tiên:**

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

+ Là bức tranh của cảnh chiều hôm nhớ nhà. Thời gian “chiều hôm” khiến cho nỗi buồn thân phận trở nên thấm thía

+ Hình ảnh ẩn dụ “cánh buồm” là hình ảnh rất đắt để thể hiện ngoại cảnh và nội tâm nhân vật. Cánh buồm nhỏ nhoi đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt. Con thuyền mỗi lúc một xa, rồi gần như mất hút, biết bao giờ mới tìm dược bến bờ neo đậu; cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.

=> Cảnh ấy gợi trong lòng người lưu lạc nỗi buồn nhớ da diết về quê nhà xa cách

\* Cảnh thứ hai:

*“Buồn trông ngọn nước mới xa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?”*

+ Cùng với hình ảnh “cành buồm”, hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi” cũng thể hiện cho nỗi buồn, cho thân phận lênh đênh, nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều

+ Câu hỏi tu từ cho thấy sự mất phương hướng, gợi một nỗi băn khoăn thấp thỏm.

+ Tạo dựng được một bức tranh tương phản: một bên là không gian của cửa bể lúc thủy triều lên và một bên là hình ảnh những cánh hoa tàn trôi man mác trên mặt nước. Tác giả đã tô đậm sự nhỏ bé, lênh đênh, trôi dạt của con thuyền, của những cánh hoa đã tàn, đã rụng.

=> Câu thơ ẩn dụ cho thân phận nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều rồi sẽ trôi dạt, bị vùi dập nơi cao.

**\* Cảnh thứ ba:**

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

+ Đây là cảnh khá ấn tượng, dễ gợi liên tưởng đến cảnh xuân hôm nào trong tiết thanh minh. Tuy nhiên, không phải là “cỏ non xanh tận chân trời” đầy sức sống mà là “nội cỏ rầu rầu” với sắc xanh héo úa, nhàn nhạt trải từ mặt đất đến chân mây

+ Nét vẽ không gian: “nội cỏ”, chân mây”, “mặt đất” gợi một không gian, vô cùng rộng lớn đang đầy ải nàng Kiều

+ Từ láy “rầu rầu” vẽ nên cả một vùng cỏ cây tàn héo, và gợi nỗi sầu thương cô lẻ.

+ Từ láy “ xanh xanh” gợi một sắc xanh nhạt nhòa, xa cách, nhạt phai

=>Cảnh mờ mịt như tương lai mờ mịt, Thúy Kiều cảm nhận rõ sự cô đơn, nhỏ nhoi của thân phận.

**\* Cảnh cuối:**

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng song kêu quanh ghế ngồi”*

+ Bức tranh thiên nhiên dữ dội và đầy biến động: Gió cuốn mặt duềnh đầy giận dữ; sóng thì ầm ầm kêu réo khi thủy triều lên: thậm chí Kiều còn có cảm giác những con sóng dữ dội kia đang bủa vây ngay sát bên mình.

+ Thiên nhiên là một ẩn dụ cho những biến cố kinh hoàng sắp sửa ập xuống cuộc đời nàng: ẩn dụ cho những con sóng số phận sắp sửa chôn vùi nàng: ẩn dụ cho một tương lai đầy sóng gió.

=> Thiên nhiên hiện lên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Cảnh được nhìn từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến bão táp của nội tâm.

=> Tám câu cuối là đoạn thơ tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du. Đó là cách biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”, là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.

**3. Đánh giá chung:**Với bút phát nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, Nguyễn Du đã khắc họa thật rõ nét từng nỗi lòng tâm trạng, nỗi buồn đau đáu của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích, đồng thời cũng làm sáng lên tấm lòng thuỷ chung, đức tính hiếu thảo rất đáng được trân trọng ở Thuý Kiều.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân.

**Đề 1: Phân tích đoạn trích “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du đại thi hào của dân tộc ta, một danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi ông gắn với kiệt tác “Truyện Kiều”. Ngoài hai giá trị lớn là giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo, Truyện Kiều còn rất thành công về mặt nghệ thuật. Chỉ xét riêng về nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật và bút pháp tả cảnh ngụ tình, Nguyễn Du đã đạt đến độ tinh tế. Điều đó được thể hiện qua đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. Qua đoạn trích tác giả đã miêu tả thành công cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

Đoạn trích nằm ở phần thứ hai "Gia biến và lưu lạc". Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt và làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà sợ mất cả vốn lẫn lời, bèn lựa lời khuyên giải, cho người mua thuốc thang và hứa hẹn khi nàng bình phục, sẽ gả nàng cho một người đàn ông tốt nhưng thực chất là giam lỏng Kiều ở lầu Ngưng Bích, chờ thời cơ thực hiện âm mưu mới. Đoạn trích là những lời tự bộc bạch, là nỗi lòng cô đơn, buồn tủi của Kiều khi nhớ về người yêu, khi nghĩ về số phận đớn đau của đời mình.

Từ một thiếu nữ tài sắc sống trong cảnh “êm đềm trướng rủ màn che”, Kiều đã trở thành món hàng trong màn mua bán của Mã Giám Sinh và giờ đây nàng đang sống trong cô đơn, nhớ thương đau buồn, lo âu nơi lầu Ngưng Bích.

**b. Luận điểm 1: Tâm trạng của Thúy Kiều trước cảnh lầu Ngưng Bích**

Thiên nhiên trong sáu câu thơ đầu được miêu tả hoang vắng, bao la đến rợn ngợp:

 *“Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

 *Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia”*

Sáu câu thơ đầu, tác giả nói lên hoàn cảnh sống và nỗi niềm cô đơn, tội nghiệp của nàng Kiều. Ngay câu thơ mở đầu: "Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân", Nguyễn Du đã nêu bật lên cảnh ngộ đáng thương của Kiều. "Khóa xuân" tức khóa kín tuổi xuân và ở đây ý nói về việc Kiều đang bị giam lỏng. Vậy là tuổi thanh xuân của nàng Kiều bị giam hãm, khóa kín trong cấm cung và không được giao tiếp với bên ngoài. Vì thế, lầu Ngưng Bích như là nhà tù giam lỏng cuộc đời Kiều, nó cho thấy tình cảnh đáng thương, xót xa mà nàng Kiều phải chịu đựng. Những câu thơ tiếp theo, tái hiện quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích rộng lớn, mênh mông được nhìn dưới con mắt đầy tâm trạng của Kiều:

Ngồi trên lầu cao, nhìn phía trước là núi non trùng điệp, ngẩng lên phía trên là vầng trăng như sắp chạm đầu, nhìn xuống phía dưới là những đoạn “cát vàng” trải dài vô tận, lác đác như bụi hồng nhỏ bé như càng tô đậm thêm cuộc sống cô đơn, lẻ loi của nàng lúc này: Cảnh được nhìn từ xa đến gần, từ cao xuống thấp nhưng lại hoang vắng rợn ngợp không một tiếng người, không có cả một tiếng chim hót. Cảnh thiên nhiên tác động đến tâm trạng của con người. Từ láy “bát ngát”, hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “bụi hồng” đã nói lên sự phai nhạt của sự sống và ngổn ngang của cảnh vật. Hình ảnh “non xa, trăng gần” gợi không gian dài rộng, cao sâu vô tận. Đồng thời gợi sự chơ vơ, chênh vênh, trơ trọi của lầu Ngưng Bích. Không gian vô cùng trống trải, hoang vắng, không có dấu hiệu của sự sống:

Có thể hình dung rất rõ một không gian mênh mông đang trải rộng ra trước mắt Kiều. Không gian ấy càng khiến Kiều xót xa, đau đớn:

 *“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.”*

Từ láy “bẽ bàng” đã diễn tả được thật chuẩn xác nỗi lòng nàng Thúy Kiều. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người và khắc sâu thêm nỗi cô đơn. Đó hẳn là tâm trạng vừa buồn tủi, vừa ngượng ngùng, vừa ê chề, vừa cay đắng, xót xa. Và chính tâm trạng ấy bắt gặp cảnh vật ngoài kia đã làm cõi lòng như càng thêm quặn thắt. Thiên nhiên không còn là những sự vật vô tri, vô giác nữa mà như sống động, có hồn bởi nó là tấm gương phản chiếu tâm trạng cô đơn, buồn tủi của nàng Kiều. Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương.

Trong tâm trạng cô đơn, buồn tủi nơi đất khách quê người, Kiều tìm về với những người thân của mình. Nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ được Nguvễn Du miêu tả rất xúc động trong những lời độc thoại nội tâm của nhân vật. Nỗi nhớ thương được chia đều: bốn câu đầu dành cho người yêu, bốn câu sau dành cho cha mẹ. Nhưng nỗi nhớ với chàng Kim được nói đến trước vì đây là nồi nhớ nồng nàn và sâu thẳm nhất. Nồi nhớ đó được xoáy sâu và đêm thề nguyền dưới ánh trăng và nỗi đau cũng trào lên từ đó:

 *“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng.*

 *Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

 *Bên trời góc bể bơ vơ,*

 *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.”*

Nhớ người yêu, Kiều chỉ dám hình dung trong tưởng tượng, nhớ đến Kim Trọng uống chén rượu thề dưới ánh trăng, nguyện ở bên nhau đến trọn đời. Lời hẹn ước trăm năm ở vườn Thúy lại càng thương cho Kim Trọng. Chén rượu thề như còn đây mà nay mỗi người như mỗi ngả khiến nàng ân hận, xót xa như kẻ phụ tình. Nàng tưởng tượng Kim Trọng đang hướng về mình, "rày trông mai chờ" uổng công vô ích khiến nàng càng thêm xót xa, càng thấp thỏm lo âu. Dù cho mỗi người một phương nhưng tình cảm, tấm lòng son của nàng dành cho Kim Trọng là mãi mãi, không thể phai mờ. Càng nghĩ Kiều càng lo lắng, khiến nàng bật lên câu hỏi tu từ không biết trên bước đường trôi dạt nơi "bên trời góc bể", bao giờ nàng mới có thể gột rửa sạch những hoen ố của tấm lòng son chung thủy để có thể đáp lại tình yêu của Kim Trọng dành cho nàng. Ở nơi lầu cao ấy, nàng cũng không nguôi nhớ thương, lo lắng cho cha mẹ của mình:

 "Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt lồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm"

Sau nỗi nhớ người yêu đến quặn thắt, nàng càng xót xa khi nghĩ về cha mẹ. Không xót xa sao mỗi khi nghĩ đến cảnh cha già, mẹ héo tựa cửa nhìn xa, ngóng trông tin con mòn mỏi. Rồi khi trời oi nóng, biết ai quạt mát cho cha mẹ yên giấc, khi trời giá lạnh, biết ai ấp ủ chăn ấm cho cha mẹ nằm. Các thành ngữ và điển cố “tựa cửa hôm mai”, “quạt nồng ấp lạnh”, “sân lai”, “gốc tử” để thể hiện nỗi xót xa, lo lắng, bồn chồn của người con có hiếu dù đang trong hoàn cảnh éo le, vẫn đau đáu nghĩ về cha mẹ trong niềm nhớ thương khôn nguôi.

Nhớ người yêu, nhớ cha mẹ, nhưng rồi cuổì cùng nàng Kiều lại quay về với cảnh ngộ của mình, sống với tâm trạng và thân phận hiện tại của chính mình. Mỗi cảnh vật qua con mắt, cái nhìn của Kiều lại gợi lên trong tâm trí nàng một nét buồn. Và nàng Kiều mỗi lúc lại càng chìm sâu vào nỗi buồn của mình. Nỗi buồn sâu sắc của Kiều được ngòi bút bậc thầy Nguyễn Du mỗi lúc càng tô đậm thêm bằng cách dùng điệp ngữ liên hoàn rất độc đáo trong tám câu thơ tả cảnh ngụ tình:

 *“Buồn trông cửa bể chiều hôm,*

 *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

 *Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

 *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,*

 *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

Nguyễn Du quan niệm:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

Mỗi cảnh vật hiện ra qua con mắt của Kiều ở lầu Ngưng Bích đều nhuốm màu tâm trạng. Mỗi cặp câu gợi ra một nỗi buồn. “Buồn trông” là buồn mà nhìn ra xa, nhưng cũng là buồn mà trông ngóng một cái gì đó mơ hồ sẽ đến làm đổi thay tình trạng hiện tại. Hình như Kiều mong cánh buồm, nhưng cánh buồm chỉ “thấp thoáng, xa xa” không rõ, như một ước vọng mơ hồ, mỗi lúc mỗi xa. Kiều lại trông ngọn nước mới từ cửa sông chảy ra biển, ngọn sóng xô đẩy cánh hoa phiêu bạt, không biết về đâu như thân phận của mình. Rồi màu “xanh xanh” bất tận của nội cỏ rầu rầu càng khiến cho nỗi buồn thêm mênh mang trong không gian; để rồi cuối cùng, nỗi buồn đó bỗng dội lên thành một nỗi kinh hoàng khi ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. Đây là một hình ảnh vừa thực, vừa ảo, cảm thấy như sóng vỗ dưới chân, đầy hiểm họa, như muốn nhấn chìm Kiều xuống vực.

Tám câu thơ tuyệt bút với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ tĩnh đến động ứng với cảm xúc của Thúy Kiều diễn ra theo chiều hướng tăng từ nỗi buồn, cô đơn, lo lắng, nỗi tuyệt vọng và cuối cùng là sự sợ hãi.

**3. Kết bài**

 Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Đọc đoạn trích khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du và thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dù trang sách đã gấp lại rồi và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam.

**Đề 2: Cảm nhận về 6 câu thơ đầu “ Kiều ở lầu Ngưng Bích”**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều” . Tác phẩm là đỉnh cao chói lọi nhất của nghệ thuật thi ca. Với ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc đã đạt đến độ tinh tế. Đọc tác phẩm, ta ấn tượng nhất với đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích". Đặc biệt là 6 câu thơ đầu đã thể hiện hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp, tâm trạng buồn tủi của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

1. **Thân bài**

**\* Khái quát**: Đoạn trích thuộc phần 2: Gia biến và lưu lạc.Ngày từ câu thơ mở đầu “Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân” đã cho thấy hoàn cảnh tội nghiệp, đáng thương của Thúy Kiều. Khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh Kiều uất ức định tự vẫn, Tú Bà vờ hẹn chờ Kiều bình phục rồi gả chồng cho nàng ở một nơi tử tế, nhưng thực chất là đem nàng ra giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để thực hiện âm mưu mới. Hai chữ “khóa xuân” cho thấy Kiều ở lầu Ngưng Bích nhưng thực chất là bị giam lỏng. Lầu Ngưng Bích là nơi khóa kín tuổi xuân, giam lỏng cuộc đời Thúy Kiều. Đã biết bao nhiêu đêm nàng cô đơn, thao thức nơi ngôi lầu ấy.

Sáu câu thơ đầu, tác giả nói lên hoàn cảnh sống và nỗi niềm cô đơn, tội nghiệp của nàng Kiều. Ngay câu thơ mở đầu: "Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân", Nguyễn Du đã nêu bật lên cảnh ngộ đáng thương của Kiều. "Khóa xuân" tức khóa kín tuổi xuân và ở đây ý nói về việc Kiều đang bị giam lỏng. Vậy là tuổi thanh xuân của nàng Kiều bị giam hãm, khóa kín trong cấm cung và không được giao tiếp với bên ngoài. Vì thế, lầu Ngưng Bích như là nhà tù giam lỏng cuộc đời Kiều, Lầu Ngưng Bích cũng là nơi dừng chân dầu tiên trong hành trình 15 lưu lạc của cuộc đời mình. Câu thơ cho thấy tình cảnh đáng thương, xót xa mà nàng Kiều phải chịu đựng. Những câu thơ tiếp theo, tái hiện quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích rộng lớn, mênh mông được nhìn dưới con mắt đầy tâm trạng của Kiều:

 Cảnh lầu Ngưng Bích hiện lên mênh mông, vắng lặng đã tô đậm vẻ cô đơn bẽ bàng của Kiều. Nàng trơ trọi giữa không gian mênh mông, hoang vắng. Ngồi trên lầu cao nhìn ra xa không chỉ thấy những dãy núi mờ xa, mảnh trăng như ở cùng trong một bức tranh:

*“Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung”*

 Cảnh đẹp (có núi non, có trăng sao) nhưng thật buồn vì nơi ấy Kiều trơ trọi giữa không gian, thời gian: xung quanh nàng là mênh mông, hoang vắng  “cảnh non xa, trắng gần” có thể là cảnh thực, mà cũng có thể là hình ảnh mang tính chất ước lệ để gợi sự mênh mông giợn ngợp của không gian, cảnh” non xa, trăng gần” như gợi lên hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi, mênh mông trời nước, qua đó diễn tả nỗi cô đơn của Kiều. Ngồi trên lầu cao nhìn ra xa thì thấy những dãy núi mờ xa, những cát vàng, những dặm đường xa cuốn bụi hồng.

*“ Bốn bể bát ngát xa trông*

 *Cát vàng cồn nọ, bụi hồng giọng kia”*

 Câu thơ 6 chữ (bốn bể bát ngát xa trông) chữ nào cũng gợi lên sự rợn ngợp của không gian. Còn có câu thơ 8 chữ (cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia) có hai vế đối xứng mở rộng không gian ra nhiều phía, càng tô đậm thân phận cô đơn của Thúy Kiều đang bị giam lỏng ở lầu cao trơ trọi, cái lầu cao ấy giam một thân phận trơ Trọi không có sự giao lưu giữa người với người. Đến đây ta lại bắt gặp hai hình ảnh “cát vàng, bụi hồng” vừa có thể là tả thực, và cũng có thể là hình ảnh mang tính chất ước lệ, gợi sự mênh mông, giợn ngợp của không gian. Qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều ngày lại qua ngày Kiều chỉ “bẽ bàng mây sớm đèn khuya” cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn khép kín, thời gian cũng như không gian giam hãm con người. “Sớm và khuya” ngày và đêm ở một mình nơi đất khách quê người nàng chỉ biết làm bạn với “mây sớm đèn khuya” nàng rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt. Đối diện với “mây” và “đèn” Kiều càng thấm thía, bẽ bàng cho thân phận của mình, nàng xấu hổ, tủi thẹn với mây và đèn cảnh ấy, tình ấy làm lòng Kiều tan nát. “ Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” cảnh buồn, tình buồn hòa nhập vào nhau thành nỗi buồn chất ngất trong lòng Kiều. cảnh gắn với lòng người, tình cảnh hòa quyện. Nét đặc sắc ở đây là tả cảnh làm nền để bộc lộ nội tâm nhân vật. Cảnh buồn làm người buồn, người buồn nhìn cũng thấy buồn đúng như Nguyễn Du đã viết Trong một đoạn khác của Truyện Kiều:

 *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

 *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

**3. Kết bài**

  Như vậy với việc sử dụng từ ngữ có sức gợi hình, gợi cảm lớn ngòi cùng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Đoạn thơ đã cho thấy cảnh ngộ cô đơn, đáng thương và tâm trạng buồn tủi của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích. Đây là một trong những đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc của “Truyện Kiều” Nguyễn Du đã tả cảnh để bộc lộ tâm nhân vật.

**Đề 3: Phân tích đoạn thơ sau:**

*“ Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*…Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam - Danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, Nguyễn Du đã miêu tả tâm trạng nhân vật một cách xuất sắc. Điều đó được thể hiện rõ nét qua 8 câu thơ miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

*“ Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*…Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

Đoạn thơ đã diễn tả nhiều cung bậc tình cảm khác nhau. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi, là tấm lòng thủy chung, nhân hậu dành cho Kim Trọng và cha mẹ qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

**2. Thân bài**

Thúy Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích một mình trên lầu cao trơ chọi, giữa không gian mênh mông, rợn ngợp “bốn bể bát ngát xa trông” làm bạn với “mây sớm đèn khuya”. Nhưng Kiều đã quên đi cảnh hội bản thân để nhớ đến người yêu, nhớ đến cha mẹ.

 **1. Nỗi nhớ đầu tiên Kiểu nhớ đến Kim Trọng.** Điều này vừa phù hợp với quy luật tâm lý, vừa thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Kiều đã bị Mã Giám Sinh làm nhục và đang bị ép tiếp khách làng chơi nên nỗi đau lớn nhất của Kiều là “tấm son gột rửa bao giờ cho phai”. Kiều thấy mình như một kẻ phụ tình, phụ tấm lòng người yêu, nên nàng cắn dứt khôn nguôi và người nàng thương nhớ đầu tiên là Kim Trọng.

 Nhớ người tình là nhớ đến tình yêu nên bao giờ nàng cũng nhớ đến lời thề đôi lứa:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng”*

Tư “tưởng” cho thấy Kiểu hình dung, tưởng tượng cảnh nàng cùng với Kim Trọng uống rượu thề nguyện dưới trăng. Nàng như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng khi thể nguyện, đính ước một lần khác khi nhớ về Kim Trọng nàng cũng nhớ về lời thề ấy: “nhớ lời nguyện ước ba sinh”. Ở lầu Ngưng Bích Kiều tưởng tượng nơi phương xa Kim Trọng cũng đang hướng về mình, đêm ngày đau đáu chờ tin mà uổng công vô ích:

*“Tin sương những luống dày trông mai chờ”*

 Nàng nhớ về Kim Trọng với tâm trạng đau đớn, xót xa. Nhớ đến Kim Trọng không bao giờ nguôi quên ,là tấm lòng mình Kiểu son sắt, thủy chung hoặc cũng có thể hiểu Kiểu đang tủi nhục khi tấm lòng son sắt của mình đã bị hoen ố không biết bao giờ mới gột rửa được. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì ta cũng cảm nhận được tấm lòng son sắt, thủy chung của Kiều với Kim Trọng càng thương nhớ người yêu, càng nuối tiếc mối tình không trọn vẹn. Kiểu càng thấm thía tình cảnh cô độc: “bên trời góc bể” và hiểu rằng tấm lòng son sắt của nàng đối với chàng Kim sẽ không bao giờ phai nhạt. Như vậy trong nỗi nhớ chàng Kim có cả nỗi đau đớn vò sẽ tâm cam.

**2. Chưa nguôi nhớ về người yêu lại nhớ chồng chất thêm nỗi nhớ về cha mẹ**. Với cha mẹ nỗi nhớ của Kiều thật xót da diết. Nguyễn Du Thật tài tình khi dùng từ “tưởng” để diễn tả nỗi nhớ của Kiều với Kim Trọng, thì từ “xót” để diễn tả nỗi nhớ của Kiều với cha mẹ:

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

 *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”*

 Tuy đã “ liều em tấc cỏ quyếtt đền ba sinh”, tự nguyện bán mình để chuộc cha và em vẫn cảm thấy mình chưa trọn đạo làm con “sớm thăm tối viếng”. Nàng thương cha mẹ khi sáng, khi chiều tựa cửa ngóng trông tin con, trông mong sự đỡ đần. Nàng xót xa và day dứt khôn nguôi khi cha mẹ đã tuổi già, sức yếu mà không mà nàng không tự tay chăm sóc và hiện giờ ai trông nom:

*“Quạt lồng ấp lạnh những ai đó giờ”*

Câu hỏi không có câu trả lời diễn tả nỗi đau đớn, xót xa của Kiều. Nàng còn tưởng tượng nơi quê nhà đã đổi thay: “ sân lai cách mấy nắng mưa”. Trong sự đổi thay ấy có sự đổi thay lớn nhất là “ gốc tử đã vừa người ôm” , nghĩa là cha mẹ ngày thêm một già yếu, cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa nói lên được thời gian xa cách bao mùa mưa nắng, vừa nói lên được sức mạnh tàn phá của thiên nhiên, của nắng mưa đối với cảnh vật và con người. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” và điển cố “sân lai”, “ gốc tử” đểu nói lên tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều. Lần nào nhớ về cha mẹ Kiểu cũng “nhớ ơn chín chữ cao sâu” và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

 **\*Đánh giá:** Với nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại, cùng việc sử dụng thành ngữ, điển cố, đoạn thơ đã diễn tả nỗi niềm thương nhớ của Kiều. Nỗi nhớ thương của Kiều với Kim Trọng với cha mẹ đã hiện lên phẩm chất đáng quý nhưng nàng đã quên đi cảnh ngộ của bản thân để nghĩ về Kim Trọng, nghĩ về cha mẹ nàng đã hướng yêu thương về những người yêu thương nhất, tình yêu của nàng thật giàu, tình yêu và đức hi sinh Kiều thực sự là người tình chung thủy, 1 con người hiếu thảo giàu đức hi sinh và tấm lòng vị tha đáng quý, đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

  Đoạn thơ trên là một trong những đoạn thơ hay nhất trong “Truyện Kiều”. Qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm Nguyễn Du đã diễn tả tâm trạng của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích đoạn thơ cho thấy Tấm lòng thủy chung nhân hậu của Kiều. Cũng trong đoạn thơ đã giúp người đọc thấu được cái tâm, cái tài của Nguyễn Du.

**Đề 4: Phân tích đoạn thơ sau:**

*“ Buồn trông cửa bể chiều hôm*

 *{.....}*

*Ầm ầm tiếng sóng quay quanh ghế ngồi”*

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam - Danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Một trong những đoạn trích nổi bật của truyện Kiều là “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” mà tiêu biểu là tám câu thơ cuối được coi là những câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất, đặc sắc nhất trong “Truyện Kiều”:

*“ Buồn trông cửa bể chiều hôm*

 *{.....}*

*Ầm ầm tiếng sóng quay quanh ghế ngồi”*

Đoạn trích đã thể hiện tâm trạng đau buồn, lo âu của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

**2. Thân bài**

Diễn tả tâm trạng của Kiều Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Ngòi bút của Nguyễn Du hết sức tinh tế khi tả cảnh cũng như khi ngụ tình. Mỗi biểu hiện của cảnh phù hợp với từng trạng thái của tình. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời cũng là một ẩn dụ về tâm trạng con người. Mỗi cảnh gợi cho Kiều những lý do buồn khác nhau. Trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh khiến cảnh mỗi lúc một buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc ghê gớm, mãnh liệt hơn.Hai câu thơ đầu đoạn trích là bức tranh về không gian mênh mông nơi cửa biển chiều hôm:

*“Buồn trông cửa biển chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

 Nguyễn Du đã miêu tả cảnh vào thời gian buổi chiều. Đây là thời điểm thưởng gọi tâm trạng buồn, nhớ, không gian là “cửa bể”. Đặc biệt “cánh buồm thấp thoáng xa xa” là hình ảnh rất “đắt” để thể hiện nội tâm là Kiều. Cảnh vật gợi lên nỗi buồn, nỗi nhớ quê hương, nhớ người than. Hình ảnh con thuyền nhỏ nhoi, đơn độc giữa mênh mông biển nước “thấp thoáng cánh buồm xa xa”. Trong ánh sáng lẻ loi của mặt trời sắp tắt. Cũng như Kiều trong không gian vắng lặng của hiện tại, trong cảnh tha hương, nhìn về phương xa với nỗi buồn, nhớ da diết nhớ về cha mẹ, gia đình, quê hương. Từ láy “thấp thoáng”, “xa xa” gợi hình ảnh con thuyền nhỏ nhoi, mờ nhạt. Con Thuyền gần như mất hút vẫn còn lênh đênh trên mặt nước khi mà những con thuyền khác đã cập bến, đã neo đậu cũng như Kiểu Còn lênh đênh giữa dòng đời biết bao giờ mới sum họp gia đình. Hơn thế nữa khung cảnh buổi chiều còn gọi tâm trạng buồn, gợi nỗi nhớ nhà, bởi đó là thời gian sum họp. Như vậy hình ảnh con thuyền xa xa nơi cửa bể, chiều hôm đã gợi nỗi buồn, nỗi nhớ quê hương, gia đình, người than, gợi nỗi khao khts sum họp. Nhưng khao khát đó rất mong manh mờ nhạt. Hình ảnh đó còn gợi thân phận cô đơn, lẻ loi, lênh đênh giữa sóng nước cuộc đời của Kiều.

 Hai câu thơ tiếp theo:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa*

 *Hoa trôi man mác biết là về đâu?”*

 Nhìn những cánh hoa lụi tàn dưới ngọn nước mới sa khiến Kiều càng buồn hơn bởi nàng như nhìn thấy trong đó thân phận mình đang lênh đênh, vô định “ba chìm bảy nổi” giữa sóng nước cuộc đời không biết rồi sẽ trôi đi đâu về đâu? sẽ bị vùi dập ra sao, từ đó Kiều lo lắng cho tương lai vô định của mình. Câu hỏi tu từ đã diễn tả nỗi buồn, lo lắng đó.

 Tiếp theo là cảnh nội cỏ nhạt nhòa mênh mông:

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

 “nội cỏ rầu rầu”, “xanh xanh” là sắc xanh héo úa, mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây đến mặt đất. Màu cỏ gợi lên sự sống úa tàn, buồn bã. Ở đây ta lại bắt gặp màu cỏ rầu rầu, héo úa giống như trong câu thơ: “Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”. Màu cỏ đó gợi đến sự tàn tạ, chết chóc chứ không phải màu của sức sống trong câu thơ: “Cỏ xanh con rợn chân trời”. Nguyễn Du đã thật tài tình khi miêu tả cảnh cỏ ở đây, bởi cảnh “nội cỏ rầu rầu” từ chân mây đến mặt đất gợi cho Kiều nỗi chán trường, vô vọng về một cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh không biết bao giờ mới kết thúc , Kiều cảm thấy tương lai mình mờ nhạt.

 Khi nhìn cảnh” gió cuốn mặt duyền” thì dường như nỗi buồn càng lúc, càng tăng, càng dồn dập một cơn gió cuốn mặt duyền làm các tiếng sóng bỗng nổi lên ầm ầm như vây quanh ghế kiểu nhà

*“Buồn trông gió cuốn mặt duyền*

 *Ầm ầm tiếng sóng quanh ghế ngồi”*

 Cái âm thanh “ầm ầm tiếng sóng” ấy chính là cái dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã và đang đổ xuống cuộc đời nàng. Và còn tiếp tục đè nặng con người nhỏ bé ấy. Lúc này Kiểu không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như đang rơi dần vào vực thẳm một cách bất lực. Ở đây Nguyễn Du đã rất thành công khi sử dụng từ láy “ẩm ầm” để miêu tả âm thanh dữ dội tiếng song. Nỗi buồn đã dâng đến tột đỉnh khiến Kiều thực sự tuyệt vọng. Ngọn gió cuốn mặt duyềnh và tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi là cảnh tượng hãi hung. Giông tố cuộc đời nàng như đang bủa vây, nhấn chìm một than phận nhỏ nhoi như Kiều. Cảnh tượng ấy như báo trước giông tố của số phận sẽ nổi lên xô đẩy, vùi dập cuộc đời nàng và ngay sau lúc này Kiều đã mắc lừa sở khanh để rồi lâm vào cảnh “ thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”

 **\*. Khái quát:** Như vậy mỗi biểu hiện của cảnh từ cảnh chiều tà, đến bờ biển, từ cánh buồm thấp thoáng, cánh hoa trôi man mát, đến nội cỏ rầu rầu cuối cùng là tiếng sóng ầm ầm đều thể hiện tâm trạng và cảnh ngộ của Kiều: Sự lênh đênh, vô định, nỗi buồn tha hương, lòng thương nhớ người yêu, cha mẹ và cả sự bàng hoàng, lo sợ. Đúng là cảnh ở lầu Ngưng Bích được nhìn qua tâm trạng Kiều cảnh từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động, nỗi buồn từ man mát đến mông lung, lo âu, kinh sợ. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo đó là được nhìn qua tâm trạng theo quy luật tâm lý:

 *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

 Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được khắc họa qua điệp từ “ buồn trông” , điệp từ “buồn trông” kết hợp với các từ ngữ đứng sau diễn tả nỗi buồn về những sắc thái khác nhau. Đồng thời điệp ngữ kết hợp với những từ láy tượng thanh, tượng hình “thấp thoáng”, “ xa xa”, man mát, rầu rầu, xanh xanh ,ầm ầm… Diễn tả được nỗi lo âu ngày một tăng lên lớp lớp trong lòng ”buồn trông” đã trở thành điệp khúc của cảnh và cũng là điệp khúc của tâm trạng.

**3. Kết bài**

  Tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những câu thơ hay nhất của “Truyện Kiều”, đã miêu tả tinh tế, sâu sắc tâm trạng của Kiều trong hoàn cảnh cô đơn. Nguyễn Du đã thành công khi sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, đây cũng là bút pháp nghệ thuật đặc sắc tạo nên sức hấp dẫn và vẻ đẹp của truyện trung đại nói chung và “Truyện Kiều” nói riêng. Đoạn trích được đánh giá là tuyệt bút của bút pháp tả cảnh ngụ tình tiêu biểu cho tài năng bậc thầy và tấm lòng nhân đạo cao cả của thiên tài văn học Nguyễn Du.

**Đề 5 ( \*)**

**Cảm nhận của em về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau:**

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**I. Mở bài**

 Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích”. Trong đoạn trích ấy, có lẽ sáu câu thơ đầu là những vần thơ đọc đáo nhất.

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát:**

 Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2 “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2. Cảm nhận về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều**

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã giúp người đọc cảm nhận được cảnh ngộ của Thúy Kiều- một người con gái tài hoa nhưng bạc phận:

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

+ Hoàn cảnh: của Thúy Kiều lúc này thật trớ trêu. Sau khi bán mình chuộc cha và em, Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh làm nhục rồi đẩy vào lầu xanh. Vì qua nhục nhã, ê chề, nàng có ý định tự tử. Nhưng Tú Bà sợ mất cả chì lần chài nên đã đưa nàng ra lầu Ngưng Bích nói là đợi người chuộc thân nhưng thực chất là để thực hiện những âm mưu mới. Lúc này nàng đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích chênh vênh trên sường núi, giữa nơi đất khách quê người.

+ Nói về hoàn cảnh ấy, Nguyễn Du đã mượn hai chữ “ khóa xuân”(khóa kín tuổi xuân). Thực ra “khóa xuân” là từ vốn dùng để nói về cuộc sống nề nếp, kín đáo của những người con gái nhà quyền quý. Với hoàn cảnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du dùng từ ấy để miêu tả thật khiến người đọc không khỏi chua chat, xót xa.

- Và từ lầu Ngưng Bích nhìn ra, Kiều thấy ở phía xa kia là hình ảnh của một vầng trăng non mới mọc. Hình ảnh vầng trăng trong đoạn thơ này là một chi tiết nghệ thuật, gợi thời gian nghệ thuật. Đó là lúc chiều muộn, khi nhà nhà đã lên đèn, người người đang quay quần bên bữa cơm sum họp. Hình ảnh ấy dễ khiến người ta nhớ về gia đình, về quê hương. Và có thể Thúy Kiều cũng có chung tâm trạng ấy bởi giờ đây nàng đang phải bơ vơ nơi đất khách quê người.

- Và cũng từ cái nơi chênh vênh giữa sườn núi ấy, Kiều còn nhìn thấy ở phía trước là cả một khung cảnh thiên nhiên rộng lớn.

+ Câu thơ “Bốn bề bát ngát xa trông” gồm sáu chữ mà chữ nào cũng gợi ra một không gian hoang vắng, rợn ngợp. Nhìn lên trên là vầng trăng đơn côi, nhìn xuống mặt đất thì bên là cồn cát nhấp nhô lượn sóng bên là bụi hồng cuốn xa hàng vạn dặm. Lầu Ngưng Bích trở thành một chấm nhỏ giữa thiên nhiên trơ trọi, giữa mênh mang trời nước. Không một bóng người, không một sự chia sẻ, chỉ có thiên nhiên câm lặng làm bạn. Kiều chỉ có một mình để tâm sự, để đối diện với chính mình.

+ Ở bốn câu thơ đầu này Nguyễn Du đã rất thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình. Tác giả đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hoang vắng, không có bóng dáng của con người trước lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi cô đơn đến cùng cực của Thúy Kiều. Miêu tả như thế không phải nhà thơ nào cũng làm được.

- Và trong hoàn cảnh như thế, Kiều lại cảm thấy “bẽ bàng” khi nghĩ đến thân phận của mình:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

+ “Bẽ bàng” ở đây có nghĩ là xấu hổ và tủi thẹn. Nàng cảm thấy bẽ bàng là bởi tình yêu tan vỡ, tình cốt nhục chia lìa còn bản thân nàng thì danh dự, nhân phẩm đã bị người ta chà đạp.

+ Lúc này nàng chỉ biết làm bạn với mây, với đèn. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi .

**3. Đánh giá nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ**

 Như vậy, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa thành công một bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương. Từ những vần thơ ấy, người đọc nhận ra nỗi niềm thương cảm xót xa của tác giả dành cho nhân vật nói riêng và nói chung là dành cho tất cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**III. Kết bài**

 Có thể nói rằng “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích này nhất là 6 câu thơ đầu đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam

**Đề 6: Cảm nhận của em về nỗi lòng của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau: (\*)**

 *“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
 Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
 Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những đó giờ?
 Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.”*

**I. Mở bài**

 Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích”. Trong đoạn trích ấy, có lẽ tám câu thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu và cha mẹ là những vần thơ độc đáo nhất:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
 Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
 Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những đó giờ?
 Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát** **về đoạn trích**:

 Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2 “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2.Cảm nhận về nỗi lòng của Thúy Kiều trong đoạn thơ**

**a. Khái quát nội dung đoạn thơ đầu**

 Ở 6 câu thơ đầu, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương. Từ những vần thơ ấy, người đọc nhận ra nỗi niềm thương cảm xót xa của tác giả dành cho nhân vật .

**b. Nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu**

 Sau những câu thơ miêu tả cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều, Nguyễn Du tiếp tục hóa thân vào nhân vật để diễn tả nỗi nhớ của nàng về người yêu và cha mẹ. Miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều về Kim Trọng, Nguyễn Du viết:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luốn những dày trông mai chờ*

*Bên trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

-Tả nỗi nhớ của Kiều về người yêu, tác giả dùng chữ “tưởng”. “Tưởng” có nghĩa là tưởng tượng, hình dung ra một ai đó như đang đứng trước mặt mình, đang trò chuyện với mình.

+ Nhớ về Kim Trọng, Kiều lại nghĩ đến cái đêm trăng thề nguyền mà hai người đã uống chén rượu hẹn ước. Trong đêm trăng ấy, Thúy Kiều và Kim Trọng đã từng hẹn thề “trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”. Ấy thế mà giờ đây hai người đang hai phương trời cách biệt. Nàng để lại chàng Kim một mình lẻ bóng nơi quê nhà.

+ Kiều tưởng tượng ra cảnh ngày đêm Kim Trọng mong chờ tin mình còn nàng thì bặt vô âm tín. Điều đó khiến nàng vô cùng day dứt rồi tự vấn lương tâm “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*”. Câu thơ như một lời khẳng định dù cuộc đời có ra sao, dù không gian có xa, thời gian có dài thì tấm lòng thủy chung của Kiều dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ có thể phôi phai được.

=>Lời thơ còn gợi lên tâm trạng dằn vặt, day dứt của Thúy Kiều, nàng tự trách mình đã mang tiếng nhuốc nhơ, không còn xứng đáng với Kim Trọng được nữa.

**c. Nỗi nhớ của Thúy Kiều về cha mẹ**

- Rồi khi nỗi nhớ Kim Trọng trong tâm hồn Thúy Kiều chưa kịp nguôi đi thì **nỗi nhớ cha mẹ** lại tràn về:

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quát nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

+ Miêu tả nỗi nhớ của Kiều về cha mẹ, Nguyễn Du dùng từ “xót”. “Xót” có nghĩa là xót xa đến độ đau đớn. Nàng đau đớn là bởi cha mẹ nàng đã già yếu mà không có người phụng dưỡng, chăm sóc. Hơn thế nữa họ còn ngày đêm “tựa cửa” trông ngóng đứa con xa mà nàng thì bóng chim tăm cá. Sao không đau xót cho được khi phận nàng là con mà chẳng thể chăm sóc cho mẹ cha khi đã về già,

+ Và cũng để diễn tả trăn trở, lo lắng của nàng về gia đình, tác giả còn sử dụng thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” và hai điển tích “ sân Lai, gốc tử”. “*Quạt nồng ấp lạnh*” được hiểu là mùa hè trời nóng bức thì quạt cho cha mẹ ngủ còn mùa đông trời rét buốt thì vào trong chăn nằm cho chăn chiếu ấm lên mới mời cha mẹ vào nằm. Còn điển tích “sân Lai” ở đây tức là sân nhà lão Lai tử. Truyện kể rằng lão Lai Tử đã già nhưng vẫn ra sân nhảy múa đề làm vui lòng cha mẹ. Với việc mượn những điển tích và thành ngữ ấy, Nguyễn Du như muốn cho người đọc cảm nhận được nỗi nhớ thương, sự lo lắng của Thúy Kiều dành cho cha mẹ của mình. Từ nỗi nhớ ấy, người đọc có thể dễ dàng nhận ra nhận ra nàng là một tấm lòng rất mực hiếu thuận.

**\*Liên hệ: Vũ Nương :** Sự hiếu thảo của Thúy Kiều làm ta nhớ đến nân vật Vũ Nương – một người con dâu hiếu thuận với mẹ chồng như với cha mẹ đẻ. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung hiếu thảo là nét phẩm chất chung của những người phụ nữ trong XHPK. Họ đáng để chúng ta trân trọng và yêu thương.

 **2.4. Bàn về trật tự diễn tả tình cảm của Thúy Kiều**

 Đọc đoạn trích này, chắc hẳn người đọc sẽ không khỏi thắc mắc rằng tại sao Nguyễn Du lại để cho Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng trước khi nhớ về cha mẹ. Còn nhớ ở phần đầu của tác phẩm, khi gia đình bị thằng bán tơ vu oan, Thúy Kiều đã từng quả quyết rằng:

*“Đệ lời thệ hải minh sơn*

*Làm con trước phải đền ơn sinh thành”*

Ấy thế mà lúc này khi ở nơi đất khách quê người, nàng lại nhớ về Kim trọng trước. Tuy nhiên khi ta đặt mình vào hoàn cảnh của Thúy Kiều, ta có thể hiểu cho cảm xúc của nàng. Kim Trọng với nàng chính là mối tình đầu, mà tình đầu thì thường sâu nặng. Hơn thế nữa, trước lầu Ngưng Bích nhìn ra nàng lại thấy hình ảnh vầng trăng. Hình ảnh ấy khiến nàng nhớ đến đêm trăng thề nguyền mà hai người đã từng uống chén rượu hẹn ước. Vả lại, với cha mẹ thì hành động bán mình chuộc cha đã phần nào báo đáp được công ơn sinh thành còn với Kim Trọng thì nàng mãi là kẻ bạc tình lỗi hẹn, điều đó khiến nàng vô cùng day dứt. Thông qua cách miêu tả tâm trạng và cách diễn tả trật tự nỗi nhớ của Thúy Kiều, ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn Du là sự am hiểu tâm lí con người và sự tiến bộ trong quan niệm về tình yêu đôi lứa.

 **3.Đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ**

 Như vậy, với các từ ngữ ,thành ngữ và điển tích chọn lọc, 8 câu thơ tiếp theo đã diễn tả một cách đầy đủ và trọn vẹn nỗi nhớ của Thúy Kiều. Đọc những vần thơ ấy, người đọc không chỉ cảm nhận được nỗi nhớ da diết, cồn cào của nàng dành cho người yêu và cha mẹ mà còn cho thấy nàng là một cô gái hiếu thảo, thủy chung. Tấm lòng thủy chung hiếu thảo của nàng khiến ta nhớ đến Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Phải chăng đó chính là những nét chung trong tâm hồn của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến đương thời. Vẻ đẹp ấy đáng để ta trân trọng và cảm phục.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Tham khảo:**

 Có thể nói rằng trong “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thì đoạn thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu và cha mẹ được coi là đoạn thơ hay nhất”. Lời thơ đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 7: Những nét đặc sắc về bút pháp tả cảnh ngụ tình qua 8 câu thơ cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” ( \*)**

 *“ Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
 Buồn trong ngọn nước mới sa,
 Hoa trôi man mác biết là về đâu?
 Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
 Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

**I. Mở bài**

 Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích” đặc biệt là tám câu thơ cuối.

 *“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
 Buồn trong ngọn nước mới sa,
 Hoa trôi man mác biết là về đâu?
 Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
 Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

**II. Thân bài**

**1.Khái quát** **về đoạn trích**:

 Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2 “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2. Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối**

**a. Giải thích thế nào là tả cảnh ngụ tình**

Tả cảnh ngụ tình là bút pháp nghệ thuật thông qua việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên để khắc họa tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình. Đây là bút pháp thường thấy trong thơ ca trung đại.

**b. Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối**

 Ở phần cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du đã rất thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình khi ra vẽ ra trước mắt người đọc 4 bức tranh thiên nhiên để từ đó diễn tả 4 nét tâm trạng của nhân vật. Tám câu thơ vừa là bức tranh tâm cảnh mà cũng là thực cảnh. Cảnh được miêu tả theo kiểu tứ bình trong con mắt trông bốn bề và từ xa tới gần.

* Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra phía xa, Kiều thấy hình ảnh một con thuyền lênh đênh nơi cửa bể:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

+ Không gian mênh mông và thời gian khi chiều tà muôn thuở gợi buồn. Giữa khung cảnh ấy chỉ có một con thuyền vô định và hiện hữu với cánh buồm thấp thoáng xa xa như một ảo ảnh.

+ Cảnh đã gợi trong lòng người tha thương nỗi buồn, nỗi nhớ về cha mẹ,về quê nhà xa cách, nỗi cô đơn và khát khao sum họp. Rồi nàng sẽ đi về đâu? Có được đoàn tụ với gia đình, với chàng Kim hay không chính nàng cũng không biết nữa chỉ biết rằng ngay lúc này đây nàng đang phải đối diện với sự cô đơn nơi đất khách quê người . Điều đó hẳn sẽ khiến người con gái tài hoa ấy vô cùng đau khổ.

* Rồi Kiều đưa mắt nhìn gần hơn, trướ mắt nàng là cảnh một con nước từ trên cao đổ xuống:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu”*

+ Ngọn nước mới sa” là dòng thác từ trên cao ào ào đổ xuống. Nó gợi ra một khung cảnh dữ dội, hãi hùng. Và trên dòng nước ấy là hình ảnh một cánh hoa mỏng manh, man mác trôi trong vô định. Từ láy “man mác” mà Nguyễn Du sử dụng thật khó để diễn tả. “Man mác” vốn là một từ láy được dùng để nói về tâm trạng của con người, nó thường gợi một nỗi buồn không tên, khó tả. Nhưng ở đây, Nguyễn Du lại mượn cái tà ấy để miêu tả một cánh hoa trôi trên dòng nước. Cách dùng từ như thế làm cho cảnh vật như mang cả tâm trạng con người, cũng buồn vương man mác.

+ Hình ảnh cánh hoa mỏng manh giữa dòng thác ấy gợi lên trong ta biết bao nhiêu suy nghĩ. Liệu rằng nó sẽ đi về đâu? Ra biển cả mênh mông hay vào ao tù nước đọng? Câu hỏi ấy Kiều chẳng thể giải đáp bởi chính câu hỏi về cuộc đời mình nàng còn chẳng thể trả lời. Cuộc đời nàng cũng có khác nào cánh hoa kia, lênh đênh, phiêu dạt. Rồi nàng sẽ đi đâu về đâu, được về với gia đình, quê hương hay lại tiếp tục bị đẩy vào vũng bùn ô nhục. Nghĩ đến điều đó, nàng chẳng khỏi cảm thấy xót xa, đau lòng.

* Cảnh tiếp tục được miêu tả ở hai câu thơ tiếp với 1 nội cỏ trải dài từ chân mây tới mặt đất:

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

+ Đọc hai câu thơ trên, ta chợt nhớ đến bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn trích “Cảnh ngày xuaan” khi mà hai chị em Thúy Kiều đi dự hội. Chỉ có khác là trong “Cảnh ngày xuân” đó là một nội cỏ xanh non mơn mởn, bừng bừng sức sống thì ở đây cảnh hiện lên là một “nội cỏ rầu rầu”.

+ “Rầu rầu” là một từ láy giàu giá trị gợi tả, nó gợi cho ta về sự tàn tạ, héo úa, thê lương. Khắp không gian lúc này là cái màu “xanh xanh” tẻ nhạt, nhàm chán trải từ mặt đất đến chân mây- cái khung cảnh dễ khiến con người ta cảm thấy vô vị và chán nản. Khung cảnh ấy lại làm Kiều nhớ đến phận mình. Nàng cũng đang ở độ tuổi xuân thì – cái tuổi được coi là đẹp nhất của cuộc đời con người với những ước mơ, những hoài bão dự định. Thế nhưng tuổi xuân của nàng giờ đây lại phải sống trong cảnh bị giam lỏng ở đây, giữa lầu Ngưng Bích chơ vơ nơi sườn núi, trải qua những tháng ngày vô vị và tẻ nhạt. Với một người con gái không chỉ xinh đẹp mà còn tài hoa như nàng thì sống như thế chẳng khác nào đã chết, đau khổ đến tột cùng.

* Và ở hai câu cuối của đoạn trích, cảnh càng được miêu tả ở gần hơn và cũng dữ dội hơn:

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

+ “Gió cuốn” là gió trong ngày dông bão. Nó là ẩn dụ cho những dông gió, tai ương của cuộc đời. Nó như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Mọi sóng gió dường như chỉ trực chờ để đổ ập xuống cuộc đời của người con gái tài hoa nhưng bạc phận. Nghĩ đến điều đó, Kiều không khỏi lo sợ bởi dù gì nàng cũng chỉ là một cô gái chưa có nhiều trải nghiệm của cuộc đời, khó có thể chống lại được những tai ương của định mệnh.

**3. Đánh giá về nghệ thuật và nội dung**

 Đọc 8 câu thơ cuối ta dễ dàng nhận thấy điệp từ “buồn trông” được nhắc lại nhiều lần và được đặt ở đầu các câu thơ. Điều đó như càng nhấn mạnh, xoáy sâu vào nỗi buồn của Thúy Kiều. Nó khiến cho 8 câu thơ cuối giống như một đoạn điệp khúc trong bài ca sầu buồn ảo não. Cũng trong 8 câu thơ ấy, hàng loạt các câu hỏi tu từ, các từ láy giàu giá trị biểu cảm, gợi tả được Nguyễn Du sử dụng để miêu tả thành công 4 bức tranh thiên nhiên. Thiên nhiên được miêu tả từ xa đến gần, từ tĩnh đến động, từ nhạt đến đậm để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu kinh sợ. Tả cảnh mà gợi tâm trạng. Nguyễn Du đã thực sự rất thành công khi sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình ở 8 câu thơ này.

**III. Kết bài**

 Có thể nói rằng tám câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn thơ thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Lời thơ đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**ĐỒNG CHÍ**

*( Chính Hữu)*

**Đề: Phân tích bài thơ Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh sáng tác

- Khái quát nội dungbài thơ

**2. Phân tích**

**a. Bảy câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí**

**a.1. Cơ sở thứ nhất: Cùng chung hoàn cảnh xuất thân**

- Những chiến sĩ xuất thân từ những người nông dân lao động. Từ cuộc đời thật họ bước thẳng vào trang thơ và tỏa sáng một vẻ đẹp mới, vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội:

 *Quê hương anh nước mặn, đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

+ Thủ pháp đối được sử dụng chặt chẽ ở hai câu thơ đầu, gợi lên sự đăng đối, tương đồng trong cảnh ngộ của người lính. Từ những miền quê khác nhau, họ đã đến với nhau trong một tình cảm mới mẻ.

+ Giọng thơ nhẹ nhàng, gần gũi như lời tâm tình, thủ thỉ của hai con người “anh” và “tôi”.

+ Mượn thành ngữ “nước mặn đồng chua” để nói về những vùng đồng chiêm trũng, ngập mặn ven biển, khó làm ăn. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong những làn nước.

+ Hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” để gợi về những vùng trung du, miền núi, đất đá bị ong hóa, bạc màu, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất.

=> “Quê hương anh” - “làng tôi” tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược nhưng cũng đều khó làm ăn canh tác, đều chung cái nghèo, cái khổ. Đó chính là cơ sở đồng cảm giai cấp của những người lính.

**a.2. Cơ sở thứ 2: Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ và lòng yêu nước**

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

 *Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

 *Súng bên súng, đầu sát bên đầu”*

- Những con người chưa từng quen biết, đến từ những phương trời xa lạ đã gặp nhau ở một điểm chung: cùng chung nhịp đập trái tim, cùng chung một lòng yêu nước và cùng chung lí tưởng cách mạng. Những cái chung đó đã thôi thúc họ lên đường nhập ngũ.

- Hình ảnh thơ “súng bên súng, đầu sát bên đầu” mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc diễn tả sự gắn bó của những người lính trong quân ngũ:

+ “Súng bên súng” là cách nói giàu hình tượng để diễn tả về những người lính cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu. Họ ra đi để chiến đấu và giải phóng cho quê hương, dân tộc, đất nước; đồng thời giải phóng cho chính số phận của họ.

+ “Đầu sát bên đầu” là cách nói hoán dụ, tượng trưng cho ý chí quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

- Điệp từ “súng, bên, đầu” khiến câu thơ trở nên chắc khỏe, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ của những người lính.

- Nếu như ở cơ sở thứ nhất “anh” - “tôi” đứng trên từng dòng thơ như một kiểu xưng danh khi găp gỡ, vẫn còn xa lạ, thì ở cơ sở thứ hai “anh” với “tôi” trong cùng một dòng thơ, thật gần gũi. Từ những người xa lạ họ đã hoàn toàn trở nên gắn kết.

=> Chính lí tưởng và mục đích chiến đấu là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để họ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.

**a.3. Cơ sở thứ 3: Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn**.

- Bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị mà giàu sức gợi, tác giả đã miêu tả rõ nét tình cảm của những người lính:*“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”*

*+“Đêm rét chung chăn”* có nghĩa là chung cái khắc nghiệt, gian khổ của cuộc đời người lính; là chung hơi ấm để vượt qua giá lạnh nơi núi rừng. Đó là một hình ảnh đẹp, chân thực và đầy ắp những kỉ niệm.

+ Đắp chung chăn đã trở thành biểu tượng của tình đồng chí. Nó đã khiến những con người “xa lạ” sát gần lại bên nhau, truyền cho nhau hơi ấm và trở thành “tri kỉ”

+ Cả bài thơ chỉ có duy nhất một chữ “chung” nhưng đã bao hàm được ý nghĩa sâu sắc và khái quát của toàn bài: chung cảnh ngộ, chung giai cấp, chung chí hướng, chung khát vọng giải phóng dân tộc.

- Tác giả đã rất khéo léo trong việc lựa chọn từ ngữ, khi sử dụng từ “đôi” ở câu thơ trên:

+ Chính Hữu không sử dụng từ “hai” mà lựa chọn từ “đôi”. Vì đôi cũng có nghĩa là hai, nhưng đôi còn thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.

+ Từ “đôi người xa lạ” họ đã trở thành “đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình.

- Khép lại đoạn thơ, là một câu thơ có một vị trí rất đặc biệt. Câu thơ *“Đồng chí!”* được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định, nhấn mạnh tính đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp là sự kết tinh của tình bạn, tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp. Câu thơ “*Đồng chí*” như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí.

=> Tóm lại, bảy câu thơ đầu, đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời, tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí, đồng đội sống chết có nhau.

**b. Mười câu thơ tiếp: Những biểu hiện của tình đồng chí**

**b.1. Biểu hiện thứ nhất: Họ thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:**

 *“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

 *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

 *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:

+ Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo nguời, thiếu sức lao động. Các anh ra đi đánh giặc, để lại nơi hậu phương bộn bề công việc đồng áng, phải nhờ người thân giúp đỡ.

+ Cuộc sống gia đình các anh vốn đã nghèo khó, nay càng thêm thiếu thốn. Hình ảnh “gian nhà không”, diễn tả được cái nghèo về mặt vật chất trong cuộc sống gia đình các anh. Đồng thời, diễn tả sự thiếu vắng các anh- người trụ cột trong gia đình các anh

- Tiếp theo, họ thấu hiểu lí tưởng và ý chí lên đường để giải phóng cho quê hương, dân tộc.

+ “Ruộng nương”, “căn nhà” là những tài sản quí giá, gần gũi gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương, hi sinh hạnh phúc riêng tư vì lợi ích chung, vì độc lập tự do của toàn dân tộc

+ Tác giả đã sử dụng những từ ngữ rất giản dị, mộc mạc nhưng giàu sức gợi: Từ “mặc kệ”, chỉ thái độ dứt khoát, quyết tâm của người lính. Mặc kệ những gì quí giá nhất, thân thiết nhất để ra đi vì nghĩa lớn. Đồng thời, thể hiện thái độ sẵn sàng hi sinh một cách thầm lặng của các anh vì đất nước.

- Họ thấu hiểu nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn người lính

+ Họ ra đi để lại một trời thương nhớ. Nhớ nhà, nhớ quê và trên hết là nỗi nhớ những người thân. Những người lính đã dùng lí trí để trí ngự tình cảm, nhưng càng chế ngự thì nỗi nhớ nhúng càng trở nên da diết.

+ Hình ảnh “giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” vừa được sử dụng như một hình ảnh ẩn dụ, vừa được sử dụng như một phép nhân hóa diễn tả một cách tự nhiên và tinh tế tâm hồn người lính.

+ “ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” hay chính là tấm lòng của người ra lính luôn canh cánh nỗi nhớ quê hương và do đó họ như đã tạo cho “giếng nước gốc đa” một tâm hồn.

=> Hình tượng người lính thời kì đầu của kháng chiến chống Pháp đã hiện lên tràn dầy khí thế và ý chí kiên cường, quyết ra đi bảo vệ độc lập, tự do của Tổ Quốc.

**b.2. Biểu hiện thứ 2: Những người lính đã đồng cam cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ**

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính. Bảy dòng thơ tiếp, ông đã dành để nói về những gian khổ của các anh bộ đội thời kì đầu cuộc kháng chiến chống pháp:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày”*

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc. Trước hết là những cơn sốt rét rừng:

+ Tác giả sử dụng bút pháp tả thực để tái hiện sự khắc nghiệt của những cơn sốt rét rừng đang tàn phá cơ thể những người lính.

+ Trong những cơn sốt rét ấy, sự lo lắng, quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những khoa khăn, gian khổ.

- Cuộc đời quân ngũ đầy thiếu thốn, gian khổ:

+ Sử dụng thủ pháp liệt kê để miêu tả một cách cụ thể và chính xác những thiếu thốn của người lính: “áo rách vai, quần vài mảnh, chân không giày”. Đó là những chi tiết rất thật, được chắt lọc từ thực tế cuộc sống người lính.

+ Những khó khăn gian khổ như được tô đậm khi tác giả đặt sự thiếu thốn bên cạnh sự khắc nghiệt của núi rừng: sự buốt giá của những đêm rừng hoang sương muối.

=> Đây là hình ảnh chân thực về những anh bộ đội thời kì đầu kháng chiến. Đầy những gian nan, thiếu thốn nhưng các anh vẫn xé rừng mà đi, đạp núi mà tiến.

- Song họ vẫn giữ được tinh thần lạc quan cách mạng: Hình ảnh “miệng cười buốt giá” cho thấy thái độ lạc quan, coi thường thử thách để vượt lên khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tác giả đã tạo dựng những hình ảnh sóng đôi, đối xứng nhau để diễn tả sự gắn kết, đồng cảm giữa những người lính.

=> Cái hay của câu thơ là nói về cảnh ngộ của người này nhưng lại thấy được sâu sắc tấm lòng yêu thương người kia. Tình thương đó lặng lẽ mà thấm sâu vô hạn.

**b.3. Biểu hiện thứ 3: Luôn sẵn sàng sẻ chia, yêu thương gắn bó**

Tất cả những cảm xúc thiêng liêng được dồn nén trong hình ảnh thơ rất thực, rất cảm động, chứa đựng biết bao ý nghĩa:

“*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

- Những cái bắt tay chất chứa biết bao yêu thương trìu mến. Rõ ràng, tác giả đã lấy sự thiếu thốn đến vô cùng về vật chất để tô đậm sự giàu sang vô cùng về tinh thần

- Những cái bắt tay là lời động viên chân thành, để những người lính cùng nhau vượt qua những khó khăn, thiếu thốn.

- Những cái bắt tay của sự cảm thông, mang hơi ấm truyền cho nhau thêm sức mạnh.

- Đó còn là lời hứa lập công, của ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng quân thù.

=> Có lẽ không ngôn từ nào có thể diễn tả cho hết tình đồng chí thiêng liêng ấy. Chính những tình cảm, tình đoàn kết gắn bó đã nâng bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.

**c. Ba câu thơ cuối: Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội**

- Được xây dựng trên nền thời gian và không gian vô cùng đặc biệt:

“*Đêm nay rừng hoang sương muối”*

+ Thời gian: Một đêm phục kích giặc

+ Không gian: Căng thẳng, trong một khu rừng hoang vắng lặng và phr đầy sương muối.

- Trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy, những người lính xuất hiện trong tâm thế:

*“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”*

+ Hình ảnh “đứng cạnh bên nhau” cho thấy tư thế chủ động, hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu của người lính.

- Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của một bức tranh về tình đồng chí, rất thực và cũng rất lãng mạn: *Đầu súng trăng treo.*

+ Chất hiện thực: gợi những đêm hành quân, phục kích chờ giặc, nhìn từ xa, vầng trăng như hạ thấp ngang trời. Trong tầm ngắm, người lính đã phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: Trăng lơ lửng như treo đầu mũi súng.

+ Chất lãng mạn: Giữa không gian căng thẳng, khắc nghiệt đang sẵn sàng giết giặc mà lại “treo” một vầng trăng lung linh. Chữ “treo” ở đây rất thơ mộng. nối liền mặt đất với bầu trời.

+ Hình ảnh “đầu súng trăng treo” rất giàu ý nghĩa: Súng là biểu tượng cho cuộc chiến đấu, trăng biểu tượng cho non nước thanh bình, súng và trăng cùng đặt trên một bình diện đã gợi cho người đọc bao liên tưởng phong phú: chiến tranh và hòa bình, hiện thực và ảo mộng; khắc nghiệt và lãng mạn; chất chiến sĩ- vẻ đẹp tâm hồn thi sĩ. Gợi lên vẻ đẹp của tình đồng chí, giúp tâm hồn người chiến sĩ bay lên giữa cam go khốc liệt. Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính: Trong chiến tranh ác liệt, họ vẫn rất yêu đời và luôn hướng về một tương lai tươi sáng.

=> Hình ảnh “đầu súng trăng treo” xứng đáng trở thành biểu tượng cho thơ ca kháng chiến: một nền thơ ca có sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.

**3. Đánh giá về nghệ thuật:** Với thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị, chi tiết, hình ảnh chân thực cô đọng, hàm súc nhưng giàu sức biểu cảm, bài thơ *Đồng chí đã để lại những* ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội và chân dung anh bộ đội Cụ Hồ thời kì kháng chiến chống Pháp: chân thực, giản dị mà vô cùng cao đẹp.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân

**Đề 1: Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ:**

  *“Súng bên súng đầu sát bên đầu,*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

 *Đồng chí !*

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

 *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

 *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

*{….}*

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

 *Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

 *Đầu súng trăng treo.”*

**1. Mở bài**

  Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Vốn là một người lính nên các tác phẩm của ông chủ yếu viết về đề tài chiến tranh và người lính với giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh thơ chọn lọc, cô đọng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu xa. “Đồng chí” là một tác phẩm như vậy. Đến với những câu thơ nói về cơ sở, biểu hiện và ý nghĩa biểu tượng của tình đồng chí, ta nhận ra được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

**2. Thân bài**

  Bài thơ được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông năm 1947). Được trực tiếp tham gia chiến đấu cùng các đồng đội, trân trọng và cảm phục trước vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ nên ông viết bài thơ tri ân đến người đồng đội, đồng chí của mình. Vì thế hình ảnh người lính được hiện lên trong đoạn thơ bức chân thực.

 Trước hết qua đoạn thơ ta hiểu được hoàn cảnh chiến đấu của người lính. Họ là những người nông dân vốn quen với những công việc đồng áng. Nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm họ từ bỏ làng quê, ruộng vườn, tham gia chiến trường. Cuộc sống chiến đấu vô cùng thiếu thốn:

 “đêm rét chung chăn” họ thường xuyên phải đối diện với thời tiết khắc nghiệt ở núi rừng Việt Bắc, với cái rét thấu thịt, thấu xương. “rừng hoang sương muối”.Có lẽ cuộc sống chiến đấu gian khổ bên chiến hào vì độc lập dân tộc, đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau. Vì họ đều có chung lòng yêu nước và lý tưởng sống cao đẹp: “Súng bên súng đầu sát bên đầu”

Câu thơ mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu trưng. Câu thơ đã gợi lên tư thế của người lính trong đêm phục kích, họ luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh nguy hiểm. “Súng bên súng” là chung một nhiệm vụ, chung hành động, “Đầu sát bên đầu” là chung chí hướng, chung lí tưởng. Chính Hữu đã dùng từ “ sát, bên, chung” để diễn tả sự tâm đầu ý hợp của đôi bạn cùng chung chiến hào. Hình ảnh “Đêm rét chung chăn” là một hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa của người lính, kỉ niệm một thời gian khổ, thiếu thốn và đầy sự cảm thông chia sẻ với nhau. Hình ảnh giản dị, gợi cảm “Đắp chung chăn thành đôi tri kỷ”. Tấm chăn mỏng manh nhưng ấm tình đồng chí, đồng đội mà những người lính không thể nào quên. Nó đã vun đắp lên tình đồng chí của các anh.

 “Đồng chí!” được tách thành một dòng riêng, là câu đặc biệt như một bản lề khép mở: Khép lại cơ sở hình thành tình đồng chí và mở ra sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội. Câu thơ vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định tình đồng chí, là kết tinh mọi cảm xúc, tình cảm, của tình bạn, tình người. Hai tiếng “đồng chí” đơn sơ mà cảm động đến nao lòng, làm bừng sáng cả đoạn thơ, bài thơ.

 Ba câu thơ cuối là biểu tượng đẹp nhất giàu chất thơ nhất về tình đồng chí, đồng đội cao đẹp. Với không gian “rừng hoang sương muối”, thời gian vào đêm đông rét buốt. Câu thơ cho thấy đêm nay cũng như bao đêm khác, các anh mai kích chờ giặc tới, chuẩn bị cho trận đánh giành thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947. Các anh đừng “ Chờ giặc tới” là chờ giây phút hồi hộp căng thẳng khi ranh giới giữa sự sống và cái chết rất mong manh. Động từ “ chờ” thể hiện tư thế chủ động của người lính trong đêm phục kích, cũng là tư thế chủ động của toàn dân ta sau chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947.

Khép lại bài thơ là hình ảnh tuyệt đẹp và thi vị. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” mang ý nghĩa biểu tượng gợi sự liên tưởng phong phú. Kết hợp hiện thực và lãng mạn giữa cảnh rừng đêm giá rét là 3 hình ảnh gắn kết với nhau: “ người lính, khẩu sung, trăng” , sung là hình ảnh biểu tượng của cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh mà người lính đang trải qua là biểu hiện của người chiến sĩ, “trăng” là biểu tượng của cuộc sống hòa bình trong tương lai mà người lính đang hướng tới là biểu tượng của thi sĩ. “súng – trăng” là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chất thi sĩ và chất chiến sĩ, hiện thực và lãng mạn.

 Hình ảnh người lính trong đoạn thơ là biểu tượng đẹp về người lính anh bộ đội cụ Hồ trong những năm kháng chiến chống Pháp. Đó cũng là lý do tại sao khi bài thơ ra đời tạo ra khuynh hướng sáng tác mới.

**3. Kết bài**

 Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng nhận xét: “Đồng chí” là bài thơ hay và khiến ta đọc lại bài thơ đọc bằng cả tâm hồn”. Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng đã khắc họa chân thực và rõ nét hình tượng anh bộ đội cụ Hồ - Những người làm nên trang sử vẻ vang của dân tộc ta trong những năm kháng chiến chống Pháp, để rồi từ đó tự bù đắp cho thế hệ trẻ ngày nay lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm với cuộc sống, xứng đáng với sự hi sinh lớn lao của thế hệ cha anh đi trước.

**Đề 2: Phân tích cảm nhận đoạn thơ sau:**

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên súng đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ*

*Đồng chí !”*

 **I. Mở bài**

  Chính Hữu là nhà thơ quân đội. Thơ ông hầu như chỉ viết về người lính trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của người lính như tình đồng chí, đồng đội, quê hương... Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài “Đồng Chí “. Bài thơ được viết vào năm 1948 Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp trong đó có đoạn thơ:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên súng đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ*

*Đồng chí !”*

Đoạn thơ là lời lý giải về cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội của những người lính.

**2. Thân bài**

Tình đồng chí đồng đội của người lính bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó, tương đồng về giai cấp tình đồng chí, đồng đội nảy sinh khi cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu.Tình đồng chí, đồng đội nảy nở trong sự chan hòa chia sẻ của mọi gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến.

1. Trước hết ở đoạn thơ này, người đọc thấy được tình đồng chí, đồng đội của người lính bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó.

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

 *Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”*

 Hai câu thơ với giọng điệu thơ thủ thỉ, tâm tình (quê hương anh, làng tôi) đã gợi ra tình cảm thiết tha. Hình ảnh “quê hương anh”, “ làng tôi” hiện lên với bao nỗi vất vả, gian lao “Nước mặn, đồng chua” là vùng đất ven biển nhiễm phèn khó làm ăn. “ đất cày lên sỏi đá” là vùng đất trung du, đồi núi, đất đã bị ong hóa, khó canh tác. Với việc sử dụng 2 thành ngữ tác giả khiến người đọc hình dung quê hương anh quê hương của những người lính là những vùng quê nghèo khó, lam lũ, hai câu thơ có cấu trúc sóng đôi, đối xứng “quê hương anh, làng tôi” chỉ nói về đất đai mối quan tâm hàng đầu của những người nông dân, nhưng đã diễn ra sự tương đồng với cảnh ngộ xuất thân nghèo khó, tương đồng với giai cấp nông dân. Chính vì vậy những người lính còn được gọi là cái tên thân thương người nông dân mặc áo lính.

2. Tình đồng chí, đồng đội của những người lính còn bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng và giai cấp. Họ cùng là giai cấp nông dân. Chính điều đó đó cùng với mục đích, lý tưởng chung đã khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp lại trong hàng ngũ đội quân cách mạng và trở nên thân thiết với nhau.

  *“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”*

Cụm từ “anh với tôi” và từ “đôi” chỉ hai người, hai đối tượng không thể tách rời, kết hợp với từ “xa lạ” làm cho ý thơ được nhấn mạnh hơn. “Tự phương trời” chẳng quen nhau nhưng cùng thời, cùng tham gia chiến đấu, giữa họ nảy nở một thứ tình cảm cao đẹp tình đồng chí, đồng đội.

**3. Tình đồng chí, đồng đội còn được nảy sinh khi cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu.**

  *“Súng bên súng đầu sát bên đầu”*

 “Súng và đầu” là hình ảnh tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp trong một câu thơ từ “súng” và từ “đầu” được lặp lại hai lần tạo hai vế cân xứng, thể hiện sự gắn bó của những người lính. Điều đó càng chứng tỏ tình đồng chí là sự gắn kết trọn vẹn cả về ý chí, lí tưởng mục đích cao cả chiến đấu giành độc lập tự do.

**4. Cũng ở đoạn thơ này ta thấy được tình đồng chí, đồng đội nảy nở và bền chặt** trong sự chan hòa, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, nỗi buồn đó là mối tình tri kỷ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện cụ thể, một hình ảnh giản dị và hết sức gợi cảm “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ”. “Chung chăn” có nghĩa là chung cái khó khăn, khắc nghiệt của cuộc đời người lính, nhất là chung hơi ấm để vượt qua cái lạnh. Chính điều đó khiến họ trở thành đôi tri kỷ. Từ “đôi” thể hiện sự than thiết, gắn bó của những người lính. Câu thơ cuối cùng trong đoạn thơ là một câu đặc biệt. Câu thơ chỉ một từ gồm hai tiếng và dấu chấm than “Đồng chí!” tạo nên một nút nhấn nó vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.

**5. Như vậy đoạn thơ đã sử dụng hình ảnh ngôn ngữ giản dị, cô đọng, giàu chất biểu cảm,** thể thơ tự do, cảm hứng Thơ hướng về cái thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình thường, giản dị.

**3. Kết bài**

  Đoạn thơ đã lý giải về cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội, đồng thời làm nên hiện lên hình ảnh giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất khó khăn, thiếu thốn. Viết về đề tài người lính trong chiến tranh không có tiếng súng nhưng tình cảm của người lính,tình đồng chí, đồng đội của người lính vẫn cao cả hào hung, tình đồng chí, đồng đội là bản chất cách mạng của anh bộ đội Cụ Hồ.

**Đề 4: Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

*Đồng chí!”*

 *(Đồng chí – Chính Hữu)*

 *“ Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng*

  *(Bài thơ về Tiểu Đội Xe Không Kính – Phạm Tiến Duật)*

**1. Mở bài**

  Hình tượng người lính là đề tài, là nguồn cảm hứng sáng tác cho các nhà văn, nhà thơ. Viết về họ có nhiều vần thơ đẹp tạo lên những rung cảm sâu sắc trong lòng người đọc. Trong số đó phải kể đến bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Trong đó là hai đoạn thơ:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

*Đồng chí!”*

  *(Đồng chí – Chính Hữu)*

 *“ Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng*

  *(Bài thơ về Tiểu Đội Xe Không Kính – Phạm Tiến Duật)*

Hai đoạn thơ đã thể hiện hình ảnh người lính trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với vẻ đẹp cao quý, lạc quan, dũng cảm, thắm tình đồng chí, đồng đội.

**2.Thân bài**

 \* Khái quát: Bài thơ được ra đời hai thời điểm khác nhau. Bài thơ “Đồng chí” được Chính Hữu viết vào năm 1948 thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. “Bài thơ tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật viết vào năm 1969 thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. Hai đoạn thơ đều cho chúng ta thấy những khó khăn, thiếu thốn mà những người lính phải trải qua, đồng thời làm hiện hình ảnh người lính với vẻ đẹp và tâm hồn cao quý.

1. Trước hết bài thơ “Đồng chí” Chính Hữu đã làm hiện lên hình ảnh những người lính gắn bó với điều kiện chiến đấu gian khổ, thiếu thốn nhưng họ luôn lạc quan và thắm tình đồng chí đồng đội.

*a. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bộ đội ta phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, gian khổ tất cả điều đó được Chính Hữu gợi tả hết sức chân thực:*

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

Những người lính cách mạng đã chấp nhận cuộc sống quân ngũ thiếu thốn. Họ phải trải qua gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính. Với những hình ảnh cụ thể , chân thực (áo anh rách vai, quần tôi có vài mảnh vá, Miệng cười buốt giá, chân không giày) và các cặp câu thơ sóng đôi đối ứng( áo anh rách vai, quần tôi có vài mảnh vá, Miệng cười buốt giá, chân không giày) tạo sự nhịp nhàng, cân xứng cho câu thơ, đồng thời diễn tả sự giống nhau trong mọi cảnh ngộ cuộc đời người lính. Những người lính trong trang phục phong phanh giữa mùa đông giá lạnh, thiếu thốn về quân tư trang ( áo anh rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày), họ phải chịu cái khắc nghiệt của thời tiết “ miệng cười buốt giá” đặc biệt họ phải chịu những cơn sốt rét rừng nguy hiểm “Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi”. Chỉ qua những chi tiết đó thôi đã cho ta thấy những người lính cách mạng phải chịu những khó khăn, gian khổ, thiếu thốn đến nhường nào.

*b. Đoạn thơ thể hiện hình ảnh người lính với tinh thần lạc quan, thắm tình đồng chí, đồng đội khó khăn, gian khổ những người lính bộ đội cụ Hồ vẫn sáng nên vẻ đẹp cao quý.*

  Trước hết họ là những người có tinh thần lạc quan trong gian khổ thiếu thốn, tinh thần lạc quan càng rạng ngời: “Miệng cười buốt giá”. Những gian lao thiếu thốn không làm mất đi nụ cười của họ, nụ cười của những người lính như xua tan cái giá lạnh của mùa đông, nụ cười đó còn toát lên tinh thần lạc quan của những người lính.

 Những người lính còn thắm tình đồng chí, đồng đội. Tình đồng chí, đồng đội là bản chất cách mạng của anh bộ đội cụ Hồ. Tình đồng chí, đồng đội đã làm ấm lòng những người chiến sĩ để họ vẫn cười trong buốt giá và vượt lên trên mọi buốt giá. Những người lính vẫn cười trong gian lao bởi họ có hơi ấm, niềm tin của tình đồng chí. Tình đồng chí đã giúp họ vượt qua những gian lao thiếu thốn cuộc kháng chiến. Những người lính đã quên mình đi để động viên, tuyên truyền cho nhau hơi ấm để có thêm sức mạnh vượt qua mọi gian lao thiếu thốn.

 *“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

Những người lính đã quên đi cái khắc nghiệt của thời tiết, khó khăn thiếu thốn của cuộc kháng chiến để “tay nắm lấy bàn tay” đây là một cử chỉ rất cảm động chứa chan tình cảm chân thành. “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”, vừa nói lên tình cảm gắn bó sâu nặng của người những người lính, vừa gián tiếp thể hiện sức mạnh của tình cảm thấy. Dường như chỉ bằng một cử chỉ “tay nắm lấy bàn tay” mà những người lính như truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh, niềm tin giúp họ vượt qua được khó khăn gian khổ, sưởi ấm cho họ giữa những cánh rừng hoang sương muối mùa đông giá rét.

**c. Khái quát**

Như vậy Chính Hữu đã sử dụng thể thơ tự do, những chi tiết hình ảnh ngôn ngữ giản dị, chân thực cô động, giàu sức biểu cảm. Các câu thơ sóng đôi, đối ứng đã thể hiện hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống thực dân Pháp còn nhiều khó khăn gian khổ thắm tình đồng chí, đồng đội.

*2. Đến với đoạn thơ trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật ta lại bắt gặp hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn với những khó khăn gian khổ của cuộc chiến đấu, nhưng lại rất ung dung, hiên ngang, dũng cảm.*

 Hai câu thơ mở đầu đoạn thơ đã làm nổi bật hình ảnh độc đáo những chiếc xe không kính. Xưa nay hình ảnh xe , tàu thuyền nếu đưa vào thơ ca thì thường được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa và còn mang ý nghĩa tượng trưng hơn tả thực Tế Hanh đã từng miêu tả con thuyền trong bài “Quê hương”, “Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã” và Huy Cận từng miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trong bài “Đoàn thuyền đánh cá”, “Thuyền ta lái gió với buồm trăng”. Những chiếc xe không kính của Phạm Tiến Duật là hình ảnh rất thực. Hình ảnh thực này được diễn tả bằng hai câu thơ rất là giản dị như một lời nói thường có giọng điệu thản nhiên:

*“Không có kính…. vỡ đi rồi”*

 Chính giọng thản nhiên đã gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe, tác giả giải thích nguyên nhân cũng rất thực, giản dị, tự nhiên: “Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi” bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe ấy không còn chính kính chắn gió. Như vậy hình ảnh những chiếc xe không kính vốn không hiếm trong chiến tranh. Nhưng phải có một hồn thơ nhạy cảm với những nét ngang tàng nghịch ngợm, thích cái lạ của Phạm Tiến Duật mới nhận ra và đưa nó thành hình tượng thơ độc đáo của thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Từ hình ảnh những chiếc xe không kính người đọc hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh.

b. Từ việc miêu tả những chiếc xe không kính, tác giả muốn ngợi ca người chiến sĩ lái xe. Hình ảnh những chiếc xe không kính đã làm nổi bật rõ hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn. Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để những người lính lái xe bộc lộ phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ. Đó là những người lính lái xe ung dung, hiên ngang, bất khuất.

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”*

 Câu thơ đã diễn tả cảm giác ấn tượng căng thẳng, đầy thử thách khi lái những chiếc xe không kính, những người chiến sĩ không hề run sợ mà trái lại họ hiện ra tư thế ung dung, hiêng ngang. Từ láy tượng hình “ ung dung” đã diễn tả rất chính xác tư thế của những người lính lái xe. Kết cấu trong 6 chữ với nhịp 2/2/2, điệp ngữ “nhìn” cùng phép đảo ngữ (chữ ung dung đảo lên đầu câu thơ) đã làm nổi bật những cái tư thế ấy. Dường như ở phía trước cả không gian đất trời thu vào tầm mắt của họ qua khung cửa xe không có kính chắn gió.

c.Khái quát: Với thể thơ tự do, giọng thơ rất gần với lời nói thường, tự nhiên, khỏe khoắn, từ ngữ giàu cảm xúc Phạm Tiến Duật đã khắc họa hình ảnh những chiếc xe không kính qua đó làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn sừng sững hiên ngang trước mọi khó khăn nguy hiểm.

3. Như vậy hai bài thơ nói chung, hai đoạn thơ nói riêng viết ở các thời điểm khác nhau. Nhưng đều giúp người đọc cảm nhận được những khó khăn, thiếu thốn mà người lính cách mạng phải trải qua, đồng thời làm hiện lên vẻ đẹp tâm hồn cao quý. Họ chính là đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam trong công cuộc bảo vệ tổ quốc. Cả hai đoạn thơ đều sử dụng những hình ảnh giản dị, chân thực, từ ngữ giàu hình ảnh, sức gợi.

**3. Kết bài**

  Hình ảnh người lính trong hai đoạn thơ bài thơ “Đồng Chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đều phải trải qua những khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của cuộc kháng chiến, đồng thời họ nhìn lên với vẻ đẹp tâm hồn cao quý. Đó là những anh lính thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp lạc quan, thắm tình đồng chí, đồng đội. Đó là những anh lính lái xe Trường Sơn dũng cảm, ung dung, hiên ngang. Vẻ đẹp của những người lính khiến chúng ta yêu mến, cảm phục, tự hào. Là thế hệ trẻ chúng ta phải tiếp nối truyền thống yêu nước của thế hệ cha ông đi trước.

**Đề 4: Cảm nhận về đoạn thơ sau:( \*)**

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Quê hương anh nước măn đồng chua

Làng tôi ngheo đất cầy lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹ quen nhau,

Súng bên súng đầu sát bên đầu,

 Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí!

 *(Ngữ văn 9, tập I, tr.128-129, NXB Giáo dục 2016)*

**I. Mở bài**:

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu trong nền thơ ca thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Vốn là một người lính nên tác phẩm của ông chủ yếu viết về chiến tranh và người lính, qua những trang thơ mang giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng nên tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. “Đồng chí” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ nói về cơ sở và ý nghĩa biểu tượng của tình đồng đội, đồng chí. Nhà thơ giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

**II. Thân bài:**

**1.Giới thiệu khái quát về bài thơ**

 Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội ấy, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp- tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

a) **Cơ sở thứ nhất: Lòng đồng cảm giai cấp**

 Mở đầu bài thơ, tác giả đã đưa người đọc đến với người đọc về quê hương của những người lính:

 *“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

 *Làng tôi nghèo đất cày nên sỏi đá”*

Đọc hai câu thơ đầu ta nhận ra giọng điệu rất đỗi mộc mạc, giản dị. Nó như một lời thủ thỉ, tâm sự, giãi bày. Tác giả sử dụng nghệ thuật đối để tư đó gợi lên sự đăng đối, sự tương đồng về cảnh ngộ của những người lính. Chính Hữu đã mượn *thành ngữ “nước mặn đồng chua” và hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”* để nói về xuất thân của họ. Nếu như “nước mặc đồng chua” chỉ những vùng đồng chiêm, nước trũng, ngập mặn ven biển, khó làm ăn thì hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” lại gợi về những vùng trung du, miền núi, đất đá bị ong hóa, bạc màu, khó canh tác. Lời thơ không đưa ta đến những vùng quê cụ thể nhưng qua cách giới thiệu giản dị, Chính Hữu đã giúp người đọc hình dung được về quê hương của những người lính. Đó là những vùng quê nghèo lam lũ. Ở đó những người nông dân đã cởi bỏ áo nâu ruộng đồng để khoác lên mình màu xanh áo lính. Giữa họ là lòng đồng cảm giai cấp, là cùng chung cảnh ngộ Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm về giai cấp là sợi dây tình cảm đã nối họ lại với nhau, từ đây họ đã trở thành những người đồng chí, đồng đội.

**b, Cở sở thứ hai: Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ và lòng yêu nước.**

Không chỉ được hình thành từ lòng đồng cảm giai cấp, **tình đồng chí còn được tạo bởi sự đồng điệu về lí tưởng, nhiệm vụ:**

 *“Anh với tôi đôi người xa lạ*

 *Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

 *Súng bên súng, đầu sát bên đầu”*

***\*Liên hệ: Nhớ - Hồng Nguyên***

 *Lời thơ khiến ta nhớ tới những vần thơ của Hồng Nguyên trong bài thơ “Nhớ”*

*Lũ chúng tôi
Bọn người tứ xứ,
Gặp nhau hồi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi “Một hai”
Súng bắn chưa quen,kmk
Quân sự mươi bài
Lòng vẫn cười vui kháng chiến*

Rõ ràng là trước khi nhập ngũ, họ là những người hoàn toàn xa lạ. Nghe theo tiếng gọi của tổ quốc họ lên đường . Ấy vậy mà khi vừa gặp nhau giữa họ đã có một sự gắn kết đến kì lạ. Nếu như ở hai câu thơ đầu, “anh – tôi” được đặt ở hai dòng thơ riêng biệt thì đến đây “anh, tôi” lại được đưa vào cùng một dòng thơ kết hợp với hai chữ “đôi người”. “Đôi người” khác với “hai người” bởi trong “đôi người” có một cái gì đó gắn bó khăng khít lắm. Mặc dù là những người xa lạ nhưng họ chung cảnh ngộ xuất thân giờ lại chung lí tưởng nhiệm vụ nên gắn kết cũng là điều dễ hiểu.

 - Hình ảnh thơ “súng bên súng, đầu sát bên đầu” mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc đã diễn tả một cách đầy đủ và trọn vẹn sự gắn bó của những người lính trong quân ngũ. Nếu như “Súng bên súng” là cách nói giàu hình tượng để diễn tả về những người lính cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu, họ ra đi để chiến đấu và giải phóng cho quê hương, dân tộc, đất nước; đồng thời giải phóng cho chính số phận của họ thì “Đầu sát bên đầu” là cách nói hoán dụ, tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ “súng, đầu” được nhắc lại hai lần đã làm cho câu thơ trở nên chắc khỏe, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ của những người lính. Có thể nói rằng lí tưởng và mục đích chiến đấu chính là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để những con người vốn xa lạ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.

**c, Cơ sở thứ ba: Tình đồng chí còn được nảy nở từ trong những gian lao vất vả.**

Cùng với lòng đồng cảm giai cấp và sự đồng điệu trong lí tưởng nhiệm vụ, **tình đồng chí của những người lính còn được nảy nở từ trong những vất vả, gian lao.** Ở nơi chiến trường đầy khói bom thuốc súng, người chiến sĩ phải chống chọi với cái rét:

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

Cái rét ở rừng già Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy:

*Đêm mưa rình giặc tai thao thức*

*Mùa lại mùa qua rét nhức xương.*

( Tố Hữu – *“Lên Tây Bắc”)*

Khác với thơ Tố Hữu, câu thơ của Chính Hữu mặc dù nói đến cái rét nhưng lại gợi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Cái hay của nhà thơ là đã biết “đêm rét chung chăn” vào bài thơ, sưởi ấm mối tình đồng chí lên thành mức độ *tri kỉ*. Những người lính đến với nhau nhẹ nhàng, bình dị, vừa có cái chung của lí tưởng lớn, vừa có cái riêng của một đôi bạn ý hợp tâm đầu. Và cứ giản dị như thế, những con người cùng chung gian khó ấy trở thành đồng chí của nhau:

**d. Khổ thơ được kết thúc bằng một câu thơ hết sức đăc biệt**

*Đồng chí!*

Câu thơ chỉ có hai tiếng và kết thúc bằng dấu chấm than tạo một nốt nhấn, vang lên như một sự phát hiện, lời khẳng định. Đồng thời như một chiếc bản lề khép mở sự lí giải cội nguồn của tình đồng chí ở sáu câu thơ trước với những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí trong những câu thơ tiếp theo của bài thơ. Nếu coi bài thơ như một cơ thể sống thì hai tiếng “Đồng chí” như một trái tim hồng nuôi sống cả bài thơ. Nó có sức vang dội và ngân nga mãi trong lòng người đọc. Chính Hữu đã từng tâm sự rằng: “*Những năm đầu cách mạng từ “đồng chí” mang ý nghĩa thiêng liêng và máu thịt vô cùng. Nơi khó khăn, cuộc sống của người này trở nên cần thiết với người kia. Một người có thể thay thế cho gia đình, cho cha mẹ, vợ con đối với một người khác. Hơn nữa, họ còn bảo vệ nhau trước mũi súng của kẻ thù, cùng nhau đi qua cái chết, chống lại cái chết, cùng nhau thực hiện một lí tưởng cách mạng. Đó là ý nghĩa thiêng liêng của tình đồng chí bấy giờ”.*

**3.Đánh giá:** nghệ thuật + nội dung
 Như vây, bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc,chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén, nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã làm nổi bật những cơ sở hình thành tình đồng chí. Tình đồng chí là một tình cảm cao đẹp. Nó được hình thành từ long đồng cảm giai cấp, từ sự đồng điệu về nhiệm vụ, lí tưởng và hơn cả là được nảy nở từ trong những gian lao vất vả .Thông qua đoạn thơ, chúng ta nhận ra ở nhà thơ Chính Hữu là một sự trân trọng đặc biệt dành cho tình cảm cao đẹp ấy và cũng là dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ.

**II.Kết bài:**

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ Chính Hữu, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 5: (\*)**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

 *“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

 *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ước mồ hôi.*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.”*

 (Ngữ văn 9, tập I, tr.128-129, NXB Giáo dục 2016)

**1. Mở bài:**

 Thế kỉ XX dân tộc ta phải đương đầu với nhiều cuôc chiến. Tiếng súng kêu, tiếng bom rơi đạn nổ, máu và nước mắt của dân tộc ta không ngừng tuôn rơi để có ngày độc lập. Suốt những năm tháng đau thương và hùng tráng ấy. Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ luôn là hiện thân cho vẻ đẹp thời đại. Một trong số những bài thơ hay nhất, xúc động nhất viết về hình ảnh người lính chống Pháp là bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, mà tiêu biểu là đoạn thơ nói về sự đồng cam cộng khổ thiếu thốn của người lính trong kháng chiến. (trích thơ)

**2 .Thân bài**

a. Khái quát về hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của bài thơ

 Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm long của người đồng đội đó, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp- tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

b. Tóm tắt sơ lược đoạn thơ trước đó: Cở sở hình thành tình đồng chí ở đoạn thơ đầu của bài

 Ở 7 câu thơ đầu, bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc,chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén, nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã làm nổi bật những cơ sở hình thành tình đồng chí. Tình đồng chí là một tình cảm cao đẹp. Nó được hình thành từ long đồng cảm giai cấp, từ sự đồng điệu về nhiệm vụ, lí tưởng và hơn cả là được nảy nở từ trong những gian lao vất vả. Và đến khổ thơ thứ 2 chính Hữu tiếp tục viết về tình cảm ấy mà cụ thể là biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội.

**c. Cảm nhận về đoạn thơ**: Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí

**\*** Trước hết, tình đồng chí là sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau:

                                       *“Ruộngnương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lunglay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.*

Ra chiến trường vì lí tưởng bảo vệ tổ quốc, những người lính đã phải gửi lại quê hương tất cả, là mẹ già, vợ trẻ, con thơ, là luống mạ đang gieo, mảnh ruộng đang cày, là căn nhà tranh gió lùa tốc mái. Mặc dù vậy, họ vẫn ra đi với một sự quyết tâm cao độ. Hai tiếng “mặc kệ” đã minh chứng cho điều đó. Xưa nay, người ta thường dung “mặc kệ” để nói về sự thờ ở, vô cảm nhưng ở đây “mặc kệ” lại thể hiện thái độ dứt khoát, quyết tâm của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**\*Liên hệ:** **Đất nước – Nguyễn Đình Thi:** Lời thơ của Chính Hữu có sự đồng điệu với một ý thơ của Nguyễn Đình Thi trong bài thơ “Đất nước”:

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

Có thể nói rằng, thái độ dứt khoát, sự quyết tâm ấy chính là một nét chung đẹp đẽ của những người lính trong hai cuộc kháng chiến trường kì. Khi họ đã xác định được lí tưởng, mục tiêu rõ rang thì họ quyết không để tình riêng vướng bận.

 Nhưng dù có dứt khoát đến đâu thì khi ra chiến trường họ cũng luôn nhớ vê quê hương với một tình yêu trọn vẹn:

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*.

Đọc lời thơ ta không khó để nhận ra biện pháp nghệ thuật hoán dụ. ảnh “Giếng nước gốc đa” chính là biểu tượng của quê hương – nơi có gia đình, có người thân, nơi in dấu những kỉ niệm của tuổi thơ, tuổi trẻ. Với ý nghĩa như thế, câu thơ đã diễn tả nỗi nhớ hai chiều giữa hậu phương và tiên tuyến bởi nếu không hướng về quê hương với một tình yêu trọn vẹn thì người lính không thể cảm nhận được quê hương luôn dõi theo bước chân mình. Bao tình cảm sâu nặng như đều dồn tụ trong tiếng “nhớ” giản dị ấy! Song, góc nhớ thương đó không làm cho các anh mềm lòng, mất đi ý chí cứu nước mà nó thôi thúc, động viên người lính nông dân bền gan vững chí, cầm chắc tay súng lập công. Bởi lẽ nước nhà sớm độc lập thì các anh mới sớm được trở về với quê hương, xóm làng… Quả thật, giữa người chiến sĩ và quê hương có mỗi giao cảm vô cùng sâu sắc,đậm đà. Người đọc cảm nhận từ hình ảnh thơ một tình quê ăm ắp và đây cũng là nguồn động viên, an ủi, là sức mạnh tinh thần giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách suốt một thời máu lửa, đạn bom.

\*. Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn của cuộc đời người lính:

                                               *“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.*

Bằng những hình ảnh tả thực, hình ảnh sóng đôi, tác giả đã tái hiện chân thực những **khó khăn thiếu thốn** trong buổi đầu kháng chiến. Đó trước hết là căn **bệnh sốt rét rừng** đã trở thành nỗi ám ảnh. Hai câu thơ “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh/ Sốt run người vần trán ướt mồ hôi” đã tái hiện một cách chân thực và đầy đủ những biểu hiện của bệnh sốt rét rừng. Khi ấy, người bệnh rét run lên, đắp bao nhiêu chăn cũng không đủ nhưng mồ hôi lại vã ra như tắm. Câu thơ chỉ như một lời kể nhưng lại gieo vào lòng người đọc biết bao nhiêu thương cảm. Ta thương các anh vì trong suốt chặng đường bảo vệ tổ quốc thân yêu các anh không chỉ bị bệnh tật dày vò mà còn **thiếu thốn tất cả**: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…Song **dù thiếu thốn, dù khó khăn thì sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ vượt qua tất cả**. Nếu hình ảnh *“Miệng cười buốt giá”*  đã làm ấm lên, sáng lên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ trong gian khổ thì cái nắm tay lại thể hiện tình đồng chí, đồng đội thật sâu sắc! Cách biểu lộ chân thực, không ồn ào mà thấm thía. Tất cả những cảm xúc thiêng liêng được dồn nén trong hình ảnh thơ rất thực, rất cảm động, chứa đựng biết bao ý nghĩa:

 *“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

 Những cái bắt tay chất chứa bao yêu thương trìu mến. Rõ ràng, tác giả đã lấy sự thiếu thốn đến vô cùng về vật chất để tô đậm sự giàu sang vô cùng về tinh thần. Những cái bắt tay là lời động viên chân thành, để những người lính cùng nhau vượt qua những khó khăn, thiếu thốn. Đó là những cái bắt tay của sự cảm thông, mang hơi ấm để truyền cho nhau thêm sức mạnh. Đó còn là lời hứa lập công, của ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng quân thù. Có lẽ không ngôn từ nào có thể diễn tả cho hết tình đồng chí thiêng liêng ấy. Chính những tình cảm, tình đoàn kết gắn bó đã nâng đỡ bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.

**\*Đánh giá:**
 Như vây, bằng những từ ngữ giản dị, mộc mạc, chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén; nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã khắc họa chân thực, cảm động một tình cảm lớn mang tính thời đại, đó là tình đồng chí bền chặt, thiêng liêng của những người lính cách mạng. Qua đó tác giả đã khắc họa thành công hình ảnh người lính thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Thông qua những lời thơ ấy, chúng ta nhận ra ở nhà thơ Chính Hữu là một sự trân trọng đặc biệt dành cho tình cảm cao đẹp ấy và cũng là dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ.

**3. Kết bài**

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ thứ 2 đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ Chính Hữu, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Đoạn thơ còn đem đến cho ta những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tinh thần vượt khó, bài học về lòng yêu nước, về tình yêu quê hương. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 6: Viết 1 đoạn văn nêu cảm nhận về 3 câu thơ cuối ( \*)**

**\*Mở đoạn**: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ

 Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Thơ ông giản dị, hàm súc và dồn nén cảm xúc. Và tiêu biểu nhất cho phong cách sáng tác ấy là bài thơ “ĐỒng chí”. Bài thơ khép lại với bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội,là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ:

                                             *“Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo”.*

 Đọc khổ thơ này, người đọc nhận ra bút pháp tả thực đã được tác giả sử dụng rất hiệu quả. Lời thơ gợi cho người đọc về một không gian hoang vu lạnh lẽo nơi núi rừng Việt Bắc. Đêm càng làm cho khung cảnh trở nên đáng sợ hơn bởi kẻ thù và thú giữ có thể đến bất cứ lúc nào. Tuy nhiên hoàn cảnh ấy không hề làm cho những người lính run sợ. Họ vẫn ung dung “chờ giặc tới”. Cái từ “chờ” trong đoạn thơ này mới thực sự đặc biệt. Chỉ với một động từ ấy nhưng Chính Hữu đã cho người đọc cảm nhận được một cách đầy đủ và trọn vẹn tư thế ung dung, sự hiên ngang, lòng quả cảm, kiên cường của những người lính bộ đội cụ Hồ. Và trong phút cùng nhau “chờ giặc tới” ấy họ đã phát hiện ra một hình ảnh rất đẹp: Hình ảnh “Đầu sung trăng treo”

Có thể nói “đầu súng trăng treo” là hình ảnh đẹp nhất của bài thơ. Đây trước hết là một hình ảnh thực. Nó có thể hiểu là: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. Song lời thơ có lẽ không chỉ có vậy. Xưa nay, *“Trăng”*là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. *“Súng”*là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và chiến tranh khốc liệt. *Súng* và *trăng*, là cứng rắn và dịu hiền. *Súng* và *trăng* là chiến sĩ và thi sĩ, là hiện thực và lãng mạn. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi thậm chí là trái ngược với nhau nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ. Sự kết hợp hai yếu tố hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho lời thơ đồng thời gợi lên vẻ đẹp của người lính cách mạng. Họ không chỉ là những con người có lí tưởng cao đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quả cảm, kiên cường mà còn là những con người có *tâm hồn lãng mạn*. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập *“Đầu súng trăng treo”* – một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

**Đề 6: Có ý kiến cho rằng: Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một tượng đài tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến. ( \*)**

**1. Mở bài**:

 Thế kỉ XX dân tộc ta phải đương đầu với nhiều cuôc chiến. Tiếng súng kêu, tiếng bom rơi đạn nổ, máu và nước mắt của dân tộc ta không ngừng tuôn rơi để có ngày độc lập. Suốt những năm tháng đau thương và hùng tráng ấy. Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ luôn là hiện thân cho vẻ đẹp thời đại. Một trong số những bài thơ hay nhất, xúc động nhất viết về hình ảnh người lính chống Pháp là bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, vì thế có ý kiến cho rằng: Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một tượng đài tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

**2. Thân bài:**

**a.Giới thiệu khái quát về bài thơ**

Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm long của người đồng đội đó, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp- tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**b.Chứng minh nhận định**

**\*Giải thích nhận định**: Lời nhận định trên đã đánh giá chính xác sự thành công của bài thơ Đồng chí. Bức tượng đài tráng lệ là hình ảnh của những người lính được khắc họa rực rỡ, đẹp đẽ, cao cả và thiêng liêng.

**c. Chứng minh nhận định:**

**\*Vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ được thể hiện rất rõ trong đoạn thơ nói về cơ sở hình thành tình đồng chí:**

+ Những người lính có xuất thân nghèo khổ. Họ đều là những người nông dân từ đồng bằng ven biển, từ miền núi có nhiều khó khăn, gian khổ.

+ Người lính có chung lí tưởng chiến đấu cao đẹp. Dù ở mọi phương trời khác nhau, nhưng họ nghe theo tiếng gọi của TQ mà lên đường chiến đấu.

+ Người lính có chung hoàn cảnh sống và chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu, đêm rét chung chăn. Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau, để từ xa lạ, đến quan nhau, thành tri kỉ và đòng chí.

+ Kết thúc khổ thơ là một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc: Đồng chí!

**\*Vẻ đẹp rực rõ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ được thể hiện ở tình đồng chí gắn bó với nhau trong cuộc sống gian lao:**

+ Họ cảm thông, chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê : nhớ ruộng nương, lo cảnh gian nhà không nghèo khổ. Từ “ mặc kệ” chỉ thái độ cương quyết, quyết tâm lên đường ra đi. Không cần phải nói ra, nhưng họ hiểu cảm xúc của nhau

+ Người lính cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm. Tác giả khắc họa hình ảnh người lính bằng bút pháp hiện thực, những hình ảnh thơ song hành, đối nhau: áo rách vai/ chân không giày…Dù khó khăn, gian khổ nhưng họ vẫn vượt lên, kiên cường chiến đấu bằng tình đồng chí, đồng đội sâu sắc: Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. Đó là cái nắm tay để san sẻ khó khăn, động viên nhau bằng tình đồng chí gắn bó keo sơn.

**\* Vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng của tình đồng chí được thể hiện thật lãng mạn khi họ sát cánh bên nhau canh gác:**

+ Những người lính canh gác trong không gian, thời gian khắc nghiệt: đêm, rừng hoang, sương muối.

+ Họ sát cánh bên nhau vì cùng chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu, chủ động trong tư thế: chờ giặc.

+ Hình ảnh người lính cao đẹp, thiêng liêng được kết tinh trong hình ảnh thơ rất đẹp: đầu súng trăng treo. Đó là bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí. Hình ảnh thơ vừa lãng mạn, vừa hiện thực, vừa là tinh thần thép của những người lính, vừa là tâm hồn thi sĩ lãng mạn.

**c. Đánh giá**

- Với nhiều hình ảnh chọn lọc, từ ngữ gợi cảm mà lại gần gũi thân thuộc, với biện pháp sóng đôi, đối ngữ được sử dụng rất thành công, Chính Hữu đã viết nên một bài ca với những ngôn từ chọn lọc, bình dị mà có sức ngân vang. Bài thơ đã ca ngợi tình đồng chí hết sức thiêng liêng, như là một ngọn lửa vẫn cháy mãi, bập bùng không bao giờ tắt, ngọn lửa thắp sáng đêm đen của chiến tranh.

**3. Kết bài**

 Bài thơ kết thúc nhưng lại mở ra những suy nghĩ mới trong lòng người đọc. Nó đã làm sống lại một thời khổ cực của cha anh ta, làm sống lại chiến tranh ác liệt. Bài thơ khơi gợi lại những kỉ niệm đẹp, những tình cảm tha thiết gắn bó yêu thương mà chỉ có những người đã từng là lính mới có thể hiểu và cảm nhận hết được. Và phải chắng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**\*Kết đoạn**: Những tình cảm trong em khi đọc đoạn thơ

**CẢM NHẬN VỀ HÌNH ẢNH “ĐẦU SÚNG TRĂNG TREO”**

 “Đồng chí” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của nhà thơ Chính Hữu. Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: *“Đầu súng trăng treo”.*  Đây trước hết là một hình ảnh thực. Nó có thể hiểu là: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng, đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. Song lời thơ có lẽ không chỉ có vậy. Xưa nay, *“Trăng”*là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. *“Súng”*là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và chiến tranh khooscs liệt. *Súng* và *trăng*, cứng rắn và dịu hiền. *Súng* và *trăng*, chiến sĩ và thi sĩ, hiện thực và lãng mạn. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi thậm chí là trái ngược với nhau nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ. Sự kết hợp hai yếu tố, hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho hình tượng thơ đồng thời gợi lên vẻ đẹp của người lính cách mạng. Họ không chỉ là những con người có lí tươnmgr cao đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quả cảm, kiên cường mà còn là những con người có tâm hồn lãng mạn. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập *“Đầu súng trăng treo”* – một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

**Đề số 8: Phân tích vẻ đẹp của người lính qua hai bài thơ: “Đồng chí” và “Tiểu đội xe không kính**”. ( \*)

**1. Mở bài:**

Hình tượng người lính là đề tài, là nguồn cảm hứng sáng tác cho các nhà văn, nhà thơ. Viết về họ có nhiều vần thơ đẹp tạo lên những rung cảm sâu sắc trong lòng người đọc. Trong số đó phải kể đến bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Cả hai bài thơ đều giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những người lính cụ Hồ - những con người làm nên lịch sử hào hùng của dân tộc.

**2.Thân bài**.

**a.Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ**

-Giới thiệu hoàn cảnh ra đời

- Những người lính trong hai bài thơ thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ có nhiều nét đẹp chung của người lính cách mạng và của con người Việt Nam trong các cuộc kháng chiến cứu nước.

**b.Hình ảnh người lính**

**\* Họ đều là những con người bình dị, mộc mạc, thấm nhuần tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do để đi vào cuộc chiến đấu.**

- Người lính trong bài thơ “Đồng chí” xuất thân từ những cảnh ngộ nghèo khó: “*nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá*”. Họ là những người nông dân vừa được cách mạng giải phóng khỏi kiếp nô lệ lầm than. Bởi vậy, tình nguyện ra nhập bộ đội cầm lấy khẩu súng của cách mạng cũng chính là cầm vũ khí để giải phóng triệt để cho thân phận của mình, cho quần chúng và cho cả dân tộc. Vì tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà họ “mặc kệ” tất cả, sẵn sàng từ biệt làng quê với ruộng nương, nhà cửa vốn hết sức thân thiết, gắn bó để ra đi, dấn thân vào cuộc đời người chiến sĩ:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

- Còn người lính trong thơ Phạm Tiến Duật là những chàng trai còn rất trẻ, có tri thức, họ sẵn sàng gác lại những ước vọng tương lai của mình để cống hiến tuổi thanh xuân theo tiếng gọi thiêng liêng của miền Nam yêu dấu:

 “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.*

 *Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

**c. Nhờ có tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó bền chặt, chan hoà và nhờ lòng dũng cảm, hiên ngang, mà họ đã bất chấp những gian khổ, thiếu thốn đến tột cùng để hoàn thành nhiệm vụ.**

- Trên trận tuyến gay go ác liệt, các anh phải cùng chịu biết bao khó khăn gian khổ, thiếu thốn.

+ Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp vô cùng gian nan vất vả, các anh đã từng chịu những cơn “*sốt run người vầng trán ướt mồ hôi”, cùng cảnh “áo rách vai, quần tôi có vài mảnh vá”, “chân không giầy*”… Cũng chính từ trong gian khổ và thiếu thốn của những ngày đầu tiên bước vào quân ngũ ấy đã nẩy sinh ở họ mối tình cao đẹp – tình đồng chí! Và chính có tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn, chia bùi sẻ ngọt mà họ có đủ sức mạnh lớn lao để vượt qua tất cả: “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Đẹp làm sao giữa đêm rừng hoang đầy sương muối, ở nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, những người chiến sĩ vẫn ôm súng đứng canh gác quân thù trong đêm trăng sáng. Các anh vẫn chiến đấu và vẫn cứ tin có ngày chiến thắng. Ta thấy được ở các anh một tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường, một niềm lạc quan bất diệt. Đời lính gian khổ nhưng luôn giữ mãi nụ cười dẫu cho nó cận kề cái chết. “*Đầu súng trăng treo*”, một biểu tượng đẹp của hình ảnh người lính, biểu tượng cao quý của mối tình đồng chí đã khắc sâu trong tâm trí mọi người.

(Nhà thơ Quang Dũng trong bài thơ Tây Tiến cũng cho ta thấy rõ điều đó:

*Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.”*

Chính điều đó đã giúp ta hiểu được sự quyết tâm của người lính và ta thêm cảm phục sự hi sinh ấy hơn. Tấm lòng của các anh thật cao đẹp và lớn lao biết chừng nào! Đó cũng là hình ảnh chung của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp - những con người bình dị mà cũng thật anh dũng, hiên ngang.

+ Cuộc kháng chiến chống Pháp đã giành được thắng lợi vẻ vang với trận Điện Biên Phủ lẫy lừng. Đất nước vẫn chưa được bình yên, cả Miền Nam lại chìm vào máu lửa và những người con của quê hương lại tiếp tục lên đường. Những anh chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn hiện lên trong trang thơ của Phạm Tiến Duật là những anh lính thật ngang tàng, yêu đời, dũng cảm, hóm hỉnh. Từng giây, từng phút, các anh phải đối mặt với nhiều gian khổ và sự ác liệt, dữ dội của bom đạn quân thù hằng ngày trút xuống con đường và nhằm vào những chiếc xe của họ. Những gian khổ và ác liệt hiện hình trong hình ảnh những chiếc xe không kính rồi không cả đèn, cả mui xe, thùng xe có xước, méo mó. Gian khổ tưởng chừng như không thể vượt qua được, cái chết như kề bên, vậy mà lúc nào các anh cũng “ung dung buồng lái ta ngồi. Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”.

Mở đường Trường Sơn để xe tăng tiến vào phía Nam thực hiện chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là giai đoạn gay go nhất, ác liệt nhất và cũng hào hùng nhất. Có lẽ chỉ có những chàng trai tuổi trẻ ngạo nghễ ngang tàng kia mới có sức thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng cao cả này. Những chiếc xe tưởng chừng như không thể sử dụng được vậy mà nó vẫn tiến lên phía trước bởi có những nụ cười rất ngang tàng, rất nghịch ngợm của những anh lái xe rất phớt đời:

*“Không có kính, ừ thì có bụi.*

*Bụi phun tóc trắng như người già.*

*Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc.*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha…”*

Bằng sự đồng cảm của một người lính và cảm xúc của một nhà thơ, Phạm Tiến Duật đã xây dựng nên hình ảnh những chiến sĩ lái xe thật hào hùng, thật tếu táo. Cái cử chỉ: “phì phèo châm điếu thuốc” và tiếng cười “ha ha” như một lời thách thức của họ đối với quân thù. Đó là sức mạnh thứ nhất, còn sức mạnh nào nữa khiến cho những chiếc xe ấy vẫn băng băng lên phía trước? Tác giả đã trả lời một cách mạnh mẽ và dứt khoát, trong những chiếc xe không kính có những trái tim yêu nước, luôn hướng về Miền Nam phía trước với là khát vọng cháy bỏng là giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước:

*“Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

**c. So sánh hình ảnh người lính ở hai tác phẩm**

**\*Giống nhau:** Qua hình ảnh anh chiến sĩ Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì. Từ anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống Pháp trong thơ Chính Hữu đến anh chiến sĩ Trường Sơn thời chống Mĩ trong thơ PTD đều có chung một nét đẹp truyền thống kiên cường, bất khuất, dũng cảm và đầy tinh thần lạc quan yêu đời. Với điều kiện thuận lợi hơn, người lính thời chống Mĩ đã được trau rèn, huấn luyện. Các anh đã kế thừa và phát huy được tinh thần cách mạng vốn đã vững vàng nay lại vững vàng hơn.

**\* Khác nhau:** Tuy cùng khai thác chất liệu thơ từ đời sống thực với những chi tiết thật đến trần trụi của cuộc sống người lính nhưng hai bài thơ còn khác nhau bởi bút pháp và giọng điệu riêng của mỗi tác giả và cảm hứng nổi bật ở mỗi bài. Cảm hứng của Chính Hữu hướng vào vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của người lính, còn PTD thì lại tập trung làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn và bom đạn kẻ thù của những người lính lái xe.

**d. Đánh giá**

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là những tác phẩm đặc sắc nhất viết về người lính. Bằng tài năng và tình cảm của mình, hai nhà thơ đã dựng lên một bức chân dung đẹp đẽ về hình ảnh người lính bộ đội cụ Hồ- những con người mộc mạc, bình dị nhưng có rất nhiều những phẩm chất tốt đẹp. Họ xứng đáng trở thành biểu tượng sáng ngời của dân tộc VN anh hùng. Đọc hai bài thơ ấy, ta nhận ra một sự trân trọng đặc biệt của tác giả dành cho những con người quả cảm ấy.

**3. Kết bài**:

 Nhìn lại những chặng đường lịch sử đã đi qua, đọc lại hai bài thơ về người lính qua hai thời kì, trong ta bỗng dấy lên niềm xúc động lẫn tự hào. Hình ảnh những người lính ấy trở nên bất tử và đẹp rực rỡ. Dù lớp bụi thời gian có phủ đầy những trang sách và những đổi mới của cuộc sống làm biến chuyển đi tất cả, nhưng hình ảnh những anh lính cụ Hồ, anh giải phóng quân đến các anh chiến sĩ Trường Sơn vẫn sống mãi trong lòng mọi người với một niềm cảm xúc trào dâng mạnh mẽ.

**--------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÌNH**

*( Phạm Tiến Duật)*

**Đề 1: Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh sáng tác

- Khái quát nội dung bài thơ

**2. Phân tích**

**a. Luận điểm 1: Hình ảnh chiếc xe không kính**

- Những người lái xe giải thích, giới thiệu một cách tự nhiên, chân thực về người bạn đường thủy chung, gắn bó của họ.

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ mất rồi*

Tác giả lí giải những chiếc xe “không có kính” “bởi”, “bom giật, bom rung”, bởi sự tàn phá, hủy diệt của chiến tranh. Hai câu thơ rất gần với câu văn xuôi, lại có giọng điệu thản nhiên càng gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe không kính.

- Chiến tranh ngày càng khốc liệt, những chiếc xe không có kính sao bao chặng đường lăn lộn khó nhọc đã bị bom Mĩ tàn phá, hủy diệt trở nên méo mó, biến dạng:

*Không có kính, rồi xe không có đèn*

 *Không có mui xe, thùng xe không có xước*

Điệp ngữ “không có” kết hợp với biện pháp liệt kê đã nhấn mạnh chiếc xe không chỉ không có kính mà còn không có đèn, không có mui xe, thùng xe găm đầy những vết đạn xước … Hàng loạt các từ phù định “không” đã diễn tả một cách độc đáo, chân thực đến trần trụi những chiếc xe trên đường ra trận. Mặc dù bị biến dạng, thiếu nhiều điều kiện để bảo vệ người lái nhưng những chiếc xe vẫn băng ra chiến trường.

**b. Luận điểm 2: Hình ảnh những người lính lái xe**

Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phấm chất cao đẹp, sức mạnh thinh thần lớn lao của họ.

**b.1.Tư thế ung dung, hiện ngang sẵn sàng ra trận:**

- Trên nền của cuộc chiến tranh vô cùng gian khổ và khốc liệt ấy, tác giả đã xây dựng thành công hình ảnh những người lính lái xe TS với tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận:

*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*

+ Thủ pháp đảo ngữ, đưa từ “ung dung” đứng đầu câu gợi sự bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ của người lính.

+ Điệp từ “nhìn” được nhắc lại ba lần, cộng với nhịp thơ dồn dập, giọng thơ mạnh mẽ đã thể hiện cái nhìn khoáng đạt, bao la giữa chiến trường của người lính

+ Thủ pháp liệt kê “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” đã cho ta thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của người lính lái xe. Họ nhìn thẳng vào bom đạn của kẻ thù, nhìn thẳng vào con đường đang bị bắn phá để lái xe vượt qua.

+ Tư thế ung dung, hiên ngang của người lính lái xe ra trận được khắc họa thêm đậm nét qua những hình ảnh hòa nhập vào thiên nhiên:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái.*

- Tác giả đã mở ra một không gian rộng lớn với những con đường dài phía trước, có gió thổi, có cánh chim chiều và cả những ánh sao đêm. Dường như thiên nhiên vũ trụ như đang ùa vào buồng lái.

+ Điệp ngữ “nhìn thấy…nhìn thấy…thấy” đã gợi tả được những đoàn xe không kính nối đuôi nhau hành quân ra chiến trường.

+ Hình ảnh nhân hóa chuyển đổi cảm giác “vào xoa mắt đắng”, thể hiện tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn của người lính lái xe.

+ Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim” gợi liên tưởng đến những chiếc xe phóng với tốc độ nhanh như bay. Lúc đó, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, khiến các anh có cảm giác con đường như đang chạy thẳng vào tim. Đồng thời cho thấy tinh thần khẩn trương của các anh đối với sự nghiệp giải phóng MN

+ Đặc biệt hình ảnh so sánh “như sa, như ùa vào buồng lái” đã diễn tả thật tài tình về tốc độ phi thường của tiểu đội xe không kính khi ra trận. Cả một bầu trời đêm như ùa vào buồng lái.

=> Có thể nói, hiện thực chiến trường trong khổ thơ trên chính xác đến từng chi tiết. Và đằng sau hiện thực đó là một tâm trạng, một tư thế, một bản lĩnh chiến đấu ung dung, vững vàng của người lính trước những khó khăn, thử thách khốc liệt của chiến tranh.

**b.2. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ hiểm nguy của người lính (khổ 3+ 4)**

Những gian khổ nguy hiểm đã trở thành cuộc sống của những người lính lái xe TS. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, tình thế nào, người lính vẫn tìm được tinh thần lạc quan để chiến đấu và chiến thắng quân thù:

*Không có kính, ừ thì có bụi,*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

*Không có kính, ừ thì ướt áo*

*Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời*

*Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*

*Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi.*

*-* Hình ảnh “gió”, “bụi”, “mưa” tượng trưng cho những gian khổ, thử thách nơi chiến trường.

- Cấu trúc lặp: “không có…, ừ thì…” đi liền với kết cấu phủ định “chưa có…” ở hai khổ thơ đã thể hiện thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ của những chiến sĩ lái xe TS

- Hình ảnh so sánh: “Bụi phun tóc trắng như người già” và “Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời” nhấn mạnh sự khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến trường, đồng thời cho thấy sự ngang tàn, phơi phới lạc quan, dũng mãnh tiến về phía trước của người lính TS.

- Hình ảnh “phì phèo châm điếu thuốc” và “lái trăm cây số nữa” cho thấy người lính bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy, thử thách

- Ngôn ngữ giản dị như lời nói thường ngày, giọng điệu thì thản nhiên, hóm hỉnh…làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính, cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu.

=> Tiểu đội xe không kính tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng và thanh niên VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

**b.3. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của những người lính lái xe (khổ 5+ 6)**

Sau những cung đường vượt qua hàng nghìn, hàng vạn cây số trong mưa bom bão đạn, họ lại gặp nhau để họp thành tiểu đội trong những cái bắt tay vô cùng độc đáo:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

*-*  Hình ảnh “Những chiếc xe từ trong bom rơi” là một hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của bom đạn chiến trường trở về.

- Hình ảnh “Bắt tay nhau qua của kính vỡ rồi” rất giàu sức gợi:

+ Thể hiện sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của những người lính.

+ Là những lời động viên ngắn ngủi, thầm lặng mà họ dành cho nhau

+ Là sự sẻ chia vội vàng tất cả những vui buồn kiêu hãnh trong cung đường đã qua.

- Cuộc trú quân của tiểu đội xe không kính ngắn ngủi mà thắm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh, dã chiến, được chung bát, chung đũa là những sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

- Các định nghĩa về gia đình thật lính, thật tếu táo mà tình cảm thì thật chân tình, sâu nặng. Gắn bó với nhau trong chiến đấu, họ càng gắn bó với nhau trong đời thường.

- Những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm thời chiến rất vội vã. Nhưng cũng chính giây phút hạng phúc hiếm hoi đó đã xóa mọi khoảng cách giúp họh coa cảm giác gần gũi thân thương như ruột thịt.

- Từ láy “chông chênh” gợi cảm giác bấp bênh không bằng phẳng- đó là những khó khăn gian khổ trên con đường ra trận. Song, với các chiến sĩ lái xe thì càng gian khổ càng gần đến ngày thắng lợi

- Nghệ thuật ẩn dụ: “*trời* xanh thêm” gợi tâm hồn lạc quan của người chiến sĩ. Màu xanh đó là màu của của niềm tin và tin tưởng ở ngày chiến thắng đang đến gần

- Điệp từ “lại đi lại đi” và nhịp 2/2/3 khẳng định đoàn xe không ngừng tiến tới, khẩn trương và kiên cường. Đó là nhịp sống, chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào của giặc Mĩ có thể ngăn cản nổi.

b.4. Lí tưởng cách mạng của những người lính lái xe.

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phái trước.

Chỉ cần trong xe có một trái tim

- “Vì miền Nam phía trước” vừa là lối nói cụ thể, lại vừa giàu sức gợi: Gợi một ngày mai chiến thắng, ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Bắc Nam sum họp một nhà.

Tác giả lí giải điều đó thật bất ngờ mà chí lí, nói lên chân lí sâu xa về sức mạnh của lòng yêu nước và lí tưởng cách mạng: “Chỉ cần trong xe có một trái tim”

+ Mọi thứ cảu xe không cò nguyên vẹn, chỉ cần nguyên vẹn trái tim yêu nước, trái tim vì miền Nam thì xe vẫn băng băng ra trận, vẫn tới đích

+ Đó là sự dũng cảm ngoan cường, là sức mạnh của lòng yêu nước và ý chí chiến đấu quật cường

+ Hình ảnh hoán dụ “trái tim” cho thấy: Trái tim thay thế cho tất cả, khiến chiếc xe trở thành cơ thể sống hợp nhất với người chiến sĩ để tiếp tục tiến lên phía trước

=> Trái tim yêu thương, trái tim can trường, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kè thù. Trái tim ấy đã trở thành nhãn tự của bài thơ và để lại cảm xúc sâu sắc trong lòng người đọc.

**3. Đánh giá chung về nghệ thuật:** Với lời thơ mộc mạc gần với ngôn ngữ đời thường, giọng điệu ngang tàn, trẻ trung; cách khai thác chất liệu của chiến tranh… nhà thơ Phạm Tiến Duật đã sáng tạo nên một bài thơ với những hình tượng độc đáo.

**III. Kết bài:**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân

**Đề 2: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau ( \*)**

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái*

 (Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)

**1. Mở bài:**

 Thế kỉ XX trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc bảo vệ tổ quốc.Có rất nhiều con người đáng được ngợi ca. Những hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn, và hình ảnh cô thanh niên xung phong nơi tuyến lửa, là những hình ảnh tiêu biểu nhất của thế hệ thanh niên Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Hình ảnh ấy đã được Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là “ Nhà thơ của đường Trường Sơn” tái hiện lại trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Bài thơ miêu tả những người lính lái xe ung dung, tự tại, lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, thể hiện tình đồng chí, đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha, sâu nặng.

 **2. Thân bài**

**a. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

“*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn **-** con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**b.Cảm nhận đoạn thơ**

**\* Hình ảnh những chiếc xe không kính:**

Mở đâu bài thơ, tác giả đã giúp người đọc hình dung được hình ảnh **những chiếc xe không kính** trên tuyển lửa Trường Sơn thông qua hai câu thơ giàu chất hiện thực:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi*

 Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các động từ mạnh “giật, rung” lời thơ đã cho ta nhận ra rằng chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và  trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

**c. Hình ảnh người lính lái xe:**

\* **Tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng, tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế **ung dung, hiên ngang** của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

 *Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.*

Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Không có kính chắn gió, người lính lái xe đã bình tĩnh, tự tin để mà:

*“ Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa, như ùa vào buồng lái”.*

Nhịp thơ khoan thai, cùng cách điệp lại từ “nhìn” với các hình ảnh cụ thể như “gió” - “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... đã diễn tả một cách chân thực và sinh động cảm giác, ấn tượng của người lính lái xe không kính trên đường ra trận. Lúc này, mọi khó khăn, nguy hiểm đã lùi lại, nhường chỗ để các anh đón nhận những âm thanh trong trẻo, ùa vào khoảng lặng của cuộc chiến ác liệt. Cuộc sống đẹp biết bao! Tâm hồn lãng mạn đã thăng hoa trong bộn bề gian truân, mất mát. Sao trời vẫn sáng đường chiến dịch; cánh chim bền bỉ, đột ngột mà không cô đơn. Từ “đột ngột” được dùng rất “đắt” trong câu đảo thành phần này đã diễn tả động thái đẹp của thiên nhiên, của cánh chim trời. Cánh chim được nghệ thuật hóa, để rồi được nhân hóa qua hai từ “sa”, “ùa” hết sức tự nhiên, không vướng bận. Tất cả cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe Trường Sơn. Đúng là“Đường ra trận mùa này đẹp lắm! Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”. Có thể nói,người lính đã chiến thắng bom đạn của kẻ thù bằng cái nhìn bình thản. Hình ảnh ẩn dụ “Con đường chạy thẳng vào tim” mà họ nhìn thấy không chỉ là con đường chiến lược Trường Sơn xe đang đi mà đó còn là con đường cách mạng,con đường giải phóng miền Nam, con đường mà thế hệ trẻ Việt Nam đã mang cả tuổi thanh xuân, máu xương của mình để giữ gìn, bảo vệ;đẹp mà hiên ngang, gian khổ mà lạc quan, chất lãng mạn hòa quyện trong yếu tố hiện thực.

**d. Đánh giá: NT+ ND+ nhận định về tác giả**

 Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng của người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 3: ( \*) Cảm nhận của em về vẻ đẹp của những người lính lái xe trong đoạn thơ sau**

*Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Ðã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

**Gợi ý:**

**1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

Chúng ta như được sống trong thời đại hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về hình ảnh người lính trong chiến tranh - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho thời kì chống Mĩ cứu nước là *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là những khổ thơ nói về tinh thần lạc quan và tình đồng đội keo sơn gắn bó của những người lính xế.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn - con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**b. Hình ảnh người lính**

**\*Nhắc lại nội dung của 2 khổ đầu**

Bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng của người lính lái xe trên tuyến đường TS lịch sử. Và vẻ đẹp của họ tiếp tục được PTD ca ngợi ở 4 khổ thơ tiếp

**c. Một vẻ đẹp nữa làm nên bức chân dung tinh thần của người lính trong bài thơ chính là tinh thần lạc quan, sôi nổi, bất chấp khó khăn, nguy hiểm:**

*Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.*

Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với cấu trúc “không có kính ừ thì... Chưa cần ...” được lặp lại ở hai khổ thơ, nhà thơ đã đem đến cho đoạn thơ giọng điệu ngang tàn, giàu thách thức. Cấu trúc lặp: “không có…, ừ thì…” đi liền với kết cấu phủ định “chưa có…” ở hai khổ thơ đã thể hiện thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Hình ảnh so sánh: “Bụi phun tóc trắng như người già” và “Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời” nhấn mạnh sự khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến trường, đồng thời cho thấy sự ngang tàn, phơi phới lạc quan, dũng mãnh tiến về phía trước của người lính Trường Sơn. Kết hợp với những câu thơ tả thực, khẩu ngữ “ừ thì” thể hiện sự bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy, thử thách. Hẳn đó là nhờ chất lính, dẫu mưa có tuôn, có xối, dẫu bụi có phun bạc trắng mái đầu thì người lính vẫn “chưa cần thay”, “chưa cần rửa” để lái trăm cây số nữa. Thật là biết đùa cùng gian khó! Giọng thơ đã thể hiện trọn vẹn thái độ bất chấp khó khăn, coi thường hiểm nguy của người lính lái xe. Với họ,những gian khổ khi lái xe không kính ra trận chẳng hề hấn gì. Hai khổ thơ đầy ắp chi tiết hiện thực qua cách dùng từ “xối”,”tuôn”, “phun”. Đó là những gian khổ rất thực như một kiểu hút thuốc phì phèo, một tiếng cười ha ha sảng khoái, một mái đầu bụi phun tóc trắng. Tất cả thể hiện sự bất chấp cuộc sống đầy gian khó bằng niềm vui sôi nổi, trẻ trung và bằng tinh thần lạc quan của người lính lái xe những năm tháng chống Mỹ cứu nước.

**d. Sâu sắc hơn,bằng ống kính điện ảnh của người nghệ sĩ, nhà thơ đã ghi lại những khoảnh khắc đẹp đẽ thể hiện tình đồng chí đồng đội của những người lính lái xe :**

*“Những chiếc xe từ trong bom rơi*

 *Đã về đây họp thành tiểu đội*

 *Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

 *Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

Tình cảm của những người lính trẻ được nhà thơ diễn tả rất đúng, rất phù hợp với phong cách của họ. Sau những chặng đường đầy gian khổ,đầy mất mát hy sinh, họ đã cùng nhau họp thành tiểu đội xe không kính. Cái bắt tay của họ rất độc đáo **-** “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi” **-** một cái bắt tay mang đầy ý nghĩa. Nó là biểu tượng của niềm tin thắng trận, là lời chúc, lời chào,niềm vui và niềm tự hào. Cuộc trú quân của tiểu đội xe không kính ngắn ngủi mà thắm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh, dã chiến, được chung bát, chung đũa là những sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn: Ở đây, nhà thơ đưa ra một khái niệm hết sức mới mẻ về gia đình: “*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”.* Đó là gia đình của những con người cùng chung chí hướng, cùng chung nhiệm vụ. Rõ ràng, những người lính thương yêu nhau như tình ruột thịt. Từ nơi chiến trường ác liệt, họ đã làm thành một gia đình,tạm nghỉ bên nhau, và quây quần trong bữa cơm hội ngộ, để rồi:

*“Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

 *Lại đi lại đi trời xanh thêm”.*

Câu thơ ngắt nhịp 2/2/3, như nhịp hành quân, như niềm lạc quan tin tưởng của người lính lái xe trên đường ra trận. Từ “chông chênh” gợi lên tư thế của người lính, họ vừa đi vừa có người ngủ trên xe, vừa có người chạy xe để xe được chạy liên tục. Từ “chông chênh”giàu sức gợi như tạo hình cho giấc ngủ của người lính. Điệp từ “lại đi” và hình ảnh ẩn dụ “ lại đi trời xanh thêm” gợi tâm hồn lạc quan của người chiến sĩ. Màu xanh đó là màu của của niềm tin và tin tưởng ở ngày chiến thắng đang đến gần, khẳng định những người lính như không ngừng tiến tới, không ngừng ra đi vì bầu trời xanh bình yên phía trước, vì viễn cảnh rộng lớn hơn.

=> Chính tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu.Sức mạnh của người lính thời đại Hồ Chí Minh là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (Tố Hữu).

**d. Đánh giá**

 Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn Vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe. Đó chính là tinh thần lạc quan, là thái độ bất chấp khó khăn gian gian khổ và tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 4: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh” ( \*)**

 **Từ những cảm nhận của em về khổ thơ sau, hãy làm sáng tỏ nhận định trên:**

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

*(Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)*

**1. Mở bài:**

Thế kỉ XX trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc bảo về tổ quốc.Có rất nhiều con người đáng được ngợi ca. Những hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn, và hình ảnh cô thanh niên xung phong nơi tuyến lửa, là những hình ảnh tiêu biểu nhất của thế hệ thanh niên Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Hình ảnh ấy đã được Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là “ Nhà thơ của đường Trường Sơn” tái hiện lại trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Bài thơ đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”. Đến với khổ đầu và khổ cuối của bài thơ chúng ta sẽ cảm nhận được điều đó.

**2.Thân bài**

**a. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

“*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**b. Chứng minh nhận định**

**\****Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ.*Điều đó được thể hiện rõ nét qua hình ảnh những chiếc xe không kính được tác giả miêu tả trong bài thơ. Mở đầu bài thơ, tác giả có viết:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi*

+ Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các động từ mạnh “giật, rung” lời thơ đã cho ta nhận ra rằng chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính.

 Không chỉ không kính, những chiếc xe vận tải còn bị hư hỏng nhiều bộ phận khác:

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

 *Không có mui xe,thùng xe có xước*

Ba chữ “không” lại một lần nữa khẳng định mức độ ác liệt của cuộc chiến in dấu trên những chiếc xe ra trận: “không kính”,”không đèn”,”không mui” và lại có thêm cái xước. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và  trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về **hiện thực chiến tranh khốc liệt**, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

**c. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh**

**\* Vẻ đẹp của tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng,tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế ung dung, hiên ngang của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

“Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.

Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Có lẽ chính những khó khăn thử thách, chính bom đạn chiến tranh đã tôi rèn cho họ khiến họ trở nên can trường và bản lĩnh hơn.

**\*Vẻ đẹp của lòng yêu nước và ý chí quyết tâm giải phóng miền nam thống nhất nước nhà**

 Không chỉ mang tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng, những người lính lái xe trong bài thơ này còn là những chàng trai có lòng yêu nước nồng nàn, có ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

 “Trái tim”là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng, đó chính là người chiến sĩ lái xe, là sức mạnh và tinh thần quả cảm, là nhiệt huyết của tuổi trẻ, là ý chí chiến đầu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu Tổ quốc thiết tha. Hình ảnh này đã khẳng định: khi trái tim cầm lái thì mọi gian khổ, hiểm nguy đều được người lính chấp nhận và vượt qua với tư thế ung dung và niềm vui sôi nổi, lạc quan phơi phới. Hình ảnh này cũng khẳng định bom đạn của kẻ thù chỉ có thể phá hủy đượcnhững chiếc xe chứ không thể ngăn cản được nhiệt huyết cứu nước của những con người:“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu).

**d.Đánh giá: Nội dung + Nghệ thuật + nhận định về TG**

 Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, hoán dụ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe, của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại HCM. Đó chính là phong thái un gung hiên ngang, là ý chí quyết tâm giải phóng Miền nam thống nhất đất nước. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

 **Đề 5: Phân tích vẻ đẹp của người lính qua hai bài thơ: “Đồng chí” và “Tiểu đội xe không kính**”. **A. Mở bài**

Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta là một bản anh hùng ca bất diệt. Trong những tháng năm sục sôi khí thế ấy. Không biết đã có biết bao bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho hai thời kì chống Pháp và chống Mĩ là hai bài thơ: “Đồng chí” của Chính Hữu và “Tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Hình ảnh người lính trong hai bài thơ thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ có nhiều nét đẹp chung của người lính cách mạng và của con người Việt Nam trong các cuộc kháng chiến cứu nước.

**B.Thân bài**.

**1.Luận điểm 1: Họ đều là những con người bình dị, mộc mạc, thấm nhuần tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do để đi vào cuộc chiến đấu**. - Người lính trong bài thơ “Đồng chí” xuất thân từ những cảnh ngộ nghèo khó: “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”. Họ là những người nông dân vừa được cách mạng giải phóng khỏi kiếp nô lệ lầm than. Bởi vậy, tình nguyện ra nhập bộ đội cầm lấy khẩu súng của cách mạng cũng chính là cầm vũ khí để giải phóng triệt để cho thân phận của mình, cho quần chúng và cho cả dân tộc. Vì tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà họ “mặc kệ” tất cả, sẵn sàng từ biệt làng quê với ruộng nương, nhà cửa vốn hết sức thân thiết, gắn bó để ra đi, dấn thân vào cuộc đời người chiến sĩ:

 *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

 *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay* - Còn người lính trong thơ Phạm Tiến Duật là những chàng trai còn rất trẻ, có tri thức, họ sẵn sàng gác lại những ước vọng tương lai của mình để cống hiến tuổi thanh xuân theo tiếng gọi thiêng liêng của miền Nam yêu dấu: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.

 Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

**2. Luận điểm 2.Nhờ có tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó bền chặt, chan hoà và nhờ lòng dũng cảm, hiên ngang, mà họ đã bất chấp những gian khổ, thiếu thốn đến tột cùng để hoàn thành nhiệm vụ.**

Như­ng có lẽ đẹp hơn cả là hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ. Đây đ­ược xem nh­ử nhân vật trung tâm, thể hiện khá tập trung những đặc điểm của con ng­ời mới trong chiến đấu. Trong thơ ca, họ không phải là anh lính thời x­a “áo đỏ đuôi gà”, “chân b­ớc xuống thuyền n­ớc mắt nh­ư mư­a” mà là anh lính thật thà, chân thật nh­ưng dũng cảm, kiên cư­ờng. Đọc bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu ta thấy hiện lên hình ảnh chân thực mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Họ là những ng­ời nông dân nghèo khổ từ “tứ xứ ” nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà tạm xa quê hư­ơng lên đ­ường chiến đấu. Họ “mặc kệ” quê nhà, gia đình, ng­ời thân và cả những gì rất đỗi thân thuộc. ở chiến tr­ường họ cùng chung mục đích, cùng chung lí t­ưởng chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc; cùng chia sẻ gian lao thiếu thốn của cuộc sống quân ngũ để “súng bên súng, đầu sát bên đầu...” trở thành tri kỉ và cao hơn là thành đồng chí đồng đội kề vai sát cánh bên nhau:

 *Đêm nay rừng hoang sương muối*

 *Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

 *Đầu súng trăng treo*

 Rừng hoang s­ương muối không chỉ là một hiện thực mà cao hơn đó là điều kiện thiên nhiên thử thách ng­ửời lính. Tr­ớc hiện thực khốc liệt ấy họ vẫn đứng vững vàng với cây súng trong tay sẵn sàng chờ giặc tới. Đây là hành động sẵn sàng chiến đấu vì lí t­ưởng cao đẹp, vì độc lập tự do hạnh phúc cho dân tộc. Với cây súng trong tay, các anh trở thành linh hồn của đất nước. Chính Hữu đã tạc bức t­ượng đài về ngử­ời chiến sỹ cách mạng từ tình đồng chí. Từ những ng­ửời lính nông dân nghèo khổ “áo vải chân không” đ­ược tình cảm cách mạng cao đẹp nâng bước họ mang trong mình dáng hình mới dáng đứng Việt Nam ở thế kỉ XX anh dũng, hiên ngang, bất khuất, kiên c­ường. Sự sáng tạo của Chính Hữu là ở chỗ kế thừa và phát huy truyền thống yêu n­ước của thơ văn yêu nư­ớc thời kỳ tr­ước để làm mới, làm đẹp cho hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.

 Vẫn là những anh lính Việt Nam nh­ng đến bài thơ **Tiểu đội xe không kính** của Phạm Tiến Duật lại có một thái độ, t­ư thế, tình cảm, khí phách mới mang tính hiện đại của những con ng­ười không phải chờ giặc mà là “tìm giặc” để đánh “nhằm thẳng quân thù mà bắn”. Thế hệ các anh là thế hệ của những Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thuỳ Trâm đã có thời mộng mơ, sôi nổi trên ghế nhà tr­ường nay hăm hở ra đi chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nư­ớc với một lòng yêu n­ước rực lửa: “Xẻ dọc tr­ường Sơn đi cứu n­ước”. Con đ­ường Tr­ường Sơn đư­ợc coi là một con đ­ường huyền thoại trong cuốn sử vàng đánh Mĩ. Hàng triệu tấn bom của giặc Mĩ dội xuống làm biến dạng chiếc xe quân sự: không kính, không đèn, không mui. Nh­ưng ng­ười lính vẫn dũng cảm, can tr­ường trong t­ư thế:

  ***“****Ung dung buồng lái ta ngồi*

 *Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng „*

 Một t­ư thế ung dung tới mức ngang tàng của ng­ơiù lính lái xe. Một sự tự tin, niềm kiêu hãnh của những con ng­ười rất đỗi tự hào về sứ mệnh của mình - sứ mệnh giải phóng đất nư­ớc: Xe vẫn chạy vì miền Nam phỏi trước

 *“Chỉ cần trong xe có một trái tim „*

 Hình ảnh hoán dụ “trái tim” là biểu t­ượng của ý chí, của bản thân, của bầu nhiệt huyết, của khát vọng tự do, hoà bình cháy bỏng trong trái tim ng­ười chiến sĩ. Cho dù xe không kính, không đèn, không mui thì ng­ười lính vẫn còn một trái tim yêu n­ước, một lòng khát khao giải phóng miền Nam cháy bỏng. Phạm Tiến Duật mang theo cái nhìn của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng, của những ng­ười lính tr­ờng Sơn đã tạo dựng bức t­ượng đài ng­ười lính với nét ngang tàng, dũng cảm tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Trên trận tuyến gay go ác liệt, các anh phải cùng chịu biết bao khó khăn gian khổ, thiếu thốn.

+ Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp vô cùng gian nan vất vả, các anh đã từng chịu những cơn “sốt run người vầng trán ướt mồ hôi”, cùng cảnh “áo rách vai, quần tôi có vài mảnh vá”, “chân không giầy”… Cũng chính từ trong gian khổ và thiếu thốn của những ngày đầu tiên bước vào quân ngũ ấy đã nẩy sinh ở họ mối tình cao đẹp – tình đồng chí! Và chính có tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn, chia bùi sẻ ngọt mà họ có đủ sức mạnh lớn lao để vượt qua tất cả: “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Đẹp làm sao giữa đêm rừng hoang đầy sương muối, ở nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, những người chiến sĩ vẫn ôm súng đứng canh gác quân thù trong đêm trăng sáng. Các anh vẫn chiến đấu và vẫn cứ tin có ngày chiến thắng. Ta thấy được ở các anh một tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường, một niềm lạc quan bất diệt. Đời lính gian khổ nhưng luôn giữ mãi nụ cười dẫu cho nó cận kề cái chết. “Đầu súng trăng treo”, một biểu tượng đẹp của hình ảnh người lính, biểu tượng cao quý của mối tình đồng chí đã khắc sâu trong tâm trí mọi người. C¸i tình mới nhất đó là tình đồng chí, đồng đội. Và đồng chí cũng là một chủ đê hết sức mới mẻ của thi ca lúc bấy giờ. Nhà thơ Chính Hữu đã phát hiện tình cảm mới, quan hệ mới giữa ng­ười với ng­ười trong cách mạng và kháng chiến qua những vần thơ bay bổng nh­ng giàu chất hiện thực Đồng chí. Theo lí giải của nhà thơ, điểm xuất phát của tình cảm này là từ sự giống nhau ở cảnh ngộ, xuất thân nghèo khổ và cùng chung lí t­ưởng, mục đích, nhiệm vụ:

 “*Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

 *Đêm rét chung chăn thành tri kỉ”*

 Một chữ “chung” khiến những ng­ời lính vốn xa lạ lại trở thành “Đồng chí”. Tình cảm này không phải chỉ vì cái chung lớn lao mà còn là sự cảm thông sâu xa tâm t­ư nỗi lòng của nhau, là sự chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời cách mạng:

 *“Anh với tôi từng cơn ớn lạnh*

 *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

 *áo anh rách vai*

 *Quần tôi có mảnh vá*

 *Miệng c­ười buốt giá*

 *Chân không giày*

 *Th­ương nhau tay nắm lấy bàn tay „*

Mở đầu bài thơ là hình ảnh Anh với tôi đôi ng­ười xa lạ nh­ng kết thúc lại là Th­ương nhau tay nắm lấy bàn tay. Một hình ảnh giàu cảm xúc, một biểu t­ợng đẹp đẽ của tình đồng chí đích thực, của sức mạnh đoàn kết. Chính tình đồng chí sâu nặng, thắm thiết đã gắn bó những ng­ời lính cách mạng. Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ đứng vững bên nhau v­ượt lên tất cả những điều khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ để đi tới thắng lợi cuối cùng.

(Nhà thơ Quang Dũng trong bài thơ Tây Tiến cũng cho ta thấy rõ điều đó:

*“Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.”*

Chính điều đó đã giúp ta hiểu được sự quyết tâm của người lính và ta thêm cảm phục sự hi sinh ấy hơn. Tấm lòng của các anh thật cao đẹp và lớn lao biết chừng nào! Đó cũng là hình ảnh chung của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp - những con người bình dị mà cũng thật anh dũng, hiên ngang.

 + Cuộc kháng chiến chống Pháp đã giành được thắng lợi vẻ vang với trận Điện Biên Phủ lẫy lừng. Đất nước vẫn chưa được bình yên, cả Miền Nam lại chìm vào máu lửa và những người con của quê hương lại tiếp tục lên đường. Những anh chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn hiện lên trong trang thơ của Phạm Tiến Duật là những anh lính thật ngang tàng, yêu đời, dũng cảm, hóm hỉnh. Từng giây, từng phút, các anh phải đối mặt với nhiều gian khổ và sự ác liệt, dữ dội của bom đạn quân thù hằng ngày trút xuống con đường và nhằm vào những chiếc xe của họ. Những gian khổ và ác liệt hiện hình trong hình ảnh những chiếc xe không kính rồi không cả đèn, cả mui xe, thùng xe có xước, méo mó. Gian khổ tưởng chừng như không thể vượt qua được, cái chết như kề bên, vậy mà lúc nào các anh cũng “ung dung buồng lái ta ngồi. Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”. Mở đường Trường Sơn để xe tăng tiến vào phía Nam thực hiện chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là giai đoạn gay go nhất, ác liệt nhất và cũng hào hùng nhất. Có lẽ chỉ có những chàng trai tuổi trẻ ngạo nghễ ngang tàng kia mới có sức thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng cao cả này. Những chiếc xe tưởng chừng như không thể sử dụng được vậy mà nó vẫn tiến lên phía trước bởi có những nụ cười rất ngang tàng, rất nghịch ngợm của những anh lái xe rất phớt đời:

 *“Không có kính, ừ thì có bụi.*

 *Bụi phun tóc trắng như người già.*

 *Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc.*

 *Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha…*

Bằng sự đồng cảm của một người lính và cảm xúc của một nhà thơ, Phạm Tiến Duật đã xây dựng nên hình ảnh những chiến sĩ lái xe thật hào hùng, thật tếu táo. Cái cử chỉ: “phì phèo châm điếu thuốc” và tiếng cười “ha ha” như một lời thách thức của họ đối với quân thù. Trong khó khăn, trong bom đạn, ranh giới sự sống và cái chết chỉ là rất mong manh, ng­ời lính thấu hiểu sâu sắc giá trị đích thực của sự sống và ý nghĩa cao đẹp của tình đồng chí đồng đội:

 “*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

 *Đã về đây họp thành tiểu đội*

 *Gặp bạn bè suốt dọc đ­ường đi tới*

 *Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”*

 Đó là một cái bắt tay rất độc đáo qua cửa kính vỡ rồi. Qua ô cửa kính vỡ họ truyền hơi ấm cho nhau và cho nhau những hứa hẹn lập công. Cái bắt tay nồng ấm tình bạn, tình ng­ời hay chính là sự sống đang nở hoa trong sự huỷ diệt của kẻ thù. Có thể nói rằng tình đồng chí, đồng đội là bản chất, là sức mạnh của ng­ời lính. Từ cái nắm lấy bàn tay trong thơ Chính Hữu đến cái bắt tay trong thơ Phạm Tiến Duật là cả một quá trình tr­ởng thành và hiện đại của quân đội ta trong chiến tranh giải phóng dân tộc, đất n­ước. Đó là sức mạnh thứ nhất, còn sức mạnh nào nữa khiến cho những chiếc xe ấy vẫn băng băng lên phía trước? Tác giả đã trả lời một cách mạnh mẽ và dứt khoát, trong những chiếc xe không kính có những trái tim yêu nước, luôn hướng về Miền Nam phía trước với là khát vọng cháy bỏng là giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước:

*“Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước*

 *Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

**3. Luận điểm 3: Qua hình ảnh anh chiến sĩ Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì.** Từ anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống Pháp trong thơ Chính Hữu đến anh chiến sĩ Trường Sơn thời chống Mĩ trong thơ PTD đều có chung một nét đẹp truyền thống kiên cường, bất khuất, dũng cảm và đầy tinh thần lạc quan yêu đời. Với điều kiện thuận lợi hơn, người lính thời chống Mĩ đã được trau rèn, huấn luyện. Các anh đã kế thừa và phát huy được tinh thần cách mạng vốn đã vững vàng nay lại vững vàng hơn.

- Tuy cùng khai thác chất liệu thơ từ đời sống thực với những chi tiết thật đến trần trụi của cuộc sống người lính nhưng hai bài thơ còn khác nhau bởi bút pháp và giọng điệu riêng của mỗi tác giả và cảm hứng nổi bật ở mỗi bài. Cảm hứng của Chính Hữu hướng vào vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của người lính, còn PTD thì lại tập trung làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn và bom đạn kẻ thù của những người lính lái xe. **C. Kết bài**:

Nhìn lại những chặng đường lịch sử đã đi qua, đọc lại hai bài thơ về người lính qua hai thời kì, trong ta bỗng dấy lên niềm xúc động lẫn tự hào. Hình ảnh những người lính ấy trở nên bất tử và đẹp rực rỡ. Dù lớp bụi thời gian có phủ đầy những trang sách và những đổi mới của cuộc sống làm biến chuyển đi tất cả, nhưng hình ảnh những anh lính cụ Hồ, anh giải phóng quân đến các anh chiến sĩ Trường Sơn vẫn sống mãi trong lòng mọi người với một niềm cảm xúc trào dâng mạnh mẽ.

**Đề 6 : Hình ảnh người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính**

* 1. **Mở bài**

 Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta là một bản anh hùng ca bất diệt. Trong những tháng năm sục sôi khí thế “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” ấy nhân dân Miền Bắc đã không tiếc sức người, sức của chi viện cho Miền Nam ruột thịt. Trong những đoàn quân điệp trùng nối nhau ra trận có chàng trai trẻ Phạm Tiến Duật. Anh được tôi luyện và trưởng thành trong chiến tranh và trở thành nhà thơ chiến sỹ. Thơ anh không cuốn hút người đọc bằng ngôn từ mượt mà, âm điệu du dương mà nó khiến người đọc say bằng chính sự tự nhiên, sống động, gân guốc, độc đáo và đậm chất lính tráng. “Bài thơ về tiểu đôi xe không kính” là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ đó.

* 1. **Thân bài**

Xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh trung tâm:những chiếc xe và những người chiến sĩ lái xe.Những chiếc xe không kính và nguyên nhân của nó được giới thiệu bằng lời thơ tự nhiên, mộc mạc như một lời phân bua mà có lẽ trước tác giả chưa ai khám phá ra chất thơ bộc lộ ngay trong vẻ tự nhiên của ngôn từ:

 *“Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi”*

Cách lý giải đơn giản ,ngộ nghĩnh tạo thú vị cho người đọc .Cảm hứng thơ bắt đầu từ hiện thực ác liệt nơi chiến trường với “bom giật, bom rung ”giúp ta hình dung sự tàn phá của đạn bom trên những nẻo Trường Sơn năm ấy vô cùng dữ dội. Song thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là cơ sở để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp và sức mạnh tinh thần lớn lao của họ:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất , nhìn trời ,nhìn thẳng.”*

Trên những chiếc xe không kính ,dưới làn bom đạn của kẻ thù, an toàn của các anh khó mà bảo đảm.Vậy mà thái độ của các anh bình thản tự tin đến không ngờ.Trong tư thế ung dung, trong cái nhìn bao quát cả đất trời còn có cả niềm kiêu hãnh của người làm chủ hoàn cảnh,tự hào ngắm nhìn đón nhận thiên nhiên. Nhịp thơ cân xứng,ý thơ trôi chảy, lời thơ nhẹ nhàng như diễn tả hình ảnh những đoàn xe lăn bánh trên những nẻo đường ra trận. Cái vất vả, gian khổ hiểm nguy được miêu tả bằng những hình ảnh giản dị trung thực đến từng chi tiết:

 *“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

 *Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*

 *Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

 *Như sa, như ùa vào buồng lái.”*

Xe không kính, gió lùa mạnh vào cabin,người lái xe không chỉ cảm thấy mà còn nhìn thấy “gió vào xoa mắt đắng ”. Cử chỉ quá đỗi trìu mến, dịu dàng và thân thiện ấy của gió làm đắng những đôi mắt cay xè vì thiếu ngủ .Và hơn thế nữa, nắng mưa gió bụi của Trường Sơn đã trở thành những bạn đồng hành: Không có kính ừ thì có bụi /Bụi phun tóc trắng như người già.

*“…Không có kính ừ thì ướt áo*

*Mưa phun mưa xối như ngoài trời.”*

Điệp từ “ừ thì” , “chưa cần” ,hình ảnh “phì phèo châm điếu thuốc ”, giọng “cười haha” hào sảng làm tôn lên chất bình dị mà anh hùng của những chàng trai trẻ biết biến cái vất vả gian nan thành phút giây thư giãn thoải mái. Qua đó làm sáng lên tinh thần cứng cỏi đầy nghị lực và bất chấp gian khó của những người biết vượt lên hoàn cảnh để làm chủ hoàn cảnh.Có lẽ ai đã từng đến Trường sơn mới thấu hết cái gian nan của người cầm lái.Đường Trường Sơn gập ghềnh, mưa Trường Sơn như trút nước,mùa khô xe chạy bụi mù trời. Bom đạn của quân thù không làm các anh chùn bước thì gió, bụi,mưa sa của thiên nhiên khắc nghiệt nào có đáng kể chi. Trên những chiếc xe không kính, tâm trạng người chiến sĩ lái xe vẫn phơi phới thênh thang:

*“Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.”*

Lạ lùng thay ,như một khám phá bất chợt của nhà thơ ,sự hiểm nguy của những chiếc xe không kính lại trở thành sự tiện lợi bất ngờ khi các chàng lính gặp nhau , bởi họ có thể không cần phải xuống xe mà vẫn có thể bắt tay nhau thể hiện tình thân ái. Công việc vất vả, hiểm nguy nhưng phút nghỉ ngơi của những người lính lại vô cùng giản dị:

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy.”*

Cuộc sống dẫu giản dị, xuềnh xoàng nhưng ấm áp tình cảm. Những người lính không chỉ là đồng chí, đồng đội của nhau mà họ còn là những người cùng trong một gia đình. Bởi vậy sau những phút nghỉ ngơi ngắn ngủi họ lại tiếp tục công việc của mình với niềm tin mãnh liệt vào ngày mai chiến thắng. Chỉ có điều càng gần đến phương Nam những chiếc xe ngày càng hư hỏng :

*“Không có kính rồi xe không có đèn
 Không có mui xe, thùng xe có xước.”*

Khi tứ xe “không kính” được gói lại thì những con số không khác lại mở ra : “không đèn”, “không mui”, chỉ một thứ duy nhất có thêm nhưng lại là “có xước”.Như vậy cả “không có” và “có ”đều là tổn thất ,đều là hư hại. Điệp ngữ “không có” được nhắc lại ba lần như nhân lên ba lần những thử thách khốc liệt của chiến tranh , hoàn thiện dung mạo trụi trần đến kinh ngạc của chiếc xe vận tải. Vượt dãy Trường Sơn, đi qua đạn bom khói lửa của kẻ thù, mang trên mình đầy thương tích những chiếc xe như một dũng sĩ kiên cường. Kì lạ thay:

*“Xe vẫn chạy vì miền nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”*

“Trái tim” là một hoán dụ chỉ người chiến sĩ lái xe yêu nước căm thù giặc sống trẻ trung, sôi nổi và lạc quan tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Câu thơ khép lại nhưng con mắt thơ thì mở ra. Ta chợt nhận ra người chiến sỹ lái xe là một phần không thể thiếu, là con mắt, là bộ não, là linh hồn của xe. Có trái tim chiếc xe thành một cơ thể sống, thành một khối thống nhất với người chiến sĩ. Ta hiểu vì sao cả đoàn xe có thể vượt qua dãy Trường Sơn khói lửa bởi cội nguồn sức mạnh của nó kết tụ lại cả trong trái tim gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa yêu thương. Có lẽ vì thế mà nhiều người cho rằng đây là hình ảnh trái tim cầm lái.

**3. Kết bài**
 Đến với bài thơ ta thú vị nhận ra cái giọng rất trẻ, rất lính. Chất giọng ấy bắt nguồn từ sức trẻ, từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam mà chính tác giả đã từng sống, từng trải nghiệm. Ngôn ngữ thơ giản dị đậm chất văn xuôi, hình ảnh thơ sáng tạo bất ngờ ,đặc biệt là sự linh hoạt của nhạc điệu trong thơ đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn sâu sắc của bài thơ trong lòng độc giả.

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

*( Phạm Tiến Duật)*

**Đề 1: Phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá”. Bài thơ là khúc tráng ca, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên biển cả và con người lao động trong thời đại mới. Vẻ đẹp ấy được thể hiện rất rõ qua khổ thơ 1,2 ,7.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sang tác năm 1958 khi tác giả có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Đây là thời kì miền Bắc nước ta được giải phóng và đi lên xây dựng CNXH. Bài thơ được in trong tập thơ “ Trời mỗi ngày lại sáng”

**- Khái quát nội dung bài thơ**

- (Bài thơ là một khúc tráng ca khỏe khoắn, hào hùng ngợi ca vẻ đẹp tráng lệ, kì vĩ, thân thuộc của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc xây dựng xây chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống)

**2. Phân tích**

**a. Hai khổ thơ đầu: Đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người đi biển**

**a.1. Cảnh biển vào đêm: vừa rộng lớn lại vừa gần gũi với con người qua những liên tưởng độc đáo.**

-Mở đầu bài thơ là cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi trên phông nền của một buổi hoàng hôn tuyệt đẹp:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

- Tác giả đã đặt nhân vật trữ tình từ một điểm nhìn nghệ thuật rất đặc biệt: đó là một điểm nhìn di động được đặt trên con thuyền đang tiến bước ra khơi

- Sử dụng một hình ảnh so sánh rất độc đáo: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa”:

+ Tả thực vầng mặt trời đỏ rực từ từ chìm xuống lòng biển khép lại vòng tuần hoàn của một ngày

+ Gợi quang cảnh kì vĩ, tráng lệ cảu bầu trời và mặt biển lúc hoàng hôn

+ Gợi bước đi của thời gian và đặc biệt thời gian này nó không chết lặng mà có sự vận động theo hành trình của đoàn thuyền đánh cá

- Sử dụng hình ảnh nhân hóa: “Sóng đã cài then, đêm sập cửa”:

+ Tả những con sóng xô bờ như những chiếc then cửa của vũ trụ để chìm vào trạng thái nghỉ ngơi

+ Gợi cảm giác gần gũi, thân thương, bởi vũ trụ được hình dung như một ngôi nhà lớn của con người.

=> Qua hai câu thơ đầu có thể thấy, Huy Cận yêu thiên nhiên và yêu mến cuộc đời như thế nào*.*

**a.2. Đoàn thuyển ra khơi và tâm trạng náo nức của con người:**

- Trên phông nền thiên nhiên tuyệt đẹp ấy, con người dần dần xuất hiện:

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

- Phụ từ “lại” tạo được điểm nhấn ngữ điệu và sức nặng của câu thơ:

+ Gợi thế chủ động của con người và cho biết công việc ra khơi vẫn lặp đi lặp lại hàng ngày, trở thành một hành động quen thuộc

+ Đồng thời, miêu tả một hành động đối lập: Đối lập giữa hoạt động của vũ trụ và hoạt động của con người

- Hình ảnh “câu hát căng buồm cùng gió khơi”:

+ Cụ thể hóa niềm vui phơi phới, sự hào hứng, hăm hở của người lao động

+ Gợi cho chúng ta liên tưởng tới luồng sức mạnh đã đưa con thuyền vượt trùng ra khơi

+ Với nghệ thuật chuyển đổi cảm giác “câu hát căng buồm” gợi vẻ đẹp tâm hồn của người lao động gửi gắm vào trong lời hát

=> Đoàn thuyền ra khơi trong trạng thái phấn chấn, náo nức đến lạ kì và dường như có một sức mạnh vật chất đã cùng với gió làm thổi căng cánh buồm, đẩy con thuyền lướt sóng ra khơi

* Trong tâm trạng phấn chấn, náo nức ra khơi, những người dân chai đã cất cao tiếng hát:

*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng*

*Cá thu biển Đông như đoàn thoi*

*Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng*

*Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”*

- Từ “hát rằng” gợi lên niềm vui của người dân chai, hứa hẹn một chuyến ra khơi bội thu

- Thủ pháp liệt kê (cá bạc, cá thu) và so sánh (như thoi đưa) mang đến âm hưởng ngợi ca, tự hào trong câu hát về sự giàu có của biển cả

- Hình ảnh nhân hóa “đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng”

+ Cho thấy không khí lao động hang say không kể ngày đêm của người lao động

+ Gợi hình ảnh những đoàn cá đang dệt những tấm lưới giữa biển đêm

+ Gợi những vệt nước lấp lánh được tạo ra khi đoàn cá bơi lội dưới ánh trăng

=>Tác giả đã phác họa thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng cảu người dân chài.

**b. Bốn khổ thơ giữa: Đoàn thuyền đánh cá trên biển và khí thế của người lao động**

**b.1. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá được miêu tả cụ thể và rất sinh động:**

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển lặng*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

- Đoàn thuyền đánh cá được tái hiện trên nền thiên nhiên bao la, rộng mở: chiều cao của gió trăng, chiều rộng của mặt biển và còn cả chiều sâu của lòng biển

- Với cảm hứng nhân sinh vũ trụ, Huy Cận đã xây dựng hình ảnh đoàn thuyền đánh cá rất tương xứng với không gian

+ Cách nói khoa trương phóng đại qua hình ảnh “lái gió với buồm trăng”, “lướt giữa mây cao với biển bằng” cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ, hòa nhập với không gian bao la, rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ.

+ Khi con thuyền buông lưới thì như dò thấu đáy đại dương. Rõ ràng, con thuyền cũng như con người đang làm chủ không gian này.

+ Hệ thống động từ được rải đều trong mỗi câu thơ: “lái”, “lướt”, “dò”, “dàn”, cho thấy hoạt động của đoàn thuyền và con thuyền đang làm chủ biển trời

=> Khổ thơ gợi lên một bức tranh lao động thật đặc sắc và tráng lệ. Bức tranh ấy như thâu tóm được cả không gian vũ trụ vào trong một hình ảnh thơ, đồng thời nâng con người và con thuyền lên tầm vóc vũ trụ

**b.2. Lần theo đoàn thuyền đánh cá, tác giả đã mở ra sự giàu có, phong phú và nâng tấm lòng hào phóng, bao dung của biển cả:**

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng*

*Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe*

*Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”*

- Bằng thủ pháp liệt kê, tác giả đã miêu tả sự phong phú và giàu có của biển cả quê hương qua những loài cá vừa quý hiếm lại vừa ngon của biển cả

- Hình ảnh ẩn dụ “cá song lấp lánh đuốc đen hồng”:

+ Tả thực loài cá song, thân dài, trên vảy có những chấm nhỏ màu đen hồng

+ Gợi hình ảnh về đoàn cá song như một cây đuốc lấp lánh dưới ánh trăng đêm, đã tạo nên một cảnh tượng thật lộng lẫy và kì vĩ

- Hình ảnh nhân hóa “cái đuôi em vẫy trăng vàng chóe”:

+ Miêu tả động tác quẫy đuôi của một chú cá dưới ánh trăng vàng chiếu rọi

+ Gợi một đêm trăng đẹp, huyền ảo mà ánh trăng như thếp đầy mặt biển khiến cho đàn cá quẫy nước mà như quẫy trăng

- Hình ảnh nhân hóa “Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”:

+ Tả nhịp điệu của những cánh sóng

+ Gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người, như một sinh thể cuộn trào sức sống

- Trước sự giàu có và phong phú của biển cả, đã mở ra tâm trạng háo hức vui tươi để người dân chài lưới tiếp tục cất cao tiếng hát:

*“Ta hát bài ca gọi cá vào*

*Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

*Biển nuôi ta lớn như lòng mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

+ Hình ảnh so sánh biển “như lòng mẹ”:

- Biển tựa như nguồn sữa khổng lồ đã nuôi dưỡng con người tự bao đời

- Thể hiện sâu sắc niềm tự hào và lòng biết ơn của người dân chài với biển cả quê hương

=>Ẩn sau khổ thơ, ta thấy lòng biết ơn của con người trước ân tình của quê hương đất nước

**b.3. Khung cảnh lao động hăng say trên biển**

- Một đêm trôi nhanh trong nhịp điệu lao động khẩn trương, hào hứng, hăng say:

*“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

- Hệ thống từ ngữ tượng hình: “kéo xoăn tay”, “lưới xếp”, “buồm lên” đã đặc tả để làm hiện lên một cách cụ thể, sinh động công việc kéo lưới của những ngư dân

- Hình ảnh ẩn dụ “ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”:

+ Những nét tạo hình gân guốc, chắc khỏe, cơ bắp cuồn cuộn gợi vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài lưới trong lao động

+ Đồng thời gợi lên một mẻ lưới bội thu

- Hình ảnh “vẩy bạc”, “đuôi vàng” đầy ắp những khoang thuyền:

+ Cho thấy sự giàu có của iển cả quê hương và niềm vui phơi phới của người lao động

+ Màu bạc của vảy cá, màu vàng của đuôi cá dưới ánh mặt trời như lóe cá rạng đông. Điều đó cho thấy bút pháp sử dụng màu sắc đại tài của Huy Cận

=> Tác giả đã diễn tả được một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên. Đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường

**c. Khổ thơ cuối: Đoàn thuyền đánh cá trở về**

- Đoàn thuyền đánh cá trở về trong khung cảnh bình minh một ngày mới rự rỡ huy hoàng.

*“Câu hát căng buồm cùng gió khơi,*

*Đoàn thuyền chạy qua cùng mặt trời.*

*Mặt trời đội biểu nhô màu mới,*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”*

- Câu hát ra khơi và câu hát trở về thoạt nghe thì ta tưởng nó cùng là một âm hưởng, cùng là một lối miêu tả. Những nếu đọc kĩ, ta sẽ thấy: câu hát ra khơi là “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”, còn câu hát trở về là “Câu hát căng buồm với gió khơi”

+ Khi viết về câu hát ra khơi, tác giả sử dụng từ “cùng” để gợi cái sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi thuận lợi và bình yên

 + Khi viết về câu hát trở về, tác giả đã biến đổi từ “cùng” thành từ “với” để gợi niềm vui phơi phới khi họ được trở về trên con thuyền đầy ắp cá

+ Với nghệ thuật đầu cuối trong câu hát, ta còn thấy được điệp khúc của khúc ca lao động

- Hình ảnh nhân hóa “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

+ Đoàn thuyền như trở thành một sinh thể sống để chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ của vũ trụ.

+ Nâng tầm vóc của đoàn thuyền, con người sánh ngang với tầm vóc của vũ trụ.

+ Gợi tư thế hào hùng, khẩn trương để giành lấy thời gian để lao động. Và trong cuộc chạy đua này, con người đã chiến thắng. Khi “mặt trời dội biển nhô màu mới” thì đoàn thuyền đã về đến biển: “Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi”.

- Hình ảnh hoán dụ “mắt cá huy hoàng”

+ Miêu tả muôn triệu mắt cá li ti được phản chiếu ánh rạng đông trở nên rực rỡ, huy hoàng.

+ Đây không còn là ánh sáng của tự nhiên nữa, mà là ánh sáng của thành quả lao động lấp lánh ánh vui.

=>Khổ thơ mang âm hưởng của bản anh hùng ca lao động, thể hiện niềm vui phơi phới của con người khi làm chủ đất trời 3. Đánh giá chung về nghệ thuật.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

- Bài thơ là sự thống nhất hài hòa giữa hai nguồn cảm hứng: cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ với cảm hứng về người dân lao động đã tạo ra những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài.

- Hình ảnh thơ giàu vẻ đẹp lãng mạn được xây dựng bằng bút pháp khoáng đạt, khoa trương, sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú và độc đáo.

- Cách gieo vần linh hoạt, nhịp điệu kết hợp cổ điển và phá cách tạo âm điệu sôi nổi, phơi phới khiến bài thư như một khúc tráng ca khỏe khoắn, say sưa.

**III. Kết bài:**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” – HUY CẬN (TÁCH ĐOẠN)**

**1.Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả Huy Cận

- Giới thiệu về bài thơ

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”. Bài thơ là khúc tráng ca, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên biển cả và con người lao động trong thời đại mới. Vẻ đẹp ấy được thể hiện rất rõ qua khổ thơ 1,2 ,7.

 ( Nếu là đoạn thơ ghi đoạn thơ đó ra **-** rồi khái quát nội dung trong 2 dòng)

1. **Thân bài**

**\* Khái quát hoàn cảnh sang tác, những nét chính về nghệ thuật, nội dung, chủ đề tác phẩm.**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *“Đoàn thuyền đánh cá”* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*Bằng đôi mắt quan sát sắc sảo,trí tưởng tượng phong phú, một trái tim nhạy cảm, một tài năng nghệ thuật điêu luyện nhà thơ Huy Cận đã vẽ lên một khung cảnh lao động tuyệt vời trên biển, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người trên biển qua đó bộc lộ niềm tin, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước, trước cuộc sống.

**\* Luận điểm 1: Hai khổ thơ đầu khắc họa cảnh Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong cảnh hoàng hôn thật tráng lệ và huy hoàng.**

**a.  Khổ 1: Hai câu thơ đầu tả cảnh thiên nhiên trên biển**

Hai câu thơ đầu bằng cảm hứng và bút pháp lãng mạn Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh hoàng hôn trên biển với hình ảnh thật độc đáo:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

 *Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

Nếu chỉ căn cứ vào thực tế ta sẽ cảm thấy như vô lí bởi biển ở phía đông nước ta vốn không nhìn thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Như thê nhà thơ Huy Cận đặt điểm nhìn nghệ thuật trên con thuyền ra khơi từ biển nhìn về phía tây nhà thơ thấy mặt trời lặn xuống biển. Mặt trời xuống biển vào lúc hoàng hôn sắp tắt, như một khói lửa lớn đang chìm dần xuống biển xanh. Màn đêm dần buông xuống và vây kín bầu trời. Hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ còn những gợn sóng là cài then cửa. Tác giả đã so sánh mặt trời cuối ngày “như hòn lửa” khiến cho cảnh hoàng hôn trở nên tráng lệ, rực rỡ chứ không ảm đạm, hiu hắt như nhiều nhà thơ khác miêu tả. Điểm thêm vào tiếng sóng dịu êm là màn đêm buông xuống qua hình ảnh nhân hóa “Sóng đã cài then đêm sập cửa”. Chính biện pháp tu từ nhân hóa và liên tưởng đã làm cho cảnh biển đêm trở nên gần gũi với con người. Con người đi trong biển đêm mà như đang đi chính trong ngôi nhà của mình. Điều đó cũng cho thấy con người ra khơi trong tư thế yên tâm, an toàn, tự chủ. Như vậy chỉ bằng hai câu thơ Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm, khiến cảnh biển đẹp vừa hùng vĩ tráng lệ nhưng lại rất gần gũi với con người khác hẳn với cảnh hoàng hôn trong thơ của Huy Cận trước cách mạng tháng 8 thường buồn và hiu hắt.

**\* Hai Câu thơ sau:**

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

 *Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

Chuyển ý: Chính lúc thiên nhiên vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi, thì cũng là lúc khởi đầu một chuyến ra khơi của Đoàn thuyền đánh cá: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”

 Câu thơ là cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người lao động. Đoàn thuyền đánh cá vào lúc hoàng hôn, cảnh biển lúc hoàng hôn vô cùng rực rỡ, tráng lệ cảnh vừa rộng lớn của gần gũi với con người sau một liên tưởng thú vị:

Sự mâu thuẫn làm nổi bật tư thế của người lao động trước biển cả. Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết đoán dứt khoát. Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ đi biển mà cả một đoàn thuyền, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay. Chữ “lại” trong ý thơ “lại ra khơi” là một sự khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã ổn định đi vào nề nếp. Ra khơi là một công việc diễn ra thường xuyên đều đặn một nhịp sống quen thuộc.

 Cùng ra khơi trên những con thuyền là những người lao động. Họ mang theo câu hát khúc hát lên đường vang vọng: “ Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn, niềm say sưa, hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với những công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho tổ quốc. Câu hát của người lao động như có một sức mạnh vật chất cùng với ngọn gió làm căng buồm chuẩn bị cho con thuyền lướt sóng ra khơi. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe lạ mà từ sự gắn kết ba sự vật, hiện tượng: Câu hát, căng buồm, gió khơi là ba chi tiết nghệ thuật mang tính tượng trưng diễn tả tinh thần hứng khởi, hăng say và khí thế ra khơi của người dân miền biển. Như vậy bức tranh cảnh trời đêm không hề yên tĩnh mà lại ngân vang câu hát của người lao động.

**b. Khổ 2: Là những câu hát ngợi ca sự giàu có, trù phú, ca ngợi nét đẹp tâm hồn của người ngư dân**

Khổ thơ tiếp theo nói rõ về những câu hát để làm nổi bật một nét tâm hồn của người dân làng chài. Tiếng hát cầu mong đi biển gặp nhiều may mắn, tiếng hát ca ngợi sự giàu có của biển khơi:

*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,*

*Cá thu biển Đông như đàn thoi*

*Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng“*

Tiếng hát ấy đã làm nổi bật hình ảnh các loài cá trên biển: Cá bạc biển Đông, cá thu biển đông “Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng”. Với biện pháp nghệ thuật nhân hóa và nghệ thuật so sánh: “Cá thu như đoàn thoi” , tác giả đã cho thấy vẻ đẹp lung linh rất ý nghĩa. Giọng thơ ngọt ngào vang xa, cùng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ rất sáng tạo( cá bạc, đoàn thoi, dệt biển luồng sáng, dệt lưới ), nghệ thuật đối lập giữa biển đêm và luồng sáng của cá đã đem đến cho người đọc bao liên tưởng thú vị về vẻ đẹp của thơ ca viết về lao động.

 Câu hát còn là để gói cá vào lưới “*Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!”*. Nghệ thuật ẩn dụ , qua cách sử dụng từ “dệt „ với mong muốn cá đến thật nhiều. Câu hát cho thấy người lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống của mình, và niềm tin đánh bắt cá thắng lợi. Câu hát thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa con người lao động với biển cả. Họ yêu biển gắn bó với biển.

**\* Đánh giá về nội dung và nghệ thuật hai khổ thơ đầu**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã phác họa thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**\* Luận điểm 2: Nếu hai khổ thơ đầu miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh rất đẹp và con người yêu lao động, yêu thiên nhiên thì 4 câu thơ tiếp lại miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá về đêm bao la hung vĩ**

1. **Khổ 3: Là hình ảnh biển đêm rộng lớn**

Khổ thơ đã làm hiện lên hình ảnh con thuyền kì Vĩ, khổng lồ hòa nhập với kích thước rộng lớn thiên nhiên vũ trụ. Con thuyền có gió làm bánh lái, trăng làm buồm lướt đi phơi phới giữa mênh mang trời nước:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

 *Lướt giữa mây cao với biển bằng*

 Khổ thơ đã cho thấy vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ của đoàn thuyền đánh cá trên biển. Nhà thơ đã sử dụng thủ pháp phóng đại, cùng với những liên tưởng mạnh bạo, bất ngờ để sáng tạo ra hình ảnh người lao động. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ , khổng lồ, hòa nhập với kích thước rộng lớn, tầm cỡ lớn lao của thiên nhiên vũ trụ. Thiên nhiên, vũ trụ, gió, trăng như đang góp sức với con người lao động đi khám phá và chinh phục biển cả. Hình ảnh con người lao động được đặt trong nghệ thuật hài hòa của thiên nhiên (Lái gió, buồm trăng, mây cao, biển bằng) để diễn tả cảnh con thuyền tung hoành giữa biển trời mênh mông và đang làm chủ biển khơi. Từ “ lướt” đặc tả đoàn thuyền ra khơi với tốc độ phi thường. Thiên nhiên cùng góp sức với con người trên con đường lao động khám phá. Chỉ hai câu thơ đó thôi đã cho ta thấy sức tưởng tượng phong phú, bút pháp lãng mạn tài hoa sáng tạo của Huy Cận trong bức tranh đó nổi bật với tư thế hiên ngang của người lao động:

*“Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

 *Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

- Hai câu thơ đã vẽ ra trước mắt người đọc cảnh đánh cá như một trận đấu chiến, buông lưới như “dàn đan thế trận”. Những người dân làng chài trở lên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế làm chủ, mà còn nổi bật giữa thiên nhiên vũ trụ. Họ chủ động chinh phục biển cả. “Ra đậu dặm xa dò bụng biển” đến ngư trưởng người ngư dân khẩn trương lao vào cuộc: “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”. Công việc đánh cá là một trận chiến, mỗi ngư dân là một chiến sĩ. Con thuyền, mái chèo, lưới và ngư cụ khác đều trở thành vũ khí của họ. Công cuộc lao động cũng chính là công cuộc chiến đấu chinh phục thiên nhiên. Công việc đánh cá được “Dàn đan” như một thế trận hào hùng gợi sự khéo léo như nghệ nhân của người dân làng chài và tâm hồn phóng khoáng chinh phục biển cả. Tư thế và khí thế của người dân thật là mạnh mẽ đầy quyết tâm giữa không gian bao la của biển trời.

**d.  Khổ 4: là bức tranh biển đêm giàu có nên thơ**

 Đoạn thơ còn cho thấy cảnh biển đêm lung linh huyền ảo với màu sắc của các loài cá. Nhưng câu thơ tả đoàn cá là đặc sắc nhất. Biển quê ta giàu có với những loài cá quý, cá ngon như tục ngữ đã nói: “Chim thu, nhụ đé”. Vận dụng sáng tạo cách nói của dân gian, nhà thơ viết “Cá thu biển Đông như đoàn thoi”. Ở đây lại miêu tả:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*

*Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe”*

- Với một loạt hình ảnh liệt kê: Cá nhụ, cá chim, cùng cá đé, cá song đã góp phần diễn tả sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Vẻ đẹp của các loài cá hòa quyện cùng với vẻ đẹp của trăng trên biển tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và giàu chất lãng mạn. Nhà thơ sử dụng một loạt các tính từ chỉ màu sắc “lấp lánh, đen hồng, vàng chóe” để làm nổi bật lên vẻ đẹp của các loài cá những con cá song giống như những ngọn đuốc đen hồng lao đi trong luồng nước dưới ánh sáng lấp lánh là một hình ảnh rất độc đáo sáng tạo, là một nét vẽ tài hoa đẹp hơn nữa là hình ảnh “Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe”, ánh trăng in xuống mặt nước, cái đuôi như quẫyanh trăng tan ra vàng chóe.

- Hơn thế nữa cảnh biển đêm còn lung linh với hình ảnh:

 *“Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”.*

Hình ảnh nhân hóa “Đêm thở sao lùa” là hình ảnh sống động có hồn thể hiện sự sáng tạo bất ngờ của tác giả. Gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người, như một sinh thể cuộn trào sức sống

Nhìn bầy cá bơi lượn nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm, mắt nhìn về xa. Câu thơ kỳ ảo lung linh như đưa người đọc vào cõi mộng. Phải có tình yêu biển sâu nặng tác giả mới viết được một vần thơ tuyệt bút như vậy.

 Hình ảnh những con cá đẹp hơn, rực rỡ hơn dưới ánh sáng bình minh. Nhà thơ đã sử dụng từ “bạc”, “ vàng” gợi lên màu sắc sáng đẹp vừa gọi được sự giàu có quý giá của biển khơi.

**c.Khổ 5: Tiếng hát hòa với gió để gọi cá và lòng biết ơn của những người ngư dân.**

\* Chuyển ý: Trước sự giàu có và phong phú của biển cả, đã mở ra tâm trạng háo hức vui tươi để người dân chài lưới tiếp tục cất cao tiếng hát:

 Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên:

 *“Ta hát bài ca gọi cá vào*

 *Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.*

 Tiếng hát căng tràn trên mặt biển gọi cá vào, gợi sự thân thiết niềm vui, sự phấn khởi trong lao động. Lần thứ hai tiếng hát vang lên trên biển. Câu hát vang lên giữa biển khơi như khúc trường ca rộn rã, biển cả bao la thực sự là ngôi nhà thứ hai của ngư dân. Là một niềm hạnh phúc, niềm vui, là tâm trạng của người dân miền Bắc đi lên xây dựng CNXH. Những người dân chài cất lên tiếng hát ngọt ngào: “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”, là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Âm nhạc và ánh trăng đã tạo nên những thăng hoa trong tâm hồn người lao động. Những người ngư dân còn có một tình cảm thật đặc biệt với thiên nhiên và với biển cả

 *“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

 *Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”*

Với biện pháp nghệ thuật so sánh “Biển như lòng mẹ”, tác giả đã cụ thể hóa tình cảm tha thiết con người với thiên nhiên gợi hình ảnh biển cả giàu có, biển rộng lớn bao la gợi cảm giác ấm áp thân thiết và tình yêu bằng tâm hồn tình cảm của người lao động với biển cả. Thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của con người với thiên nhiên, đồng thời nói lên lòng tự hào của người dân làng chài với biển quê hương. Qua hình ảnh so sánh đó ta thấy được cái nhìn lãng mạn của nhà thơ Huy Cận.

**g. Khổ 6: Một đêm trôi đi thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng hăng say với cảnh kéo lưới.**

Công việc đánh cá của người dân nhịp nhàng với điệu vận hành của thiên nhiên vũ trụ . Một đêm trôi nhanh trong nhịp điệu lao động hứng khởi, hăng say trên bầu trời sao đã thưa và mờ cũng là lúc kéo lưới về kịp trời sáng. Cảnh kéo lưới được miêu tả đầy ấn tượng. Cả bài thơ chỉ có một chi tiết tả thực cảnh kéo lưới cũng được viết theo lối khoa trương nên vẫn nằm trong mạch cảm hứng lãng mạn:

*“ Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chum cá nặng”*

+ “Sao mờ” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ 2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng. Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuộn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ Hình ảnh "chùm *cá nặng*" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả.

Câu thơ giúp cho ta hình dung được những cánh tay rắn chắc “kéo lưới xoăn tay” là một hình ảnh đặc tả động tác kéo lưới rất nhanh khỏe và đẹp. Những đôi bàn tay kéo lưới nhanh thoăn thoắt gợi lên vẻ đẹp rắn rỏi khỏe mạnh với những bắp tay cuồn cuộn của người dân chài kéo một mẻ lưới đầy cá nặng, “chùm cá nặng” là hình ảnh ẩn dụ gợi tả được mùa cá. Vẫn là phép liên tưởng và tưởng tượng bay bổng nhà thơ giúp người đọc nhận ra được vẻ đẹp dũng mãnh với những chiến tích lớn lao mà những người anh hùng lao động đạt được, họ hoàn toàn xứng đáng khi có những thành quả ấy. Hình ảnh ngư dân trên biển đêm hiên ra với tư thế làm chủ bình tĩnh, tự tin và họ lao động bằng cả niềm vui, sự lạc quan họ xứng đáng là những anh hùng lao động trên mặt trận.

Chuyến ra khơi thắng lợi và sao mờ cũng là lúc công việc đánh cá trên biển ngư dân:

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

“Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”. Câu thơ với những hành động diễn ra liên tiếp, khẩn trương tạo sự nhịp nhàng trong lao động của con người với sự vận hành của thiên nhiên vũ trụ. Con người muốn chia sẻ niềm vui với ánh bình minh.

Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trăng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điếm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp”* là kết thúc của ngày lao động. “*Buồm lên”* là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. ***Nắng hồng*** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. ***Nắng hồng*** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**\* Đánh giá về nội dung nghệ thuật khổ 3 - khổ 6**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tử thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**\* Luận điểm 3: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh**

**h. Khổ 7:**

  Khổ thơ cuối của đoạn thơ tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh khi ngày mới bắt đầu. Sau một đêm cật lực “Đoàn thuyền đánh cá” trở về bến với khoang thuyền đầy ắp cá của ngư dân trong tâm thế phấn khởi, lạc quan họ lại cất tiếng hát thắng lợi hân hoan:

*“Câu hát căng buồm cùng gió khơi*

*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

*Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

 Câu thơ được lặp lại như một điệp khúc của bài ca lao động . Nếu như ở khổ thơ đầu bài thơ câu hát có sức mạnh đẩy đoàn thuyền ra khơi nhanh hơn thể hiện niềm vui, sự phấn chấn thì ở đây câu hát là niềm vui với thành qủa. Câu hát ấy thể hiện sự phấn khởi của người dân sau một đêm lao động hăng say. Câu hát ấy trở thành niềm vui thắng lợi chính câu hát đã tạo nên khí thế của con người rất hăng say sau một đêm vật lộn với sóng gió đại dương chứ không hề mệt mỏi. Đoàn thuyền là hình ảnh nghệ thuật được dùng để chỉ những người ngư dân. Họ như đang chạy đua cùng với mặt trời để mau chóng mang thành quả lao động, những con cá tươi ngon vừa đánh bắt vào bờ phục vụ cho phiên chợ sang. Khí thế của con thuyền thật mạnh mẽ khi chạy đua của mặt trời:

*“Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

 *Mặt trời đội biển nhô màu mới”*

- Và ở khổ thơ này hình ảnh đoàn thuyền cũng một lần nữa được tác giả miêu tả thông qua một pháp nhân hóa hết sức độc đáo: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

+Phép nhân hóa đã làm cho đoàn thuyền như trở thành một sinh thể sống để chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ của vũ trụ, nâng tầm vóc của đoàn thuyền, con người sánh ngang với tầm vóc của thiên nhiên. Ko chỉ thế, lời thơ ấy còn gợi tư thế hào hùng, khẩn trương để giành lấy thời gian để lao động. Và trong cuộc chạy đua này, con người đã chiến thắng.

+ Khi “mặt trời dội biển nhô màu mới” thì đoàn thuyền đã về đến bến . Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng. Ngày mới bắt đầu – thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi – một cuộc đời mới đang sinh sôi, phát triển…

Hai câu thơ có cấu trúc song hành diễn tả nhịp sống rất khẩn trương. Hình ảnh “mặt trời đội biển nhô màu mới” có ý nghĩa một ngày mới lại bắt đầu và chuyến ra khơi đã kết thúc. Đoàn thuyền trở về trong khung cảnh thiên nhiên tươi sáng rực rỡ. Khi bình minh lên “Mặt trời đội biển nhô màu mới” còn là hình ảnh ẩn dụ chỉ sử đổi thay, thế đi lên của đất nước với một tương lai tươi sang. Nổi bật trên trên bức tranh cảnh đoàn thuyền đánh cá là hình ảnh “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Đây là hình ảnh đẹp của bức tranh sơn màu lung linh, huyền ảo được tạo nên bởi sự liên tưởng bay bổng từ sự quan sát tinh tế của Huy Cận. Câu thơ đã vẽ lên cảnh được mùa cá và cuộc sống hạnh phúc ấm no của người dân miền biển: Bằng lao động và mồ hôi của họ đã viết lên bài ca yêu đời kỳ diệu và lãng mạn làm sao, tâm hồn của những người dân trong bài thơ.

 **\*Đánh giá:** Đoạn thơ có âm hưởng vừa khỏe khoắn, sôi động, vừa phơi phới, bay bổng. Lời thơ dõng dạc, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hung, lạc quan. Cách gieo vần có nhiều biến hóa linh hoạt. Những hình ảnh thơ giàu vẻ đẹp lãng mạn được sáng tạo với bút pháp khoáng đạt sử dụng thành công thể thơ 7 chữ.

**3.  Kết bài**

  Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng đã cho thấy sự thống nhất giữa thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động của Huy Cận, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. Từ đoạn thơ trên giúp ta hình dung được khí thế lao động đầy hào hưng, phấn chấn của người dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**ĐỀ 2: PHÂN TÍCH KHỔ ĐÂU VÀ KHỔ CUỐI BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” CỦA HUY CẬN**

**1. Mở bài**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam với một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được nhà thơ sáng tác vào năm 1958 khi miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ. Bài thơ là khúc tráng ca ca ngợi lao động tập thể và người lao động trên biển nếu khổ thơ mở đầu là khúc hát ra khơi đầy hứng khởi thì khổ cuối là khúc ca khải hoàn trở về sau một đêm hăng say lao động và thắng lợi trở về của người lao động.

( Viết thơ ra)

**2. Thân bài**

**a. Khái quát** : Bài thơ “ĐTĐC” được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của nhà thơ Huy Cận. Bằng bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn, các hình ảnh đẹp, tráng lệ, bài thơ đã giúp ta nhận ra sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người lao động đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về quê hương, đất nước. Khổ thơ đầu nói về chuyến hành trình đánh cá gian lao và vất vả trong không khí tươi vui của đất nước, hân hoan tưng bừng cùng nhau thi đua với khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ thì khổ thơ cuối tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong bình minh với ghe thuyền đầy ắp cá. Hai khổ thơ là hai cảnh đối lập nhau nhưng thiên nhiên và con người luôn hòa quyện vào nhau.

**b. Khổ 1 - cảnh ra khơi**

Khổ thơ đầu của bài thơ đã gây ấn tượng cho người đọc bởi chất thơ đầy lãng mạn với cảnh mặt trời xuống biển:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

 *Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

Nếu chỉ căn cứ vào thực tế ta sẽ cảm thấy như vô lí bởi biển ở phía đông nước ta vốn không nhìn thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Như thê nhà thơ Huy Cận đặt điểm nhìn nghệ thuật trên con thuyền ra khơi từ biển nhìn về phía tây nhà thơ thấy mặt trời lặn xuống biển. Mặt trời xuống biển vào lúc hoàng hôn sắp tắt, như một khói lửa lớn đang chìm dần xuống biển xanh. Màn đêm dần buông xuống và vây kín bầu trời. Hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ còn những gợn sóng là cài then cửa. Tác giả đã so sánh mặt trời cuối ngày “như hòn lửa” khiến cho cảnh hoàng hôn trở nên tráng lệ, rực rỡ chứ không ảm đạm, hiu hắt như nhiều nhà thơ khác miêu tả. Điểm thêm vào tiếng sóng dịu êm là màn đêm buông xuống qua hình ảnh nhân hóa “Sóng đã cài then đêm sập cửa”. Chính biện pháp tu từ nhân hóa và liên tưởng đã làm cho cảnh biển đêm trở nên gần gũi với con người. Con người đi trong biển đêm mà như đang đi chính trong ngôi nhà của mình. Điều đó cũng cho thấy con người ra khơi trong tư thế yên tâm, an toàn, tự chủ. Như vậy chỉ bằng hai câu thơ Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm, khiến cảnh biển đẹp vừa hùng vĩ tráng lệ nhưng lại rất gần gũi với con người khác hẳn với cảnh hoàng hôn trong thơ của Huy Cận trước cách mạng tháng 8 thường buồn và hiu hắt.

**\* Hai Câu thơ sau:**

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

 *Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

Chuyển ý: Chính lúc thiên nhiên vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi, thì cũng là lúc khởi đầu một chuyến ra khơi của Đoàn thuyền đánh cá: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”

 Câu thơ là cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người lao động. Đoàn thuyền đánh cá vào lúc hoàng hôn, cảnh biển lúc hoàng hôn vô cùng rực rỡ, tráng lệ cảnh vừa rộng lớn của gần gũi với con người sau một liên tưởng thú vị:

Sự mâu thuẫn làm nổi bật tư thế của người lao động trước biển cả. Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết đoán dứt khoát. Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ đi biển mà cả một đoàn thuyền, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay. Chữ “lại” trong ý thơ “lại ra khơi” là một sự khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã ổn định đi vào nề nếp. Ra khơi là một công việc diễn ra thường xuyên đều đặn một nhịp sống quen thuộc.

 Cùng ra khơi trên những con thuyền là những người lao động. Họ mang theo câu hát khúc hát lên đường vang vọng: “ Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn, niềm say sưa, hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với những công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho tổ quốc. Câu hát của người lao động như có một sức mạnh vật chất cùng với ngọn gió làm căng buồm chuẩn bị cho con thuyền lướt sóng ra khơi. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe lạ mà từ sự gắn kết ba sự vật, hiện tượng: Câu hát, căng buồm, gió khơi là ba chi tiết nghệ thuật mang tính tượng trưng diễn tả tinh thần hứng khởi, hăng say và khí thế ra khơi của người dân miền biển. Như vậy bức tranh cảnh trời đêm không hề yên tĩnh mà lại ngân vang câu hát của người lao động.

**c. Khổ 7: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong cảnh bình minh:**

**Chuyển ý: Nếu như khổ thơ đầu là cảnh đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn trong khung cảnh thiên nhiên rực rỡ tráng lệ. Thì khổ thơ cuối là cảnh đoàn thuyền trở về trong cảnh bình minh với khoang thuyền đầy ắp cá.**

Sau một đêm đánh cá vất vả đoàn thuyền lại trở về vào lúc bình minh:

"Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời"

Câu thơ "câu hát căng buồm" với gió khơi, gần như nguyên vẹn câu thơ trong khổ đầu tiên. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa "đoàn thuyền" đang "chạy đua cùng mặt trời, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng "chạy đua" cho ta thấy những người đan chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Huy Cận đã nâng cao người lên tầm vóc vũ trụ rộng lớn. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến.

"Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi".

Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa "mặt trời đội biển" gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái "màu biển" là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh "mắt cá huy hoàng" vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

**d. Đánh giá khổ 1 + khổ 7**

Bài thơ có âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc. Bằng bút pháp lãng mạn và sức tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã sáng tạo ra những hình ảnh đẹp bất ngờ, dào dạt chất thơ. Bút pháp thơ khoáng đạt, âm hưởng thơ vừa khoẻ khoắn, sỏi nổi lại vừa phơi phới bay bổng; lời thơ dõng dạc, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng, cách gieo vần có nhiều biến hoá linh hoạt, vấn trắc xen lẫn vần bằng; hình ảnh thơ giàu vẻ đẹp lãng mạn; nhiều biện pháp tu từ đặc sắc (so sánh, nhân hoá); kết cấu đầu cuối tương ứng (lặp lại hình ảnh" mặt trời/ gió khơi/ câu hát"). Cả hai khổ đều thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên biển và con người ở cả hai thời điểm: hoàng hôn và bình minh. Thiên nhiên luôn tươi sáng, kì vĩ, tráng lệ. Con người luôn căng tràn sức sống và niềm say mê lao động.

**3.Kết bài**

 Hai khổ thơ đầu và cuối được đánh giá là hay và đặc sắc nhất trong bài thơ, có sự đối lập về thời gian và không gian và có thể coi là chu trình khép kín trong cuộc hành trình của ngư dân lao động trên biển. Niềm vui khí thế phấn khởi không chỉ của người dân lao động mà còn là niềm vui của tác giả trước cuộc sống mới.

**Đề 3: ( \*)**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”*

 *(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận)*

**A. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

Huy Cận là một nhà thơ tiêu biểu thuộc phong trào Thơ mới. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”. Đến với tác phẩm này, người đọc sẽ cảm nhận được hình ảnh đẹp đẽ tráng lệ cũng như thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về đất nước. Tiêu biểu là hai khổ thơ đầu bài thơ ( trích thơ)

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Niềm vui dạt dào tin yêu trước cuộc sống mới đang hình thành, đang thay da đổi thịt đã trở thành nguồn cảm hứng lớn của thơ ca lúc bấy giờ. Nhiều nhà thơ đã đi tới các miền đất xa xôi của Tổ quốc để sống và để viết: miền núi, hải đảo, nhà máy, nông trường… Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *“Đoàn thuyền đánh cá”* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Cảnh đoàn thuyền ra khơi khi hoàng hôn buông xuống**

- Mở đầu bài thơ nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi khi hoàng hôn buông xuống

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then,đêm sập cửa*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi.”*

Bốn câu thơ có kết cấu gọn gàng, cân đối như một bài tứ tuyệt: hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau nói về con người. Cảnh và người tưởng như đối lập song lại hòa hợp, cảnh làm nền để cho hình ảnh con người nổi bật lên như tâm điểm của một bức tranh – bức tranh lao động khỏe khoắn, vui tươi tràn ngập âm thanh và rực rỡ sắc màu.

+ Hai câu thơ đầu tả cảnh hoàng hôn trên biển, cũng là thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa”.*

+Nếu chỉ căn cứ vào thực tế sẽ thấy câu thơ có vẻ vô lí, bởi trên vịnh Hạ Long ở hướng Đông, không thể thấy cảnh mặt trời xuống biển như thế, mà chỉ có thấy mặt trời mọc được thôi. Vậy thì ở đây, khi viết “Mặt trời xuống biển” tức là nhà thơ đã lấy điểm nhìn từ trên con thuyền đang ra khơi,giữa biển khơi nhìn về hướng Tây nơi bờ bãi. Lúc đó, xung quanh con thuyền chỉ là mênh mông sóng nước, mặt trời chỉ còn cách lặn xuống biển.

+ Ở hai câu thơ đầu, nhà thơ đã so sánh “mặt trời” với “hòn lửa”. Phép so sánh gợi ra một khung cảnh rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ. Ánh mặt trời lúc cuối chiều đỏ rực phả xuống mặt biển làm hồng rực cả một vùng biển, vùng trời – một cảnh tượng thật kì vĩ.

**\*Liên hệ:** Xưa nay, thơ viết về cảnh hoàng hôn thường phảng phất một nỗi buồn như Thôi Hiệu viết trong bài “Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng” chẳng hạn:

 *“Quê hương khuất bóng hoàng hôn*

 *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”*

Hay chính Huy Cận trong bài thơ “Tràng giang” trước CM cũng viết

 *“ Lòng quê rờn rợn vời con nước*

 *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

+ Nhưng ở câu thơ đầu trong bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận, ta lại thấy cảnh hoàng hôn hiện lên rất đẹp. Phải chăng lúc này Huy Cận đang vui, vui vì ông lại tìm được nguồn cảm hứng sáng tác sau 10 năm không thể cầm bút, vui vì ngư dân được làm chủ biển trời nên ông nhìn cảnh mới đẹp như vậy. Có lẽ là thế bởi Nguyễn Du cũng đã từng nói với chúng ta rằng *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Cảnh chỉ đẹp khi tâm trạng con người phơi phới niềm vui.

+ Cùng với phép so sánh, HC còn miêu tả thiên nhiên khi chiều xuống bằng một phép nhân hoá cũng đầy sáng tạo: *“Sóng đã ...cửa*”. Lời thơ với các động từ mạnh ( sập, cài) đã cho ta hình dung được một cảnh tượng thật rộng lớn và đầy bí ẩn. Biển đêm với những con sóng bạc đầu chạy ngang như những chiếc then cài còn màn đêm là cánh cửa đang đóng sập lại. Chỉ với 7 chữ nhưng câu thơ gợi lên trong ta rất nhiều liên tưởng thú vị. Biển đêm vốn bí ẩn, đáng sợ, thậm chí là cuồng nộ nhưng giờ đây cũng trở nên gần gũi, ấm áp, thân thương. Vũ trụ và thiên nhiên bao la lúc này chẳng khác nào một ngôi nhà rộng lớn. còn những người ngư dân chính là các thành viên của gia đình. Thiên nhiên và con người giờ đây vô cùng gần gũi, gắn bó và hoà hợp.

 Và khi thiên nhiên đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người lại bắt đầu làm việc:

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

 *Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

+ Hình ảnh, nhạc điệu trong câu thơ diễn tả khí thế khỏe khoắn, phấn chấn của những người lao động: khẩn trương làm việc bất kể ngày đêm. Đoàn thuyền lại ra khơi, tuần tự, nhịp nhàng như cái nhịp sống không bao giờ ngừng nghỉ. Chữ “lại” trong câu thơ đã diễn tả điều đó, cho ta hiểu đây là công việc, là hoạt động hàng ngày, thường xuyên, trở thành một nếp sống quen thuộc của những người ngư dân vùng biển. “Câu hát căng buồm cùng gió khơi” là hình ảnh ẩn dụ mang tính chất khoa trương. Tiếng hát khỏe khoắn tiếp sức cho gió làm căng cánh buồm. Tiếng hát ấy, làm nổi bật khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân chinh phục biển cả…

**b.Tiếng hát gọi cá vào**

Nếu như ở khổ thơ đầu, tác giả miêu tả những người ngư dân thuyển ra khơi luôn mang theo câu hát thì đến khổ thơ thứ 2, nhà thơ nói cụ thể hơn về lời hát của họ.

***“ Hát rằng cá bạc biển đông lặng***

***Cá thu biển đông như đoàn thoi***

***Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng***

***Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi”***

+ Từ "hát rằng" mở đầu khổ thơ đã gợi lên niềm vui sướng, hạnh phúc ngập tràn của những người dân làng chài và đó còn là sự hứa hẹn một chuyến ra khơi bội thu. Và để rồi, trong lời hát ngập tràn niềm vui ấy, với việc thủ pháp liệt kê - kể ra hai loài cá có giá trị kinh tế cao - "cá bạc", "cá thu" cùng biện pháp so sánh cá thu với "đoàn thoi" dường như tác giả đã cất lên lời ca về sự giàu có của biển cả.

+ Thêm vào đó, trong khổ thơ, tác giả sử dụng hình ảnh nhân hóa độc đáo, từ đó gợi lên trong lòng người đọc nhiều ý nghĩa: Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng Hai chữ "đêm ngày" đặt ở đầu câu thơ như khẳng định tính liên tục, không kể ngày đêm những loài cá ấy vẫn cùng nhau "dệt" nên một tấm lưới với "muôn luồng sáng" giữa biển cả mênh mông. Đồng thời, hình ảnh này còn gợi lên những vệt nước lấp lánh được tạo nên khi đoàn cá bơi lội dưới ánh trăng. Đặc biệt, qua hình ảnh này lời thơ cũng thể hiện được không khí lao động hăng say, không kể ngày đêm của người lao động.

+ Để rồi từ sự cảm nhận, ngợi ca sự giàu có, trù phú của biển cả, câu thơ khép lại khổ thơ như một lời ca, một lời mời gọi thiết tha và trìu mến đối với những đàn cá "Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi". Lời thơ có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Nhà thơ gọi cá mà như gọi bạn. Giữa con người và thiên nhiên gần như không hề có khoảng cách. Nhưng có lẽ, ẩn sau lời mời gọi thiết tha ấy chính là ước mơ, là mong muốn đánh bắt được nhiều hải sản của những người dân làng chài và những điều đó xét đến cùng là ước mơ, là khao khát muốn chinh phục thiên nhiên, chinh phục biển cả của họ.

**3. Đánh giá**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã phác họa thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 4: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau: ( \*)**

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao,
Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”

**A. Mở bài:**

**(Mở bài này có thể áp dụng cho nhiều đề)**

Huy Cận là một nhà thơ tiêu biểu thuộc phong trào Thơ mới. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”. Đến với tác phẩm này, người đọc sẽ cảm nhận được hình ảnh đẹp đẽ tráng lệ cũng như thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về đất nước. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là những khổ thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển (Trích thơ)

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Niềm vui dạt dào tin yêu trước cuộc sống mới đang hình thành, đang thay da đổi thịt đã trở thành nguồn cảm hứng lớn của thơ ca lúc bấy giờ. Nhiều nhà thơ đã đi tới các miền đất xa xôi của Tổ quốc để sống và để viết: miền núi, hải đảo, nhà máy, nông trường…Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *“Đoàn thuyền đánh cá”* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Khổ 3:** Nếu ở hai khổ thơ đầu, tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền chuẩn bị ra khơi giữa một không gian rực rỡ, huy hoàng và tráng lệ thì đến những khổ thơ tiếp theo ông tập trung miêu tả cảnh đánh bắt cá trên biển đêm.

***“****Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

+Không gian vũ trụ lúc này được mở ra nhiều chiều. Có chiều cao của bầu trời, mặt trăng, chiều rộng của mặt biển và lòng biển sâu thẳm. Thế nhưng giữa cái không gian vô cùng rộng lớn ấy, con thuyền lại không hề nhỏ bé chút nào. Nó hiện lên lớn lao và kì vĩ.

+ Bằng các động từ mạnh “lái, lướt” và các hình ảnh giàu giá trị gợi tả “lái gió, buồm trăng, mây cao, biển bằng”, lời thơ đã cho ta hình dung được tư thế làm chủ của đoàn thuyền khi ra khơi đánh cá. Con thuyền như mang cả sinh lực của đất trời, được thiên nhiên giúp sức để đánh cá trên biển.

+ Và hình ảnh con người lao động hiện lên cũng thật đẹp. Đoàn thuyền đánh cá lúc này chẳng khác nào một đoàn thám hiểm đang đi chinh phục những vùng đất mới; chẳng khác nào một đoàn quân đang tổ chứng đánh trận với tư thế làm chủ vùng đất của mình.Con người giờ đây không còn cảm thấy nhỏ bé cô đơn như trong “Tràng giang” trước cách mạng mà là thư thế làm chủ cả vũ trụ bao la rộng lớn.

**2. Khổ 4**

- Và bức tranh lao động của con người được điểm tô thêm bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ,độc đáo:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.”*

+ Đọc khổ thơ, ta thấy bức tranh biển đêm hiện ra đẹp đẽ, kì ảo, sống động. Để tái hiện vẻ đẹp giàu ấy của biển cả quê hương, tác giả Huy Cận đã sử dụng phép liệt kê gợi ra các hình ảnh loài cá : cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song, … bơi lội tung tăng ngang dọc, tầng nổi tầng sâu, vun vút lấp lánh muôn màu sắc.

+ Ngôn ngữ giàu chất tạo hình “cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe” đem đến cho người đọc nhiều liên tưởng thú vị. Hình ảnh con cá song giống như ngon đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh. Ánh trăng in xuống mặt nước, cá song quẫy đuôi như quẫy cả ánh trăng khiến ánh trăng tan ra, vung bắn tung vàng chóe. Đặc biệt hơn, Huy Cận gọi cá bằng “em”, một tiếng gọi xiết bao ân tình trìu mến . Và đằng sau những vần thơ ấy ta nhận ra tình yêu tha thiết của nhà thơ với biển cả quê hương .

+ Và khổ thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ vô cùng độc đáo:

 “Đêm thở : sao lùa nước Hạ Long”

Câu thơ là một hình ảnh nhân hóa đầy sáng tạo và gợi nhiều liên tưởng trong lòng người đọc. “Đêm” đc miêu tả như một sinh vật đại dương đang “thở”, hình ảnh biển đêm vì thế mà trở nên giàu đẹp, sống động đến vô cùng.

**3. Khổ 5:**

 Cùng với những lời ca ngợi về vẻ đẹp trù phú của biển cả, ở khổ thơ thứ 5, Huy Cận lại đưa ta đến với những người lao động luôn tràn đầy tinh thần lạc quan.

*“Ta hát bài ca gọi cá vào*

 *Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”*

+ Một lần nữa, tiếng hát của người dân lao động lại vang lên trên khắp vung biển bao la. Tiếng hát theo họ khi đoàn thuyền ra khơi, tiếng hát ca ngợi sự giàu có của biển cả. Giờ đây tiếng hát lại vang lên để " *gọi cá vào lưới*". Tiếng hát đã biến một công việc khó khăn, nguy hiểm thành nhẹ nhàng, thi vị. Dường như đoàn thuyền không cần đến kĩ thuật hiện đại mà họ chỉ cần cất cao tiếng hát. Tiếng hát đồng thời thể hiện niềm tin, tinh thần lạc quan của những con người lao động. Họ làm việc với tinh thần miệt mài, say mê, với niềm lạc quan phơi phới. Bởi vì họ đã trở thành người chủ đích thực của biển trời.

+ Câu thơ thứ hai là một liên tưởng, sáng tạo đặc sắc. Đoàn thuyền ra khơi khi màn đêm buông xuống, vầng trăng lên cao, ánh trăng tỏa sáng in hình xuống mặt nước. Gió thổi, sóng xô, trăng tan ra như gõ vào mạn thuyền. Câu thơ hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc: thiên nhiên vũ trụ như hòa đồng với nhịp sống, nhịp lao động của con người, nâng đỡ con người, giúp con người gọi cá vào lưới. Và có lẽ cũng chính vì thế mà nhà thơ viết :

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

 *Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”*

+ Nghệ thuật nhân hóa, so sánh làm cho câu thơ thêm giàu sắc thái biểu cảm. Biển như người mẹ nhân hậu, ân tình, bao dung. Biển đã cung cấp cho ta biết bao tài nguyên, khoáng sản. Lòng biển bao la sâu thẳm như lòng mẹ nhân từ. Biển cho ta rất nhiều như bà mẹ nhân hậu, bao dung, đã nuôi lớn biết bao thế hệ trong âm thầm, trong lặng lẽ.

+ So sánh biển với mẹ, Huy Cận đã thay lời cho những ngư dân nói lên niềm tự hào và lòng biết ơn chân thành với biển quê hương. Vì vậy, giọng thơ chợt trở nên ấm áp, chan chứa tình người. Đối với người dân chài, biển đã gắn bó với họ. Khi buồn, khi vui họ đều có biển sẻ chia. Nước biển mặn mòi giúp họ rửa đi bao khó nhọc, ưu phiền, cay đắng. Hai câu thơ cuối vừa bộc lộ niềm tự hào, vừa là lời cảm tạ chân thành của con người với biển.

**c. Khổ 6**

Sau một đêm lao động hăng say, khi “sao mờ” là lúc đoàn thuyền kéo lưới lên để chuẩn bị về bến:

*“Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”*
+ “Sao mờ” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ 2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng. Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuộn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ Hình ảnh "chùm *cá nặng*" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả.

*“Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

 *Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

 Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trăng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điếm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp”* là kết thúc của ngày lao động. “*Buồm lên”* là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. ***Nắng hồng*** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. ***Nắng hồng*** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**3. Đánh giá**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tử thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 5: Cảm nhận của em về hai khổ thơ cuối trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận. ( \*)**

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

**1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo(Mở bài này có thể áp dụng cho nhiều đề)**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam với một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được nhà thơ sáng tác vào năm 1958 khi miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ cuối của bài thơ.

(thơ)

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Niềm vui dạt dào tin yêu trước cuộc sống mới đang hình thành, đang thay da đổi thịt đã trở thành nguồn cảm hứng lớn của thơ ca lúc bấy giờ. Nhiều nhà thơ đã đi tới các miền đất xa xôi của Tổ quốc để sống và để viết: miền núi, hải đảo, nhà máy, nông trường…Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *“Đoàn thuyền đánh cá”* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung của những khổ thơ trên**

Ở 5 khổ thơ đầu, bằng các biện pháp tu từ độc đáo, bằng những từ ngữ hình ảnh chọn lọc, các phép liên tưởng đầy thúa Huy Cận đã giúp người đọc hình dung được cảnh đoàn thuyền ra khơi giữa một không gian rộng lớn, huy hoàng, tráng lệ; cảnh đánh cá trên biển kì vĩ lớn lao để từ đó bộc lộ tình yêu, niềm tự hào về quê hương đất nước. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở 1 khổ thơ cuối khi nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền kéo lưới lên để trở về.

**b. Khổ 6**

Sau một đêm lao động hăng say, khi “sao mờ” là lúc đoàn thuyền kéo lưới lên để chuẩn bị về bến:

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*

+ “Sao mờ” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ 2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng. Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuộn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ Hình ảnh "chùm *cá nặng*" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả.

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*

 Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trăng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điếm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp”* là kết thúc của ngày lao động. “*Buồm lên”* là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. ***Nắng hồng*** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. ***Nắng hồng*** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**c. Khổ 7**

Và ở khổ thơ cuối, nhà thơ lại miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong câu hát:

 *“Câu hát căng buồm với gió khơi*

 *Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

 *Mặt trời dội biển nhô màu mới*

 *Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

+ Câu hát ra khơi và câu hát trở về thoạt nghe thì ta tưởng nó cùng là một âm hưởng, cùng là một lối miêu tả. Những nếu đọc kĩ, ta sẽ thấy: câu hát ra khơi là “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”, còn câu hát trở về là “Câu hát căng buồm với gió khơi”. Khi viết về câu hát ra khơi, tác giả sử dụng từ “cùng” để gợi cái sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi thuận lợi và bình yên Còn khi viết về câu hát trở về, tác giả đã biến đổi từ “cùng” thành từ “với” để gợi niềm vui phơi phới khi họ được trở về trên con thuyền đầy ắp cá. Đó là câu hát của niềm tin vào cuộc sống mới, câu hát của niềm vui trước những thành quả lao động.

- Và ở khổ thơ này hình ảnh đoàn thuyền cũng một lần nữa được tác giả miêu tả thông qua một pháp nhân hóa hết sức độc đáo: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

+Phép nhân hóa đã làm cho đoàn thuyền như trở thành một sinh thể sống để chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ của vũ trụ, nâng tầm vóc của đoàn thuyền, con người sánh ngang với tầm vóc của thiên nhiên. Ko chỉ thế, lời thơ ấy còn gợi tư thế hào hùng, khẩn trương để giành lấy thời gian để lao động. Và trong cuộc chạy đua này, con người đã chiến thắng.

+ Khi “mặt trời dội biển nhô màu mới” thì đoàn thuyền đã về đến bến . Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng. Ngày mới bắt đầu – thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi – một cuộc đời mới đang sinh sôi, phát triển…

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tử thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 6: Hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá” (\*)**

**I. Mở bài:** ... Bài thơ đã cho người đọc cảm nhận được được một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp của thiên nhiên nhiên vũ trụ mà cụ thể là vùng biển Hạ Long.

**II. Thân bài.**

**1. Khái quát** : Bài thơ “ĐTĐC” được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của nhà thơ Huy Cận. Bằng bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn, các hình ảnh đẹp, tráng lệ, bài thơ đã giúp ta nhận ra sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người lao động đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về quê hương, đất nước.

**2. Vẻ đẹp của thiên nhiên trong bài thơ “ĐTĐC”**

 Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc, theo trình tự của một chuyến ra khơi. Khi hoàng hôn buông xuống, đoàn thuyền bắt đầu ra khơi rồi đánh cá trong đêm, đến khi trở về cũng là lúc bình minh ló rạng. Và thiên nhiên cũng hiện lên vô cùng đẹp đẽ theo trình tự ấy.

**a. Hình ảnh thiên nhiên đẹp tráng lệ, kì vĩ khi hoàng hôn buông xuống nhưng cũng rất đỗi gần gũi thân thương.**

 Ngay từ những câu thơ mở đầu, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, huy hoàng, tráng lệ. Miêu tả bức tranh thiên nhiên ấy, Huy Cận đã sử dụng một phép so sánh vô cùng độc đáo:

 *“ Mặt trời xuống..... sập cửa”*

 Đọc câu thơ mở đầu, người đọc sẽ không khỏi thắc mắc bởi biển VN là biển phía đông, ta chỉ có thể nhìn thấy hình ảnh mặt trời mọc trên biển nhưng ở đây nhà thơ lại viết “mặt trời xuống biển”. Rõ ràng là trong câu thơ này, nhà thơ đã chọn cho mình một điểm nhìn nghệ thuật. Điểm nhìn cấy có thể từ trên một hòn đảo ngoài khơi xa, cũng có thể là trên một con thuyền đang ra khơi bắt cá. Từ điểm nhìn ấy nhìn về đất liền, qua một khoảng biển rộng, nhà thơ có thể thấy được hình ảnh “mặt trời xuống biển”. Và đặt trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ thì điểm nhìn nghệ thuật này hẳn là trên một con thuyền. Và nếu như thế thì “ĐTĐC” chính là bài thơ của những con người lao động mà Huy Cận đã nói thay cho tiếng lòng của những người ngư dân.

 Ở hai câu thơ đầu, nhà thơ đã so sánh “mặt trời” với “hòn lửa”. Phép so sánh gợi ra một khung cảnh rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ. Ánh mặt trời lúc cuối chiều đỏ rực phả xuống mặt biển làm hồng rực cả một vùng biển, vùng trời – một cảnh tượng thật kì vĩ. Xưa nay, thơ viết về cảnh hoàng hôn thường phảng phất một nỗi buồn như Thôi Hiệu viết trong bài “Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng” chẳng hạn:

 *“Quê hương khuất bóng hoàng hôn*

 *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”*

Hay chính Huy Cận trong bài thơ “Tràng giang” trước CM cũng viết

 *“ Lòng quê rờn rợn vời con nước*

 *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

Nhưng ở câu thơ đầu trong bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận, ta lại thấy cảnh hoàng hôn hiện lên rất đẹp. Phải chăng lúc này Huy Cận đang vui, vui vì ông lại tìm được nguồn cảm hứng sáng tác sau 10 năm không thể cầm bút, vui vì ngư dân được làm chủ biển trời nên ông nhìn cảnh mới đẹp như vậy. Có lẽ là thế bởi Nguyễn Du cũng đã từng nói với chúng ta rằng *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Cảnh chỉ đẹp khi tâm trạng con người phơi phới niềm vui.

 Cùng với phép so sánh, HC còn miêu tả thiên nhiên khi chiều xuống bằng một phép nhân hoá cũng đầy sáng tạo: *“Sóng đã ...cửa*”. Lời thơ với các động từ mạnh ( sập, cài) đã cho ta hình dung được một cảnh tượng thật rộng lớn và đầy bí ẩn. Biển đêm với những con sóng bạc đầu chạy ngang như những chiếc then cài còn màn đêm là cánh cửa đang đóng sập lại. Chỉ với 7 chữ nhưng câu thơ gợi lên trong ta rất nhiều liên tưởng thú vị. Biển đêm vốn bí ẩn, đáng sợ, thậm chí là cuồng nộ nhưng giờ đây cũng trở nên gần gũi, ấm áp, thân thương. Vũ trụ và thiên nhiên bao la lúc này chẳng khác nào một ngôi nhà rộng lớn. còn những người ngư dân chính là các thành viên của gia đình. Thiên nhiên và con người giờ đây vô cùng gần gũi, gắn bó và hoà hợp.

**b. Hình ảnh thiên nhiên khi màn đêm buông xuống mang vẻ đẹp giàu có, trù phú và lung linh, thơ mộng.**

 Và khi màn đêm buông xuống, cái vẻ đẹp rực rỡ huy hoàng tráng lệ không còn mà thay vào đó là vẻ đẹp của sự giàu có, trù phú, lung linh, huyền ảo. Đêm về, đoàn thuyền hạ lưới giăng câu. Trăng lúc này đã lên cao, rọi xuống mặt biển, in hình trên mặt sóng. Gió thổi, sóng xô, trăng tan ra vỗ vào mạn thuyền gợi lên một cảnh tượng vô cùng đẹp đẽ. Trăng đem đến vẻ đẹp huyền ảo, lung linh cho biển cả. Và vầng trăng ấy dường như cũng đã đem đến chất thơ cho công việc vốn vất vả của những người dân chài lưới, đem đến chất trữ tình, lãng mạn cho bài thơ này.

 Miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên, của biển cả tác giả tiếp tục ca ngợi:

 *“ Cá nhụ cá chim ..... nước Hạ Long*

Đọc lời thơ ta dễ dàng nhận ra thủ pháp liệt kê được tác giả sử dụng. Nó khiến cho câu thơ giống như một lời ca ngợi về sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Lời thơ cho ta hình dung ra được hình ảnh rất nhiều loài cá đang tung tăng bơi lội nhưng đáng chú ý nhất là những chú cá song thân dài, trên thân có những đốm đen hồng. Giữa biển khơi trông chúng hệt như một đoàn rước đèn lộng lẫy. Miêu tả đàn cá song, Huy Cận cất tiếng gọi “em” thật tự nhiên, nhẹ nhàng và trìu mến. BPTT nhân hoá đã làm cho thiên nhiên trở nên sống động và gần gũi hơn với con người. Con người giờ đây không còn nhỏ bé, cô đơn trước trời rộng sông dài mà trở thành bạn của thiên nhiên vũ trụ. Có lẽ vì thế mà nhà thơ nghe được cả tiếng thở của biển đêm:

 *“Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”*

Lại một lần nữa BPTT nhân hoá được tác giả sử dụng. Đêm về, tiếng gió thổi, tiếng sóng xô, tiếng cá đớp động mặt nước tất cả đã tạo nên nhịp thở của biển. Trăng sao thì in hình trên mặt nước, sóng xô, trăng sao như tan ra hoà vào biển cả làm sáng rực cả một vùng biển, vùng trời. Một cảnh tượng thật kì diệu. HC hẳn phải là một con người tinh tế lắm, có trí tưởng tượng bay bổng lắm mới có được những vần thơ thăng hoa như vậy.

**c. Thiên nhiên trong “ĐTĐC” còn rất nhân hậu, ân tình.**

Trong mạch cảm xúc ca ngợi sự giàu có của biển, Huy Cận viết tiếp:

 *“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

 *Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Hai câu thơ thật giản dị! Một phép so sánh thôi cũng đủ để ta cảm nhận được trọn vẹn biển hiền hoà, bao dung, gần gũi ra sao. Biển không phải là thiên nhiên vô tri vô giác mà là bạn, là mẹ. Tình mẫu tử luôn là một tình cảm đẹp. So sánh biển với “lòng mẹ” có lẽ Huy Cận vừa muốn ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên hồn hậu lại vừa tỏ lòng biết ơn tới biển cả hiền hòa, bao dung, Con người và thiên nhiên lúc này như hoà vào làm một gắn bó không rời. Câu thơ là tiếng lòng của nhà thơ và cũng chính là tiếng lòng của những người dân lao động, của những ngư dân chài lưới quanh năm gắn bó với biển khơi – một lời cảm tạ chân thành tha thiết

**d. Khi bình minh lên, thiên nhiên lại mang một vẻ đẹp tươi sáng rực rỡ đầy hứa hẹn.**

 Sau một đêm đánh bắt cá với bao vất vả nhọc nhằn, đoàn thuyền trở về khi “ mặt trời đội biển nhô màu mới”. Thiên nhiên lúc này mang vẻ đẹp tươi sáng, rực rỡ, đấy hứa hẹn :

 *“Mặt trời đội biển nhô màu mới*

 *Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

Nếu ở những câu thơ mở đầu thiên nhiên là hình ảnh “mặt xuống biển” có ý soi sáng cho đoàn thuỳên ra khơi thì đến đây, “mặt trời đội biển” phải chăng như muốn nâng đoàn thuyền khi về bến? Câu thơ làm cho toàn cảnh thiên nhiên sáng lên với một “màu mới”. Đó là màu của sức sống, của tương lai và hy vọng. Bài thơ khép lại với hình ảnh “mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” nhưng lại mở ra một khung cảnh lung linh rực rỡ, một cuộc sống hạnh phúc, đủ đầy, ấm no. Thiên nhiên lúc này không chỉ là cảnh mà còn gợi lên trong lòng người đọc biết bao nhiêu cảm xúc. Đó là niềm vui, niềm tự hào về biển trời quê hương, là niềm hy vọng vào một tương lai tươi sáng

**3. Đánh giá.**

Bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận là một bài thơ hay. Trong bài thơ ấy, thong qua các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, các BPTT độc đáo, nhà thơ đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên vừa mang vẻ đẹp rực rỡ, kì vĩ, tráng lệ vừa lung linh huyền ảo lại vừa tươi sáng vô ngần. Và đằng sau bức tranh thiên nhiên ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tài năng quan sát, trí tưởng tượng bay bổng và hơn cả là tình yêu, niềm tự hào, sự trân trọng với biển trời quê hương. Sức lay động của bài thơ một phần được tạo nên từ đó.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về bài thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 7: Vẻ đẹp của con người lao động trong bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá” ( \*)**

**A. Mở bài:** .... Bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những con người lao động mới trong thời kì đi lên xây dựng CNXH.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát: ( đề trước)**

**2. Vẻ đẹp của những con người lao động.**

**a. Họ là những con người có tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống**

 Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc, theo trình tự của một chuyến ra khơi. Khi hoàng hôn buông xuống, đoàn thuyền bắt đầu ra khơi rồi đánh cá trong đêm, đến khi trở về cũng là lúc bình minh ló rạng. Và trong suốt hành trình ấy ta nhận ra ở những người lao động, những ngư dân chài lưới là tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, là niềm vui và tâm hồn lãng mạn.

+ Họ ra khơi, đánh bắt cá trên biển và cả khi trở về **luôn có câu hát đi cùng**. Câu hát đã hoà cùng với gió nâng cánh buồm đẩy con thuyền thẳng tiến ra khơi rồi cũng câu hát ấy lại gọi cá vào lưới. Ta không rõ họ hát những gì, những bài hát cụ thể ra sao nhưng có thể chắc chắn một điều rằng mỗi lời ca tiếng hát ấy là một lời ngợi ca cuộc sống mới, ngợi ca vẻ đẹp và sự giàu có, trù phú của biển. Chính tiếng hát của họ đã góp thêm chút thi vị, lãng mạn cho công việc vốn cực nhọc vất vả vô cùng. Và đằng sau những âm điệu khỏe khoắn, hào hung ấy hẳn phải là một tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, là niềm vui, niềm tự hào về cuộc sống mới về biển cả quê hương.

**b. Họ luôn hăng say lao động, làm chủ thiên nhiên. Đoàn thuyền ra khơi chẳng khác nào một đoàn thám hiểm.**

 Không chỉ lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, ở những người lao động mới ta còn nhận ra tinh thần lao động hăng say và tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả.Họ ra khơi đánh cá mà chẳng khác nào một đoàn thám hiểm đi tìm kiếm những vùng đất mới, chẳng khác nào một đội quân đang tổ chức đánh trận.

 *“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

 *Lướt giữa mây cao với biển bằng*

 *Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

 *Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

+ Lời thơ gợi cho ta thật nhiều liên tưởng thú vị. Đoàn thuềyn ra khơi có gió làm bánh lái, trăng làm cánh buồm. Gió trăng đã nâng con thuyền lên một tầm cao mới với một tốc độ đặc biệt. Thuyền lướt nhanh, lướt cao trên từng con sóng, lúc naỳ biển nước và mây trời như vào làm một. Con thuyền, con người vốn nhỏ bé trước thiên nhiên, biển cả nay trở lên lớn lao kì vĩ lạ thường. Ta còn nhớ trong bài thơ”Tràng giang” của HC trước CMT8, lúc ấy con người đứng trước cảnh trời rộng sông dài thì thấy nhỏ bé cô đơn lắm. Nhìn đâu cũng thấy thấy những ảo não, u buồn. Nhưng ở bài thơ này, con người đã thực sự đứng ở tư thế làm chủ - làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước.

 + Ở hai câu thơ tiếp theo nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá

 *“ Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

 *Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

Công việc của những người dân chài giống như một cuộc đánh trận, một cuộc đấu với thiên nhiên bằng cả trí tuệ và kinh nghiệm nghề nghiệp của mình. Nhịp thơ lúc này có vẻ nhanh hơn, điều đó giúp ta thấy đượcnhịp điệu khẩn trương trong lao động của những con người mới. Những ngư dân chài lưới có lúc như một nhà thám hiểm khám phá những vùng đất mới, có lúc lại như đang tổ chức đánh trận. Mật trận sản xuất lúc này cũng cam go chẳng kém mặt trận chiến đấu nơi chiến trường.

**c. Họ sống nặng ân tình**

 Đối với những người dân chài lưới thì biển giống như cuộc đời của họ. Có khi thời gian đánh bắt trên biển còn nhiều hơn những ngày tháng ở nhà, Họ sống được là nhờ có biển. Hiểu được điều đó Huy Cận đã viết:

 *“Biển cho ta cá như long mẹ*

 *Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Chỉ với một phép so sánh, tác giả đã giúp ta nhận ra sự hiển hoà, bao dung gần gũi của biển. Biển không chỉ là bạn mà còn là mẹ “nuôi lớn đời ta tự buổi nào”. Con người và biển cả lúc này như hoà vào làm một gắn bó không rời. Biển đã cung cấp cho ta biết bao tài nguyên, khoáng sản. Lòng biển bao la sâu thẳm như lòng mẹ nhân từ. Biển cho ta rất nhiều như bà mẹ nhân hậu, bao dung, đã nuôi lớn biết bao thế hệ trong âm thầm, trong lặng lẽ. Câu thơ chính là tiếng lòng của nhà thơ và cũng là những lời cảm tạ của những người dân chài lưới với biển cả. Họ hiểu rằng biển đã mang lại cho họ cả cuộc đời. Cuộc đời ấy có thể lam lũ vất vả nhưng cũng có không ít những tin yêu. Lời thơ có sự đồng điệu với câu thơ của Tế Hanh trong bài thơ “
Quê hương”

 *“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe*

 *Những con cá tươi ngon than bạc trắng”*

Bao giờ cũng vậy những người dân chài lưới, những con người lao động dù mộc mạc, chất phác, giản dị nhưng họ luôn sống nặng ân tình.

**d. Hình ảnh người lao động hiện lên rõ nét hơn ở những khổ thơ cuối**

Trong cả bài thơ này, hình ảnh những người lao động không được miêu tả cụ thể, ta chỉ thấy bong dáng của họ khi nhà thơ miêu tả cảnh kéo lưới lên

 *“Sao mờ kéo lưới kịp trời sang*

 *Ta kéo xoăn tay chum cá nặng”*

Cách dùng từ của Huy Cận thật độc đáo. Chỉ với một chữ “kịp” tác giả đã diễn tả được đầy đủ cái không khí lao động khẩn trương hối hả để chạy đua với thời gian, với cuộc sống. Nó giúp ta liên tưởng đến cuộc chạy đua trong lao động sản xuất của những con người lao động để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và trong cuộc chạy đua ấy, hình ảnh người dân chài cũng hiện lên thật đẹp. Bằng bút pháp tả thực, những từ ngữ giàu giá trị gợi tả, câu thơ “Ta kéo... nặng” đã cho ta cảm nhận được vẻ đẹp khoẻ khắn, rắn rỏi, vạm vỡ của những người dân chài. Đó không chỉ là vẻ đẹp của sức mạnh cơ bắp mà còn là sức mạnh tinh thần, sức mạnh của ý chí, nghị lực và niềm tin

**3. Đánh giá**

Như vậy bằng các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, các BPTT độc đáo, bài thơ “ĐTĐC” của HC đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những con người lao động trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Họ là những người luôn lạc quan yêu đời, luôn hăng say lao động, sống ân nghĩa thuỷ chung cùng với sức mạnh tinh thần vô cùng mạnh mẽ. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu, niềm tự hào về cuộc sống mới và về những con người mới – những người lao động đang ra sức dựng xây chủ nghĩa xã hội. Sức lay động của bài thơ một phần được tạo nên từ đó.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về bài thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**BẾP LỬA**

*( Bằng Việt)*

**Đề: Phân tích bài thơ Bếp lửa – Bằng Việt**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh sáng tác

- Mạch cảm xúc

**2. Phân tích**

**a. Khổ thơ đầu: Hình ảnh bếp lửa – nơi bắt đầu nỗi nhớ**

\* Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương, ấm áp về bếp lửa. Để rồi, từ hình ảnh bếp lửa ấy, dòng kỉ niệm về bà thức dậy và được tái hiện:

*“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”*

- Trước hết, đó là hình ảnh bếp lửa tả thực, nhỏ bé, gần gũi, quen thuộc trong mỗi gia đình tự bao giờ.

- Hình ảnh ẩn dụ “ấp iu nồng đượm”:

+ Gợi đến bàn tay cần mẫn, khéo léo, chính xác của người nhóm lửa.

+ Gợi tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.

- Từ “bếp lửa” được điệp lại hai lần:

+ Gợi bóng dáng của người bà, người mẹ tần tảo, thức khuya dậy sớm chăm sóc cho chồng, cho con.

+ Diễn tả dòng cảm xúc dâng tràn ùa về kí ức

- Từ láy “chờn vờn”:

+ Miêu tả bếp lửa với ngọn lửa bốc cao, bập bùng, tỏa sáng, ẩn hiện giữa màn sương sớm

+ Bếp lửa ấy mờ tỏa, chờn vờn trong kí ức về những năm tháng tuổi thơ được sống bên bà của nhà thơ

\* Một cách tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy dòng cảm xúc yêu thương mãnh liệt trong người cháu: *“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*

- Bộc lộ sự thấu hiểu đến tận cùng của sự vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà

- Chữ “thương” dùng thật đắt qua vần thơ cảm thán, diễn tả cảm xúc đến rất tự nhiên và lan tỏa tâm hồn người cháu

=> Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi dậy trong lòng người cháu bao cảm xúc để những dòng hồi tưởng, kí ức đó ùa về khiến người cháu không khỏi xúc động

**b. Những kỉ niệm tuổi thơ bên bà và kỉ niệm với bếp lửa**

**b.1. Những kỉ niệm hồi lên 4 tuổi**

\* Đó là kỉ niệm tuổi thơ với những năm tháng gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

 *“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”*

- Thành ngữ “đói mòn đói mỏi”:

+ Miêu tả một hiện thực đau thương trong lịch sử: Năm 1945, do chính sách cai trị hà khắc của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã khiến hơn hai triệu đồng bào ta chết đói

+ Câu thơ trĩu xuống, khiến lòng người như nao nao, nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức tuổi thơ ấy.

- Hình ảnh “Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy” phần nào diễn tả hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của người cha phải bươn chải kiếm sống đủ nghề.

- Hình ảnh “đói mòn đói mỏi” và “khô rạc ngựa gầy” là những hình ảnh đậm chất hiện thực, đặc tả được sự xơ xác, tiều tụy của những con người trong cuộc mưu sinh.

Trong những năm đói khổ ấy, cháu cùng bà nhóm lửa:

*“Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”*

- Khói bếp của bà chẳng làm no lòng cháu nhưng đã lưu giữ một kỉ niệm sống mãi không nguôi: mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”.

- Tác giả nhắc đi nhắc lại từ: “mùi khói”, “khói hun” gợi một sự ám ảnh về một thời gian khó đã đi qua.

- Cảm giác cay cay vì khói bếp và cái cay cay bởi nỗi xúc động của người cháu như hòa quyện, quá khứ và hiện tại như đồng hiện trên từng dòng thơ.

=>Những hình ảnh, những kỉ niệm bên bà, bên bếp lửa đã cho thấy một tuổi thơ gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn và đầy ám ảnh của tác giả. Để rồi khi đã đi xa, ông không khỏi xúc động mỗi khi nghĩ về bà và những kỉ niệm bên bà.

**b.2. Những kỉ niệm hồi lên tám tuổi:**

\* Đó là những năm tháng cháu sống trong sự cưu mang, dạy dỗ của bà: *“Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa”*

- Gợi khoảng thời gian tám năm ròng cháu được sự yêu thương, che chở, bao bọc của bà

- Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.

- Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự cưu mang đùm bọc đầy chi chút của bà

\* Đó là những năm tháng hồn nhiên, trong sáng và vô tư qua hình ảnh tâm tình với chim tu hú:

*“Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Tu hú kêu bà còn nhớ không bà?*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”*

- Tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của đồng quê mỗi độ hè về, để báo hiệu mùa lúa chin vàng đồng, vải chín đỏ cành.

- Tiếng chim tu hú như giục giã, như khắc khoải điều gì tha thiết lắm, khiến lòng người trỗi dạy những hoài niệm nhớ mong. Tiếng tu hú gợi nhớ, gợi thương:

+ Về tám năm kháng chiến chống Pháp “mẹ cùng cha công tác bận không về” bà vừa là cha, vừa là mẹ.

+ Về những năm tháng tuổi thơ, về một thời cháu cùng bà nhóm lửa, được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà:

*“Cháu ở cùng bà, bà kể cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”*

Các động từ: “bảo, dạy, chăm” đã diễn tả sâu sắc tấm lòng bao la, sự chăm chút, nâng niu của bà đối với đứa cháu nhỏ. Các từ “bà” – “cháu” được điệp lại bốn lần, đan xen vào nhau như gợi tả tình bà cháu quấn quýt, yêu thương.

=> Bà vừa là bà, vừa là sự kết hợp cao quý giữa tình cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.

\* Tình yêu sự kính trọng bà của người cháu được thể hiện thật chân thành, sâu sắc qua câu thơ:

*“Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”*

- Hình ảnh con chim tu hú xuất hiện ở cuối khổ thơ với câu hỏi tu từ là một sự sáng tạo độc đáo của Bằng Việt nhằm diễn tả nỗi lòng da diết của mình khi nhớ về tuổi thơ, về bà:

*“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”*

+ Gợi hình ảnh chú chim đang lạc lõng, bơ vơ, côi cút ngao ngán được ấp ủ, che chở.

+ Đứa cháu được sống trong tình yêu thương, đùm bọc của bà đã chạnh lòng thương con tu hú. Và thương con tu hú bao nhiêu, tác giả lại biết ơn những ngày được bà yêu thương, chăm chút bấy nhiêu.

=> Trong khi hồi tưởng về quá khứ, người cháu luôn thể hiện nỗi nhớ thương vô hạn và lòng biết ơn bà sâu nặng

**c. Những kỉ niệm thời bom đạn chiến tranh**

Từ trong khói lửa của cuộc chiến tranh tàn khốc, người bà càng sáng lên nhiều phẩm chất đẹp:

*“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh”*

- Hình ảnh “cháy tàn cháy rụi” gợi sự tàn phá, hủy diệt khủng khiếp của chiến tranh.

- Trước hiện thực khó khăn, ác liệt ấy, bà vẫn mạnh mẽ, kiên cường không kêu ca, phàn nàn. Điều đó được thể hiện qua lời dặn dò của bà đối với cháu:

*“Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:*

*Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo ở nhà vẫn được bình yên!”*

+ Bà đã gồng mình, lặng lẽ gánh vác mọi lo toan để các con yên tâm công tác

+ Bà không chỉ là chỗ dựa vững chắc cho hậu phương mà còn là điểm tựa vững chắc cho tiền tuyến.

=> Bà đã góp phần làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam vốn giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh.

**c. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa**

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, đùm bọc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa.

**c.1. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa**

Trong bài thơ, trên dưới mười lần tác giả nhắc đến bếp lửa và hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh người bà, với vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại và đầy yêu thương. Và đến đây, tác giả đã dành một khổ thơ để nói lên những suy ngẫm về bếp lửa:

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một bếp lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngon lửa chứa niềm tin dai dẳng...”*

- Hình ảnh bếp lửa ở dòng thơ đầu là hình ảnh tả thực về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà.

- Từ hình ảnh “bếp lửa” hữu hình, tác giả đã liên tưởng đến “ngọn lửa” vô hình “lòng bà luôn ủ sẵn” với ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

+ Bếp lửa bà nhóm lên không chỉ bằng những nguyên liệu bên ngoài mà còn bằng chính ngọn lửa trong lòng bà – ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin vô cùng “dai dẳng”, bền bỉ và bất diệt.

+ Ngọn lửa bền bỉ và bất diệt ngày ngày bà nhóm cũng chính là nhóm niềm vui, niềm tin, niềm yêu thương để nâng đỡ cháu trên suốt những chặng đường dài.

+ Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

=> Chính vì cảm nhận, thấu hiểu được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc kia một sự kì diệu và thiêng liêng, nhà thơ đã thốt lên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

- Các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của những người phụ nữ Việt Nam.

- Điệp ngữ - ẩn dụ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động, tự hào.

=>Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác giả đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì.

**c.2. Những suy ngẫm về bà và cuộc đời bà.**

\* Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa. Bà là người nhóm lửa, cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và tỏa sáng. Để rồi mỗi khi nhớ lại, người cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm”*

- Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “mấy chục năm” đi liền với từ láy tượng hình “lận đận” và hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những lận đận, gian nan, vất vả của bà .

- Thời gian có thể trôi, mọi sự có thể biến đổi, song chỉ duy nhất một sự bất biến: Suốt cả một cuộc đời lận đận, vất vả, bà vẫn “giữ thói quen dậy sớm” để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu

=> Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng thiết tha

\* Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khẳng khiu, gầy guộc, mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu “ấp iu nồng đượm” đối với cháu:

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

- Điệp từ “nhóm” được nhắc lại bốn lần, đan kết với những chi tiết tả thực mang đến nhiều ý nghĩa và liên tưởng khác nhau:

+ “Nhóm bếp lửa”, “nhóm nồi xôi gạo” là hình ảnh tả thực công việc của bà

+ “Nhóm niềm yêu thương”, “nhóm dậy cả những tâm tình” là hình ảnh ẩn dụ về công việc thiêng liêng và cao quý nhất của con người. Bà đã khơi dậy trong tâm hồn cháu và những người xung quanh niềm yêu thương, sự chia sẻ.

=> Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Khổ thơ như một sự tổng kết để ngợi ca, khẳng định về bà : Bà là người phụ nữ tần táo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người.

**d. Nỗi nhớ bà và bếp lửa**

\* Nỗi nhớ bà và bếp lửa gợi lên một thực tại, người cháu năm xưa đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chắp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng lớn:

*“Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu,*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:*

*Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

- Dòng thơ đầu được ngắt thành hai câu để gợi sự chảy trôi của thời gian (từ 4 tuổi, 8 tuổi đến trưởng thành); gợi sự biến đổi của không gian (từ căn bếp của bà đến những khoảng chân trời rộng lớn)

- Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ.

- Điệp từ “có” kết hợp với thủ pháp liệt kê:

+ Cho thấy người cháu đã có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tìm được bao niềm vui mới.

+ Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, tấm lòng đùm bọc, ấp iu của bà. Ngọn lửa ấy đã thành kỉ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài.

=> Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ thuở ấu thơ, để rồi như chắp cánh để mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời.

**3. Đánh giá nghệ thuật:** bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, ***cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu.***

**III. Kết bài :**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân.

**Đề 1: Cảm nhận về người bà trong bài thơ «  Bếp lửa » của Bằng Việt**

**1. Mở bài**

Từ xưa đến nay hình tượng người phụ nữ Việt Nam đã đi vào rất nhiều tác phẩm thơ ca và không thể không thể kể đến bài thơ « Bếp Lửa » của Bằng Việt. Bài thơ « bếp lửa » đã xây dựng hình tượng người bà đó là sự kết tinh của những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam :tần tảo, lam lũ, giàu đức hi sinh, tinh thần chịu đựng và yêu thương con cháu vô bờ bến.

**2.Thân bài**

 **\*Khái quát:** Bài thơ « Bếp lửa » được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật tại Liên Xô cũ. Bên này nỗi nhớ thương bà, bên kia là đứa cháu hiếu thảo tình nghĩa. Nỗi nhớ gợi về kỉ niệm. Trong muôn vàn kỷ niệm thì có lẽ nhớ thương nhất là hình ảnh người bà và bếp lửa mà bà nhóm nên mỗi buổi sớm mai.  Theo dòng hoài niệm những mảng kí ức cứ hiện về, ta thấy hình ảnh một bếp lửa đang cháy và dáng bà đang lặng lẽ ngồi bên. Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa.

**1. Trong ánh lửa chập chờn ta thấy hình ảnh bà hiện lên trong dáng vẻ lam lũ, cuộc sống đói nghèo, đất nước có chiến tranh.**

 « Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa »

« Nắng mưa » là hình ảnh ẩn dụ chỉ những gian nan, vất vả của cuộc đời bà, đầy gian truân, vất vả nhiều lận đận trải qua nhiều « nắng mưa » tưởng như không bao giờ dứt. Cuộc đời bà còn gắn với những thăng trầm của lịch sử. Đó là nạn đói năm 1945 khiến hàng vạn người chết đói.

«  Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

 Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy »

 Thành ngữ « đói mòn, đói mỏi » cho thấy cái đói kéo dài kiệt sức.

**2. Bà con là người yêu thương con cháu vô bờ bến, có ý thức trách nhiệm với vận mệnh đất nước**. Khi đất nước có chiến tranh bà lẳng lặng thay con nuôi cháu hai con nuôi cháu, để con bà phục vụ kháng chiến. Trong suốt 8 năm ròng bà đã vượt lên khó khăn, gian khổ sưởi ấm lòng cháu bằng ngọn lửa của tình yêu thương.

 « Tám năm rồng cháu cũng ba nhóm lửa

 Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

  Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học »

 Các từ ngữ : « bà dạy, bà bảo, bà chăm » đã diễn ra một cách thấm thía, sâu sắc tấm lòng của bà tình yêu thương của bà bao la, sự chăm chút của bà với một đứa cháu nhỏ. Các từ « bà, cháu » được lặp đi lặp lại gợi tả tình bà cháu quấn quýt thiêng liêng và là chỗ dựa vững chắc cho cháu. Ở bà có sự kết hợp cao quý giữa công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy. Chính vì thế mà cháu nhớ về bà với tấm lòng thành kính.

3. Sống trong cuộc sống đói nghèo, trong hoàn cảnh đất nước khó khăn, thiếu thốn, trong cảnh đất nước có chiến tranh, có mỗi lo giặc tàn phá xóm làng.

 « Năm giặc đốt làng chạy tàn, cháy rụi »

 Nhưng bà vẫn vượt qua với một nghị lực bền vững. Lời dặn của bà với cháu nôn nao, chân thực và cảm động:

  « Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh linh

  Bố ở chiến khu, bố còn việc bố

 Bố mày có viết thư chớ kể này, kể nọ

 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên »

Bà dặn cháu đừng kể khó khăn, thiếu thốn hai bà cháu, xóm làng, quê hương đã phải chịu đựng để bố yên tâm công tác. Từ láy «  đinh ninh » càng làm sáng tỏ nghị lực của bà. Bà vẫn vững lòng trước mọi khó khăn, thử thách làm tròn nghĩa vụ của người hậu phương để người ở tiền tuyến yên tâm công tác. Lời dặn dò trực tiếp của bà với cháu không chỉ giúp ta hình dung rõ ràng giọng nói, tình cảm, suy nghĩ của bà mà lời dặn dò còn sáng lên những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam : bình tĩnh, tự tin, âm thầm chịu đựng giàu đức hi sinh và luôn vững tin trong những ngày gian khổ nhất.

 Ở bài thơ « Bếp lửa » hình ảnh người bà còn nổi bật với tấm lòng yêu thương mênh mông. Bà là người phụ nữ mang vẻ đẹp của tình đoàn kết xóm làng. Bà đã tạo được tình cảm tốt đẹp với những người xung quanh.Bà đã «  Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui », tạo tình làng nghĩa xóm. Và chính những người hàng xóm, láng giềng là những người giúp đỡ bà khi có những biến cố xảy ra.

 Cao hơn nữa ở bà có tình yêu đất nước sâu sắc. Vì muốn các con yên tâm công tác, làm tròn nhiệm vụ với đất nước, bà đã dặn cháu không được kể những khó khăn mà hai bà cháu ở nhà phải trải qua.

 **4. Không những vậy bà còn là người tần tảo,chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh, chăm lo cho mọi người của bà được tác giả thể hiện một cách chi tiết và tiêu biểu:**

*« Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm »*

 Thời gian trôi đi mấy chục năm rồi hình ảnh bà vẫn không có gì thay đổi. « Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm » vẫn chịu thương, chịu khó, cần mẫn,dẻo dai, dịu dàng và khéo léo trong công việc nhóm lửa bếp lửa. Bếp lửa bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên những yêu thương, niềm vui sưởi ấm san sẻ.

*«  Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

 *Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung đôi*

 *Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ. »*

Bà đã nhóm lên, khơi dậy niềm yêu thương những ký ức đẹp đẽ trong cuộc đời « nhóm niềm yêu thương », bà đã truyền hơi ấm tình người, khởi hơi dậy trong tâm hồn cháu tình yêu thương ruột thịt, tình cảm sẻ chia, tình đoàn kết xóm làng và rộng ra hơn nữa là tình yêu quê hương đất nước. « nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui ». Và cũng chính từ công việc nhóm lửa bà đã không sợ những kỉ niệm ấu thơ trong cháu để cháu luôn nhớ về nó và cũng có nghĩa là nhớ về cội nguồn, về dân tộc mình «  Nhóm dạy cả những tâm tình tuổi nhỏ ». Bếp lửa không chỉ được bà nhen lên bằng nhiên liệu ở bên ngoài, mà còn nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà bằng ngọn lửa của sự sống, tình yêu thương và niềm tin.

*« Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng »*

 Ngọn lửa đã tỏa sáng chân dung người bà, là biểu tượng của sự sống bất diệt như thế bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn truyền lửa, ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

**\*Đánh giá:** Hình ảnh người bà hiện lên trong bài thơ «  Bếp lửa » qua thơ tám chữ : sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng cảm xúc thông qua sự hồi tưởng kết hợp giữa tả tự sự và bình luận.

**3. Kết bài**

  Bài thơ « Bếp lửa » đã hiện lên hình ảnh người bà – Người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương. Hình ảnh người bà đã đã sinh thành, nhen nhóm, duy trì sự sống. Bà đã nuôi cháu khôn lớn giữa muôn vàn khó khăn, đã cho con đi chiến đấu vì đất nước, vì dân đã âm thầm vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn của cuộc sống chiến tranh với một niềm tin và hi vọng. Bà là biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Chính những người như bà đã làm nên cuộc sống tươi đẹp hơn cho quê hương, đất nước.

**Đề 2: Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ “Bếp Lửa” của Bằng Việt**

  *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*… Ôi kì lạ thiêng liêng Bếp Lửa*

**1. Mở bài**

  Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà khai thác những kỷ niệm và ước mơ của tuổi trẻ rất gần gũi với bạn đọc trẻ. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Bếp Lửa”. Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang học ngành luật tại Liên Xô cũ tiêu biểu là đoạn thơ:

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng Bếp Lửa”*

 Đoạn thơ là những suy ngẫm của cháu về người bà và cuộc đời của bà

**2. Thân bài**

1.Đoạn trước hết đoạn thơ diễn tả những suy ngẫm của cháu về cuộc đời bà. Cháu hiểu rằng cuộc đời bà là cuộc đời đầy gian truân, vất vả.

*“ Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”*

 Từ láy “lận đận” gợi một cuộc đời vất vả, gian truân. “ Nắng mưa” là hình ảnh ẩn dụ chỉ Những gian lao vất vả của cuộc đời bà. Và đây là lần thứ hai nhà thơ nhắc tới hình ảnh “nắng mưa”. Cuộc đời bà đã trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, nạn đói năm 1945 đất nước có chiến tranh, mối lo giặc tàn phá, bà cùng cháu sống trong sự côi cút, quạnh hiu. Cuộc đời bà đầy gian truân, vất vả nhiều lận đận, trải qua nhiều “nắng mưa” tưởng như không bao giờ dứt.

2. Từ suy ngẫm về cuộc đời bà, người cháu suy ngẫm về bà. Ngẫm về người bà cháu nhận ra rằng dù chỉ trong khó khăn, gian nan, vất vả người bà vẫn sáng lên những vẻ đẹp cao quý. Nổi bật ở người bà là sự tần tảo, đức hi sinh, chăm lo cho mọi người. Điều đó được nhà thơ thể hiện trong một trong một chi tiết tiêu biểu:

*“ Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm”*

 Thời gian trôi đi “mấy chục năm rồi” hình ảnh người bà vẫn không có gì thay đổi. Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm. Bà cần mẫn lo toan, chịu thương, chịu khó, thức khuya dậy sớm vì miếng cơm manh áo của cháu và con trong gia đình. Bà vẫn cần mẫn, dẻo dai, dịu dàng và khéo léo trong công việc nhóm lửa:

  *“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm”*

 Đến đây ta lại bắt gặp sự trở lại của từ “ấp iu”. Đây là cách sử dụng rất sáng tạo của nhà thơ “ấp iu” là từ ghép tạo bởi hai từ ấp ủ và nâng niu gợi sự cẩn thận, kiên nhẫn, gợi bàn tay khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa- người bà.

Ngẫm về bà, người cháu còn thấy bà là người giàu lòng yêu thương, che chở nâng niu, bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa.

  *“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

 *Nhóm cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

 Trong bốn câu thơ từ “nhóm” được nhắc lại 4 lần và đứng ở đầu câu mang ý nghĩa khác nhau. Đã bồi đắp cao dần trong tư tưởng, tình cảm, trong hành động của bà từ “nhóm Bếp lửa” là hành động làm cho ngọn lửa cháy lên, bén lên. Hình ảnh “bếp lửa” hoàn toàn có thật, có thể cảm nhận bằng mắt thường. Đó là một cái bếp lửa rất bình dị của làng quê Việt Nam. Còn “nhóm niềm yêu thương, nhóm nồi xôi, nhóm tâm tình tuổi nhỏ” lại mang một ý nghĩa ẩn dụ: Bà đã nhóm lên, khơi gợi niềm yêu thương, những ký ức đẹp trong cuộc đời mỗi con người nhóm niềm yêu thương, sẻ chia tình đoàn kết xóm làng và rộng hơn nữa là tình yêu quê hương, đất nước “Nhóm nồi xôi gạo xẻ mới chia vui” và cũng chính từ công việc nhóm lửa bà đã khơi dậy những ký ức đẹp của thời thơ ấu trong cháu để cháu luôn nhớ về nó. Và cũng có nghĩa là nhớ về cội nguồn dân tộc mình, nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ. Hình ảnh “bếp lửa” đơn sơ, giản dị mang ý nghĩa khái quát đã trở thành kỷ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà hiểu thêm dân tộc mình, nhân dân mình. Hình ảnh bà luôn gắn bó với hình ảnh bếp lửa hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh người bà- người phụ nữ Việt Nam muôn thuở với vẻ đẹp nhẫn lại đầy yêu thương. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, bếp lửa là tay bà chăm chút, bếp lửa gợi sự khó khăn gian khổ của đời bà. Ngày ngày bà nhóm nên” bếp lửa” cũng là nhóm lên niềm vui, sự sống, niềm yêu thương, chi chút dành cho con cháu và cho mọi người. Chính vì thế nhà thơ đã cảm nhận được hình ảnh bếp lửa giản dị, thân thương và kỳ diệu thiêng liêng.

  “ Ôi kì lạ và thiêng liêng Bếp Lửa”

 Câu cảm thán, với giọng điệu trữ tình đã thể hiện sâu sắc hình ảnh của người cháu vượt lên trước hình ảnh người bà. Như vậy từ những ngọn lửa của bà cháu nhận ra niềm tin dai dẳng về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của cả dân tộc vất vả, gian lao và nghĩa tình.

 Đoạn thơ sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Đoạn thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, biểu cảm, bình luận. Giọng thơ và thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc và suy ngẫm.

**3. Kết bài**

  Qua suy ngẫm hồi tưởng và tình cảm của người cháu đã trưởng thành, đoạn thơ đã thể hiện cảm xúc động về bà và tình bà cháu. Qua đó thể hiện lòng kính yêu, tôn trọng, biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là cháu với quê hương, đất nước. Đoạn thơ chứa đựng một triết lí thầm kín: Nững gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài của cuộc đời mỗi con người.

**ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ BÀI THƠ «  BẾP LỬA » CẢ BÀI (TÁCH ĐOẠN)**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả và bài thơ Bếp lửa

 **Cách 1:** Quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng đề tài bất tận cho nhiều tác giả để viết lên những thi phẩm nổi tiếng. Trong đó có nhà thơ Bằng Việt với bài thơ nổi tiếng «  Bếp lửa ». Qua sự hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu «Bếp lửa» đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng như đối với gia đình, quê hương, đất nước. Đặc biệt những kỉ niệm về tuổi thơ đầy gian khó khi được ở bên bà, được bà chăm sóc, yêu thương đã được Bằng Việt thể hiện qua khổ thơ…

 **Cách 2 :** Trong mỗi mái ấm gia đình, trong nỗi nhớ da diết của tuổi thơ. Hình ảnh người bà luôn là hình ảnh đẹp nhất, lưu lại ấn tượng sâu đậm nhất trong trái tim mỗi con người. Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với một hồn thơ trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm và ước mơ của tuổi trẻ rất gần gũi với bạn đọc trẻ. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Bếp Lửa” được sáng tác 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật tại Liên Xô. Qua những dòng hồi tưởng và suy ngẫm của mình bài thơ đã gợi lên những kỉ niệm xúc động về tình bà cháu, niềm thương nhớ và kính yêu của cháu đối với bà và đó cũng chính là mạch nguồn cảm xúc cho tình yêu quê hương đất nước, tình yêu tổ quốc phôi thai hình thành và phát triển. ( Nếu là đoạn thơ khái quát về nội dung đoạn thơ đó)

**II. Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

 Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây **-** Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

1. **Cảm nhận đoạn thơ**

**\* Luận điểm 1: Hình ảnh bếp lửa và cảm xúc về bà**

**a. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn dòng kỉ niệm**

Bài thơ được bắt đầu bằng hình ảnh bếp lửa **-** một hình ảnh rất đỗi quen thuộc, bình dị ở mỗi làng quê Việt Nam:

*« Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa! »*

Ba tiếng **“**một bếp lửa**”** láy đi láy lại, trở thành điệp khúc da diết ngay từ những dòng thơ đầu tiên. Bếp lửa được nhóm lên vào buổi sáng sớm, lung linh, mờ tỏ. Hình ảnh ấy gợi cái ấm áp giữa “chờn vờn sương sớm”, gợi cái thân thương với biết bao “ấp iu nồng đượm”. Từ láy “chờn vờn” giúp ta hình dung được ngọn lửa bập bùng, lay động, khi tỏ khi mờ; từ láy “ấp iu” không chỉ diễn tả thật chính xác công việc nhóm lửa mà còn gợi liên tưởng tới đôi bàn tay kiên trì, khéo léo và tấm lòng ấm áp, đôn hậu của người nhóm lửa.

Từ hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên, dòng hồi tưởng về bà chợt ùa về:

 *“Cháu thương bà biết mấy nắng* *mưa”*

Hình ảnh ẩn dụ “ Nắng mưa” chỉ những gian lao vất vả của cuộc đời bà. Và đây là lần thứ hai nhà thơ nhắc tới hình ảnh “nắng mưa”. Cuộc đời bà đã trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, nạn đói năm 1945 đất nước có chiến tranh, mối lo giặc tàn phá, bà cùng cháu sống trong sự côi cút, quạnh hiu. Cuộc đời bà đầy gian truân, vất vả nhiều lận đận, trải qua nhiều “nắng mưa” tưởng như không bao giờ dứt. Khổ thơ đầu kết thúc trong cảm xúc của người cháu. Cảm xúc ấy bật ra bằng một chữ “thương”, nó lan toả trong câu thơ và thấm sâu vào lòng người đọc. Cả bài thơ có hai chữ “thương”, Bằng Việt đã dành trọn để “thương bà” (Cháu thương bà biết mấy nắng mưa, Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc). “Biết mấy nắng mưa”, chỉ 4 chữ đã gợi ra hình ảnh của bà với bao lo toan, vất vả, lặng lẽ, âm thầm. Người cháu hiếu thảo cũng đôi lần nhắc lại: *“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”* - nỗi vất vả nhọc nhằn của bà trở thành nỗi ám ảnh day dứt khôn nguôi trong lòng cháu suốt đời. Hình ảnh người bà hiện lên trong tâm trí tác giả rất nhẹ nhàng, sâu lắng, mỗi lúc một rõ ràng và trở thành hình ảnh trung tâm trong các khổ thơ tiếp theo.

**\* Luận điểm 2 : Hồi tưởng của người cháu và những kí ức tuổi thơ bên bà**

 **a. Kỉ niệm về những năm tháng sống bên bà**

**\*Kỉ niệm về nạn đói năm 1945**

Ký ức hiện lên từ một khoảng thời gian rất xa đó là khi cháu lên bốn tuổi.Theo dòng hồi tưởng ấy, Bằng Việt trở về với những năm tháng tuổi thơ thiếu thốn, nhọc nhằn ám đầy mùi khói :

*« Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,*

Câu thơ gợi lại cả một tuổi thơ nhọc nhằn, gian khổ. Tuổi thơ ấy có bóng đen ghê rợn của nạn đói khủng khiếp năm 1945. Bởi vậy, gây ấn tượng mạnh mẽ với cháu là cái đói, cái nghèo. Cái đói dai dẳng và mòn mỏi khắp chốn thôn quê. Thành ngữ “đói mòn đói mỏi” – cái đói kéo dài làm mỏi mệt, kiệt sức, con ngựa gầy rạc cùng với người bố đánh xe chắc cũng gầy khô…Giọng thơ trĩu xuống, nao nao lòng người đọc. Nhà thơ Chế lan Viên từng viết: “Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ” (Chế Lan Viên). Trong túp lều tranh chỉ có bà và cháu. Hoàn cảnh sống vất vả, khó khăn nhưng cháu luôn có bà bên cạnh. Câu thơ vừa phản ánh chân thực cuộcsống, vừa gợi những xúc cảm thật sâu sắc và đậm nétcủa người trong cuộc.

\*Chuyển ý:  Kỷ niệm cháu nhớ nhất là mùi khói bếp: Cháu nghĩ là mùi khói bếp của nhà nghèo điều này càng nhấn mạnh thêm về cuộc sống vất vả khó khăn của hai bà cháu.

*« Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*. »

*“Khói hun nhèm mắt”* là khói từ củi ướt cay xè từ bếp lửa nhà nghèo. Nhà thơ đã lựa chọn được mộtchi tiết sát thực để vừa miêu tả được chân thực cuộc sống tuổi thơ, vừa diễn tả được những xúc động bâng khuâng, da diết: *“Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”.* “*Còn cay*” là còn nguyên nỗi xúc động. Cảm xúc hiện tại và kỉ niệm năm xưa đồng hiện, hoà lẫn vào nhau. Hai dòng thơ rất thực mà tràn ngập cảm xúc. Thơ Bằng Việt có sức truyền cảm mạnh mẽ nhờ ở những chi tiết, ngôn từ giản dị mà chân thực. Cái “bếp lửa” kỉ niệm của ông mới chỉ khơi lên, thoang thoảng mùi khói, mờ mờ sắc khói mà đã đầy ắp những hình ảnh hiện thực, thấm đẫm bao tình nghĩa sâu nặng.

 **\*Kỉ niệm về 8 năm sống cùng bà và âm thanh tiếng chim tu hú**

 Và như một thước phim quay chậm, những kỉ niệm gắn liền với hình ảnh người bà ùa về trong kí ức của người cháu:

*« Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế ! »*

Giặc đói chưa qua thì giặc ngoại xâm tràn tới. Gia đình li tán “*Mẹ cùng cha công tác bận không về*”, cháu lại gắn bó cùng bà. *“Tám năm ròng”* con số không lớn, những ngày tháng sao kéo dài nặng nề, ròng rã thế! Vì *“Những ngày ở Huế”* ấy, cuộc sống gia đình thật quạnh vắng, chỉ có hai bà cháu cặm cụi bên nhau, nhóm lửa mỗi sớm, mỗi chiều trong tiếng tu hú kêu da diết. Nếu trong hồi ức lúc tác giả lên bốn tuổi, ấn tượng đậm nét nhất là mùi khói thì ở đây, ấn tượng ấy là tiếng **chim tu hú**. Tiếng chim tu hú gợi ra cả một không gian trống vắng, khơi sâu thêm cái cảm giác quạnh vắng, cô đơn. Trên cái nền hoang tàn vì khói lửa chiến tranh, giữa cái âm thanh khắc khoải bồn chồn của tiếng chim tu hú, hai bà cháu nương tựa vào nhau để duy trì cuộc sống.Tiếng chim tu hú vang lên vừa gợi lại trong tâm hồn tác giả bao kỉ niệm khó quên, vừa dấy lên nỗi nhớ quê hương, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bếp lửa.

Tiếng chim tu hú - âm thanh quen thuộc của đồng quê mỗi độ hè về, để báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cành.Tiếng chim tu hú như giục giã, như khắc khoải điều gì tha thiết lắm, khiến lòng người trỗi dạy những hoài niệm nhớ mong. Tiếng tu hú gợi nhớ, gợi thương:

 Về tám năm kháng chiến chống Pháp “mẹ cùng cha công tác bận không về” bà vừa là cha, vừa là mẹ.

*\* Liên hệ mở rộng:* Thương con tu hú bơ vơ mới càng thêm thấm thía cái ơn được bà yêu thương, chắm chút, đùm bọc. Nhà thơ Anh Thơ cũng từng đồng điệu với những cảm xúc ấy:

*“Con đi dài thương nhớ
Mười năm chưa về quê
Tu hú ơi tu hú
Kêu chi hoài vườn xanh?”*

Giọng thơ thủ thỉ như giọng kể của một câu chuyện cổ tích. Đưa âm thanh đồng nội ấy vào trong thơ, thi sĩ Bằng Việt quả có một tâm hồn gắn bó sâu nặng với quê hương, xứ sở. Trong những cung bậc khác nhau của tiếng chim tu hú, tình cảm của người cháu mỗi lúc một thiết tha và hình ảnh người bà dần hiện rõ:

*« Mẹ cùng cha công tác bận không về*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học »*

Tình thương của bà là sự bảo ban, chăm sóc không khác gì công ơn sinh thành và nuôi dưỡng. Một loạt các từ ngữ *“bà bảo”,”bà dạy”,”bà chăm”* vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Đối với tác giả, bà chính là mẹ, là cha, là người thầy dạy dỗ cháu nên người. Bà là người chăm chút cho cháu từ cái ăn, cái mặc đến việc học hành. Bà dạy cháu những bài học quý giá về đạo làm người, dạy cho cháu niềm tự hào về dân tộc ta, một dân tộc bất khuất, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù để bảo vệ quê hương Việt Nam. Các câu thơ ngắn, liệt kê diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng yêu thương, chăm chút, tỉ mỉ, ân cần mà bà đã dành cho cháu, nuôi cháu lớn khôn, soi sáng trí tuệ và tâm hồn của cháu. Sống trong tình yêu thương, chở che của bà, cháu ơn bà biết bao, nên những dòng thơ cứ bật ra thật tự nhiên mà cảm động: *“thương bà khó nhọc*”.

Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc:

“*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”*

Chỉ một mình chữ “*thương*” thôi cũng đã đủ gói ghém tất thảy tình yêu thương, sự kính trọng và niềm biết ơn sâu nặng mà người cháu dành cho bà của mình.Đối với cháu, bà và tình yêu thương sâu lắng của bà dành cho cháu sẽ luôn là một chỗ dựa tinh thần vững chắc, là điểm tựa của tâm hồn cháu mỗi khi cháu gặp thất bại, khó khăn. Đến tận bây giờ, dù đang du học nơi xứ người, đang đứng dưới trời tiết giá lạnh, cháu vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình yêu thương, của sự vỗ về, chăm sóc của bà. Càng nghĩ về bà, cháu lại càng thương bà hơn. Thương bà ở một mình dưới túp lều tranh xiêu vẹo, thương bà mỗi ngày một mình nhóm lửa, lòng luôn cầu mong đứa cháu được bình an. Từ tình yêu thương sâu sắc của mình dành cho bà, tác giả quay sang khẽ trách con chim tu hú, ẩn sau lời trách cứ nhẹ nhàng ấy là bao nỗi nhớ thương. Bây giờ là thương bà cô đơn, quạnh vắng...

 *« Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa »*

Câu hỏi tu từ “*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà/Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”* như một lời than thở thật tự nhiên, cảm động vô cùng chân thật, thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu. Những câu thơ giống như lời đối thoại tâm tình của và bà trò chuyện trong tâm tưởng. Tất cả như lời giãi bày, tâm sự của cháu dành cho bà. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến bài thơ như phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong truyện cổ tích.

**c. Đánh giá: NT+ ND của ba khổ thơ đầu (khổ 1,2,3)**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, bốn khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**( Hết đề 1 - làm kết bài nếu là đoạn thơ)**

**a. Nhắc lại nội dung của 3 khổ thơ trước ( Nếu là đề cảm nhận khổ 4+5)**

 Ở 4 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, Bằng Việt đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ tiếp theo.

**b. Kỉ niệm về những năm chiến tranh tàn phá**

*\* Chuyển ý :* Trong những năm đất nước có chiến tranh, những khó khăn, ác liệt, biết bao nhiêu đau thương mất mát vẫn luôn in sâu trong tâm trí của người cháu. Và có một kỉ niệm trong hồi ức mà người cháu chẳng bao giờ quên được dù đã lớn khôn. Tuổi thơ của cháu còn lớn lên trong cảnh hoang tàn đau thương, tang tác, trong khói lửa chiến tranh. Quê hương, xóm làng bị giặc tàn phá:

*« Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh »*

 - Cuộc kháng chiến diễn ra ngày càng ác liệt, vì thế cuộc sống của hai bà cháu đã vất vả cơ cực lại càng khó khăn hơn. Giặc càn quét, đốt làng, đốt xóm và gia sản cuối cùng của bà cháu bị lửa thiêu rụi. Song càng trong hoàn cảnh gian khó cháu vẫn luôn có bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất. Câu thơ với động từ “cháy” được lặp lại, từ ghép “tàn rụi” được tách ra khiến hiện thực thời chiến không chỉ lấp đầy câu thơ mà còn tràn ngập khắp không gian ký ức. Trong từ láy “lầm lụi” hiện lên dáng hình của những con người chịu nhiều đau thương, mất mát, làm cả câu thơ như trĩu xuống.

- Bà là người giàu tình yêu thương và đức hi sinh vì con cháu, vì đất nước bà nhận hết về mình phần gian khổ.

 - Bà là người phụ nữ có nghị lực sống mạnh mẽ, phi thường.

=> Qua dòng hồi tưởng của cháu về những ký ức và kỷ niệm đẹp bên bà, ta cảm nhận được nét đẹp đáng quý trong tâm hồn bà, bà là người chịu thương, chịu khó, tần tảo. Vẻ đẹp của bà vừa mang vẻ đẹp truyền thống ngàn đời của người phụ nữ Việt Nam và lấp lánh ánh sáng vẻ đẹp của những người bà, người mẹ trong những năm kháng chiến vẻ đẹp của thời đại Hồ Chí Minh.

*\* Liên hệ mở rộng :* Chiến tranh đã gây ra bao đau thương, mất mát, tàn phá khắp mọi nơi trên đất nước ta, cướp đi của con người tất cả mọi thứ. Chính chiến tranh đã gây nên bi kịch của tình cha con trong “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, khơi dậy những vần thơ vang tiếng căm thù của những nhà thơ cách mạng… Nhưng với Bằng Việt, cũng từ đó mà ông mới cảm nhận được vẻ đẹp trong góc khuất của tâm hồn bà.

*Chuyển ý* : Mạch Thơ đi từ hồi tưởng trở về thực tại, cháu bộc lộ suy nghĩ về công việc nhóm bếp của bà, để thấm thía ngọn lửa của tình yêu thương trong tâm hồn bà dành cho cháu, dành cho gia đình quê hương đất nước.

*« Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh :
Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !”*

Lời dặn của bà giản dị nhưng chất chứa biết bao tình cảm. Bà không muốn người con ở chiến khu biết được việc ở nhà mà ảnh hưởng đến công việc trong quân ngũ. Đó phải chẳng là phẩm chất cao quí của những người mẹ Việt Nam anh hùng trong chiến tranh. Gian khổ, thiếu thốn và bao nỗi nhớ thương bà đều phải nén vào trong để làm yên lòng người nơi tiền tuyến. Bà lặng lẽ hi sinh cho con, cho cháu và cho đất nước. Có thể nói thắng lợi của cuộc kháng chiến không chỉ là sự đóng góp trực tiếp của những người lính trên mặt trận tiền tuyến mà còn có cả sự đóng góp lớn lao của những người phụ nữ ở hậu phương. Vì thế, hình ảnh bà trở thành biểu tượng của những người phụ nữ Việt Nam cần cù, nhẫn nại, giàu đức hi sinh.

+ Tác giả **-** và cũng là đứa cháu **-** đã thật tinh tế và nhạy cảm khi thể hiện được hạt ngọc ẩn kín trong tâm hồn người bà. Bà không còn là của riêng Bằng Việt nữa mà đã hòa cùng vào biết bao người phụ nữ Việt Nam khác, những con người cần mẫn, giàu đức hy sinh, là chỗ dựa tinh thần lớn lao cho tiền tuyến, góp một phần vô cùng quan trọng vào chiến thắng chung của nhân dân. Mạnh mẽ là vậy nhưng trong hình ảnh bà vẫn có cái hồn giản dị, tự nhiên vốn có.

+ Trong suốt cả bài thơ, chỉ có ở ba câu thơ cuối khổ bốn người đọc mới được tiếp xúc trực tiếp với bà. Với cách nói bình dị, mộc mạc (“kể này, kể nọ”, “cứ bảo”…), bà hiện lên thật gần gũi, thân thương, khiến ta có cảm giác như được nghe tiếng nói của chính bà mình vậy. Ngay cả cái cách bà gọi cháu là “mày” cũng thể hiện một sự thương yêu, trìu mến vô bờ, một cách gọi vô cùng dân dã.

=>Những câu thơ không cầu kì, gọt giữa hay có nghệ thuật đặc biệt gì cả, chỉ giản dị đến chân thành như lời nói của bà. Nhưng từ đó, tấm lòng người bà ấy hiện lên mênh mông như biển cả, lặng sóng thôi nhưng bát ngát tình thương con thương cháu và sâu thẳm với một nghị lực vô cùng bền vững.

**c. Hình ảnh bếp lửa chuyển thành ngọn lửa tinh thần**

 *Chuyển ý* : Sau những đoạn thơ hồi tưởng về thời ấu thơ được sống cùng bên bà của mình, người cháu tiếp tục suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời của bà qua hình ảnh bếp lửa:

 *« Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng… »*

+ “Rồi sớm rồi chiều” ẩn chứa cả một dòng thời gian âm ỉ, dai dẳng mang theo cả cuộc đời bà, mang theo bao tâm tình của đứa cháu phương xa.

+ Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả đã nâng lên thành “ngọn lửa” mang ý nghĩa khái quát, tượng trưng. “Bếp lửa” với những ấm áp, giản dị của tình cảm gia đình, của tình bà cháu đã bùng lên thành “ngọn lửa” của niềm tin và sức sống cho các thế hệ mai sau. Hình ảnh ấy được lặp lại hai lần trong điệp từ “một ngọn lửa” càng khẳng định đó chính là cội nguồn của bao yêu thương, của những tần tảo hy sinh nơi bà. Trong hình ảnh “lòng bà luôn ủ sẵn”, người đọc cảm nhận được một ngọn lửa không bao giờ tắt qua năm tháng, một ngọn lửa bất diệt từ trong chính trái tim bà.

+ Lời thơ thủ thỉ, dịu êm mà sao tiếng lòng của thi sĩ như có sức mạnh thần kì làm người đọc thấy trong tim mình như có lửa bùng lên. Từ láy “dai dẳng” như càng tiếp thêm cho sự bền bỉ, lan tỏa của hình ảnh ấy. Đến nỗi tới bây giờ “ngọn lửa chứa niềm tin ấy” vẫn còn cháy trong cháu, mang theo bao cảm xúc không thể nói hết được mà phải dùng đến một dấu chấm lửng, để lại bao suy ngẫm trong lòng độc giả. Bà không để lại cho con cháu những giá trị vật chất thông thường mà là một điều quý giá hơn gấp bội: ngọn lửa của sự sống. Khái quát lên, bà là hiện thân cho vẻ đẹp thiêng liêng của người giữ lửa, truyền lửa.

**3. Đánh giá lại nội dung và nghệ thuật của cả đoạn**

 Có thể nói rằng qua đoạn thơ trên, bằng việc sáng tạo nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt là hình ảnh ngọn lửa; thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm; Bằng Việt đã để lại trong người đọc chúng ta tình bà cháu vô cùng cao đẹp. Tình cảm ấy là sự khởi đầu của tình yêu thương con người, tình yêu đất nước. Ngọn lửa của tình bà theo suốt những năm tháng cuộc đời nhà thơ, nuôi dưỡng, ấp ủ, chở che, mang đến cho cháu nghị lực.Ngọn lửa ấy sưởi ấm tấm lòng nhà thơ cũng như mỗi người đọc chúng ta.

**( Hết đề 2 cảm nhận nếu là đoạn thơ viết kết bài)**

**2. Cảm nhận về tình bà cháu trong đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung của khổ 3,4,5**

 Ở những khổ thơ đầu, Bằng Việt đã đưa người đọc đến với những kỉ niệm của ông trong những năm tháng sống bên bà để từ đó bộc lộ tình cảm yêu thương, thấu hiểu cho những vất vả nhọc nhằn mà bà phải trải qua đồng thời bộc lộ lòng biết ơn bởi những gì mà bà đã làm cho cháu. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ thứ 6 khi nhà thơ bộc bạch những suy ngẫm về cuộc đời của bà.

**\* Luận điểm 3: Suy ngẫm của cháu về bà và cuộc đời của bà**

**b. Từ những suy nghĩ về bà, cháu bộc lộ tình yêu thương và biết ơn bà vô hạn**

*« Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa »*

Cháu bộc lộ suy ngẫm về cuộc đời bà qua hình ảnh: “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa” câu thơ sử dụng từ láy gợi hình với hai thanh trắc « lận đận » phép đảo ngữ kết hợp với hình ảnh ẩn dụ biết « mấy nắng mưa » đã diễn tả chân thực cảm xúc của cháu và hình ảnh khó khăn, vất vả, lam lũ của cuộc đời bà. để chỉ những thăng trầm của cuộc sống càng tô đậm thêm sự hy sinh cần mẫn của bà. Trải qua tất cả những khó khăn, thách thức ấy, hình ảnh bà vẫn chưa bao giờ tách rời với hình ảnh bếp lửa. Quả thật cuộc đời bà đã đi cùng đất nước qua những năm tháng gian lao vất vả nhất nạn đói năm 1945, đi cùng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Cháu bộc lộ suy ngẫm về công việc hàng ngày của bà

*“Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*

 *Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm”*

+ Cháu suy nghĩ ở cuộc sống hiện tại đã đỡ phần khó khăn xong bà vẫn «Giữ thói quen dạy sớm » . “Mấy chục năm rồi”, lời thơ kể mà như đếm, gợi lên cả một tuổi thanh xuân, cả một đời bà thức khuya dậy sớm gắn liền với khói bếp cay nồng. Ấy vậy mà trong “thói quen dậy sớm” ta cảm nhận được sự tần tảo, đức hy sinh vẫn nguyên vẹn như thuở nào. Cháu cũng thấm thía và nhận ra bà là người nhân hậu, giàu tình yêu thương, đức hi sinh của bà qua công việc bà làm thường ngày.

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

 *Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt*

 *Nhóm Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

 *Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ.”*

- Điệp ngữ “nhóm” được lặp đi, lặp lại 4 lần ở đầu mỗi câu thơ trong đoạn thơ, kết hợp với biện pháp liệt kê đã lan tỏa và khơi dậy biết bao yêu thương, biết bao rung cảm và xúc động trong lòng người đọc khẳng định công việc nhóm bếp luôn gắn liền với bà, đồng thời gợi ra ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng bà, bà là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả. Khi nhóm lên *"lửa ấp iu nồng đượm",* bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê "*khoai sắn ngọt bùi*", bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. "*Nhóm nồi xôi gạo mới mẻ chung vui",* bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh.Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. + Những năm tháng mà hai bà cháu sống trong sự đùm bọc, san sẻ cùng xóm làng với “nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”. Câu thơ như một lời răn dạy cháu hãy luôn sống chan hòa và biết nghĩ đến mọi người, đừng ích kỉ cho riêng mình. Chính những bài học thầm lặng và gắn liền với cuộc sống ấy đã rọi vào tâm hồn người cháu và thắp sáng những ước mơ, khát vọng.

Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Bà Thực sự là bà tiên luôn tỏa sáng tâm hồn cháu, bà đồng hành cùng cháu trong suốt những năm tháng cơ cực nhất để bao bọc, yêu thương che chở. Với cháu bà chính là gia đình quê hương nhờ có bà cháu mới khôn lớn trưởng thành.

Và ở đấy, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chắp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

+ Chính vì vậy mà tác giả đã thốt lên rằng :

 *“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ” ?*

=> Bà không chỉ thấu hiểu cháu mà còn là tấm gương cho cháu noi theo. Ký ức tuổi thơ tuy không rõ ràng nhưng vẫn ghi dấu từng hình ảnh cụ thể “khoai sắn”, “xôi gạo” và tượng trưng “yêu thương”, “tâm tình” đan xen, quấn quýt vào nhau giữa cuộc sống đời thường và giá trị tinh thần. Bà thì nhóm lửa còn Bằng Việt thì nhóm lên biết bao hoài niệm, khơi dậy bao đợt sóng yêu thương trong lòng người đọc. Hình ảnh người bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa, truyền niềm tin và sức sống cho người cháu. Người bà ấy giản dị nhưng lại có một sức mạnh kì diệu. Suốt dọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà – người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh.

 + Cháu bộc lộ trực tiếp tình cảm cũng như sự biết ơn sâu sắc đối với bà. Để rồi từ đó nhà thơ thốt lên trong bao nhung nhớ và trân trọng:

 *« Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa ! »*

 =>Bếp lửa và bà đã hóa thành một, cũng có nghĩa là lời khẳng định tình bà luôn ấm nồng, toả sáng như bếp lửa ngàn đời.

 + Câu thơ với từ cảm thán “ôi” như chất chứa, dồn nén biết bao điều. Kết hợp với hình ảnh ẩn dụ bếp lửa kì lạ và thiêng liêng khẳng định tấm lòng của bà ấm áp như bếp lửa, nhờ có bếp lửa mà cháu được nuôi dưỡng khôn lớn.

Trong đó là sức mạnh *“kì lạ”* đã nhóm dậy cả một chân trời kỉ niệm, cả một tuổi thơ. Trong đó là sự *“thiêng liêng”* nhà thơ đã trân trọng gìn giữ trong tim nơi đất khách quê người. Ngay cả dấu gạch ngang cũng là một dấu lặng đầy nghệ thuật, là sự im lặng rất lạ, rất riêng giữa các từ, chứa đựng bao cảm xúc không thể diễn tả hết. Hãy lắng nghe sự im lặng đó để cảm nhận một lần nữa sự “kì lạ và thiêng liêng” kia, để thấu được tiếng lòng thi sĩ dội lại trong đó. Dấu gạch ấy như khoảng lặng trong bản nhạc để làm nền cho hai tiếng “bếp lửa” ngân lên diễn tả bao tâm tình, bao sự kính trọng và ngưỡng mộ đối với bà. Đến đây, ta mới thực sự cảm nhận được toàn bộ vẻ đẹp của hình ảnh “bếp lửa”. Hình ảnh ấy cùng chất trữ tình kết hợp với bình luận đã trở thành cái nền hoàn hảo để mở ra dòng suy ngẫm của cả tác giả lẫn độc giả về cuộc đời tần tảo và nghĩa tình của bà.

**\* Luận điểm 4: Lời tâm sự của cháu khi trưởng thành**

**a. Khi đi xa cháu không nguôi nhớ về bà**

 Để giờ đây, khi đang ở cách xa bà hàng nghìn dặm, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về người bà yêu thương :

*« Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả »*

Dấu chấm xuất hiện ở giữa dòng thơ tạo thành một sự ngắt nhịp dài giống như quá khứ đã trôi đi quá xa so với hiện tại. Bút pháp liệt kê, kết hợp với điệp từ *“trăm”* mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có *“khói trăm tàu”,” lửa trăm nhà”,”niềm vui trăm ngả”.* Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. . Mỗi ngày cháu đều tự hỏi *“Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”.* Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó. Bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời.

+ Ở nước Nga xa xôi lạnh giá, bếp ga, bếp điện đã thay thế bếp củi nhem nhuốc khói, nhưng hình ảnh người bà và bếp lửa sớm mai vẫn đọng lại mãi trong tâm trí cháu.

*\*.Liên hệ mở rộng:* Hồ Cẩm Sa từng thốt lên những câu thơ đồng cảm với Bằng Việt :

 *“Cuộc đời tuy chất vật*

 *Nhưng tâm hồn thảnh thơi*

 *Bởi bóng bà luôn tỏa*

 *Che đời cháu, bà ơi !”.*

+ Người bà nói riêng hay người phụ nữ trong gia đình nói riêng luôn gắn với những gì gần gũi, thân thiết nhất. Họ giữ cho nhịp sống của tổ ấm được duy trì, là nơi bình yên cuối cùng để ta trở về sau những thăng trầm của cuộc đời. Trong dáng hình khiêm nhường quá đỗi ấy ẩn giấu một trái tim lớn đầy lòng nhân ái, để họ trở thành hiện thân của gia đình, quê hương, đất nước.

+ Nay ở nơi đất khách quê người, những câu thơ như hát ra từ ngọn lửa ấm nóng năm xưa của bà càng gợi nhắc để người đọc thấm thía điều đó. Niềm kính yêu và trân trọng đối với bà đã trở thành sự gắn bó với gia đình, tình yêu và nỗi nhớ quê hương, đất nước cũng như lòng biết ơn của Bằng Việt đối với cội nguồn che chở nơi ấy.

Thế nhưng cuộc sống hiện đại ấy vẫn không thể làm cháu nguôi đi nỗi nhớ đau đáu, thường trực về bà, một nỗi nhớ tới mức:

 *« Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở*

 *Sớm mai này nhóm bếp lửa lên chưa ?... »*

Để mỗi ngày, mỗi giờ lòng ông đều vang lên một câu hỏi: “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?”. Bếp lửa đã trở thành tấm lòng, niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời có nghĩa là từ một bếp lửa đơn sơ, giản dị của bà nhiều bếp lửa khác đã được nhen lên, sự sống cứ thế truyền đời, bất diệt. Đến đây ta có thể khẳng định: bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa, truyền niềm tin. Bếp lửa đã nâng cao để trở thành biểu tượng cho tình nghĩa gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Câu hỏi tu từ và dấu chấm lửng khép lại bài thơ đã tạo ra một kết thúc mở với nỗi nhớ khôn nguôi và niềm hoài vọng thiết tha, đau đáu.

**b. Đánh giá về nội dung nghệ thuật của luận điểm 4**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ cuối của bài thơ “Bếp lửa” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những suy nghĩ của cháu về cuộc đời bà để từ đó bộc lộ nỗi nhớ thương bà da diết. Đọc những vẫn thơ ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Bằng Việt là tình yêu thương, sự thấu hiểu và lòng biết ơn vô tận của nhà thơ đối với bà và cũng là đối với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**\* Liên hệ - Mở rộng**=> Đó cũng là tình cảm của người bà trong "*Tiếng gà trưa*" của Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đằm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Đọc xong bài thơ, người đọc như được sưởi chung với Bằng Việt hơi ấm của tình yêu thương của gia đình, của cội nguồn, của Tổ quốc.

**3. Kết bài**

Qua suy ngẫm hồi tưởng và tình cảm của người cháu đã trưởng thành, đoạn thơ đã thể hiện cảm xúc động về bà và tình bà cháu. Qua đó thể hiện lòng kính yêu, tôn trọng, biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là cháu với quê hương, đất nước. Bài thơ (Đoạn thơ) chứa đựng một triết lí thầm kín: Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài của cuộc đời mỗi con người.

**Đề 3 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau ( \*)**

*« Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về,
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa? »*

**I. Mở bài:**

 Trong mỗi mái ấm gia đình, trong nỗi nhớ da diết của tuổi ấu thơ. Hình ảnh người bà luôn là hình ảnh đẹp nhất, lưu lại dấu ấn sâu đậm nhất trong trái tim mỗi con người. Bài thơ « Bếp lửa » của nhà thơ Bằng Việt đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 4 khổ thơ đầu.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

 Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn dòng kỉ niệm**

 Bài thơ được bắt đầu bằng hình ảnh bếp lửa **-** một hình ảnh rất đỗi quen thuộc, bình dị ở mỗi làng quê Việt Nam:

*« Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa! »*

Ba tiếng ***“****một bếp lửa****”*** láy đi láy lại, trở thành điệp khúc da diết ngay từ những dòng thơ đầu tiên. Bếp lửa được nhóm lên vào buổi sáng sớm, rung rinh, mờ tỏ. Hình ảnh ấy gợi cái ấm áp giữa *“chờn vờn s-ương sớm*”, gợi cái thân thương với biết bao *“ấp iu nồng đượm”.* Hai chữ *“chờn vờn”* giúp ta hình dungđược ngọn lửa bập bùng, lay động, khi tỏ khi mờ; từ láy *“ấp iu”* không chỉ diễn tả thật chính xác công việc nhóm lửa mà còn gợi liên tưởng tới đôi bàn tay kiên trì, khéo léo và tấm lòng ấm áp, đôn hậu của người nhóm lửa.

Từ hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên, dòng hồi tưởng về bà chợt ùa về:

 *“Cháu thương bà biết mấy nắng* *mưa”*.

Khổ thơ đầu kết thúc trong cảm xúc của người cháu. Cảm xúc ấy bật ra bằng một chữ *“thương*”, nó lan toả trongcâu thơ và thấm sâu vào lòng người đọc. Cả bài thơ có hai chữ “*thương*”, Bằng Việt đã dành trọn để “*thương bà*” (*Cháu thương bà biết mấy nắng* *mưa, Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc*). *“Biết mấy nắng mưa”*, chỉ 4 chữ đã gợi ra hình ảnh của bà với bao lo toan, vất vả, lặng lẽ, âm thầm. Người cháu hiếuthảo cũng đôi lần nhắc lại: “*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*” - nỗi vất vả nhọc nhằn của bà trở thành nỗi ám ảnh day dứt khôn nguôi trong lòng cháu suốt đời. Hình ảnh người bà hiện lên trong tâm trí tác giả rất nhẹ nhàng, sâu lắng, mỗi lúc một rõ ràng và trở thành hình ảnh trung tâm trong các khổ thơ tiếp theo.

 **b. Kỉ nhiệm về những năm tháng sống bên bà**

**\*Kỉ niệm về nạn đói năm 1945**

 Theo dòng hồi tưởng ấy, Bằng Việt trở về với những năm tháng tuổi thơ thiếu thốn, nhọc nhằn ám đầy mùi khói:

*« Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay! »*

5 câu thơ gợi lại cả một tuổi thơ nhọc nhằn, gian khổ. Tuổi thơ ấy có bóng đen ghê rợn của nạn đói khủng khiếp năm 1945. Bởi vậy, gây ấn tượng mạnh mẽ với cháu là cái đói, cái nghèo. Cái đói dai dẳng và mòn mỏi khắp chốn thôn quê. Thành ngữ *“đói mòn đói mỏi”* và cách diễn đạt bằng hình ảnh đầy ấn tượng *“khô rạc ngựa gầy”* vừa phản ánh chân thực cuộcsống, vừa gợi những xúc cảm thật sâu sắc và đậm nétcủa người trong cuộc. Song ấn tượng và khó quên hơn cả lại là mùi khói bếp:

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*.

*“Khói hun nhèm mắt”* là khói từ củi ướt cay xè từ bếp lửa nhà nghèo. Nhà thơ đã lựa chọn được mộtchi tiết sát thực để vừa miêu tả được chân thực cuộc sống tuổi thơ, vừa diễn tả được những xúc động bâng khuâng, da diết: *“Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”.* “*Còn cay*” là còn nguyên nỗi xúc động. Cảm xúc hiện tại và kỉ niệm năm xưa đồng hiện, hoà lẫn vào nhau. Hai dòng thơ rất thực mà tràn ngập cảm xúc. Thơ Bằng Việt có sức truyền cảm mạnh mẽ nhờ ở những chi tiết, ngôn từ giản dị mà chân thực. Cái “bếp lửa” kỉ niệm của ông mới chỉ khơi lên, thoang thoảng mùi khói, mờ mờ sắc khói mà đã đầy ắp những hình ảnh hiện thực, thấm đẫm bao tình nghĩa sâu nặng.

 **\*Kỉ niệm về 8 năm sống cùng bà và âm thanh tiếng chim tu hú**

 Và như một thước phim quay chậm, những kỉ niệm gắn liền với hình ảnh người bà ùa về :

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !*

Giặc đói chưa qua thì giặc ngoại xâm tràn tới. Gia đình li tán “*Mẹ cùng cha công tác bận không về*”, cháu lại gắn bó cùng bà. *“Tám năm ròng”* con số không lớn, những ngày tháng sao kéo dài nặng nề, ròng rã thế! Vì *“Những ngày ở Huế”* ấy, cuộc sống gia đình thật quạnh vắng, chỉ có hai bà cháu cặm cụi bên nhau, nhóm lửa mỗi sớm, mỗi chiều trong tiếng tu hú kêu da diết. Nếu trong hồi ức xa là *“mùi khói*”, thì ở đây, ấn tượng khắc chạm trong tâm khảm người cháu chính là tiếng chim tu hú ấy. Mười một câu thơ mà âm vang tới 5 lần tiếng kêu của loài chim lẻ loi ấy. Lúc vẳng vẳng, mơ hồ từ *“những cánh đồng xa”*, lúc gần gũi, giục giã *“sao mà tha thiết thế”****,*** lúc gióng giả, dồn dập *“kêu hoài”****,*** lúc khắc khoải như than thở, sẻ chia....

 Tiếng chim tu hú gợi ra cả một không gian trống vắng, khơi sâu thêm cái cảm giác quạnh vắng, cô đơn. Trên cái nền hoang tàn vì khói lửa chiến tranh, giữa cái âm thanh khắc khoải bồn chồn của tiếng chim tu hú, hai bà cháu nương tựa vào nhau để duy trì cuộc sống. Thương con tu hú bơ vơ mới càng thêm thấm thía cái ơn được bà yêu thương, chắm chút, đùm bọc. Giọng thơ thủ thỉ như giọng kể của một câu chuyện cổ tích. Đưa âm thanh đồng nội ấy vào trong thơ, thi sĩ Bằng Việt quả có một tâm hồn gắn bó sâu nặng với quê hương, xứ sở. Trong những cung bậc khác nhau của tiếng chim tu hú, tình cảm của người cháu mỗi lúc một thiết tha và hình ảnh người bà dần hiện rõ:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

Bên bếp lửa hồng, bà đã thay thế vai trò người mẹ. Bà “kể chuyện”, chuyện đời thực ngày nay, chuyện cổ tích ngày xa... Rồi *“bà bảo cháu nghe, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*”. Từng việc, từng việc, nhỏ nhẹ, âm thầm. Các câu thơ ngắn, liệt kê diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng yêu thương, chăm chút, tỉ mỉ, ân cần mà bà đã dành cho cháu, nuôi cháu lớn khôn, soi sáng trí tuệ và tâm hồn của cháu. Sống trong tình yêu thương, chở che của bà, cháu ơn bà biết bao, nên những dòng thơ cứ bật ra thật tự nhiên mà cảm động: *“thương bà khó nhọc*”.

*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa*

Nghệ thuật nhân hoá khiến lời thơ thành lời gọi tâm tình. Ẩn sau lời trách cứ nhẹ nhàng ấy là bao nỗi nhớ thương. Bây giờ là thương bà cô đơn, quạnh vắng...

**3. Đánh giá: NT+ ND**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, bốn khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 4: ( \*)**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen,
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn,
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

**A.Mở bài:**

 Trong mỗi mái ấm gia đình, trong nỗi nhớ da diết của tuổi ấu thơ. Hình ảnh người bà luôn là hình ảnh đẹp nhất, lưu lại dấu ấn sâu đậm nhất trong trái tim mỗi con người. Bài thơ « Bếp lửa » của nhà thơ Bằng Việt đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là khổ thơ thứ 4 và thứ 5 của tác phẩm. ( Trích thơ)

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

 Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung của phần trước**

 Ở 4 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, BV đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ tiếp theo.

**b. Kỉ niệm về những năm chiến tranh tàn phá**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh :
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !”*

+ Chiến tranh đã gây ra bao đau thương, mất mát, tàn phá khắp mọi nơi trên đất nước ta, cướp đi của con người tất cả mọi thứ. Chính chiến tranh đã gây nên bi kịch của tình cha con trong “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, khơi dậy những vần thơ vang tiếng căm thù của những nhà thơ cách mạng… Nhưng với Bằng Việt, cũng từ đó mà ông mới cảm nhận được vẻ đẹp trong góc khuất của tâm hồn bà.

+ Câu thơ với động từ “cháy” được lặp lại, từ ghép “tàn rụi” được tách ra khiến hiện thực thời chiến không chỉ lấp đầy câu thơ mà còn tràn ngập khắp không gian ký ức. Trong từ láy “lầm lụi” hiện lên dáng hình của những con người phải chịu đau thương, mất mát, làm cả câu thơ như trĩu xuống.

+ Và nổi bật lên là hình ảnh người bà với một sức sống mãnh liệt và nghị lực bền bỉ. Từ láy “đinh ninh” diễn tả một điều gì đó chắc chắn từ trong tâm khảm, một lời nói nhẹ nhàng mà vẫn mạnh mẽ, trái ngược hẳn với quang cảnh “lầm lụi” xung quanh. Dẫu túp lều tranh đã bị đốt rụi, nơi nương thân của hai bà cháu không con, bà vẫn đứng vững, chống chọi với tất cả nghịch cảnh để dắt cháu vượt qua khó khăn. Chính từ sự “vững lòng” ấy mà người đọc cảm nhận được góc khuất trong tâm hồn bà, nơi ẩn giấu lòng yêu nước và tấm lòng hy sinh của người phụ nữ ấy.

+ Lời bà dặn cháu thật nôm na nhưng vô cùng chân thực và cảm động – hậu phương có gian khổ, thiếu thốn, nhớ nhung, mất mát,… cách mấy vẫn phải giấu đi, nén lại trong lòng cho tiền tuyến được an lòng. Bà không chỉ thương con thương cháu mà còn vô cùng ân cần, chu đáo, hiểu được tâm trạng của người con đang đi chiến đấu.

+ Tác giả - và cũng là đứa cháu – đã thật tinh tế và nhạy cảm khi thể hiện được hạt ngọc ẩn kín trong tâm hồn người bà. Bà không còn là của riêng Bằng Việt nữa mà đã hòa cùng vào biết bao người phụ nữ Việt Nam khác, những con người cần mẫn, giàu đức hy sinh, là chỗ dựa tinh thần lớn lao cho tiền tuyến, góp một phần vô cùng quan trọng vào chiến thắng chung của nhân dân. Mạnh mẽ là vậy nhưng trong hình ảnh bà vẫn có cái hồn giản dị, tự nhiên vốn có.

+ Trong suốt cả bài thơ, chỉ có ở ba câu thơ cuối khổ bốn người đọc mới được tiếp xúc trực tiếp với bà. Với cách nói bình dị, mộc mạc (“kể này, kể nọ”, “cứ bảo”…), bà hiện lên thật gần gũi, thân thương, khiến ta có cảm giác như được nghe tiếng nói của chính bà mình vậy. Ngay cả cái cách bà gọi cháu là “mày” cũng thể hiện một sự thương yêu, trìu mến vô bờ, một cách gọi vô cùng dân dã.

=>Những câu thơ không cầu kì, gọt giữa hay có nghệ thuật đặc biệt gì cả, chỉ giản dị đến chân thành như lời nói của bà. Nhưng từ đó, tấm lòng người bà ấy hiện lên mênh mông như biển cả, lặng sóng thôi nhưng bát ngát tình thương con thương cháu và sâu thẳm với một nghị lực vô cùng bền vững.

**c. Hình ảnh bếp lửa chuyển thành ngọn lửa tinh thần**

 Vì sao mà tấm lòng người bà chứa đựng được biết bao điều như vậy ? Vì trong tấm lòng đó luôn âm ỉ một ngọn lửa tinh thần:

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

+ “Rồi sớm rồi chiều” ẩn chứa cả một dòng thời gian âm ỉ, dai dẳng mang theo cả cuộc đời bà, mang theo bao tâm tình của đứa cháu phương xa.

+ Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả đã nâng lên thành “ngọn lửa” mang ý nghĩa khái quát, tượng trưng. “Bếp lửa” với những ấm áp, giản dị của tình cảm gia đình, của tình bà cháu đã bùng lên thành “ngọn lửa” của niềm tin và sức sống cho các thế hệ mai sau. Hình ảnh ấy được lặp lại hai lần trong điệp từ “một ngọn lửa” càng khẳng định đó chính là cội nguồn của bao yêu thương, của những tần tảo hy sinh nơi bà. Trong hình ảnh “lòng bà luôn ủ sẵn”, người đọc cảm nhận được một ngọn lửa không bao giờ tắt qua năm tháng, một ngọn lửa bất diệt từ trong chính trái tim bà.

+ Lời thơ thủ thỉ, dịu êm mà sao tiếng lòng của thi sĩ như có sức mạnh thần kì làm người đọc thấy trong tim mình như có lửa bùng lên. Từ láy “dai dẳng” như càng tiếp thêm cho sự bền bỉ, lan tỏa của hình ảnh ấy. Đến nỗi tới bây giờ “ngọn lửa chứa niềm tin ấy” vẫn còn cháy trong cháu, mang theo bao cảm xúc không thể nói hết được mà phải dùng đến một dấu chấm lửng, để lại bao suy ngẫm trong lòng độc giả. Bà không để lại cho con cháu những giá trị vật chất thông thường mà là một điều quý giá hơn gấp bội : ngọn lửa của sự sống. Khái quát lên, bà là hiện thân cho vẻ đẹp thiêng liêng của người giữ lửa, truyền lửa.

**3.Đánh giá lại nội dung và nghệ thuật của cả đoạn**

 Có thể nói rằng qua đoạn thơ trên, bằng việc sáng tạo nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt là hình ảnh ngọn lửa; thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm; Bằng Việt đã để lại trong người đọc chúng ta tình bà cháu vô cùng cao đẹp. Tình cảm ấy là sự khởi đầu của tình yêu thương con người, tình yêu đất nước. Ngọn lửa của tình bà theo suốt những năm tháng cuộc đời nhà thơ, nuôi dưỡng, ấp ủ, chở che, mang đến cho cháu nghị lực.Ngọn lửa ấy sưởi ấm tấm lòng nhà thơ cũng như mỗi người đọc chúng ta.
**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 5: Cảm nhận của em về tình bà cháu trong đoạn thơ sau: ( \*)**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm,
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi,
Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui,
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...
Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...*

**A. Mở bài:**

 Trong cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 4 khổ thơ đầu

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

 Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận về tình bà cháu trong đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung của những khổ thơ đầu**

 Ở những khổ thơ đầu, BV đã đưa người đọc đến với những kỉ niệm của ông trong những năm tháng sống bên bà để từ đó bộc lộ tình cảm yêu thương, thấu hiểu cho những vất vả nhọc nhằn mà bà phải trải qua đồng thời bộc lộ lòng biết ơn bởi những gì mà bà đã làm cho cháu. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ thứ 6 khi nhà thơ bộc bạch những suy ngẫm về cuộc đời của bà.

**b. Từ những suy nghĩ về bà, cháu bộc lộ tình yêu thương và biết ơn bà vô hạn**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

+ Chất biểu cảm trữ tình vẫn còn nhưng đã dòng suy tưởng đã nhuốm màu nghị luận. “Lận đận” - từ láy gợi hình với hai thanh trắc đã diễn tả cả cuộc đời vất vả của bà, kết hợp với “biết mấy nắng mưa” - ẩn dụ để chỉ những thăng trầm của cuộc sống càng làm đậm thêm sự hy sinh cần mẫn của bà. Trải qua tất cả những khó khăn, thách thức ấy, hình ảnh bà vẫn chưa bao giờ tách rời với bếp lửa.

+ “Mấy chục năm rồi”, lời thơ kể mà như đếm, gợi lên cả một tuổi thanh xuân, cả một đời người thức khuya dậy sớm gắn liền với khói bếp cay nồng. Ấy vậy mà trong “thói quen dậy sớm” ta cảm nhận được sự tần tảo, đức hy sinh vẫn nguyên vẹn như thuở nào.

+ “Nhóm”, “nhóm”, “nhóm”, “nhóm” – điệp ngữ ấy ngân lên, lan tỏa và khơi dậy biết bao yêu thương, biết bao rung cảm và xúc động trong lòng người đọc. Mỗi hình ảnh liệt kê trong mỗi câu thơ là cả một dòng suy ngẫm gợi lên trong cả tác giả lẫn độc giả. “Bếp lửa ấp iu nồng đượm” ở khổ một nay được lặp lại làm mạch cảm xúc được nối liền, ngân vang như một lời khẳng định về sự cần mẫn, khéo léo của bà. Chính tấm lòng nồng ấm đó đã “nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi” nuôi cháu trong những lúc thiếu thốn. Để từ đó, bà nhắc cháu rằng không bao giờ được quên những năm tháng nghĩa tình chia nhau từng củ khoai, củ sắn cho đỡ đói lòng.

+ Những năm tháng mà hai bà cháu sống trong sự đùm bọc, san sẻ cùng xóm làng với “nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”. Câu thơ như một lời răn dạy cháu hãy luôn sống chan hòa và biết nghĩ đến mọi người, đừng ích kỉ cho riêng mình. Chính những bài học thầm lặng và gắn liền với cuộc sống ấy đã rọi vào tâm hồn người cháu và thắp sáng những ước mơ, khát vọng.

+ Chính vì vậy mà tác giả đã thốt lên rằng “Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ” ?

-> Bà không chỉ thấu hiểu cháu mà còn là tấm gương cho cháu noi theo. Ký ức tuổi thơ tuy không rõ ràng nhưng vẫn ghi dấu từng hình ảnh cụ thể “khoai sắn”, “xôi gạo” và tượng trưng “yêu thương”, “tâm tình” đan xen, quấn quít vào nhau giữa cuộc sống đời thường và giá trị tinh thần. Bà thì nhóm lửa còn Bằng Việt thì nhóm lên biết bao hoài niệm, khơi dậy bao đợt sóng yêu thương trong lòng người đọc. Hình ảnh người bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa, truyền niềm tin và sức sống cho người cháu. Người bà ấy giản dị nhưng lại có một sức mạnh kì diệu. Suốt dọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà – người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh

+ Để rồi từ đó nhà thơ thốt lên trong bao nhung nhớ và trân trọng :

*Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !*

 + Câu thơ với từ cảm thán “ôi” như chất chứa, dồn nén biết bao điều. Trong đó là sức mạnh “kì lạ” đã nhóm dậy cả một chân trời kỉ niệm, cả một tuổi thơ, cả một tâm hồn. Trong đó là sự “thiêng liêng” nhà thơ đã trân trọng gìn giữ trong tim nơi đất khách quê người. Ngay cả dấu gạch ngang cũng là một dấu lặng đầy nghệ thuật, là sự im lặng rất lạ, rất riêng giữa các từ, chứa đựng bao cảm xúc không thể diễn tả hết. Hãy lắng nghe sự im lặng đó để cảm nhận một lần nữa sự “kì lạ và thiêng liêng” kia, để thấu được tiếng lòng thi sĩ dội lại trong đó. Dấu gạch ấy như khoảng lặng trong bản nhạc để làm nền cho hai tiếng “bếp lửa” ngân lên diễn tả bao tâm tình, bao sự kính trọng và ngưỡng mộ đối với bà. Đến đây, ta mới thực sự cảm nhận được toàn bộ vẻ đẹp của hình ảnh “bếp lửa”. Hình ảnh ấy cùng chất trữ tình kết hợp với bình luận đã trở thành cái nền hoàn hảo để mở ra dòng suy ngẫm của cả tác giả lẫn độc giả về cuộc đời tần tảo và nghĩa tình của bà.

**c. Khi đi xa cháu không nguôi nhớ về bà**

 Để giờ đây, khi đang ở cách xa bà hàng nghìn dặm, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về người bà yêu thương :

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở :
- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?...*

+ Ở nước Nga xa xôi lạnh giá, bếp ga, bếp điện đã thay thế bếp củi nhem nhuốc khói, nhưng hình ảnh người bà và bếp lửa sớm mai vẫn đọng lại mãi trong tâm trí cháu. Bút pháp liệt kê và phép lặp cấu trúc “có…trăm…” đã vẽ nên một chân trời bao la rộng lớn với biết bao điều vui tươi, mới mẻ. Thế nhưng cuộc sống hiện đại ấy vẫn không thể làm cháu nguôi đi nỗi nhớ đau đáu, thường trực về bà, một nỗi nhớ tới mức “chẳng lúc nào quên nhắc nhở”.

+ Hồ Cẩm Sa từng thốt lên những câu thơ đồng cảm với Bằng Việt :

 “Cuộc đời tuy chất vật

Nhưng tâm hồn thảnh thơi

 Bởi bóng bà luôn tỏa

 Che đời cháu, bà ơi !”.

+ Người bà nói riêng hay người phụ nữ trong gia đình nói riêng luôn gắn với những gì gần gũi, thân thiết nhất. Họ giữ cho nhịp sống của tổ ấm được duy trì, là nơi bình yên cuối cùng để ta trở về sau những thăng trầm của cuộc đời. Trong dáng hình bình khiêm nhường quá đỗi ấy ẩn giấu một trái tim lớn đầy lòng nhân ái, để họ trở thành hiện thân của gia đình, quê hương, đất nước.

+ Nay ở nơi đất khách quê người, những câu thơ như hát ra từ ngọn lửa ấm nóng năm xưa của bà càng gợi nhắc để người đọc thấm thía điều đó. Niềm kính yêu và trân trọng đối với bà đã trở thành sự gắn bó với gia đình, tình yêu và nỗi nhớ quê hương, đất nước cũng như lòng biết ơn của Bằng Việt đối với cội nguồn che chở nơi ấy. Để mỗi ngày, mỗi giờ lòng ông đều vang lên một câu hỏi : “ Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?”. “Bếp lửa” đã thực sự trở thành kỉ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng kì diệu theo nhà thơ suốt cả cuộc đời.

**3. Đánh giá**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ cuối của bài thơ “Bếp lửa” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những suy nghĩ của cháu về cuộc đời bà để từ đó bộc lộ nỗi nhớ thương bà da diết. Đọc những vẫn thơ ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Bằng Việt là tình yêu thương, sự thấu hiểu và lòng biết ơn vô tận của nhà thơ đối với bà và cũng là đối với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 6 : Cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt (\*)**

**A. Mở bài:**

 Trong mỗi mái ấm gia đình, trong nỗi nhớ da diết của tuổi ấu thơ. Hình ảnh người bà luôn là hình ảnh đẹp nhất, lưu lại dấu ấn sâu đậm nhất trong trái tim mỗi con người. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Đọc bài thơ ấy, người đọc không khỏi ấn tượng với hình ảnh người bà- một người phụ nữ tảo tần, chịu khó, giàu tình yêu thương và giàu đức hi sinh.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

 Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Hình ảnh người bà**

**\*LĐ1**: **Là người chịu thương chịu khó, tần tảo hi sinh**

- Tuy giờ đây được sống trong điều kiện vật chất đầy đủ với tiện nghi hiện đại, nhưng mỗi lần nhớ về bếp lửa, cháu lại nhớ về bà - người bà với cuộc đời biết bao vất vả, lam lũ.

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

- Cụm từ "*biết mấy nắng mưa*" diễn tả vòng tuần hoàn khép kín của thời gian. Tình cảm mà cháu giành cho bà vượt qua thời gian, qua năm tháng. Hình ảnh "*nắng mưa*" là ẩn dụ đặc sắc cho cuộc đời lận đận lắm đắng cay, cơ cực của bà.

- Kí ức còn đưa nhà thơ trở về với nạn đói rùng rợn năm 1945. Cái đói chỉ là cái cớ để tác giả gợi nhớ về một tuổi thơ nhiều đắng cay cơ cực, thiếu thốn về vật chất nhưng không thiếu thốn nghĩa tình. Vượt lên trên gian khổ, thiếu thốn, vượt lên trên cái "*đói mòn đói mỏi*", với sự chịu thương chịu khó, tần tảo lam lũ, bà đã cùng mọi người vượt qua những năm tháng cơ cực ấy.

- Sự tần tảo và đức hy sinh chăm lo cho người của bà được tác giả thể hiện trong một chi tiết rất tiêu biểu

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.*

+ Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

**\* LĐ 2**: **Bà là người phụ nữ nông thôn thuần hậu nhưng có bản lĩnh vững vàng, là chỗ dựa tinh thần cho con cháu.**

- Tuy chỉ là một người phụ nữ nông thôn thuần phác, thật thà nhưng ẩn đằng sau đó là sự kiên cường, bản lĩnh vững vàng, là sức sống mãnh liệt, dẻo dai. Bà đã giúp mọi người trong gia đình vượt qua nạn đói 1945 để đến bây giờ mỗi khi nghĩ lại cháu vẫn thấy “*sống mũi còn cay*”. Nhớ về bà, cháu nhớ về những năm mà thực dân Pháp chiếm đóng. Hiện thực đau thương như được tái hiện lên qua từng câu chữ:

*Năm giặc đốt nhà cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

- Trong gian khổ khó khăn, bà vẫn không gục ngã. Bà vẫn "*vững lòng*" dặn cháu:

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo ở nhà vẫn được bình yên*

- Qua lời bà dặn cháu ta thấy được tâm hồn thật đẹp. Bà là người **lo lắng, yêu thương con cháu, nhân hậu và giàu đức hi sinh**. Bà muốn con được yên tâm công tác nên đã một mình vượt qua tất cả những khó khăn nơi quê nhà.

- Như vậy ta thấy rằng, dẫu chiến tranh tàn phá, đau khổ chồng chất cũng không thể thay đổi ý chí, niềm tin của bà. Bà là **hiện thân đầy đủ nhất, sinh động nhất** cho hậu phương lớn. Bà chính là **điểm tựa, chỗ dựa tinh thần** cho con cháu:

*Rồi sớm chiều bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

- Chính bà đã nhóm lên ngọn lửa - ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin bất diệt. Bởi đó là ngọn lửa - trái tim, tình cảm và tâm hồn bà. Bà đã truyền cho cháu nghị lực, niềm tin một cách tự nhiên như người truyền lửa cho thế hệ sau. Một ngọn lửa thổi bùng lên mơ ước, khát vọng về ngày mới thanh bình.

**\* LĐ3**: **Bà là người yêu thương, chăm sóc và dạy cháu lên người. Bà đã nhóm lên trong cháu tình yêu thương, mơ ước và khát vọng về tương lai**

- Trong những năm đói khổ tuổi thơ của tác giả vẫn luôn tươi sáng bởi bên nhà thơ luôn có bà. Nhà thơ luôn nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc của bà. Đó là thời gian:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

- Bố mẹ đi công tác, cháu sống trong sự yêu thương, đùm bọc, chăm sóc của bà. Bà đã thay con nuôi cháu khôn lớn trưởng thành..

- Cấu trúc song hành góp phần khẳng định vai trò của bà với cuộc đời cháu. Đồng thời còn nói lên tình yêu thương vô bờ mà bà đã dành cho đứa cháu bé bỏng. Không chỉ chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ cháu khôn lớn trưởng thành mà bà còn là người nâng đỡ, chắp cánh ước mơ cho cháu. Nếu cơm gạo của bà nuôi lớn cháu về thể xác thì tình yêu thương của bà nuôi lớn cháu về tinh thần, vể ý chi, nghị lực niềm tin. Để rồi, mỗi khi nhớ về bà, cháu lại nhớ về hình ảnh:

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẽ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

- Cũng chính bàn tay bà đã nhóm lên bếp lửa với khoai sắn ngọt bùi, với nồi xôi gạo mới làm ấm lòng cháu những ngày đông tháng giá. Và cũng chính là bà đã thổi bùng lên trong cháu ngọn lửa của tình yêu thương, khát vọng và ước mơ. Bà đã trở thành người bạn lớn, chia sẻ tâm tình. Cháu khôn lớn và trưởng thành như ngày hôm nay phần lớn là nhờ công lao chăm sóc, dạy dỗ của bà. Hình ảnh bà và bếp lửa đã trở thành kí ức thiêng liêng nâng đỡ cháu trên suốt chặng đường đời.

***3.Đánh giá***

- “Bếp lửa” là bài thơ cảm động viết về tình bà cháu. Qua lời thơ dung dị của BV ta thấy hiển hiện hình ảnh một người bà thật đẹp – người bà Việt Nam.

- Phải là người yêu bà sâu sắc và mãnh liệt mới có thể tạo nên những dòng thơ chân thành, chứa chan tình cảm dành cho bà đến như vậy.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về bài thơ thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**ÁNH TRĂNG - NGUYỄN DUY**

**Đề 1: Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mờ bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác**

**- Mạch cảm xúc:** Bài thơ là một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ tới hiện tại, gắn các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy, mạch cảm xúc đi từ quá khứ tới hiện tại và lắng kết trong cái giật mình ở cuối bài thơ

**2. Phân tích**

**a. Vầng trăng trong quá khứ.**

\* Trong hai khổ thơ đầu, tác giả gợi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ:

 *“Hồi nhỏ sống với rừng*

*Với sông rồi với bể*

 *Hồi chiến tranh ở rừng*

*Vầng trăng thành tri kỉ*

 *Trần trụi với thiên nhiên*

*Hồn nhiên như cây cỏ*

 *Ngỡ không bao giờ quên*

 *Cái vầng trăng tình nghĩa”*

- Những câu thơ ngắn với giọng tâm tình, thủ thỉ (hồi nhỏ, hồi chiến tranh) cộng với biện pháp tu từ liệt kê (đồng, sông, bể) đã gợi lại một tuổi thơ sống gắn bó, gần gũi với thiên nhiên

- Điệp từ “với” được lặp lại ba lần để nhấn mạnh sự gắn bó, thân thiết giữa con người với thiên nhiên.

- Hình ảnh “Hồi chiến tranh ở rừng”:

+ Gợi liên tưởng đến sự trưởng thành của nhân vật trữ tình, từ cậu bé thiếu niên nay đã vác súng ra chiến trường.

+ Gợi về những năm tháng gian khổ, ác liệt của chiến tranh.

- Nghệ thuật nhân hóa “Vầng trăng thành tri kỉ”:

+ Gợi liên tưởng đến những năm tháng hành quân hay phiên gác giữa rừng, có vầng trăng chiếu rọi.

+ Trăng như trở thành người bạn thân thiết, tri âm, tri kỉ, luôn đồng cam cộng khổ để chia sẻ những vui buồn đời lính.

- Hình ảnh so sánh, ẩn dụ: “Trần trụi với thiên nhiên”, “hồn nhiên như cây cỏ”:

+ Gợi vẻ đẹp bình dị, vô tư, trong sáng của vầng trăng.

+ Đó cũng là cốt cách, vẻ đẹp hoang sơ, mộc mạc trong tâm hồn của người lính

=>Trăng hiện diện như hình ảnh của quá khứ, là hiện thân của kí ức chan hòa tình nghĩa. Bởi sự gắn bó tình nghĩa ấy, nhân vật trữ tình đã tự tâm nguyện “sẽ không bao giờ quên”.

- Từ “ngỡ” như báo hiệu sự chuyển biến trong câu chuyện cững như trong tình cảm của con người.

=> Trong quá khứ, dẫu hoàn cảnh đầy khó khăn, khắc nghiệt, trăng vẫn đồng hành trên mọi bước đường và trở thành người bạn tri kỉ để chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn. Vầng trăng đã trở thành biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình thủy chung.

**b. Vầng trăng trong hiện tại.**

- Song, trước sự xoay vần của thời gian, sự biến đổi của hoàn cảnh đã khiến cho mọi thứ trở nên thay đổi:

*“Từ hồi về thành phố*

*quen ánh điện cửa gương*

*vầng trăng đi qua ngõ*

*như người dưng qua đường”*

+ Tác giả đã tạo ra sự đối lập trong hoàn cảnh sống của con người giữa hiện tại và quá khứ: Từ những nhà tranh, vách nứa chốn rừng sâu, nước độc, nay trở về trong những tòa nhà khang trang, hiện đại của thành phố.

+ “quen ánh điện cửa gương” là cách nói hoán dụ để tô đậm cuộc sống đầy đủ tiện nghi, khép kín trong căn phòng hiện đại, xa rời thiên nhiên.

+ Hình ảnh nhân hóa, so sánh: “vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường” diễn tả sự thay đổi trong tình cảm của con người: Vầng trăng thì vẫn còn đấy, thủy chung tình, nghĩa nhưng con người thì hững hờ, thờ ơ không nhận ra

=> Câu thơ mang một ý nghĩa khái quát: Khi hoàn cảnh sống thay đổi thì con người ta có thể phản bội lại chính mình, dễ dàng lãng quên đi những gian khổ, nhọc nhằn của một thời đã qua. Song, cái sự quên ấy cũng là lẽ thường tình bởi những lo toan thường nhật từ cuộc sống

- Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:

*“Thìng lình đèn điện tắt*

*phòng buyn-đinh tối om*

*vội bật tung cửa sổ*

*đột ngột vầng trăng tròn”*

+ Hai từ “thình lình”, “đột ngột” và cách đảo trật tự cú pháp đã ghóp phần diễn tả thật chính xác, ấn tượng về một sự việc đột ngột, bất thường “đèn điện tắt... tối om”

+ Ba động từ mạnh “vội, bật, tung” đã diễn tả hành động khẩn trương, vội vàng của nhân vật trữ tình.

+ Hình ảnh “vầng trăng tròn” đột ngột xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om đã tạo nên một sự đối lập: giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự “bừng tỉnh” trong nhận thức của nhân vật trữ tình: vầng trăng kia vẫn tròn, “đồng, bể, rừng” kia đâu có mắt, tất cả vẫn đồng hành cùng con người, chỉ có điều con người có nhận ra hay không.

=> Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ.

**c. Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình**

\* Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng”*

- Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thề tập trung chú ý, mặt đối mặt

- Từ “mặt” ở cuối câu thơ là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa dạng cho ý câu thơ

+ Khuôn mặt đó là khuôn mặt của tri kỉ mà nhân vật trữ tình đã bị lãng quên.

+ Mặt đối mặt đó còn là quá khứ đối diện với hiện tại, tình nghĩa thủy chung đối diện với vô tình lãng quên.

- Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc, phút chốc ấy đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Cụm từ “rưng rưng” đã diễn tả nỗi xúc động đến nghẹn ngào, thổn thức trong cảm xúc của nhân vật trữ tình

Giọt nước mắt như khiến con người ta trở nên thân thiết hơn, trong sáng hơn để rửa trôi đi những ý nghĩ, lo toan thường nhật để kỉ niệm ùa về:

 “như là đồng là bể

 Như là sông là rừng”

- Cấu trúc song hành (như là... là), cộng với biện pháp tu từ so sánh (như), điệp ngữ (như là, là) và liệt kê (đồng, bể, sông, rừng) diễn tả những dòng kí ức về một thời gắn bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng từ từ ùa về.

Khổ thơ cuối những suy ngẫm và triết lí sâu sắc của nhà thơ:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình”*

- Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh”:

+ Diễn tả vầng trăng tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la

+ Bên cạnh đó, còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, tron vẹn mặc cho con người thay đổi, vô tình.

- Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng ấy khiến chi nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh.

- Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ:

+ Giật mình là cảm giác tâm lí của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống của mình.

+ Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi cách sống

+ Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho ngày hôm nay

=> Bài thơ “ánh trăng”, mà đặc biệt là ở khổ thơ cuối đã dồn nén biết bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người lời nhắc nhở về đạo lí sống, về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

- Giọng điệu tâm tình, tự nhiên, kết hợp với yếu tố trữ tình, tự sự khiến bài thơ như một lời tự bạch chân thành, sâu sắc.

- Hình ảnh giàu tính biểu cảm và biểu tượng.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân

**ĐỀ 2: Cảm nhận của em về những khổ thơ sau: ( \*)**

*« Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với biển
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa »*

**A. Mở bài:**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ đầu.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ở** thành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

1. **Cảm nhận đoạn thơ**

 Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình về tuổi thơ, về quãng thời gian chiến đấu giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do:

*“Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ”*

 Lời thơ được bắt đầu bằng hai tiếng “hồi nhỏ”. “Hồi nhỏ” là biểu thị thời gian trong quá khứ. Trong khoảng thời gian ấy con người đã có những phút giây sống chan hòa với thiên nhiên. Các hình ảnh lớn dần “đồng, sông, bể” mang nhiều ý nghĩa đặc biệt khác nhau, nhưng có một điểm chung là đều mang nét hồn nhiền trong trẻo của thời trẻ con vô tư. Cánh đồng lúa, hay cỏ hoa, lúc nào cũng ngập tràn nắng gió, ngập tràn những tâm tư dịu dàng, ngập tràn cái thanh bình, hạnh phúc. “Sông” dạt dào chảy, nước sông trong vắt “soi tóc những hàng tre”, soi bóng cả cái tâm hồn ngây thơ, đong đầy biết bao ước mơ trẻ nhỏ. “Bể” hiền hậu nhưng cũng vô cùng dữ dội, mang theo bao con sóng vỗ bờ, mang theo bao hoài bão của tuổi hồng mộng mơ. Và “đồng, sông, bể” đã gắn bó với nhân vật trữ tình, một cách thắm thiết, như người bạn thuở ấu thơ thân thương gần gũi. Điệp từ “với” được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự kết nối con người với những tươi đẹp tuổi thơ, với vầng trăng dung dị của quá khứ.

-Bức tranh không gian về thiên nhiên đằm thắm ấy đã kéo theo sự vận động của thời gian, mang vầng trăng tròn đầy thời ấu thơ đi qua quãng đời chiến đấu của người lính:

*“Hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ”*

+ Biện pháp nhân hóa đã được sử dụng để biến trăng thành “tri kỷ”, thành người bạn chí cốt lúc nào cũng hiểu hết về nhau. Hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trang bên cạnh. Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi “Rừng hoang sương muối” cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bốn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê. Vầng trăng vẫn tròn đầy dù trải qua bao mưa bom bão đạn, vẫn sáng trong dù đã trải qua thời gian khó khăn nhất, tối tăm nhất:

*“Trần trụi với thiên nhiên
 Hồn nhiên như cây cỏ”*

Vầng trăng ngày ấy mới đẹp làm sao! Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật “trần trụi với thiên nhiên” cho ta thấy rõ hơn vẻ đôn hậu hiền hòa của ánh trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bây giờ: không giả tạo, giả dối, không lọc lừa nhỏ nhen, không có những toan tính thiệt hơn, những đố kị ghen ghét. Trong sáng vô tư như tuổi thơ, chân thành và thật thà như nhiệt huyết sục sôi của người lính trẻ cách so sánh trăng với vẻ hồn nhiên như cây cỏ của nhà thơ Nguyễn Duy đã đem lại cho ta ấn tượng đó về ánh trăng quá khứ. “Cây cỏ” những sự vật tưởng chừng vô tri giác nhưng lại mang một hàm ý lớn lao: cây cỏ tạo ra dưỡng khí giúp ích cho đời, sống cuộc sống hồn nhiên, không chen lấn giành giật với đời, không nghi kị xảo trá mà tự nhiên, chan hòa với mọi người mọi vật. Vầng trăng của ngày ấy thật tự nhiên, không giấu, không che đậy, gần gũi hoang sơ như dáng vóc mộc mạc của người lính, tỏa sáng vằng vặc, đẹp đến nỗi nhân vật trữ tính – người lính đã phải nói rằng:

*“Ngỡ không bao giờ quên
 Cái vầng trăng tình nghĩa”*

+ Từ “ngỡ” ở đây không dưng lại làm ta hình dung rõ cái mầm mống, cái dự báo của sự lãng quên. Lãng quên cái vầng trăng tròn ắp đầy tình nghĩa, hoang sơ mộc mạc như cây cỏ, chân chất đôn hậu như người chiến sĩ đã trải lòng mình ra với thiên nhiên.

+ Đoạn thơ cũng diễn tả một cách rõ nét những nỗi đau trong lòng con người: Lúc nào cũng nghĩ là mình sẽ nhớ, cũng khăng khăng sẽ khắc sâu vào tâm tưởng nhưng rồi tự bao giờ, ta đã không thể cùng ánh trăng tình nghĩa kia đi trọn kiếp người được nữa. Bởi vì nó đã bị ta bỏ lại đằng sau, cùng với những kỉ niệm đáng nhớ của một thời xưa cũ ấy\_ ta đã quên. Ý thơ lay động tâm hồn, thức tỉnh lương tâm những kẻ vô tình, gợi nhắc về cái “vầng trăng tình nghĩa”, về biểu tượng đẹp của một thời quá khứ hào hùng.

**3. Đánh giá: NT+ ND**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình mà chính anh cũng nghĩ rằng không bao giờ quên được. Mỗi vần thơ của Nguyễn Duy được cất lên, ta lại cảm nhận được sự trân trọn của ông dành cho thiên nhiên nghĩa tình, cho quá khứ vẹn nguyên đẹp đẽ. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 3: ( \*)**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng”*

**A. Mở bài:**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 3 khổ thơ viết về ý nghĩa của hình ảnh vần trăng trong hiện tại.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

 Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ởthành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung ở hai khổ thơ đầu**

 Ở hai khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình mà chính anh cũng nghĩ rằng không bao giờ quên được.

**b. Khổ 3**

- Ấy thế mà khi cuộc chiến vừa kết thúc, áo chưa hết mùi khói đạn thậm chí vết thương cũng chưa lành thì những người lính năm xưa đã vội quên đi tất cả

*“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường”*

+ Câu thơ đột ngột quay trở về thực tại, dứt khỏi khoảng không kí ức của nhân vật trữ tình. Ở cái thực tại không xa ấy, nhân vật trữ tình bắt đầu quen với những thuận lợi vật chất, những “ánh điện cửa gương” bóng loáng giả tạo.

+ Hình ảnh ẩn dụ đối lập giữa “vầng trăng tình nghĩa” mộc mạc, hiền hòa với “ánh điện cửa gương” tuy có sáng hơn ánh trăng thật, nhưng thứ ánh sáng nhân tạo đó không thể nào bằng được cái ánh sáng nghĩa tình mà trăng đem lại.

+ Biện pháp liệt kê “ánh điện, cửa gương” như cũng đồng thời liệt kê ra cái tiện nghi đủ đầy vật chất xuất hiện trong đời sống người lính, bên cạnh những bộn bề lo toan của cuộc sống thường ngày. Và mới thật bạc bẽo làm sao, cái đủ đầy vật chất, cái ngổn ngang bận bịu của sự đời đã lấn át đi nhu cầu đủ đầy về mặt tinh thần, về tình cảm son sắt từng một thời được coi như máu thịt của người lính.

+ Vầng trăng bây giờ đối với anh lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó. Cái bóng của sự xa hoa đã che lấp đi “vầng trăng tình nghĩa”, vòng xoay của thời gian đã thay đổi cả bản chất, tâm hồn con người. Để rồi giờ đây, khi mà anh lính năm xưa bị che mắt bởi những phồn vinh thành thị, người đã không thể thấy được sự hiện diện của trăng, dù trăng vẫn đều đặn “đi qua ngõ”. Trăng vẫn tồn tại, vẫn thủy chung, tròn đầy, sáng vằng vặc, không thay đổi nhưng thật đau xót làm sao, lòng người đã lại đổi thay\_ không còn đủ sáng để hòa nhịp tâm hồn cùng trăng, không còn đủ yêu thương để gắn bó với những ân tình quá khứ. Đối với người lính lúc này, trăng chẳng khác gì “người dưng qua đường”, hờ hững, lạnh nhạt, không đáng để bận tâm. Trăng được nhân hóa, đi qua ngõ mà như người dưng. Một hình ảnh đối lập tinh tế mang nặng màu chua xót: “vầng trăng thành tri kỉ” – “như người dưng qua đường”. Một sự đổi thay quá là phù phàng của con người. Tình cảm là thứ dễ bị chia lìa đến thế sao, lòng người dễ dàng phôi pha chỉ bởi những phù phiếm vật chất đến thế sao?

+ Thông qua khổ thơ này, Nguyễn Du muốn khẳng định một hiện thực xã hội có tính chất quy luật: Khi người ta được sống trong đủ đầy thì người ta thương quên đi những năm tháng quá khứ khó khăn gian khổ.

**c. Khổ 4**

 Thế rồi một tình huống bất ngờ xảy ra đã đưa nhân vật trở vê với quá khứ. Đó là tình huống thành phố đột ngột mất điện:

*“Thình lình đèn điện tắt
Phòng buyn-đinh tối om
Vội bật tung cửa sổ
Đột ngột vầng trăng tròn”*

+ Mất điện. Cả căn phòng “tối om”. Không còn chút ánh sáng nào cạnh bên, nhân vật trữ tình bèn theo phản xạ tự nhiên mà “bật tung cửa sổ”, và cái mà người lính nhìn thấy, cảm nhận thấy đầu tiên không phải là ngọn gió mát rượi hay ngọn đèn đường rọi vào phòng mà là vầng trăng\_ vầng trăng tròn như những nghĩa tình thủy chung không phai nhòa theo thời gian\_ xuất hiện một cách “đột ngột”.

+ Các từ ngữ “thình lình, vội, bật tung, đột ngột” gợi tả cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ của con người. Ánh trăng tròn hiện lên sừng sững giữa bầu trời đen đặc kia đâu phải chỉ lúc “đèn điện tắt” mới có? Trăng vẫn luôn ở đó, vẫn luôn mang tấm lòng trọn vẹn thủy chung với người, nhưng chính sự vô tâm lạnh lùng đã ngăn cản nhân vật trữ tình để ý đến trăng, nhìn thấy trăng. “Bật tung cửa sổ”, cái cửa sổ ấy có lẽ không chỉ đơn thuần là cửa sổ bình thường, mà là cái cửa sổ của lạnh nhạt che khuất tâm hồn người lính, là rào cản đưa lòng người rời xa tình cảm quá khứ, là bức tường vốn đang từng ngày đưa tâm hồn con người vào bóng tối của sự hững hờ, bạc bẽo, tách dần khỏi ánh sáng nghĩa tình của vầng trăng yêu thương. Đến khi người lính vội vàng “bật tung cửa sổ”, không còn gì ngăn cách, không còn một ranh giới rào cản nào nữa, người chiến sĩ xưa mới nhận ra trăng, một cách thình lình và đột ngột, như không hề ngờ tới, không hề nghĩ tới.

+ Trăng vẫn tròn như những nghĩa tình vẫn đầy ắp không sứt mẻ, vẫn hiện diện bên cạnh nhân vật trữ tình như thuở ấu thơ, như thời chiến đấu; nhưng người đã không còn nhớ gì cả để rồi khi gặp mặt, người lính cảm thấy ngỡ ngàng tột độ.

**d. Khổ 5- Cảm xúc khi gặp lại vầng trăng**

Và khi người lính gặp lại vầng trăng năm xưa thì mọi quá khứ lại ùa về như một thước phim quay chậm:
*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng”*

+ Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nỗi như “có cái gì rưng rưng”. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

+ Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng\_ biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

+ Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính.

+ Với chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rưng rưng”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.
**3. Đánh giá: NT+ ND**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, ba khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong hiện tại. Khi cuộc sống đủ đầy, người lính đã quên đi tất cả kể cả vầng trăng mà anh đã từng nghĩ rằng mình sẽ không thể nào quên được. Đọc những lời thơ ấy, người đọc nhận ra ở nhà thơ Nguyễn Duy là một nỗi niềm trăn trở, là cảm xúc khó tả nghẹn ngào, là sự trân trọng đặc biệt dành cho những năm tháng quá khứ gian lao mà có những lúc chính nhà thơ cũng đã từng quên đi.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 4: Cảm nhận về chiều sâu suy ngẫm trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy thông qua đoạn thơ sau: ( \*)**

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình*

**A. Mở bài:**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Bài thơ đã gửi gắm những suy ngẫm của nhà thơ về con người và cuộc đời. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở 2 khổ thơ cuối.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

 Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ởthành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung ở hai khổ thơ đầu**

 Ở những khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ và hiện tại. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình. Nhưng trong hiện tại khi cuộc sống đủ đầy, người lính đã quên đi tất cả kể cả vầng trăng mà anh đã từng nghĩ rằng mình sẽ không thể nào quên được.

**b. Cảm xúc của người lính khi gặp lại vầng trăng**

Và khi người lính gặp lại vầng trăng năm xưa thì mọi quá khứ lại ùa về như một thước phim quay chậm:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
Có cái gì rưng rưng
Như là đồng là bể
Như là sông là rừng”*

+ Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nỗi như “có cái gì rưng rưng”. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

+ Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng\_ biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

+ Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính.

+ Với chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rưng rưng”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.
**c. Khổ 6. Suy ngẫm của nhà thơ**

 Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dưng, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tột độ. Mặc dù như vậy, trăng – gương mặt của ân tình quá khứ, vẫn điềm đạm, bao dung và cao thượng:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình.”*

+ Trăng vẫn tròn như tình nghĩa trọn vẹn thủy chung son sắt, nhân hậu của đất nước, cuộc đời, trái ngược với cái hờ hững của kẻ sống bạc bẽo. Trăng không lên tiếng trách móc mà im lặng, chẳng giận dỗi “người vô tình” mà bao dung. Tuy vậy, người lính vẫn không tránh khỏi bản án lương tâm, không tránh khỏi ám ảnh bởi ánh nhìn im lặng đầy vẻ trách cứ.

+ Trăng độ lượng, khoan dung, nhưng chính cái khoan dung ấy của trăng lại khiến lòng người nhói đau hơn bao giờ hết. Phải chi trăng cứ hờn dỗi, cứ trách mắng người lính năm xưa thì người lính đã chẳng phải đau lòng như thế. Đôi khi sự im lặng lại là sự trừng phạt nặng nề nhất.

+ “Ánh trăng im phăng phắc”\_ cái im lặng của trăng lại càng làm cho sóng gió trỗi dậy trong tâm trí, càng làm lương tri nhân vật trữ tình – người lính cảm thấy đau xót, đau xót đến “giật mình”.

+ Giật mình đồng nghĩa với việc thức tỉnh, nhưng không phải sự thức tỉnh nhẹ nhàng mà lại vô cùng dữ dội. Cả bài thơ như lắng đọng trong từ “giật mình”, và tâm trạng giật mình đó cũng chính là cái kết của bài thơ, của một câu chuyện đời đầy ý nghĩa.

=>Bài học tình nghĩa về tri ân quá khứ được viết ra, nhưng con người đã phải trả cái giá quá đắt để học nó. Người ta không thể nào mải chìm đắm trong quá khứ mà tiến lên, nhưng cũng không thể nào tiến lên mà không có bước đệm của quá khứ. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. Luôn nhớ, yêu thương, không quên ngày đã qua. Một triết lý sống giản đơn nhưng sâu sắc: tình người.

**3.Đánh giá**

 Với ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, cô đọng, giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm được thể hiện qua thể thơ năm chữ kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình, hai khổ thơ cuối của bài thơ “Ánh trăng” như một lời tâm sự, nhắc nhớ người ta sống tình cảm với những quá khứ đã qua, trân trọng, biết ơn những thứ mình đã có và đang có. “Ánh trăng” thực sự để lại trong lòng người đọc rất nhiều những suy tư đáng quý.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 5: ( \*)**

Suy nghĩ của em về hình ảnh con người đối diện với vầng trăng trong hai đoạn thơ sau:

 *Đêm nay rừng hoang sương muối*

 *Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

 *Đầu súng trăng treo.*

(Trích *Đồng chí*, Chính Hữu, *Ngữ văn 9,* Tập 1,trang 129, NXB Giáo dục 2009)

 *Ngửa mặt lên nhìn mặt*

 *có cái gì rưng rưng*

 *như là đồng là bể*

 *như là sông là rừng*

 *Trăng cứ tròn vành vạnh*

 *kế chi người vô tình*

 *ánh trăng im phăng phắc*

 *đủ cho ta giật mình.*

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9*, Tập 1,trang 165, NXB Giáo Dục )

**Gợi ý**

**a. Về kỹ năng**

- Biết cách làm kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ.

- Kết hợp tốt các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh…

- Diễn đạt lưu loát, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

**b. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần tập trung làm rõ các ý sau:

**1. Mở bài**

- Giới thiệu tóm tắt hai tác giả: Nguyễn Duy, Chính Hữu.

- Dẫn trích và giới thiệu về vầng trăng trong văn học và trong hai đoạn trích: Ánh trăng, Đồng chí,

**2. Thân bài**

**a.Khái quát về hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của hai bài thơ**

**b. Cảm nhận về hình ảnh con người đối dienj với vaanfd trăng trong 2 bài thơ**

**a. Đoạn thơ bài Ánh trăng.**

\* Được bắt đầu từ khi gặp lại vầng trăng:

- Điệp từ “mặt”, lối chuyên nghĩa độc đáo:

+ Diễn tả giây phút soi chiếu, giao hòa giữa con người và vầng trăng

+ Soi vào trăng để con người nhận ra mình và nhận ra cả sự đổi thay của mình.

- “Rưng rưng”: là những cảm xúc đang ùa về trong giây phút con người nhận ra vầng trăng tri kỉ của đời mình > để rồi thức tỉnh.

- “Đồng, bể, sông, rừng”:

+ Xóa đi thời gian, không gian, đưa con người về quá khứ.

+ Kéo trăng và người xích lại gần nhau.

+ Để trăng vẫn vẹn nguyên là tri kỉ.

+ Để con người nhận ra sự nông cạn, thờ ơ, bạc bẽo của chính mình,

\* Càng sâu sắc hơn khi:

-“Trăng”:

+ *“tròn vành vạnh*”, ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ vơi cạn của nhân dân, đất nước.

+ "*im phăng phắc";* bao dung, độ lượng và nghiêm khắc => cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người,.

- Người "*giật mình”* => thức tỉnh:

+ Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn.

+ Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng,

+ Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ, biết sống ân nghĩa, thủy chung.

=> Với khoảnh khắc giật mình, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mãnh liệt của lương tri con người.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ ngũ ngôn với nhiều sáng tạo độc đáo,

+ Sự kết hợp hài hòa giữa chất tự sự và trữ tình.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi mà giàu sức gợi.

+ Giọng điệu tâm tình thấm thía, khi thì thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng, suy tư,

**b. Đoạn thơ bài Đồng chí**

Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí:

\* Được xây dựng trên nền một hoàn cảnh khắc nghiệt:

- Thời gian, không gian: Từng đêm hoang vu, lạnh lẽo,

- Không khí căng thẳng trước một trận chiến đấu.

=> Tâm hồn họ vẫn bay lên với hình ảnh vầng trăng nơi đầu súng. ->Họ vẫn xuất hiện trong tư thế điềm tĩnh, chủ động “chở giặc tới”.

=> Nhờ tựa vào sức mạnh của tinh thần đồng đội. Họ “đứng cạnh bên nhau” và trở thành một khối thống nhất không gì lay chuyển nổi.

\* Được biểu hiện qua một hình ảnh thơ độc đáo, đầy sáng tạo: “Đẩu súng trăng treo”.

- Vốn là một hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu.

- Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú

+ Gợi liên tưởng chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường - lãng mạn, chất chiến sĩ - chất thi sĩ,

+ Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trong, sâu sắc. Sự xuất hiện của vầng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh.

+ Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dẫu phải băng qua lửa đạn chiến tranh.

+ Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam - một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hưởng đến những khát vọng thanh bình.

- Nghệ thuật: Lối miêu tả chân thực, tự nhiên, từ ngữ, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén.

**c. Suy ngẫm về giây phút con người đối diện với vầng trăng**

- Giống nhau:

+ Vầng trăng là người bạn thủy chung, tình nghĩa.

+ Vầng trăng luôn bên cạnh con người, nâng đỡ con người trong những phút khó khăn, đưa đường dẫn lối con người trở về với những giá trị nhân văn tốt đẹp.

**- Khác nhau**

+ Đồng chí: vầng trăng là người đồng chí, là người bạn, là biểu tượng của hòa bình, tự do.

+ Ánh trăng: vầng trăng mang ý nghĩa thức tỉnh, giúp con người sống với những giá trị đẹp đẽ của dân tộc “Uống nước, nhớ nguồn”

**c. Đánh giá nghệ thuật, nội dung của 2 đoạn thơ, nhận định về tác giả qua 2 đoạn thơ đó**

**3. Kết bài:** Khẳng định: ý nghĩa được gợi ra từ đoạn thơ, cảm xúc, tình cảm của bản than khi tìm hiểu về hai đoạn thơ

**LÀNG**

*( Kim Lân)*

**ĐỀ SỐ 1: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA TRUYỆN NGẮN “LÀNG” - KIM LÂN**

**I. Mở bài**

 **Cách 1**: Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm but của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng » . Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm.

 Cách 2: Đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất màu mỡ để các nhà văn ươm trồng lên biết bao kiệt tác. Trước CMT8 Ngô Tất Tố đã đem đến cho người đọc một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân bị áp bức, Nam Cao đem đến một lão Hạc một người giàu lòng tự trọng và lòng thương con vô bờ bến. Sau CM Kim Lân nhà văn của nông dân đã đem đến cho người đọc hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới, đó là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn «  Làng ». Truyện kể về ông Hai một người nông dân có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm

 **Cách 3:** Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đọc truyện ngắn *“Làng”* của nhà văn Kim Lân, người đọc vô cùng ấn tượng về nhân vật ông Hai. Đó là một người nông dân có tình cảm yêu làng, yêu nước, đáng quý, đáng trân trọng

**II. Thân bài**

**1. Khái quát**

 Truyện ngắn *“Làng”* được viết vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược. Câu chuyện xoay quanh nhân vật chính là ông Hai **-** một người rất tự hào và yêu mến làng Chợ Dầu của mình. Do chiến tranh nên gia đình ông phải tản cư nhưng ông luôn mong ngóng tin tức về làng. Hình ảnh ông Hai đau khổ khi nghe tin làng theo giặc được miêu tả rất độc đáo. Cuối truyện, ông Hai vui mừng khi nghe tin cải chính rằng làng mình không theo giặc dù cho nhà ông bị đốt trong đám cháy ấy. Ở nhân vật này, ông Hai thể hiện nhận thức của mình, hơn cả là nhận thức chung của giai cấp nông dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Từ tình yêu làng da diết, nhân vật đã nâng lên thành tinh thần yêu nước mạnh mẽ, hi sinh tài sản riêng để giữ vững lòng trung với Tổ Quốc.

**2. Cảm nhận nhân vật ông Hai**

**a. Hoàn cảnh của nhân vật**

- Ông Hai là một Lão nông quê ở làng Chợ Dầu.

- Ông lão yêu làng nên hay khoe về làng Chợ Dầu của mình. Nếu trước cách mạng ông hay khoe với sự giàu có trù phú của làng. Thì sau cách mạng ông lão luôn yêu và tự hào về phong trào kháng chiến của làng ông.

- Theo lệnh của ủy ban kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ban đầu ông nhất định không đi cùng anh em dân quân tự vệ đánh Pháp, nhưng về sau ông tự nhủ tản cư âu cũng là kháng chiến.

=> Nhận xét: Từ hoàn cảnh của nhân vật ông Hai, nhà văn giúp người đọc nhận ra được nét phẩm chất đáng quý trong tâm hồn của lão nông chất phát. Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu đất nước, kháng chiến đây cũng là sự thay đổi lớn trong tư tưởng và nhận thức của người nông dân trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vẻ đẹp của nhân vật ông Hai được thể hiện chân thực và cảm động qua tác phẩm.

**a. Trước khi nghe tin làng theo giặc, ở nơi tản cư, ông Hai luôn nhớ làng da diết, muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.**

*\* Chuyển ý:* Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương - nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

+ Trước Cách mạng tháng Tám: Khi nhắc đến làng là ông Hai tự hào về cái *“sinh phần”* của viên tổng đốc làng ông, nó nguy nga, đồ sộ. Không những thế, ông còn khoe và hãnh diện với mọi người về: *“con đường làng trải toàn là đá xanh. Trời mưa, trời gió bão, bùn đi không dính gót. Trong làng, nhà ngói san sát như trên tỉnh”.*

+ Sau cách mạng tháng Tám: Khi khoe làng, ông còn nhắc đến những ngày *“cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá….”*. Điều đó cho thấy rõ ràng trong ông Hai đã có sự thay đổi về nhận thức. Trước đây ông chỉ chú ý đến cái hào nhoáng, bóng bẩy bên ngoài thì giờ đây ông trân trọng những kỉ niệm khi cùng mọi người xây dựng cho làng. Từ hình ảnh khoe làng giàu và đẹp, ông đã thay đổi nhận thức của mình. Làng vẫn giàu và đẹp đó nhưng giờ đây làng rất yêu nước, rất “*tinh thần”.*

- Ngoài ra, tình yêu ấy còn thể hiện khi gia đình ông xa làng đi tản cư. Ông nhớ: *“Ôi nhớ làng, nhớ cái làng quá”*. Điều đó không lạ bởi *“làng”* là nơi thân thương gắn bó, là nơi chôn nhau cắt rốn gắn với những kỉ niệm sâu sắc của người nông dân. Sự gắn bó ấy làm sống dậy tâm hồn của những sự vật tưởng gần như vô tri vô giác.

*\* Liên hệ - mở rộng:* Nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.”

 (Chế Lan Viên)

- Điều khiến người đọc trân trọng và cảm phục đó chính là lòng yêu nước nồng nàn. Mặc dù rất muốn cùng anh em ở lại giữ ngôi làng thân thuộc nhưng vì chính sách của cụ Hồ, ông Hai đành phải làm theo và tự nhủ *“tản cư cũng là kháng chiến”.* Có thể thấy, ông Hai và những người có suy nghĩ như ông đều tin rằng bản thân mình tuân theo điều lệnh cũng chỉ để phục vụ cho việc kháng chiến diễn ra suôn sẻ. Ấy là một cách nghĩ đơn giản nhưng có lí, có tình.

- Ở nơi xa quê hương, hình ảnh một ông lão đứng ngóng chờ nghe tin tức kháng chiến thật dễ mến. Mỗi khi có tin báo thắng lợi từ đài phát thanh “*ruột gan ông như múa cả lên”,* lúc ấy, ông Hai rất vui và hòa cùng tiếng reo với mọi người. Tình yêu làng của ông Hai cũng là tình yêu của biết bao nhiêu con người Việt Nam trong kháng chiến. Chính tình yêu ấy là động lực thôi thúc họ giữ đất, giữ làng, giữ nét văn hóa cổ truyền của dân tộc.

**b. Tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.**

*\* Chuyển ý*: Tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước của ông Hai được nhà văn khắc họa chân thực và cảm động qua một tình huống gây cấn, và kịch tính đó là tình huống ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.

**-** Nghe tin sét đánh ấy, ông Hai bàng hoàng: *“cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”.* Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. - Cái tin ấy được những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ *“chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại”* làm ông không thể không tin. Sự đau đớn thể hiện rõ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của ông lão.

=> Không đau đớn và bàng hoàng sao được vì sâu thẳm trong con tim ông làng Chợ Dầu là làng anh hùng, làng của kháng chiến và cách mạng. Thế mà giờ đây, tất cả niềm tin, hi vọng, niềm tự hào đã hoàn toàn sụp đổ trong ông.

- Vì vậy mà **trên đường về nhà** *“ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi”,* ông xấu hổ không dám nhìn ai, ông tự vấn lương tâm của chính mình. Rồi ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà. Còn gì chua chát, đau đớn hơn khi giọng nói của người đàn bà cho con bú vẳng vọng theo: “*Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn tha. Còn cái giống Việt gian bán nước chỉ cho mỗi đứa một nhát.”* => Tình yêu làng bị sụp đổ, tình cảm của ông bị tổn thương. Và chỉ có tình yêu sâu nặng với quê hương của mình, con người ta mới thấy nỗi đau đớn ấy mà ông Hai là một ví dụ điển hình. Còn gì đớn đau hơn khi lòng tự tôn của mình lại bị một sự thật bẽ bàng làm cho sụp đổ. Còn gì đớn đau bằng cái nỗi đau về nơi mình luôn tự hào lại là nơi mình phải hổ thẹn?

- Sự uất ức đến căm giận theo đuổi ông mãi **khi về tận nhà**. *“Về đến nhà ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác nên bọn nó len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau”*. Lúc ấy, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*, ông rít lên những tiếng kêu đau đớn, nhục nhã. Đồng cảm với nhân vật ấy, người đọc như cảm nhận sự đau đớn, hổ thẹn và uất ức theo từng cử chỉ, từng hành động của ông. Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn. *“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.*

*-* Nghệ thuật độc thoại nội tâm diễn tả cụ thể những câu hỏi giằng xé trong đầu ông Hai. Nếu không yêu làng đến thế thì ông không đau đớn, tủi nhục đến vậy. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.* Niềm tin, nỗi ngờ vực giằng xé trong ông. *“Ông kiểm điểm lại từng người trong óc”*, thấy họ đều có tinh thần cả *“có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”.* Ông đau xót nghĩ đến cảnh *“người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”.*

=> Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, chân lấm, tay bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

- Từ đau đớn, nhục nhã, ông Hai trở nên gắt gỏng với vợ con. Rồi tâm trạng ông Hai chuyển dần sang **lo lắng, sợ hãi**: “*Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng … Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.”*. Nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông cảm thấy như mình mang nỗi nhục của tên bán nước Việt gian theo Tây. **Từ chỗ một con người sống cởi mở, niềm nở, ông trở thành người khép nép, lo lắng.**

- Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi **bà chủ nhà có ý đuổi gia đình** ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Ông đau khổ không phải vì bị đuổi đi mà đau khổ vì lí do bị đuổi. Có lúc ông lại nghĩ đến việc về lại làng nhưng lại nghĩ: *“Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.”,* là cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước bởi dẫu tình yêu, niềm tin và tự hào về làng Dầu có bị lung lay nhưng niềm tin về Cụ Hồ và cuộc kháng chiến không hề phai nhạt. Đó là cả một nhận thức lớn trong tâm hồn của người nông dân. Với một người chỉ qua lớp bình dân học vụ, chỉ biết vài con chữ nhưng mỗi sáng vẫn đọc to từng chữ trên báo, vẫn hòa cùng mọi người bàn tán về tình hình, ta thấy tinh thần ấy thật đáng quý.

- Thật khó để ông đi đến lựa chọn: *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.* Câu nói ấy thể hiện tấm lòng son sắc của ông dành cho quê hương, đất nước, qua đó ông đưa ra quyết định, thà không quay về làng cho thấy sự kiên quyết trong cách nghĩ, cách sống của ông Hai. Niềm mơ ước lớn lao nhất của ông chính là được quay về làng thăm lại anh em, đồng chí. Vậy mà giờ đây, ông không những buộc phải bỏ làng mà còn thù làng. Chắc chắn, để đi đến quyết định này, nhân vật cũng khổ tâm và đau đớn hơn cả. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn. **Người nông dân trong văn của Kim Lân là như thế, yêu ghét rõ ràng, rạch ròi.**

- Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, để vợi bớt nỗi đau đớn, dằn vặt trong lòng và yên tâm về quyết định của mình, ông chỉ biết trò chuyện với cu Húc, đứa con út, giúp ông bày tỏ tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu, bày tỏ tấm lòng thủy chung son sắt với kháng chiến, với Cụ Hồ(chết thì chết có bao giờ dám đơn sai). Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chồng chéo đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính mình, đang giãi bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “*Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”*. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

**c. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.**

*\* Chuyển ý*: Tình yêu làng, yêu nước lại một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối của tác phẩm, khi đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn nhất thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính.

- Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu. Miệng ông *“bô bô”* từ đầu ngõ, chạy hết nơi này đến nơi khác khoe với mọi người về cái tin làng ông bị đốt, nhà ông bị đốt rằng *“Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Toàn là sai sự mục đích cả. Láo. Láo hết”*. Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí *“Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước”* của người nông dân lao động bình thường. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Phải chăng, niềm hạnh phúc to lớn hơn đằng sau ấy là một tấm lòng yêu nước trong sạch, kiên định theo chính sách của cụ Hồ?Đây chính là chi tiết khiến người đọc bùi ngùi, trân trọng hơn tình yêu của ông Hai dành cho làng, cho kháng chiến và cho tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

*\* Liên hệ mở rộng:* Quả đúng như nhà văn Ra-xun Gam-za-tốp đã từng nói *“Người ta chỉ có thể tách con người ra khỏi quê hương, chứ không thể tách quê hương ra khỏi con người”* có nghĩa là con người có thể rời xa quê hương về mặt khoảng không vũ trụ, địa lý nhưng trong sâu thẳm trái tim, tâm hồn mỗi người, quê hương vẫn luôn tồn tại.

**3. Đánh giá khái quát**

 Truyện ngắn *"Làng"* đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai từ một tình huống có tính bất ngờ, căng thẳng, thử thách. Nội tâm nhân vật được miêu tả cụ thể gợi cảm và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh day dứt. Ngôi kể mang đậm sắc thái nông thôn, góp phần khắc hoạ tính cách điển hình của nhân vật. Có được thành công này vì Kim Lân Không chỉ là một cây bút truyện ngắn vững vàng, đặc sắc mà còn rất am hiểu gắn bó với người nông dân ở nông thôn Việt Nam. Từ diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai, nhà văn ca ngợi tình cảm yêu làng yêu nước bền chặt sâu sắc trong ngày đầu kháng chiến. Nhân vật ông Hai trở thành nhân vật điển hình của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

**III. Kết bài**

Nhân vậtông Hai là nhân vật tiêu biểu, điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miểu tả nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân: hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

 **ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ÔNG HAI TRONG ĐOẠN TRÍCH SAU: ( \*)**

*Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:
- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?
- Là con thầy mấy lại con u.
- Thế nhà con ở đâu?
- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?
Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:
- Có.
Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:
- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?
Thằng bé dơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:
- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!
Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:
- Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.
Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.
Anh em đồng chí biết cho bố con ông.
Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.
Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai: Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.*(Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**A. Mở bài**:

 Cách 1: Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm but của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trongđó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng » . Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm. Nhưng được thể hiện sâu sắc nhất qua cuộc trò chuyện của ông Hai với đứa con út ta mới thấm thía điều đó.

 Cách 2: Đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất màu mỡ để các nhà văn ươm trồng lên biết bao kiệt tác. Trước CMT8 Ngô Tất Tố đã đem đến cho người đọc một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân bị áp bức, Nam Cao đem đến một lão Hạc một người giàu lòng tự trọng và lòng thương con vô bờ bến. Sau CM Kim Lân nhà văn của nông dân đã đem đến cho người đọc hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới, đó là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn «  Làng ». Truyện kể về ông Hai một người nông dân có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm. Nhưng được thể hiện sâu sắc nhất qua cuộc trò chuyện của ông Hai với đứa con út ta mới thấm thía điều đó.

 Cách 3: Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đến với đoạn truyện kể về cuộc trò chuyện của ông Hai với đứa con út ta mới thấm thía điều đó.

B .Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm

 **- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Được đăng lần đầu trên báo văn nghệ năm 1948. Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ. Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã vào làng. Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu". Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã.

**- Khái quát chủ đề:** Truyện ngắn “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân trong thời kì đổi mới đó là tình yêu làng quê hòa quyện, thống nhất trong tình yêu đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn truyện trên là lời tâm sự của ông Hai với đứa con Út **-** Đã diễn tả tâm trạng đau khổ, bế tắc, cũng như tình yêu “Làng” và tấm lòng chung thủy của ông với kháng chiến, với cụ Hồ.

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai**

**a. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

**-** Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình.

- Ông Hai là một người nông dân Việt Nam sinh ra ở làng chợ Dầu, thuần hậu, chất phác. Giống như bao người nông dân khác ông Hai có một tình yêu với làng quê thiết tha sâu nặng.

- Trước cách mạng ông thường khoe về sự giàu có trù phú của làng với một niềm tự hào, kiêu hãnh.

- Khi cuộc kháng chiến bùng nổ ông phải rời làng tới nơi tản cư mới. Ở nơi tản cư ông luôn đau đáu nhớ về làng quê của mình, nhớ về tinh thần kháng chiến, nhưng rồi bỗng nhiên ông nghe tin làng chợ Dầu theo tây. Cái tin đó làm cho ông từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tự hào, kiêu hãnh rơi xuống vực thẳm của sự đau xót, tủi hổ, nhục nhã.

- Quá đau khổ nhục nhã, ông Hai không dám đi đâu, không biết tâm sự cùng ai, nhất là khi nghe tin mụ chủ nhà đuổi khéo, ông Hai rơi vào tận cùng của sự bế tắc, giằng xé và cuối cùng ông quyết định dứt khoát tột cùng đau đớn: “ làng thì yêu thật nhưng theo tây thì phải thù”

**b. Tâm trạng của ông Hai khi tâm sự với thằng con út**

*Chuyển ý:*Mặc dù quyếtđịnh như vậy nhưng trong lòng ông Hai vẫn bộn bề tâm trạng, dồn nén và bế tắc ông Hai trút lòng mình vào lời tâm tình thủ thỉ với đứa con út.

**\*Tại sao ông Hai chọn trò chuyện với con?**

Sẽ có không ít người đọc thắc mắc rằng tại sao ông Hai lại chọn trò chuyện với đứa con út - một đứa trẻ chưa hiểu chuyện gì, chưa biết gì về kháng chiến, về cách mạng. Trò chuyện với đứa con còn bé là cái cách để ông trải lòng mình, để tự minh oan cho mình và cũng là để ông có thêm niềm tin vào những điều mà ông đã chọn lựa. Xây dựng chi tiết này cho thấy Kim Lân thực sự rất am hiểu tâm lí của con người, nhất là người nông dân trong kháng chiến.

**Luận điểm 1: Ông Hai có tình yêu làng quê tha thiết sâu nặng**

**\* Trong cuộc trò chuyện ông vẫn hướng con về làng, về quê hương nguồn cội**

- Mở đầu đoạn trích là hình ảnh ông Hai: “ Ôm thằng út vào lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó”

=> Cử chỉ ấy xiết bao trìu mến thân thương mà ông Hai dành cho con.

 **-** Mặc dù cái làng mà ông rất mực tin yêu đã theo giặc, dù cho làng đã phản bội ông đến mức ông “phải thù” làng thế nhưng khi nói chuyện với con ông vẫn hỏi: *:"Thế nhà con ở đâu?Thế con có thích về làng chợ Dầu không?"* Câu hỏi có vẻ ngô nghê mà ông biết trước được câu trả lời của con nhưng dường như ông vẫn muốn nghe .

=> Hỏi con như vậy là ông vẫn muốn con nhớ về cội nguồn, gôc gác của mình. Muốn con hiểu rằng Chợ Dầu chính là quê hương của con, là nơi con được sinh ra và lớn lên, được yêu thương và che chở. Điều đó có nghĩa là dù đã thù làng nhưng trong sâu thẳm tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn dành cho làng một tình yêu tha thiết, mãnh liệt. Câu hỏi của ông với con cũng là cái cách ông kiểm tra tình cảm của mình. Nghe câu trả lời của con chắc ông vui lắm,vui vì dường như nó đã trùng với suy nghĩ của ông. Như vậy có thể khẳng định tình yêu với làng chợ Dầu trong chưa chết hẳn,chỉ có điều giờ đây đó là một tình yêu đau đớn,một bi kịch.

**\*Luận điểm 2: Ông Hai một long thủy chung với kháng chiến, với cách mạng và cụ Hồ.**

- Ông Hai yêu làng ai cũng phải thừa nhận nhưng hơn cả ở nhân vật này là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến. Điều đó cũng được bộc lộ một cách rõ nét trong cuộc trò chuyện của ông với con. Ông hỏi con tiếp: *“Thế con ủng hộ ai?".* Câu trả lời của đứa con*:" Ủng hộ Hồ Chí Minh Muôn năm"* dường như đã hoàn toàn trùng khít với suy nghĩ và tình cảm của ông.

- Ông hãnh diện vì điều đó, ông tự hào về điều đó,ông hạnh phúc vô cùng. Nghe con nói vậy, nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ “ Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”. Ông khóc vì hạnh phúc, khóc vì con ồn còn rất nhỏ nhưng đã có tinh thần kháng chiến,đã có niềm tin bất diệt vào cách mạng, vào cụ Hồ. Ông lặp lại câu nói của con nhưng thực chất là để nói rõ lòng mình. Ông tin kháng chiến, tin cách mạng, ông sẵn sàng hi sinh tình cảm riêng của mình vì tình cảm cao đẹp đó.

=> Mặc dù nhắc con phải luôn nhớ về làng, phải khắc sâu trong tim, tình yêu làng chợ Dầu. Ông Hai không quên trách nhiệm của mình với kháng chiến, với cụ Hồ. Nếu làng chợ dầu là nơi ông sinh ra gắn bó cả cuộc đời, thì cuộc kháng chiến, cách mạng và cụ Hồ lại cho ông, gia đình ông một cuộc sống tự do, thoát khỏi ách nô lệ. Vì thế khi nghe con nói ủng hộ HCM thì nước mắt ông chảy ròng ròng, đó là những giọt nước mắt xúc động ăn năn của một lão nông đang bị mang tiếng là việt gian theo giặc nhưng một lòng ủng hộ cụ Hồ.

- Nỗi tủi thân dồn nén trong mấy ngày qua nay mới có dịp bộc lộ. Ngần ấy tuổi đầu mà “nước mắt cứ ròng ròng” => Nỗi đau ấy mới đáng trân trọng làm sao, bởi đó là nỗi đau của một con người coi trọng danh dự của làng như danh dự của chính bản thân mình.

- Thế rồi ông tự nhủ với mình thực chất là để ngỏ long mình, minh poan cho mình. Bằng một lời lẽ chân thành, mộc mạc: “ anh em đồng chí biết cho bố con ông”, “ Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi bố con ông” , “ Cái long bố con ông … đơn sai”

- Đến đây ta không chỉ trân trọng tình cảm của ông đối với làng quê đối với đất nước mà ta còn vui sướng tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam,tự hào về dòng máu yêu nước luôn chảy trong trái tim mỗi con người Việt Nam,trong dòng máu của ông và trong dòng máu đứa con ông. Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa. “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai” Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần. **Tình yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng nơi ông thật sâu sắc, mãnh liệt!**

**=> Chỉ bằng lời nói đó thôi mà ta thật rõ tấm long của ông Hai: Thủy chung với kháng chiến, biết ơn chân thành , bền vững và thiêng liêng với cách mạng và cụ Hồ. Vì chính CM, cụ Hồ đã giúp gia đình, làng quê ông thoát khỏi kiếp nô lệ, có cuộc sống tự do.**

**Chốt: Lời thủ thỉ với đứa con nhỏ dại chính là tiếng long sâu thẳm của ông Hai diễn tả tâm trạng đau khổ, bế tắc cũng như tình yêu làng chợ dầu thiết tha, sâu nawngjvaf long thủy chung son sắc với kháng chiến, với cụ Hồ.**

**- Nâng cao: Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp có tình yêu làng hòa quyện thống nhất trong tình yêu đát nước thiết tha sâu nặng.**

**3. Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi., ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam. Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**3. Kết bài:**

 **Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể lại cuộc trò chuyện giữa ông Hai với con đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ cuộc trò chuyện của ông Hai với con, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về niềm tin, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ ĐOẠN TRUYỆN SAU: ( \*)**

**Đề bài:** Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:

*Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa ông lão đã bô bô:*

*-Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết...cái chính là cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.*

*-Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính...cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*.

        (Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**A. Mở bài**

 Kim Lân là cây bút văn xuôi xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam. Vốn sống và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn nên ông chủ yếu viết về sinh hoạt nơi làng quê và cảnh ngộ người nông dân. Sau CMT8 - 1945 bằng ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, giản dị, ngòi bút miêu tả tâm lí người dân vô cùng tinh tế, nhà văn đã thành công khi phản ánh sự chuyển biến lớn trong tư tưởng nhận thức của người dân: Tình yêu làng quê gắn liền với tình yêu kháng chiến. Điều này được khắc họa rõ nét qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “ Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể về tâm trạng của ông Hai khi nghe được tin cải chính.

B .Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm

 Truyện làng được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng truyện ngắn của ông mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai**

**a. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

 Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Nhưng tất cả những khổ đau, tủi nhục ấy đã tan biến hết khi ông nghe được tin cải chính. Ông Hai như được hồi sinh, “bệnh” hay khoe của ông lại “tái phát”.

**b. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**\*Ông Hai là một người nông dân ít chữ, chân chất, mộc mạc.**

 Đọc đoạn trích này, ta không khỏi ấn tượng với hình ảnh ông Hai- một người nông dân ít học, chân chất mộc mạc. Nhận được tin cải chính, ông đi khoe khắp nơi. Ông gọi “Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy?” rồi “Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả” Cái cách ông Hai trò chuyện và giao tiếp với mọi người mới thân thiện và gần gũi làm sao. Ông ít học, không thông thạo chữ nghĩa nhưng lại thích dùng chữ. Kim Lân để cho ông năm lần bảy lượt nói “Toàn là sai sự mục đích” nhưng không hề biết rằng mình đang dùng sai từ. Thế đấy, người nông dân bao giờ cùng mộc mạc và giản dị như vậy.

**\*Tuy nhiên, nổi bật hơn cả ở ông Hai trong đoạn trích này là tinh thần sẵn sàng hi sinh vì kháng chiến.**

 Đọc đoạn trích, có lẽ gây ấn tượng với người đọc nhất là hình ảnh ông Hai chạy đi khắp nơi chỉ để khoe “Tây nó đốt nhà tôi rồi. Đốt nhẵn!” Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn, người ta phải dành dụm cả đời mới có thể làm được một căn nhà. Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đế tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của “Làng” - làng Dầu đang bị hai tiếng việt gian theo tây - thì ông Hai không vui sướng sao được vì nhà bị tây đót là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp. Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. Thế đấy niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

**3. Đánh giá**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.**

**- Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**C. Kết bài:**

 **Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng được cải chính đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về đức hi sinh, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ÔNG HAI TRONG ĐOẠN TRÍCH SAU: ( \*)**

“Cổ ông lão nghẹn ắng hằn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở có, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại …

[...] Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng [...]

Ông Hai củi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến vụ chủ nhà.

 Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sặm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão năm chặt hai tay lại mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.{....}

Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cái cơ *sự này chưa?”*

*(Làng - Kim Lân)*

**A. Mở bài**: Giới thiệu vấn đề nghị luận

 Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể lại diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi ông vừa nghe được tin làng mình theo giặc

B. Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Được đăng lần đầu trên báo văn nghệ năm 1948. Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ. Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã vào làng. Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu". Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã.

**Khái quát chủ đề:** Truyện ngắn “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân trong thời kì đổi mới đó là tình yêu làng quê hòa quyện, thống nhất trong tình yêu đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn truyện trên diễn tả rất chân thật và xúc động tâm trạng của ông Hai khi nghe làng chợ Dầu theo Việt gian. Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật vào tình huống truyện độc đáo ấy, nhà văn đã làm nổi bật tình yêu làng quê thiết tha sâu nặng của ông.

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai**

**a. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

**-** Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình.

- Ông Hai là một người nông dân Việt Nam sinh ra ở làng chợ Dầu, thuần hậu, chất phác. Giống như bao người nông dân khác ông Hai có một tình yêu với làng quê thiết tha sâu nặng.

- Trước cách mạng ông thường khoe về sự giàu có trù phú của làng với một niềm tự hào, kiêu hãnh.

- Khi cuộc kháng chiến bùng nổ ông phải rời làng tới nơi tản cư mới. Ở nơi tản cư ông luôn đau đáu nhớ về làng quê của mình, nhớ về tinh thần kháng chiến, nhưng rồi bỗng nhiên ông nghe tin làng chợ Dầu theo tây. Cái tin đó làm cho ông từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tự hào, kiêu hãnh rơi xuống vực thẳm của sự đau xót, tủi hổ, nhục nhã.

- Quá đau khổ nhục nhã, ông Hai không dám đi đâu, không biết tâm sự cùng ai, nhất là khi nghe tin mụ chủ nhà đuổi khéo, ông Hai rơi vào tận cùng của sự bế tắc, giằng xé và cuối cùng ông quyết định dứt khoát tột cùng đau đớn: “ làng thì yêu thật nhưng theo tây thì phải thù”

**b. Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai**

*\* Chuyển ý***:** Và để khắc sâu hơn tình yêu làng, yêu nước của ông Hai nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật ông Hai vào tình huống đặc biệt đó là khi ong nghe tin dữ, làng chợ Dầu của ông theo Việt gian, theo tây.

**\* Hoàn cảnh khi nghe tin dữ:** Như mọi sáng, hôm ấy ông Hai cũng ra phòng thông tin nghe tin tức kháng chiến, Ông vô cùng vui mừng khi nghe tin kháng chiến của quân ta báo về lien tục khiến “ Ruột gan ông lão cứ như múa cả lên”

**\* Tâm trạng bàng hoàng, sửng sốt đau khổ khi bất ngờ nghe được tin làng theo giặc.**

Nhà văn Kim Lân đã thực sự rất tài tình khi xây dựng tình huống truyện. Ông để cho ông Hai vui sướng đến tột độ khi nghe được nhiều tin kháng chiến rồi bất ngờ cho ông nghe được tin làng theo Tây. Cuộc gặp gỡ với đoàn tản cư trên đường trở về từ phòng thông tin diễn ra thật bất ngờ. Gặp được đoàn tản cư với ông là một cơ hội để ông hỏi về cái làng quê yêu dấu của mình và háo hức được nghe tin làng chiến đấu chống giặc ngoan cường.

- Nhưng cái điều ông chờ đợi không đến. Trên đường trở về nhà, ông gặp người đàn bà tản cư dưới xuôi lên, ông Hai bất ngờ nghe được tin dữ làng chợ Dầu của ông theo giặc.

Lời kể của người đàn bà cho con bú đã dập tắt tất cả: *"cả làng chúng nó việt gian theo tây còn giết gì nữa"*. Lời nói đỏng đảnh đầy chế giễu của người đàn bà cho con bú giống như một nhát dao cứa vào trái tim ông,nghe như một tiếng sét bên tai làm ông hoảng loạn và sụp đổ:" Cổ nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân.Ông lão lặng đi tưởng đến không thở được".

 => Đó là cái cảm giác sững sờ choáng váng , co thắt từng khúc ruột của ông; là trạng thái phản ác tâm lí hết sức tự nhiên của một người quá yêu làng. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai. Sở dĩ ông choáng váng , sững sờ vì trong thâm tâm của ông cái làng chợ Dầu quê ông vốn rất kiên cường, ấy vậy mà giờ đây niềm tin ấy đã hoàn toàn sụp đổ. Nỗi đau khổ cực độ ấy càng chứng minh ông là người yêu làng chợ Dầu tha thiết lắm.càng yêu bao nhiêu càng đau khổ bấy nhiêu. Như thế là phù hợp với quy luật của cảm xúc.

**\*Tuy nhiên ông vẫn chưa tin vào những điều mà mình vừa nghe**

Tuy nhiên đến khi trấn tĩnh lại ông hỏi giọng như lạc đi vì chưa hết bang hoàng: "*Liệu có thật không hở bác ?*". Câu hỏi thể hiện sự bán tín, bán nghi. Ông hi vọng đó là một tin đồn thất thiệt, chỉ là một sự nhầm lẫn nào đó chăng? Nhưng người đàn bà khẳng định họ vừa dưới xuôi lên và kể tên một loạt những người, những việc của làng ông thì ông Hai như bị gội một gáo nước lạnh lần hai, làm tắt ngẫm niềm hi vọng cuối cùng của ông.

 Ông làm sao có thể tin được rằng làng chợ Dầu theo Tây, người dân làng ông là Việt gian. Niềm yêu thương mãnh liệt, sâu nặng của ông làm sao chó thể chấp nhận được điều ấy. “Hay là chỉ lại….” Lời ông nói được kết thúc bằng dấu chấm lửng. Ông không nói hết câu, có thể bởi những tin tức mà người phụ nữ tản cư nói rất chính xác, cụ thể. Nhưng cũng có thể dấu chấm lửng ấy còn cho ta thấy nỗi lo sợ đến tột cùng của ông Hai. Phải chăng ông Hai ngừng lời vì sau câu hỏi của ông là sự xác nhận làm ông đau xót, tin tức ấy sẽ được xác nhận 1 lần nữa, ông không muốn nghe, không muốn thấy…

**\*Cái tin làng theo Tây khiến ông xấu hổ đành đánh trông lảng ra về.**

- Không còn lí do, mặt mũi nào ở lại nữa, ông Hai tìm cách lẩn trốn khỏi đám đông, ông đánh trống lảng: *“ Hà! Nắng gớm! Về nào!”* . Nụ cười nhạt thếch ấy cho thấy sự tủi hổ đến bẽ bàng của ông Hai. Ông ra về *“cứ cúi gằm mặt mà đi*” vì ông xấu hổ nhục nhã không dám ngẩng mặt lên nhìn mọi người và xấu hổ với chính mình bởi ông đã trót khoe về làng mình nhiều quá. Không chỉ khoe làng đẹp mà còn khoe những ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng, khoe các cụ gì râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai. Bây giờ thì mọi người đều biết làng ông theo Tây, ông sẽ giải thích thế nào.

**\* Khi về nhà mang theo nỗi đau đớn, nhục nhã.**

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mệt mỏi, chán trường nhìn lũ con tủi thân *“Nước mắt ông cứ giàn ra*. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu”.

=> Vậy là bao nhiêu điều về làng như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê ấy. Ông cảm thấy như chính ông mang một nỗi nhụccủa một tên bán nước, tất cả các con ông cũng phải mang nỗi nhục ấy. Đến đây ta thấy giọt nước mắt của ông Hai thật đáng thương, đáng trân trọng biết bao.

- Đau xót nhục nhã ông Hai rít lên: *“ Chúng bay ăn miếng cơm, hay miếng gì vào mồm mà đi làm giống Việt Gian bán nước ấy”*

=> Đó là sự căm phẫn uất ức tột cùng khi nghĩ về làng chợ Dầu của mình”

- Nhưng rồi ông Hai lại thấy tiếng chửi đó không đúng lắm ông lại thấy nghi ngờ. Tâm trạng ấy được Kim Lân miêu tả: “ Ông ngờ ngợ chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn thế được?”

- Ông kiểm điểm từng người trong óc: “ Không mà họ đều là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng... cam tâm lên điều nhục nhã ấy”

=> Lập luận của ông không phải không có lí nhưng rồi ông lại nghĩ thích Chánh Bệu thì đích thị là người làng ông rồi, không có lửa làm sao có khói ?” - Những chứng cớ hiển nhiên đó buộc ông phải chấp nhận sự thật và tâm trạng nhục nhã đau đớn ấy lại trào dâng lên, dày vò ông, ông nghĩ mà như than thở: “ Chao ôi! Cực nhục chưa cả làng Việt gian”

=> Có thể thấy nỗi đau đớn, căm phẫn hụt hẫng trong ông Hai khiến ông như mê dại đi.

- Từ đó ông Hai mường tượng hình dung ra đến sự tẩy chay của mọi người khiến ông không khỏi lo lắng: “ Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa? Ai người ta buôn bán mấy, suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn...”

=> Có thể nói tâm trạng lo lắng trong lòng ông đã được đẩy lên thành nỗi lo sợ, ông bị đẩy dồn vào sự bế tắc, tuyệt vọng, tương lai mù mịt của gia đình mình cũng như của tất cả người dân làng chợ Dầu.

\* Khi mụ chủ nhà đánh tiếng đuổi khéo ông Hai đi

- Ông Hai rơi vào trạng thái bế tắc khi phải lựa chọn giữa quê hương hay tổ quốc, quay về làng chợ Dầu hay ủng hộ kháng chiến ... và cuối cùng ông cũng phải đưa ra một quyết định đau đớn nhưng dứt khoát “ Làng thì yêu thật nhưng làng theo tây mất rồi thì phải thù”

=> Như vậy dẫu tình yêu làng có tha thiết cháy bỏng đến đâu thì cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước, đó là vẻ đẹp của tâm hồn người nông dân Việt Nam trong thời kì cuộc kháng chiến chống Pháp.

\* Liên hệ mở rộng: Hình ảnh ông Hai gợi ta nhớ đến hình ảnh những người lính nông dân trong bài thơ “ Đồng chí” của Chính Hữu:

 “ Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

 Gian nhà không mặc kệ gió lung lay”

Người lính nông dân vì nhiệm vụ thiêng liêng của tổ quốc, họ sẵn sàng bỏ lại sau lưng những gì quý giá nhất từ gia đình, nhà cửa, ruộng nương để ra đi vì nghĩa lớn, chắc tay súng để bảo vệ tổ quốc. Họ giống như ông Hai luôn đặt tình yêu đát nước, yêu tổ quốc lên trên hết. Đó là sự nhận thức mới mẻ của người nông dân trong thời kì mới đã được nhà văn Kim Lân phản ánh chân thật và xúc động trong tác phẩm của mình.

**3. Đánh giá**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.**

**- Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**C. Kết bài:**

 **Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi vừa nghe tin làng theo giặc đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**ĐỀ SỐ 05 :**

Em hãy phân tích **diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai** trong các đoạn trích sau:

*“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng(1), cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt(2) lắm, Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cải làng quá."*

**Và:**

*“Ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi:*

*- Nó... Nó vào làng Chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng? Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh:*

*- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian(3) theo Tây còn giết gì nữa!*

*Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới dặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*

*- Liệu có thật không hở bác? Hay chỉ lại…[….]*

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng[…]*

*Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.*

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.*

*Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?Chúng nó cũng bị người ta rẻ rung hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:*

*- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

(Trích *Làng*, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một,NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.162-166)

**Chú thích:**

(1) Bông phèng: nói để đùa vui.

(2) Khướt: mệt, vất vả, lâu lắm.

(3) Việt gian: những kẻ là người Việt Nam nhưng theo giặc.

(4) Chơi sậm chơi sụi: chơi một cách lặng lẽ, kín đáo.

**BÀI LÀM**

**I. Mở bài**

 Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua hai đoạn truyện kể lại diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi ở nơi tản cư luôn nghĩ về làng, và tâm trạng đau đớn tủi nhục của ông khi nghe tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc. {...}

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

 Ông Hai là nhân vật chính của tác phẩm, đó là một người nông dân có tình yêu làng quê sâu sắc, nhưng vì hoàn cảnh, ông buộc phải rời làng đi tản cư. Ở nơi tản cư, ông vẫn luôn nhớ về làng Chợ Dầu quê ông và tự hào khoe làng ông là làng kháng chiến. Tình yêu làng của ông Hai đã được nhà văn đặt vào một tình huống đầy thử thách. Đó là tin đồn làng chợ Dầu mà ông vẫn tự hào đã làm Việt gian theo Tây. Người nông dân ấy đã trải qua tâm trạng dằn vặt, đau đớn, phải tự đấu tranh với chính mình để lựa chọn con đường đúng đắn. Từ tình huống có ý nghĩa thử thách ở nội tâm nhân vật nhà văn đã mở ra biết bao cung bậc cảm xúc của một tấm lòng yêu làng, yêu nước và những chuyển biến mới trong tâm hồn , tình cảm của người nông dân này.

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai**

**Luận cứ 1: Tình yêu làng của ông Hai**

*\* Chuyển ý*: Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương- nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nét tính cách đầu tiên và dễ nhận thấy nhất ở ông Hai là tình yêu tha thiết đối với làng ông. Đối với người nông dân, làng không chỉ là một đơn vị hành chính, địa lí. Ở đó chứa đựng cuộc sống của họ, tất cả những gì gần gũi và thân thuộc với họ. Làng chính là quê hương, là cuộc đời họ. Ông Hai cũng vậy, ông có tính hay khoe làng với tất cả niềm hãnh diện. *“Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng hẳn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động.”*

*-* Tình yêu làng đã biến ông Hai thành một con người hoàn toàn khác so với một ông Hai bị gò bó, tù túng trong căn bếp tản cư. Một nguồn sinh lực mới như dồi dào trong ông lúc đó. Tối này đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của ông. Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm nhãng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. *“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. […] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.”* Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản. Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư. Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức tươi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi: *“Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.”* Với ông, ngôi làng của ông vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.

**Luận cứ 2: Tâm trạng của ông hai khi nghe tin làng chợ dầu đi theo giặc:**

- Nhưng như người xưa đã nói, cái gì cũng cần thời gian thử thách. Lòng yêu làng, yêu nước của ông bị đặt vào một tình huống éo le: làng chợ Dầu của ông theo giặc. Nghệ thuật miêu tả tâm lí tài tình của Kim Lân đã được bộc lộ rõ ở đây. Như sét đánh ngang tai, ông từ chối tin vào điều đó. Ông Hai hỏi đi hỏi lại mãi người phụ nữ vừa mới tản cư lên. Tin đó quá bất ngờ và quá dữ dội đối với ông. *“Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng chừng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ.”* Nếu như tin dữ ấy là cái làng đẹp đẽ của ông bị đốt trụi, nhà cửa, ruộng vườn của ông bị cướp mất thì có lẽ ông cũng không đau khổ bằng tin làng mình theo Tây.

- Tội nghiệp ông lão vui tính, xởi lởi giờ đây phải giả vờ đánh trống lảng “*rồi đi thẳng”* về nhà mặc cho *“ cười nói xôn xao của đám người mới tản cư ấy vẫn dõi theo ông”.* Ấy vậy mà cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú vẫn văng vẳng bên tai ông “*Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó…………Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát”.* Lúc bấy giờ ông Hai không dám đi thẳng mà *“cúi gằm mặt xuống mà đi”.* Và trong khoảnh khắc ngắn đó ông bỗng thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà*.* Mụ mà biết gia đình ông là người làng chợ Dầu thì thế nào cũng bị đuổi ra đường.Ông về đến nhà, nhìn lũ con, *“nước mắt ông cứ giàn ra”.* *“ chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.*

 - Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng. Giá ông không quá yêu làng, không quá tự hào về làng thì ông đã không thấy tủi nhục đến thế. Mấy chữ *“cả làng chúng nó Việt gian theo Tây”* như găm vào trái tim ông, vào niềm tự hào về cái làng mà ông yêu vô cùng. Tất cả những gì ông trân trọng giữ gìn trong tim giờ đây như đều sụp đổ tan tành. Ông không chấp nhận được sự thật ấy và đấu tranh nội tâm dữ dội. Lúc đầu là nghi ngại *(“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được ?“*), nhưng sau đó là đau đớn khi được biết những bằng chứng rõ ràng (“*Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi“*). Phải thừa nhận cái tin đó, không thể nào tả được nỗi đau của ông lúc ấy. *“ Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên “ Chúng bây ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.*

*-* Chỉ một câu nói thôi mà ta như thấy được sự chênh vênh, bấp bênh giữa tình yêu làng, yêu nước và lòng tin trong người ông Hai. Có lẽ trong đời mình, ông Hai chưa từng chịu đựng hay thậm chí tưởng tượng được một nỗi đau, nỗi nhục như thế. Những tiếng ấy như thốt lên từ trái tim bị tổn thương, từ niềm tự hào bị chà đạp của ông, khiến người đọc cũng như cảm nhận được nỗi xót xa, tủi nhục của ông lúc ấy. Kim Lân đã rất tài tình khi sử dụng hàng loạt câu cảm, câu hỏi liên tiếp trong nghệ thuật độc thoại nội tâm để lột tả sự đau khổ, xót xa, uất ức mà ông Hai phải chịu đựng. Lúc này đây, làng không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn nữa, mà là một cái gì đó lớn lao hơn, là lòng tự trọng, là danh dự.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

 Để xây dựng thành công nhân vật ông Hai, Kim Lân đã dựng được một tình huống truyện rất đặc biệt mà qua đó nhân vật bộc lộ được chiều sâu tâm trạng. Nghệ thuật miêu tả tâm lí rất tinh tế, thông qua từng cử chỉ, hành động, ý nghĩ, lời nói,… làm cho nhân vật trở nên sống động, hấp dẫn. Khả năng sử dụng ngôn ngữ đối thoại cùng độc thoại nội tâm linh hoạt đã tạo nên một ông Hai rất điển hình của người nông dân Việt Nam yêu nước nhưng vẫn có được những nét riêng, dấu ấn riêng của bản thân mình.

**III. Kết bài**

 Qua truyện ngắn *“Làng”* và nhân vật ông Hai, Kim Lân đã khắc hoạ thành công hình tượng người nông dân chất phác luôn yêu làng, yêu nước và tin tưởng vào kháng chiến. Những suy nghĩ tình cảm của họ được phản ánh một cách chân thực và mang tính giáo dục sâu sắc cho độc giả. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân.

**Đề 6: Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn truyện: “ Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó khẽ hỏi: vợi đi được đôi phần”**

**1. Mở bài**

Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn. Ông anh hiểu về nông thôn và những người nông dân. Một trong những truyện ngắn đặc sắc và thành công của ông viết về người nông dân là tác phẩm “ Làng” được viết vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948. Truyện đã diễn tả tình yêu làng, yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp qua nhân vật ông Hai. Đoạn truyện thể hiện rõ nhất là đoạn ông Hai trò chuyện với thằng Út: “ Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó khẽ hỏi: vợi đi được đôi phần”

**2. Thân bài**

**\* Khái quát**

  Vì yêu cầu của cuộc kháng chiến, ông Hai và người dân làng Chợ Dầu phải đi tản cư ở Bắc Giang. Ở nơi tản cư ông Hai luôn nhớ và về Làng của mình. Ông muốn được về làng, muốn được anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá. Không chỉ nhớ làng mà ông còn luôn quan tâm đến tình hình đất nước. Ngày nào ông cũng vào phòng thông tin để nghe, xem báo theo dõi tình hình kháng chiến khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Việt gian, ông đau khổ, tủi nhục xấu hổ rồi khi mụ chủ nhà có ý đuổi đi ông Hai bị đặt vào tình huống thử thách căng thẳng về làng hay là không về và cuối cùng ông lựa chọn dứt khoát “ Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Trong tâm trạng bế tắc, tuyệt vọng, đau khổ ông chỉ còn biết trước nỗi lòng của mình bằng lời tâm sự với đứa con nhỏ. Qua lời tâm sự với đứa con của ông Hai, nhà văn Kim Lân đã diễn tả sâu sắc lòng yêu thương làng của ông, lòng yêu làng đó luôn thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến thủy chung với cách mạng lời tâm sự của người cha với đứa con cảm động biết chừng nào, những lời nói, cử chỉ của người cha với đứa con nhỏ mới thân thương làm sao. “ Ông lão ôm thằng con út đôi phần”

**1. Trước hết trong lời tâm sự của ông Hai ta thấy tình yêu làng Chợ Dầu** của ông luôn muốn con ghi nhớ quê hương của mình, mảnh đất nơi có làng chợ Dầu của ông muốn đứa con ghi nhớ câu “nhà ta ở làng Chợ Dầu”. Nghe lời nói của con như lời khẳng định chắc nịch “nhà ta ở làng Chợ Dầu” đã khiến ông Hai cũng vơi đi được đôi phần nỗi nhớ làng. Có lẽ lời của con cũng là lời của ông Hai muốn thốt lên. Dù làng chợ Dầu có theo Việt gian thì cũng vẫn là làng của ông, ông lại tiếp tục thăm dò: “ Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?” Ông Hai hỏi con nhưng có lẽ ông đang tự hỏi chính mình và câu trả lời “có” của con khiến ông xúc động “ôm khít thằng bé vào lòng”. Dường như thằng bé cũng giống ông nhớ là muốn về cái làng Chợ Dầu, yêu làng chợ Dầu như vậy chỉ bằng đôi câu chuyện trò với con ta thấy được tình yêu làng sâu nặng của ông Hai.

**2. Bên cạnh đó đoạn trích đã cho ta thấy tấm lòng thủy chung với kháng chiến với cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ** **của ông Hai**. Ông Hai tiếp tục hỏi con: “Thế con ủng hộ ai ?” thằng bé giơ tay lên mạnh dạn và rành giọt “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!” ông Hai xúc động, thật sung sướng vô cùng “Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng hai má”. Đó là những giọt nước mắt của niềm sung sướng, hạnh phúc khi đứa con nhỏ nhưng cũng thấu hiểu nỗi lòng của nó cũng giống như ông yêu làng Chợ Dầu, ủng hộ cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ một lần nữa ông khẳng định lại tấm lòng của mình và cũng để khích lệ con: “Ừ đúng rồi ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”.

Tình cảm đối với làng Chợ Dầu, đối với kháng chiến, đối với cách mạng của ông Hai thật là bền vững, sâu nặng, thiêng liêng ở trong sâu thẳm tâm can của ông. Ông nói với con nhưng thực chất là để ngỏ lòng mình, để minh oan cho mình nữa, ông tự nhủ: “Anh em đồng chí biết cho bố con ông, cụ Hồ trên đầu, trên cổ xét soi cho bố con ông, cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai, chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”. Nhưng lời tự nhủ của ông đã thể hiện tấm lòng sâu kín của ông. Dù thế nào thì ông vẫn ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến lời tự nhủ của ông như một lời tự động viên giúp ông lấy lại tinh thần những lúc khó khăn, căng thẳng nhất.

 **Khái quát**: Như vậy với việc sử dụng ngôn ngữ đối thoại kết hợp với độc thoại nội tâm. Nhà văn Kim Lân đã diễn tả sâu sắc tâm trạng của nhân vật ông Hai lúc buồn khổ nhất và tình cảm của ông Hai dành cho làng Chợ Dầu, cho đất nước, cho cách mạng lúc khó khăn nhất ông vẫn một lòng hướng về làng , yêu làng có tinh thần kháng chiến.

**3. Kết bài**

  Đoạn văn trên là đoạn trích tiêu biểu nhất trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân diễn tả lòng yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của ông Hai, chúng ta tự hào trân trọng tình cảm của những người nông dân như ông Hai dành cho nhau cho quê hương, đất nước, cho cách mạng. Chính những người như ông Hai đã làm nên truyền thống tốt đẹp của làng, góp phần bảo vệ đất nước từ tình cảm của ông Hai chúng ta hãy yêu quê hương, đất nước từ những việc nhỏ nhất.

**Đề 7: Truyện ngắn “làng” của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp? (\*)**

**A. Mở bài**

- Kim Lân là nhà văn am hiểu cuộc sống nông thôn và người dân Miền Bắc. Ông có sở trường viết truyện ngắn và truyện của ông thường viết về đề tài nông dân. Truyện ngắn “Làng” được ông sáng tác trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bùng nổ trên quy mô toàn quốc. Đây là một tác phẩm xuất sắc thể hiện thành công hình ảnh người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến mà tình yêu làng quê đã hoà nhập tròng lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Đọc truyện ngăn này ta nhận ra những chuyển biến mới mẻ trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp.

B. Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm

 Truyện làng được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng truyện ngắn của ông mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

2. Chứng minh nhận định

a. Trước cách mạng, người nông đân VN thuần túy là những người rất yêu làng.

- Ở mỗi người nông dân, quả thực tình yêu làng quê là bản chất có tính truyền thống. Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ. Và ông Hai trong truyện ngắn này cũng không phải là ngoại lệ.

- Ông Hai luôn tự hào về cái làng của mình, đi đến đâu ông cũng khoe về nó

+ Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, đường lát đá xanh …; khoe làng ông có cái chòi phát thanh cao tận ngọn tre, khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông

=> Tất cả những điều đó chứng tỏ ông Hai là một người rất yêu làng

b. Sau cách mạng, tình cảm của ông đã có những chuyển biến rõ rệt. Tình cảm trong ông lúc này ko chỉ đơn thuần là tình yêu quê hương mà nó đã gắn liền với tihnf yêu kháng chiến, yêu đất nước. Điều đó được thể hiện ở diễn biến tâm trạng của ông khi ông nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

*\*Tình cảm của ông Hai với làng khi đi tản cư*

 **-**  Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Kháng chiến bùng nổ, người dân phải dời làng đi sơ tán, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, hẻo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “ *nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em”,* ông nhớ làng quá.

- Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

- Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng chiến *“chẳng sót một câu nào”.* Nghe được nhiều tin hay , những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

***c*. Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc**: (Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt)

 - Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

 - Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “*cúi gằm mặt mà đi*”, về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ây”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam –nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây.... dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn đắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “rợn cả người”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ, lập tức ông *lão phản đối ngay*” bởi vì “*về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ*”. Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy,tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

- Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cõi thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròngtrên hai má, giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ đám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ đám đơn sai”.

d. Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng kháng chiến (Niềm vui của ông Hai khi tin đồn được cải chính.

- Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: *“Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên*”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ*” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước dẫu cho nhà mình bị giặc đốt. Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.

- So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy. => Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

- Văn hào I li a, E ren bua có nói: …” Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc. Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

3. Đánh giá

 Qua truyện ngắn “Làng”, tác giả đã khắc hoạ thành công hình tượng một người nông dân yêu làng, yêu nước hồn nhiên chất phác nhưng xúc động. Hình tượng nhân vật ông Hai vừa phản ánh chân thực những nếp cảm, nếp nghĩ của người nông dân Việt Nam trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, vừa có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ bạn đọc. Qua truyện ngắn này, ta có thể hiểu được một cách sâu sắc thêm về hình ảnh những người dân kháng chiến Việt Nam với tình yêu quê hương đất nước.

C. Kết bài

**- Khẳng định lại vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam và tấm lòng của nhà văn đối với họ.**- Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp.
- Qua nhân vật ông Hai trong tác phẩm, tác giả muốn biểu đạt một cách thấm thía, xúc động tình yêu làng, yêu nước sâu sắc của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp.
- Tác giả viết bằng trái tim, tình cảm của mình nên dễ tìm được sự đồng cảm từ người đọc.

**LẶNG LẼ SA PA**

*( Nguyễn Thành Long)*

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA” - NGUYỄN THÀNH LONG ( dạy)**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

 Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” được Nguyễn Thành Long sáng tác năm 1970 trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Được in trong tập “ Giữa trong xanh” (1972). Tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của NTL. Đặc biệt nhân vật anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm để lại cho nhiều ấn tượng sâu sắc về một con người có phâẩm chất tốt đẹp. Tình yêu nghề tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn lạc quan yêu đời, biết sắp xếp cuộc sống một cách khoa học, hợp l, sống chân thành cởi mở và khiêm tốn.

**- Tóm tắt truyện:** Chuyến xe chở hành khách lên Lai Châu trèo lên núi. Trên chuyến xe có 3 vị khách đặc biệt, Bác lái xe, ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư trẻ mới ra trường trò chuyện với nhau về Sa Pa, về hội hoạ, về hạnh phúc, tình yêu. Chiếc xe dừng lại để lấy nước và cho hành khách nghỉ ngơi. Bác lái xe giới thiệu với ông hoạ sĩ và cô gái về một người cô độc nhất thế gian. Đó là anh thanh niên 27 tuổi, làm công tác vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Anh mời hai người lên nhà chơi, sau đấy họ nói chuyện với nhau khoảng 30 phút. Anh kể chuyện mình sống và làm việc tại đây. Anh rất yêu và gắn bó với công việc của mình. Anh còn thích đọc sách, trồng cây thuốc, trồng hoa, nuôi gà. Nơi anh ở ngăn nắp, gọn gàng. Nói chuyện với anh, ông hoạ sĩ đã vẽ anh. Nhưng anh đã giới thiệu với ông hoạ sĩ về ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét - những người cũng giống như anh, say mê làm việc, cống hiến tuổi trẻ, trí tuệ, hạnh phúc cá nhân cho đất nước. Cô kĩ sư sau khi nói chuyện với anh TN nhận thấy bàng hoàng mối tình đầu nhạt nhẽo của mình từ bỏ là đúng đắn và yên tâm với quyết định nhận công tác miền núi. Sau 30 phút nói chuyện, đến giờ ốp, anh TN phải chia tay mọi người trong sự bịn rịn và quyến luyến. Anh không quên tặng hai người một làn trứng, tặng cô gái một bó hoa thật đẹp.

**III. Phân tích**

**1. Tình huống truyện và hệ thống nhân vật**

- Tình huống truyện khá đơn giản, đó chỉ là một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn với bác lái xe và hai hành khách

**2. Bức tranh thiên nhiên của Sa Pa**

- Thiên nhiên Sa Pa hiện lên êm đềm, lãng mạn và thật sống động: “Nắng bất ngờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây . Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bằng bạc dưới cái nhìn bao che của cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe...”

+Sử dụng biện pháp liệt kê để phô bày tất cả những nét riêng, đặc và độc đáo của thiên nhiên Sa Pa. Vẻ đẹp ấy làm say đắm lòng người và như mời gọi con người hãy đến vùng đất này để khám phá, thưởng thức.

+ Sử dụng biện pháp nhân hóa qua hình ảnh “nắng...đốt cháy rừng cây”, “nắng mạ bạc cả con đèo” gợi không gian như bừng sáng, khiến cảnh vật thêm lung linh, rực rỡ.

- Nghệ thuật nhân hóa “nắng...cháy rừng cây”, “mây bị nắng xua” khiến cho cảnh vật sống động như mang được linh hồn của thiên nhiên Sa Pa.

- Tác giả đã khắc họa được một bức tranh tráng lệ, rực rỡ, thơ mộng với những đường nét,hình khối,màu sắc đặc trưng của thiên nhiên Sa Pa. Và đó còn là cái nền để Nguyễn Thành Long tô đậm, khắc sâu vẻ đẹp của con người.

**3. Con người SaPa**

**a. Nhân vật anh thanh niên**

**a1: Hoàn cảnh sống:**

- Anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**Luận điểm 1: Trước hết ta thấy ở anh thanh niên là một người yêu đời, yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.**

**+ Yêu nghề**

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hy sinh:

- Anh thanh niên còn rất trẻ mới 27 tuổi vậy mà anh lại xung phong lên nhận công tác ở nơi xa xôi hẻo lánh, 4 năm qua anh chỉ sống và làm việc có một mình, và làm công việc hết sức đơn điệu, buồn tẻ. Chỉ nghĩ đến sự cô đơn thôi đã làm ta chán nản và muốn buông bỏ. Anh chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt:Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

- Vậy mà anh lại suy nghĩ về công việc của mình vô cùng tích cực. Anh chia sẻ với ông họa sĩ : “Khi ta làm việc,ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?.. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi,cháu buồn chết mất”. Anh coi công việc như người bạn của mình, anh tìm thấy niềm vui trong mỗi việc làm. Chính vì tình yêu với công việc nên anh không cảm thấy cô đơn.

- Anh Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: “báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”.

+Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi được cống hiến công sức nhỏ bé của mình cho đất nước, với anh thanh niên hạnh phúc là được làm việc, được cống hiến.

**+ Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:**

- Đó là ý thức tự giác tận tụy trong công việc: Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác,tận tụy: Mỗi ngày đều có 4 lần đi “ốp” để báo về nhà,không ngần ngại những đêm mưa tuyết, anh tâm sự: “ Gian khổ nhất là vào lúc 1h sáng. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn không đủ sáng. Xách đèn ra ngoài gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.

=> Với thời tiết khắc nghiệt như vậy chỉ cần một chút ngần ngại anh sẽ tặc lưỡi rồi ngủ tiếp nhưng không anh vẫn hoàn thành công việc của mình mặc cho giá rét, tuyết rơi mặc cho cái im lặng thật dề sợ “ Nó như bị chặt ra từng khúc, giống như chổi lớn quét đi tất cả ... những lúc lạnh cóng mà hừng hực như cháy. Xong việc trở vào không thể nào ngủ được”. Sự quyết tâm đã chiến thắng nỗi sợ yêu nghề và tinh thần trách nhiệm giúp anh hoàn thành tốt công việc của mình. Anh hiểu công việc của mình là móc xích quan trọng trong công việc chung của đất nước.

- Tác phong làm việc khoa học,nghiêm túc,đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.

- Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình

- Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương,đất nước thêm giàu đẹp.

=> Có thể nói tình yêu nghề, trách nhiệm cao trong công việc và sự nhiệt tình cống hiến của anh chính là biểu hiện cho tình yêu tổ quốc.

**Luận điểm 2: Không chỉ là một người biết đến công việc, ở anh thanh niên còn có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống, biết sắp xếp cuộc sống một cách nề nếp khoa học.**

**+ Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống:**

Một mình sống trên đỉnh núi quanh năm chỉ làm bạn với cây cỏ và sương mù lạnh lẽo gần như không có ai đến thăm, vậy mà anh không để ngôi nhà của mình trở lên bừa bộn, anh đã tạo ra không gian sống cho mình thật lí tưởng. bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở. Khi đến thăm vườn hoa của anh trồng ông họa sĩ và cô kĩ sư bất ngờ “ Đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...” vườn hoa ấy chính là bằng chính sinh động của anh về tâm hồn yêu cuộc sống của anh.

- Không chỉ biết trồng hoa, chăm chút vườn hoa, làm đẹp cho ngôi nhà của mình mà anh còn biết nuôi gà để cải thiện cuộc sống, vừa để tạo ra niềm vui cho mình, làn trứng anh biếu bác họa sĩ, bó hoa tặng cô kĩ sư chính là những thành quả tự tay anh chăm sóc vun trồng.

- Luôn tự trau rồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

**- Không chỉ sắp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp**: Ngôi nhà anh ở được ông họa sĩ khắc họa bằng một vài đường nét “ Một căn nhà ba gian sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, bản đồ thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh được thu gọn lại một góc trái gian với một chiếc giường con, môt chiếc bàn học, một cái giá sách” khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ ta hình dung về ngôi nhà của anh. Nó tuy nhỏ bé đơn sơ, giản dị nhưng lại vô cùng gọn gàng, ngăn nắp, khoa học. => Đặt địa vị bản thân mỗi chúng ta vào địa vị anh thanh niên vậy thử hỏi mấy ai làm được như anh?

- Sống ở một nơi hẻo lánh hầu như không có người đến thăm vậy mà anh vẫn chủ động sắp xếp công việc của mình một cách khoa học, bởi anh luôn có lối sống đẹp và trân trọng cái đẹp.

- Sống một mình nhưng anh không cảm thấy cô đơn vì bên cạnh công việc anh còn có niềm đam mê đọc sách để trau dồi cho bản thân. Anh coi sách là người bạn tâm tình, chiếu sáng tâm hồn anh cũng như giúp anh kết nối với thế giới đẻ chống chọi lại sự cô đơn đang bủa vây quanh anh.

- Chính vì vậy mà bác lái xe mua hộ sách “anh mừng quýnh” vì anh coi sách là món anh tinh thần không thể thiếu .

=>Có thể nói chính niềm lạc quan, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp, đam mê đọc sách là động lực giúp anh vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành tốt công việc.

**Luận điểm 3: Ở anh thanh niên ta còn bắt gặp một phẩm chất đáng quý đó là sự cởi mở, chân thành, hiếu khách luôn quý trọng tình cảm của mọi người.**

- Sống một mình trên đỉnh cao nên anh được bác lái xe gọi là “ Người cô độc nhất thế gian” và mắc bệnh “ Thèm người”. Vậy nên anh luôn khao khát được trò chuyện với mọi người bằng cách lấy khúc gỗ chắn ngang đường để chặn xe lại: “ Đâng đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chặn ngang đường phải hãm lại một anh thanh niên từ từ chạy đến giúp đỡ” Thì ra anh thèm người quá nên anh thanh niên kiếm cớ để dừng xe lại nhìn và nói chuyện một lát, cái hành động ấy của anh đáng yêu và thật đáng thông cảm biết bao.

- Anh còn biết quan tâm chu đáo đến những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng chia sẻ yêu thương, biết vợ bác lái xe bị ốm “anh còn gửi củ tam thất để cho bác gái ngâm rượu uống”. Hành động ấy cho thấy anh luôn biết quan tâm đến mọi người.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất cả cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: “anh chạy vụt đi,cũng tất tả như khi đến”, “người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ”.

- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu như ông họa sĩ và cô kĩ sư: Niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường. Và không dấu được lòng mình anh nói to những điều đáng nhẽ người ta chỉ nghĩ: “Bác và cô là đoàn khách thứ hai thăm nhà tôi từ tết và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

=>Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa

**Luận điểm 4: Mặc dù anh thanh niên hội tụ rất nhiều đức tính quý báu, nhưng ở anh lại có đức tính khiêm tốn.**

- Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.

- Khi ông họa sĩ xin kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại: “Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn”.

=>Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng,những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

**4. Các nhân vật phụ**

**a. Nhân vật ông họa sĩ**

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng, mang quan điểm trần thuật của tác giả.Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát,miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.

- Trước hết,ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: “Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời ...Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan”.

- Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, anh họa sĩ đã xúc động và bối rối. “Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ định một tâm hồn,khơi gợi một ý sáng tác”.

- Trước chàng trai trẻ đáng yêu,ông họa sĩ bỗng thấy như “nhọc quá” vì những điều người ta suy nghĩ về anh.

- Những lời tâm sự anh thanh niên,khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên, đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

**b. Nhân vật cô kĩ sư**

- Cô kĩ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh than niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô “bàng hoàng”

- Cái “bàng hoàng” như một sự va đập giúp cô bừng dậy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao, đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mối tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyến ra đi đầu đời của mình.

- Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì “một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”

=> Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và những suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mĩ. Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kĩ sư, ta nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

**c. Nhân vật bác lái xe**

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm – “Người cô độc nhất thế gian”

- Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa

- Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên

- Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa

- Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới; ...

=> Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện

**4. Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp**

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: anh bạn trên trạm đỉnh Phan-Xi - Păng cao 3142 mét; ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn xu hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa xu hào

- Dám hi sinh cả tuổi và hạnh phúc cá nhân: anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, “nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra” và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan

=> Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện được những phảm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

**5. Đánh giá nghệ thuật**

- Truyện xây dựng thành công nhân vật anh thanh niên nhờ vào nghệ thuật xây dựng tình huống truyện hợp lí.

- Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, kết hợp hài hòa giữa miêu tả, tự sự và bình luận.

- Điểm nhìn trần thuật phù hợp với nhân vật hiện lên khách quan chân thật.

=> Giúp cho nhân vật anh thanh niên hiện lên với những vẻ đẹp về tinh thần với những nét đẹp về tinh thần về tình cảm, lối sống.

Nội dung: Tóm lại nhân vật anh thanh niên chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tác giả đã kịp khắc họa được bức chân dung về con người lao động với những nét đẹp cả tinh thần, tình cảm và lối sống.

Anh thanh niên tiêu biểu cho hình ảnh những con người lao động mới với phong cách sống đẹp, sống có lí tưởng hết mình cho tổ quốc.

**III. Kết bài**

Đã gần nửa thế kỉ trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã cho người đọc cảm nhận rõ nét về chân dung nhân vật anh thanh niên với những nét đẹp hoàn hảo lí tưởng. Nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và những con người lao động trong thời đại mới nói chung. Đọc tác phẩm ta càng thêm tự hào, ngưỡng mộ và quý trọng hơn những con người đang lặng lẽ, âm thầm làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Hình ảnh anh đã truyền cảm hứng cho bao thế hệ bạn đọc. Qua câu chuyện về anh thanh niên, về những mảnh đời lặng lẽ tưởng như thầm lặng, Nguyễn Thành Long muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Hãy sống một cuộc đời có ý nghĩa không chỉ vì bản thân mà còn vì xã hội, đất nước.

**ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ THIÊN NHIÊN SA PA QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: ( \*)**

*{...} “Nắng bây giờ len tới, đốt cháy rừng cây... luồn cả vào gầm cây”*

 *{....}Hồi chưa vào nghề, những đêm trên bầu trời {....} Đấy cháu tự nói với cháu thế đấy.”*

1. **Mở bài:**

 Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Chúng ta hãy đến với vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa để hiểu thêm vẻ đẹp của của vùng đất này. *“Nắng bây giờ len tới, đốt cháy rừng cây... luồn cả vào gầm xe” { .... }Những đêm trên bầu trời {...}Đấy cháu tự nói với cháu thế đấy.”*

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

- Hai đoạn trích trên đã khắc họa rõ nét vẻ đẹp thơ mộng, đắm say của thiên nhiên Sa Pa và vẻ đẹp của con người Sa Pa qua nhân vật anh thanh niên.

**2. Bức tranh thiên nhiên và con người Sa pa**

**a. Thiên nhiên Sapa**

*\* Chuyển ý:* Trước hết ngay từ những dòng đầu của tác phẩm tác giả đã đưa người đọc đến với vẻ đẹp thơ mộng đắm say của thiên nhiên Sa Pa.

- Trong trời đất tây bắc bạt ngàn, khi nghĩ đến Sa Pa người ta thường nghĩ đến nơi đây quanh năm sương phủ lạnh lẽo. Nhưng dưới con mắt của người họa sĩ hình ảnh rừng cây trong nắng hiện ra một cách kì lạ khiến ông họa sĩ và cô gái lần đầu lên Sa Pa bỗng nhiên im bặt: “ Nắng bây giờ đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây”

=> Bằng biện pháp nhân hóa nắng hiện lên thật rực rỡ như một sinh thể có các trạng thái vận động khác nhau. Nắng không chỉ “len tới” mà còn “ Đốt cháy rừng cây”. Nắng di chuyển đẹp, kì thú, đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp huyền ảo đầy sức sống.

- Mây Sa Pa cũng hiện lên thật sinh động: “Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.”=> bằng vài nét chấm phá điểm xuyết, vẫn là biện pháp nghệ thuật nhân hóa, tác giả đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để chúng hiện lên thật hồn nhiên, tinh nghịch, khiến cho bức tranh thiên nhiên hiện lên thật sinh động và tràn đầy sức sống.

- Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.

- Rừng cây dưới nắng qua cách miêu tả của nhà văn cũng hiện lên thật đẹp. Cây thông thì “ rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc, còn những cây tử kinh thì nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”

=> Vẫn bằng nghệ thuật nhân hóa tác giả đã khiến cho rừng cây trở lên vô cùng sinh động, với những màu sắc tươi tắn: Màu xanh bạc của cây thông, màu hoa cà của cây tử kinh... tất cả đã làm cho thiên nhiên Sa Pa như bừng sáng, tinh nghịch, vui vẻ như một đứa trẻ

- Có thể nói đoạn văn miêu tả thiên nhiên Sa Pa dưới con mắt của người họa sĩ hiện lên như một tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Không gian của bức tranh như được nới rộng, không có đường viền, giới hạn. Bức tranh ấy lại vừa có nhịp điệu âm thanh êm ái của bài thơ gợi lên sự yên bình, làm say đắm lòng người. Tác giả muốn đem đến cho các nhân vật sự khao khát, háo hức khi lần đầu tiên được đặt chân lên vùng đất mới.

**b. Vẻ đẹp con người Sapa hiện lên qua nhân vật anh thanh niên**

*\* Chuyển ý*: Đến với mảnh đất Sa Pa nhà văn Nguyễn Thành Long không chỉ cho chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên mà còn cho ta cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp của con người qua nhân vật anh thanh niên.

- Đây là nhân vật chính của truyện. Tuy nhiên tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng qua cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, bất ngờ giữa anh với những vị khách trên chuyến xe đi Lào Cai khi họ dừng chân nghỉ. Nhân vật anh thanh niên chỉ hiện ra trong chốc lát nhưng đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một kí họa chân dung về anh rồi anh lại khuất lấp trong mây mù bạt ngàn với cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa.

**b.1: Hoàn cảnh sống và làm việc:**

- Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.

- Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”.

- Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức *“thèm người”*, phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện.

=>  Có thể nói anh thanh niên phải sống và làm việc trong một hoàn cảnh hết sức cô đơn và khắc nghiệt nhưng anh đã vượt qua tất cả để hoàn thành tốt công việc của mình vì anh coi sự khắc nghiệt ấy là môi trường rèn luyện, ý chí và quyết tâm của con người.

- Đoạn trích trên đã bộc lộ rõ nét vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên khi phải sống và làm việc trong hoàn cảnh khó khăn ấy. Đoạn trích là lời tâm sự của anh với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi họ đến thăm nhà anh trên đỉnh núi Yên Sơn.

**b2. Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên qua đoạn trích trên**

- Đọc đoạn trích ta thấy anh thanh niên là người có suy nghĩ rất đúng đắn về công việc

- Khi chưa vào nghề anh rất sợ nỗi cô đơn: “ Hồi chưa vào nghề những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình” => Tuy nhiên công việc đã làm thay đổi nhận thức của anh khiến anh luôn suy nghĩ tích cực: “ Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa”

- Anh coi công việc giống như một người bạn đồng hành: “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi sao gọi một mình được ?” => Lời tâm sự của anh thanh niển thể hiện quan niệm tích cực của một con người yêu cuộc sống, yêu lao động, coi công việc là bạn, là niềm hạnh phúc nên mặc dù sống một mình giữa đỉnh núi cao nhưng chưa bao giờ anh thấy mình lẻ loi cô độc giữa cái mênh mông lặng lẽ của núi rừng Sa Pa.

- Anh có ý thức thật đúng và sâu sắc về công việc của mình đang làm bởi nó có ích cho đất nước: “ Huống chi công việc của mình gắn liền với bao anh em bạn bè, đồng chí dưới kia. Anh yêu công việc đến độ say mê khi thành thực bày tỏ với ông họa sĩ: “ Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn chết mất” => Với anh tình yêu công việc trở thành lẽ sống , đốt lên trong anh một ngọn lửa đam mê, là động lực để giúp anh vượt qua những khó khăn thử thách để hoàn thành công việc.

 -Ngoài yêu nghề ra anh còn rất yêu người. Sống đơn độc nên anh rất khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người. Vì *“thèm người”* nên anh đã nghĩ ra việc lấy cây chặn đường xe chạy để được nói chuyện một lát với mọi người. Anh nói với bác họa sĩ: *“Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”*  hay *“con người thì ai mà chả “thèm” hở bác”*.

 - Không những yêu nghề, yêu người anh còn là người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng “*Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Việc phái đoàn không quân - phòng không đến thăm và khen ngợi anh đã cho thấy rõ điều đó.

**\* Đánh giá đoạn trích**

Qua phân tích ta thấy, nhân vật anh thanh niên được xây dựng bằng một nghệ thuật đặc sắc. Nó được miêu tả và thể hiện qua cuộc gặp gỡ đặc biệt với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ; được bộc lộ qua lời đối thoại của nhân vật; nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có tên gọi theo kiểu chung, phiếm chỉ. Và vì thế, hình ảnh anh thanh niên thể hiện vẻ đẹp của người thanh niên Việt Nam nói chung trong giai đoạn chống Mĩ: giản dị, chân thành và giàu lý tưởng; góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu; thể hiện cảm hứng của Nguyễn Thành Long khi sáng tác: “*SaPa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc”,* hy sinh, yêu thương và mơ ước.Hình ảnh này gợi cho người đọc đến hình ảnh của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mĩ nói riêng và theo dòng chảy thời gian nói chung.

b/ Liên hệ với hình ảnh của thế hệ trẻ trong một tác phẩm văn học khác hoặc trong thực tế đời sống để thấy được vẻ đẹp của sức trẻ Việt Nam

Nó gợi chúng ta nhớ đến hình ảnh những người như cô Phương Định, Nho, Thao trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê. Họ là những cô thanh niên xung phong làm công tác trinh sát mặt đường trên đường mòn Trường Sơn trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ gian khổ, ác liệt và đầy nguy hiểm. Nhưng trên hết họ là những người rất lạc quan, thích đùa tếu, mỗi người một vẻ góp phần làm nên vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong lúc bấy giờ. Trong đó tiêu biểu nhất là nhân vật Phương Định. Đó là một cô gái Hà Nội xinh đẹp, có tâm hồn nhạy cảm, lao động và chiến đấu gan góc, dũng cảm và cũng là người có ý thức, có tình cảm đẹp về tình đồng đội của mình. Họ là những người:

“*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

 *Mà lòng phơi phới dậy tương lai*”.

**3. So sánh hai hình ảnh đã nêu trên**

 Qua tìm hiểu ta thấy họ là những nhân vật khác nhau trong những tác phẩm văn học khác nhau. Họ khác nhau về giới tính, về môi trường sống, về công việc cụ thể. Nhưng họ là những người thanh niên của cùng một thời kì chiến tranh, cùng thể hiện vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong một thời kì lịch sử đầy khốc liệt của Tổ quốc và cùng để lại những ấn tượng sâu đậm đối với người đọc ở các giai đoạn sau.

**III. Kết bài**

Qua hai đoạn văn trên giúp ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa, cũng như con người Sa Pa tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước và nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong giai đoạn hiện nay. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

**HÌNH ẢNH CON NGƯỜI SA PA XUYÊN SUỐT TÁC PHẨM**

**\* Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc:**

- Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.

- Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ. Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.

- Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ*:“[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất".*Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

***\* Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:***

- Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”.Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con,một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh“mừng quýnh” như bắt được vàng)

***\* Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:***

- Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “ thèm người”, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.

- Biểu hiện:

+ Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

+ Vui sướng cuống cuồng khi có khách đến thăm nhà.

+ Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo: hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: “Anh con trai, rất tựnhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái,và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”, pha nước chè cho ông họa sĩ.

+ Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

+ Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

+ Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông hoạ sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”

=> Tất cả không chỉ chứng tỏ tấm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quí.

***\* Sự khiêm tốn, thành thật:***

Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông hoạ sĩ kí hoạ chân dung,anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

=>Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng  tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

=> Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

**b.3. Trong tác phẩm,còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua câu chuyện kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. Đó là:**

- Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnhPhan-xi-păng cao 3142 mét.

- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngàykhác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phận chohoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dântoàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người  nơi mảnh đất Sa Pa mói hiểu hết được ý nghĩa của nó.

- Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ở trong tư thế sẵn sằng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mêcông việc để khai thác “của chìm nông, của chìm sâu” dưới lòng đất làm giàu choTổ quốc.

=> Dù không xuấthiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên, song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sànghi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình. Cuộc sống của họ lặnglẽ và nhân ái biết bao.

**4. Đánh giá**

 Như vậy bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, truyện ngắn “LLSP” cuả nhà văn NTL đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa.Thiên nhiên sapa thì hữu tình thơ mộng còn con người nơi ấy đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước. Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng cách đặt nhân vật vào tình huống gặp gỡ tình cờ, qua cảm xúc và đánh giá của mọi người xung quanh, những chi tiết tiêu biểu… tác giả đã phác họa chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.

**C. Kết bài**

**ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: ( DẠY)**

          “Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

-   Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắm liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:

-   Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.”

**A. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Chúng ta hãy đến với lời tâm sự của bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm vẻ đẹp của nhân vật này.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

 **- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

- Khái quát chủ đề: Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai ngườinên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một tình yêu nghề, một người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, một người có lí tưởng sống tốt đẹp.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

**a. Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

- Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Tuy là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù, lạnh lẽo, hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**\*Trước hết ở đoạn trích ta thấy anh thanh niên là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học.**

- Mở đầu đoạn trích ta thấy anh những suy nghĩ, chia sẻ với ông họa sĩ về công việc của mình vô cùng tích cực: “*Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.* Một quan niệm thật giản dị nhưng thể hiện một lẽ sống đẹp. Anh coi công việc như một người bạn của mình và anh hiểu rằng công việc của anh còn gắn bó với bao công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. “*Công việc của cháu còn gắn với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia*”. Bên cạnh anh còn biết bao anh em đồng chí cùng đồng hành với anh, cùng anh âm thầm làm việc phấn đấu hết mình vì việc chung nên ko thể gọi là “*1 mình được”*

- Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở: “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.* Thực tế công việc vào giờ “ốp” đầy gian nan và vất vả. Chỉ một mình anh đúng một giờ sáng, phải đậy đúng giờ, phải đi ra ngoài trời giá lạnh” gió tuyết &lặng im”, núi non trùng điệp lạnh lẽo , hoang vu. Đó là 1 thử thách lớn không phải ai cũng dễ dàng vượt qua. Nhưng lạ lùng làm sao” *cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”.

=> Lời tâm sự chân thành làm ta khâm phục biết bao. Không biết tự bao giờ anh đã yêu công việc đày gian khổ ấy. Được sống nơi này để làm việc, được cống hiến với anh là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời. Nhân vật anh thanh niên đã giúp ta hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những năm đầu của thập niên 70 ở thế kỉ XX, về tinh thần xây dựng CNXH của nhân dân ta ở miền Bắc

**\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**

- Không chỉ yêu nghề, anh thanh niên trong đoạn trích này còn là một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*.

Mặc dù trẻ tuổi nhưng anh không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Một con người như anh thật đáng để ta trân trọng biết bao.

**\*Một người sống cởi mở chân thành, quí trọng tình cảm.**

- Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và rất quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mình với họ. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ. Bởi với anh được gặp người, trò chuyện với mọi người là 1 một niềm mong mỏi. Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*?

=> Nỗi thèm người của anh là một nhu cầu chính đáng, đáng quí. Điều đó cho thấy nỗi khát khao giao cảm được trò chuyện của một con người sống cởi mở , nồng nhiệt. Chính bởi sống cởi mở quí trọng tình cảm mà “ *Không vào giờ “ốp” là cháu xuống chơi, lâu thành lệ*”. Nghĩa là gặp người, giao cảm trò chuyện với mọi người đã trở thành nhu cầu, thành niềm hạnh phúc của anh. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**\*Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**

 Không chỉ vậy, anh thanh niên còn là một người ham học hỏi và rất quan tâm đến đời sống nội tâm. Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách, anh nói: “*Cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy*”. Vậy là sống nơi Sa Pa lặng lẽ, anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn. Sách giúp đỡ đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại. Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Vì vậy sống một mình trên đỉnh cao Yên Sơn anh không cảm thấy cô đơn vì lúc nào bên cạnh cũng có sách. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, quý trọng tình cảm và rất ham học hỏi. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

**4. Liên hệ mở rộng:** Nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long gợi ta nhớ đến hình ảnh những cô gái thanh niên trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đó là ba cô gái thanhnên xung phong tuổi đời còn rất trẻ, họ là những trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Anh thanh niên trong truyện ngắn “ LLSP”và những cô gái thanh niên xung phong họ là những nhân vật khác nhau trong các tác phẩm khác nhau. Họ khác nhau về giới tính, về môi trường sống , về hoàn cảnh công việc... nhưng họ đều có một điểm chung đó là họ đều lặng lẽ cống hiến tuổi trẻ, tuổi thanh xuân của mình trong công việc bảo vệ đất nước thật dáng ngợi ca và được ghi nhớ mãi mãi.

1. **Kết bài:**

 **Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.**

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: ( \*)**

 “Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

**Gợi ý:**

a. Đảm bảo cấu trúc của một bài nghị luận văn học: có đầy đủ Mở đoạn , thân đoạn , Kết đoạn . Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân triển khai được các luận điểm làm rõ vấn đề nghị luận; Kết khái quát được nội dung nghị luận.

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ gữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**A. Mở bài:**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Chúng ta hãy đến với lời tâm sự của bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm vẻ đẹp của nhân vật này.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

 **- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**- Khái quát chủ đề:** Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai người lên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một con người có tình yêu với công việc, một người tự giác có tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích**

**a. Khái quát về công việc của anh thanh niên**

- Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Tuy là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù, lạnh lẽo, hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn trích**

**\*Ở anh trước hết ta nhận ra là tình yêu với công việc. Anh giới thiệu chi tiết từng loại máy, từng dụng cụ của mình cho ông họa sĩ và cô kĩ sư***.* Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Để có thể hiểu và giới thiệu một cách đầy đủ về công việc cũng như các thiết bị làm việc của mình một cách rành rọt như vậy hẳn là anh đã phải dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về nó thậm chí coi nó như người bạn của mình.Và anh cũng có rất nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Những kinh nghiệm ấy anh đã tích lũy được trong quá trình làm việc, trong suốt 4 năm anh gắn bó với công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

**\* Anh thanh niên còn là một người có tinh thần tự giác rất cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.** Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra  nhưng **anh** vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Khó nhất là lúc đo và báo về cơ quan vào lúc 1 giờ sáng.

- Theo lời anh kể: Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được”. Giữa chon von nơi đỉnh núi, lại vào lúc một giờ sáng, khi nhà nhà, người người đang chìm trong giấc ngủ thì anh thanh niên lại phải bật dậy, xách đèn bão ra vườn thực hiện công việc của mình. Anh có thế không dậy, có thể lấy con số cũ hoặc một cọn số bất kì nào đó để báo về cơ quan. Nhưng không, anh đã không làm như vậy bởi anh nhận thức được rất rõ tầm quan trọng của công việc mà anh đang đảm nhận. và hơn cả tinh thần vượt khó để hoàn thành công việc ấy chính là xuất phát từ tinh thần tự giác cao của anh. Một người trẻ tuổi như anh thật đáng trân quý biết bao.

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự giác đáng trọng. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

1. **Kết bài:**

  **Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**ĐỀ 5: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: (\*)**

[…] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu […] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung … Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

*(Trích* Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)*

**I. Mở bài**

 Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp qua cuộc trò chuyện với ông họa sĩ, cô kĩ sư đặc biệt là qua đoạn trích trên. {….}

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

 Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả chuyến đi thực tế của Nguyễn Thành Long lên Sa Pa - nơi giao thoa và gặp gỡ của đất trời. Truyện được viết vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện *“Giữa trong xanh”.* Tác phẩm kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m giữa núi rừng Lào Cai. Qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

- Chủ đề đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm, là lời tâm sự của nhân vật thanh niên về công việc làm của mình với ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh trong thời gian ba mươi phút.

**2.Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

**a. Công việc của anh thanh niên**

- Mở đầu đoạn trích, anh thanh niên hiện lên vô cùng rõ nét qua lời tâm sự. Anh mới 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm mây mù che phủ, hơn bốn năm qua anh làm việc với cỏ cây và mây núi Sapa. Với công việc làm khí tượng kiêm vật lí địa cầu, anh có nhiệm vụ “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu ». Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. Mặc dù làm công việc ít ai dám làm nhưng anh lại kể cho ông họa sĩ và cô kĩ sư bằng giọng tự hào, hạnh phúc. *“Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về nhà bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là ốp.”* Vì công việc mà anh không thể ngủ đủ giấc, mỗi đêm đều phải dậy bốn lần.

- Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Cái tuổi mà nhiều hoài bão đam mê. Cái tuổi mà người sẽ bay cao bay xa với những ước mơ, lập nghiệp ở thủ đô hoa lệ, những thành phố rộng lớn  nhưng anh lại chọn Sapa làm nơi lập nghiệp cho riêng mình. Anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người.

- Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao. Qua phân tích ta thấy, hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. nhưng anh thiên niên đã vượt qua tất cả bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. Có thể nói đây chính là sự hi sinh thầm lặng, cống hiến cao cả của anh với quê hương đất nước, dân tộc.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn**

 *Chuyển ý:* **Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề**. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: *“…Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*. Anh đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ và đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất. Một chàng trai trẻ tự nguyện lên đây làm việc không phải vì sự bốc đồng nhất thời mà là cả một nhận thức chín chắn, đúng đắn, sâu sắc nhất. Thân trai tráng đứng trước cảnh nước nhà còn gặp nhiều khó khăn gian khổ thì làm sao anh có thể ngồi yên hưởng thụ được. Từ đáy lòng anh từng tiếng gọi của non sông đất nước cứ mãi vang lên từng hồi thôi thúc như hồi kèn xung trận. Không ai bắt buộc anh phải lên nơi mây mù sương phủ như vậy để làm việc nhưng anh vẫn chọn nơi đây là ngôi nhà thứ hai của mình. **Bởi anh nhận thức “*Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành cho ai?”****.* Anh thanh niên như một viên kim cương sáng giữa vùng đất sa mạc cằn cỗi. Anh tự hào với công việc của mình. Phải yêu công việc lắm, gắn bó với công việc lắm mới có thể làm được như vậy.

 **- Không những yêu nghề anh còn là người có hành động đẹp**: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi *“ốp”* đúng giờ. Qua lời tâm sự của anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư , ta càng hiểu hơn những gian khổ mà anh phải chịu: *“Gian khổ nhất là lần đi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết ấy.”* Khuya rét, mưa tuyết,..có thể là lí do để anh trốn tránh trách nhiệm. Lúc một giờ khuya lạnh lẽo ấy, liệu ai dậy đi kiểm tra xem anh có làm tốt công việc của mình hay không? Anh có thể trùm chăn ngủ, lấy số cũ rồi báo về *« ốp »* được chứ ? Nhưng anh không làm thế.

- Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Bởi anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình *“thật hạnh phúc”* khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.

=> Công việc của anh thật chẳng kém gì nhiệm vụ của các anh chiến sĩ biên phòng đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Nếu như thời xưa, ông cha ta chiến đấu để giành độc lập cho đất nước, cho dân tộc mới được coi là suy nghĩ cho đất nước thì giờ đây, những công việc hi sinh thầm lặng của anh thanh niên là phẩm chất thể hiện lòng yêu nước. Anh mang tuổi trẻ, sức trẻ cùng sự nhiệt huyết  của mình đến vùng cao của tổ quốc.  Như Bác Hồ đã từng nói:

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên.”*

Tuổi trẻ cùng với sự kiên trì, bền bỉ, anh thanh niên đã không ngại gian khó, gian khổ để hoàn thành công việc tốt nhất, góp phần đem lại sự phát triển cho đất nước, xã hội.

- Lật giở những trang sách tiếp theo, ta lại càng thêm thán phục về anh thanh niên: người có phong cách sống cao đẹp. Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh.

**3. Đánh giá, mở rộng:**

 Bằng việc xây dựng cốt truyện đơn giản, cách đặt tên cho nhân vật là những danh từ chung, …đoạn trích đã khắc họa thành công nhân vật anh thanh niên - đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước:

*“ Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*

 (*Khúc ca xuân,* *Tố Hữu*)

**III. Kết bài**

 **Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.**

**ĐỀ 6: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

 *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút !*

*Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra ngoài phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt chiếc ghế , thong thả đi đến chỗ bác già.*

*Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này!*

*Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và vội quay đi.*

*Chào anh – Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. – Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?*

*{ .. .}*

 *Cái này để trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé”*

**1. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Một trong những đoạn truyện thể hiện nét đẹp của anh là: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút….. Bác sẽ trở lại nhé”*

**2. Thân bài**

**1. Khái quát**

 **- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**- Khái quát chủ đề:** Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai người lên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một con người với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Anh thanh niên là nhân vật chính trong truyện, nhân vật không xuất hiện từ đầu truyện, mà chỉ xuất hiện qua cuộc gặp gỡ với ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát đủ để các nhân vật khác ghi nhận được ấn tượng, một kí họa chân dung của anh và dường như khuất lấp trong mây núi bạt ngàn và trong cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Anh thanh niên sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao Yên Sơn cao 2600m quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Anh làm công tác khí tượng, kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày. Đây là công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao.

**1. Trước hết ở đoạn trích này ta thấy anh thanh niên hiện lên là một người cởi mở, chân thành, hiếu khách và chu đáo.** Sự cởi mở chu đáo của anh thanh niên được thể hiện qua những hành động cử chỉ hết sức giản dị. Khi chia tay anh đã gửi làn trứng để ông họa sĩ và cô kĩ sư ăn đường: *“ Cái này để ăn trưa cho Bác, cho cô và bác lái xe”.* Hành động này với việc anh gửi biếu vợ bác lái xe củ tam thất. Cắt hoa tặng cô gái, khi cô lên thăm nhà, pha nước trà ngon để mời khách…. Đã cho thấy sự ân cần, quan tâm đến người khác.

- Với anh thanh niên thì ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe chỉ là những người mới quen nhau, gặp nhau chưa đầy 30 phút ngắn ngủi mà anh đã chia sẻ, tâm sự với họ một cách cởi mở không hề dấu diếm. Chính sự cởi mở, chân thành của anh đã ngay lập tức xóa bỏ khoảng cách giữa họ tạo nên mối tâm giao đầy thân tình cảm động khiến ông họa sĩ có ngay ý định sẽ trở lại: *“Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ”.* Còn anh thanh niên nhiệt tình mời ông họa sĩ già trở lại *“ Bác sẽ trở lại nhé”.* Cũng chỉ vì để lại ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này mà cô kĩ sư đã để lại tặng anh chiếc khăn mùi xoa. Cũng chính sự cởi mở hiếu khách mà anh cảm thấy tiếc nuối thời gian còn quá ít: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút”.* Câu nói mà anh buộc miệng nói ra ẩn chứa trong đó là sự tiếc nuối, sự hiếu khách đến nồng nhiệt.

**2. Ở đoạn truyện này anh thanh niên còn là người chân thành, vô tư, trong sáng.**

**-** Cô kĩ sư vì cảm mến vẻ đẹp tâm hồn anh đã để lại một vật kỉ niệm là chiếc khăn mùi xoa cặp giữa cuốn sách. Tuy nhiên khi nhìn thấy, anh đã kêu lên: *“ Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này”*. Phải chăng anh thanh niên chưa cảm nhận được tình cảm mà cô kĩ sư dành cho anh và anh chưa sẵn sàng đón nhận tình cảm ấy. Vì thế anh vô tư hồn nhiên gửi lại cô kĩ sư. Khi cô gái bắt tay anh để chào từ biệt, cô nhìn thẳng vào mắt anh thì anh quay mặt đi. Như vậy chỉ bằng vài cử chỉ, lời nói, ta thấy anh thanh niên là người rất vô tư, trong sáng.

**3. Ở đoạn trích này ta còn thấy anh thanh niên là người co trách nhiệm cao trong công việc.**

- Vốn là người coi công việc như sinh thể gắn bó với mình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Mặc dù rất quý mến hai vị khách là ông họa sĩ và cô kĩ sư, thế nhưng đến giờ “ ốp” anh không tiễn được ông họa sĩ và cô kĩ sư ra xe được vì gần tới giờ ốp rồi.

-Thái độ vui vẻ, niềm nở, hiếu khách của anh cũng đã để lại trong lòng mọi người những ấn tượng khó quên.

**\* Đánh giá:** Chỉ bằng một vài chi tiết và cử chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc, những phút chia tay ngắn ngủi, tác giả đã khắc họa nhân vật chính với những nét đẹp tâm hồn phẩm chất cởi mở, chân thành, chu đáo… Những nét đẹp đó, cùng với những nét đep khác : Lòng yêu nghề, sự khiêm tốn. Làm nên vẻ đẹp hoàn chỉnh của anh thanh niên. Đó là vẻ đẹp của con người mới XHCN có lí tưởng, nghị lực, tinh thần trách nhiệm với công việc, yêu lao động. Anh chính là đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX.

**3. Kết bài**

  **Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.**

**Đề 7: Có người nhận xét “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người” - Hãy phân tích truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ nhân xét trên.**

**1. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông đã thành công trong những tác phẩm về đề tài con người mới trong công cuộc xây dựng CNXH. Một trong những truyên ngắn tiêu biểu của ông là truyện “ Lặng lẽ Sa Pa”. Tác phẩm là chuyến đi thâm nhập thực tế ở Lào Cai của nhà văn trong mùa hè năm 1970. Những yếu tố nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn và góp phần vào thành công của truyện ngắn là chất trữ tình. Vì thế có ý kiến cho rằng: “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người”

**2. Thân bài**

 **\* Giải thích:** Chất trữ tình là tình cảm được tạo nên từ sự hòa quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, từ tình cảm và vẻ đẹp của cách thể hiện để tạo nên rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn. Chất trữ tình của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa và toát lên từ nội dung của truyện, từ vẻ đẹp và con người nơi Sa Pa.

“ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ bằng văn xuôi bởi đây là áng văn xuôi giàu chất thơ, ca ngợi vẻ đẹp lặng lẽ thơ mộng của thiên nhiên và con người.

*1. Trước hết chất thơ của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa. Phong cảnh Sa Pa được miêu tả qua cái nhìn của người họa sĩ già. Hình ảnh thiên nhiên Sa Pa mang vẻ đẹp độc đáo, kì lạ.*

Đó là núi cao, thác đổ trắng xóa với mây, nắng, sương đều rất lạ. Sự bắt đầu của Sa Pa là những rặng đào ven đường, hay những đàn bò lang cổ có đeo chuông. Đó là những đặc trưng hữu hình và cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Tiếp đó là những rừng cây bao bọc lẫn nhau “ Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng . Rừng cây đep như một bức tranh với sự hài hòa phối màu sắc thật tuyệt. Hiện lên trước bức tranh cao xanh rộng lớn của núi rừng tây bắc một bức tranh thiên nhiên thu nhỏ nơi mảnh vườn của chàng trai khí tượng. Sau gần hai ngày qua ngót 400 cây số đường dài cách xa Hà Nội, đúng trong mây mù ngang tầm với chất cầu vồng kia, bỗng nhiên gặp lại hoa dơn, hoa thược dược , vàng tím đỏ, hồng phấn, tổ ong… ngay lúc dưới kia là mùa hè”. Vườn hoa rực rỡ cũng như tâm hồn và cuộc sống đầy màu sắc dù trong thầm lặng của anh thanh niên, của những người lao động nơi đây.

Đẹp nhất là hình ảnh nắng. Nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy, đất trời càng thêm tỏa sáng: “ Nắng đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây”, tiếp đến là “ Nắng đã mạ bạc cả con đèo đốt cháy rừng cây hừng hực như mọt bó đuốc lớn”. Nắng làm cho bó hoa ngày một thêm rực rỡ và làm cho cô gái thấy mình rực rỡ theo.

Không chỉ nắng ở Sa Pa, mà mây ở đây cũng rất lạ: “ Mây bị nắng xua cuộn tròn lại từng cục lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe”. Những chi tiết miêu tả khiến người đọc hình dung mây núi Sa Pa bạt ngàn khiến như ta đang đi trên mây. Như vậy hình ảnh mây, nắng cảnh vật nơi Sa Pa được tác giả nhân hóa cùng với sự liên tưởng độc đáo khiến người đọc cảm thấy như nhịp chạy của mây hay sự cuốn hút của nắng. Chỉ bằng vài nét phác thảo cảnh thiên nhiên Sa Pa hiện lên như một bức tranh. Đẹp đến hai lần – Cái đẹp tự nhiên của nó và đẹp qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Thiên nhiên đẹp làm nền tôn thêm vẻ đẹp của con người nơi đây. Những đỉnh Yên Sơn, Phan xi Phăng cao vời vợi, gợi ta nghĩ đến sự hi sinh của những con người thầm lặng như anh thanh niên, ông kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu sấm sét. Cái hừng hực của nắng gợi ta nghĩ đến sự nhiệt huyết, hừng hực cháy của những con người nơi đây. Thiên nhiên thơ mộng trong sáng như con người Sa pa trong sáng, thơ mộng.

*2. Nhưng thực chất thơ trong truyện “ LLSP” chủ yếu toát lên từ nội dung của truyện , từ vẻ đẹp của con người nơi Sa Pa.*

Cuộc gặp gỡ bất ngờ thú vị giữa anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư đã để lại dư âm trong lòng người đọc. Ở cuộc gặp gỡ này ông họa sĩ đã tìm được cảm hứng sáng tác và thấy rõ sự bất lực của nghệ thuật. Còn cô kĩ sư mang một “ấn tượng hàm ơn khó tả… chưa kịp nghĩ kĩ”

Chất thơ thấm đượm ở vẻ đẹp cuộc sống một mình của anh thanh niên, từ những nét đẹp giản dị, đáng mến của anh. Mặc dù phải làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt: “ Một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m”, thiên nhiên khắc nghiệt đòi hỏi sự tỉ mỉ, nhưng anh thanh niên có tinh thần và trách nhiệm cao trong công việc, có suy nghĩ đúng đắn về công việc: “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi… buồn chết mất”. Anh còn tạo cho mình niềm vui đó là đọc sách nghĩa là có người để trò chuyện. Anh tự tổ chức sắp xếp công việc của mình: Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, những lúc không vào giờ “ốp” lại xuongs đường trò chuyện với bác lái xe và mọi người. Nơi anh ở luôn rực rỡ sắc màu và ngát hương thơm của những loài hoa khiến cô kĩ sư vô cùng thích thú. Hơn thế nữa anh còn là người chân thành, cởi mở, hiếu khách: “ Mời bác và cô lên chơi… lên ngay nhé!” anh còn là người rất khiêm tốn.

Vẻ đẹp của con người Sa Pa là vẻ đẹp của sự lao động, cống hiến thầm lặng như ông kĩ sư ở vườn rau, ngày này qua ngày khác ở trong vườn chăm chú quan sát cách lấy mật của ong rồi tự tay thụ phấn cho hàng trăm cây su hào. Đó là anh cán bộ nghiên cứu sấm sét 11 năm ròng không ra khỏi cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét để lập bản đồ tìm tài nguyên cho đất nước.

Chất thơ toát lên từ cái lặng lẽ của công việc thầm lặng ít ai biết trong một không gian vắng lặng. Trong cái lặng lẽ của đất trời là những con người, những tâm hồn không lặng lẽ vì họ làm những công việc ý nghĩa , quan trọng đối với đất nước, là sự hăng say trong công việc, cho đất nước, cho nhân dân: “ Trong cái lặng im Sa Pa… đất nước”. Những con người như anh thanh niên, ông kĩ sư , anh cán bộ nghiên cứu sấm sét giúp ta hiểu thêm ý nghĩa của những công việc thầm lặng . Họ đã viết lên bài ca về tình yêu quốc. Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn bình dị, khiêm tốn và hồn nhiên của những con người ở Sa Pa.

Chất thơ còn toát lên từ câu chuyện anh thanh niên kể về cuộc sống của mình và những người xung quanh giữa Sa Pa lặng lẽ. Từ lời anh kể giúp ta hiểu được ý nghĩa và công việc thầm lặng.

**\*Đánh giá**: Có thể nói truyện ngắn “ Lặng lé Sa Pa” có dáng dấp như một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện: “ Từ quanh cảnh đẹp, hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó của họ với đất nước, với mọi người. Tác giả đã tạo được không khí trữ tình cho tác phẩm, nâng cao ý nghĩa và vẻ đẹp cho những công việc, những con người bình dị được miêu tả trong truyện, nhờ đó mà chủ đề trong truyện được rõ nét và sâu sắc.

**3. Kết bài**

 Như vậy “ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ văn thơ văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ, tỏa hương của thiên nhiên và con người lao động. Người tri thức mới đang thầm lặng, hiến dâng cả sức lực, cả tuổi trẻ của mình cho đất nước, cho nhân dân. Chính chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn góp vào thành công của truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” để lại dư âm trong lòng người đọc.

**ĐỀ SỐ 13.**

Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn giàu chất thơ. Em hãy phân tích để làm rõ nhận định trên.

**BÀI LÀM**

**I/ Mở bài**

 **Nguyễn Thành Long** (1925-1991), quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí, trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thành công trong sáng tác của Nguyễn Thành Long không phải ở khai thác tình huống dữ dội mà là sự nhẹ nhàng, trong trẻo, thấm đẫm chất trữ tình. Tiêu biểu là truyện ngắn **“*Lặng lẽ Sa Pa”*** sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế ở Lào Cai, in trong tập *“Giữa trong xanh”* (1972). Đây là một **truyện ngắn thấm đẫm chất thơ**.

**II/ Thân bài**

**1.Khái quát**

 Thơ là tiếng nói của tình cảm mãnh liệt, thể hiện qua ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh, nhạc điệu. Khái niệm chất thơ trong tác phẩm văn xuôi để chỉ tác phẩm có thiên hướng biểu hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp cuộc sống, thiên nhiên, con người và có ý nghĩa khơi gợi cảm xúc trữ tình ở người đọc thông qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, giọng văn nhẹ nhàng êm ái...Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa chất thơ được biểu hiện phong phú, bàng bạc trong cả truyện nhưng chủ yếu toát lên từ thiên nhiên đẹp đầy thơ mộng của Sa Pa, thấm đượm trong vẻ đẹp cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của anh thanh niên, từ tình cảm, cảm xúc đẹp đẽ về con người, nghệ thuật, cuộc sống của người họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ...

**2. Biểu hiện của chất thơ trong đoạn trích Lặng lẽ Sa Pa:**

**a1. Chất thơ trong thiên nhiên:**

 **Thật vậy, trước hết, chất thơ trong tác phẩm biểu hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên, cụ thể là núi rừng Sa Pa.** Trong truyện, theo chuyến xe đưa ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ lên Sa Pa, tác giả dẫn người đọc đến với những không gian núi rừng Tây Bắc với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng. Cảnh Sa Pa đẹp một cách kì lạ, quyến rũ khiến con người ta ngỡ ngàng khi lần đầu tiên bắt gặp. Chất thơ toát lên từ cảnh sắc Sa Pa thơ mộng như một bức tranh. Đó là nơi núi cao, thác đổ trắng xoá, với mây, nắng, sương đều rất la. Sự bắt đầu của Sa Pa là *“những răng đào”* ven đường hay *“những đàn bò lang cổ có đeo chuông”* là đặc trưng hữu hình của cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Hình ảnh rừng cây đầu mùa bao bọc lấy nhau “Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”. Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy. “Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây”; “nắng đã mạ bạc cả con mèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”. Người ta cảm thấy như bị cuốn theo nhịp chạy của mây hay đầy xúc cảm trong sự cuốn hút của nắng. Sa Pa không hoang vu, lạnh lẽo mà mang nét đẹp thơ mộng, huyền ảo và rất đỗi hữu tình.

  Cuối truyện, khi ông họa sĩ và cô kĩ sư tạm biệt Sa Pa, khung cảnh núi rừng lại được miêu tả một lần nữa:*“Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”.* Tác giả không miêu tả nhiều nhưng chỉ với những nét chấm phá, qua lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, ngôn ngữ như có đường nét, hình khối, sắc màu, cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa hiện lên ấn tượng với vẻ đẹp trong trẻo, hữu tình. **Khung cảnh nên thơ này có tác dụng làm phông nền cho câu chuyện đầy chất thơ, là chất xúc tác đồng thời là điểm tựa cho chất thơ trong truyện được thăng hoa.**

**a2. Chất thơ trong vẻ đẹp của con người:**

**\*Anh thanh niên**

 **Chất thơ không chỉ biểu hiện qua thiên nhiên mà chất thơ còn biểu hiện qua con người.** Trước hết nó biểu hiện qua nhân vật chính là anh thanh niên. Chất thơ toát lên từ những suy nghĩ, cảm xúc, việc làm, cách sống của anh. Đó là con người yêu nghề, có ý thức sâu sắc về công việc mình làm và hiểu rõ ý nghĩa của công việc với cuộc sống con người, có tinh thần trách nhiệm, biết vượt lên khó khăn và gian khổ của hoàn cảnh sống để hoàn thành nhiệm vụ.

Anh là một chàng trai với tâm hồn cởi mở, chân thành, có nếp sống ngăn nắp, khoa học và thơ mộng *(“một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”),* không cảm thấy cô đơn vì có niềm vui trồng hoa, đọc sách; yêu nghề, tận tụy, có trách nhiệm và luôn tìm thấy niềm vui trong công việc  *“Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*; chân thành, cởi mở, chu đáo và biết quan tâm người khác (tặng củ tâm thất để vợ bác lái xe chữa bệnh, vui sướng khi có khách đến thăm, tiếp đãi khách nồng nhiệt, lưu luyến, tặng quà khi chia tay); thành thật, khiêm tốn (tự nhận thấy đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé so với những người khác, từ chối khi được vẽ chân dung và giới thiệu những người xứng đáng hơn mình). Có thể nói, hiện lên với những vẻ đẹp dung dị, đời thường mà cao quý, anh thanh niên hình ảnh tiêu biểu của những con người *“lặng lẽ”* giữa “*Sa Pa”,* là chân dung của con người lao động mới trong thời đại mới đang góp sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tâm hồn, cách sống, từng câu chuyện về công việc của anh như những bài thơ mang vẻ đẹp nhân văn thấm đẫm. Chất thơ trong truyện bung tỏa từ chính hình tượng nhân vật này.

**\*Các nhân vật khác**

**Chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện nổi bật qua vẻ đẹp của các nhân vật khác** với những câu chuyện bình dị mà cảm động của họ. Tất cả đều hiện lên với những vẻ đẹp riêng. Ông họa sĩ già với khát vọng chân chính về nghệ thuật , con người từng trải, tâm huyết với nghệ thuật, khát khao đi tìm đối tượng của nghệ thuật, có tâm hồn nghệ sĩ giàu xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của tâm hồn con người và nghệ thuật. Cô kĩ sư trẻ mang nhiệt huyết của tuổi trẻ, có niềm khát khao cống hiến, sẵn sàng rời thành phố đến với miền đất xa xôi khi vừa mới ra trường ; cuộc gặp gỡ với người thanh niên đã khơi dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp, hiểu thêm về cuộc sống tuyệt đẹp của người thanh niên, có những nhận thức sâu sắc về lẽ sống và vững tin vào con đường mình đã lựa chọn. Bác lái xe với hơn 30 năm miệt mài. Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa tận tụy với công việc, hàng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy phấn của ông, tự tay thụ phấn cho hoa su hào...Anh cán bộ nghiên cứu sét hi sinh hạnh phúc bản thân vì đam mê khoa học. Anh đồng nghiệp trên đỉnh Phan-xi-păng lặng lẽ cống hiến cho cộng đồng…, Tất cả những nhân vật của Lặng lẽ Sa Pa đều hiện lên với vẻ đẹp rạng ngời trong tâm hồn và cách sống. Không chỉ say mê, hết lòng trong công việc, họ còn biết hi sinh hạnh phúc riêng tư cho lí tưởng xây dựng, làm giàu đất nước. Dù thật lặng lẽ, bình dị (phần lớn các nhân vật đều không có tên - đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả) nhưng nhân cách, tâm hồn của họ vẫn tỏa vẻ đẹp nhân văn lấp lánh.

**a3.** **Một câu chuyện thơ**

**Không chỉ trên phương diện nội dung, chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện sinh động trên nhiều khía cạnh của phương diện hình thức.** Ấn tượng chung của độc giả đối với tác phẩm là câu chuyện nhẹ nhàng với cốt truyện đơn giản, tình tiết không phức tạp, diễn biến truyện không quá gây cấn. Tuy có đôi lúc sôi nổi nhưng chủ yếu truyện vẫn mang giọng điệu chậm rãi, khoan thai. Đặc biệt, truyện có lớp ngôn ngữ trong sáng, giàu sức biểu cảm và hình ảnh với những biểu hiện như: Sử dụng nhiều từ ngữ chỉ màu sắc (thác trắng xóa, mây hắt từng chiếc quạt trắng, thấp thoáng trong màu xanh bao la, một vệt hình ba góc màu vàng, những ngón tay bằng bạc, nhô cái đầu màu hoa cà màu xanh của rừng, anh chỉ đỏ mặt, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong…);Sử dụng nhiều từ láy (lặng lẽ, lả tả, thấp thoáng, dễ dàng, nhẹ nhàng, bối rối, nhỏ nhẻ, sạch sẽ, toe toe, khe khẽ, hí hoáy, loay hoay, choáng choàng, vắng vẻ, vòi vọi, băn khoăn, rực rỡ,…); sử dụng nhiều so sánh tu từ (nó như con gián gặm nhấm người ta, nó như bị chặt ra từng khúc, các anh chị cứ như con bướm,…). **Có thể nói, lớp ngôn ngữ truyện giàu chất thơ là một trong những phương diện quan trọng làm nên chất thơ xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm.**

**3. Đánh giá:**

Lặng lẽ Sa Pa là truyện ngắn giàu chất thơ. Bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, còn có những chi tiết rất thơ, có ngôn ngữ văn xuôi trau chuốt, nhịp điệu nhẹ nhàng... khơi gợi nhiều xúc cảm cho người đọc. Có thể nói chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và thành công của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa đặc biệt là trong đoạn trích, giúp cho chủ đề truyện được rõ nét và sâu sắc (trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước) làm nên đặc sắc văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long.

**III/ Kết bài**

Với nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế, tạo nên những câu văn giàu hình ảnh, nhạc tính, cách kể chuyện tự nhiên, gần gũi, tạo ra những tình tiết giàu mang những chiều sâu chưa nói hết, có thể nói, truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa”* mang dáng dấp như **một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện**, từ phong cảnh đẹp hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống và làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó với đất nước, với mọi người. Chất thơ trong truyện còn góp phần tạo nên dấu ấn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

*( Nguyễn Quang Sáng)*

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN TÂM LÍ NHÂN VẬT VÀ TÌNH CẢM CỦA BÉ THU QUA TRUYỆN NGẮN. ( \* dạy)**

**A. Mở bài**

 **Cách 1:** Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Đặc biệt nhân vật bé Thu đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong long bạn đọc về một cô bé cá tính có tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt. ( Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau…)

 **Cách 2:** Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyệnđã thể hiện những diễn biến tâm lí tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

 Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Khái quát về chủ đề: Câu chuyện tập trung thể hiện tình cảm cha con của ông sáu với bé Thu, đặc biệt là tình yêu thương mãnh liệt của bé Thu dành cho cha.

**2. Phân tích**

**a. Cảnh ngộ của bé Thu**

 Như chúng ta đã biết bé Thu sinh và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi, tám năm dòng em chưa được gặp cha, em chỉ được ngắm nhìn ba qua bức hình chụp chung với má.

=> Như vậy chiến tranh đã chia cắt tình cảm khiến cho gia đình bé Thu cũng như bao gia đình VN khác phải rơi vào cảnh ngộ li tán, chia lìa.

- Tám tuổi Thu còn quá nhỏ để hiểu được sự khốc liệt và éo le của chiến tranh. Chính vì vậy cuộc gặp gỡ bất ngờ với người cha sau 8 năm xa cách đã khiến cho bé Thu có nhiều sự ngộ nhận. Từ đó ta càng thấy bé Thu phải chịu nhiều thiệt thòi và cảm thấy thương em hơn và căm ghét chiến tranh.

\* Đặc điểm của bé Thu:

- Thu là cô bé cá tính , ương bướng, ngang ngạnh và đáo để.

Chuyển ý: Chính hoàn cảnh của chiến tranh đã tạo cho bé Thu một cá tính rất mạnh mẽ, ương bướng, ngang ngạnh, đáo để nhưng cũng rất trong sang, hồn nhiên và đáng yêu.

- Trong tâm trí non nớt của bé Thu hình ảnh người cha hiện lên thật đẹp, một người cha mà em luôn thần tượng. Như vậy em yêu cha bằng một tình yêu bền vững, tuyệt đối không có gì lay chuyển được mặc dù 8 năm em chưa từng gặp và gọi một tiếng ba.

- Và để làm nổi bật tình cảm đó của bé Thu nhà văn đã đặt bé Thu vào tình huống cụ thể để bé Thu bộc lộ rõ cá tính của mình đó cũng là khi ông Sáu trở về thăm nhà sau 8 năm xa cách.

**b. Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu**

**\* Khi mới gặp cha**

- Diễn biến tâm lí của bé Thu: Bao ngày trông ngóng được gặp lại cha nhưng khi gặp cha Thu lại có phản ứng vô cùng dữ dội:

- Khi đang chơi ở nhà chòi bỗng có người đàn ông xa lạ gọi mình là con, bé Thu tròn mắt ngơ ngác, lạ lung nhìn. Đặc biệt khi nhìn vết sẹo dài trên má ông Sáu và thấy người đàn ông cứ tiến đến với giọng run run: *“ba đây con”* khiến cho con bé Thu chớp mắt như muốn hỏi “ *Đây là ai?”* , Mặt nó tái đi rồi gọi *“ Má! Má!”*

=> Phản ứng ấy của bé Thu cho thấy em rất bất ngờ trước một người đàn ông xa lạ gọi mình là con và em cũng không nhận ra ông Sáu là ba. Phản ứng hoảng sợ của bé Thu rất phù hợp với tâm lí nhân vật đồng thời cho thấy sự am hiểu tâm lí nhân vật của tác giả.

**\* Ba ngày ông Sáu ở nhà**

- Ba ngày phép ngắn ngủi ông sáu ở nhà là quãng thời gian ngắn ngủi của ông Sáu ở nhà, là quãng thời gian quý báu của gia đình bé Thu. Ông Sáu tìm mọi cách vỗ về an ủi bé Thu thì Thu lại càng giữ khoảng cách, lạnh lùng, xa lánh cương quyết không gọi ông Sáu là ba.

- Khi mẹ nhắc nhở Thu bảo ba vô ăn cơm thì con bé tìm mọi cách từ chối khéo*: “ Thì mẹ mời đi”* , khi bị ép thì Thu lại nói trổng *“ vô ăn cơm”* ông Sáu trở vờ không nghe thấy thì Thu lại nói vọng ra *“ cơm chin rồi”* và cuối cùng không gọi được con bé bực quá quay lại mẹ và bảo “ *con kêu rồi mà người ta không nghe”*, cụm từ người ta cho thấy bé Thu vẫn coi ông Sáu là người xa lạ.

- Không chỉ lời nói, bé Thu còn có những hành động, cử chỉ dứt khoát không nhận ông Sáu là ba: Đó là tình huống bé Thu phải canh nồi cơm và chắt nước cơm. Nồi cơm thì to, quá sức với một đứa trẻ 8 tuổi, khiến Thu không thể bắc được, bị đẩy vào thế bí, tưởng Thu sẽ phải gọi ông Sáu là ba để nhờ giúp đỡ nhưng không con bé vẫn nói trổng: *“ Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái”* ông Sáu trở vờ không nghe thấy và khi nồi cơm sôi sung sục thì giọng nó vang vẻ hơn: “cơm sôi rồi nhão bây giờ” khi bị bác Ba dọa thì nó hơi sợ, nhăn nhó như sắp khóc nhưng nhất định không gọi ông Sáu một tiếng ba. Rồi nó loay hoay tìm lấy cái vá để múc nước cơm ra. Hành động đó của bé Thu cho thấy Thu thật ương bướng, gan góc nhưng cũng rất đáo để.

**\* Khi ông Sáu gắp cái trứng cá:**

- Đỉnh điểm của sự ngang ngạnh, ương bướng của bé Thu là trong bữa cơm ông Sáu gắp cho một miếng trứng cá to vàng để vào chén bé Thu.

- Thu liền lấy đũa soi vào chén cơm rồi bất ngờ hất tung miếng trứng cá khiến cơm văng tung tóe cả mâm

=> Hành động ấy của bé Thu cho thấy sự cương quyết từ chối sự chăm sóc tận tâm của ông Sáu.

- Bị cha đánh mắng co bé ngồi im cúi gầm rồi lặng lẽ gắp miếng trứng cá vào bát và đứng dậy. Thu hiểu được việc làm của mình là quá đáng, là sai, là vô lễ với người lớn tuổi nên thấy mình hối lỗi, nhưng vẫn không thể chấp nhận người đàn ông kia là ba mình.

- Thu bỏ sang nhà bà ngoại trước khi bơi thuyền đi nó khuya dây lòi tói rộn rang mét và khóc với ngoại.

=> Qua tất cả hành động trên của bé Thu ta thấy Thu rất ương bướng, ngang ngạnh và đáo để, nhưng sự ương bướng cá tính của Thu không làm người đọc khó chịu, và cũng o thấy Thu không phải là một cô beé hư, hỗn lá, mà ta lại thấyở Thu hồn nhieên, ngây thơ có phần tội nghiệp. Cô bé cương quyết không chịu nhận ông Sáu là cha chắc có lí do vì Thu rất yêu ba và khao khát được gặp ba.

- Theo dõi tiếp mạch truyện ta thấy cá tính ương ngạnh, gan lì của bé Thu chỉ là vỏ bọc bề ngoài. Quả thực Thu là một cô bé rất giàu tình cảm, có tình yêu ba sâu sắc và mãnh liệt.

- Một đêm ngủ với ngoại, được ngoại giảng giải cho hiểu vì sao ông Sáu lại có một vết thẹo dài trên má, Thu đã hiểu ra sự khốc liệt của chiến tranh, chính chiến tranh đã làm biến rạng khuôn mặt của ba, để ba klhoong còn đẹp như bức hình chụp chung với má nữa. Nó nằm im lăn qua, lăn lại, thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn đã cho thấy Thu đã hiểu ra vấn đề.

**c. Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra ông sáu là cha.**

- Sáng hôm sau nó theo ngoại về nhà, buổi sang cuối cùng trước khi ông Sáu lên đường, bé Thu đã thay đổi hoàn toàn thái độ, vẻ mặt của cô không còn bướng bỉnh cau có nữa mà vẻ mặt ấy sầm lại trông rất đáng thương. Nó không nhìn ngơ ngác, lạ lùng như trước nữa mà nhìn với một vẻ nghĩ ngợi sâu xa. Nhưng Thu chỉ dám đứng ở góc nhà nhìn ba từ xa vì cô bé mặc cảm với lỗi lầm của mình mà chưa dám nhận cha.

- Chỉ đợi ông Sáu chào tạm biệt “ Thôi ba đi nghe con” thì tình cảm bị dồn nén bấy lâu bỗng trỗi dậy thật mãnh liệt nó chạy ào tới như một con sóc rồi thốt lên “ ba…a…a!”, tiếng kêu ấy như tiếng xé, xé sự im lặng của mọi người nghe thật xót xa. Đó là tiếng ba mà Thu đã kìm nén bao năm nay, tiếng ba như vỡ tung ra trong long nó. Nó vừa kêu vừa chạy xô tới nhảy tót lên dang hai tay ôm lấy cổ ba nó… Chứng kiến những khoảnh khắc xúc động này nhà văn đã dung những câu văn ngắn dồn dập, nhiều động từ mạnh để diễn tả cảm xúc vội vàng, cuống quýt của bé Thu. Thu ôm chặt lấy cổ ba vừa khóc vừa muốn giữ chân ba ở nhà “ Ba! Con không cho ba đi nữa ba ở nhà với con” rồi “ Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”, “ Hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nói, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai bó nhỏ của nó run run”.

- Dường như Thu muốn lấy nụ hôn đó để chuộc lỗi với ba để xoa dịu những tổn thương mà nó gây cho ba nó rồi nó nghĩ rằng hai tay không thể ôm chặt lấy ba, nên nó dung cả đôi chân ôm chặt lấy ba.

- Khoảnh khắc xúc động ấy bé Thu khiến cho những người chứng kiến không ai cầm được nước mắt, còn bác Ba người kể chuyện cảm thấy khó thể như ai chiếm lấy trái tim, khoảnh khắc ấy Thu chỉ biết dặn ba vội vã: “ ba về ba mua cho con một chiếc lược ngà nghe ba”

- Có thể nói đây là đoạn văn rất thành công khi tác giả miêu tả sinh động khoảnh khắc hai cha con nhận nhau. Lúc Thu nhận ra ba cũng là lúc ông Sáu phải ra chiến trường. Chiến tranh thật éo le và khắc nghiệt đã khiến cho niềm hạnh phúc, tình phụ tử của cha con bé Thu phải chia lìa xa cách.

=> Như vậy ta thấy bé Thu đại diện cho lớp trẻ VN phải chịu nhiều thiệt thòi mất mát do chiến tranh gây ra, cả tuổi thơ phải sống xa cha, được gần ba ba ngày nhưng ba ngày cũng không trọn vẹn. cả đời chỉ được gọi tiếng ba có một lần, chỉ được nhận sự chăm sóc của ba bằng một cây lược ngà nhưng cũng phải chờ đợi. Bấy nhiêu thôi ta cũng thấy bé Thu cũng như những đứa trẻ VN khác phải chịu mất mát thiệt thòi như thế nào và cũng cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh. Ta càng thấy thương những em bé như Thu và căm phẫn chiến tranh.

**3. Đánh giá**

 **-** Truyện thành công bởi xây dựng tình huống truyện đặc sắc. Truyện đặt nhân vật bé Thu vào tình huống gặp ba nhưng không nhận ra, khi nhận ba lại vào đúng lúc chia tay để bộc lộ diễn biến tâm lý và tình cảm sâu sắc bé Thu dành cho ba. Từ đó, nhân vật bé Thu hiện ra thật có tình, yêu ghét rõ ràng, nhưng cũng thật hồn nhiên, trong sáng.

 - Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu, ta thấy tác giả tỏ ra rất am hiểu tâm lí bé trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

**C. Kết bài:**

Chiến tranh đã lùi xa nhưng mỗi lần đọc “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng chúng ta lại thấy vô cùng xúc động về tình yêu cha mãnh liệt, thiêng liêng của bé Thu dành cho người cha của mình trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh cũng từ nhân vật Thu ta càng thấy trân trọng hơn tình cảm gia đình, cuộc sống hòa bình hiện nay. Ca,mr xúc viết về chiến tranh nhưng Nguyễn Quang Sáng lại không viết về bom đạn nơi chiến trường mà tác giả lại viết về đề tài tình cảm con người trong chiến tranh, tình cảm cha con thiêng liêng sâu nặng. Chính điều này có thể khẳng định bom đạn có thể hủy diệt đi tất cả nhưng không thể nào hủy diệt đi tình cảm con người, đặc biệt là tình cảm cha con, tình cảm gia đình. Với những giá trị ấy truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” đã làm thổn thức, rung động biết bao trái tim bạn đọc hôm nay và mai sau.

**ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ÔNG SÁU TRONG TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” CỦA NGUYỄN QUANG SÁNG ( \*)**

**A. Mở bài**

**Cách 1:** Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Truyệnđã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt. ( Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau…)

 **Cách 2:** Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Truyệnđã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

 Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Phân tích nhân vật ông Sáu**

**a. Hoàn cảnh của ông Sáu**

- Ông Sáu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, giống như bao chàng trai khác ông Sáu phải xa gia đình cầm sung vào chiến trường từ khi đứa con gái chưa đầy một tuổi, mãi đến khi con gái lên 8 tuổi ông mới có dịp về thăm nhà.

- Nhưng bé Thu con gái ông lại nhất định không chịu nhận ba chỉ vì vết thẹo trên má nên không giống với bức ảnh chụp chung với má.

- Bé Thu đối xử với ông Sáu như người xa lạ, đến lúc hiểu ra thì tình cha con xúc động mãnh liệt trong em, cũng là lúc ông sáu phải trở về khu căn cứ.

- Ở khu căn cứ ông dành hết tình cảm nhớ thương con vào việc làm chiếc lược ngà nhưng chưa kịp trao cho con ông Sáu đã hi sinh trong một trận càn của giặc. Trước lúc nhắm mắt đi xuôi ông đã kịp lấy trong túi áo chiếc lược ngà để trao lại cho người bạn.

- Như vậy chiến tranh đã làm cho cha con ông Sáu phải li tán, cuộc đời ông chỉ được ôm con một lần và chỉ được chăm sóc con bằng một cây lược ngà mà cây lược ấy mười năm sau bé Thu mới được nhận.

=> Chiến tranh không chỉ cướp đi ông Sáu mà còn cướp đi biết bao người cha khác. Như vậy tuy không viết về bom đạn nơi chiến trường nhưng tình cảm gia đình trong chiến tranh đã làm lay động biết bao trái tim bạn đọc.

**b. Đặc điểm nhân vật ông Sáu**

*\* Ông Sáu là một người mang vẻ đẹp của người lính cách mạng*

- Kháng chiến bùng nổ ông Sáu sẵn sàng từ bỏ những gì quý giá nhất: Con thơ, vợ trẻ… để cầm sung lên đường chiến đấu

- Trong suốt những năm tháng kháng chiến dai dẳng ông Sáu không được về nhà một lần để thăm nhà, thăm con bởi với người lính khi tổ quốc chưa giành độc lập thì họ phải lên đường chiến đấu để bảo vệ tổ quốc.

=> Như vậy ông Sáu đã gác bỏ tình riêng để ra đi cùng nghĩa lớn sẵn sàng hi sinh để bảo vệ nhiệm vụ, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là biểu hiện cao đẹp nhất tình yêu tổ quốc thiêng liêng cao đẹp.

\* Không chỉ là người lính mang phẩm chất anh hung ông Sáu còn là một người cha có tình yêu thương con tha thiết, sâu nặng. Ngay từ đầu câu chuyện người đọc có thể cảm nhận sâu sắc tình thương con của ông Sáu. Người lính đã trải qua máu lửa của chiến tranh, mưa bom bão đạn, có một khuôn mặt lạnh, một ý chí sắt thép nhưng trái tim người cha trong ông vẫn ấm nóng. Vì vậy “ Chỉ cần nghĩ đến lúc được về cái tình người cha cứ nôn nao trong anh”

- Khi thuyền chưa cập bến ông đã vội vàng “ nhón chân nhảy thót lên bờ, xô chiếc xuồng dạt ra xa. Hành động vội vàng đó cho thấy sự nôn nóng gặp con của anh như thế nào?

- Thấy con đang chơi ở nhà chòi mặc dù đã 8 năm chưa được gặp con, ông Sáu vẫn nhận ra bé Thu là con gái mình. Ông bước những bước dài rồi dừng lại kêu to “ Thu con!”. Tiếng gọi ấy thể hiện rõ nỗi khao khát mong mỏi gặp con của một người cha. Tiếng gọi đã bị kìm nén trong suốt bao năm qua, nay lại cất lên đầy thổn thức. Và mỗi lần xúc động như vậy chiếc thẹo dài trên má của anh lại đỏ ửng lên giần giật. “ Ba đây con!” Rồi ông dang hai tay khom người lại trong tư thế sẵn sàng ôm con vào long. Có thể nói mọi tâm thế, tư thế của ông đều hướng về con.

- Nhưng chính niềm mong mỏi khao khát ấy lại khiến ông đau đớn bội phần khi con gái không đáp lại sự vồ vập của ông. Trước tiếng gọi cùng giọng nói run run cùng vết thẹo dài đỏ ửng đã khiến bé Thu mặt tái đỏ, vụt bỏ chạy rồi kêu thét lên “ Má, má” cả bầu trời như sụp đổ trước mắt người cha, niềm đau, sự hụt hẫng đã bóp nghẹt trái tim ông khiến ông Sáu “ Đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt ông sầm lại thật đáng thương còn hai tay buông thõng như bị gẫy”.

**\* Ông Sáu ở nhà ba ngày nghỉ phép:**

- Ba ngày nghỉ phép ngắn ngủi trong cuộc đời dài chinh chiến của mình là quãng thời gian quý giá của gia đình bé Thu. Vì vậy trong ba ngày ngắn ngủi ấy ông Sáu dành tất cả tình cảm cho con. Suốt ngày ông chả dám đi đâu xa chỉ quanh quẩn ở nhà để được gần con. Ông ân cần nhẹ nhàng chăm chút cho con bé chỉ để được nghe con bé gọi một tiếng “ba”. Tiếng gọi ấy đối với ông là rất đỗi thiêng liêng và quý giá. Nhưng càng gần gũi chăm sóc vỗ về con thì con bé càng tìm cách né tránh đẩy ông ra xa.

- Khi nghe con bé mời ông vào ăn cơm mà nó chỉ nói trổng “ Vô ăn cơm”, “ cơm chin rồi” những lúc đó ông cứ ngồi im giả vờ không nghe thấy là kiên nhẫn để chờ sự đổi thay của con. Và khi con nói “ Gọi rồi mà người ta không nghe”. Hai chữ “ người ta” như vết dao cứa vào tim ông Sáu, bé Thu vẫn coi ông là người xa lạ, người dưng. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được nên ông chỉ vừa khẽ lắc đầu, vừa cười. Ông cười mà nước mắt chảy ngược vào trong.

- Khi chứng kiến con loay hoay tìm cách chắt nước cơm mà nhất quyết không chịu nhờ đến ba , trái tim ông Sáu như tan nát nhưng ông vẫn bền bỉ kiên nhẫn, bao dung với con vì ông yêu con vô bờ bến.

- Và rồi khi tình yêu quá lớn, lại gặp phải sự cự tuyệt phản ứng dữ dội của bé Thu đã có lúc khiến ông Sáu không giữ được bình tĩnh. Hành động gắp cho co miếng trứng cá ngon nhất là sự khao khát muốn chăm sóc con của một người cha mà bé Thu lại hất tung miếng trứng cá ra khỏi bát, sự ương bướng, ngang ngạnh của con đã khiến ông Sáu vung tay đánh mạnh vào mông con bé rồi hét lên: Sao mày cứng cổ vậy hả?” . Ông Sáu đánh con vì quá đau đớn bất lực. Thời gian ông ở bên con không còn nhiều mà con bé vẫn chưa chịu thừa nhận ông, vẫn không chịu gọi ông là ba. Hành động đánh con của ông là sự kìm nén của nỗi long mong mỏi quá lớn, sau tất cả nỗ lực, cố gắng với con không thành và hành động đánh con ấy đã trở thành nỗi ám ảnh day dứt, dày vò ông trong suốt những ngày ông ở căn cứ.

*\* Lúc chia tay con để trở về căn cứ*

- Vào thời khắc cuối cùng ở nhà được nhìn thấy con gái, trái tim người cha được xoa dịu, bù đắp khi bé Thu kịp nhận ra ba.

- Lúc chia tay ông Sáu cố nén long, kìm nén cảm xúc của mình. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó dãy nẩy lên bỏ chạy nên ông: “ chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt trìu mến lẫn buồn sầu” Bao nhiêu tình yêu thương ông dành cả vào ánh mắt vừa muốn bộc lộ hết tình yêu thương với con, vừa thể hiện nỗi khao khát bị kìm nén, nỗi đau của sự khước từ. Vậy nên ông Sáu chỉ dám đứng từ xa khe khẽ dặn con: “ Thôi ba đi nghe con”

- Ông Sáu và tất cả mọi người không thể ngờ phản ứng của bé Thu nó bỗng cất tiếng gọi “ ba”. Tiếng gọi mà ông Sáu khao khát mong chờ đã vang lên khiến tim ông như muốn vỡ ra vì hạnh phúc. Người đọc như bị lỡ nhịp tim khi âm thanh ấy cất lên: “ Ông Sáu không kìm nổi xúc động, một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt”. Những giọt nước mắt dâng trào từ trái tim yêu thương cháy bỏng đã khiến cho tất cả mọi người xung quanh không cầm được nước mắt - Còn Bác Ba người kể chuyện thì như khó thở khi cảm thấy có bàn tay ai đó đang nắm lấy tim mình.

-=> Có thể nói nhà văn Nguyễn Quang Sáng thật tài tình khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Sáu từ hành động đến tâm trạng, khiến ông hiện lên thật chân thật và sinh động với một người cha có tình yêu thương con tha thiết sâu nặng.

*\* Khi ông Sáu trở về chiến trường*

- Chia tay đứa con bé bỏng, ông Sáu mang theo nỗi nhớ thương con ra chiến trường và quyết tâm thực hiện lời hứa với con, ông làm tặng con chiếc lược ngà

- Dõi theo quá trình ông Sáu làm chiếc lược ngà mới thấy bao nhiêu nỗi nhớ, tình yêu con ông dồn hết vào cây lược ấy. Khi nhặt được một khúc ngà voi, ông hớn hở như một đứa trẻ mới được quà, sau đó ông ngồi tỉ mỉ dũa từng chiếc răng lược, cố công như một người thợ bạc mỗi ngày, mỗi ngày ông dũa được mấy răng lược và chiếc lược đã hoàn thành với dòng chữ khắc lên cây lược: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba” đã gói trọn vẹn tấm long của người cha nơi chiến trường dành cho con gái bé bỏng ở quê nhà. Những đêm nhớ con ông Sáu đem chiếc lược ra ngắm nghía rồi mài lên trên mái tóc của mình cho cây lược thêm bóng. Chiếc lược tuy chưa trải được mái đầu của con ông nhưng nó đã phần nào giúp ông giải tỏa nỗi day dứt, dằn vặt ví đánh con. Chiếc lược đã trở thành vật thiêng liêng, nuôi dưỡng trong ông tình cha con. Tác giả không miêu tả rõ nhưng người đọc cũng nhận ra đây là biểu tượng quý giá, thiêng liêng của tình cha con.

- Nhưng sự khốc liệt của chiến tranh đã khiến ông Sáu không trở thành hiện thực. Cây lược ngà ông chưa kịp trao tặng cho con ông thì ông đã hi sinh trong một trận càn . Trước lúc nhắm mắt có lẽ tình cha con đã tạo lên sức mạnh để ông Sáu lấy cây lược trong túi đưa cho người đồng đội của mình như một cử chỉ, một lời trăng trối cuối cùng với ánh mắt mà bác B suốt đời không thể quên để rồi bác phải thốt lên: “ Bác Ba nhận cây lược và giữ gìn mãi 10 năm mới thực hiện được lời hứa với ông Sáu, khi ấy Thu đã là một cô giao liên dũng cảm”

=> Có thể nói câu chuyện về chiếc lược ngà không chỉ ngợi ca tình cha con thiêng liêng, bất diệt tuy hoàn cảnh éo le của chiến tranh nên câu chuyện còn khơi gợi cho người đọc thấm thía sự mất mát đau thương mà chiến tranh đã gieo xuống mảnh đất Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

**3. Đánh giá**

- Xây dựng nhân vật ông sáu, tác giả đã đặt nhân vật vào các tình huống éo le để khai thác những diễn biến tâm lí, tình cảm; ngôn ngữ lời thoại nhân vật có sự chọn lọc, chi tiết cụ thể giàu biểu cảm…

- Truyện đã ca ngợi ông sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và là người cha có tình thương con sâu nặng và cao đẹp. Qua đó, tác giả khẳng định tình cảm cha con là thứ tình cảm nhân bản bền vững, có thể tồn tại trong bất cứ hoàn cảnh nào; đồng thời cũng cho thấy những nỗi đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

**C. Kết bài**

 Có thể nói, chiến tranh đã lùi xa hơn năm mươi năm nhưng hình ảnh nhân vật ông Sáu và câu chuyện về "*chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ám ảnh day dứt trong lòng bạn đọc. Câu chuyện ấy không chỉ nói lên tình cha con thắm thiết sâu nặng của cha con ông Sáu, đặc biệt là tình cảm ông Sáu dành cho con, mà còn gợi cho người đọc nỗi đau thương mất mát của chiến tranh gây ra cho bao nhiêu gia đình, con người. Từ đó, ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn tình phụ tử cao đẹp, đồng thời trân trọng cuộc sống hòa bình đang được hưởng hôm nay.

**ĐỀ 3: PHÂN TÍCH TÌNH CẢM CỦA ÔNG SÁU DÀNH CHO CON GÁI QUA ĐOẠN TRÍCH DƯỚI ĐÂY ( \*)**

*[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.*

 *Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, ca khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rồi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Một ngày anh chưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”... Những đêm nhớ con, .... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra...Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.*

**I. Mở bài:**

 Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương con mãnh liệt của ông Sáu. Tình cảm ấy được bộc lộ rõ nét nhất trong những ngày anh Sáu trở lại chiến trường cùng lời hứa tặng con cây lược. { được thể hiện qua đoạn trích ….. }

**II. Thân bài:**

**1. Khái quát**

 - Truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Khái quát nội dung đoạn trước**

- Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu - con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở tình huống thứ nhất, người đọc đã cảm nhận được một cách rõ nét tình cảm của ông Sáu dành cho con. Tình cảm ấy được thể hiện ở niềm khao khát được gặp con, ở sự quan tâm dành cho cô con gái bé nhỏ. Và tình cảm đó tiếp tục được bộc lộ một cách đầy đủ và trọn vẹn khi anh Sáu trở lại chiến trường.

**a. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến.**

**\*Tình yêu con được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện lời hứa với cô con gái bé nhỏ.**

- Tình cảm của ông Sáu đối với con trước hết được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện được lời hứa với cô con gái bé nhỏ. Vào chiến trường ông Sáu không nguôi nhớ về con. Nhớ con, ông lại ân hận, day dứt khi mình đã đánh con bé. Và có lẽ cũng vì thế mà khikiếm được một khúc ngà, mặt ông “hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công khi miêu tả tâm lí của người cha. Tác giả so sánh niềm vui của ông Sáu với niềm vui của *“một đứa trẻ được quà”.* Trẻ con nhận được quà bao giờ cũng cảm thấy rất sung sướng. So sánh như vậy là nhà văn muốn làm nổi bật niềm hạnh phúc của người cha khi có thể thực hiện được lời hứa với con, khi có thể làm tặng con một cây lược.

 **\* Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân**

**Và chính tình yêu thương con mãnh liệt đã biến một người chiến sĩ cách mạng như ông Sáu trở thành một nghệ nhân** - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Có khúc ngà rồi, những lúc rỗi, ông Sáu “ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận mẩn khắc một dòng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Đó là tình yêu, là nỗi nhớ con luôn thường trực. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quí giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của của người cha đối với đứa con xa cách. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì là hiện hữu của tình cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi.

**\* Trong giờ phú cuối cùng, điều duy nhất a Sáu nghĩ đến là con gái**

- Bao nhiêu yêu thương và mong nhớ được ông Sáu gửi gắm vào cây lược những mong ngày đất nước độc lập, được trở về bên con, được tận tay trao cho con cây lược ấy. Thế nhưngMột tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu.Trong một trận càn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. *“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”,* tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử.

=> Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con.Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

=> Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất những kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, đề lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm - tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.

**\* Đánh giá:**

- Nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc, ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử.Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động.Những chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm.

**III. Kết bài:**

 Hình ảnh ông Sáu - người chiến sĩ cách mạng, người cha trong truyện “Chiếc lược ngà” của tác giả Nguyễn Quang Sáng đã để lại bao thổn thức trong lòng người đọc về tình phụ tử sâu sắc. Chiếc lược ngà và những dòng chữ trên sống lưng lược mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt của những năm chiến tranh. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều gian khổ và hi sinh. Ông là hình ảnh tiêu biểu của con người Việt Nam sẵn sàng hi sinh tất cả vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Tác phẩm khép lại nhưng tình phụ tử ấm áp, thiêng liêng, cao cả sẽ mãi là ngọn lửa lấp lánh sáng, sưởi ấm trái tim độc giả.

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN TRÍCH SAU: ( \*)**

{…} Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con bỗng như nổi dậy trong người đó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba…a…a….ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa . Đó là tiếng “Ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “Ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

( Trích Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**1. Mở bài**

 Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất. Và gây xúc động với người đọc nhất có lẽ là đoạn truyện kể lại giây phút chia tay của cha con ông Sáu {...}

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

 - Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Cảm nhận đoạn trích**

**a. Nhắc lại nội dung đoạn trước**

 - Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu **-** con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

**b. Cảm nhận đoạn trích**

**b1. Cảm nhận về nội dung của đoạn trích**

- Có thể nói rằng đây là đoạn truyện hay nhất, để lại nhiều xúc động nhất trong lòng người đọc. Chỉ với một đoạn truyện ngắn nhưng NQS đã làm nổi bật được tình cảm cha chon sâu nặng giữa anh Sáu và bé Thu.

**b2. Đó trước hết là tình cảm của con dành cho cha.**

\*Thái độ của bé Thu lúc này đã hoàn toàn thay đổi. Trong khi mọi người vây xung quanh ba nó còn mẹ nó đang lo chuản bị đồ đạc cho ba thì bé Thu lại đứng trong góc nhà, đôi mắt đượm buồn, tâm trạng bồn chồn, lo lắng. Cái vẻ mặt ngơ ngác, lạ lùng, cái thái độ ngang ngạnh, bướng bỉnh giờ đây không còn nữa mà thay vào đó là ánh nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa. Có lẽ con bé lúc này đang ân hận và day dứt lắm bởi trong suốt những ngày qua nó đã có những cư xử, những thái độ thật không đúng với cha của mình.

**\* Tình cảm của em được gửi trọn trong tiếng gọi “ba” đầy cảm động**

- Trong giờ phút chia tay ấy, không ai ngờ tới thì bé Thu lại cất tiếng gọi *“Ba…a…a…ba”* trong sự ngỡ ngàng của anh Sáu và của cả mọi người. Tiếng kêu của nó như tiếng xe, xé sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó”. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của 8 năm trời xa cách thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé 8 tuổi mong chờ giây phút gặp ba. Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc: “*Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”*. Tình cảm con với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuống quýt, hối hả và có xen lẫn phần hối hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡ òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Bà con và người kể chuyện cũng như người đọc không thể kìm được nỗi xúc động như có ai đang nắm chặt tim mình bởi vì cái éo le của tình cha con ở đây. Lúc cha con nhận nhau lại cũng chính là lúc người cha phải ra đi. Sự níu kéo của đứa con càng khắc nhấn sự éo le của chiến tranh: *“Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”*. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Xót thương thay cho Thu bởi cô đâu hiểu rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên này cũng là lần cuối cùng. Ba cô đã hi sinh trong một trận càn. Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

+ Anh Sáu: bế nó lên, ôm chặt lấy bé Thu và anh đã khóc, khóc vì bé Thu đã nhận ra anh và dành tình cảm cho anh; khóc vì khi hai cha con vừa nhận ra nhau cũng là lúc anh phải lên đường. Đó là giọt nước mắt tình cảm cha con sâu đậm.

=> Tình cảm cha con ấy đã gây nên một xúc cảm mãnh liệt đối với những người chứng kiến: tiếng kêu của bé Thu không chỉ xé sự im lặng mà còn xé cả ruột gan mọi người, nghe mà xót xa.

**b3. Đó còn là tình cảm của cha dành cho con**

Không chỉ giúp người đọc cảm nhận được tình cảm của con dành cho cha, đoạn trích còn cho ta thấy được tình cảm cha dành cho con cũng vô cùng mãnh liệt. Khi chia tay cử chỉ, tâm trạng của anh Sáu thật đặc biệt: anh Sáu chỉ dám đưa mắt nhìn con, vì anh sợ bất cứ sự quan tâm nào của mình cũng sẽ bị bé Thu cự tuyệt, anh chỉ lặng nhìn đứa con yêu quý của mình. Ông muốn ôm con,nhưng lại sợ con không nhận đành chỉ nhìn. Song chính trong lúc này, tình cảm dành cho người cha ở bé Thu òa ra mãnh liệt. Nó cất tiếng gọi “ba”, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”.Người chiến sĩ ấy nước mắt đã khô cạn nơi chiến trường, giờ đây là những giọt nước mắt hiếm hoi – nước mắt của niềm hạnh phúc và tình cha con. ông luôn muốn hình ảnh của mình đẹp đẽ tronmg mắt con.. Ông không muốn con nhìn thấy minh khóc, không muốn con thấy được vẻ yếu đuối của mình vì ông biết con gái mình luôn tôn thờ một người cha mạnh mẽ và dũng cảm.

**3. Đánh giá về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích**

 Bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc (từ chỗ Thu ngạc nhiên hoảng sợ đến lạnh lùng, cuối cùng là sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén), chứng tỏ Nguyễn Thành Long am hiểu tâm lí trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. Hơn nữa với ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ, đặt nhân vật vào tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí đoạn trích thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con ông Sáu trong giờ phút chia tay.

**C. Kết bài: Khẳng định vấn đề**

Với cái nhìn của người từng trải, Nguyễn Quang Sáng đã làm sống dậy hình ảnh một bé Thu hồn nhiên, bướng bỉnh mà giàu tình cảm. Tình cảm của em dành cho cha thật xúc động. Những trang văn của Nguyễn Quang Sáng thực sự là những trang văn đẫm nước mắt. Nó giúp người đọc hiểu được sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng thấy được sự bất diệt của tình cảm thiêng liêng, cao quý của con người. Đoạn trích nói riêng và truyện ngắn nói chung đã thể hiện tình cảm cha con, tình cảm gia đình trong chiến tranh một cách cảm động. Qua đó, ta nhận ra một thông điệp thật ý nghĩa: Chiến tranh là kẻ thù của tình yêu và hạnh phúc! Câu chuyện đã khép lại mà vẫn còn văng vẳng đâu đây tiếng gọi ba đến xé lòng của bé Thu. Đó thực sự là một âm vang ám ảnh trong lòng người đọc hôm nay và mai sau…

**ĐỀ SỐ 5: PHÂN TÍCH SỰ THAY ĐỔI TÂM TRẠNG CỦA BÉ THU QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?*

*Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.*

**Và:**

*(….) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba về với con*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chan rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.*

*Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.*

*(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019).*

**I. Mở bài**

 Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất. Và gây xúc động với người đọc nhất có lẽ là đoạn truyện kể lại giây phút chia tay của cha con ông Sáu {...}

**II. Thân bài**

1. **Khái quát chung về hoàn cảnh của hai cha con**

- Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.

- Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiệu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

- Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con sông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn.

**2. Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích**

Sự thay đổi trong tâm trạng bé Thu trong hai đoạn văn rất tự nhiên và hợp lí.

**Đoạn 1: Trước khi nhận cha: Bé Thu là đứa bé bướng bỉnh, ương ngạnh**

- Trước hết là ở đoạn văn thứ nhất. Ở đoạn văn này, Bé Thu hiện lên với tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, lì lợm rất trẻ con *"Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về”*

Như ta đã biết, Thu gặp lại cha sau tám năm xa cách. Trước sự vồ vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ. Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn mình như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: *"Má! Má".*

- Những ngày sau đó, bé Thu hiện lên là một cô bé không ngoan, thiếu lễ phép với người lớn, nó còn khướt từ mọi sự quan tâm của ông Sáu. Điều đó cũng thật dễ hiểu bởi *“người cha”* – người vốn đã có trong hình dung, tiềm thức của bé, nay lại có người xa lạ lại đến bắt em gọi bằng ba. Với bé Thu, đây thực sự là một “*cú sốc tinh thần*”.

- Mặc dù vậy, bé Thu không phải là đứa trẻ chỉ biết “chống đối”, quậy phá, bé cũng có suy nghĩ. Khi thấy ông Sáu “gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó”, Thu “*l*iền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”. Từ “bất thần” như nhãn tự của câu văn, nó cho chúng ta thấy đó không phải là hành động cố tình mà phải chăng là hành động bất cẩn do đang mải suy nghĩ ? Bởi nếu phản đối, em đã hất miếng trứng ra ngay từ đầu. Nhưng do quá yêu con, quá thương con và mong mỏi một tiếng gọi *“ba”* ấm áp mà luôn bị chối từ nên khi con bé làm như vậy, ông Sáu đã không kiềm chế được nên đã đánh và mắng con : “Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?“.

- Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh không phải là bản chất tính cách của bé Thu nên dù bị cha đánh em không “*khóc, giẫy, đạp đổ cả mâm cơm*” mà “gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm rồi sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên đấy”.

=> Bé Thu là cô bé bướng bỉnh, song em thực sự là người có tình cảm, biết suy nghĩ. Nếu không như vậy, chắc hẳn em sẽ quậy đến cùng chứ không sang nhà ngoại để *“khóc”.* Với em yêu ghét rõ ràng, kiên định trong nhận thức, trong tình cảm.Thái độ ngang ngạnh của em với ông Sáu không làm người đọc giận, trái lại làm người đọc thấy đau xót. Sự tàn phá của chiến tranh thật ghê gớm, nó khiến cho con không nhận ra ba… Thật xót xa. Qua phân tích ta thấy bé Thu dù *“cứng đầu”* ương ngạnh nhưng rất giàu tình yêu thương cha.

**Đoạn 2: Khi nhận ra ba: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt**

*\* Chuyển ý*: Nếu như ở đoạn văn thứ nhất bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh bao nhiêu thì ở đoạn văn thứ hai này bé Thu thay đổi bấy nhiêu. Thay vì bướng bỉnh, ương ngạnh thì Thu dành cho ba một tình yêu thương vô bờ *"Trong lúc đó... nắm lấy trái tìm tôi"*. Điều kì diệu đã xảy ra vào những phút giây cuối cùng trước khi ông Sáu chia tay gia đình lên đường chiến đấu. Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu lên đường “con bé như bị bỏ rơi, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm tại, buồn rầu”.

- Bé Thu đã có sự thay đổi thái độ rõ rệt. Nhà văn miêu tả cô bé như già hơn so với tuổi “đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngúc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”. Người đọc hiểu rằng chắc hẳn đang có sự giằng co, day dứt trong lòng bé. Liệu bé có nhận ông Sáu làm cha ? Tiếng thét nức nở của em như trả lời cho tất cả: *“Ba..a…a..ba”.*

*-* Bé Thu thật đáng thương bởi giây phút nhận cha cũng là giây phút em phải chia tay ba. Hạnh phúc đến với em ngắn ngủi quá. Như ý thức được điều đó, Thu ra sức níu giữ *“nó vẫn ôm chặt lấy ba nó”* nhưng rồi nó sợ ba nó đi thế nên “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai của nó run run”. Chắc cô bé đã khóc, khóc vì sự ân hận của mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã vượt qua các họa sĩ hay nhiếp ảnh gia để tạo dựng một cảnh chia tay đẫm nước mắt bằng ngôn từ thông qua việc lựa chọn câu chữ giàu chất tạo hình, biểu cảm.

- Chiến tranh khiến cho cả những đứa trẻ ngây thơ cũng phải hi sinh. Thu chấp nhận để ông Sáu ra đi và không quên kèm theo lời dặn trong nước mắt : “Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba ”. Nhìn cảnh ấy không ai cầm được nước mắt còn ông Ba-người kế chuyện cảm thấy khó thở như có bàn tay ai đó đang nắm lấy trái tim mình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt. Đó là điều đau khổ.Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì ...muộn rồi. Cha bé đã phải xa gia đình trở về chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết cổ cha, níu chặt lấy người cha, như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé. Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi.

- Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm. Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

 => Qua phân tích ta thấy hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn l bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu

**3. Đánh giá chung**

 Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc. Qua những biểu hiện tâm lí và hành đông của bé Thu, người đọc cảm nhận được tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của bé Thu. Sự cứng đầu, tưởng như ương ngạnh ở Thu là biểu hiện của một cá tính mạnh mẽ (cơ sở để sau này trở thành một cô giao liên mưu trí, dũng cảm). Tuy nhiên, cách thể hiện tình cảm của em vẫn rất hồn nhiên, ngây thơ.Điều đó cho thấy tác giả đã tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ

**III. Kết bài**

 Với cái nhìn của người từng trải, Nguyễn Quang Sáng đã làm sống dậy hình ảnh một bé Thu hồn nhiên, bướng bỉnh mà giàu tình cảm. Tình cảm của em dành cho cha thật xúc động. Những trang văn của Nguyễn Quang Sáng thực sự là những trang văn đẫm nước mắt. Nó giúp người đọc hiểu được sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng thấy được sự bất diệt của tình cảm thiêng liêng, cao quý của con người. Câu chuyện đã khép lại mà vẫn còn văng vẳng đâu đây tiếng gọi ba đến xé lòng của bé Thu. Đó thực sự là một âm vang ám ảnh trong lòng người đọc hôm nay và mai sau…

**Đề 6: Cảm nhận về đoạn trích: “ Đến lúc chia tay ba lô trên vai…. Đôi vai bé nhỏ của nó run run”**

**1. Mở bài**

 Nguyễn Quang Sáng là nhà văn Nam Bộ. Ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ, trong chiến tranh và sau hòa bình. Một trong những truyện ngắn tiêu biểu của ông là “ Chiếc lược ngà”. Truyện được viết năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ trong khi cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt. Truyện đã diến tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết sâu nặng của ông Sáu và bé Thu trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đoạn truyện thể hiện rõ điều ấy “ Đến lúc chia tay … của nó run run”. Đoạn truyện kể về phút chia tay giữa ông Sáu cùng gia đình và người thân trở về đơn vị. Qua đó thể hiện tình cha con thắm thiết sâu nặng.

**2. Thân bài**

**\* Khái quát:** Chủ đề về tình cha con không còn mới lạ nhưng thành công của Nguyễn Quang Sáng trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” chính là cách khai thác biểu hiện của tình cha con trong hoàn cảnh chiến tranh và xa cách. Tác giả đặt nhân vật khá bất ngờ nhưng tự nhiên và hợp lí, hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha. Đến lúc em nhận ra thì ông Sáu lại phải lên đường.

**a. Hoàn cảnh**: Trong chuyến về phép thăm nhà, anh Sáu từ chỗ háo hức, nôn nóng được gặp con trở nên đau đớn thất vọng khi con bé nhìn thấy anh vụt bỏ chạy, không chịu nhận cha, không chịu nhận sự yêu thương chăm sóc của anh đối với nó khiến anh từ chỗ chỉ “lắc đầu cười đến không kiềm chế được anh đã đánh con. Còn bé Thu chỉ biết mặt ba qua tấm hình chụp chung với má nó nên nó không chịu nhận ông Sáu là ba, nhất định không chịu gọi một tiếng ba dù mẹ nó dọa đánh, dù bị đẩy vào thế bí, nó phản ứng quyết liệt khi ông Sáu chiều thương nó… do đó lúc chia tay cả anh Sáu và bé thu đều có những cử chỉ, tâm trạng thật đặc biệt: Anh Sáu thì đưa mắt nhìn con còn bé Thu thì đứng trong góc nhà, anh muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó giẫy lên rồi bỏ chạy. Nên anh chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu, còn bé Thu thì đứng trong góc nhà với đôi mắt mênh mông, tâm trạng xôn xao, bồn chồn.

**2. Trước hết đoạn trích đã diễn tả thành công tình cảm sâu sắc mãnh liệt của bé Thu dành cho ông Sáu** tình cảm đó được biểu hiện trong hành động và ngôn ngữ của nhân vật bé Thu. trong lúc không ai ngờ đến thì bé Thu bỗng kêu thét lên “ba …a …a” tiếng “ba” ngân dài, tiếng “ba” mà nó đã chất chứa trong lòng tử 8 năm trước. Tiếng “ba” được thốt ra từ trong sâu thẳm trái tim nó. Tiếng “ ba” chất chứa ở trong đó tất cả tình yêu thương, niềm kiêu hãnh và tự hào. Tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu lâu nay, tiếng “ba” như vỡ tung từ đáy lòng nó. Tiếng kêu của con bé như xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới nhanh như một con sóc, cùng với nhịp kể nhanh đã cho thấy sự gấp gáp vội vàng trong từng cử chỉ, hành động của bé Thu. Có lẽ nó cảm nhận được thời gian còn quá ngắn ngủi để nó được ở bên ba, được sống trong tình yêu thương của ba, để bù đắp những lỗi lầm mà nó gây ra khiến ba nó phải buồn.

 Sau tiếng thét nó ôm chặt lấy cổ ba, nó nói trong tiếng khóc: “ Ba! không cho ba đi nữa! ba ở nhà với con”. Khi được ba nó bế nên, nó hôn ba nó khắp, nó hôn tóc, hôn vai, hôn cổ và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa, cái vết sẹo mà chỉ mấy ngày trước nó còn sợ. Hành động của bé Thu như muốn xoa dịu nỗi đau mà nó đã gây ra cho ba nó như một hành động chuộc lỗi. Khi nghe ông Sáu nói “Ba đi rồi ba về với con” bé Thu đã hét toáng lên “không”. Rồi hai tay ôm chặt lấy cổ nó dạng cả hai chân câu chặt lấy ba nó.  Đôi vai nhỏ bé của em run run. Có lẽ em khóc vì thương cha, ân hận đã không phải với cha, vì không biết đến bao giờ mới gặp được cha. Lúc này mọi hành động của bé Thu đều gấp gáp dồn dập trái hẳn với những lúc trước. Trong tâm hồn bé Thu tình yêu cha đã có sự thay đổi, ngoài tình yêu còn có tình thương rồi cao hơn là niềm tự hào niềm kiêu hãnh vô cùng về người cha, người chiến sĩ đã hy sinh một phần xương máu của mình cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Giờ đây người cha ấy lại tiếp tục đi theo con đường vinh quang mà cả dân tộc đang đi. Cũng chính vì điều đó mà khi được ngoại giảng giải là vết sẹo trên mặt ba là do Tây bắn bị thương “thì nó nằm im lăn lộn thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”.

**b. Đoạn truyện không chỉ cho thấy tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành cho cho ông Sáu mà còn thể hiện tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu**. Khi đưá con chạy sô tới ôm chặt lấy cổ anh, anh bế con để cảm nhận tình yêu của con dành cho mình và cũng là thể hiện tình cảm của anh dành cho con. Khi được nghe nó gọi tiếng “Ba”, khi được ôm con trong lòng thì anh vui sướng vô cùng, không kìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con đó là những giọt nước mắt của niềm sung sướng và hạnh phúc khi được ôm con được sống trong tình yêu thương của con, được bù đắp tình cảm cho con trong suốt 8 năm ròng. Có lẽ tâm trạng anh lúc này xáo trộn khó tả bởi sau 8 năm mới được nghe tiếng gọi “ba” mới được ôm con vào lòng nhưng cũng là lúc anh phải xa con và trở về với đơn vị.

**3. Đánh giá**

 Tình cảm của cha con ông Sáu đã gây nên một cảm xúc mãnh liệt đối với những người chứng kiến: “Tiếng kêu của bé Thu không chỉ xé sự im lặng, mà còn xé cả ruột gan mọi người nghe thật xót xa”, khi chứng kiến cảnh chia tay của cha con anh, nhiều người không cầm nổi nước mắt. Tình cảm của cha con ông Sáu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện trong một đoạn văn có những chi tiết chọn lọc, lời văn trữ tình, cảm xúc đã tô đậm lên tình cảm cha con cao quý của anh Sáu và bé Thu, góp phần biểu hiện một nét đẹp tâm hồn cao quý của người chiến sĩ.

**3. Kết bài**

  Với một đoạn văn tự sự có tính chất trữ tình cùng với những chi tiết đặc sắc Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện được tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh trớ trêu đầy kịch tính của người dân Việt Nam thời chiến và để lại ấn tượng sâu sắc, đầy ám ảnh đối với người đọc hôm nay. Tình cảm của cha con ông Sáu gợi cho ta suy nghĩ, phải biết trân trọng những tình cảm thiêng liêng, cao quý mà chúng ta đang có sống xứng đáng với những tình cảm đó.

**Đề 7: Phân tích tình cha con trong đoạn trích: “ Sau đó chúng tôi … nhắm mắt đi xuôi”**

**1. Hoàn cảnh:**  Tình cảm cha con con trong cảnh ngộ éo le chớ trêu của chiến tranh, ông Sáu đã làm được cây lược ngà để thực hiện lời hứa với con như anh chưa kịp trao cho con thì anh đã hi sinh.

 **2. Tình yêu thương của ông Sáu dành cho con**

 Xa con, anh nhớ con ân hận vì đã đánh con, nỗi khổ tâm cứ giày vò anh đã làm cây lược ngà để thực hiện lời hứa với con, anh vui sướng khi nhặt được một khúc ngà. Nhà văn đã diễn tả rất thành công tâm trạng của anh Sau khi nhặt được khúc ngà, anh hớt hải chạy về tay cầm khúc ngà rồi lên khoe với tôi mà anh hớn hở như một đứa trẻ được quà. Anh vui vì anh có thể thực hiện được lời hứa với con.

Anh thực hiện công việc làm cây lược ngà rất tỉ mỉ, công phu lấy vỏ lựu đạn 20 li đập nhỏ thành một cây cưa nhỏ như người thợ bạc “ Anh dồn hết tâm trí công sức vào chiếc lược ngà. Anh còn gò lưng tẩn mẩn khắc từng nét chữ “yêu nhớ tặng thu con của ba”. Chiếc lược ngà đã trở thành vật quý giá thiêng liêng của ông Sáu, Chiếc lược ngà mà đã gỡ rối được phần nào trong tâm trạng của người cha. Nó chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Có cây lược anh càng mong gặp lại con lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời cho nên Cây lược ngà thể hiện tình phụ tử mà đằm thắm sâu xa mà đơn sơ mà kỳ diệu.

Lúc nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt có lẽ nhìn cây lược anh lại nhớ đến đứa con bé bỏng, nhớ đến lời dặn của con. Đặc biệt tình yêu thương con của ông còn được nhà văn thể hiện trong những giây phút cuối cùng khi ông bị thương nặng trong giờ phút cuối cùng không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được. Anh đã dồn tất cả sức lực của mình vào việc “đưa tay vào túi móc cây lược” đưa cho người bạn của mình như trao lại lời trăng trối cuối cùng. Tuy không thành lời nhưng nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả, một lời di chúc và chỉ nhận được lời hứa tôi sẽ mang về tận tay trao cho cháu của người bạn thì người cha ấy mới nhắm mắt đi xuôi. Cử chỉ ấy cho ta hiểu được tình cha con mãnh liệt, sâu nặng của ông Sáu dành cho con đến nhường nào. Có lẽ không lúc nào cũng không nhớ đến con, nhớ đến lời dặn của con.

**Đánh giá**: Tình cảm của ông Sáu dành cho con đã gây nên những tình cảm, cảm xúc đối với người đọc.Chứng kiến bác Ba. Bác Ba cảm thấy thích thú khi ngồi nhìn anh làm cái lược ngà, cảm thấy vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều và ám ảnh bởi đôi mắt của em khi trao lại cây lược, tình cảm của anh Sáu dành cho con được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện trong một đoạn văn có những chi tiết chọn lọc, lời văn trữ tình giàu cảm xúc đã tô đậm tình cảm của anh Sáu dành cho con góp phần biểu hiện một nét tâm hồn cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

**Đề 8: Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  của Nguyễn Quang Sáng. ( \*)**

**A. Mở bài**

 Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

 Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Tình cha con rong hoàn ảnh éo le của chiến tranh**

*a. Chiến tranh đã khiến cho gia đình ông sáu cũng như bao gia đình Việt Nam phải lâm vào cảnh ngộ chia li.*

- Theo tiếng gọi của non sông, ông Sáu cũng như bao người dân Nam Bộ sẵn sàng rời xa gia đình lên đường đi kháng chiến khi bé Thu, con gái ông, chưa đầy một tuổi. Suốt những tháng ngày xa cách, con ông chỉ biết cha qua tấm ảnh, qua lời kể của người mẹ.

- Kháng chiến chống Pháp kết thúc, cha con, gia đình gặp nhau, đoàn tụ chỉ có ba ngày để bù lại tám năm ròng xa cách. Nhưng trong những ngày phép ngắn ngủi ấy, họ chưa kịp nhận ra nhau, khi nhận ra nhau lại là lúc phải tiếp tục chia xa.

 - Cuộc chia tay lần thứ hai của cha con ông Sáu là chi li mãi mãi. Ông Sáu tiếp tục đi chiến đấu và mãi mãi nằm lại nơi chiến trường, hai cha con chẳng bao giờ được gặp lại, được ở bên nhau nữa.

*b. Chiến tranh không thể chia cắt nổi tình cảm gia đình, tình cha con.*

Tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu dành cho nhau trong cảnh ngộ éo le, trắc trở của chiến tranh được thể hiện vô cùng cảm động.

- Bé thu thể hiện tình yêu ba theo cách thật đặc biệt

+ Thu xa cách, ngờ vực, lạnh nhạt ngay từ giây phút đầu tiên gặp ba.

- Tỏ ra ương ngạnh, hỗn xược với ông Sáu trong suốt ba ngày ông nghỉ phép, Thu từ chối mọi sự chăm chút, vỗ về của ông sáu; cố tình lảnh tránh tiếng “ba” để bảo vệ người cha trẻ đẹp trong tấm ảnh chụp trung với má của em.

Hành động, phản ứng của bé Thu rất cá tính, có phần ương ngạnh nhưng xuất phát từ tình yêu thương ba một cách ngây thơ, trong sáng, chân thật. Thu chỉ yêu, chỉ nhận người cha giống với bức hình trong tấm ảnh chụp chung với má. Em đối xử với ông Sáu như thế là cách em yêu thương ba mình nồng cháy, yêu thương đến mực tôn thờ, yêu đến mức chỉ khắc ghi bóng một người ba duy nhất trong tim, không ai có thể thay thế được.

+ Được bà ngoại giải thích: Thu hiểu ra mọi sự nhầm lẫn của mình từ vết sẹo trên má của Ba, Thu đã chủ động bày tỏ tình cảm sâu sắc, mãnh liệt với ông Sáu trong tiếng gọi “ Ba” như tiếng xé, trong những cử chỉ vồ vập, hối hả thể hiện tình cảm yêu ba chân thành, sâu sắc mãnh liệt.

- Ông Sáu dành cho con tình yêu thương vô bờ nhưng hết sức thầm lặng,

+ Xa con, ông luôn nhớ con, ngắm con qua ảnh, háo hức được trở về thăm nhà, thăm con.

+ Hạnh phúc làm cha trào dâng, không kìm nổi xúc động khi gặp lại con

+ Tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần. Bị con đối xử lạnh nhạt. Ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng “ba” âu yếm, Khi không thể nào kìm chế được sự tức giận. Vì thất vọng không làm thế nào để con nhận ba, ông đã đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi.

+ Hạnh phúc đến rơi lệ khi con nhận ra ông, khi nghe tiếng gọi “ ba” từ miệng con.

+ Xa con, sống trong gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập, ông luôn nhớ lời con dặn về canh cánh bên lòng về món quà con dặn. Ông dồn hết tình thương, nỗi nhớ vào việc làm cho con một chiếc lược bằng ngà voi trong những lúc rảnh rỗi. Chiếc lược ngà là cầu nối tình cảm cha con ông,, chiếc lược ngà mang bóng hình đứa con gái bé bỏng, xoa dịu trong ông Sáu nỗi đau xa cách con. Tiếp cho ông niềm tin, sức mạnh trên mỗi ngả chiến trường. Chiếc lược ngà là minh chứng cho tình cha sâu nặng ông Sáu dành cho con, là kì vật mộc mạc, thiêng liêng của tình phụ tử.

+ Biết không thể trở về trao chiếc lược cho con, ngay cả trong giờ phút hấp hối ông sáu vẫn không quên lời dặn của con lúc chia tay. Ông đã dồn tất cả sinh lực cuối cùng vào cử chỉ móc chiếc lược ngà để trao cho đồng đội để cậy nhờ, ủy thác cho bác Ba thay ông đem cây lược về trao tận tay cho con gái. Ông Sáu đã vĩnh viễn ra đi, chiến tranh, bom đạn kẻ thù đã cướp đi sinh mạng ông nhưng chiếc lược ngà vẫn ngày ngày theo bác Ba dõi tìm Thu trên mỗi ngả chiến trường.

Tình cha con của ông Sáu không bao giờ chết, nó sống mãi trong chiếc lược ngà giản dị mà thiêng liêng.

**3.Đánh giá**

- Đánh giá sức hấp dẫn trong nghệ thuật kể chuyện: Cách tạo tình huống truyện bất ngờ, hợp lí, lựa chọn ngôi kể thích hợp, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên đậm sắc màu Nam Bộ, cách miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế.

- Khẳng định và liên hệ: Câu chuyện chiếc lược ngà còn âm vang mãi trong lòng người đọc bởi nó là bài ca bất diệt về tình phụ tử thắm thiết, sâu nặng.

**C.Kết bài:**

“Chiếc lược ngà” của nhà văn NQS đã giúp người đọc có những suy ngẫm và thấm thía hơn về quá khứ đau thương của dân tộc, thấm thía nỗi đau thương, mất mát, éo le do chiến tranh gây ra khiến bao gia đình phải chịu cảnh tan nát, chia lìa. Đồng thời cũng giúp mỗi người biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc gia đình mình đang có.

**Đề 9: Đề bài: Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình - tình cha con - qua hai tác phẩm: “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng và “Nói với con” của Y Phương. ( \*)**

**A. Mở bài**: Giới thiệu hai tác phẩm + tình cha con trong hai tác phẩm đó
**B. Thân bài:**

**1. Khái quát về 2 tác phẩm** : Hoàn cảnh ra đời, nội dung chính

**2. Tình cảm gia đình trong hai tác phẩm**
**a. Khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Chiếc lược ngà”**
\*Tình cảm của người cha – ông Sáu dành cho con sâu sắc:
- Ở chiến trường, nỗi nhớ con luôn giày vò ông Sáu, chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vội lên bờ và định ôm hôn con cho thỏa nỗi nhớ mong.
- Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng ngày xa cách dù cho bé Thu hiểu lầm có thái độ hỗn hào phản kháng, ông vẫn kiên nhẫn chiều chuộng, thuyết phục.
\*Tình cảm của người cha dành cho con trong sự hy sinh thầm lặng:
- Lúc ra đi, ông âm thầm, lặng lẽ nhìn con, chỉ khi bé Thu nhận ra ba và nhảy lên ôm chặt lấy cổ ba, lúc bấy giờ nước mắt ông mới trào ra.
- Những ngày ở căn cứ, lúc rảnh rỗi là ông gửi hết tình thương con vào việc làm chiếc lược ngà. Trước lúc hy sinh, điều mà ông nghĩ tới duy nhất là nhờ đồng đội mang chiếc lược về cho con.
- Tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu làm cho người đọc xúc động và thấm thía nỗi đau thương mất mát, éo le do chiến tranh gây ra. Nhưng điều đáng quý nhất trong cái mất mát ấy đó là tình cảm cha con, tình cảm muôn thuở có tính nhân bản bền vững, tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt tàn khốc của chiến tranh.
**b. Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Nói với con”:**
\* Vẻ đẹp về tình cha con:
-Tình yêu người cha dành cho con thể hiện qua lời tâm sự, nhắc nhở về nguồn cội sinh dưỡng, cho con thấy được sự đầm ấm của gia đình và sức sống mạnh mẽ, bền bỉ về truyền thống tốt đẹp của quê hương. (dẫn chứng)
-Là tình yêu mà người cha muốn thắp sáng ý chí, nghị lực và niềm tin cho con mình trong cuộc sống để kế thừa, tự hào và phát huy truyền thống của “người đồng mình” … (dẫn chứng)
\* Cách thể hiện:
-Lựa chọn hình thức mượn lời mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ, người cha đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.
-Dùng cách nói giàu hình ảnh, cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, người cha đã truyền đến con thái độ sống nghĩa tình, biết chấp nhận, vượt qua thử thách; giúp con hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc mình - gợi nhắc tình cảm gia đình luôn gắn bó với truyền thống quê hương.
**c. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề**
c1. So sánh
-Những nét giống nhau: Tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh một đời vì con của cha, một tình cảm mang tính gia đình cao cả. Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ.
-Những nét riêng: Hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm cha -con...và nét riêng trong hình thức thể hiện ...
c.2. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:
-Tình cảm gia đình – tình cha con là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và đánh thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình.
-Vẻ đẹp của tình cảm gia đình – tình cha con trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ ca dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng - một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.
(HS có thể liên hệ đến các tác phẩm cùng đề tài khác)
**III. Kết bài:**
- Khẳng định lại nội dung của hai tác phẩm:
Tình cha đối với con ở hai hoàn cảnh khác nhau, cách biểu hiện khác nhau nhưng đều có điểm chung là tình thương yêu hết sức sâu sắc, đằm thắm, thầm lặng và đầy sự hy sinh.
- Liên hệ bài học cho bản thân:
+ Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý báu, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.
+ Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó

**Đề 7: Phân tích truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng**

**Dàn ý tham khảo**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Hoàn cảnh sáng tác

- Tóm tắt tác phẩm

**2. Phân tích**

**2.1. Tình huống truyện đặc sắc**

- Tác giả đã xây dựng hai tình huống truyện đặc sắc:

+ Cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau 8 năm xa cách, nhưng thật chớ trêu là bé Thu không nhận ra ông Sáu là ba. Đến lúc em nhận ra thì ông Sáu lại phải lên đường trở về đơn vị. Tình huống này đã bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu đối với ba.

+ Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tất cả tình thương, nỗi nhớ và cả sự hi vọng vào việc làm một chiếc lược ngà để tặng con. Nhưng chưa kịp tặng con thì ông đã hi sinh trong một trận càn. Trong lúc hấp hối ông đã nhờ đồng đội chuyển chiếc lược ngà cho con. Tình huống này bộc lộ tình cảm thắm thiết của ông Sáu dành cho con.

**2.2. Nhân vật bé Thu:**

**a. Trước khi bé Thu nhận ông Sáu là ba**

- Thu là một người thương cha vô cùng. Hơn ai hết, cô luôn mong cái ngày được gặp cha để được vỗ về, chở che. Bởi thế, cuộc gặp gỡ sau tám năm xa cách những tưởng hai cha con vỡ òa trong niềm hạnh phúc thì trớ trêu thay bé Thu lại bộc lộ một thái độ bất thường

+ Trước sự xúc động, vồ vập của ông Sáu, cô bé từ ngạc nhiên đến hốt hoảng: “tròn xoe mắt”, mặt tái đi, vụt chạy và thét lên kêu má cầu cứu.

+ Trong suốt ba ngày nghỉ phép, khi ông Sáu càng dồn hết tình cảm để bù đắp cho Thu thì cô bé càng lạnh nhạt, xa cách, thậm chí tỏ ra ngang ngạnh, bướng bỉnh.

+ Cô bé kiên quyết không gọi ông Sáu một tiếng ba: Nói trống không với ông Sáu (vô ăn cơm; cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái). Trong lúc khó khăn, nguy cấp khi phải chắt một nồi cơm to, nặng qua sức thì cô bé vẫn loay hoay, tự xoay xở.

+ Cô bé từ chối mọi sự vỗ về, chăm sóc của ông Sáu: trong bữa cơm, ông Sáu gắp cho nó miếng trứng cá thì nó hất ra khiến cơm bắn tung tóe, ... Chi tiết này đã đảy câu chuyện lên đỉnh điểm của kịch tính

+ Khi bị trách phạt, phản ứng lại hành động của ông Sáu, cô bé đã ngay lập tức bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuồng còn cố ý khua dây lòi tói cho kêu rổn rảng thật to.

- Nguyên nhân:

+ Gián tiếp: bé Thu sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước đang chiến tranh. Bởi vậy, suốt 8 năm cô bé chỉ biết mặt ba qua một tấm hình ba chụp chung với má.

+ Trực tiếp: Ngày gặp gỡ, vết thẹo trên mặt ông Sáu đã khiến cho khuôn mặt ông khác lạ so với hình ảnh người ba trong hình mà tâm trí cô bé.

+ Do cô bé rất yêu ba, muốn bảo vệ hình ảnh người ba của mình, không cho phép người lạ mặt kia có quyền mạo nhận.

=> Sự ngang ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu không hề đáng trách. Phản ứng tâm lý của cô bé là hoàn toàn tự nhiên. Bởi sinh ra trong hoàn cảnh chiến tranh, cô bé còn quá nhỏ để hiểu được những khắc nghiệt, éo le. Và người lớn cũng không ai chuẩn bị tâm lý cho em đón nhận những điều bất thường.

=> Miêu tả thái độ, hành động bất thường của cô bé, tác giả đã tái hiện hoàn cảnh éo le trong chiến tranh; đồng thời khắc họa được một cô bé bướng bỉnh, gan góc, cá tính đến kì lạ.

**b. Khi bé Thu nhận ông Sáu là ba**

- Sau khi nghe bà ngoại giải thích, bé Thu trở về nhà đúng vào buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị. Cô bé đã đột ngột thay đổi trong sự ngỡ ngàng của ông Sáu và mọi người.

+ Không còn ngang ngạnh, cau có, cố chấp mà thay vào đó là khuôn mặt “Sầm lạ, buồn rầu” và “nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

+ Khi cô bé bắt gặp cái nhìn trìu mến và buồn rầu của ba thì “đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.

+ Khi ông Sáu khẽ cất lời từ biệt thì cô bé mới chịu kêu ba một tiếng đến xé lòng: “Ba ... a ...a ...ba”.

+ Cô bé chạy xô lại ôm chặt lấy ba mình, hôn ba và hôn lên cả cái vết thẹo dài trên má.

+ Cô bé cất lời giữ ba ở nhà: “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con”. Đây là một ước mơ rất thực, nó phản chiếu tình cảm gắn bó của bé Thu dành cho ba.

+ Cô chia tay ba với ao ước được ba mua cho cây lược ngà. Cho thấy cô muốn có vật kỉ niệm của ba để được thấy ba luôn bên mình.

=> Trong khoảnh khắc chia li, mọi khoảng cách đã bị xóa bỏ, bé Thu không che giấu sự gắn bó và tình cảm của mình dành cho ba.

=> Miêu tả những biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã một lần nữa tô đậm tình yêu thương ba của cô bé. Qua đó, ta thấy bé Thu bướng bỉnh, gan góc nhưng cũng rất giàu tình cảm.

**2.3. Nhân vật ông Sáu**

**a. Trong ba ngày về phép thăm nhà.**

- Trở về sau tám năm xa cách, bao nỗi nhớ thương khiến ông Sáu xúc động mãnh liệt.

+ Nôn nao trong lòng, không ghìm được xúc động khiến vết thẹo trên má đỏ ửng, giật giật, trông dễ sợ.

+ Ông háo hức, vội vã như không thể ghìm thêm giây phút nào: “Không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra...vội vàng với những bước chân dài”.

+ Ông kêu to hai tiếng thiêng liêng, thèm khát được gọi, được nghe bấy lâu nay: “Thu! Con”.

- Trước thái độ bất thường của con, ông rơi vào tâm trạng đau đớn, tủi hổ đến vô cùng: “Anh đứng sững lại đó, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

=> Những từ miêu tả “đứng sững lại”, “mặt anh sầm lại” và “tay buông xuông như bị gãy” đã diễn tả được nỗi đau dường như quá lớn, quá sức chịu đựng với ông Sáu.

- Trong ba ngày nghỉ phép, ông Sáu làm mọi cách để bé Thu thay đổi, kiên nhẫn chờ đợi tình cảm ở con.

+ Ông không đi đâu xa, mà luôn gần gũi, “lúc nào cũng vỗ về con”. Ông muốn bồi đắp cho con suốt tám năm trời xa cách.

+ Ông không trách giận mà chỉ khẽ lắc đầu trước sự bướng bỉnh của con bé.

+ Thậm chí khi con bé từ chối một cách quyết liệt. Chăm sóc của ông, đau đớn đến độ không giữ được bình tĩnh mà đánh con một cái.

=> Ông vô cùng dịu dàng, kiên nhẫn, khoan dung với con.

- Khi chia tay thì tình cảm cha con sâu nặng đã được bộc lộ rất xúc động:

+ Ông không dám lại gần con bé, “chỉ đứng nhìn nó, ... với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu”, cố gắng kìm giữ cái ham muốn được ôm con vào lòng

+ Khi con bé nhận ông, ông “kìm được xúc động và không muốn cho con nhìn thấy mình khóc, một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con”. Ông không muốn con bé trông thấy những giọt nước mắt yêu đuối của mình, đó cũng là những giọt nước mắt hạnh phúc ứa ra từ nỗi xúc động và thương con sâu sắc.

+ Ông hứa với con bé sẽ trở về với chiếc lược ngà tặng con.

=> Tác giả đã tái hiện được tình cảm yêu thương con sâu sắc của ông Sáu, nó đã chiến thắng sự tàn bạo của chiến tranh, chiến thắng mọi biệt ly, cách trở. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy

**b. Khi ông Sáu trở lại chiến trường**

- Ông luôn ân hận, khô tâm vì nỡ trách phạt con.

- Ông dồn tất cả tình yêu và nỗi nhớ vào việc làm chiếc lược ngà tặng con.

+ Khi kiếm được khúc ngà, ông không ghìm được xúc động, đã “hớn hở như một đứa trẻ được quà”.

+ Ông cưa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và tốn công như người thợ bạc

+ Ông “tẩn mẩn” khắc từng nét chữ: “Yêu nhớ tặng Thu – con của ba”.

+ Những lúc nhớ con, ông lại đem cây lược ra ngắm và mài lên tóc cho cây lược thêm bóng

=> Ông Sáu đã dồn hết tất cả tình cảm của mình dành cho con vào việc làm chiếc lược ngà, dẫu cây lược đó chưa lần nào được trải trên mái tóc của bé Thu nhưng đã phần nào gỡ rối những nỗi tơ lòng, vơi đi nỗi dày vò ân hận và nuôi dưỡng khát vọng đoàn viên.

- Thậm chí, cái chết cũng không lấy đi được tình yêu con của ông Sáu

+ Trong một trận càn, vết thương đã khiến ông kiệt sức, vậy mà ông vẫn dốc hết toàn lực, trao cây lược ngà cho đồng đội mang về cho bé Thu. Trong giây phút, ông ủy thác, gửi gắm tất cả những tình yêu, nỗi nhớ của mình qua ánh mắt.

+ Cây lược được trao tận tay cho bé Thu, điều đó cho thấy tình cha con đã không hề chết mà trở thành điểm tựa để nâng đỡ bé Thu trưởng thành.

=> Ông Sáu trở thành biểu tượng đẹp cho tình yêu thương; sự ân cần và tre chở của người cha dành cho con mình, qua đó ta thấy được sự bất tử của tình cảm cha con.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

- Xây dựng được một cốt truyện chặt chẽ, tạo ra những tình huống bất ngờ nhưng hợp lý.

- Ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lí trẻ em, tinh tế và chính xác.

- Ngôn ngữ truyện : gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc địa phương Nam Bộ.

- Ngôi kể: người kể chuyện là bác Ba, kể ngôi thứ nhất. Bác Ba là một người bạn thân thiết của ông Sáu, là người chứng kiến câu chuyện và kể lại bằng sự đồng cảm chia sẻ với các nhân vật, khiến cho nội dung kể vừa có tính khách quan vừa tăng độ tin cậy thuyết phục người đọc.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân.

**Đề 2: Mượn lời bé Thu kể lại lại đoạn trích Chiếc lược ngà**

**1. Mở bài**

Mỗi lần ngắm nhìn cây lược lòng tôi lại bồi hồi xúc động về những ký ức và kỷ niệm về người bạn thân yêu luôn hiện hữu trong trái tim tôi. Nhớ đến ba tôi không nguôi nỗi đau day dứt và ân hận.

**2. Thân bài**

  Ngày ấy khi tôi còn là một cô bé 8 tuổi, ba tôi đi kháng chiến có dịp về thăm nhà, tôi chỉ biết mặt ba qua tấm ảnh ba chụp với má hồi ba và má mới cưới nhau. Khi tôi lên 1 tuổi, ba tôi đã phải tạm biệt gia đình đi chiến đấu đến tận lúc 8 tuổi ba tôi mới được trở về, Tôi đang thơ thẩn chơi ở nhà chòi thì bỗng có tiếng gọi to:

  “Thu con!”

 Tôi giật mình quay lại dưới kênh có chiếc xuồng đang gần cập bờ. Tiếng gọi cất lên từ một người đàn ông mặc quân phục, tôi ngơ ngác không hiểu vì sao người đó lại người biết tên tôi, người đó nhảy phốc lên bờ tiến lại rất nhanh về phía tôi rồi kêu lên: “ Thu con!”. Tôi sợ hãi vội chạy về nhà gọi má, các bạn biết đấy tôi chỉ biết mặt ba qua tấm ảnh, khi mà ba tôi trong tấm hình kia còn rất trẻ trên mặt cũng không có vết thẹo dài nên tôi không nhận ra ba, điều khiến tôi day dứt và ân hận là mặc dù được má và các bác các ba đồng đội của ba đã giải thích rằng đó là ba tôi, tôi vẫn cương quyết không nghe, thậm chí tôi lạnh lùng đến nỗi chỉ nói trống không với ba. Mặc dù suốt ba ngày nghỉ phép 3 tôi dành hết thời gian để vỗ về tôi, với mong muốn tôi sẽ gọi một tiếng Ba. Trong tâm thức của một đứa trẻ lên 8, tôi nghĩ rằng người xuất hiện trước mặt tôi phải là người trong tấm ảnh, vì tôi chưa hiểu và cũng không thể hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh đã khiến Ba tôi già đi. Thế rồi vào bữa cơm trưa hôm đó khi đang được ba gắp cho miếng trứng cá, tôi đã hất tung bị ba phát cho một cái, tôi giận dỗi bỏ sang nhà ngoại. Ngoại luôn là người gần gũi, yêu thương tôi nhìn thái độ của bà ngoại đoán được tình hình rồi nhẹ nhàng: “ Ba con sao con không nhận ?”

 tôi hét toáng lên: “Không phải ba con, ba con không có vết thẹo dài trên mặt như thế, cũng không già như thế!”

 Tôi nói hết suy nghĩ của mình,Ngoại nghe xong kéo tôi vào lòng và thủ thì, giải thích cho tôi vì sao ba già đi, vì sao mặt ba có vết thẹo tôi dần dần hiểu ra, phải rồi nếu không phải là ba thì tại sao lại quan tâm đến tôi như vậy. Tôi vẫn nhớ mãi ánh mắt đượm buồn như sắp khóc của ba khi bị tôi cự tuyệt.

 Tối hôm đó, tôi ngủ ở nhà ngoại, tôi trằn trọc, tôi hối hận vô cùng vì ngoài ba tôi yêu thương tôi, mong chờ đến ngày gặp tôi, nhưng tôi không nhận, lúc này tôi chỉ mong trời mau sáng, để được về nói với ba lời xin lỗi muộn màng. Sáng hôm sau, khi được ngoại đưa về nhà, nhà tôi đông lắm vì mọi người sang để tiến ba lên đường, trở lại chiến trường, ngoại đi ra tiếp nước cùng với má, tôi đứng dậy nép ở góc tường muốn chạy lên ôm chầm lấy ba nhưng sợ bị ba còn giận.Đến khi ba tiến lại gần tôi khẽ nói: “ Thôi ba đi nghe con!” thì tôi không thể kìm lòng được nữa nhanh như một con sóc tôi chạy tới ôm chầm lấy cổ ba và gọi tiếng Ba mà bấy lâu nay tôi hằng khao khát, ba ôm chặt lấy tôi chưa bao giờ tôi lại được cảm giác tình yêu của ba dành cho tôi lớn lao đến như vậy. Tôi hôn ba, hôn cả vết thẹo dài trên má của Ba tôi, tôi không cảm thấy sợ nó như trước nữa. Bàn tay nhỏ xíu của tôi đặt lên vết sẹo xoa nhẹ để ba đỡ đau vì tôi sợ vết thẹo như thế sẽ làm ba đau lắm. Tôi dùng hai chân quắp chặt lấy ba và luôn miệng kêu không cho ba đi, mọi người, bà ngoại khuyên nhủ tôi, để ba đi khi nào về ba sẽ mua cây lược ngà, ba vuốt tóc tôi, thì thầm vào tai tôi: “Ba đi rồi ba sẽ về”. Tôi mếu máo, từ từ tụt xuống và sau cái ngày ba tôi lên đường, tôi luôn sống trong những tháng ngày chờ đợi, lời hứa ba sẽ về luôn văng vẳng bên tai tôi, nhưng chiến tranh thật là khốc liệt, tôi không thể ngờ lần gặp gỡ đó lại là lần gặp cuối cùng của cha con tôi, sau này nghe bác Ba kể lại ba đã cất công tìm làm cái lược ngà ra sao càng khiến tôi thương ba nhiều hơn, ngay cả khi bị trúng đạn. Tưởng như không đủ sức trăn trối điều gì Ba vẫn lấy cây lược để trao cho bác Ba chỉ khi bác mang cây lược về cho tôi ba mới nhắm mắt đi xuôi.

**3. Kết bài**

  Câu chuyện cách đây hơn 50 năm nhưng với tôi cứ ngỡ mới hôm qua, chiến tranh đã kết thúc tôi cũng bước tiếp con đường của ba đang đi dang dở và hoàn thành trách nhiệm của mình với đất nước và điều giúp tôi vượt qua những khó khăn, gian khổ là nhờ có tình yêu thương của ba. Mỗi lần nhớ ba tôi lại mang chiếc lược ra ngắm, cho dù cha con tôi âm dương cách biệt. Nhưng tôi nhận ra rằng không điều gì có thể chia cắt được tình phụ tử.

**TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

*( Nguyễn Đình Chiểu)*

**A. Mở bài**

 Nguyễn Đình Chiểu - một nhà thơ lớn của dân tộc ta mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng gọi ông là “Ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”. Một trong những tác phẩm xuất sắc gắn với tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu là “Truyện Lục Vân Tiên”, trong đó bài thơ “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn để lại nhiều ấn tượng với người đọc đặc biệt là nhân vật Lục Vân Tiên - một hình tượng trang nam tử hành hiệp trượng nghĩa cứu người hoạn nạn, đại diện cho người anh hùng lý tưởng của nhân dân.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát** :

 “Truyện Lục Vân Tiên” là một tác phẩm truyện thơ nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát xoay quanh cuộc đời nhân vật Lục Vân Tiên. Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của tác phẩm đồng thời cũng là nhân vật mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu xây dựng để kí thác những tư tưởng, quan điểm cũng như thể hiện một ước mơ về thế giới công bằng, con người sống với nhau bằng tình nghĩa chứ không phải bằng những thứ vật chất thông thường. Có thể nói trích đoạn “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn thể hiện được rõ nét và sâu sắc nhất được những phẩm chất đáng quý ở Lục Vân Tiên.

**2. Nhân vật Lục Vân Tiên**

**a. Vân Tiên mang dáng dấp của một người anh hùng hiệp nghĩa**

 - Nói về nhân vật LVT trong đoạn trích “LVTCKNN” trước hết ta nhận thất ở nhân vật này là **bóng dáng của một người anh hung hiệp nghĩa, một chàng trai dũng cảm.** Điều đó được thể hiện ngay từ những câu thơ mở đầu của đoạn trích.

*“Vân Tiên ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”*

+ Đọc những câu thơ đầu tiên này, ta không khỏi ấn tượng với một chàng trai có nghĩa khí và lí tưởng sống cao đẹp. Trên đường đi, Vân Tiên tình cờ gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành làm hại người dân vô tội. Chứng kiến cảnh đó, LVT không đành lòng khoanh tay đứng nhìn, chàng vội vàng “bẻ cây làm gậy” rồi xông vào đánh cướp. Trong khi lúc này bọn cướp vừa đông lại gươm giáo đầy mình còn chàng thì chỉ có một mình lại không có vũ khí. Rõ ràng là LVT không hề toan tính, không suy nghĩ thiệt hơn, chỉ biết rằng điều cần làm lúc này là đánh tan bọn cướp để cứu dân lành. Không phải là một người anh hùng nghĩa hiệp có tinh thần dũng cảm hẳn là chàng sẽ chẳng thể hành động được như vậy

+ Không chỉ thể hiện trong hành động, sự dũng cảm và tinh thần hiệp nghĩa của LVT còn được thể hiện trong lời nói của chàng:

*“Kêu rằng bớ đảng hung đồ
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”*

=> Câu nói của VT đã thể hiện rõ thái độ của chàng. Đó là sự bất bình trước những kẻ ngang nhiên cướp bóc làm hại người dân vô tội. Lời nói ấy chính là lời tuyên chiến giữa chính nghĩa đối với thế lực phi nghĩa bạo tàn. Sau câu nói ấy là hành động Vân Tiên đánh cướp. Nguyễn Đình Chiểu đã miêu tả cụ thể hành động ấy:

*“Vân Tiên tả đột hữu xông*

*Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”*

- Mặc dù kẻ thù lúc này đã “ truyền quân bốn phía” với gươm giáo đầy mình nhưng Vân Tiên không hề sợ hãi. Chàng “tả đột hữu xông”. Thành ngữ “tả đột hữu xông” cùng với phép so sánh đã cho ta nhận ra ở VT là bóng dáng của một dũng tướng, một con người có tài thao lược và tinh thần dũng cảm. Tài năng ấy được cổ vũ bởi sức mạnh của chính nghĩa nên cuối cùng bọn cướp Phong Lai đã phải quăng gươm giáo bỏ chạy. Và chính những phẩm chất ấy của Vân Tiên càng làm ta thêm yêu mến và cảm phục .

**b. Vân Tiên là một chàng chai có tấm lòng nhân hậu, biết quan tâm và yêu thương mọi người.**

 Không chỉ là một người hiệp nghĩa, dũng cảm, LVT trong đoạn trích này còn là một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương và quan tâm người khác.Nghe tiếng khóc ở trong xe, Vân Tiên đã đến gần vừa là để hỏi han quan tâm vừa là để thông báo cho người trong xe yên tâm vì giờ lũ cướp đã bị dẹp tan, không còn mối đe dọa nào nữa.Người đọc không khỏi ngạc nhiên bởi một chàng trai trẻ tuổi sao có thể chu đáo ân cần đến như vậy? Thật đáng trân trọng.

**c. Vân Tiên là một chàng trai trọng lễ tiết**

 Và khi đọc những câu thơ tiếp theo của đoạn trích, ta lại nhận ra Vân Tiên còn nhiều những phẩm chất đáng quý nữa. Chàng thực sự là một người trọng lễ tiết. Khi biết lũ cướp đã bỏ đi, Kiều Nguyệt Nga muốn ra khỏi xe để tạ lạy tỏ lòng biết ơn Vân Tiên nhưng chàng đã vội ngăn lại bằng lời nói có phần gấp gáp:

*“ Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai”*

Trong XH phong kiến, nam nữ không được tùy tiện mà gặp mặt bởi quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân” đặc biệt là với con gái. Việc một người con gái giao lưu, gặp gỡ với một người đàn ông không phải chồng mình có thể bị đánh giá không tốt về phẩm giá. Và vì thế mà họ cũng không được coi trọng. Hiểu được điều đó nên LVT đã ngăn cản không cho KNN ra ngoài, chàng không muốn làm ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của KNN. Những chi tiết như thế chứng tỏ chàng là một người trọng lễ tiết.

**d. Quan điểm về việc nghĩa và người anh hùng**

 Tất cả những phẩm chất đó đã khiến cho Vân Tiên trở thành một hình tượng đẹp trong lòng bạn đọc nhưng đẹp hơn cả ***là quan niệm về việc nhân nghĩa*** của chàng ở cuối đoạn trích này:

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn
Nay đã rõ đặng nguồn cơn
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

Theo quan điểm của mình, Vân Tiên cho rằng làm ơn vốn xuất phát từ tinh thần chính nghĩa tự nguyện đầy chân thành, mong muốn chỉ là giúp người chứ không phải mong báo đáp, hàm ơn. Và nếu một người gặp việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng đáng trọng. Từ quan niệm của Vân Tiên và cũng là của NĐC, chúng ta đã có thêm cái nhìn khác về một người anh hùng. Người anh hùng đâu chỉ là những người xông pha trận mạc đánh đuổi kẻ thù mà còn là những người dám xả thân vì nghĩa, dám đứng ra bênh vực lẽ phải, bảo vệ dân lành. Đó là người anh hùng của cuộc sống thường nhật.

**3. Đánh giá** : Có thể thấy rằng “Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm bất hủ của văn học trung đại. Bằng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả, tác phẩm đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên. Chàng là người tiêu biểu cho cái thiện mang vẻ đẹp hào hiệp trong cái xã hội đầy bất công tàn ác. Nhân vật Vân Tiên mãi là hình ảnh đẹp mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin khát vọng về truyền thống đạo đức tốt đẹp của nhân dân ta. Thông qua nhân vật này chúng ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn ĐÌnh Chiểu là sự trân trọng, ngợi ca dành cho những con người dám xả thân vì nghĩa. Ông đã dạy cho chúng ta một bài học về lẽ sống đẹp ở đời.

**C. Kết bài**

 “Truyện Lục Vân Tiên” đã khép lại rồi nhưng dường như những điều mà NĐC gửi gắm trong tác phẩm vẫn còn vang vọng mãi. Hơn hai thế kỉ đã trôi qua nhưng hình tượng Lục Vân Tiên vẫn mãi là một hình ảnh đẹp. Đọc tác phẩm này, ta không khỏi cảm phục trước tài năng và đức độ của NĐC, ta lại càng thêm trân trọng những con người sẵn sàng vì nghĩa quên thân như Lục Vân Tiên. Chàng trai trẻ tuổi ấy đã nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta sống phải có trách nhiệm với mọi người, sống đẹp, sống có ích cho xã hội.

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

*( Thanh Hải)*

**Đề 1: Phân tích khổ 1 và khổ 4 bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải**

**1. Mở bài**

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được viết năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời. Bài thơ thể hiện cảm xúc khát vọng của nhà thơ trước mùa xuân. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong hai đoạn thơ:

  *“Mọc giữa dòng sông xanh*

 *Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

 *Tôi đưa tay tôi hứng*

*……………………..*

 *Ta làm con chim hót*

*Ta là một nhành hoa*

 *Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

 Từ những cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời ở đoạn thơ đầu. Mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ thái độ khát vọng được hòa nhập cống hiến với cuộc đời chung.

**2. Thần bài**

*a. Đoạn thơ đầu đã diễn tả cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất trời.*

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

 *Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời”*

 Chỉ bằng vài nét phác họa nhưng rất đặc sắc (dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời), Thanh Hải đã làm hiện ra trước mắt chúng ta một bức tranh Xứ Huế với không gian cao rộng (có chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời, chiều rộng của mặt đất và bầu trời bao la, màu sắc thật hài hòa, tươi thắm( màu xanh của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa) và rất đặc trưng ưng quê hương xứ Huế (tím biếc). Màu Tím của bông hoa hòa quyện với màu xanh của dòng sông tạo nên cảm giác dịu mát, đồng thời cũng là tín hiệu của mùa xuân Xứ Huế. Tác giả đảo động từ “mọc” lên đầu câu thơ và số từ “một” ( mọc giữa dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc). Để nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ của một bông hoa đang xòe nở. Hình ảnh bông hoa đang xòe nở từ từ nhô lên, cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, đồng thời tạo cho bức tranh xuân thêm sống động. Bức tranh xuân còn rộn rã, tươi vui với âm thanh của tiếng “chim chiền chiện hót chi mà vang trời”. Tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với thiên nhiên với cuộc sống. Thanh Hải mới vẽ được bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp thơ mộng và đầy sức sống đến như vậy.

 Trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời lúc vào xuân, nhà thơ có cảm xúc say sưa, ngất ngây. Thái độ nâng lưu, quý trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc ấy, tình cảm ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo của một động tác trữ tình.

  *“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

 “Giọt long lanh” có thể hiểu là giọt mưa xuân, giọt sương long lanh trong ánh sang của trời xuân. Nhưng giọt long lanh cũng có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: giọt tiếng chim. Tiếng chim từ chỗ âm thanh cảm nhận bằng thính giác chuyển thành từng giọt( Cảm nhận bằng thị giác). Từng giọt ấy lại long lanh trong ánh sáng của trời xuân có thể cảm nhận bằng xúc giác ( tôi đưa tay tôi hứng). Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời vào lúc mùa xuân và thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc đó, thái độ đó chỉ có được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ở một tấm lòng chân thành tha thiết với cuộc sống.

*b.Từ cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời, mạch thơ chuyển sang bày tỏ khát vọng được hòa nhập dâng hiến cho cuộc đời chung.*

 *Ta làm con chim hót*

*Ta là một nhành hoa*

 *Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

 Khát vọng đó được Thanh Hải thể hiện một cách chân thực trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị mà đẹp, tự nhiên giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm con chim hót giữa muôn vàn tiếng chim vô tư, cống hiến tiếng hót cho đời: là một cành hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sáng cho đời. Là một nốt trầm giữa bản hòa ca muôn điệu, “con chim”, “cành hoa” chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân Xứ Huế ở khổ đầu bài thơ đã trở lại trong khổ thơ này mang ý nghĩa mới: điều mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời. Điệp ngữ “ta làm” thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời nguyện ước. Cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái “tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêngThanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống và cống hiến cho cuộc đời chung. Nhưng cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi nét riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm trong bản hòa ca nhưng phải là nốt trầm xao xuyến. Các từ “con”, “ một” ( Con chim hót, một bông hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành và giản dị thể hiện lối sống cao đẹp của nhà thơ. Những hình ảnh tuy đơn sơ mà chứa đựng tình cảm đã cập đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng, mỗi người hãy mang đến cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình dù nhỏ bé.

*c. Khái quát*

 Như vậy, ở hai đoạn thơ này có một mối liên hệ rất đặc biệt đó là từ cảm xúc đến ước nguyện, từ đón nhận, đến dâng hiến, từ mùa xuân thiên nhiên đến mùa xuân của lòng người… từ đó thể hiện lẽ sống cao đẹp của nhà thơ hai đoạn thơ này đã sử dụng thể thơ 5 chữ, hình ảnh tự nhiên, giản dị mà giàu ý nghĩa biểu trưng khái quát cách cấu tạo sự đối ứng chặt chẽ giọng điệu tha thiết, lời thơ giản dị, giàu tính nhạc gần với điệu dân ca miền Trung.

**3. Kết bài**

Qua hai đoạn thơ, người đọc thấy được tâm hồn nhạy cảm, tinh tế cùng tình yêu quê hương, đất nước cũng như khát vọng được dâng hiến cho cuộc đời chung. Tâm hồn đó, tình cảm đó, khát vọng đó khiến chúng ta vô cùng cảm phục và trân trọng.

**Đề 2: Phân tích khổ 4, khổ 5 bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải**

**1. Mở bài**

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ của ông để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời trong đó có đoạn thơ rất hay:

*“Ta làm con chim hót*

 *Ta làm một nhành hoa*

 *Ta nhập vào hòa ca*

 *Một nốt trầm xao xuyến*

 *Một mùa xuân nho nhỏ*

 *Lặng lẽ dâng cho đời*

 *Dù là tuổi hai mươi*

 *Dù là khi tóc bạc”*

Khổ thơ trên thuộc khổ 4, khổ 5 của bài thơ. Thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đời, muốn được làm mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời.

**2. Thân bài**

  \* Mạch cảm xúc: Từ những cảm xúc về thiên nhiên, đất nước ở ba khổ thơ đầu, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ, khát vọng được hòa nhập, dâng hiến cho cuộc đời  chung.

**1.Khổ 4**: Đoạn thơ diễn tả khát vọng được hòa nhập, dâng hiến của nhà thơ,được cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình trước cuộc đời chung cho đất nước được Thanh Hải thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.

*“ Ta làm con chim hót*

 *Ta là một nhành hoa*

 *Ta nhập vào hòa ca*

 *Một nốt trầm xao xuyến”*

 Đẹp, tự nhiên, giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm “con chim hót” giữa muôn vàn tiếng chim vô tư cống hiến tiếng hót cho đời, là một nhành hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sắc cho đời, là một nốt trầm trong bản hòa ca muôn điệu con chim, cảnh hoa chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân xứ Huế ở đầu bài thơ trở lại trong khổ thơ này mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời, điệp ngữ “ta làm” con chim hót được thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo sắc thái trang trọng, thiêng liêng một lời nguyện ước. cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái “tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêng của Thanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống, cống hiến cho cuộc đời chung.

**2.Khổ 5**: Khổ thơ tiếp theo vẫn diễn tại ước nguyện của Thanh Hải

*\*Tâm niệm lớn nhất của nhà thơ “Một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, cuộc đời chung.*

*“ Một mùa xuân nho nhỏ*

 *Lặng lẽ dâng cho đời”*

 Hình ảnh “Mùa xuân nho nhỏ” cùng với những hình ảnh “cành hoa, con chim, nốt nhạc trầm”… tất cả đều mang một vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường. Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ. Nhà thơ nguyện làm “một mùa xuân” - nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường, chỉ là “một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời. Những hình ảnh đơn sơ mà chứa đựng những tình cảm đó đã được đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng “mùa xuân nho nhỏ” còn là hình ảnh ẩn dụ độc đáo sáng tạo, mới lạ để nhà thơ thể hiện một quan niệm sống của mình, mỗi người phải mang đến cuộc đời chung một nét riêng cái phần tinh túy của mình, dù là bé nhỏ mỗi người hãy làm một “mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời.Những cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi cái riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm những bản hòa ca nhưng phải là “nốt trầm xao xuyến” từ láy “nho nhỏ”, cùng với các từ “con”, “ một” ( con chim, một nhành hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị, thể hiện lẽ sống cao đẹp khiêm nhường của nhà thơ.

*b.Đoạn thơ cũng thể hiện quan niệm của Thanh Hải về sự cống hiến*. Với Thanh Hải cống hiến là phải tự nguyện, không phô trương, ồn ào ( lặng lẽ dâng cho đời). Và khát được hòa nhập, mong muốn được cống hiến cho đời không phải là một lúc mà là trọn đời:

 *“Dù là tuổi hai mươi*

 *Dù là khi tóc bạc”*

“Tuổi 20” và “khi tóc bạc” là hai thời điểm khác nhau trong cuộc đời con người . “Tuổi 20” là khi còn trẻ, còn sung túc. “Khi tóc bạc” là khi đã về già cách nói hoán dụ đó đã cho ta thấy Thanh Hải, sự cống hiến không kể tuổi tác, thời gian. Điệp ngữ “dù là” khiến nhịp điệu câu thơ sâu lắng, giọng điệu ấm áp, xúc động, thiết tha. Hai câu thơ cho thấy một con người khi đã trải qua hai cuộc kháng chiến đã cống hiến trọn đời cho cách mạng, vẫn tha thiết được sống đẹp, sống có ích, sống với tất cả sức sống tươi trẻ điều đó đã khiến cho chúng ta xúc động vô cùng.

**3. Đánh giá**: Đoạn thơ được làm theo thể thơ năm chữ, giọng điệu trong sáng, thiết tha, gần với âm điệu dân ca miền Trung, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên giản dị mà gợi cảm. Giọng thơ phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Bài thơ được viết một tháng trước khi nhà thơ trở về cát bụi, nhưng không gợi một chút băn khoăn với bệnh tật, những suy nghĩ riêng tư cho bản thân mà chỉ lặng lẽ cháy bỏng một khao khát được cống hiến. Chúng ta xúc động, trân trọng và vô cùng cảm phục sức xuân bừng nở trong tâm hồn tác giả đúng vào lúc Thanh Hải đang ốm nặng trên giường bệnh. Nhà thơ đã nhìn cuộc sống bằng đôi mắt thiết tha, tràn đầy hy vọng. Đọc thơ Thanh Hải ta có cảm nhận nhà thơ có tình yêu cuộc sống mãnh liệt, ta nghe như tiếng thì thầm của mùa xuân đang đắm say lòng người.

**3. Kết bài**

 Khổ 4 và khổ 5 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng yêu tha thiết và gắn bó với đất nước với cuộc đời của Thanh Hải. Đoạn thơ như một tâm niệm chân thành lời gửi gắm thiết tha của Thanh Hải đã để lại cho đời. Chúng ta càng cảm thấy khâm phục, trân trọng khát vọng hòa nhập, dâng hiến của Thanh Hải bao nhiêu thì bản thân chúng ta là là học sinh cần phải bồi đức, luyện tài để góp phần nhỏ bé của mình vào mùa xuân chung của đất nước.

**Đề 3: Phân tích 3 khổ thơ đầu của bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải**

**1. Mở bài**

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ của ông để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời trong đó có đoạn thơ rất hay:

*“ Mọc giữa dòng song xanh*

*………………………………*

*Cứ đi lên phía trước”*

Đoạn thơ là 3 khổ thơ đầu bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ”. Đoạn thơ đã thể hiện cảm xúc của tác giả trước thiên nhiên đất trời.

**2. Thân bài**

Đoạn thơ bắt đầu bằng những cảm xúc trực tiếp, hòn nhiên, trong trẻo, trước vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân thiên nhiên đất trời. Từ đó mở rộng ra hình ành mùa xuân đất nước vừa cụ thể với “ người cầm sung”, “ người ra đồng”, vừa khái quát “đất nước như vì sao, cứ đi lên pía trước”.

*a. Đoạn thơ đầu đã diễn tả cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất trời.*

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

 *Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời”*

 Chỉ bằng vài nét phác họa nhưng rất đặc sắc (dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời), Thanh Hải đã làm hiện ra trước mắt chúng ta một bức tranh Xứ Huế với không gian cao rộng (có chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời, chiều rộng của mặt đất và bầu trời bao la, màu sắc thật hài hòa, tươi thắm( màu xanh của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa) và rất đặc trưng ưng quê hương xứ Huế (tím biếc). Màu Tím của bông hoa hòa quyện với màu xanh của dòng sông tạo nên cảm giác dịu mát, đồng thời cũng là tín hiệu của mùa xuân Xứ Huế. Tác giả đảo động từ “mọc” lên đầu câu thơ và số từ “một” ( mọc giữa dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc). Để nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ của một bông hoa đang xòe nở. Hình ảnh bông hoa đang xòe nở từ từ nhô lên, cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, đồng thời tạo cho bức tranh xuân thêm sống động. Bức tranh xuân còn rộn rã, tươi vui với âm thanh của tiếng “chim chiền chiện hót chi mà vang trời”. Tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với thiên nhiên với cuộc sống. Thanh Hải mới vẽ được bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp thơ mộng và đầy sức sống đến như vậy.

 Trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời lúc vào xuân, nhà thơ có cảm xúc say sưa, ngất ngây. Thái độ nâng lưu, quý trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc ấy, tình cảm ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo của một động tác trữ tình.

  *“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

 “Giọt long lanh” có thể hiểu là giọt mưa xuân, giọt sương long lanh trong ánh sang của trời xuân. Nhưng giọt long lanh cũng có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: giọt tiếng chim. Tiếng chim từ chỗ âm thanh cảm nhận bằng thính giác chuyển thành từng giọt( Cảm nhận bằng thị giác). Từng giọt ấy lại long lanh trong ánh sáng của trời xuân có thể cảm nhận bằng xúc giác ( tôi đưa tay tôi hứng). Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời vào lúc mùa xuân và thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc đó, thái độ đó chỉ có được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ở một tấm lòng chân thành tha thiết với cuộc sống.

**2.Từ cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời, mạch thơ chuyển sang biểu hiện những cảm xúc trước mùa xuân đất nước.**

*a.Trước hết mùa xuân đất nước được cảm nhận bằng hình ảnh “người cầm sung”, “người ta đồng”*

*“ Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc trải dài nương mạ”*

 “Người cầm sung”, “người ra đồng” biểu tượng cho hai nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc và lao động xây dựng đất nước. Thanh Hải đã tạo nên sức gợi cảm cho câu thơ bằng hình ảnh “lộc non” của mùa xuân gắn với “người cầm sung”, “người ra đồng” (lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ ). “Lộc” là trồi non, nhành non, cây non, “ Lộc” tượng trưng cho sức sống mùa xuân. Mùa xuân của đất trời đọng lại trong hình ảnh lộc non đã theo người cầm súng ra trận, người nông dân ra đồng hay chính họ đang đem mùa xuân đến cho mọi miền đất nước?

 Sức sống của mùa xuân đất nước còn được tác giả cảm nhận trong nhịp điệu hối hả, âm thanh xôn xao:

*“Tất cả như hối hả*

 *Tất cả như xôn xao”*

 “Hối hả”, “ xôn xao” hai từ láy có sức biểu cảm lớn. Các từ láy kết hợp với điệp ngữ “tất cả” cùng với nhịp điệu thơ nhanh, dồn dập, khỏe khoắn giúp ta cảm nhận được không khí náo nhiệt, tinh thần lao động khẩn trương của con người khi đất nước vào xuân. Đồng thời ta thấy được tâm trạng như reo vui, náo nức của tác giả trước không khí và tinh thần lao động ấy. Như vậy, hình ảnh mùa xuân đất nước được mở rộng từ đôi vai, tấm lưng của người ra trận đến những cánh đồng bát ngát, đến không khí lao động khẩn trương.

 3. Từ hình ảnh mùa xuân đất nước, nhà thơ tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước dù còn nhiều khó khăn, vất vả. Hình ảnh đất nước Việt Nam hiện lên qua lời thơ của Thanh Hải với bề dày lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước trải qua nhiều thử thách gian lao:

 *“Đất nước như vì sao*

*Vất vả và gian lao”*

Những tin tưởng vào tương lai đất nước. Nhà thơ đã hình dung đất nước bằng một hình ảnh đẹp, mang nhiều ý nghĩa:

*“Đất nước như vì sao*

 *Cứ đi lên phía trước”*

“Sao” là nguồn sáng lấp lánh một vẻ đẹp vĩnh hằng vượt qua mọi không gian, thời gian. sao cũng là hình ảnh rạng ngời trên lá cờ tổ quốc Việt Nam. So sánh “đất nước” với “vì sao” đã cho thấy hình ảnh đất nước mãi trường tồn vĩnh cửu cùng vũ trụ, nó sẽ tỏa sáng như những vì sao trong hành trình đi đến tương lai rạng rỡ. Hình ảnh so sánh đã bộc lộ niềm tự hào về một đất nước Việt Nam anh hùng giàu đẹp. Đó chính là ý chí, quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào lạc quan không chỉ riêng Thanh Hải mà của cả dân tộc. Phụ từ “cứ” kết hợp với động từ “đi lên” thể hiện quyết tâm cao độ, tư thế hiên ngang tiến lên phía trước vượt qua mọi khó khăn, thử thách của đất nước. Như vậy, qua những câu thơ ngắn gọn, người đọc thấy được cảm xúc, lạc quan, tin tưởng Thanh Hải với đất nước khi mùa xuân về.

**4. Đánh giá**

  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” nói chung và khổ thơ trên nói riêng được làm theo thể thơ 5 chữ, giọng điệu trong sang, thiết tha gần với âm điệu dân ca miền Trung, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên,giản dị mà còn gợi cảm, giàu ý nghĩa biểu tượng, khái quát, giọng thơ thể hiện phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ.

**3. Kết bài**

  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” giản dị về lời thơ, chân thành với cảm xúc đã chiếm được tình yêu của đông đảo bạn đọc. Ba khổ thơ đầu bài thơ với những hình ảnh giản dị, tự nhiên và chân thực đã diễn tả cảm xúc tự nhiên, sâu lắng của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất nước. Từ cảm xúc đó ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn bó với quê hương xứ Huế, lòng yêu đời lạc quan sống của tác giả. Tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải khiến chúng ta trân trọng và cảm phục vô cùng. Là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần bổi đức, luyện tài góp phần làm cho mùa xuân quê hương, đất nước thêm tươi đẹp.

**Đề 3: Bài thơ “Mùa xuân nhỏ nhỏ” chính là những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua việc phân tích 3 khổ thơ đầu của bài thơ: ( \*) ( TÁCH ĐOẠN)**

**A. Mở bài:**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng long tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu. ( Thơ)

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng long thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng long ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ đầu. ( Chép thơ)

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập.Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quêhương đất nước của nhà thơ.

**2. Phân tích đoạn thơ**

**a. Khổ 1 - Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên**

- Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được mở ra bằng những hình ảnh, màu sắc, âm thanh hài hòa, tràn đầy sức sống:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.*

+ Ngay hai câu mở đầu ta đã bắt gặp một cách viết khác lạ. Tác giả không viết như bình thường: “một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh” mà đảo lại “Mọc giữa dòng sông xanh/Một bông hoa tím biếc”. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ là một dụng ý nghệ thuật của tác giả . Thông qua phép đảo ngữ ấy, nhà thơ như muốn khắc sâu ấn tượng về sức sống trỗi dậy và vươn lên của mùa xuân. Tưởng như bông hoa tím biếc kia đang từ từ, lồ lộ mọc lên, vươn lên, xòe nở trên mặt nước xanh của dòng sông xuân.

*+* Không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông trong xanh chảy hiền hoà. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung.

+ Và nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “một bông hoa tím biếc”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay bông súng,bông trang mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê. Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương - vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự.

=> Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động, đem lại một vẻ đẹp tự nhiên, hài hòa, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

- Tuy nhiên bức tranh thiên nhiên không chỉ có “họa” mà còn có “nhạc” bởi tiếng chim chiền chiện cất lên với muôn vàn lời ca tiếng hót, reo mừng:

*“Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời.”*

+ Nhà thơ gọi “ơi” nghe sao mà tha thiết thế! Lời gọi ấy không cất lên từ tiếng nói mà cất lên từ sâu thẳm tình yêu thiên nhiên, cất lên từ tấm lòng của nhà thơ trước mùa xuân tươi đẹp với những âm thanh rộn rã.

+ Lời gọi ấy mới đầu nhen nhóm ở một góc trái tim, nhưng con người nhà thơ và những cảnh sắc, âm thanh kia như đã hòa vào làm một, cảm xúc từ đó mà òa ra thành lời, thật ngỡ ngàng, thật thích thú.

+ Cảm xúc của nhà thơ đã trào dâng thực sự qua câu hỏi tu từ: “Hót chi mà vang trời”. Thứ âm thanh không thể thiếu ấy làm sống dậy cả không gian cao rộng, khoáng đạt, làm sống dậy, vực dậy cả một tâm hồn con người đang phải đối mặt với những bóng đen ú ám của bệnh tật, của cái chết rình rập.

=> Dòng sông êm trôi, bông hoa lững lờ, tiếng chim rộn rã… bức tranh mùa xuân xứ Huế bao giờ cũng đẹp, nhẹ nhàng, và mơ mộng như thế!

- Thiên nhiên, nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo:

*Từng giọt long lanhrơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.*

+ Cụm từ “ giọt long lanh” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi…Nhưng theo mạch cảm xúc của bài thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

+ Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được vận dụng một cách tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng của nhà thơ. Thành Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác.

+ Cử chỉ “Tôi đưa tay tôi hứng” thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc với xuân với cảm xúc say sưa, xốn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân, của cuộc đời.

=> Khổ thơ mở đầu đã mở ra một bức tranh xứ Huế thật đẹp: có hình ảnh, có màu sắc, âm thanh được họa lên từ những vần thơ có nhạc… Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980, khi ấy đang là mùa đông giá rét. Như vậy, hình ảnh mùa xuân được miêu tả ở đây là mùa xuân trong tâm tưởng của nhà thơ. Đối mặt với bệnh tật, thậm chí phải đối mặt với cả cái chết, vậy mà nhà thơ vẫn hướngđến mùa xuân tươi trẻ, tràn đầy sức sống, thể hiện một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao cuộc sống vô bờ. Đọc những vầnthơ của ông, người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tìnhyêu quê hương, đất nước đến vô ngần.

**b. Cảm xúc trươc mùa xuân của đất nước**

**\*Khổ 2**

Từ những cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, Thanh Hải tiếp tục bộc lộ những cảm cúc của mình khi đất nước bước vào một mùa xuân mới:

*“Mùa xuân người cầmsúng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao…”*

- Không phải ngẫu nhiên trong khổ thơ lại xuất hiện hình ảnh“người cầm súng” và “người ra đồng”. Họ là những con người cụ thể, những conngười làm nên lịch sử với hai nhiệm vụ cơ bản của đất nước ta trong suốt quátrình phát triển lâu dài: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

- Mùa xuân đến mang đến tiếng gọi của những cố gắng mới vàhi vọng mới, mang đến tiếng gọi của đất nước, của quê hương đang trên đà đổithay, phát triển. Những tiếng gọi lặng lẽ tới từ mùa xuân làm thức dậy conngười, làm trái tim con người như bừng lên rạng rỡ trong không khí sôi nổi củađất nước, của muôn cây cỏ đã đi theo người lính vào chiến trường, sát kề vai,đã cùng người lao động hăng say ngoài đồng ruộng.

- Mùa xuân không những chắp thêm đôi cánh sức mạnh cho con người mà còn chuẩn bị cho con người những “lộc” non tươi mới, căng tràn nhựa sống:

+ “Lộc” không chỉ là hình ảnh tả thực mà con mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.

+ “Lộc” là nhành non chồi biếc của cỏ cây trong mùa xuân.

+ Đối với người chiến sĩ, “lộc” là cành lá ngụy trang che mắt quân thù trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đầy cam go và ác liệt.

+ Đối với người nông dân “một nắng hai sương”, “lộc” lànhững mầm xuân tươi non trải dài trên ruộng đồng bát ngát, báo hiệu một mùa bội thu.

+ Nhưng đặc biệt hơn cả, “lộc” là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cốnghiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người línhdũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù,hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hivọng ngày mai.

- Từ những suy nghĩ rất thực về đất nước, nhà thơ khái quát:

*Tất cả như hồi hả*

*Tất cả như xôn xao*

+ Điệp ngữ “tất cả”, các từ láy biểu cảm “hối hả”, “xôn xao”, nhịp thơ nhanh => nhà thơ đã khái quát được cả một thời đại của dân tộc.

+ “Hối hả” diễn tả nhịp điệu khẩn trương, tất bật của những con người Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới, trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

+ Còn “xôn xao” lại bộc lộ tâm trạng náo nức rộn ràng.

=> Ý thơ khẳngđịnh một điều: không chỉ cá nhân nào vội vã mà cả đất nước đang hối hả, khẩntrương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều náo nức, rộn ràng trong mùa xuân tươiđẹp của thiên nhiên, của đất nước.

=> Thanh Hải đã rất lạc quan, say mê và tin yêu khi viết nên những vần thơ này.

- Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

*“Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước”*

+ Với nghệ thuật nhân hóa, Tổ quốc như một người mẹ tần tảo,vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sựtrường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt củacác thế hệ, của những tháng năm đằng đẵng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam:

*“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững*

*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”.* ( Huy Cận)

+ Đặc biệt, phép tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc –“Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước”. Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý thơ: trải qua những gian truân, vất vả, đất nước vẫn toả sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

=> Ta cảm nhận được niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam. Âm thanh mùa xuân đất nước vang lên từ chính cuộc sống vất vả, gian lao mà tươi thắm đến vô ngần.

**3. Đánh giá**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất n ước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN VỀ ƯỚC NGUYỆN CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI QUA BA ĐOẠN THƠ SAU:**

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

*Mùa xuân ta xin hát*

*Khúc Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế*

*(Trích Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục )*

**I. Mở bài:**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng long tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu. ( Thơ)

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng long thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng long ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ đầu. ( Chép thơ)

**II.Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ ra đời tháng 11/1980- 5 năm sau ngày đất nước giành được độc lập.Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quêhương đất nước của nhà thơ.

**2. Phân tích thơ**

**a. Khái quát lại nội dung 3 khổ thơ đầu**

Ở 3 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, lời thơ đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

**b. Ước nguyện của nhà thơ**

- Từ những cảm xúc về mùa xuân, tác giả đã chuyển mạch thơmột cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống,về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người:

                                                           *“ Ta làmcon chim hót*

*Ta làm một cànhhoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xaoxuyến”.*

+ Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”-“hoa”-“ca”.

+ Điệp từ “ta” được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha.

+ Động từ “làm”-“nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích cho cuộc đời.

+ Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên,của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: *con chim, một cành hoa, một nốt trầm*. Còn gì đẹp hơn khi làm một cành hoa đem sắc hương tô điểm cho mùa xuân đất mẹ!Còn gì vui hơn khi được làm con chim nhỏ cất tiếng hót rộn rã làm vui cho đời!

+ Các hình ảnh bông hoa, tiếng chim đã xuất hiện trong cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, giờ lại được sử dụng để thể hiện lẽ sống của mình. Một ý nghĩa mới đã mở ra, đó là mong muốn được sống có ích, sống làm đẹp cho đời là lẽ thường tình.

+ Cái “tôi”của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành cái “ta”. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy. Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung luôn có sự gắn bó với nhau

+ Hình ảnh “nốt trầm”và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là“một nốt trầm xao xuyến” để góp vào bản hoà ca chung. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước.

=> Đọc đoạn thơ,ta xúc động trước ước nguyện của nhà thơ xứ Huế và cũng là ước nguyện của nhiềungười.

- Lẽ sống của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng:

                                                    *“ Một mùa xuân nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.”*

+ Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác,tinh tế và gợi cảm. Làm cành hoa,làm con chim,làm nốt trầm và làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời.

+ “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp.Mỗi người hãy làm một mùa xuân,hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dẫu có nhỏ bé để góp vàolàm đẹp cho mùa xuân đất nước.

+ Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân.

=> Không khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến.Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống.Biết lặng lẽ dâng đời,biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đãviết:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc là phải xanh,*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.*

Nhớ khi xưa, Ức Trai tiên sinh đã từng tâm niệm:

                                                      *“Bui một tấc lòng trung lẫn hiếu*

*Mài chăng khuyết,nhuộm chăng đen”.*

Còn bây giờ, Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế trước khi về với thế giới “người hiền” cũngđã ước nguyện: “Lặng lẽ dâng cho đời/Dù là tuổi hai mươi/Dù là khi tóc bạc”.Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Sử dụng điệp ngữ “dù là” nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộcđời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già,bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

=> Đây là một vấn đề nhân sinh quannhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn.

=> Như trên đã nói, bài thơ được viết vào thời gian cuối đời,trước khi nhà thơ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong bài thơ không hề gợi chút băn khoăn về bệnh tật, về những suy nghĩ riêng tư cho bảnthân. Chỉ “lặng lẽ”mà cháy bỏng một nỗi khát khao được dâng những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước. Đây không phải là câu khẩu hiệu của một thanh niên vào đời mà là lời tâm niệm của một con người đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh, đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho cách mạng. Điều đó càng làm tăng thêm giá trị tư tưởng của bài thơ.

**c. Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.**

- Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

*“Mùa xuân – ta xin hát*

*Câu Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế.”*

+ Tác giả có nhắc đến những khúc dân ca xứ Huế “Nam ai”, “Nam bình”, có giai điệu buồn thương nhưng vô cùng tha thiết.

+ Và qua những khúc “Nam ai”, “nam bình” này thì nhà thơ đã bộc lộ tình yêu tha thiết của mình đối với quê hương, đất nước; thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời, vào đất nước với những giá trị truyền thống vững bền.

**3.Đánh giá**

 Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, biểu cảm, ba khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được những ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải. Đó là ước nguyện được hòa nhập và dâng hiến để làm đẹp cho cuộc đời. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**VIẾNG LĂNG BÁC**

*( Viễn Phương)*

**Đề 1: Phân tích bài thơ “ Viếng lăng Bác” của Viễn Phương**

**1. Mở bài**

 Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác.

**2. Thân bài**

  **\*Mạch cảm xúc**: Cảm hứng bao trùm bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn tự hào pha lẫn nỗi đau xót khi tác giả Từ miền Nam ra viếng lăng Bác. Mạch vận động của cảm xúc đi theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. Mở đầu là cảm xúc bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét: về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương, đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước khi trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương Miền Nam muốn tấm lòng mình vẫn mãi mãi ở lại bên lăng với Bác.

**1. Khổ 1, 2: Cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng**

*a. Khổ thơ đầu: Bài thơ là cảm xúc của tác giả khi đứng trước Lăng Bác.*

 Câu thơ mở đầu: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” chỉ gọn ngắn gọn như một lời thông báo, nhưng lại gợi ra tâm trạng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam sau bao nhiêu năm mong mỏi bây giờ mới được ra thăm viếng Bác. Tác giả dùng đại từ “ con” nghe rất gần gũi, thân thiết, ấm áp tình yêu thương để diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha cách nói giảm, nói tránh khi dùng từ “thăm” thay cho từ “viếng” để giảm nhẹ nỗi đau thương, mất mát đồng thời khiến mọi người cảm thấy hình ảnh của Bác vẫn còn sống mãi trong tâm tưởng.

 Hình ảnh đầu tiên mà tác giả thấy được là ấn tượng đậm nét về cảnh quan bên lăng Bác là hàng tre: “Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát” thì ra đến đây nhà thơ lại gặp một hình ảnh hết sức thân thuộc của làng quê Việt Nam và đã trở thành một biểu tượng của dân tộc “ cây tre”. Cây tre đã trở thành “Cây tre Việt Nam” và là biểu tượng của sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc. Trước hàng tre Viễn Phương xúc động, tự hào và thốt lên:

*“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

 *Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.”*

  Cách nói ẩn dụ “Xanh xanh Việt Nam”, cùng với phép nhân hóa “đứng thẳng hàng” làm nổi bật hình ảnh hàng tre mang màu xanh đất nước, mang dáng dấp của con người Việt Nam hiên ngang, bất khuất . Như vậy khổ thơ đầu bài thơ diễn tả niềm xúc động, thiêng liêng của tác giả khi được vào lăng viếng Bác, khi bắt gặp những hình ảnh hàng tre thân thuộc cảm xúc của tác giả trào dâng.

**b. Đứng trước lăng Người tác giả trào dâng niềm xúc động thiêng liêng, thành kính. Khổ thơ thứ hai của bài thơ được tạo nên từ hai cặp câu với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi ở cặp thơ thứ nhất:**

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

 Hình ảnh “mặt trời đi qua trên lăng” là một hình ảnh thực ( một mặt trời thiên nhiên rực rỡ, vĩnh hằng ngày ngày đi qua trên lăng ). Còn hình ảnh “mặt trời trong lăng” đã được chuyển nghĩa, được tượng trưng hóa (chỉ bác Hồ). Hình ảnh ẩn dụ này vừa nói lên sự vĩ đại của Bác Hồ như mặt trời, vừa thể hiện sự tôn kính của nhà thơ của nhân dân. Đối với Bác Viễn Phương đã ngầm so sánh Bác với “mặt trời”. Nếu mặt trời của thiên nhiên đem lại ánh sáng, sự sống cho muôn loài chỉ Bác Hồ đã đưa đất nước ta từ một đất nước nô lệ tối tăm đến một đất nước độc lập tự do.

 Hai câu thơ tiếp theo là cảm xúc của tác giả trước hình ảnh dòng người bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác:

*“ Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

 *Kết tràng hoa dâng 79 mùa xuân”*

“ Dòng người đi trong thương nhớ” là hình ảnh thực: Ngày ngày dòng người đi trong nỗi xúc động, bồi hồi trong nỗi tiếc thương vô hạn khi vào lăng viếng Bác. Những dòng người đó xếp thành một hàng dài trông như những tràng hoa vô tận. Còn hình ảnh “tràng hoa” là hình ảnh đẹp và rất sáng tạo của nhà thơ : Chỉ cuộc đời những người đang vào lăng viếng Bác, đã nở hoa dưới ánh sáng của người những bông hoa tươi thắm đó đã được đến dâng lên người những gì tốt đẹp nhất. Hình ảnh ẩn dụ đó thể hiện tấm lòng thành kính của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác . “Bảy mươi chín mùa xuân” Là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng con người “79 mùa xuân” ấy đã sống của cuộc đời đẹp như những mùa xuân và đã làm nên trong mùa xuân đất nước trong cuộc đời như vậy. Ở khổ thơ thứ hai với những hình ảnh ẩn dụ đẹp, nhà thơ đã diễn tả những niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của mình và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác.

**2. Khổ 3: Cảm xúc của nhà tác giả khi vào trong lăng.**

 Khổ thơ thứ 3: của bài thơ diễn tả cảm xúc và suy ngẫm của tác giả khi vào trong lăng. Từ lòng thành kính biết ơn chuyển sang niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả vào lăng viếng Bác. Khung cảnh và không khí thanh tĩnh trong lăng ngư ngưng hết cả thời gian, không gian khung cảnh trong lăng Bác được nhà thơ gợi tả rất đạt bằng hai câu thơ giản dị:

  *“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng cho dịu hiền”*

 Hai câu thơ diễn tả chính xác và tinh tế, sự trang nghiêm yên tĩnh và ánh sáng dịu nhẹ trong trẻo của không gian trong lăng Bác. Bác đang ngủ trong giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa “vầng trăng sáng trong dịu hiền”. “Vầng trăng” còn gọi ta suy nghĩ đến trong thơ Bác tràn ngập ánh trăng. Trăng của Bác lên chiến khu, trăng của Bác vào nhà lao, gắn bó với Bác như người bạn tri ân, tri kỷ. Và giờ đây trăng lại canh giấc ngủ cho Bác. Đồng thời những hình ảnh “vầng trăng” nhà thơ còn muốn tạo ra một hệ thống hình ảnh vũ trụ để ví với Bác “vầng trăng” là hình ảnh ẩn dụ chỉ tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác. Người có lúc là “mặt trời” ấm áp, rực rỡ, có lúc lại dịu hiền như “ánh trăng”. Hình ảnh ẩn dụ đó vừa thể hiện niềm xúc động, vừa thể hiện tấm lòng thành kính của nhà thơ đối với Bác, đứng trước Người nhà thơ có tâm trạng xúc động, tâm trạng được biểu hiện qua một hình ảnh ẩn dụ sâu sắc:

 “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”. “Trời xanh” là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ với hình ảnh ẩn dụ đó nhà thơ muốn nói với người đọc Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước. Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước trường tồn cùng dân tộc, sống mãi trong sự nghiệp và trong tâm trí của người dân như bầu trời xanh vĩnh hằng trên cao. Diễn tả điều này, nhà thơ Tố Hữu đã từng viết: “Bác sống như trời đất của ta”. Như vậy “ vầng trăng”, “ trời xanh”, cũng giống như mặt trời là các hình ảnh kỳ vĩ, rộng lớn tiếp nhau cùng xuất hiện khiến chúng ta phải suy ngẫm về cái bất diệt, cái vô cùng cao cả của một con người.

 Dù vẫn tin như thế nhưng tác giả không thể không đau xót trước sự ra đi của Người, nỗi đau xót đó được nhà thơ biểu hiện cụ thể trực tiếp:

 “*Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

 Nỗi đau của quặn thắt, tê tái trong đáy sâu tâm hồn như hàng nghìn mũi kim đâm vào trái tim đang thổn thức của người con. Động từ “nói” đã diễn tả chính xác sự rung cảm chân thành của Viễn Phương khi đứng trước thi thể Người. Nỗi đau đó có lẽ không phải của riêng Viễn Phương mà là của tất cả mọi người dân Việt Nam.

**3. Khổ thơ kết**

  Khổ thơ kết bài thơ diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn ở bên trong lăng Bác. Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc thời gian khi còn đứng trên đất Bắc, nhưng tác giả đã bịn rịn nghĩ đến lúc chia tay, phải xa nơi Bác yên nghỉ. Và đến đây dòng cảm xúc được đẩy lên mức cao nhất, tuôn trào mạnh mẽ nhất:

  “*Mai về miền Nam thương trào nước mắt”*

 Câu thơ như một lời nói thường, giọng thơ không ổn ào mà đọc lên nghe xúc động vô cùng. Câu thơ như một lời giã biệt, lời nói giản dị mà diễn tả cảm xúc sâu lặng. Từ “trào” đã diễn tả cảm xúc mãnh liệt đó. Đó là sự luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời xa nơi Bác nghỉ. Có lẽ tâm trạng của nhà thơ cũng là tâm trạng của muôn triệu con tim bé nhỏ cùng chung nỗi đau. Ở gần Bác dù trong giây phút nhưng có lẽ nhà thơ cũng như bao con người khác không muốn rời xa mà chỉ muốn ở mãi bên người. Nhưng tác giả cũng đã đến lúc phải trở về quê hương miền Nam, và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách hóa thân, hoà nhập vào những cảnh vật ở bên lăng Bác:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

  Nhà thơ “muốn làm con chim” cất tiếng hát đẹp đẽ trong lành, những âm thanh tự nhiên đến bên Bác. “ Muốn làm đóa hoa tỏa hương” nơi Bác nghỉ và hơn hết “muốn làm cây tre” để nhập vào hàng tre bát ngát bên lăng để canh giấc ngủ bình yên cho Người. Ước nguyện nhỏ bé đó thật chân thành, giản dị, tha thiết, khiêm nhường, nhưng vô cùng cao đẹp, ý nghĩa. Nhà thơ đã dùng những hình ảnh của thiên nhiên để diễn tả về ước nguyện của mình. Điệp tử “muốn làm” đã được đặt ở đầu câu diễn tả nhấn mạnh tâm trạng lưu luyến, ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ khiêm nhường nhưng vô cùng đẹp, ý nghĩa. Nhà thơ đã dùng hình ảnh của thiên nhiên để diễn tả nguyện của mình. Hình ảnh “cây tre” ở đầu bài thơ được lặp lại tạo kết cấu chặt chẽ và khép lại bài thơ cũng khép lại mạch cảm xúc của tác giả. Có lẽ ước nguyện thành kính của Viễn Phương cũng là ước nguyện chung của người dân Việt Nam đã và chưa một lần được gặp Bác.

**4. Đánh giá: Qua 4 khổ thơ khá cô đọng**, giọng điệu vừa trang nghiêm sâu lắng, vừa tha thiết tự hào pha lẫn nỗi xót đau, cùng với những hình ảnh thơ sáng tạo giàu ý nghĩa biểu tượng. Nhà thơ đã thể hiện niềm xúc động tràn đầy và lớn lao trong lòng khi vào lăng viếng Bác, những tình cảm thành kính, sâu sắc với Bác Hồ.

**3. Kết bài**

  “Viếng lăng Bác” là bài thơ hay, đẹp về hình ảnh, hay về cảm xúc gợi cảm xúc sâu xa trong lòng người đọc. Bài thơ được phổ nhạc thành bài hát, đã trở thành khúc ca về tình cảm với lãnh tụ, xúc động lòng người và còn mãi với thời gian. Bài thơ (đoạn thơ) thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng thành kính thiết tha của tác giả từ khi miền Nam mới được giải phóng ra “Viếng lăng Bác”. Đó cũng là tình cảm chung của mỗi người dân Việt Nam người dân miền Nam dành cho Bác. Chúng ta đanh là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường c cần cố gắng thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy, xứng đáng là con ngoan trò giỏi cháu ngoan Bác Hồ.

**Đề 2: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau: Hai khổ thơ đầu bài “ Viếng Lăng bác” của Viễn Phương.**

**A. Mở bài:**

**Cách 1:** Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**Cách 2:**

 Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một danh nhân văn hóa thế giới, một trái tim vĩ đại, một nhân cách vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau - Năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**B.Thân bài**

**1.Giới thiệu khái quát về bài thơ**

 Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác**

- Bài thơ được bắt đầu bằng những vần thơ viết về cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác:

 *“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”*

- Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa biết bao điều sâu xa, Nhà thơ muốn nói mình là người con ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Nhà thơ xưng “con” và gọi chủ tịch HCM là “Bác”, chữ “con” lại được đặt ở đầu dòng thơ, đầu bài thơ. Trong ngôn từ của nhân loại không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. => Cách xưng hô này thật gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Với cách xưng hô và cách dùng từ của nhà thơ Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Một tiếng “con” ấy thôi cũng để diễn tả được tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”:

=> Cách nói giảm, nói tránh giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gợi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha - thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

 - Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre:

 *“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”*

 - Hình ảnh *“hàng tre bát ngát”* ẩn hiện trong làn sương sớm mờ ảo trên đường đến thăm Bác chính là hình ảnh tả thực mang dáng hình quê hương đất nước thân yêu, bình dị. Nó cũng là hình ảnh ẩn dụ: biểu tượng cho con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, vượt qua “*bão táp mưa sa*” muôn vàn gian khổ để thống nhất đất nước theo di ngôn của Người, rồi trở về nghiêng mình kính cẩn trước anh linh của Người.

- Những hình ảnh gợi tả gợi cảm kết hợp với nhau đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị. Lăng Bác hiện lên dưới ngòi bút nhà thơ như một làng quê yên bình. Trước hàng tre Viễn Phương xúc động, tự hào và thốt lên:

*“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

 *Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.”*

  Cách nói ẩn dụ “Xanh xanh Việt Nam”, cùng với phép nhân hóa “đứng thẳng hàng” **-** là tinh thần đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục, tất cả vì độc lập tự do của nhân dânViệt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Với cách nói này tác giả làm nổi bật hình ảnh hàng tre mang màu xanh đất nước, mang dáng dấp của con người Việt Nam hiên ngang, bất khuất.

- Thành ngữ “bão táp mưa sa” nhằm chỉ những khó khăn, gian khổ, những vinh quang và cay đắng mà nhân dân ta đã vượt qua trong trường kì dựng nước và giữ nước, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ vừa qua.

=> Từ hình ảnh hàng tre bát ngát trong sương quanh lăng Bác, nhà thơ đã suy nghĩ, liên tưởng và mở rộng khái quát thành một hình ảnh hàng tre mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, bất khuất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Dù gặp bão táp mưa sa **-** gặp những thăng trầm trong cuộc kháng chiến cứu nước và giữ nước, vẫn “đứng thẳng hàng”, vẫn đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục. Niềm xúc động và tự hào về đất nước, về dân tộc, về những con người Nam Bộ đã được nhà thơ bộc lộ trực tiếp qua từ cảm thán “Ôi” đứng ở đầu câu.

=> Hàng tre ấy như những đội quân danh dự cùng với những loài cây khác đại diện cho những con người ở mọi miền quê trên đất nước ViệtNam tụ họp về đây xum vầy với Bác, trò chuyện và bảo vệ giấc ngủ cho Người. Nơi Bác nghỉ vẫn luôn xanh mát bóng tre xanh.

=> . Như vậy khổ thơ đầu bài thơ diễn tả niềm xúc động, thiêng liêng của tác giả khi được vào lăng viếng Bác, khi bắt gặp những hình ảnh hàng tre thân thuộc cảm xúc của tác giả trào dâng.

Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu.

**2.2. Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác:**

- Nhà thơ đã có những dòng thơ vô cùng xúc động về cảm xúc của mình khi hòa vào dòng người vào lăng viếng Bác:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.”*

+ Đến đây, nhà thơ tiếp tục sáng tạo những hình ảnh thơ vô cùng độc đáo. Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng”* là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, mặt trời của tự nhiên, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

+ Hình ảnh “mặt trời trong lăng” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo - đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “mặt trời”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. “Mặt trời” **-** Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệpcách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn. “Mặt trời” **-** Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như:

 *“Người là Cha, là Bác, là anh*

*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.*

Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

+ Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

*( Tố Hữu - “Sáng tháng năm”)*

Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên( biện pháp nhân hóa“thấy”) là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặtca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con ngườiViệt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặttrời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiênnhiên.

+ Từ láy “ngày ngày” đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự liên tụcbất biến của tự nhiên vừa góp phần vĩnh viễn hóa, bất tử hóa hình ảnh Bác Hồtrong lòng mọi người và giữa thiên nhiên vũ trụ.

- Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêutả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

+ Từ láy “ngày ngày” có nghĩa tương tự như câu thơ cầu đầutrong khổ thơ => diễn tả cảnh tượng có thực đang diễn ra hàng ngày, đều đặntrong cuộc sống của con người Việt Nam: Những dòng người nặng trĩu nhớ thương từ khắp mọi miền đất nước đã về đây xếp hàng, lặng lẽ theo nhau vào lăng viếng Bác –“Dòng người đi trong thương nhớ”.

+ Bằng sự quan sát trong thực tế, tác giả đã tạo ra một hìnhảnh ẩn dụ đẹp và sáng tạo: “tràng hoa”.

- Hình ảnh “tràng hoa” ở đây được hiểu theo nghĩa thực là những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa được những người con khắp nơi trên đất nước và thế giới về thăm dâng lên Bác để bày tỏ tình cảm, tấm lòng nhớ thương, yêu quý, tự hào của mình.

- “Tràng hoa” ở đây còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ từng người một đang xếp hàng viếng lăng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm. Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào lăng viếng Bác nối kết nhau thành những tràng hoa bất tận. Những bông hoa **-** tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những bông hoa **-** tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” **-** 79 năm cuộc đời của Người.

=> Hình ảnh thơ trên biểu lộ tấm lòng thành kính, và biết ơn sâu sắc của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác Hồ.

**3. Đánh giá: nghệ thuật, nội dung**

 Như vậy, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ đầu đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**C. Kết bài**

 Bằng những từ ngữ, lời lẽ chân thành, giàu cảm xúc, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác trong một dịp ra miền Bắc viếng lăng Bác. Bài thơ như một tiếng lòng chân thành tha thiết mà nhà thơ Viễn Phương đã nói thay cho hàng vạn nhân dân miền Nam, của toàn thể nhân dân Việt Nam đối với Bác. Bày tỏ tình cảm, niềm kính yêu tha thiết nhất, lòng biết ơn thành kính nhất với Hồ Chủ tịch.

 **Đề 3: Cảm nhận của em về những khổ thơ sau: ( \*)**

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...”*

**A. Mở bài:**

Bác Hồ là tên gọi thân yêu vang âm trong trái tim bao người,là niềm tin, là sức mạnh, là phẩm giá của con người Việt Nam, một người bạn lớn đối với tâm hồn mỗi con người, đối với thiên nhiên tạo vật... Sự vĩ đại, vẻ đẹp của Bác, lòng kính yêu với Bác đã trở thành cảm hứng cho các các nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Đến sau trong đề tài thơ về Bác do điều kiện, hoàn cảnh: là người con miền Nam, cầm súng ở ngoài tiền tuyến...nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ "Viếng lăng Bác" độc đáo, có sức cảm hóa sâu sắc bởi tình đẹp, bởi lời hay. Và đọc bài thơ ấy có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng với hai khổ thở cuối- những lời thơ được coi là hay nhất của tác phẩm:

(trích thơ)

**B.Thân bài**

**1.Giới thiệu khái quát về bài thơ**

  Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam,đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam,nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Nhắc lại nội dung khổ 1**

 Ở hai khổ thơ đầu, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, lời thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc bạch ở hai khổ thơ cuối.

**b. Những cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác**

- Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác.

- Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền.

- Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. => Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấuhiểu và yêu quí những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!

- Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”.

+ “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

+ Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa:Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

- Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “ Mà sao nghe nhói ở trongtim”.

+ “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.

+ Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắcyếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*“Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài*

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm…”*

Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

**c.Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác:**

- Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người conmiền Namra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩđến ngày mai về miền Nam,xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng màđược bộc lộ thể hiện ra ngoài:

“Mai về miền Namthương trào nước mắt”.

+ Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như mộtlời giã biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịnrịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

- Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

Muốn làm …….cây tre trung hiếu chốn này.

+ Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên“con chim”,”đóa hoa”,”cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả.

+ Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Đặc biệt là ước nguyện “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam,của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

**3.Đánh giá: nghệ thuật, nội dung**

 Như vậy, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ cuối đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi được vào lăng viếng Bác và sự lưu luyến bịn rịn khi sắp phải chia xa. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ HAI KHỔ ĐẦU (\*)**

**A. Mở bài**

**B. Thân bài.**

**1.Khái quát**: Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngàygiải phóng miền Nam,đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa đượckhánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đếnviếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động vàchiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam,nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thốngnhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trởthành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**2. Cảm nhận**

**a. Khổ 1**

 **\* LĐ 1:** Mở đầu bài thơ, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được **những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra thăm lăng Bác:**

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng”*

Bài thơ được bắt đầu bằng một lời kể hết sức giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa. Nhà thơ xưng “con” và gọi chủ tịch HCM là Bác. Đây là cách xưng hô quen thuộc của những người con của vùng đất Nam bộ đồng thời nó cũng gửi gắm biết bao nhiêu tình cảm và nỗi niềm xúc động của nhà thơ. Trong ngôn ngữ của nhân loại thì có lẽ “con” là cách xưng hô thiêng liêng và gần gũi nhất bởi ở đó có cả tình thân máu mủ ruột già. Cách xưng hô của Viễn Phương khiens ta nhớ đến những vần thơ của Tố Hữu:

*“Người là Cha, là Bác, là anh*

*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”*

Nhà thơ lúc này giống như một đứa con xa cha lâu ngày, ngay trở về thăm cha với bao nghẹn ngào xúc động. Chỉ với một chữ “con” ấy, người đọc cũng đủ cảm nhận được lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác Hồ. và cũng trong câu thơ mở đầu này, nếu để ý người đọc có thể nhận thấy tác giả đã sử dụng BPTT nói giảm nói tránh khi sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng” ở nhan đề bài thơ. Viếng có nghĩa là thắp hương, phúng viếng người đã khuất còn “ thăm” là thăm hỏi, trò chuyện với người vẫn còn sống trên đời. Với cách dùng từ như thế, Viễn Phương đã làm vơi đi những đau buồn, mất mát cho người đọc khi Bác đã không còn. Tuy nhiên không chỉ có thế, lời thơ ấy còn là lời khẳng định Bác sẽ còn sống mãi trong trái tim của mỗi con người VN.

 Ra thăm lăng Bác, điều đầu tiên gây ấn tượng cho tác giả là hình ảnh “hàng tre”. Miêu tả hình ảnh này, tác giả viết:

*“Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng”*

Hàng tre trong câu thơ này là một hình ảnh giàu ý nghĩa là gợi nhiều liên tưởng trong lòng người đọc. Đó trước hết là một hình ảnh thực. Đó là rặng tre đằng ngà được trồng bên lăng Bác. Song không chỉ có thế, đây còn là một hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo. Nó làm ta liên tưởng đến những lũy tre xanh mát ở làng quê VN gợi cuộc sống thanh bình yên ả nơi thôn dã. Hình ảnh ấy còn là biểu tượng của con người và dân tộc Việt Nam bền bỉ, dẻo dai, bất khuất, kiên cường. Hàng tre ấy cũng như những con người VN ta dù phải trải qua bao “bão táp mưa sa” thì vẫn “đứng thẳng hàng”. Câu thơ như một lời khẳng định dân tộc ta dù có gian khổ, khó khăn thì vẫn hiên ngãng, kiên cường, bất khuất. Ý thơ có sự đồng điệu với những câu thơ trong bài “Tre Việt Nam” của nhà thơ Nguyễn Duy:

*“Ở đâu tre cũng xanh tươi*

*Cho dù đất sỏi đá vôi bạc màu”*

 Có thể thấy rằng, khổ thơ đầu tiên đã để lại rất nhiều ấn tượng trong lòng bạn đọc. bằng những từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, lời thơ cho ta nhận ra niềm xúc động của nhà thơ khi được ra lăng viếng Bác. Đồng thời cũng qua đó ta cảm nhận được lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của Viễn Phương dành cho Bác Hồ kính yêu.

**b. Khổ 2**

 **Và tình cảm ấy lại tiếp tục được thể hiện ở khổ thơ thứ 2 thông qua các hình ảnh ẩn dụ rất đẹp:**

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

Đọc khổ thơ này, người đọc không khó để nhận ra một phép ẩn dụ vô cùng độc đáo. Nhà thơ đã mượn hình ảnh “mặt trời” để nói về Bác Hồ. Nếu như “mặt trời” ở câu thơ thứ nhất là mặt trời của tự nhiên, tạo hóa, đem nguồn sống và ánh sáng cho vạn vật thì “mặt trời” ở câu thơ thứ hai chính là ẩn dụ cho cuộc đời và sự vĩ đại của chủ tịch HCM. Cũng giống như mặt trời của tự nhiên, bác đã tìm ra con đường đi cho cách mạng Việt Nam rồi soi sáng cho dân tộc ta bước tiếp trên con đường đi ấy. Bác đã đưa đất nước ta từ vũng bùn nô lệ sang một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên của độc lập tự do. Không chỉ có VP, Tố Hữu cũng có những vần thơ viết về Người như thế:

*“Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Còn đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người”*

Tuy nhiên nét đặc biệt trong thơ VP là ông còn để cho mặt trời của tự nhiên được ngắm nhìn, chiêm ngưỡng “mặt trời trong lăng”. Phép ẩn dụ kết hợp nhân hóa ấy đã cho ta nhận ra sự vĩ đại và công lao to lớn của CTHCM và cũng qua đó, lời thơ đã khẳng định Bác sẽ còn mãi, sẽ trường tồn bất diệt trong lòng mỗi người dân đất Việt. Lời thơ thật đơn giản nhưng chứa đựng trong đó là cả một tấm lòng. Chúng ta nhận ra trong những câu thơ ấy là tình yêu thương và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác

 Nếu như ở hai câu thơ trên nhà thơ mượn hình ảnh “mặt trời” để nói về sự vĩ đại của bác thì ở hai câu thơ tiếp theo ông lại miêu tả dòng người vào thăm lăng:

*“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

Lời thơ được bắt đầu bằng trạng từ “ngày ngày” qua đó diễn tả hoạt động lặp đi lặp lại. Nó cho người đọc hình dung được cảnh tượng mỗi ngày đều có những dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi xúc đông nghẹn ngào và niềm nhớ thương vô hạn. Ở hai câu thơ này, VP tiếp tục sáng tạo một hình ảnh ẩn dụ vô cùng đẹp đẽ. Đó là hình ảnh “tràng hoa”. Hình ảnh ấy gợi lên trong ta biết bao nhiêu liên tưởng thú vị. Nó khiến ta nghĩ đến những vòng hoa tươi thắm mà mỗi đoàn viếng thăm đều dâng lên người. Tuy nhiên không chỉ có thế, hình ảnh này còn là ẩn dụ cho những dòng người đang nối nhau vào lăng viếng Bác. Trong đoàn người ấy, có thể có một người con của thủ đô HN, một người từ vùng đất Nam bộ xa xôi, một cụ già, một em nhỏ hay có khi là một du khách nước ngoài. Và trong đoàn người ấy lúc này chắc chắn không thể thiếu nhà thơ. Mượn hình ảnh “tràng hoa” để miêu tả cảnh dòng người vào lăng viếng Bác là nhà thơ đã giúp người đọc cảm nhận được niềm kính yêu, sự ngưỡng mộ của cả dân tộc và của cả nhân loại đối với Bác.

**3. Đánh giá:**

 Như vậy, bằng hàng loạt các hình ảnh ẩn dụ, các từ ngữ chọn lọc và giọng điệu tha thiết, chân thành, 2 khổ thơ đầu của bài thơ “VLB” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn nỗi xúc động nghẹn ngào, lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác. Và cũng qua những vần thơ ấy ta nhận ra Bác vẫn còn mãi trong trái tim của mỗi con người, và của cả dân tộc Việt Nam.

**C. Kết bài**

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN VỀ HAI KHỔ CUỐI( \*)**

**A. Mở bài**

**B. Thân bài**

**1. Khái quát(như đề 1)**

**2. Cảm nhận**

 Ở hai khổ thơ đầu, VP đã giúp người đọc cảm nhận được những nỗi niềm xúc động, lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác. Và tình cảm ấy tiếp tục được thể hiện ở khổ thơ thứ 3:

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

Vào lăng viếng Bác, Viễn Phương đã thực sự xúc động khi được chiêm ngưỡng di hài chủ tịch Hồ Chí Minh. Câu thơ “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên” đã được tác giả sử dụng BPTT **nói giảm nói tránh**. Ông không muốn thừa nhận là Bác đã ra đi mãi mãi, càng không muốn để người đọc cảm thấy đau lòng trước sự thật này. Với VP, sự ra đi của Bác thực sự chỉ là một “giấc ngủ bình yên” giữa một “vầng trăng sáng dịu hiền”. Hình ảnh “vầng trăng” trong khổ thơ này gợi lên cho ta rất nhiều liên tưởng. Hình ảnh ấy khiến ta nghĩ đến một cuộc đời giản dị, trong sáng và lối sống thanh bạch của người. Không chỉ thế, cũng từ hình ảnh ấy, ta còn liên tưởng đến những vần thơ ngập tràn ảnh trăng của Bác. Đột nhiên những câu thơ được Bác viết trong những ngày bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam như lại vang lên trong lòng người đọc:

*“Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”*

 Tuy nhiên đặc biệt hơn cả ở trong khổ thơ này là hình ảnh ẩn dụ “trời xanh”. Đây là một hình ảnh độc đáo và rất giàu ý nghĩa. Nhà thơ mượn hình ảnh “trời xanh” để nói về sự bất tử của Người, để khẳng định bác sẽ luôn còn mãi với non sông, đất nước. Tố Hữu cũng từng có những vần thơ giống như vậy:

*“Bác sống như trời đất của ta*

*Yêu từng ngọn lúa mỗi nhành hoa”*

Như thế có nghĩa là không chỉ với VP mà còn với nhiều nhà thơ khác, và với cả dân tộc thì Bác vẫn còn sống mãi. Biết là thế, nhưng nhà thơ vẫn cảm thấy “nghe nhói ở trong tim”. “Nhói” là động từ diễn tả cảm xúc trực tiếp, “nhói” có nghĩa là đau đớn, quặn thắt đến tột độ. Sự ra đi của Người đã khiến cho nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Miền Nam và VP nói riếng vô cùng sót xa đau đớn. Nghĩ về sự ra đi của Bác, không ít người đã rơi lệ bởi đó là nỗi đau thương mất mát quá lớn của dân tộc VN. Có lẽ cũng vì thế mà có một nhà thơ đã thốt lên rằng:

*“ Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài”*

Có thể thấy rằng khổ thơ thứ 3 đã diễn tả đầy đủ và trọn vẹn nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi được vào lăng viếng Bác và sự đau đớn xót xa khi Bác đã ra đi. Những cảm xúc ấy chính là minh chứng cho lòng yêu mến và sự biết ơn vô hạn của nhà thơ dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN.

**3. Khổ 4**

 Và đến khổ cuối của bài thơ, những tình cảm dành cho Bác lại được thể **hiện thông qua những ước nguyện:**

 *“ Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Khổ thơ thứ tư chính là những cảm xúc luyến thương, bịn rịn của nhà thơ khi nghĩ đến việc ngày mai phải trở về Miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội. Dường như lúc này tình cảm không thể kìm nén được nữa phải thốt ra thành lời. Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” giống như một lời giã biệt- một lời nói giản dị nhưng thiết tha vô cùng. Viễn Phương không muốn rời xa Bác dù là trong phút giây bởi Bác ấm áp, gần gũi và rộng lớn quá. Tuy nhiên, hiện thực chẳng như mong muốn, VP vẫn phải trở về Miền Nam. Không còn cách nào khác, ông chỉ có thể gửi gắm lòng mình bằng ước nguyện hóa thân vào cảnh vật:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Lời thơ cho ta nhận ra BPTT điệp ngữ với điệp từ “muốn” được nhắc lại 3 lần và được đặt ở đầu các câu thơ, và đằng sau đó là những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ. Nhà thơ muốn được làm con chim để hót vui lăng Bác, muốn được làm một đóa hoa để tô điểm hương sắc cho vườn hoa quanh lăng. Lời thơ khiến ta nhớ đến ước nguyện của Thanh Hải trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”

*“Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

Nếu như Thanh Hải muốn hóa thân vào cảnh vật để làm đẹp cho cuộc đời, để cống hiến mùa xuân của cuộc đời mình vào mùa xuân chung của dân tộc thì với VP, ước nguyện hóa thân vào cảnh vật là để được bên Bác suốt đời. Tuy nhiên đặc biệt hơn cả là ước nguyện được làm “cây tre trung hiếu”. Hình ảnh cây tre đã từng xuất hiện ở khổ 1 giờ lại một lần nữa xuất hiện ở khổ cuối thông qua ước nguyện của nhà thơ. Nó tạo ra cái kết cấu đầu cuối tương ứng cho tác phẩm. Nếu như ở khổ 1, cây tre là biểu tượng của con người VN dũng cảm, kiên cường thì ở khổ thơ này, cây tre ấy lại gửi gắm ước nguyện của tác giả. Ồn muốn được làm một cây tre để nhập vào hàng tre bát ngát canh giữ giấc ngủ nghìn thu cho Người. Và phải chăng ước nguyện ấy chính là lời hứa thủy chung với con đường mà Bác đã chọn. Với những ý nghĩa như thế, khổ thơ cuối thực sự đã tạo ra những ấn tượng mạnh mẽ trong lòng bạn đọc

**3. Đánh giá**

 Như vậy, bằng hàng loạt các hình ảnh và từ ngữ chọn lọc và giọng điệu tha thiết, chân thành, 2 khổ thơ cuối của bài thơ “VLB” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn nỗi niềm lưu luyến, bịn rịn của nhà thơ khi sắp phải xa Bác đồng thời thể hiện lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN. Và cũng qua những vần thơ ấy ta nhận ra Bác vẫn còn mãi trong trái tim của mỗi người dân đất Việt.

**C. Kết bài**

Với bài thơ *“Viếng lăng Bác*” Viễn Phương đã đóng góp không nhỏ cho thi ca đề tài về Bác. Dù bao năm qua đi, bài thơ mãi mãi là tác phẩm đầy xúc cảm gửi gắm những giá trị tốt đẹp vĩnh cửu mà nhà thơ và toàn thể dân tộc dành cho Bác. Cảm ơn Viễn Phương đã để lại cho đời một bài thơ hay như thế. Đã hơn 50 năm kể từ ngày Bác đã ra đi vào cõi vĩnh hằng và cũng hơn một thập kỉ Viễn Phương trở nhưng dư âm của bài thơ “*Viếng lăng Bác”*nói chung và hai đoạn thơ trên nói riêng sẽ còn mãi ngân vang trong tâm hồn mỗi người con đất Việt.

**SANG THU**

*( Hữu Thỉnh)*

**Đề1: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” – HỮU THỈNH (\*)**

**A. Mở bài:**

 **Cách 1:** Hữu Thỉnh là một trong những cây bút tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, trưởng thành trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ. Là một nhà thơ quân đội nhưng Hữu Thỉnh rất có duyên nên khi viết về mùa thu. Những trang thơ của Hữu Thỉnh vừa nhẹ nhàng, gần gũi, tinh tế mới lạ, giọng điệu tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh giản dị trong sáng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng. Nên các tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. Bài thơ “ Sang thu” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

**Cách 2**: Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu cũng trở thành đề tài bất tận, nguồn cảm hứng quen thuộc và lâu đời trong các tác phẩm thi ca, nhạc họa. Mùa thu với tiết trời se lạnh, chiếc lá vàng bay dễ khiến lòng người dao động. Vì thế mùa thu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi nhân chắp bút ngợi ca. Vườn thơ thu của dân tộc đã có rất nhiều tác phẩm viết về mùa thu để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên trong đó phải kể đến bài thơ “Sang Thu” của Hữu Thỉnh. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

 **Cách 3**: Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca.Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến, thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và đượm buồn trong thơ Xuân Diệu.Và thật bất ngờ khi ta gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**2. Phân tích bài thơ**

**a. Những tín hiệu giao mùa:**

- “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè vẫn chưa hết mà mùa thu tới có những tín hiệu đầu tiên. Viết về mùa thu các tác giả thường dùng những chất liệu quen thuộc: Sắc vàng của hoa cúc, của lá vàng rơi hay tiếng lá xào xạc của lá ngô đồng, của rặng liễu… Cò riêng Hữu Thỉnh lại đón nhận mùa thu bằng những cảm nhận tinh tế, giản dị:

 *“Bỗng nhận ra hương ổi*

 *Phả vào trong gió se”*

+ Thu của Hữu Thỉnh được bắt đầu bằng một mùi hương quen thuộc phảng phất trong “gió se” - thứ gió khô và se se lạnh, đặc trưng của mùa thu về ở miền Bắc. Đó là “hương ổi” - mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

+ Động từ “Phả” giàu sức gợi cảm, là động từ mạnh diễn tả mùi hương thơm nồng nàn, lan tỏa. Hương ổi “phả” vào trong “gió se” đem đến cho người đọc một sự liên tưởng thú vị: khiến cho hương thơm ấy như sánh lại và đậm đặc hơn. Làn gió heo may đã đưa hương ổi lan tỏa khắp các đường ngõ, thôn xóm. Để rồi ta nhận ra trong gió có mùi thơm hương ổi nồng nàn một tín hiệu rõ nhất báo mùa thơ về.

+ “Hương ổi” gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ. => Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu ( cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết.

=> Kể từ đây tín hiệu chuyển mùa khi thu về không chỉ là sắc lá vàng bay, là hoa cúc vàng nở rộ, là rặng liễu đìu hiu… mà vị sứ giả đầu tiên mang đến mùa thu cho mỗi chúng ta là “hương ổi” một thứ hương quê mộc mạc, dân dã vốn đã rất thân thuộc với mọi người. Ở đây Hữu Thỉnh đã có một hình ảnh, một tứ thơ khá mới mẻ so với thơ văn cổ viết về mùa thu, nhưng lại vô cùng quen thuộc và gần gũi đối với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc mỗi độ thu về.

*Chuyển ý*: Tín hiệu sang thu không chỉ bằng hương ổi, gió se mà còn được gợi ra bằng hình ảnh “sương thu”. Với Hữu Thỉnh sương thu không chỉ đẹp, nhẹ nhàng, mong manh hư ảo mà còn rất con người nó đang ngập ngừng lưu luyến trước bước đi của thời gian:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

 *Hình như thu đã về”*

+ Nhà thơ đã nhân hóa làn sương qua từ láy “chùng chình”. Phép tu từ ấy đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để làn sương mỏng manh ấy như có tâm hồn, có cảm nhận riêng như ai đó đang nửa muốn đi, nửa muốn ở, ngập ngừng vương vấn khi bước chân qua ngưỡng cửa mùa thu. Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ đan xen nhiều cảm xúc.

*\* Liên hệ mở rộng*: Với nhà thơ Nguyễn Du thì mùa thu như khói biếc: *“Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng”.*  Còn nhà thơ Tàn Đà thì sương thu nhẹ nhàng như hơi thở của làn khói: *“ Khói thu xây thành”*

+ Ở đây sương thu của Hữu Thỉnh, không phải là làn sương dày đặc, mịt mù như trong câu ca dao quen thuộc miêu tả cảnh Hồ Tây lúc ban mai *“Mịt mù khói tỏa ngàn sương”,* hay như nhà thơ Quang Dũng đã viết trong bài thơ “Tây Tiến”: *“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”* mà là *“Sương chùng chình qua ngõ*” gợi ra những làn sương mỏng manh, mềm mại, giăng mắc  màn khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên.

- “Ngõ” ở đây vừa là ngõ thực của làng quê, nhưng cũng có thể là con ngõ thong giữa hay mùa hạ và thu chăng? Tâm trạng sang thu hay tâm trạng con người đang lưu luyến đợi chờ , tiếc nuối một điều gì đó trước ngưỡng cửa thời gian.

=> Như vậy tín hiệu chuyển mùa được tác giả cảm nhận bằng tất cả các giác quan: khứu giác ( hương ổi), xúc giác (gió se) rồi đến thị giác (làn sương), tuy vậy trước những tín hiệu ban đầu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa, cảm xúc của nhà thơ còn mơ hồ chưa rõ ràng. Cảm xúc ấy còn được thể hiện qua từ “bỗng” diễn tả tâm trạng bất ngờ như chưa kịp chuẩn bị. Và từ: *“Hình như thu đã về”.* Câu thơ như lời tự hỏi lòng mình là một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng . Từ “Hình như” là sự phỏng đoán nửa tin, nửa ngờ, một tâm trạng mơ hồ, phân vân, không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá.

=> Câu thơ gợi một chút mơ hồ về thời gian rõ nét đồng thời Hữu Thỉnh đã rất tinh tế thể hiện được những cảm nhận về cảm xúc giao mùa của đất trời, của lòng người một cách ngất ngây và say đắm. Phải là một con người có tâm hồn yêu thiên nhiên tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được những tín hiệu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

**Khổ 2. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

*\* Chuyển ý*: Nếu khổ thơ thứ nhất là những cảm nhận về mùa thu còn mơ hồ, chưa rõ nét thì đến khổ thơ thứ hai bức tranh mùa thu đã được hiện hữu rõ ràng, đậm nét qua dấu ấn đổi thay của cảnh vật.Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnhdàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

- Dấu ấn bức tranh mùa thu được tác giả cảm nhận qua 3 nét vẽ cụ thể: với những hình ảnh:*“dòng sông”, “cánh chim”, “đám mây ”.*

- Hình ảnh dòng sông được tác giả miêu tả qua từ láy “dềnh dàng” cùng biện pháp nhân hóa giúp người đọc hình dung trạng thái của dòng sông mùa thu khác hẳn với mùa hạ. Nếu mùa hạ song cuồn cuộn trở nặng phù sa, dữ dội bao nhiêu thì đến mùa thu dòng sông ấy lại trở lên hiền hòa. Nó trôi một cách lững lờ, ung dung, thong thả như đang dạo chơi. Hình ảnh dòng sông gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh mùa thu đã đi qua mùa giông bão. Cái “*dềnh dàng”* của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng của con người như chậm lại, như trễ nải, như ngẫm ngợi nghĩ suy về những trải nghiệm trong cuộc đời.

- Đối lập với hình ảnh hiền hòa, chậm chạp, khoan thai của dòng sông là sự vội vàng của những cánh chim. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Chim là động vật vô cùng nhạy cảm, chúng nhận ra trong gió heo may cái se lạnh của mùa thu đang về và mùa đông đang tới. Vậy nên chúng gấp gáp làm tổ, hối hả tha mồi, tất bật chuẩn bị cho những ngày tháng trú đông an toàn nhất hay sự vội vã của một hành trình về phương Nam trú rét. Nhưng cái tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh lại ở từ “ bắt đầu”. Không phải là những cánh chim đang vội vã mà mới chỉ là bắt đầu. Nhận ra quy luật này chắc hẳn Hữu Thỉnh phải là người rất yêu cuộc sống nên mới có tâm hồn nhạy cảm, mới có thể nghe được, thấy được cái vỗ cánh bắt đầu của những cánh chim, cái cựa mình rất nhẹ của thời gian.

\* Liên hệ mở rộng: Nhà thơ Xuân Diệu từng viết:

*“ Không gian như có dây tơ*

*Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tan”*

- Ấn tượng nhất trong bức tranh mùa thu chính là hình ảnh:

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

- Đây là một hình ảnh thơ sang tạo, một liên tưởng độc đáo, chỉ bằng mười con chữ gói gọn trong hai câu thơ mà người đọc có thể hình dung ra một bàu trời trong veo, những đám mây trắng lững lờ trôi, nắng mùa hạ vẫn còn vương lưng trời, hắt ánh vàng lên đám mây mỏng nhẹ. Thiên nhiên hai mùa như đang trộn lẫn, đang giao hòa trong áng mây bay.

- Động từ “vắt” thể hiện thật tài tình tạo ra nhiều lien tưởng giúp người đọc có thể hình dung những đám mây nhẹ trôi bồng bềnh uốn lượn như dải lụa mà ai đó tung lên trời. Cũng có thể gợi cho ta nghĩ đến cây cầu dải yếm hay cầu Ô Thước trong truyện “ Ngưu Lang, Chức Nữ” bắc trên dải ngân hà… Biết bao liên tưởng thú vị được gợi ra từ hình ảnh đám mây đã trở thành nhịp cầu nối liền hai dải thời gian, nối liền hai bờ không gian và thời gian giữa hạ và thu. Bước qua dải cầu mây mềm mại ấy tức là ta đã bước qua mùa hạ sôi động để sang với mùa thu dịu dàng, quyến rũ.

*\* Liên hệ mở rộng:* Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu:

 *“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt”*

 (Nguyễn Khuyến - “Thu điếu”)

*Hay: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”*

 (Huy Cận - “Tràng giang”)

=> Cài tài của Hữu Thỉnh là ông đã lấy cái thời gian siêu hình của sự vật để miêu tả thời gian định tính của vũ trụ. Dòng sông, cánh chim, đám mây đều được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa, thổi hồn vào sự vật làm cho bức tranh thu trở nên hữu tình và thi vị.

**3. Những suy tư,chiêm nghiệm của nhà thơ:**

*\* Chuyển ý:* Nếu ở hai khổ thơ đầu của bài thơ, dấu hiệu mùa thu đã khá rõ ràng trong không gian  và thời gian, sang khổ cuối vẫn theo dòng cảm xúc ấy, tác giả bộc lộ suy ngẫm của mình về con người, về cuộc đời:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đẵ vơi dần cơn mưa*

*-* Bức tranh phong cảnh lúc giao mùa được tác giả gợi tả bằng những hình ảnh quen thuộc. Bằng giác quan nhạy cảm, tinh tế Hữu Thỉnh đã nghe thấy, nhận thấy và đong đếm được những nắng, những mưa, những âm vang của cuộc sống.

- Hàng loạt những phó từ chỉ mức độ giảm dần như vẫn còn “vơi dần, bớt” để nói về trạng thái đặc điểm của thiên nhiên nắng, mưa, sấm khi sang thu.

- Với một hồn thơ bay bổng, một trái tim nhạy cảm, một giác quan tinh tế Hữu Thỉnh đã cảm nhận trên bầu trời thu nắng hạ vẫn còn nhưng không còn gay gắt, chói chang, đổ lửa như nắng mùa hạ. Mưa mùa hạ vẫn còn nhưng sang thu mật độ thưa hơn, nhẹ hơn, nó không dữ dội như những cơn mưa mùa hạ nữa. Chớm thu sấm màu hạ còn theo bước chân mùa hạ đi vào mùa thu nhưng âm vang giảm hẳn. Sang thu con người, vạn vật dường như đã quen dần với tiếng sấm mùa hạ nên không còn bất ngờ và kinh hãi nữa.

- Hai câu thơ cuối bài lắng xuống với nhiều triết lí sâu xa:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứngtuổi”.*

Hai câu thơ vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa tượng trưng:

+ Tả thực: - Sấm là hiện tượng bất thường của tự nhiên

- Hàng cây đứng tuổi là hàng cây cổ thụ sống lâu năm, hang cây ấy đã trải qua nhiều tác động của tự nhiên trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn.

+ Đồng thời câu thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa:

Sấm và hang cây đứng tuổi là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa sâu xa:

+ “Hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đứng tuổi từng trải. Họ trở lên vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.

=> Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ, chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã “đứng tuổi”. Phải chăng, mùa thu đời người là sự khép lại của những thángngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn…trước những chấn độngcủa cuộc đời.

=> Vậy là “Sang thu” đâu chỉ là sự chuyển giao của đất trời mà còn là sự chuyển giao cuộc đời mỗi con người. Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Chính vì vậy những vần thơ của ông có sức lay động lòng người mãnh liệt hơn.

**3. Đánh giá**

- Bằng biện pháp tu từ nhân hóa, các hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ, bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu,trong sáng nên thơ…ở vùng đông bằng Bắc Bộ để từ đó gửi gắm những suy nghĩ rất sâu sắc về con người và cuộc đời. Đọc “Sang thu”, ta nhận ra ở Hữu Thỉnh là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, là một tâm hồn tinh thế và vô cùng nhạy cảm. Điều đó thật đáng để ta trân trọng.

**C. Kết bài**

 Đã rất nhiều năm trôi qua nhưng đến nay bài thơ “ sang thu” vẫn còn nguyên giá trị. Những khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công ấy cho bài thơ. Bài thơ mang một chút buồn, dịu dàng và lặng lẽ, thiên nhiên và con người cùng một nhịp sang thu. Cảnh thu và tình thu đang lồng vào nhau, thắm thiết và lưu luyến bồi hồi, vừa trang nghiêm, vừa chững chạc. Một mùa thu thật đẹp, lặng lẽ và dịu dàng, gửi gắm vào đó là tình cảm của con người với quê hương, đất nước. Với những giá trị ấy Hữu Thỉnh cùng với “sang thu” sẽ sống mãi trong long bạn đọc hôm nay và mai sau.

**NÓI VỚI CON**

*( Y Phương)*

**Đề 1: Cảm nhận của em về những điều cha nói với con trong đoạn thơ sau: ( \*)**

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

**A. Mở bài:**

**Cách 1:** Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc bài thơ ta cảm nhận được tình cảm thiêng liêng, ấm áp của gia đình và cụ thể hơn đó là tình phụ tử. (Tình cảm ấy được thể hiện rõ nét trong khổ đầu của bài thơ…)

 **Cách 2:** Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đến với bài thơ ( đặc biệt là khổ thơ…) ta hiểu được những lời nhắn nhủ tha thiết của Y Phương với con.

 **B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

-

- Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

- Vị trí đoạn thơ: Khổ thơ trên nằm ở phần đầu của bài thơ, là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.

**2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương**

**a. Nhắc nhở con về cội nguồn gia đình**

- Mở đầu bài thơ, là lời người cha nói với con chính là cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người - tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – đó là tình gia đình:

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếngcười.*

- Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt: “chân phải” - “chân trái”, rồi “một bước” - “hai bước”, rồi lại “tiếng nói” - “tiếng cười”….

- Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi, bốn câu thơ mở ra khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

- Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha.

- Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng. Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy.Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói”, “tiếng cười” của cha, của mẹ.Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từngngày.

=> Tình cha mẹ - con cái thiêng liêng, sâu kín, mối dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy

=> Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động sâu sắc đến độc giả.

**b. Nhắc nhở con về cội nguồn quê hương**

- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho contrưởng thành.

- Quê hương vốn là một khái niệm vô hình nhưng rất đỗi thân thương. Với mỗi người, quê hương hiện lên với những nét khác nhau. Nếu như với Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc, nước gương trong soi tóc những hàng tre”, với Đỗ Trung Quân, “quê hương là chum khế ngọt”, “ là con diều biếc” thì với Y Phương, quê hương chính là người đồng mình, là rừng, là núi:

*Người đồng mình yêu lắm, con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của “người đồng mình”. Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

=> Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “con ơi” khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự khéo léo trong lao động: “Đan lờ cài nan hoa - Vách nhà ken câu hát”. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Những nan nứa, nan tre dưới bàn tay tài hoa của người quê mình đã trở thành “nan hoa”. Vách nhà không chỉ ken bằng tre, gỗ mà còn được ken bằng những câu hát si, hát lượn.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự lạc quan trong cuộc sống: Họ dựng nhà gỗ, tre, nứaVách nhà không chỉ được ken bằng những vật liệu đó, mà còn được ken bằng những câu hát. Câu thơ “ Vách nhà ken câu hát” gợi người đọc hướng tới một điều trong quá trình lao động dựng nhà, dựng cửa người đồng mình luôn cất cao tiếng hát. Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động.

=> Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao?

*\* Chuyển ý*: Quê hương với những con người tài hoa, tâm hồn lãng mạn,cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình.Qua lời của người cha quê hương còn được hiện hữu qua hình ảnh “rừng” và con đường:

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng.*

- Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh *“gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi”,* những bí mật của rừng thiêng… Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh tuý nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực **-** như một đặc điểm của rừng **-** và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một  nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”.

- Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, giành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn vàlối sống.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình”. Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

*\* Chuyển ý:* Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*- “Ngày cưới”* chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. *“Ngày cưới”* là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương*.*

*- “Ngày đầu tiên đẹp nhất”* ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình với con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ, con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hòa vào tình cảm quê hương, đất nước.

 Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đứa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương đã cho con nghĩa tình, đã bao bọc, chở che con ngay từ khi bắt đầu con cất tiếng khóc chào đời. Quê hương và gia đình sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời.

- Theo nhà thơ Y Phương chia sẻ: Tình cảm của những đôi trai gái, của cha mẹ được nảy nở, bắt nguồn từ tình yêu đối với quê hương, tình yêu đối với cuộc sống lao động. Như vậy, nhà thơ quan niệm: Khi con người sống gắn bó với quê hương, với lao động thì con người sẽ tìm được tình yêu, hạnh phúc.

=> Mạch thơ có sự đan xen, mở rộng: từ tình cảm gia đình mà nói tới quê hương.

=> Đoạn thơ vừa là một lời tâm tình ấm áp, vừa là một lời dặn dò đầy tin cậy của người cha trao gửi tới con.

*\* Liên hệ mở rộng:* Tâm sự với con về tình cảm thiêng liêng đó chắc hẳn nhà thơ muốn nhắn nhủ với con rằng: Con hãy yêu gia đình, yêu quê hương mình đừng bao giờ quên cội nguồn sinh dưỡng đó bởi đúng như nhà thơ Đỗ Trung Quân từng viết:

*“ Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người”*

**3. Đánh giá**

 Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình,nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản **-** đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con. Con hãy khắc ghi điều đó. Và sau mỗi lời thơ ấy, người đọc dễ dàng nhận ra được tình yêu thương vô bờ bến mà Y Phương dành cho cô con gái đầu lòng, dành cho Trùng Khánh quê hương ông. Tình cảm đẹp đẽ ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

**Đề 2: Cảm nhận của em về những điều cha nói với con trong đoạn thơ sau: ( \*)**

*“Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.”*

**A.Mở bài:**

**Cách 1:** Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy: ( thơ…)

 **Cách 2:** Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy: ( thơ….)

 **B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

- Vị trí đoạn thơ: Đoạn trích trên nằm ở phần thứ hai và cũng là phần cuối của bài thơ. Là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy

**2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương**

**a. Nhắc lại nội dung đoạn 1**

Ở khổ thơ đầu, bằng những hình ảnh thơ đẹp,giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, Y Phương đã nói với con về cội nguồn sinh dưỡng. Ông muốn nói với con rằng gia đình và quê hương chính là cái nôi đầu tiên của cuộc đời mỗi con người, là nơi ta được lớn lên, được yêu thương che chở. Từ đó lời thơ nhắc nhở người đọc cần biết trân trọng gia đình và quê hương của chính mình.

**b. Nhắc nhở con về những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình**

- Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương,người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.

**Luận điểm 1: Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước ( Giàu ý chí, nghị lực ).**

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Người đồng mình thương lắm con ơi!*

- Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “ Thương lắm con ơi”. Nếu trong khổ thơ trên người đồng mình “yêu lắm con ơi” **-** yêu cuộc sống vui tươi bình dị, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tấm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói với con “thương lắm con ơi” **-** bởi sau từ “thương” đó là những  những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương => Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động, mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chi lớn.*

- Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy sự từng trải (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa. Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ. Qua đó ta thấy rằng người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ. Họ nhẫn nhục chịu đựng nỗi buồn dai dẳng của mảnh đất quê hương. Điều này khẳng định người đồng mình thật can trường, dũng mãnh, không khuất phục trước hoàn cảnh biết vươn lên..

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

**Luận điểm 2: Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.**

*\* Chuyển ý:* Với niềm tự hào về ý chí, nghị lực và truyền thống tốt đẹp của *“ người đồng mình*”, cha mong con luôn sống nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương:

 *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập gềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

- Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ “đá gập gềnh”,“thung nghèo đói” => gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của những người đồng mình

- Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

*\* Chuyển ý*: Đồng thời người cha khuyên con phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống:

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

- Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Người cha khuyên con hãy sống cuộc đời rộng lớn, tự do, khoáng đạt, không thụ động chấp nhận thực tại mà luôn hướng tới tương lai không bao giờ cam chịu cuộc sống nhỏ bé tầm thường. Đã có biết bao nhà thơ, nghệ sĩ viết về vấn đề này.

- Thành ngữ dân gian *“Lên thác xuống ghềnh*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. Cách nói ẩn dụ “*lên thác xuống ghềnh*” kết hợp lời nói mộc mạc thường ngày “*không lo cực nhọc*”, cha khuyên con hãy sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách của cuộc đời, không được chùn bước, nản chí. Nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

=> Cha dặn con điều đầu tiên con phải sống ân nghĩa thủy chung vì đây là nền tảng hình thành nên giá trị một con người.

**Luận điểm 3: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:**

*\* Chuyển ý:* Phẩm chất của những con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

- Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, ngợi ca  những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó.

- Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

- Phẩm chất của con người quê hương được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi. Tuy “*người đồng mình*” không mấy đẹp đẽ ở hình thức *“thô sơ da thịt”* nhưng luôn ẩn chứa một sức mạnh tinh thần lớn lao, không bao giờ nhỏ bé, không bao giờ thôi ước vọng vươn cao. Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “*thô sơ da thịt*” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương.

  *\* Chuyển ý:* Lời cha giản dị, ân cần trang nghiêm, chắc nịch đã giúp đứa con nhận ra rằng chính nhờ  những “*người đồng mình”* như thế, những con người có ước mơ xây dựng quê hương với những truyền thống, phong tục tốt đẹp:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

- Lối nói của Y Phương đậm ngôn ngữ dân tộc - độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

- Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin.

- Câu thơ đã khái quát về **tinh thần tự tôn dân tộc**, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình. “*Đục đá”* là công việc vô cùng nặng nhọc, đòi hỏi phải bền bỉ, nhẫn nại. *“Đục đá”* vào ý thơ đã trở thành hình ảnh sinh động, gợi cảm. Bởi qua ý thơ, hình ảnh ấy giúp ta hình dung hiện thực người dân lao động miền núi bằng khát vọng và ý chí “*đục đá kê cao quê hương”* đã tôn tạo vẻ đẹp văn hóa của dân tộc với bao thiên tai, bão lũ, bao bọn giặc hung tàn để gìn giữ, bảo vệ quê hương của cả dân tộc. Đó là hình ảnh Sơn Tinh (thời Hùng Vương thứ 18) bốc từng quả đồi…, là hình ảnh anh hùng Núp và dân tộc Ba Na anh em đã quyết tâm không khuất phục giặc Pháp bảo vệ cho vùng đất Chư-Lây thân yêu, làm nên chiến tích lịch sử. Cách mạng hào hùng cho quê hương, đất nước…. Hình dung ra điều ấy, ta mới thấy chi tiết “*đục đá kê cao quê hương”* là một hình ảnh ấn tượng, chứa chan niềm tự hào cao độ của nhà thơ đối với dân tộc thân yêu.

*\* Chuyển ý*: Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ béđược*

*Nghe con.*

- Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Nhưng hai tiếng“Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình - quê hương đểbước vào một trang đời mới.

- Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường” có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời,tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.

- Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

**=>** Ca ngợi nhữngđức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.

- Nhịp thơ chậm rãi chân thành, nghe như lời nhắn nhủ tha thiết từ trái tim người cha. Một lần nữa người cha khẳng định người đồng mình “*thô sơ da thịt”,* đó là hình ảnh đáng trân quý và tự hào. Hình ảnh của sự vất vả, lam lũ nơi núi rừng bạt ngàn. Hình ảnh khỏe khoắn, rắn rỏi của người dân lao động miền núi. Vẻ ngoài tuy không đẹp, tuy thô sơ, chân chất mộc mạc nhưng người cha nhắn con hãy nhớ, dù đi đâu, con cũng không bao giờ ngừng nuôi chí lớn, hãy luôn tự hào về quê hương dân tộc, hãy sống với khát vọng và đam mê. Người dân quê ta có thể nhỏ bé về vóc dáng, thô sơ về vóc dáng nhưng khí phách, tinh thần thì thật lớn lao. Sự đối lập giữa hình thể và tâm hồn càng khẳng định niềm tự hào về những con người dân tộc miền núi, càng cho thấy được tình yêu thương, tự hào của người cha dành cho quê hương. Câu cuối *“nghe con”* nghe vừa nhẹ nhàng mà vừa dứt khoát như lời nhắn nhủ và khẳng định: trên đường đời, dù con có đi đâu làm gì cũng hãy tự hào về dân tộc, về những con người của núi rừng, luôn mang trong mình khát khao, nghị lực, khí phách lớn lao.

=> Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa, mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin,nghị lực, ý chí vươn lên.

**3. Đánh giá**

Bằng giọng thơ vừa thiết tha, trìu mến vừa trang nghiêm và các hình ảnh thơ cụ thể, chọn lọc, đoạn thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình. Người đồng minh là những người giàu ý chí nghị lực và niềm tin, luôn thủy chung tình nghĩa, phóng khoáng lãng mạn … Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra tình yêu, niềm tự hào và sự gắn bó sâu nặng của nhà thơ với con người quê hương mình. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI – LÊ MINH KHUÊ**

**Đề 1: Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phương Định đoạn trích sau: (\*)**

“…Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

 Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng…

   Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

   […]

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

 (Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

**A.Mở bài:**

 Đường Trường Sơn- tuyến đường huyết mạch gắn liền với những năm tháng kháng chiến chống Mĩ dữ dội mà hào hùng của dân tộc. Tuyến đường ấy không chỉ in sâu trong kí ức của những người lính bước ra từ chiến tranh mà còn ghi dấu trong nền thơ ca cách mạng với những tác phẩm thơ văn hay, đặc sắc nhất, đó chính là hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật, đó là những cô gái mở đường trong "Khoảng trời, hố bom" của Lâm Thị Mỹ Dạ. Cũng viết về chiến tranh, viết về tuyến đường Trường Sơn lịch sử, Lê Minh Khuê qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã tái hiện đầy chân thực, xúc động về hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong làm công tác trinh sát mặt đường, đo đất đo đá, lấp hố bom để đảm bảo lưu thông cho đoàn xe chi viện.Trong tác phẩm này, có lẽ đoạn trích kể lại một lần phá bom của Phương Định là đoạn trích khiến người đọc ấn tượng nhất

**2. Cảm nhận đoạn trích**

**a.Khái quát về tác phẩm**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.

**b.Cảm nhận về đoạn trích**

 **b.1 Giới thiệu sơ lược về hoàn cảnh sống chiến đấu và công việc của PĐ**

 Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “NNSXX” của LMK. Cô và 2 người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn. Công việc hàng ngày của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Và LMK cũng đã tái hiện lại một cách cụ thể và sinh động một lần Phơng Định phá bom như thế để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp trong tâm hồn cô.

**b.2 Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích đã cho**

**\* Đoạn trích cho thấy Phương Định là một cô gái kiên cường, dũng cảm.**

Đọc đoạn trích này, điều đầu tiên chúng ta nhận ra ở Phương Định là vẻ đẹp của sự kiên cường và lòng dũng cảm. Mặc đù phá bom đã trở thành công việc quen thuộc của cô nhưng là một cô gái trẻ trong khoảnh khắc đối diện với cái chết, cô cũng không tránh được sự sợ hãi. Chính sự sợ hãi ấy đã làm cho các giác quan của cô trẻ nên nhạy bén. Cô cảm nhận được “Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung”. Chi tiết này cho thấy Lê Minh Khuê rất am hiểu tâm lí của con người. Nếu bà để cho Phương Định không có cái cảm giác sợ hãi kia thì có vẻ như không phù hợp với tâm lí của một cô gái trẻ. Để cho Phương Định cũng cảm thấy sợ hãi không chỉ phù hợp với tâm lí con người mà còn làm nổi bật lòng dũng cảm trong cô. Dù sợhãi thế nhưng cô đã dũng cảm để chiến thắng được nỗi sợ hãi của mình và bình tĩnh phá bom. Phá bom là một công việc không hề đơn giản. Cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, chỉ một phúc chậm chễ là có thể mất mạng. Phải thật sự dũng cảm cô mới dám nhận nhiệm vụ ấy. Và cũng vì hiểu được sự nguy hiểm trong công việc của mình nên Phương Định nhanh chóng đào đất phá bom. Có những lúc cô thấy rùng mình vì nghe thấy một tiếng động sắc đến gai người, vì cảm nhận được vỏ quả bom nóng. Thế nhưng bằng sự kiên cường và lòng can đảm của mình cô đã hoàn thành xong công việc. Trong đoạn văn miêu **tả tâm lí của** PĐ khi phá bom nổ chậm, LMK đã sử dụng hàng loạt các câu đặc biệt với nhịp điệu nhanh hơn bình thường. Cách diễn đạt như thế giúp người đọc cảm nhận được cái không khí và cảm giác căng thẳng của PĐ khi thực hiện công việc phá bom nổ chậm. Không khí càng căng thẳng bao nhiêu ta càng nhận ra lòng dũng cảm của cô bấy nhiêu.

 Chưa dừng lại ở đó, tinh thần dũng cảm của Phương Định còn tiếp tục được bộc lộ ở đoạn văn tiếp theo qua suy nghĩ của cô. Phá bom là đối diện với thần chết nhưng Phương Định lại nói “*Tôi cũng nghĩ đến cái chết ,nhưng một cái chết rất mờ nhạt"* .Nhà văn tỏ ra khá am hiểu tâm lí nhận vật .Cô cũng như bao người khác yêu tha thiết cuộc sống này , không phải không nghĩ đến cái chết nhưng một cái chết mờ nhạt ,nghĩa là không đậm nét,không ám ảnh đến nỗi sợ hãi .Bởi đã chấp nhận đi thanh niên xung phong vào Trường Sơn là đi theo một lí tưởng cao đẹp ,sẵn sàng hiến dâng trọn vẹn tuổi thanh xuân của mình cho tổ quốc.

**\*Liên hệ:** Câu nói của Phương ĐỊnh làm ta nhớ đến những ca từ trong bài *Tự nguyện* cảu nhạc sĩ Trương quốc Khánh cũng nói về về lí tưởng sống của tuổi trẻ :

*“Nếu là chim tôi sẽ làm loài bồ câu trắng*

 *Nếu là hoa tôi sẽ làm một đóa hướng dương*

 *Nếu là mây tôi sẽ làm một vầng mây ấm*

 *Là người tôi sẽ chết cho quê hương.”*

Có thể thấy rằng, lẽ sống cống hiến hi sinh vì quê hơng đất nước bao giờ cũng là lẽ sống đẹp. Nó như ánh sáng soi đường để chúng ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, mọi vất vả chông gai để trở thành một người có ích cho cộng đồng, cho xã hội

Quay trở lại với Phương Định sau khi phá bom nổ chậm. Mặc dù đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cô luôn lo lắng “liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai”. Cái suy nghĩ “làm thế nào để châm mìn lần 2” thật đáng để ta cảm phục. **Châm mìn lần 2** còn nguy hiểm hơn gấp ngàn vạn lần so với lần châm mìn thứ nhất. Bởi bom có thể nổ bất cứ lúc nào. Chỉ cái suy nghĩ ấy thôi cũng cho thấy được lòng dũng cảm tuyệt với của cô gái Hà Thành Phương ĐỊnh. Người đọc tự hỏi “Điều gì đã khiến một cô gái trẻ trung, mơ mộng, lãng mạn như PĐ lại trở nên gan dạ, dũng cảm đến thế?” Phải chăng đó chính là tình yêu tổ quôc. Chính lòng yêu nước đã thôi thúc cô vào chiến trường và giờ đây cũng chính tình cảm ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô trở nên mạnh mẽ, kiên cường để hoàn thành nhiệm vu.

**\* Phương Định là một cô gái giàu lòng tự trọng**

Không chỉ dũng cảm, kiên cường, Phương Định còn là một cô gái giàu lòng tự trọng, luôn muốn hình ảnh cảu mình đẹp đẽ trong mắt mọi người nhất là các anh pháo thủ. Cô kể: Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới. Cô không muốn hình ảnh của mình xấu đi trong mắt các chiến sĩ .Dù nguy hiểm hiếm đến đâu cũng không được phép run sợ .Cô tự nhủ với chính mình;" Tôi sẽ không đi khom .các anh ấy không thích cái kiểu đi khom ". Như vậy coi trọng danh dự đã tiếp thêm cho cô nghị lực để cô thực hiện công việc của mình. Nét đẹp ấy của Phương Định thật đáng để ta trân trọng

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng hàng loạt các câu trần thuật đơn, câu rút gọn, câu đặc biệt , nhịp ngắt dồn dập, nghệ thuật độc thoại nội tâm, phân tích tâm lí nhân vật độc đáo, tình huống kịch tính, điểm nhìn của tác giả hòa lẫn vào điểm nhìn tâm trạng của nhân vật để tạo nên không khí căng thẳng, hiểm nguy và khắc họa tâm lí Phương Định. Thông qua đó, ta thấy rõ phẩm chất anh dũng, kiên cường của nhân vật. Đó là phẩm chất tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**C. Kết bài:**

- Đánh giá chung về đoạn trích

- Đoạn trích khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 2: Cảm nhận nhân vật Phương Định trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê. ( \*)**

**A.Mở bài:**

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

Đó là tinh thần của cả thời đại chống Mĩ. Đó là hình ảnh những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn đã đi vào văn chương và trở thành mạch nguồn cảm xúc xuyên suốt văn học một thời. Đó là những người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật; “Mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu; những cô gái mở đường trong “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mĩ Dạ…Cũng được khơi nguồn từ cảm hứng ấy, truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê lại đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái tuổi mười tám, đôi mơi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. In đậm nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, cô thanh niên xung phong, cô “hoa hậu” trong lòng bom đạn – Phương Định.
**B. Thân bài:**
**1. Khái quát ( Dẫn dắt vào bài ):**
- Lê Minh Khuê là nữ nhà văn đã từng có năm tháng tuổi trẻ gắn bó với những con đường Trường Sơn mưa bom, bão đạn, từng chứng kiến, trải qua và chia sẻ những gian khổ, hi sinh của người lính giữa chiến trường. Bởi vậy những trang viết của bà về con người và cuộc sống nơi đây thật chân thực và xúc động vô cùng. Ở “Những ngôi sao xa xôi” cũng vậy, hiện thực cuộc sống giữa chiến trường và hình ảnh những nữ thanh niên xung phong với cuộc sống gian khổ một thời cứ hiện lên sống động sau từng câu chữ.
- Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở “Những ngôi sao xa xôi” là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có tình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong trẻo, giàu mơ mộng, và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhất ở nhân vật Phương Định, và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.

**2.Nhân vật Phương Định**
**2.1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ:**
- Phương Định cùng những người đồng đội của mình ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thần chết luôn rình rập.
- Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.
**2.2. Vẻ đẹp của Phương Định:**
- Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.
**a. Lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dũng cảm:**
- Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được tỏa sáng ở lí tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm, không sợ gian khổ, hi sinh
+ Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, cùng thể hệ của mình “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” để giành độc lập, tự do của Tổ quốc. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước:
“Ôi Tổ quốc!Nếu cần, ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…”.
+ Đối mặt với nguy hiểm, cô và những người đồng đội của mình thật sự là những anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng: “Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ…”. Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thần chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Thật là biết đùa trước gian khó.
+ Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế.
+ Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng nhưng Phương Định vẫn có nét tâm lí rất con gái, cảm giác: “Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình” để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng: “Tôi đến gần quả bom,… tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới”. Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn: “Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, còn cái chính vẫn là: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không?”. Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lòng dũng cảm vô song. Có thể khẳng định rằng: Phương Định và những đồng đội của cô thực sự là những người anh hùng, nhưng là những anh hùng mà không tự biết. Chính điều đó, khiến cho nhân vật Phương Định trở nên đáng mến.
**b. Vẻ đẹp hồn nhiên, mơ mộng, và tinh nghịch của Phương Định:**
- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở Phương Định chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng:
+ Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Cô có một thời học sinh – cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư sống bên mẹ trong một căn buồm nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu, luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.
+ Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc là thở phào chạy vào hàng, là sà ngay vào một thế giới khác – thế giới con gái với những mơ mộng: nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung… Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích Ca-chiu-sa của hồng quân Liên Xô; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình… Thích hát, Phương Định còn bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.
+ Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định đẹp với “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và “đôi mắt nâu nâu dài dài hay nheo lại như chói năng, hay có cái nhìn xa xăm”. Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương, có chút kiêu ngầm khi biết mình được các anh pháo thủ và lái xe thăm hỏi. Cô vui và tự hào về điều đó nhưng không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường rỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngầm ấy ở Phương Định. Đó là cái kiêu ngầm của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp cuộc sống. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.
+ Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ một cơn mưa đá mà bao ngột ngạt, căng thẳng, hiểm nguy của chiến trường tan biến, để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuống cuồng:” Mưa đá!Cha mẹ ơi!Mưa đá!”. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Nhớ rất nhiều: người mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, bà bán kém và đám trẻ háo húc vây quanh; con đường nhựa sau cơn mưa, những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên… Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo; vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hòai niệm làm dịu cơn khát, những cơn khát cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như con mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô thanh niên xung phong, tiếp cho cô sức mạnh, thắp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn, của những ngôi sao xa xôi.
**c. Tình đồng chí, đồng đội nồng ấm:**
- Ở Phương Định nét đẹp còn được ngời sáng trong tình đồng đội thắm thiết. Cô luôn yêu thương trìu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về những chị em ruột thịt. Đó là chị Thao sợ máu và vắt nhưng khi chiến đấu lại rất dũng cảm. Trong cuộc việc, ai cũng gờm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay. “trông nói nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: “moi đất, bế Nho đặt lên đùi”,”rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than”,”tiêm cho Nho” rồi “pha sữa trong cái ca sắt…”. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô “những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”.
=> Tình đồng chí đồng đội của Phương Định thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý! Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

**3.Đánh giá**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được những phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn dài, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường, nhịp kể chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm… Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính- một Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.

- Qua dòng suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Phương Định, cuộc sống chiến đấu của các cô thanh niên xung phong được tái hiện đầy đủ, chân thực và sinh động với vẻ đẹp tỏa sáng. Hình tượng về những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn không hiếm trong văn học chống Mĩ, song với những sáng tạo riêng của mình, Lê Minh Khuê trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, sự hi sinh và rất lạc quan của họ. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thể hệ trẻ Việt Nam đã sống và chiến đấu, hi sinh tuổi thanh xuân của mình cho Tổ quốc thân yêu:

*“Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.
( “Đất nước” – Nguyễn Khoa Điềm).*

**C. Kết bài**
- Đọc truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" khám phá vẻ đẹp nhân vật Phương Định, ta yêu mến, tự hào về các cô thanh niên xung phong, Phương Định, Nho,chị Thao, mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và bao nhiêu cô gái mở đường khác trên tuyến lửa Trường Sơn đã “Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng” (Tố Hữu). Vẻ đẹp của họ mãi mãi tỏa sáng như vì sao lấp lánh trên bầu trời, trong sự cảm phục và lòng biết ơn của cả dân tộc:
“Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng
Những vì sao ngời chói lung linh”
(“Khoảng trời hố bom” – Lâm Thị Mĩ Dạ

**Đề 4: Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đinh trong đoạn văn sau: ( \*)**

 Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không săn sóc, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

**A. Mở bài:**

   Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm.Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận  vẻ đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.

**2.Cảm nhận về đoạn trích**

 **a) Giới thiệu sơ lược về hoàn cảnh sống chiến đấu và công việc của PĐ**

 Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “NNSXX” của LMK. Cô và 2 người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn. Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Và LMK cũng đã tái hiện lại một cách cụ thể và sinh động một lần Phương Định phá bom như thế để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp trong tâm hồn cô.

**b. Cảm nhận về Phương Định trong đoạn trích**

**\*Phương Định là một cô gái trẻ trung xinh đẹp và có chút kiêu kì**

 Ba cô gái Nho, Thao, Phương Định ,mỗi người mỗi vẻ khác nhau,nhưng có lẽ gây ấn tượng mạnh mẽ nhất với bạn đọc chính là nhân vật phương Định. Ấn tượng đầu tiên về nhân vật này **là sự trẻ trung xinh đẹp và có chút kiêu kì**.Cũng như bao cô gái khác,Phương Định ra đi theo tiếng gọi của quê hương đất nước.Vốn sinh ra và lớn lên ở chốn thành đô sầm uất và sôi động giờ đây phải sống và làm việc ở một cao điểm đầy khó khăn và nguy hiểm nhưng PĐ vẫn giữ được vẻ hồn nhiên vui tươi,vẫn luôn chiêm ngưỡng , đánh giá dung nhân của mình và cảm thấy hãnh diện :" Nói một cách khiêm tốn tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mền,một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn " và một đôi mắt luôn nhìn xa xăm . Chỉ vậy thôi cũng đủ cho ta thấy được đó là một cô gái xinh đẹp duyên dáng quyến rũ . Cô gái nào mà chẳng muốn mình xinh đẹp. Và Phương Định tự hào về vẻ đẹp của mình cũng là chuyện hết sức bình thường.Cô tự nhận mình là một cô gái khá rồi cảm thấy thích thú tự hào về điều đó. Và cũng vì xinh đẹp nên cô thường được các anh pháo thủ hỏi thăm hoặc viết thư dài gửi đường dây giống như cách xa hàng nghìn cây số. Tuy nhiên đáp lại sự yêu mến của họ cô thường tỏ ra không vồn vã. Nghe qua ta thấy cô có vẻ kiêu kì nhưng chính điều đó lại tạo nên vẻ riêng đáng yêu cho nhân vật này chứ không hề gây phản cảm.

**\*Phương Định là một cô gái hồn nhiên yêu đời**

 **Không chỉ trẻ trung, xinh đẹp, Phương Định trong đoạn trích này còn là một cô gái hồn nhiên, yêu đời** .Trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh vẫn vang lên tiếng hát của cô . Ta hãy nghe cô tâm sự:"*Tôi mê hát.Thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát .Đôi khi bò ra cười một mình*" .Hình ảnh phương Định hiện lên đáng yêu quá! Sự xuất hiện của cô như làm làm mền hoá cuộc chiến tranh vốn rất khốc liệt này .Cô giống như một ca sĩ kiêm nhạc sĩ giữa đời sống chiến tranh.Cô hát đâu cần đúng nhạc đúng lời mà sao ta vẫn cảm thấy thích thú ,vẫn đắm say bởi đó là tiếng hát từ trái tim của một con người lạc quan yêu đời.Tiếng hát có sức mạnh át đi cả tiếng bom đạn .Tác giả Xuân Giao cũng đã từng viết về hình ảnh cô gái mở đường : *" Đi dưới trời khuya sao đêm lấp lánh*

*Tiếng hát ai vang động cây rừng".* Thế mới biết tuổi trẻ VN thời đánh Mĩ đẹp như thế nào . Họ đi vào chiến tranh mà như đi vào ngày hội.

**\*Phương Định là người có suy nghĩ và quan niệm đẹp**

 Phương Đinh không chỉ có một hình thức đẹp mà cô còn có những suy nghĩ,quan niệm đẹp. Với cô Những người đẹp nhất ,thông minh can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. Như vậy có nghĩa là với cô hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ là hình ảnh là đẹp nhất đẹp đến mức lí tưởng. Cô cho rằng các anh bộ đội là những con người thông minh dũng cảm và cao thượng .Các anh bộ đội trên mũ có ngôi sao hay tâm hồn các anh sáng như những ánh sao? Phương Định yêu cái vẻ đẹp ấy ,cái vẻ đẹp giản dị mà lung linh .Các anh chính là những người đồng chí đồng đội của các cô. Từ suy nghĩ ấy ta càng thêm yêu mến, trân trọng nhân vật này và càng cảm thấy tự hào hơn về về người lính trong hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

**3.Đánh giá**

- Như vậy, bằng hàng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, đoạn trích trên đã giuớ người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Phương Định – một cô gái trẻ trung, yêu đời, hồn nhiên, mơ mộng, lãng mạn…. Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn. Xây dựng nhân vật này, LMK muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước.

**C.Kết bài:**

- Đánh giá chung về đoạn trích

- Đoạn trích khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Đề 3: Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hai nhân vật: anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long) và Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê). (\*)**

**Hướng dẫn làm bài:**

- Nêu vấn đề nghị luận: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và luận đề:

+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

+ Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

*a. Giới thiệu chung (khái quát đề tài hai tác phẩm; tóm tắt sơ lược…)*

+ Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

+ Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

*b. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam được thể hiện qua các nhân vật:*

*- Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:*

+ Trong công việc: anh là một người say mê công việc; có tinh thần trách nhiệm; có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; dũng cảm khi sống đơn độc giữa non xanh; biết lấy công việc làm niềm vui, thực sự hạnh phúc khi hiểu được ý nghĩa công việc của mình à Sống có lí tưởng, hoài bão: sống là để cống hiến, phục vụ cho nhân dân, cho đất nước.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống và làm việc, những công việc của anh thanh niên, những khó khăn vất vả trong công việc và những suy nghĩ đúng đắn tích cực của anh về công việc của mình)

+ Trong cách sống, trong tâm hồn: anh có cuộc sống giản dị, biết tổ chức cuộc sống khoa học, ngăn nắp, sạch sẽ; ham học hỏi, cần cù, chịu khó; giàu tình cảm; sống cởi mở, chân tình; và cũng rất khiêm tốn à Đời sống tâm hồn phong phú, sôi nổi trẻ trung, lạc quan yêu đời.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: về căn nhà của anh ở; việc anh ham đọc sách; trồng hoa, nuôi gà; rất hiếu khách, tiếp đón ông họa sĩ và cô kĩ sư chu đáo, nồng hậu; tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô gái, tặng trứng gà cho ông họa sĩ; lịch sự, khiêm tốn khi ông họa sĩ vẽ mình,…)

*- Nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi:*

+ Trong công việc: hoàn cảnh sống và công việc rất gian khổ, nguy hiểm nhưng cô vẫn tự nguyện, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hi sinh, làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao; đặc biệt trong giờ phút căng thẳng đối diện với cái chết, cô vẫn tỏ ra bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống, làm việc; công việc của Phương Định; chi tiết kể về việc phá bom…)

+ Trong đời sống tâm hồn, tình cảm: dù sống trong hoàn cảnh ác liệt, căng thẳng, dữ dội nhất nhưng cô có một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vô tư, lạc quan, yêu đời; nhạy cảm, giàu mộng mơ; có tình cảm yêu mến, sự cảm phục và sẵn lòng giúp đỡ đồng đội trong tổ, trong đơn vị…

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: Phương Định thích ca hát, hay quan tâm đến hình thức của mình, thích ngắm mình trong gương; hay làm ra vẻ “điệu” khi gặp các anh bộ đội, quan tâm lo lắng khi Nho bị thương; như trẻ con khi nghịch mưa đá, sống lại những kỉ niệm về Hà Nội…)

*- Tổng hợp:*

+ Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

Vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà hai nhà văn muốn khẳng định, ca ngợi.

- Đánh giá nghệ thuật hai tác phẩm (cách kể chuyện, giọng điệu; tình huống; xây dựng nhân vật, miêu tả nội tâm, tính cách; ngôn ngữ…)

**Đề 5: Phân tích nhân vật Phương Đinh qua truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.**

**1. Mở bài**

  Lê Minh Khuê là nhà văn có sở trường về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lý nhân vật phụ nữ. Những tác phẩm của Lê Minh Khuê đều viết về cuộc sống chiến đấu của nữ thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. Một trong những tác phẩm của Lê Minh Khuê để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” truyện viết năm 1971 lúc cuộc chiến kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, truyện viết về ba cô gái tổ trinh sát mặt đường, nổi bật nhất là hình ảnh nhân vật Phương Định với tâm hồn trong sáng, lạc quan, hồn nhiên và dũng cảm trong cuộc sống đầy gian khổ.

**2. Thân bài**

*1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu*

 Phương Định, Nho và chị Thao là một tổ trinh sát mặt đường. Cô cùng đồng đội ở trong một cái hang dưới chân cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nơi tập trung nhất bom đạn sự nguy hiểm và ác liệt. Công việc của cô và đồng đội đặc biệt nguy hiểm: “chạy trên cao điểm cả ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch, sau mỗi trận bom phải lao ra trọng điểm để đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm những quả bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom đó là công việc phải mạo hiểm với cái chết, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

*2. Đặc điểm*

*a . Vẻ đẹp tâm hồn*

 Mặc dù sống ở một nơi khói lửa, bom đạn khốc liệt của chiến tranh, làm công việc nguy hiểm như vậy nhưng không định vẫn gợi lên vẻ đẹp tâm hồn trong sáng. Vẻ đẹp đầu tiên người đọc cảm thấy ở những thanh niên này là sự nhạy cảm và mơ mộng. Phương Định là cô gái Hà Nội còn rất trẻ vào chiến trường đã được ba năm. Cô từng có một thời học sinh thật hồn nhiên vô tư bên người mẹ, một căn buồng nhỏ ở thành phố yên tĩnh trước chiến tranh. Những kỷ niệm ấy luôn sống lại ngay trong chiến trường dữ dội, chỉ một cơn mưa đá vụt qua, sau trận phá bom đầy nguy hiểm đã làm thức dậy trong cô bao kỷ niệm. Cô nhớ về người mẹ, cái cửa sổ căn nhà: “Tôi nhớ một cái gì đấy,hình như là mẹ tôi, cái cửa sổ hoặc là những ngôi sao to trên bầu trời thành phố”, cơn mưa đá bất ngờ đã làm thức dậy những kỉ niệm về thành phố gia đình, về tuổi thơ thanh bình của cô. Những kỷ niệm ấy vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát trong tâm hồn cô trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.

\*.Vào chiến trường đã được ba năm đã quen với thử thách và nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng Phương Định không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai Phương Định vẫn là cô gái hồn nhiên hay mơ mộng và thích hát. Cô đêm cả niềm say mê ca hát và chiến trường khốc liệt: “Tôi mê hát thường cứ thuộc một điệu nào rồi bịa ra lời bài hát”, “ Tôi thích hát những bài hát hành khúc bộ đội, hay hát trên những ngả đường mặt trận…”, “ thích ngồi bó gối mơ mộng và hát”. Dưới cơn mưa đá cô vui thích cuống cuồng, say sưa, tận hưởng cơn mưa đá một cách hồn nhiên, thích thú như chưa từng nghe thấy bom rơi, đạn nổ “Tôi chạy vào bỏ trên bàn tay đang xòe ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra thích thú cuống cuồng”. Đó chính là sự hồn nhiên, trong sáng, đáng yêu của nhân vật Phương Định.

 Ở Phương Định còn có nét điệu đà, hồn nhiên, duyên dáng của một cô gái mới lớn. Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình cô tự đánh giá: “Nói một cách khiêm tốn tôi cũng là một cô gái khá với hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn, còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”. Cô mang một vẻ đẹp nữ tính và có chiều sâu. Chính vì thế cô thích ngắm mình trong gương, cô biết mình được nhiều người để ý, nhất là các anh lính để ý và có thiện cảm điều đó làm cho cô vui và tự hào. Nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai. Nhạy cảm nhưng cô không bộc lộ tình cảm của mình mà tỏ ra kín đáo giữa đám đông như kiêu kỳ: “Tôi không săn sóc vồn vã khi bọn con gái xúm lại nhau đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra khoanh tay trước ngực nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Chính sự kín đáo ấy lại tạo ra sức hút tự nhiên khiến các anh lính trẻ phải tìm đến làm quen qua những lá thư.

 Cũng giống như hai người đồng chí đồng đội, Phương Định yêu mến những người trong tổ và cả đơn vị mình, cô hiểu được sở thích của Nho, đó là Nho thích ăn kẹo khi tắm dưới suối lên. Với chị Thao, Phương Định rất hiểu chị, hiểu nỗi lo lắng của chị, hiểu từng sở thích của chị “chị thích thêu thùa, thích tỉa lông mày”, Phương Định hiểu rằng trong công việc chị rất kiên định, táo bạo. Nhưng trong đời thường chị lại rất sợ máu và vắt. Phương Định luôn khâm phục và nghe lời chị, cô lo lắng và sốt ruột khi Nho và chị Thao đi Trinh Sát chưa về. Khi Nho bị thương Phương Định đã chăm sóc Nho chu đáo như chăm sóc một đứa em, rửa vết thương băng bó sức vết thương, pha sữa cho Nho, đặc biệt cô dành tình yêu và cảm phục cho tất cả những chiến sĩ cô đã có mặt trên trọng điểm, trên con đường ra mặt trận: “Thực tình trong suy nghĩ của tôi những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có một ngôi sao trên mũ” . Chính những tình cảm đó đã khiến cô làm công việc có tinh thần, trách nhiệm hơn, bình tĩnh hơn, đồng thời cũng làm cho người đọc xúc động hơn.

*b. Phẩm chất anh hùng*

 Mặc dù là một cô gái trẻ, mơ mộng, nữ tính nhưng Phương Định lại là một cô gái có phẩm chất anh hùng. Là một nữ sinh Phương Định xung phong ra mặt trận cùng thế hệ của mình “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” để giành độc lập cho tổ quốc. Phương Định là người có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Cô nhận nhiệm vụ phá bom đầy nguy hiểm như một việc làm quen thuộc hàng ngày, khi nói về công việc của mình gọn gàng, nhẹ nhàng như không; “ Công việc của chúng tôi là ngồi đấy khi có bom nổ thì chạy lên” , cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị như một thứ riêng: “Có ở đâu như thế này không, đất bốc khói, không khí bàng hoàng máy bay đang ầm ĩ xa dần.

 Đặc biệt trong cảnh phá bom, Phương định còn thể hiện lên là một cô gái dũng cảm, gan dạ bình tĩnh, tự tin và rất tự trọng. Bởi đó là những bản chất của cô, mặc dù đã quen với công việc phá bom đầy nguy hiểm, thậm chí một ngày phải đến 5 quả bom nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách và kiên với thần kinh cho đến từng cảm giác. Lúc đến gần quả bom: “ Trong không khí vắng lặng đến phât sợ “. Nhưng rồi một cảm giác đến với cô làm cô không sợ nữa, “Cảm giác ánh mắt của các chiến sĩ đang dõi theo mình, tôi không sợ nữa, tôi sẽ không đi khom, các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng bước tới”. Lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi sự tự trọng. Ở trên quả bom kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ từng cảm giác của con người như cũng trở nên sắc nhọn hơn: “Thỉnh thoảng lưỡi xẻng lại chạm vào quả bom. Một tiếng động sắp đến gai người, cứa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm”. Chính vì thế cô tự động viên mình nhanh lên một tí ! vỏ quả bom nóng một dấu hiệu chẳng lành lòng dũng cảm và sự bình tĩnh khiến cô hành động thật mau lẹ và chính xác: “Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn vào cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây min dài, cong, mềm. Tôi khỏa lấp rồi chạy đến chỗ ẩn nấp của mình” và tiếp tục đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom “Tôi lép mình vào bức tường nhìn đồng hồ tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất khiến tôi bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc đồng hồ” . Khi nguy hiểm kể bên cô, cô có nghĩ đến cái chết, nhưng điều ấy chỉ thoảng qua rất mờ nhạt cụ thể: “ Tôi nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể… lần 2” chính suy nghĩ đó khiến cô đứng vững hơn. Như vậy sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm, mơ mộng thành một bản lĩnh dũng cảm, gan dạ. Qua dòng suy nghĩ của Phương Định người đọc không chỉ thấy được sự tỏa sáng của phẩm chất anh hùng mà còn hình dung được thế giới nội tâm phong phú của cô.

**3. Đánh giá**: Phương Định cũng như Nho và chị Thao là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. Phương vịnh tiêu biểu cho hàng bạn thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn chiến đấu hi sinh quên mình, giữ gìn mạch máu giao thông từ hậu Phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn Miền Nam. Cô cùng với những anh giải phóng quân, những anh lái xe, những nữ thanh niên xung phong khác và nhân dân anh hùng làm nên huyền thoại đại thắng mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

**3. Kết bài**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” được trần thuật ở ngôi thứ nhất. người kể chuyện cũng là nhân vật chính đã tạo ra một điểm nhìn phù hợp để miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. Ngòi bút của Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực, sinh động tâm lí nhân vật, làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú nhưng trong sáng, không phức tạp. Nhân vật Phương Định hiện lên là một cô gái có tâm hồn trong sáng, mơ mộng đẩy dũng cảm. Chúng ta luôn tự hào về những chiến sĩ những thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn như Phương Định và đồng đội của cô. Chúng ta cần yêu mến, tự hào về họ bao nhiêu, thế hệ trẻ chúng ta cần phải kế thừa phát huy truyền thống cách mạng của cha anh.

**Đề 6: Phân tích nhân vật Phương đinh trong đoạn trích sau : "Cây.............."** Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã đi qua….. nhưng ánh sáng chói lọi của nó vẫn luôn tồn tại cùng với lịch sử dân tộc ta qua các tác phẩm văn học như « Khoảng trời hố bom. » , « bài thơ về tiểu đội xe không kính » ….. Và có những con người bình dị, đã làm nên cuộc kháng chiến ấy, đó là những người lính, những cô thanh niên xung phong, những chiến sĩ vô danh…. « Những ngôi sao xa xôi » viết về những con người như vậy. Ba cô gái thanh niên họp thành một tổ trinh sát mặt đường….

Họ đã sống và chết./ Giản dị và bình tâm/ Không ai nhớ mặt đặt tên/ Nhưng họ đã làm nên đất nước(Ngã ba Đồng Lộc.) Để lại trong lòng người đọc niềm cảm phục mến yêu nhất là nhân vật Phương Định . Cô hiện lên thật dũng cảm, gan dạ trong một lần phá bom.

Đoạn trích trên được trích trong văn bản "NNSXX' của le Minh Khuê , viết năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống mĩ đang diễn ra âc liệt . Đoạn trích đã kể về 1 lần phá bom của PĐ và đồng đội , DT càng làm nổi bật hơn những phẩm chất cao đẹp của cô.

Hoàn cảnh sống và chiến đấu của PĐ hết sức nguy hiểm .Phương Định cùng với đồng đội ở trong một hang dưới chân một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, tức là ở nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt, từng ngày, từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc : đường bị đánh « lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn » tưởng như sự sống bị huỷ diệt : « không có lá xanh » hai bên đường, « thân cây bị tước khô cháy »…Những cây rễ nằm lăn lóc, ngổn ngang những hòn đá to…. han rỉ trong lòng đất ». =>Quả là một hiện thực khô khốc đầy mùi chiến tranh, nó không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy tử thần luôn rình rậpCông việc trinh sát, phá bom lại càng đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức. Mặc dù vậy PĐịnh là cô gái hồn nhiên, ngây thơ, tinh nghịch. - Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Phương Định có một thời học sinh- cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư lự của cô thật vui sướng ! Những hoài niệm của cô về thời học sinh thật đáng yêu  luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường. - Những thử thách và nguy hiểm ở chiến trường, thậm chí cả cái chết không làm mất đi ở cô sự hồn nhiên trong sáng và những ước mơ về tương lai. Phương Định vẫn là người con gái nhậy cảm, hồn nhiên, hay mơ mộng và thích hát.đem cả lòng say mê ca hát vào chiến trường TS ác liệt. + Phương Định là một cô gái xinh xắn. Cũng như các cô gái mới lớn, cô nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Chiến trường khốc liệt nhưng không đốt cháy nổi tâm hồn nhạu cảm của cô. Cô luôn yêu mến đồng đội của mình, yêu mến và cảm phục tất cả các chiến sĩ mà cô gặp trên truyến đường Trường Sơn .  ***tình thần dũng cảm, gan dạ đầy nguy hiểm***.của Phương Định trong 1 lần phá bom». Giản dị mà cũng thật anh hùng. Chiến tranh và đạn bom đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết. Thật đáng phục ! Lúc đến gần quả bom : Trong không khí căng thẳng và vắng lặng đến rợn người, nhưng rồi một cảm giác bỗng đến với cô làm cô không sợ nữa : « tôi đến gần quả bom . Cảm thấy ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới ». Lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi sự tự trọng. + Và khi đã ở bên quả bom, ». Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất đầu nàycó vẽ hai vòng tròn màu vàng . Thần chết đang đợi chờ. Vỏ quả bom nóng kề sát với cái chết có thể đến tức khắc, từng cảm giác của cô như cũng trở nên sắc nhọn hơn và căng như dây đàn : « thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành ». Thần chết nằm chực ở đó chờ phút ra tay. Cô phải nhanh hơn, mạnh hơn nó, không được phép chậm chễ một giây. - Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Thật đáng sợ cái công việc chọc giận Thần Chết đó. Ai dám chắc là quả bom sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương định đang lúi húi đào đào, bới bới ấy. Thế mà cô vẫn không run tây, vẫn tiếp tục cái công việc đáng sợ : « tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mình xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình : Chỉ có chiếc đồng hồ : « Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng đè lên những con số vĩnh cửu…PĐ có nghí tới cái chết nhưng là một cái chết mờ nhạt :  liệu mìn có nổ, bom có nổ không ? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai..Với cô hoàn thành nhiệm vụ quan trọng hơn tính mạng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. « Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thanh trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu ». Bốn quả bom đã nổ. . Bom nổ váng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm vào môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết…Thắng rồi ! - Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đến hàng ngày : « Quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. » =>Cảm xúc và suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm yêu mến và sự kính phục. Một cô nữ sinh nhỏ bé, hồn nhiên, giàu mơ mộng và nhạy cảm mà cũng thật anh hùng, thật xứng đáng với những kì tích khắc nghi trên những tuyến đường TS bi tráng. Một ngày trong những năm tháng TS của cô là như vậy. Những trang lịch sử TS không thể quên ghi một ngày như thế.

Phải nói rằng trong đoạn văn tả cảnh phá bom trên cao điểm, Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực để tái hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm ,ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ nội tâm một cách sâu sắc.Nghệ thuật xây dựng nhân vật chủ yếu là miêu tả tâm lí. Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện. Câu văn ngắn, nhiều câu đặc biệt nhịp nhanh tạo được không hkí căng thẳng, khốc liệt,hiểm nguy của chiến tranh Đoạn văn đã dựng nên một tượng đài về khí phách anh hùng lẫm liệt của Định Cô là ngôi sao xa xôi sáng nhất ngời lên những sắc xanh trong khói lửa đạn bom. Chiến công thầm lặng của cô và đồng đội bất tử với năm tháng và lòng người